PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẠO
PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THÔNG
(Đồng chủ biên)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN CẤP THIẾT LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN
Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
TRẦN THỊ THANH PHIỆT
ThS. NGUYỄN TRƯỜNG TAM
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Đọc sách mẫu: BAN SÁCH KINH TẾ
BÍCH LIỄU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: ...2021/CXBIPH/..-../CTQG.
Số quyết định xuất bản: ..-QĐ/NXBCTQG, ngày ../../2021.
Nộp lưu chiểu: tháng .. năm 2021.
Mã ISBN: 978-604-57-....-...

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN
CẤP THIẾT LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẠO
PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THÔNG
(Đồng chủ biên)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN CẤP THIẾT LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2018

Cuốn sách được hình thành trên cơ sở chọn lọc
các bài viết thuộc Đề tài ***"Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết phục vụ trực tiếp cho yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong giai đoạn 2016-2021"***, Mã số: KX.04.30/16-20,
do PGS.TS. Nguyễn Văn Thạo làm chủ nhiệm.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hơn 30 năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Tư duy, nhận thức lý luận của Đảng trong từng lĩnh vực có sự đổi mới, phát triển mạnh mẽ; quan điểm về phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước cũng có những bước tiến lớn đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn đất nước... Kết quả đổi mới, sự phát triển tư duy, nhận thức lý luận đó là cơ sở khoa học cho việc hình thành, phát triển quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, xây dựng hệ thống pháp luật của Nhà nước ngày càng hoàn thiện. Đây là những nhân tố cơ bản, quan trọng nhất để đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Những thành tựu và bài học kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn đã tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để đất nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình đất nước và thế giới hiện nay, bên cạnh những kết quả đổi mới, phát triển tư duy, nhận thức lý luận đã đạt được, vẫn còn không ít vấn đề nhận thức lý luận chậm được làm rõ, hoặc chưa thống nhất; nhiều vấn đề mới đặt ra chưa được nghiên cứu, giải đáp có sức thuyết phục, nhất là trong các lĩnh vực về kinh tế và xây dựng, chỉnh đốn Đảng như: kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế tri thức trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và tăng cường quản lý phát triển xã hội; đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;... Những vấn đề nêu trên đòi hỏi phải được tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết, làm sáng tỏ, nhằm làm cho nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước ngày càng hoàn thiện, sâu sắc, soi đường cho hoạt động thực tiễn kịp thời, có hiệu quả, đưa đất nước ta phát triển nhanh và bền vững hơn.

Nhằm giúp bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu, tham khảo về vấn đề nêu trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Một số vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết liên quan trực tiếp đến đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước*** do PGS.TS. Nguyễn Văn Thạo - Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương và PGS.TS. Nguyễn Viết Thông - Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương làm đồng chủ biên.

Kết cấu nội dung cuốn sách gồm bốn phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề lý luận chung về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước;

Phần thứ hai: Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và quản lý của Nhà nước;

Phần thứ ba: Thực tiễn đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước ở Việt Nam;

Phần thứ tư: Định hướng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Chủ đề của cuốn sách hàm chứa nội dung rộng lớn và phức tạp, nhiều nhận xét, kiến nghị nêu trong cuốn sách có giá trị tham khảo tốt, song cũng có ý kiến, nhận xét, kiến nghị cần được tiếp tục nghiên cứu, trao đổi và thảo luận thêm. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tôn trọng ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học, đồng thời mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CẤP THIẾT LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC HIỆN NAY[1]

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẠO*

Trong hơn 30 năm đổi mới (1986-2018), tư duy, nhận thức của Đảng về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đã có sự đổi mới, phát triển mạnh mẽ, được thể hiện trong Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011), Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị các nhiệm kỳ. Những kết quả đổi mới, phát triển tư duy, nhận thức đó là cơ sở cho việc hình thành, phát triển quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, là cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, xây dựng, bổ sung hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước ngày càng hoàn thiện, nâng

---

1. Báo cáo đề dẫn hội thảo của Đề tài KX.04-30/16-20.

* Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

cao năng lực, vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Đây là những nhân tố cơ bản, quan trọng nhất để đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kéo dài nhiều năm, thoát khỏi tình trạng nước nghèo và kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp, đời sống nhân dân được cải thiện, quan hệ quốc tế được mở rộng, uy tín, vị thế của đất nước trong khu vực và trên thế giới được nâng cao, tăng thêm thế và lực của đất nước; tạo tiền đề, điều kiện để đất nước tiếp tục phát triển trong những năm tới.

Là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo mọi mặt hoạt động của đất nước chủ yếu thông qua Nhà nước và bằng Nhà nước. Quan điểm, đường lối của Đảng được thể chế hóa thành chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo khung khổ pháp luật, tạo động lực và định hướng hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội, của toàn dân để thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng. Vì vậy, nội dung lãnh đạo của Đảng và nội dung quản lý của Nhà nước là thống nhất. Qua hơn 30 năm đổi mới, để thực hiện mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (hay nói gọn hơn là để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hai mục tiêu này có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau), những nội dung lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đã được nhận thức ngày càng rõ, đầy đủ hơn. Cương lĩnh của Đảng đã xác định rõ những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, những phương hướng cơ bản cần phải thực hiện, những quan hệ lớn cần

phải giải quyết[1]. Những phương hướng, nhiệm vụ này được cụ thể hóa, bổ sung, phát triển trong Văn kiện Đại hội Đảng, các nghị quyết của Trung ương trong những nhiệm kỳ qua. Cùng với nội dung lãnh đạo của Đảng, quản lý của

---

1. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: (1) dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; (2) do nhân dân làm chủ; (3) có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; (4) có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (5) con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; (6) các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; (7) có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; (8) có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Các phương hướng cơ bản cần thực hiện: (1) đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; (2) phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (4) bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; (5) thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; (6) xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; (7) xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; (8) xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Những mối quan hệ lớn phải giải quyết: (1) quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; (2) giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (3) giữa tuân theo các quy luật của thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; (5) giữa Nhà nước và thị trường; (6) giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (7) giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; (8) giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (9) giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Nhà nước, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước trong hơn 30 năm đổi mới cũng không ngừng được đổi mới, hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu lãnh đạo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa[1].

Tuy nhiên, khi nhìn lại 30 năm đổi mới Đại hội XII của Đảng (tháng 01-2016) đánh giá: những thành tựu đạt được còn chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu của đất nước. Sự phát triển của đất nước chưa bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc nảy sinh chưa được giải quyết có hiệu quả. Những nguy cơ mà nhiều Đại hội Đảng đã chỉ ra vẫn tồn tại, có mặt còn diễn biến phức tạp hơn. Nguyên nhân của tình hình này có nhiều, cả khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan, trong đó, có nguyên nhân từ việc tổ chức thực hiện, nhưng cũng có nguyên nhân là một số vấn đề nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nhất là những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra chưa được làm rõ để cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

---

1. Phương thức lãnh đạo của Đảng được xác định: (1) là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội; (2) Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; (3) Đảng lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; (4) Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ...; (5) Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị...

Trên cơ sở những nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn được nêu trong các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học, Ban Chủ nhiệm Đề tài KX.04-30/16-20 đề xuất một số vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết liên quan đến nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước cần được tập trung nghiên cứu. *Trước hết, về nội dung lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước*, chúng tôi xin nêu những vấn đề lớn trong hai lĩnh vực kinh tế và xây dựng Đảng, hai lĩnh vực được xem là trọng tâm và then chốt trong lãnh đạo của Đảng hiện nay.

Trong lĩnh vực kinh tế, sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước nhiều năm qua đã tập trung vào hai nội dung lớn là xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa để nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; vừa xây dựng, phát triển lực lượng sản xuất, vừa xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiên tiến, phù hợp để thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và bảo đảm nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong những năm qua, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói chung và việc xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng, cũng như nhận thức về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã đạt được những kết quả to lớn; tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết đặt ra phải nghiên cứu, cần có câu trả lời, như:

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là nền kinh tế nhiều thành phần, có nhiều hình thức sở hữu, hình thức tổ chức kinh doanh; các chủ thể

thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Nhưng đồng thời, kinh tế nhà nước lại được xác định là giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Vậy, hiểu thế nào là chủ đạo? Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo có mâu thuẫn với các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật không? Làm sao nâng cao được hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng các nguồn lực kinh tế của Nhà nước nói chung (vốn, đất đai, tài nguyên...)? Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; khuyến khích thu hút, phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Vậy, các thành phần kinh tế, các hình thức sở hữu, các hình thức phân phối này sẽ vận động, phát triển, biến đổi thế nào trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, để không trở thành lực cản hay làm chệch hướng đối với định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế?

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vừa tuân theo đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm các yếu tố định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, gắn kết chặt chẽ sự phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường được xem là những yếu

tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Nhưng, vai trò, chức năng, mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội thế nào để vừa tạo được động lực mạnh mẽ, vừa điều tiết, định hướng có hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế, từ các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các cơ quan nghiên cứu, các đơn vị sự nghiệp, các hiệp hội nghề nghiệp đến người lao động, người tiêu dùng trong xã hội? Làm sao để huy động, phân bổ hợp lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; thúc đẩy việc đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế? Làm sao để phát huy được mặt tích cực, ngăn ngừa, khắc phục được những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, để gắn kết chặt chẽ được sự phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; phát triển bao trùm, bền vững, như mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đề ra?

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được Đảng, Nhà nước xác định là một trong những đột phá chiến lược cần phải tập trung thực hiện. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn hạn chế. Rất nhiều lĩnh vực hiện nay gặp khó khăn, vướng mắc, cản trở về thể chế, cần phải được tháo gỡ. Làm sao thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp và pháp luật để quyền sở hữu tài sản được bảo vệ, được đưa vào giao dịch phục vụ sự phát triển? Hoàn thiện thể chế làm sao để quản lý, khai thác, phân bổ hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực, cả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực, tài sản xã hội; đặc biệt là

các nguồn lực, tài sản công của Nhà nước, như: đất đai, tài nguyên thiên nhiên, các nguồn vốn của Nhà nước, khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí, thất thoát lớn gây bức xúc xã hội trong các lĩnh vực này? Hoàn thiện thể chế làm sao để tạo môi trường thật sự công khai, minh bạch, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng theo pháp luật cho mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế?; để thúc đẩy việc cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế?; để xây dựng được nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế? Hoàn thiện thể chế thế nào để phát triển, vận hành thông suốt các loại thị trường trong nước và gắn kết với thị trường quốc tế; đồng thời bảo đảm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo vệ chủ quyền kinh tế đất nước, bảo vệ người tiêu dùng?, v.v..

- Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội đã được xem là nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và được xác định là phương hướng đầu tiên trong tám phương hướng cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội được nêu trong Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng. Văn kiện Đại hội Đảng, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương ở nhiều nhiệm kỳ đã đề ra nhiều quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện chủ trương quan trọng này. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn rất hạn chế, mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại mà nhiều Đại hội Đảng liên tục đề ra chưa đạt được. Rất nhiều vấn đề

lý luận và thực tiễn đặt ra cần phải được nghiên cứu, tổng kết, như: Thế nào là một nước công nghiệp hiện đại hay một nước công nghiệp theo hướng hiện đại trong thời đại ngày nay? Những tiêu chí cơ bản để xác định một nước công nghiệp hiện đại hay một nước công nghiệp theo hướng hiện đại là gì? Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và trong bối cảnh trên thế giới cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, một nước mới ở thời kỳ cách mạng công nghiệp 2.0 theo chuẩn mực và phân loại quốc tế, phải làm gì, làm như thế nào để rút ngắn khoảng cách phát triển, tiến tới đuổi kịp các nước tiên tiến? Làm gì và làm như thế nào để có thể tham gia, có vai trò trong các chuỗi giá trị toàn cầu những sản phẩm quan trọng của các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới? Đâu là những ngành, lĩnh vực, sản phẩm mà Việt Nam có lợi thế, có khả năng cạnh tranh cần được ưu tiên, khuyến khích, tập trung phát triển?

Cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng là một yêu cầu lớn, cấp bách đã được Đảng, Nhà nước ta đề ra từ 1-2 nhiệm kỳ Đại hội Đảng gần đây; do mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, mà nền kinh tế nước ta thực hiện nhiều năm qua đạt được tốc độ tăng trưởng cao trên cơ sở tăng sử dụng các yếu tố đầu vào (đất đai, tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, năng lực, vốn và lực lượng lao động) nhưng năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, đã trở thành trở ngại cản trở sự phát triển của đất nước, phải chuyển sang mô hình tăng trưởng mới, chủ yếu là tăng trưởng theo chiều sâu dựa trên đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực có chất

lượng cao để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Nhưng kết quả cơ cấu lại, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế đạt được cũng rất hạn chế, còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải có câu trả lời, như: để tái cơ cấu nền nông nghiệp hiện nay, phát triển nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, cần thiết phải làm rõ tính tất yếu, những đặc điểm (hay tính đặc thù) trong quá trình đi lên sản xuất lớn, công nghệ cao của nông nghiệp; phải giải quyết được vấn đề tích tụ, tập trung ruộng đất, phát triển những hình thức tổ chức sản xuất lớn trong nông nghiệp như trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp; ứng dụng tiến bộ khoa học -công nghệ vào sản xuất, tổ chức chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường thế giới. Để cơ cấu lại nền công nghiệp, phải làm sao lựa chọn và có chiến lược đúng đắn, tập trung nguồn lực, phát triển những ngành công nghiệp nền tảng tạo nên sức mạnh, độc lập, tự chủ của một đất nước trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 (giảm dần những hoạt động chỉ thuần tuý gia công, lắp ráp, sử dụng lao động phổ thông, giá rẻ), để có thể tham gia và khẳng định được vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu nhiều sản phẩm công nghệ cao, quan trọng...

Trong lĩnh vực xây dựng Đảng, lĩnh vực được xác định là nhiệm vụ then chốt để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cũng đặt ra nhiều vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết phải được giải quyết, như:

- Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được xác định là nền tảng tư tưởng của Đảng, là cơ sở để Đảng xây dựng Cương lĩnh, mục tiêu, nguyên tắc tổ chức hoạt

động của Đảng, nhiệm vụ, nội dung lãnh đạo của Đảng trong từng thời kỳ. Nhưng ngày nay, trong bối cảnh mới của thời đại, xuất hiện nhiều hiện tượng mới, quá trình mới và trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đang bị các lực lượng thù địch tấn công, phê phán, bôi nhọ, phủ định, bác bỏ. Yêu cầu nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn của đất nước, của thời đại để bảo vệ, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là hết sức cấp thiết, hết sức quan trọng.

- Cùng với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, một trong những nhiệm vụ xây dựng Đảng mà Đảng phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hiện nay là làm rõ vì sao, nguyên nhân gì dẫn đến tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thiếu gương mẫu, vi phạm kỷ luật đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quan liêu, tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, "lợi ích nhóm", "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên nghiêm trọng như hiện nay? Phải làm gì, làm thế nào để đấu tranh ngăn chặn, tạo chuyển biến căn bản, đẩy lùi tình trạng này, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh?

- Nhiều mặt rất cơ bản trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, như: công tác tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, công tác dân vận, công tác phát triển Đảng..., mặc dù đã được quan tâm nghiên cứu, tổng kết, rất nhiều tìm tòi, đổi mới đã được thực hiện, nhưng chất lượng của các hoạt động này vẫn còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết đòi hỏi phải được giải đáp, như: vì sao đã có rất nhiều quy định, quy chế, quy

trình nhưng vẫn không quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên, không đánh giá đúng cán bộ, thực hiện đúng quy trình nhưng lựa chọn để bổ nhiệm, đề bạt không đúng cán bộ? Vì sao đã được Đảng giáo dục, rèn luyện, đã có nhiều quy định của Đảng về trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, nhưng nhiều cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vẫn quan liêu, hách dịch, vô cảm, vô trách nhiệm với người dân? Vì sao nhiều cán bộ sai phạm nghiêm trọng, kéo dài, nhưng chậm được phát hiện, nhất là rất ít khi do tổ chức cơ sở đảng nơi cán bộ đó sinh hoạt phát hiện và ngay cả khi được phát hiện thì xử lý kỷ luật và thay thế cán bộ đó cũng rất khó khăn, kéo dài? Làm thế nào để đẩy lùi, ngăn chặn được những tiêu cực này? Làm sao để nhân dân tham gia có hiệu quả vào những công tác này của Đảng...

- Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, làm thế nào phát huy được dân chủ thật sự trong Đảng để sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng, tự phê bình và phê bình trong Đảng, việc thực hiện các quy trình, quy chế trong Đảng không phải là hình thức? Làm thế nào kiểm soát được quyền lực trong Đảng, nhất là của người đứng đầu cấp ủy các cấp để quyền lực Đảng giao cho được sử dụng đúng đắn, phục vụ lợi ích của Đảng, của nhân dân, của đất nước không vì lợi ích cá nhân?...

Thứ hai, về phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước cũng còn nhiều vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết đặt ra đòi hỏi phải được nghiên cứu, tổng kết để có câu trả lời, như:

- Vấn đề phương thức cầm quyền của Đảng. Cần phải tiếp tục làm rõ mối quan hệ giữa lãnh đạo và cầm quyền, phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền; cần làm rõ

phương thức cầm quyền của Đảng trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, công nghệ số, internet kết nối vạn vật. Làm sao để bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với mọi vấn đề quan trọng của đất nước, của xã hội, không buông lỏng lãnh đạo, nhưng không làm thay Nhà nước, không biến quyền lực chính trị của Đảng thành quyền lực nhà nước, không làm ảnh hưởng tới hiệu lực, hiệu quả quản lý bằng pháp luật của Nhà nước, để thật sự Đảng hoạt động trong khung khổ Hiến pháp và pháp luật? Liên quan đến vấn đề này, nhiều vấn đề cụ thể thực tiễn đặt ra cần phải nghiên cứu, tổng kết, như: người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng nên hay không nên đồng thời là người đứng đầu chính quyền, cơ quan nhà nước cùng cấp? nên hay không nên hợp nhất một số cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy đảng và cơ quan tham mưu, quản lý của Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ như nhau thành "một nhà hai cửa"? Việc cấp ủy đảng giới thiệu cán bộ, đảng viên của Đảng để các cơ quan nhà nước bầu vào các chức danh lãnh đạo của mình nên theo quy trình nào: "Đảng cử, dân bầu", hay "dân bầu, Đảng cử" để chọn đúng người có đức, có tài, có uy tín?...

- Để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đòi hỏi phải giải quyết được mối quan hệ giữa bảo đảm nguyên tắc lãnh đạo tập thể và việc nâng cao trách nhiệm của cá nhân, nhất là cá nhân người đứng đầu; phải làm rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, mối quan hệ giữa các cấp ủy, tổ chức đảng ở từng cấp, nhất là của Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng, Đảng ủy trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội. Để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đòi

hỏi phải đổi mới đồng bộ từ cách xây dựng, ban hành, phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện, đến việc đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tất cả những vấn đề trên đòi hỏi phải nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để tìm câu trả lời.

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

GS.TS. DƯƠNG XUÂN NGỌC*

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền

1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng Cộng sản cầm quyền

Vào thời kỳ của C. Mác và Ph. Ăngghen, do giai cấp vô sản trong thực tế chưa giành được chính quyền, chưa có một nhà nước của mình, nên các ông chưa có điều kiện đề cập đến và có những quan điểm cụ thể về vấn đề Đảng Cộng sản cầm quyền. C. Mác và Ph. Ăngghen chủ yếu mới đề cập đến vấn đề đấu tranh giai cấp trong các xã hội có giai cấp tất yếu sẽ dẫn đến việc hình thành các đảng chính trị và các đảng chính trị đó sẽ đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Khi bàn về Đảng Cộng sản, các ông mới đề cập đến một số phương diện sau:

---

* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Về tính tất yếu ra đời của Đảng Cộng sản, các ông xác định: để bảo đảm thắng lợi của cách mạng xã hội và giành được mục đích cuối cùng của nó là thủ tiêu các giai cấp, giai cấp công nhân phải được tổ chức thành một chính đảng độc lập: "Trong cuộc đấu tranh của mình chống quyền lực liên hợp của các giai cấp hữu sản, giai cấp công nhân, chỉ khi được tổ chức thành một chính đảng độc lập với tất cả các chính đảng cũ do các giai cấp hữu sản lập nên, thì mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp.

Việc tổ chức như vậy giai cấp công nhân thành một chính đảng là cần thiết để bảo đảm thắng lợi của cách mạng xã hội và giành được mục đích cuối cùng của nó là thủ tiêu các giai cấp"[1].

- Về tính tiên phong của Đảng Cộng sản, các ông khẳng định: Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác. Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản. Họ chiến đấu cho những mục đích và những lợi ích trước mắt của giai cấp vô sản, nhưng đồng thời trong phong trào hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của phong trào[2].

- Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản:

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, Đảng Cộng sản chỉ có thể phát triển vững mạnh khi dựa trên những *nguyên tắc tổ chức và hoạt động* dưới đây. Điều này cũng được hiểu như phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản:

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr.203.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.614-615.

(1) Đảng phải *kết hợp lý luận tiên phong với thực tiễn phong trào công nhân*, phong trào cách mạng. Về thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất luôn thúc đẩy phong trào tiến lên; về lý luận, họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả của phong trào.

(2) Đảng phải là *tổ chức độc lập* với tất cả các đảng khác: "... chừng nào giai cấp vô sản càng trưởng thành để có thể tự giải phóng mình thì họ sẽ tự tổ chức thành một đảng riêng biệt"[1]; "... chính đảng công nhân không được theo đuôi chính đảng tư sản này hoặc kia mà phải trở thành một đảng độc lập có mục đích của mình, chính sách của mình"[2].

(3) *Hợp tác và đoàn kết quốc tế*: "Hội liên hiệp được thành lập để làm trung tâm liên lạc và hợp tác giữa các đoàn thể công nhân tồn tại ở các nước và theo đuổi cùng một mục đích là bảo vệ, phát triển và giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân"[3].

(4) *Liên minh công nông* là cơ sở chính trị cơ bản và quan trọng nhất của Đảng. Để thực hiện cuộc đấu tranh cách mạng tiến tới giành chính quyền, cần thiết lập khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Để có thể giành và giữ được chính quyền, giai cấp vô sản thành thị phải liên minh với giai cấp nông dân, nếu không "bài ca" của giai cấp vô sản sẽ trở thành "bài ca ai điếu".

(5) *Thống nhất giữa tính dân tộc và tính quốc tế* là một trong những nguyên tắc tổ chức và hành động của Đảng:

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.257.

2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.552, 584.

"... giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc,... Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ"[1]. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo.

Vậy là, khi nói nội dung lãnh đạo của Đảng Cộng sản (chủ yếu chưa phải Đảng cầm quyền), C. Mác và Ph. Ăngghen mới đề cập đến lãnh đạo chính trị. Còn khi nói về phương thức lãnh đạo, các ông đề cập đến năm phương thức: Phải *kết hợp lý luận tiên phong với thực tiễn phong trào công nhân;* phải là *tổ chức độc lập* với tất cả các đảng khác; phải *hợp tác và đoàn kết quốc tế*; phải xây dựng *liên minh công nông* là cơ sở chính trị cơ bản và quan trọng nhất của Đảng; phải *thống nhất giữa tính dân tộc và tính quốc tế*. Bằng các phương thức này để lãnh đạo chính trị trong cuộc đấu tranh chung chống bọn tư bản và bọn địa chủ, và chống sự thống trị giai cấp của bọn chúng được tổ chức thành nhà nước.

Phát triển tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về Đảng Cộng sản, V.I. Lênin đã xây dựng *lý luận đảng kiểu mới, trong đó có nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền*. Theo V.I. Lênin, *Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân* là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân: "Công cuộc giải phóng giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của chính bản thân những người công nhân...; trong tất cả các nước, chỉ có sự kết hợp giữa chủ

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.623-624.

nghĩa xã hội với phong trào công nhân mới xây dựng được một cơ sở vững chắc cho cả hai. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy lại là một sản phẩm của lịch sử, lại được thực hiện bằng những con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian"[1]. Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân là một Đảng tiên phong về lý luận. Khi thành lập Đảng, V.I. Lênin đặc biệt nhấn mạnh vai trò của lý luận cách mạng: "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng"[2]; và "... *chỉ đảng nào được một lý luận tiền phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiền phong*"[3].

Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân gồm đội ngũ những người hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. V.I. Lênin viết: "Và tôi khẳng định rằng: 1) không một phong trào cách mạng nào mà lại vững chắc được nếu không có một tổ chức ổn định và duy trì được tính liên tục gồm những người lãnh đạo; 2) càng có đông đảo quần chúng được thu hút tự phát vào cuộc đấu tranh, tạo thành cơ sở cho phong trào và tham gia phong trào, thì càng cấp thiết phải có một tổ chức như thế và tổ chức ấy lại càng phải vững chắc...; 3) một tổ chức như thế thì chủ yếu phải gồm những người lấy hoạt động cách mạng làm nghề nghiệp của mình; 4) trong một nước chuyên chế, chúng ta càng *thu hẹp* số người của tổ chức ấy lại đến mức chỉ nhận vào tổ chức những người cách mạng chuyên nghiệp đã từng được rèn luyện về nghệ thuật chống bọn cảnh sát chính trị thì một tổ chức như thế càng khó bị "tóm"; và 5) số công nhân và những phần tử của các giai cấp

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1974, t.4, tr.470-471.

2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1975, t.6, tr.30, 32.

xã hội khác có thể tham gia phong trào và công tác tích cực trong phong trào, sẽ *càng đông*"[1]. Hơn nữa, V.I. Lênin còn chỉ rõ: Để giành quyền thống trị, nhất thiết giai cấp lãnh đạo phải đào tạo được lãnh tụ chính trị có đủ năng lực tổ chức và lãnh đạo phong trào: "Trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiền phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào"[2].

Chính trị là một lĩnh vực phức tạp, đòi hỏi giai cấp vô sản muốn thắng giai cấp tư sản thì phải đào tạo lấy "những nhà chính trị giai cấp" thực sự của mình có trí tuệ, năng lực và sáng tạo. V.I. Lênin nêu rõ: "Chính trị là một khoa học và một nghệ thuật không phải từ trên trời rơi xuống, mà đòi hỏi một sự cố gắng, rằng giai cấp vô sản muốn thắng giai cấp tư sản thì phải đào tạo lấy "những nhà chính trị giai cấp" *thực sự của mình,* những nhà chính trị vô sản và không thua kém các nhà chính trị của giai cấp tư sản"[3].

Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân là đội ngũ tiên tiến của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức công nhân. Là đội ngũ tiên tiến, hoạt động của Đảng phải giúp sức cho cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân. Nhiệm vụ của Đảng phải là: giúp đỡ phát triển ý thức giai cấp công nhân; giúp đỡ tổ chức công nhân lại; giúp đỡ chỉ ra mục đích chân chính của cuộc đấu tranh, đó là cuộc đấu tranh chính trị, tìm cách ảnh hưởng đến công việc nhà nước, đến việc quản lý nhà nước,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.158-159.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.473.
3. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t.41, tr.80-81.

đến việc ban hành các đạo luật...; "Trong lĩnh vực chính trị cũng thế: hiển nhiên là tư tưởng chung về đấu tranh chính trị thì chỉ có công nhân có tri thức mới tiếp thu được, còn quần chúng thì đi theo..."[1]. Hơn thế nữa, Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân không chỉ là đội tiên phong lãnh đạo giai cấp công nhân, mà còn lãnh đạo giai cấp nông dân và toàn dân để thực hiện chủ nghĩa xã hội. "Lãnh đạo toàn dân, và đặc biệt là lãnh đạo nông dân để giành lấy tự do hoàn toàn, để thực hiện một cuộc cách mạng dân chủ triệt để, để thiết lập chế độ cộng hòa"[2].

V.I. Lênin khẳng định Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân là một chính đảng mang tính chất quốc tế. "Đảng dân chủ - xã hội Nga tự coi mình là một đội ngũ của đạo quân vô sản toàn thế giới, là một bộ phận của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế"[3]. Đảng thống nhất về tư tưởng và tổ chức: "Trước hết, cần phải xây dựng sự thống nhất vững chắc về mặt tư tưởng, loại trừ những sự bất đồng ý kiến và sự mơ hồ về tư tưởng hiện đang - ta cứ việc nói thẳng! - ngự trị trong hàng ngũ những người dân chủ - xã hội Nga; phải lấy cương lĩnh của đảng để củng cố sự thống nhất tư tưởng ấy. Thứ nữa, phải xây dựng một tổ chức chuyên trách giữ vững mối liên hệ giữa tất cả các trung tâm của phong trào, cung cấp kịp thời những tin tức đầy đủ về phong trào đó và cung cấp đều đặn báo chí định kỳ cho tất cả các địa phương ở nước Nga. Chỉ khi nào đã xây dựng được một tổ chức như vậy, chỉ khi nào lập được một bưu vụ xã hội chủ nghĩa ở nước Nga, thì

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.400.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t.11, tr.133.
3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.261.

khi ấy sự tồn tại của đảng mới được bảo đảm và đảng mới trở thành một sự thật hiện thực và do đó, cũng trở thành một lực lượng chính trị hùng mạnh”[1]. V.I. Lênin kêu gọi: “... hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, và chúng tôi sẽ đảo ngược nước Nga lên!”[2].

Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng vô sản kiểu mới, V.I. Lênin khẳng định đó là nguyên tắc tập trung dân chủ, bởi trước hết, Đảng phải được tổ chức và hoạt động tập trung thống nhất. Cần thống nhất cơ quan ngôn luận Trung ương với Ban Chấp hành Trung ương; Ban Chấp hành Trung ương phải lãnh đạo tất cả mọi mặt của phong trào địa phương và quản lý tất cả các cơ quan ở địa phương, nhân lực và vật lực của Đảng... Tổ chức và hoạt động của Đảng được thực hiện theo nguyên tắc tập trung và phân cấp trách nhiệm. Nếu trong việc lãnh đạo phong trào và cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản về mặt tư tưởng và thực tiễn cần có chế độ tập trung càng mạnh càng tốt, thì về phương diện làm cho Trung ương Đảng nắm lấy tình hình phong trào, về phương diện trách nhiệm trước Đảng, cần có chế độ phân cấp càng rộng rãi càng tốt... Chế độ phân cấp ấy là điều kiện cần thiết của chế độ tập trung cách mạng và là *vật bổ sung tất yếu của nó*[3].

Tiếp theo nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng phải thực hiện lấy tự phê bình và phê bình là nguyên tắc xây dựng và phát triển. Đó là “... một việc tuyệt đối cần thiết cho hết thảy

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.453.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.162.

3. Xem V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t.7, tr.23-24.

mọi chính đảng sống và đầy sức sống"[1]. Thống nhất hành động và tự do thảo luận, phê bình có quan hệ mật thiết với nhau: "*Thống nhất hành động, tự do thảo luận và phê bình*, đó là định nghĩa của chúng ta"[2]. Tự phê bình và phê bình được V.I. Lênin đặc biệt nhấn mạnh trong thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế. Tự phê bình và phê bình để thấy sai lầm và sửa chữa sai lầm có quan hệ đến sự tồn vong của các đảng. V.I. Lênin cảnh báo: "Tất cả những đảng cách mạng đã bị tiêu vong cho tới nay, đều bị tiêu vong vì tự cao tự đại, vì không biết nhìn rõ cái gì tạo nên sức mạnh của mình, và vì sợ sệt không dám nói lên những nhược điểm của mình. Còn chúng ta, chúng ta sẽ không bị tiêu vong, vì chúng ta không sợ nói lên những nhược điểm của chúng ta, và những nhược điểm đó, chúng ta sẽ học được cách khắc phục"[3].

Đồng thời, theo V.I. Lênin, Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân có quan hệ mật thiết với quần chúng nhân dân. "Muốn phục vụ quần chúng và đại biểu cho lợi ích được nhận thức một cách đúng đắn của *họ*, thì đội tiên phong, tức là tổ chức, phải tiến hành toàn bộ hoạt động của mình trong quần chúng, vừa thu hút ở trong quần chúng tất cả mọi lực lượng ưu tú nhất, không trừ một lực lượng nào, vừa kiểm tra trên mỗi bước đi, một cách cẩn thận và khách quan, xem mối liên hệ với quần chúng có được giữ vững không, mối liên hệ đó có mật thiết không. Như thế, và *chỉ có* như thế, đội tiên phong mới giáo dục và giác ngộ được quần chúng, đồng thời đại biểu cho những lợi ích của *họ*, dạy cho họ biết tổ chức lại, hướng

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t.10, tr.395.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t.14, tr.163.
3. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t.45, tr.141.

toàn bộ hoạt động của quần chúng đi theo một đường lối chính trị giai cấp tự giác”[1].

Từ lý luận về Đảng vô sản kiểu mới, V.I. Lênin cũng chỉ rõ những vấn đề lý luận quan trọng về Đảng cầm quyền.

Ngay từ trước Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917), V.I. Lênin đã cho rằng, Đảng Bônsêvích Nga “bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng đứng ra nắm toàn bộ chính quyền”. Trong thời kỳ lãnh đạo giành chính quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, V.I. Lênin đã nhiều lần sử dụng trong các bài nói, bài viết của mình các thuật ngữ, khái niệm như “đảng cầm quyền”, “đảng chấp chính”, “đảng nắm chính quyền”, “đảng lãnh đạo”... Theo V.I. Lênin, Đảng cầm quyền có nghĩa là Đảng lãnh đạo Nhà nước hay Đảng lãnh đạo Nhà nước khi đã cầm quyền. V.I. Lênin khẳng định, ở nước Nga “chỉ có một đảng cầm quyền duy nhất đang lãnh đạo”[2].

Trong các luận điểm về Đảng Cộng sản cầm quyền, V.I. Lênin đã đề cập đến nhiều vấn đề về sự cầm quyền của Đảng, trong đó cốt lõi là nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản đối với Nhà nước và xã hội. Đảng Cộng sản lãnh đạo Nhà nước chính là nói lên các đặc điểm mang tính bản chất của nền chuyên chính vô sản. Trong nền chuyên chính vô sản, Nhà nước phải chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Khi trở thành Đảng cầm quyền, vấn đề quan trọng trước hết là phải phân định chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng với chức năng, nhiệm vụ quản lý của Nhà nước. Sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Đảng Cộng sản

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980, t.24, tr.51.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.45, tr.136.

Nga đã lãnh đạo bộ máy chính quyền xôviết thực hiện công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng chế độ xã hội mới, V.I. Lênin chỉ rõ, chừng nào mà Ban Chấp hành Trung ương Đảng và toàn Đảng còn tiếp tục làm công tác quản lý hành chính, nghĩa là quản lý nhà nước, thì Đảng không thể gọi là người lãnh đạo được. Tại Đại hội XI, Đảng Cộng sản Nga (tháng 4-1922), đánh giá về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước khi đó, V.I. Lênin viết rằng: "Giữa đảng và các cơ quan xôviết, hiện đã có những quan hệ không đúng;... Phải chấm dứt tình trạng là bất kỳ vấn đề vụn vặt nào cũng đưa ra trước Ban chấp hành trung ương, mà phải nâng cao uy quyền của Hội đồng bộ trưởng dân uỷ..."[1]. Từ đó, V.I. Lênin khẳng định: "Nếu cứ lãnh đạo đảng bằng cách đó, thì chúng ta nhất định đi tới chỗ diệt vong... rằng cần phải phân rõ chức năng quyền hạn của bộ máy của đảng và của bộ máy của các xôviết"[2]. Để khắc phục sự lẫn lộn, chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan đảng và nhà nước, theo V.I. Lênin: "... cần phân định một cách rõ ràng hơn nữa những nhiệm vụ của đảng (và của Ban chấp hành trung ương của nó) với nhiệm vụ của Chính quyền xôviết; tăng thêm trách nhiệm và tính chủ động cho các cán bộ xôviết và các cơ quan xôviết, còn về đảng thì dành quyền lãnh đạo chung công tác của tất cả các cơ quan nhà nước gộp chung lại, mà không can thiệp một cách quá thường xuyên, không chính quy và thường là nhỏ nhặt, như hiện nay"[3].

Như vậy, V.I. Lênin đã khẳng định rất rõ vai trò cầm quyền, lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Lãnh đạo là

1, 2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.45, tr.136-137, 145-146, 75.

công việc có những cách thức khác với quản lý. Quản lý của Nhà nước mang tính chất hành chính, có lúc cần thiết phải sử dụng cả sự cưỡng bức, còn lãnh đạo không thể có cưỡng bức. Lãnh đạo của Đảng cần đến uy tín và có sức thuyết phục cao, từ đó trong quá trình Đảng cầm quyền, cần phân định rõ chức năng, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Công đoàn. Trong nền chuyên chính vô sản, Nhà nước phải chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. V.I. Lênin đã viết: "Thực hiện nền chuyên chính, là do giai cấp vô sản được tổ chức trong các Xôviết và chịu sự lãnh đạo của Đảng cộng sản bônsêvích..."[1]. Chỉ có Đảng Cộng sản lãnh đạo, Nhà nước mới đáp ứng đúng mục tiêu của Đảng là xây dựng được một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Chừng nào mà Ban Chấp hành Trung ương Đảng và toàn Đảng còn tiếp tục làm công tác quản lý hành chính, nghĩa là quản lý nhà nước, thì Đảng không thể gọi là người lãnh đạo được. V.I. Lênin cũng chỉ ra rằng, Đảng Cộng sản (b) Nga cầm quyền tức là Đảng không chỉ lãnh đạo Nhà nước mà là lãnh đạo cả xã hội, và *việc nhất thể hóa* một số bộ phận hoặc cán bộ lãnh đạo của Đảng và chính quyền sẽ không ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của cả Đảng và chính quyền: "Tuy tất cả chúng ta đều biết rằng với tư cách là đảng chấp chính, chúng ta không thể không nhập các "cao cấp" của chính quyền với các "cao cấp" của đảng làm một, - chúng ta đang làm như vậy và sẽ tiếp tục làm như vậy..."[2]. Theo V.I. Lênin, điều quan trọng là phải nhận thức sâu sắc rằng, đảng có chức năng lãnh đạo, còn Nhà nước có chức năng là quản lý hành chính. V.I. Lênin chỉ rõ: "Nhà nước là

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.41, tr.37.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t.43, tr.17.

lĩnh vực thực hành cưỡng bức. Chỉ có điên rồ mới từ bỏ cưỡng bức, nhất là trong thời đại chuyên chính vô sản. Dùng "mệnh lệnh hành chính" và đứng trên quan điểm hành chính để giải quyết vấn đề ở đây là tuyệt đối cần thiết. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, đội tiên phong trực tiếp nắm chính quyền, đó là người lãnh đạo. Khai trừ ra khỏi đảng chứ không phải cưỡng bức, chính là phương pháp hành động đặc biệt đối với đội tiên phong để làm cho đội đó được trong sạch và rèn luyện nó. Công đoàn là bể chứa chính quyền nhà nước, là trường học chủ nghĩa cộng sản, là trường học quản lý kinh tế"[1].

Về nội dung lãnh đạo của Đảng cầm quyền, theo V.I. Lênin, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện trước hết ở nội dung lãnh đạo. Sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Đảng Cộng sản Nga đã lãnh đạo tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền xôviết. Những nội dung lãnh đạo của Đảng đã có những điểm mới so với trước đó, tức là chuyển trọng tâm từ việc lãnh đạo giành chính quyền về tay giai cấp vô sản sang trọng tâm thực hiện công cuộc khôi phục phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Điều đó cho thấy, nội dung lãnh đạo của Đảng khi đã nắm chính quyền có những điểm khác so với nội dung lãnh đạo khi Đảng chưa nắm được chính quyền. Chỉ khi Đảng nắm được chính quyền, những nội dung lãnh đạo mới được hiểu và biểu hiện là những nội dung cầm quyền.

Nội dung lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện chủ yếu và trước hết ở việc *Đảng xác định các mục tiêu mang*

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t.42, tr.369.

tính chất định hướng trong các chủ trương, đường lối, cương lĩnh, nghị quyết của mình. Mục tiêu, lý tưởng của Đảng cũng chính là mục tiêu xác định cho Nhà nước phải đạt tới, vì lợi ích của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động. Mục tiêu được phân ra theo các góc độ khác nhau như: mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn; mục tiêu tổng quát và mục tiêu riêng biệt đối với từng lĩnh vực nào đó.

Mục tiêu lâu dài bao gồm những tiêu chí mà sự lãnh đạo của Đảng cần phải đạt sau một thời gian dài. Điều đó cũng có nghĩa là cương lĩnh của Đảng đòi hỏi phải có tầm nhìn xa trông rộng. Các mục tiêu hay những định hướng đường lối, chủ trương đó của Đảng cần phải được xây dựng một cách khoa học, tức là phải tuân theo những quy luật khách quan và xuất phát từ thực tiễn để bảo đảm sự đúng đắn của chúng.

Trong các chủ trương, đường lối, cương lĩnh, nghị quyết của mình, Đảng còn phải xác định cả những nhiệm vụ cho Đảng và Nhà nước. Có nhiệm vụ lâu dài, nhiệm vụ trước mắt trong các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. Trong tác phẩm "Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xôviết" viết vào tháng 4-1918, V.I. Lênin cho rằng, sau khi Đảng Cộng sản đã nắm được chính quyền thì "... nhiệm vụ tổ chức *quản lý* nước Nga - hiện đang được đề ra trước mắt chúng ta, đó là nhiệm vụ trước mắt..., nhiệm vụ quản lý đã trở thành nhiệm vụ chủ yếu và trung tâm. Chúng ta, đảng bônsêvích, chúng ta *đã thuyết phục được* nước Nga. Chúng ta đã *giành được* nước Nga... Bây giờ, chúng ta phải *quản lý* nước Nga. Và toàn bộ đặc điểm của tình thế hiện thời, tất cả sự khó khăn là ở chỗ phải hiểu rõ *những đặc điểm của bước chuyển* từ nhiệm vụ chủ yếu là thuyết phục nhân dân và dùng lực

lượng quân sự trấn áp bọn bóc lột, sang nhiệm vụ chủ yếu là *quản lý*"[1].

Theo quan điểm của V.I. Lênin, trong nội dung lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, *Đảng cần định ra các phương hướng, nhiệm vụ chung về các mặt và nguyên tắc chung về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước,* không nên đề ra các nhiệm vụ quá chi tiết, nội dung giải quyết các công việc quá cụ thể...

Khi trở thành Đảng cầm quyền, người cộng sản phải học tập cách thức quản lý phát triển kinh tế, bởi theo V.I. Lênin, cái còn thiếu của những người cộng sản sau khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền là kinh nghiệm quản lý kinh tế.

Theo V.I. Lênin, Đảng Cộng sản cầm quyền theo những nội dung sau:

- *Thứ nhất, Đảng xác định các mục tiêu mang tính chất định hướng của Đảng trong các chủ trương, đường lối, cương lĩnh, nghị quyết của mình.* Mục tiêu nói chung và mục tiêu lâu dài nói riêng của Đảng được xác định trong các cương lĩnh, nghị quyết của Đảng tại các kỳ đại hội. Các mục tiêu hay những định hướng, đường lối, chủ trương của Đảng đó rất cần phải được xây dựng một cách khoa học, tức là phải tuân theo những quy luật khách quan và xuất phát từ thực tiễn để bảo đảm sự đúng đắn của chúng. V.I. Lênin nêu rõ: "Nhiệm vụ thứ nhất của bất cứ một chính đảng nào có trọng trách đối với tương lai là thuyết phục cho đa số nhân dân thấy được sự đúng đắn của cương lĩnh và sách lược của mình"[2].

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t.36, tr.209, 208.

- *Thứ hai, trong các chủ trương, đường lối, cương lĩnh, nghị quyết của mình, Đảng còn phải xác định cả những nhiệm vụ cho Đảng và Nhà nước.* Có nhiệm vụ lâu dài, nhiệm vụ trước mắt trong các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. "Nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu đã được đề ra trong cương lĩnh của đảng ta, coi đó là một công tác rất lâu dài"[1].

- *Thứ ba, việc xác định các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước cần phải có sự định hướng vào các nhiệm vụ cấp thiết và mấu chốt.* Các nhiệm vụ chủ yếu bao gồm: Công tác tư tưởng, xây dựng bộ máy nhà nước và các tổ chức quần chúng; công tác xây dựng Đảng, trong đó đặc biệt vấn đề tổ chức cán bộ và kiểm tra của Đảng; nhiệm vụ trong các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nhiệm vụ kinh tế phải luôn được coi trọng và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội: "... trong nước ta, công tác kinh tế phải là sự nghiệp chung của tất cả mọi người. Đối với chúng ta, đó là hoạt động chính trị có ý nghĩa nhất"[2]. Theo quan điểm của V.I. Lênin, trong nội dung lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Đảng không nên đề ra các nhiệm vụ quá chi tiết, nội dung giải quyết các công việc quá cụ thể. Đảng cần *định ra các phương hướng, nhiệm vụ chung về các mặt và nguyên tắc chung về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước.*

Về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản, V.I. Lênin chỉ rõ:

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.43, tr.58, 396-397.

- *Thứ nhất, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng việc đề ra các chủ trương, đường lối, cương lĩnh, chỉ thị, nghị quyết của Đảng:* "Trong nước cộng hòa của chúng ta, không có một vấn đề chính trị hay tổ chức quan trọng nào do một cơ quan nhà nước giải quyết mà lại không có chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng"[1].

Tại Đại hội X Đảng Cộng sản (b) Nga, V.I. Lênin cũng chỉ rõ: "Nhiệm vụ của chúng ta chỉ là định những đường lối nguyên tắc và nêu ra khẩu hiệu. Đảng ta là một đảng cầm quyền và những quyết định do đại hội của đảng thông qua là những điều mà toàn nước Cộng hòa phải tuân theo..."[2].

- *Thứ hai, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội thông qua tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng trong bộ máy nhà nước.* Theo V.I. Lênin, đây là một trong các phương thức lãnh đạo cơ bản, thể hiện như một trọng trách của Đảng cầm quyền: "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga phải tham gia các Xôviết đại biểu công nhân phi đảng bằng cách lập ra những nhóm đảng viên hết sức mạnh trong mỗi Xôviết và làm cho hoạt động của những nhóm này liên hệ chặt chẽ với hoạt động chung của đảng"[3]. Chỉ có thông qua đội ngũ đảng viên của Đảng cầm quyền trong bộ máy nhà nước, mọi hoạt động của Nhà nước mới bảo đảm theo đúng mục tiêu của Đảng đã vạch ra. Những cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước phải hoạt động làm sao bảo đảm vừa với tư cách là người đại diện cho Đảng, vừa với tư cách là người đại biểu của dân, tức người đại diện cho chính quyền.

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.41, tr.38.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.43, tr.74.
3. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t.12, tr.272.

Theo quan điểm của V.I. Lênin, đây là một trong các phương thức lãnh đạo cơ bản, thể hiện như một trọng trách của Đảng cầm quyền. Tại Đại hội VIII các Xôviết toàn Nga (tháng 2-1920), V.I. Lênin cũng viết rằng: "Chừng nào một đảng cầm quyền còn quản lý, chừng nào đảng ấy còn phải giải quyết tất cả mọi vấn đề về những sự bổ nhiệm khác nhau, thì anh không thể để có tình trạng là việc bổ nhiệm các chức vụ nhà nước quan trọng nhất lại do một đảng không lãnh đạo tiến hành"[1].

- *Thứ ba, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng công tác kiểm tra.*

Kiểm tra được coi là công việc *mấu chốt* trong lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. V.I. Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh: điểm trung tâm của công tác tổ chức là việc chọn người, giao việc và kiểm tra hiệu quả chấp hành. V.I. Lênin còn chỉ thị: Hãy dành thời gian để tiến hành kiểm tra công việc, kiểm tra công tác, "*Kiểm tra nhân viên công tác và kiểm tra việc chấp hành thực tế công tác* - mấu chốt của toàn bộ công tác, của toàn bộ chính sách hiện nay là ở đấy, vẫn ở đấy và chỉ có ở đấy"[2].

Thông qua công tác kiểm tra mà phát hiện, sáng tạo ra cái mới, cái tốt hơn, đề ra nội dung và phương thức lãnh đạo sát hợp hơn với thực tiễn cuộc sống.

Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng công tác kiểm tra, song để kiểm tra trong lãnh đạo bảo đảm có hiệu quả, Đảng cần phải biết cách kiểm tra, trong đó đặc biệt lưu ý đến

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.42, tr.204-205.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.45, tr.19.

việc lôi cuốn quần chúng nhân dân vào công việc kiểm tra: "... Mà phải kiểm tra công việc của hàng chục, hàng trăm người phụ giúp, tổ chức kiểm tra công việc của họ từ dưới lên, nghĩa là tổ chức sự kiểm tra của quần chúng chân chính"[1]. Do vậy, Đảng cần phải thường xuyên tổ chức cho quần chúng nhân dân thực hiện công việc kiểm tra, tham gia đóng góp phê bình, kiểm soát hoạt động của các cơ quan và cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước.

- *Thứ tư, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội thông qua công tác vận động quần chúng nhân dân tham gia quản lý nhà nước.* Theo V.I. Lênin, "Chỉ có người nào tin tưởng vào nhân dân, dấn mình vào nguồn sáng tạo sinh động của nhân dân, mới là người chiến thắng và giữ được chính quyền"[2]. Để vận động, lôi cuốn quần chúng nhân dân tham gia vào các công việc quản lý nhà nước, V.I. Lênin còn cho rằng, Đảng cần phải sử dụng phương thức thuyết phục là chính: "Dù thế nào đi nữa thì trước hết chúng ta cũng phải thuyết phục rồi sau mới cưỡng bức. Chúng ta đã không biết thuyết phục quảng đại quần chúng và chúng ta đã phá rối mối quan hệ đúng đắn giữa đội tiền phong và quần chúng"[3]. Hơn nữa, để lôi cuốn được quần chúng nhân dân tham gia vào quản lý nhà nước, chấp hành các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng cần phải lấy những thực tế sinh động, những tấm gương điển hình trong cuộc sống mà thuyết phục. V.I. Lênin chỉ rõ: "... đảng làm được công tác tuyên truyền của mình bằng hành động thực tế hơn là bằng lời nói suông. Vì hiện giờ, bất luận đối

---

1, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.43, tr.293, 65.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1976, t.35, tr.68-69.

với công nhân hay nông dân, các đồng chí không thể lấy những lời nói suông mà thuyết phục họ được, mà phải lấy thực tế mới thuyết phục nổi họ”[1].

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản: nội dung, phương thức lãnh đạo

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, muốn làm cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng, Đảng có vững cách mạng mới thành công. Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa chân chính làm cốt, chủ nghĩa như trí khôn của người, như la bàn của con tàu. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Muốn vậy, Đảng phải trong sạch, vững mạnh về mọi mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, kiên định mục tiêu, lý tưởng; có đường lối cách mạng đúng đắn; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành tự phê bình và phê bình; thực sự đoàn kết nhất trí; mỗi đảng viên phải không ngừng rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thật sự xứng đáng là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, xứng đáng với niềm tin yêu của quần chúng nhân dân.

Về bản chất của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Người xác định: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.42, tr.45.

Việt Nam"[1]. Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, mục tiêu của Đảng là chủ nghĩa cộng sản.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định mục tiêu đấu tranh của Đảng là lãnh đạo nhân dân giành lấy chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền mang lại lợi ích cho dân tộc, độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Khi trở thành Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo cách mạng trong điều kiện đã có chính quyền, mục đích, tôn chỉ của Đảng là "tận tâm", "tận lực", "phụng sự" và "trung thành với lợi ích của dân tộc Việt Nam".

Trở thành Đảng cầm quyền, nhưng Đảng ta vẫn giữ vững bản chất, mục tiêu lý tưởng của mình. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, đường lối, chính sách, các định hướng về chủ trương công tác; bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng lựa chọn, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ phẩm chất, đạo đức và năng lực vào trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền theo đúng quy trình, thủ tục và pháp luật của Nhà nước. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, liên hệ mật thiết với nhân dân và luôn luôn chịu sự giám sát của nhân dân.

Là lực lượng duy nhất cầm quyền, Đảng chịu trách nhiệm trước lịch sử, trước nhân dân về sự bảo vệ toàn vẹn độc lập dân tộc, về sự phát triển của đất nước, về hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Người nhắc nhở: "Việc gì hại cho dân, thì phải hết sức tránh"[2]. Mỗi cán bộ, đảng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.41.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.432.

viên "đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân..."[1].

Đảng cầm quyền, dân là chủ, Đảng phải coi "dân làm gốc". Dân chỉ có thể làm chủ thực sự khi có sự lãnh đạo của Đảng. Mỗi người dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh là để bảo đảm quyền làm chủ thực sự của mình.

Tư tưởng và những chỉ dẫn quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản cầm quyền là định hướng, phương châm khoa học, cách mạng, để Đảng và nhân dân xây dựng Đảng trở thành Đảng cách mạng chân chính, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao, để lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi tới thành công.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngay từ khi chuẩn bị thành lập Đảng cho đến khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền. Tư tưởng đó của Người có thể khái quát thành các nội dung sau:

- *Thứ nhất, xây dựng Đảng là yêu cầu tất yếu, thường xuyên để Đảng tồn tại và phát triển.* Ngay từ năm 1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích: "... vì điều kiện khó khăn, mà số đông cán bộ và đảng viên chưa được huấn luyện hẳn hoi cho nên tư tưởng và trình độ chính trị còn thấp kém và lệch lạc. Điều đó tỏ rõ ra ở mỗi khuyết điểm như: không nắm vững chính sách trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh; không phân biệt rõ ràng bạn và địch, bệnh quan liêu, công thần và nạn tham ô hủ hóa khá nặng, v.v.."[2]. Do đó, xây dựng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.64-65.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.414-415.

Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng, ngày một tiến bộ hơn, trở thành người cách mạng chân chính. Trong *Di chúc*, Người nhắc nhở: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"[1]. Người đã đưa ra yêu cầu cơ bản về đạo đức của cán bộ, đảng viên, xuất phát từ bản chất cách mạng của Đảng ta, từ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân.

- Thứ hai, trong xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận, Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Ngay trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn luận điểm của V.I. Lênin: "Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong"[2]. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (năm 1947), Người viết: "Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế.

Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi"[3]. Nghĩa là, muốn làm cách mạng phải có Đảng cách mạng, Đảng phải có một học thuyết, một chủ nghĩa cách mạng: "Có *lý luận* soi đường thì quần chúng hành động mới đúng đắn, mới phát triển được tài năng và lực lượng vô cùng tận

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr. 611-612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.279.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.273-274.

của mình"[1]. "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[2]. Người cũng phát hiện ra rằng: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[3].

- Thứ ba, muốn Đảng vững mạnh, phải thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.

(1) Nguyên tắc tập trung, dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: "Đảng tổ chức theo nguyên tắc *dân chủ tập trung*. Nghĩa là: có Đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất, cơ quan lãnh đạo thống nhất. Cá nhân phải phục tùng đoàn thể, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương... Trong Đảng, bất kỳ cấp trên hoặc cấp dưới, đảng viên cũ hoặc đảng viên mới, đều nhất định phải giữ kỷ luật của giai cấp vô sản"[4]. Đây là nguyên tắc cơ bản nhất để xây dựng Đảng chặt chẽ, vững chắc, phát huy được sức mạnh tổng hợp. Theo nguyên tắc này, *dân chủ* và *tập trung* luôn song hành, có mối quan hệ khăng khít với nhau, đó là hai vế của một nguyên tắc. Người phân tích: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người.

1, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.277, 275.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.289.

Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra *quyền tự do phục tùng chân lý*.

Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân"[1]. Nghĩa là, cần phòng và chống các biểu hiện chuyên quyền, độc đoán, thói hách dịch, chụp mũ, trù dập; đồng thời phải phòng và chống những biểu hiện của dân chủ thái quá.

(2) Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Đây là nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh lý giải: "Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo?

Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề.

Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của vấn đề đó.

Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm"[2]. Về cá nhân phụ trách, Người viết: "Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho 1 người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy"[3]. Thực hiện nguyên tắc này trong công tác xây dựng Đảng phải chú ý khắc phục những biểu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.10, tr.378.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.5, tr.619.

hiện độc đoán, chuyên quyền, đồng thời phải chống lại tình trạng dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán và chịu trách nhiệm.

(3) Nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Đây là nguyên tắc khó thực hiện, phức tạp, nhưng là quy luật phát triển của Đảng, là vũ khí để rèn luyện đảng viên nhằm làm cho mỗi người tốt hơn, tiến bộ hơn và tăng cường đoàn kết trong nội bộ cho nên phải thực hiện; mục đích là để làm cho phần tốt trong mỗi người nảy nở như hoa mùa xuân, làm cho mỗi tổ chức tốt lên, phần xấu bị loại bỏ, vươn tới một sự hoàn thiện. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "... một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"[1]. Chức quyền càng cao, khi mắc phải sai lầm hậu quả càng lớn, do đó, tự phê bình và phê bình sẽ khiến cho mỗi người cán bộ, đảng viên luôn nhận thức đúng về những hành động của mình và tiến bộ hơn, sẽ tránh được những sai lầm đáng tiếc. Phải thực hiện tự phê bình và phê bình thường xuyên như chúng ta rửa mặt hằng ngày; phải thẳng thắn, trung thực, không che giấu; phải kiên quyết, ráo riết. Phê bình và tự phê bình là biểu hiện của dân chủ trong Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi dân chủ là chiếc chìa khoá vạn năng trong công tác cách mạng. Người đề nghị: "Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.301.

triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau"[1].

(4) Kỷ luật nghiêm minh, tự giác. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nếu không có kỷ luật, "Đảng xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ"[2]. Có kỷ luật nghiêm minh, tự giác, Đảng ta sẽ có một sức mạnh vô cùng to lớn: "Sức mạnh vô địch của Đảng là ở *tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức* nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên"[3]. Bên cạnh việc chấp hành nghiêm kỷ luật của Đảng, cần biến kỷ luật thành ý thức và hành động tự giác trong mỗi người cán bộ, đảng viên.

(5) Đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, đoàn kết, thống nhất trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên sức mạnh tổng hợp: "Với sự đoàn kết nhất trí và lòng cương quyết quật cường của Đảng, của Chính phủ và của toàn dân, chúng ta nhất định khắc phục được mọi khó khăn để đi đến hoàn toàn thắng lợi"[4]. Người yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng: "*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[5]. Theo Người, muốn đoàn kết, thống nhất trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, tu dưỡng đạo đức cách mạng, "quét sạch chủ nghĩa cá nhân", phải yêu thương lẫn nhau, "sống có tình, có nghĩa".

1, 5. Hồ Chí Minh*: Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.611.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.298.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.67.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.42.

- *Thứ tư, phải xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân.* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định:

"Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân.*

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân.*

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân.*

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân.*

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra.*

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên.*

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*"[1].

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, dựa vào dân, gắn bó mật thiết với nhân dân là điều kiện tồn tại và phát triển của Đảng. Đảng không có mục tiêu nào khác ngoài việc lãnh đạo để đem lại lợi ích cho nhân dân. Vì vậy, Đảng phải trở thành "người đầy tớ" của nhân dân. Để tăng cường sự gắn bó giữa Đảng với nhân dân, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thường xuyên đi sâu vào đời sống quần chúng nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân nhưng tuyệt đối không được theo đuôi quần chúng.

- *Thứ năm, phải quan tâm xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có trí tuệ, năng lực, "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư".* Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, "Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách đúng.

Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc.

Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng"[2]. Do đó, Đảng ta cần quan tâm tới việc xây dựng, phát hiện và sử

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.232.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.309.

dụng cán bộ: "Công việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém.

Vì vậy, Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta"[1]. Tuy nhiên, Người cũng yêu cầu: "Khi cất nhắc một cán bộ, cần phải xét rõ người đó có gần gụi quần chúng, có được quần chúng tin cậy và mến phục không. Lại phải xem người ấy xứng với việc gì. Nếu người có tài mà dùng không đúng tài của họ, cũng không được việc.

Nếu cất nhắc không cẩn thận, không khỏi đem người bô lô ba la, chỉ nói mà không biết làm, vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại"[2]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra tiêu chí của một người cán bộ tốt, đó là người vừa có đức, vừa có tài, trong đó đức là gốc. Người so sánh: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[3].

- *Thứ sáu, phải thường xuyên chỉnh đốn và đổi mới Đảng.* Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở, cần thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, vì bên cạnh số đông đảng viên ưu tú, thì vẫn còn không ít đảng viên chưa thật sự trong sạch, vững mạnh. Chỉnh đốn để gột rửa tất cả những lỗi lầm, sai trái, Người nhấn mạnh: "... việc cần phải làm trước tiên *là chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.313, 314, 292.

đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân"[1]. Người cũng cảnh báo: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Là một Đảng lãnh đạo, Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Chỉnh đốn Đảng nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng, bảo đảm cho Đảng thống nhất về tư tưởng, phát triển lý luận, mạnh mẽ về tổ chức, trong sạch, kiểu mẫu về đạo đức, hướng tới thực hiện tốt nhất nhiệm vụ, mục tiêu chính trị của Đảng, của cách mạng và phát triển đất nước. Chỉnh đốn Đảng là công việc thường xuyên trong xây dựng Đảng và thực hiện sự lãnh đạo của Đảng, nhằm tăng cường sức mạnh mọi mặt của Đảng và kịp thời sửa chữa những khuyết điểm, yếu kém trong Đảng như quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vi phạm đạo đức, chủ nghĩa cá nhân... Mục đích chỉnh Đảng là nâng cao tư tưởng và trình độ chính trị của đảng viên và cán bộ, làm cho đảng viên và cán bộ theo đúng quan điểm và lập trường vô sản. Người nhắc nhở, chỉnh Đảng phải có trọng tâm: chỉnh đốn tư tưởng rồi mới chỉnh đốn tổ chức, chỉnh huấn cán bộ rồi mới chỉnh huấn toàn thể đảng viên.

- Thứ bảy, xây dựng, chỉnh đốn Đảng để ngăn chặn, đẩy lùi bệnh tật, làm thất bại mọi ý đồ, âm mưu của các thế lực thù địch. Sửa chữa khuyết điểm, ngăn chặn, đẩy lùi "bệnh

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616, 672.

tật" cũng là để Đảng mạnh lên, nâng cao sức đề kháng, để tự bảo vệ Đảng trước nguy cơ tha hóa và sự tiến công, phá hoại của các thế lực thù địch. Thực tế xây dựng Đảng, thực hiện sự lãnh đạo của Đảng cho thấy, nếu không kịp thời sửa chữa khuyết điểm, "chữa trị bệnh tật" thì những bệnh tật đó khiến cho Đảng xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ. Chính sách không thi hành được triệt để, Đảng xa rời dân chúng. Các thế lực thù địch lợi dụng điều đó để phá hoại nội bộ Đảng, làm suy yếu và tiến tới xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng. Để làm thất bại ý đồ và tham vọng của các thế lực thù địch, Đảng phải chăm lo xây dựng Đảng, coi đó là nhiệm vụ then chốt, làm cho Đảng thật sự mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Đảng luôn luôn tự nhìn lại để thấy rõ ưu điểm, thành tựu và cả những khuyết điểm, yếu kém. Đó là yêu cầu và cũng là trách nhiệm của một Đảng chân chính cách mạng.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, thái độ trước sai lầm, khuyết điểm cũng có sự khác nhau. Bọn phản động thì lợi dụng những khuyết điểm đó và tô vẽ thêm để phá hoại Đảng ta. Lợi dụng những sai lầm và khuyết điểm đó, để đạt mục đích tự tư tự lợi của họ. Đó là thái độ của đảng viên và cán bộ đầu cơ. Có người thấy sao cũng mặc kệ, sao xong chuyện thì thôi. Không phê bình, không tự phê bình. Đó là thái độ của những đảng viên và cán bộ ươn hèn, yếu ớt. Có người lại có thái độ "... đối với những người có khuyết điểm và sai lầm đó, như đối với hổ mang, thuồng luồng"[1]. Họ đòi phải đuổi bọn kia ra khỏi Đảng ngay. Nếu Đảng không làm như thế thì họ cho rằng: Thôi, hỏng hết rồi! Do đó, họ đâm ra chán nản, thất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.304.

vọng. Hoặc họ không làm gì nữa hết. Thậm chí họ bỏ Đảng. Đó là thái độ những người máy móc quá. Đó cũng là bệnh chủ quan. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu, thái độ đúng là phân tích rõ ràng cái gì đúng, cái gì sai, ra sức nâng cao những kiểu mẫu tốt, khéo phê bình và tự phê bình để giúp người khác sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, không để khuyết điểm phát triển thêm, đoàn kết bằng đấu tranh nội bộ và nâng cao kỷ luật, uy tín của Đảng.

Đảng Cộng sản ra đời không phải là ngẫu nhiên, mà là sản phẩm tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đã đạt đến trình độ tự giác. Đảng Cộng sản là Đảng của giai cấp công nhân, có quan hệ thống nhất, chặt chẽ với giai cấp công nhân cả ở mục tiêu, lý tưởng, lợi ích, cả ý chí và hành động. Đảng luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân để xem xét, giải quyết mọi vấn đề. Cương lĩnh, đường lối, chiến lược, sách lược của Đảng phải luôn xuất phát từ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định: họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản. Tuy nhiên, hai ông cũng chỉ rõ, Đảng không phải là toàn bộ giai cấp công nhân. Đảng là một bộ phận của giai cấp, là lãnh tụ chính trị, đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, bao gồm những người ưu tú nhất, giác ngộ cách mạng nhất trong giai cấp công nhân. Vì thế, Đảng tiên phong cả về lý luận và thực tiễn: "... về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên; về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết

quả chung của phong trào vô sản”[1]. Chính tính tiên phong của Đảng bảo đảm cho Đảng luôn giữ vững vai trò lãnh đạo, tập hợp được giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh để thực hiện mục tiêu cách mạng

Trong tác phẩm *Nội chiến ở Pháp* - Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng Hội Liên hiệp công nhân quốc tế (năm 1871), một lần nữa tính tiên phong của Đảng Cộng sản được C. Mác và Ph. Ăngghen đề cập: “giai cấp công nhân Pháp chỉ là đội tiên phong của toàn thể giai cấp vô sản hiện đại mà thôi”[2], rằng “... Hội liên hiệp của chúng ta chỉ là một liên minh quốc tế đoàn kết những công nhân tiên tiến nhất của các nước trong thế giới văn minh lại. Dù cuộc đấu tranh giai cấp biểu hiện ra ở đâu và trong điều kiện nào, dù cuộc đấu tranh đó mang hình thức nào, đương nhiên là các hội viên của Hội liên hiệp chúng ta cũng đều đứng ở hàng đầu”[3]. Những chỉ dẫn của C. Mác và Ph. Ăngghen về tính tiên phong của Đảng Cộng sản là cơ sở khoa học quan trọng để Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong thực tiễn. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc”[4]. Tính tiên phong của Đảng thể hiện ở mục đích, lý tưởng, ở nền tảng tư tưởng, ở các nguyên tắc tổ chức và hoạt động, ở vai trò cầm quyền duy nhất của Đảng và chủ nghĩa

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.614-615.

2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.17, tr.480, 481.

4. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI),* Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016, tr.4.

quốc tế mà Đảng thực hiện. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự thâm nhập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đảng mang đặc trưng là tiên phong của giai cấp, của nhân dân và của cả dân tộc. *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt*, Lời kêu gọi thành lập Đảng thông qua trong Hội nghị hợp nhất Đảng tháng 02-1930 đã thể hiện tính tiên phong của Đảng. Ra đời trong bối cảnh một nước thuộc địa, nửa phong kiến, giai cấp công nhân chưa đông, với tính tiên phong, Đảng nhanh chóng chiếm được niềm tin yêu của đông đảo nhân dân. Đây cũng là yếu tố quan trọng để Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong gần 90 năm qua, quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Những năm 1945-1946, trước muôn vàn khó khăn chồng chất bởi thù trong giặc ngoài, bởi tình trạng tài chính kiệt quệ và bởi "giặc đói", "giặc dốt", "giặc ngoại xâm" cùng nhau hoành hành, trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", Đảng vững vàng lãnh đạo cách mạng nước ta vượt qua khó khăn, bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đầy oanh liệt. Năm 1954, với thắng lợi của trận Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, từ đây Đảng lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Với Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Đảng đã đưa non sông đất nước ta thu về một mối, trên khắp đất nước ta sạch bóng quân thù. Từ sau thắng lợi đó, Đảng trở thành Đảng cầm quyền duy nhất trên đất nước Việt Nam thống nhất. Năm 1986, Đảng ta

mạnh dạn thừa nhận sai lầm, khuyết điểm của thời kỳ lãnh đạo theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Bằng đường lối đổi mới, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân làm thay đổi tình hình, tháo gỡ từng bước khó khăn, mở hướng đột phá trong phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và đưa đất nước tiến lên giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, ngày càng khẳng định và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

NHẬN THỨC, QUAN ĐIỂM VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THÔNG*

I. NHẬN THỨC, QUAN ĐIỂM VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

1. Những nhận thức đã rõ

Phương thức lãnh đạo của Đảng ngày càng được nhận thức rõ hơn qua các nhiệm kỳ đại hội.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII của Đảng (năm 1991) xác định: "Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể"[1].

---

* Ủy viên Thường trực, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.147.

Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII chỉ rõ tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng: Đảng đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nắm vững tổ chức và cán bộ, bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Lãnh đạo bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước, chứ không điều hành thay Nhà nước.

Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) xác định: Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị bằng việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể. Đảng lãnh đạo phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước, chứ không điều hành thay Nhà nước. Đảng và mọi tổ chức đảng và đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình. Trong nhiệm kỳ Đại hội VIII, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 tiếp tục khẳng định những nội dung cụ thể trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và của hệ thống chính trị.

Đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa X (năm 2007), Đảng ta xác định rõ các quan điểm chỉ đạo về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 xác định: Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị.

Phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng thể hiện ở các mặt, lĩnh vực chính sau: Đảng lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị, bao gồm định hướng tổ chức của hệ thống chính trị, xác định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, thành lập các tổ chức đảng theo quy định của Điều lệ Đảng trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo bằng các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ của các tổ chức đảng, cấp ủy đảng với các tổ chức trong hệ thống chính

trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thường xuyên của Đảng trong hệ thống chính trị.

Phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua đảng viên trước hết là sự phân công, bố trí các đảng viên của Đảng tham gia (bằng các hình thức khác nhau) vào sự lãnh đạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị, đặc biệt là đảng viên giữ những cương vị chủ chốt, nhất là người đứng đầu; phát huy vai trò của đảng viên là cấp ủy viên trong các tổ chức trong hệ thống chính trị; phát huy vai trò gương mẫu của cá nhân đảng viên, người lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, trọng tâm là Nhà nước. Đại hội IX xác định: "Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước"[1]. Đến Đại hội XI, Đảng ta xác định rõ: Trong điều kiện Đảng ta là Đảng cầm quyền và có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước"[2]. Đại hội XII xác định: "Nâng cao hiệu quả thực hiện và tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước"[3].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, ph.II, tr.113.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.144.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.214.

Đảng xác định rõ mục tiêu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực, hiệu lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội; nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong xã hội; để nước ta phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Những nhận thức chưa rõ

Một là, nhận thức về Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền, nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo của Đảng còn chưa thật sáng tỏ, do đó việc đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn nhiều lúng túng.

Hai là, còn những bất cập về lý luận trong việc giải quyết hai xu hướng trong phương thức Đảng lãnh đạo là tình trạng Đảng bao biện, làm thay, lấn sân các công việc của Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị và xu hướng Đảng buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra các tổ chức đó. Đặc biệt là việc phân định rõ chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền.

Ba là, việc xác định mô hình tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ của các tổ chức đảng trong hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước chưa rõ ràng.

Bốn là, chưa làm sáng tỏ mối quan hệ giữa nguyên tắc lãnh đạo tập thể và chủ trương đề cao vai trò của cá nhân phụ trách.

Năm là, chưa có quy định, quy trình cụ thể trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

1. Ưu điểm

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Đã ban hành nhiều quy chế, quy định, quy trình công tác để thực hiện, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ. Thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo đi đôi với phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Coi trọng việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; nói đi đôi với làm. Có những đổi mới trong việc ra nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong Đảng theo hướng giảm bớt thủ tục, giấy tờ, hội họp.

Phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng cũng có những đổi mới: đã kiện toàn một bước tổ chức đảng ở cơ quan Trung ương. Việc lập Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán

sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng đoàn, Ban Cán sự đảng các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Cán sự Đảng các bộ, ngành trung ương nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng. Đã sắp xếp, kiện toàn các cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng; sắp xếp lại các Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương[1]. Kiện toàn tổ chức đảng ở các doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh phát triển đảng trong các loại hình doanh nghiệp và chủ trương thành lập tổ chức đảng ở doanh nghiệp ngoài nhà nước. Củng cố, kiện toàn tổ chức đảng ở địa phương và cơ sở. Đảng bộ, chi bộ cơ sở là hạt nhân lãnh đạo toàn diện các mặt công tác ở cơ sở.

Phương thức lãnh đạo thông qua đảng viên đạt được những kết quả sau: Đa số đảng viên có quan điểm, lập trường tư tưởng, giữ vững phẩm chất đạo đức, vai trò tiên phong, gương mẫu thực hiện chức trách, nhiệm vụ; thu hút sự tham gia của hệ thống chính trị và nhân dân vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo đối với phát huy trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Coi trọng việc phát huy vai trò của cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hạn chế, yếu kém

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị mà trọng tâm là Nhà nước còn chậm đổi mới, có mặt còn

1. Khóa X sắp xếp còn 6 cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng, khóa XI tái lập lại Ban Kinh tế Trung ương, Ban Nội chính Trung ương. Từ 7 Đảng bộ khối các cơ quan Trung ương thành 9 Đảng bộ khối trực thuộc Trung ương (Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng bộ Khối doanh nghiệp Trung ương và Đảng bộ Ngoài nước).

lúng túng. Vẫn còn tình trạng cấp ủy bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị trên một số lĩnh vực. Chậm ban hành những quy định cụ thể về phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Thiếu những quy định cụ thể, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng, công tác cán bộ đổi mới chậm; chất lượng công tác tư tưởng, cán bộ còn nhiều hạn chế. Chưa thật sự phát huy vai trò của tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Chưa thực sự coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc, tình trạng họp hành nhiều, ban hành nhiều nghị quyết, nhưng chưa tập trung đúng mức lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; nói chưa đi đôi với làm, nói nhiều, làm ít, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thiếu gương mẫu còn xảy ra ở nhiều nơi.

Phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng còn hạn chế. Chức năng, nhiệm vụ của Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng chưa được xác định rõ ràng, cụ thể nên hoạt động còn lúng túng. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp. Sinh hoạt đảng chưa nền nếp, nội dung sinh hoạt nghèo nàn, tự phê bình và phê bình yếu. Việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn chậm, vai trò của tổ chức đảng ở đây còn mờ nhạt. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu.

Phương thức lãnh đạo thông qua đảng viên còn bất cập. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước. Chưa thật sự phát huy vai trò của đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở.

3. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

Những khuyết điểm, yếu kém nói trên có những nguyên nhân khách quan và chủ quan:

Về khách quan, những diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới; sự tấn công rất thâm độc của các thế lực thù địch, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng chính trị; những mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập quốc tế... đã tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng và phát huy dân chủ... là những vấn đề mới, khó khăn, phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, đòi hỏi phải vừa làm, vừa tổng kết kinh nghiệm, hoàn thiện và phát triển đường lối.

Về chủ quan, chậm đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương; chưa cụ thể hóa và tổ

chức thực hiện kịp thời, đồng bộ một số quan điểm lớn, đúng đắn về xây dựng Đảng đã đề ra trong Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm, chưa đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

Việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương về xây dựng Đảng chưa nghiêm, còn thiếu các biện pháp cụ thể, khả thi. Nhiều tổ chức, cấp ủy đảng và bí thư cấp ủy chưa đầu tư đúng mức thời gian, công sức cho công tác xây dựng Đảng. Công tác kiểm tra còn nhiều hạn chế cả về tổ chức và hoạt động; chưa có cơ chế giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ tổ chức và cán bộ, đảng viên trong tình hình mới.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất đạo đức và năng lực, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, không hoàn thành nhiệm vụ nhưng chưa được xử lý kịp thời, kiên quyết.

NHẬN THỨC, QUAN ĐIỂM VỀ PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THÔNG*

I. NHẬN THỨC, QUAN ĐIỂM VỀ PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

Thành tựu lớn nhất trong phát triển lý luận về nhà nước của Đảng ta là *nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.* Trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã nhận thức được *các đặc điểm* của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước tôn trọng, bảo vệ quyền con người; do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật.

Bước tiến lớn của nhận thức về đổi mới bộ máy nhà nước là đặt trọng tâm vào *cải cách hành chính*: *một là,* chuyển

---

* Ủy viên Thường trực, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương.

sang kinh tế thị trường, Nhà nước thực hiện vai trò rất quan trọng về quản lý kinh tế, xã hội theo phương thức mới; *hai là,* vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ sát hợp với chức năng chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính, nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ.

Về điều chỉnh cơ cấu tổ chức, tinh giản bộ máy hành chính các ngành, các cấp theo hướng tinh giản cơ cấu tổ chức của Chính phủ (kể cả các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan trực thuộc Chính phủ). Đối với cơ cấu tổ chức của từng bộ, làm rõ các bộ phận làm chức năng nghiên cứu, tham mưu cho bộ trưởng (các vụ), các cơ quan làm chức năng chỉ đạo, quản lý từng lĩnh vực công tác (các tổng cục và cục), các đơn vị sự nghiệp làm chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học (trường, viện) hoặc làm chức năng dịch vụ công cộng[1]. Chính phủ đã tiến hành nhiều đợt sáp nhập, hợp nhất, điều chỉnh và giảm đáng kể số lượng các bộ và cơ quan ngang bộ, rõ nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

Nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã đạt được sự thống nhất về những điểm căn bản: (1) Bảo đảm tính pháp quyền của bản thân các thiết chế và thể chế của bộ máy nhà nước. Pháp luật không chỉ ghi nhận vị trí, giới hạn thẩm quyền của các cơ quan nhà nước mà còn có hiệu lực ràng buộc các cơ quan đó phải hoạt động trong khuôn khổ và trên cơ sở các thẩm quyền luật định; (2) Tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước một cách khoa học và dân chủ trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật thể hiện ở nguyên tắc phân công quyền lực: giữa các phạm vi quyền lập pháp,

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.54, tr. 103.

quyền hành pháp và quyền tư pháp; giữa các cấp Trung ương với địa phương; (3) Bảo đảm tính dân chủ, minh bạch của pháp luật và tính hệ thống thứ bậc, hiệu lực chặt chẽ của các văn bản pháp luật...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

1. Đánh giá của Đại hội VII

Sau 5 năm đổi mới phương thức quản lý của Nhà nước theo tinh thần của Đại hội VI (năm 1986), Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đánh giá: Đã có những chủ trương, biện pháp sửa đổi *tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước.* Hoạt động lập pháp được đẩy mạnh. Bốn năm qua (tính đến hết năm 1990), Quốc hội, Hội đồng Nhà nước đã ban hành 24 luật và 33 pháp lệnh. Các kỳ họp Quốc hội đã thể hiện rõ hơn tinh thần dân chủ, quyền hạn và trách nhiệm của các đại biểu nhân dân. Hoạt động giám sát của Quốc hội được tăng cường và có hiệu quả hơn trước.

Hội đồng Bộ trưởng và ủy ban nhân dân các cấp đã bước đầu đổi mới phương thức hoạt động, có tiến bộ trong điều hành và quản lý nhà nước bằng pháp luật, giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế, xã hội quan trọng. Hội đồng Bộ trưởng và các bộ đã coi trọng chỉ đạo các hoạt động ở tầm vĩ mô; đã sắp xếp một bước tổ chức bộ máy các bộ, tổng cục và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện.

Các cơ quan toà án, kiểm sát đã được kiện toàn một bước. Nhiều tổ chức bổ trợ cho công tác xét xử đã hình thành.

Tuy nhiên, sự điều hành và quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô nói chung còn lúng túng và có nhiều khuyết điểm, hạn

chế; một số quyết định còn sơ hở. Còn thiếu nhiều luật cần thiết. Không ít luật và pháp lệnh đã ban hành không được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất. Nhiều vụ phạm pháp không được xét xử hoặc xét xử chậm, xử chưa nghiêm. Tổ chức các cơ quan xét xử còn yếu.

Chưa vận dụng tốt khoa học quản lý vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Sự phân công, phân nhiệm và các mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp có những nhược điểm chưa rõ. Sự phân cấp quản lý giữa Trung ương với các địa phương và cơ sở vừa chưa đầy đủ, vừa chưa phù hợp với sự thay đổi của cơ chế quản lý. Đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước ít được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ; thiếu kinh nghiệm về tổ chức và quản lý nhà nước, nhất là khi chuyển từ cơ chế quan liêu, bao cấp sang cơ chế quản lý mới về kinh tế, xã hội; hiệu suất lao động và công tác còn thấp.

Khuyết điểm lớn là đến nay *chưa thực hiện được cuộc cải cách cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước* như Đại hội VI đã đề ra. Tổ chức và biên chế của bộ máy nhà nước còn quá cồng kềnh, nặng nề, chưa phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý và đổi mới phương thức hoạt động của Nhà nước. Việc sắp xếp lại tổ chức và giảm biên chế có những trường hợp còn hình thức, kém hiệu quả.

2. Đánh giá của Đại hội X

Sau 20 năm thực hiện đổi mới phương thức quản lý của Nhà nước, Đại hội X (năm 2006) đánh giá: Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy.

Quốc hội có những đổi mới quan trọng trong công tác lập pháp, tiếp tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp và hệ thống pháp luật; cải tiến quy trình xây dựng luật, đã thông qua 58 luật và 43 pháp lệnh mới, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước, vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

Đã tăng cường một bước tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; phân định cụ thể hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, của các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp, đồng thời thực hiện sự phân cấp nhiều hơn. Các hoạt động tư pháp và công tác cải cách tư pháp có những chuyển biến tích cực.

3. Đánh giá của Đại hội XI

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng lên.

Quốc hội tiếp tục được kiện toàn về tổ chức, có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động. Hệ thống pháp luật được bổ sung. Hoạt động giám sát đã tập trung vào những vấn đề bức xúc, quan trọng nhất của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội có nhiều cải tiến nội dung, phương pháp công tác; đề cao trách nhiệm của đại biểu Quốc hội.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Chính phủ được sắp xếp, điều chỉnh, giảm đầu mối theo hướng tổ chức các bộ quản lý đa

ngành, đa lĩnh vực[1]. Quản lý, điều hành của Chính phủ, các bộ năng động, tập trung nhiều hơn vào quản lý vĩ mô và giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng, đã rà soát, bước đầu tổng hợp thành bộ thủ tục hành chính thống nhất và công bố công khai. Việc thực hiện thí điểm đổi mới về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương (không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường) được tập trung chỉ đạo để rút kinh nghiệm.

Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp có một số đổi mới. Việc tăng thẩm quyền cho toà án cấp huyện, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên toà, đề cao vai trò của luật sư trong tố tụng được thực hiện bước đầu có kết quả. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng ngày càng tốt hơn, hạn chế được tình trạng điều tra, truy tố, xét xử oan, sai hay bỏ lọt tội phạm. Chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và *Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* được chỉ đạo tích cực, đạt một số kết quả. Nhiều vụ án tham nhũng được đưa ra xét xử. Trên một số lĩnh vực, lãng phí, tham nhũng từng bước được kiềm chế.

Bên cạnh đó, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước.

Năng lực xây dựng thể chế, quản lý, điều hành, tổ chức thực thi pháp luật còn yếu. Tổ chức bộ máy ở nhiều cơ quan

1. Các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giảm từ 29 xuống còn 22.

còn chưa hợp lý, biên chế cán bộ, công chức tăng thêm; chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan chưa đủ rõ, còn chồng chéo. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới của đất nước. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu đề ra; thủ tục hành chính còn gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Năng lực dự báo, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trên một số lĩnh vực yếu; phân cấp mạnh nhưng thiếu kiểm tra, kiểm soát; trật tự, kỷ cương xã hội không nghiêm. Cải cách tư pháp còn chậm, chưa đồng bộ. Công tác điều tra, giam giữ, truy tố, xét xử trong một số trường hợp chưa chính xác; án tồn đọng, án bị huỷ, bị cải sửa còn nhiều.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt được yêu cầu đề ra. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, gây bức xúc xã hội.

4. Đánh giá của Đại hội XII

Sau 30 năm đổi mới phương thức quản lý của Nhà nước, Đại hội XII (năm 2016) đã chỉ rõ:

4.1. Ưu điểm

Quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng và cơ bản. Nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân có bước phát triển. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên

minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được quy định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013: Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước được xác định rõ hơn và có những bước tiến trong hoạt động. Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước được xác định rõ hơn và trong tổ chức thực hiện đã có những bước tiến nhất định.

Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện. Hoạt động giám sát của Quốc hội đã tập trung vào những vấn đề bức thiết, quan trọng của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội có nhiều đổi mới về tổ chức, nội dung, phương pháp hoạt động; trách nhiệm các đại biểu Quốc hội được nâng cao hơn.

Chính phủ và các bộ tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô và năng động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và bước đầu đạt kết quả tích cực. Tổ chức thí điểm đổi mới về tổ chức chính quyền địa phương được tập trung chỉ đạo và tổng kết, rút kinh nghiệm.

Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả quan trọng. Tổ chức bộ máy của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan bổ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn; chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; hạn chế tình trạng oan, sai.

4.2. Hạn chế, khuyết điểm

Chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả. Chưa khắc phục được sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chồng chéo; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém. Cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà, đang là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương

chậm đổi mới; hiệu lực, hiệu quả ở nhiều nơi chưa cao. Trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền chưa được quy định rõ ràng. Việc triển khai một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm; vẫn còn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng.

Nhiều chủ trương nêu ra từ lâu, song không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ. Có những chủ trương không nhất quán, gây ra tình trạng nhập rồi lại tách, lãng phí nhiều mặt. Hiệu lực lãnh đạo, hiệu quả hoạt động của Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng chưa đạt yêu cầu. Vai trò lãnh đạo của Đảng ủy khối cơ quan còn mờ nhạt. Sự cồng kềnh của bộ máy nhà nước vẫn tồn tại: biên chế không giảm mà vẫn tăng. Chất lượng cán bộ, công chức trong các cơ quan đảng và chính quyền chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng tham nhũng, quan liêu vẫn nặng, năng lực tham mưu, xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện chính sách vẫn yếu. Việc thực hiện thí điểm nhất thể hóa một số tổ chức và chức danh lãnh đạo của Đảng và chính quyền ở xã, huyện, tỉnh sau 6 năm thực hiện chậm được tổng kết, kết luận và có nhiều ý kiến trái chiều.

(1) Vấn đề đặt ra với bộ máy Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

Quốc hội cần tăng cường giám sát, kiểm soát Chính phủ trong thực hiện các thẩm quyền, *đặc biệt là quyền hạn "quyết định chính sách cụ thể"* trên các lĩnh vực và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật đã ban hành.

Việc kiểm soát hữu hiệu nhất là bằng *yêu cầu giải trình và bỏ phiếu tín nhiệm* Chính phủ và các bộ trưởng. Do vậy, nên chăng thường xuyên sử dụng hình thức này hơn nữa ở cả quy mô hội nghị toàn thể, hội nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Ủy ban và Hội đồng Dân tộc. Quốc hội cần có *thẩm quyền kiềm chế Chính phủ,* nhất là trên phương diện ban hành chính sách, pháp luật để tránh những quyết định sai lầm. Nên chăng, sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ban hành quyết định, nghị quyết, trong đó cho phép Quốc hội trong thời gian nhất định có quyền gửi kiến nghị hoãn hoặc hủy quyết định của Chính phủ.

Đối với Hội đồng nhân dân các cấp, phải có những hoạt động của các ban chuyên môn, của Thường trực Hội đồng theo hướng hoạt động giám sát, kiểm soát. Nên chăng trong thời gian tới phải thay đổi cơ cấu đại biểu, tăng cường đại biểu làm việc trong cơ quan đảng cùng cấp và khối sự nghiệp, đoàn thể thì tiếng nói của đại biểu sẽ nâng cao hơn, vai trò giám sát, phản biện cũng cao hơn. Hội đồng nhân dân tỉnh cần phải có trách nhiệm đòi hỏi chia, tách đơn vị hành chính, nâng cấp đô thị, thành lập cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng việc phản biện chặt chẽ hơn nữa các đề nghị từ phía Ủy ban nhân dân tỉnh.

(2) Vấn đề đặt ra với bộ máy Chính phủ

Trong công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, nên xử lý thế nào giữa tập trung và dân chủ? Nên chăng, một mặt bảo đảm dân chủ qua phiên họp toàn thể, biểu quyết theo đa số (như luật định), song cũng phải bảo đảm Thủ tướng

là người quyết định cao nhất của Chính phủ. Thủ tướng phải có địa vị cao hơn cả về mặt chính quyền và mặt đảng với bộ trưởng. Cần chuyển đổi cơ bản sang chế độ công vụ theo vị trí việc làm để đội ngũ công chức linh hoạt hơn, có trách nhiệm và đạo đức hơn. Cần lập "tổ chuyên gia" với thành phần gồm ban cán sự đảng và thủ trưởng các cơ quan quan trọng như kế hoạch và đầu tư, tài chính, ngân hàng để bảo đảm sự linh hoạt trong đối phó với các sự kiện chính trị, kinh tế bất thường.

Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cần rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, thực hiện chế độ công chức theo vị trí việc làm, để tinh giản biên chế.

Về vai trò đối với các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực quản lý của bộ, làm thế nào để xử lý hai thái cực: hoặc thiếu vai trò của bộ chuyên ngành, hoặc trở thành bộ chủ quản nắm và can thiệp sâu vào các doanh nghiệp? Có thể bộ chỉ giữ vai trò bộ chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước công ích, phục vụ lợi ích chung hoặc vì mục tiêu chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chuyên ngành là chính. Những doanh nghiệp nhà nước hoạt động với mục tiêu lợi nhuận thì cổ phần hóa và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với Ủy ban và cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp, cũng cần đổi mới, cải tiến như Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, nhất là cấp tỉnh, phải chịu trách nhiệm hơn nữa với tất cả các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình, đặc biệt trong xây dựng, cải cách bộ máy, phân chia địa giới hành chính cấp dưới, thực hiện chế độ công chức, công vụ.

4.3. Nguyên nhân

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó nổi bật là ngững nguyên nhân sau:

Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là vấn đề mới đối với nước ta.

Hai là, sự phân định giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước còn những nội dung chưa rõ.

Ba là, phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở các cấp còn nhiều điểm chưa được xác định rõ và phù hợp với nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, tổ chức thực hiện pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa nghiêm.

VỀ PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG

GS.TS. VŨ VĂN HIỀN*

Hơn 70 năm đã trôi qua kể từ khi Đảng ta lãnh đạo toàn dân giành được chính quyền. Trên chặng đường lịch sử hơn 2/3 thế kỷ đó, Đảng ta vừa lãnh đạo toàn dân tộc, vừa thực hiện chức năng cầm quyền, đưa đất nước ta vượt qua biết bao khó khăn, thách thức, lập nên những kỳ tích mang tầm thời đại. Tuy nhiên, cho đến nay, việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về "Đảng cầm quyền" mặc dù đã được triển khai trên nhiều cấp độ nhưng vẫn chưa đưa tới những kết quả như mong đợi. Việc nghiên cứu và thấu hiểu về "Đảng cầm quyền" đã khó và phức tạp, vấn đề phương thức cầm quyền của Đảng lại càng cụ thể hơn và có phần khó xác định hơn.

1. Quan niệm về phương thức cầm quyền của Đảng

Để hiểu về phương thức cầm quyền của Đảng, trước hết cần nhận thức rõ khái niệm về Đảng cầm quyền.

Trên thế giới hiện nay, hầu như tất cả các chính quyền của các nước đều do một hoặc một số đảng chính trị đấu tranh bằng các phương pháp khác nhau, tùy theo điều kiện cụ thể của từng nước và giành được chính quyền. Như vậy,

---

* Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

đối với các nước trên thế giới, *Đảng cầm quyền chính là Đảng giành được chính quyền, tổ chức và sử dụng chính quyền đó để thực hiện quyền lực, tiến hành quản lý, phát triển và bảo vệ đất nước*. Do luật pháp của từng nước quy định, thời gian cầm quyền của các đảng đều có hạn định và việc được cầm quyền lâu dài hay chóng vánh chính là do năng lực và kết quả cầm quyền của các đảng đó với sự phán xét của các cơ quan quyền lực của nhân dân.

Đối với nước ta, Đảng vừa lãnh đạo, vừa cầm quyền. Có thể hiểu, *Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là Đảng nắm chính quyền, xây dựng và tổ chức bộ máy chính quyền để thông qua hệ thống chính quyền lãnh đạo đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Phương thức cầm quyền của Đảng chính là cách thức, biện pháp để thực hiện việc cầm quyền có hiệu quả nhất.*

Đảng ta cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng ta có những nét đặc thù so với các đảng cầm quyền ở các nước khác trên thế giới: *thứ nhất*, cầm quyền để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội; *thứ hai*, Đảng ta cầm quyền chính là sự ủy thác của toàn thể nhân dân, bởi Hiến pháp nước ta đã quy định: tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Quyền lực là của nhân dân, Đảng ta cầm quyền lực đó chính là sự giao phó của nhân dân cho Đảng. Chính vì thế, trong *Di chúc* của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ

thật trung thành của nhân dân"[1]; *thứ ba*, Đảng ta là Đảng duy nhất cầm quyền, không có đối thủ cạnh tranh, không có thời hạn quy định. Đảng ta cầm quyền như một lẽ đương nhiên được nhân dân thừa nhận, giao phó; *thứ tư*, các đảng chính trị khác mất quyền lãnh đạo vẫn có thể tiếp tục tự chỉnh đốn, đấu tranh giành lại quyền lực và chế độ đó vẫn không thay đổi, còn Đảng Cộng sản mất cầm quyền sẽ không có cơ hội giành lại mà mất luôn chế độ. Sự sụp đổ thể chế chính trị ở Liên Xô trước đây và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã chứng tỏ điều đó. Vậy nên đây là điều hết sức hệ trọng.

2. Nhận định khái quát về phương thức cầm quyền của Đảng ta trong thời gian qua

2.1. Những thành công

- Đảng ta xây dựng cả hệ thống chính trị, hệ thống chính quyền vững mạnh để thực hiện sự cầm quyền của mình. Hệ thống đó không ngừng được đổi mới, hoàn thiện. Hệ thống chính trị đó vừa bảo đảm sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, vừa thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

- Đảng ta đã hiện thân vào hệ thống nhà nước, thực hiện chức năng của mình đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là những yếu tố quan trọng làm nên những thắng lợi của các cuộc chiến tranh chống đế quốc và bảo vệ Tổ quốc, cũng như những thành tựu to lớn mà đất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.611-612.

nước ta đã đạt được, nhất là trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Từng bước thực hiện, hoàn thiện cơ chế và các biện pháp để việc cầm quyền ngày càng hiệu quả, được nhân dân thừa nhận. Cơ chế vận hành của toàn bộ hệ thống chính trị đất nước là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Đó là cơ chế vừa chặt chẽ, vừa có tính mềm dẻo, có độ mở để thích ứng với mọi tình hình thực tiễn.

Có thể nói, mọi thành quả của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước trong suốt hơn 70 năm qua đều có cội nguồn từ sự lãnh đạo và cầm quyền cũng như phương thức cầm quyền của Đảng.

2.2. Một số hạn chế

- Mọi so sánh đều có thể không chính xác, nhưng nếu ta nhìn sang các nước quanh ta và nhìn ra thế giới sẽ thấy, trên một số mặt chính yếu, đất nước ta còn lạc hậu và bị tụt hậu - đó là một điều dễ thấy và chúng ta đang tìm mọi giải pháp khắc phục. Trong khi có những nước như Hàn Quốc, Nhật Bản chỉ 30-40 năm đã thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, thì chúng ta đã hơn 40 năm hòa bình, thống nhất đất nước nhưng mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn đang ở phía trước.

- Mặc dù Đảng ta đã cầm quyền hơn 70 năm nhưng đến nay việc thấu hiểu và quy chuẩn về sự cầm quyền cũng như phương thức cầm quyền vẫn chưa thật rõ và sâu sắc. Vẫn chưa có sự phân biệt thật rạch ròi giữa lãnh đạo và cầm quyền. Hầu như trong tất cả các văn kiện, nghị quyết của Đảng đều chỉ đề cập đến chức năng lãnh đạo của Đảng, phương thức lãnh đạo của Đảng mà chưa nói tới chức năng

cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng. Ngay cả những công trình khoa học nghiên cứu về Đảng cầm quyền cũng vẫn chưa xác định rõ những khái niệm và nội hàm của sự cầm quyền cũng như phương thức cầm quyền của Đảng.

- Tổ chức bộ máy cầm quyền còn cồng kềnh, thiếu hiệu quả và hiệu lực. Thực tế hiện nay cho thấy, cấu trúc bộ máy trong hệ thống chính trị của chúng ta vẫn còn song trùng rất nhiều cơ quan chức năng. Các cơ quan chức năng của Đảng đều là cơ quan tham mưu, tư vấn cho sự lãnh đạo, chưa có cơ quan tư vấn cho sự cầm quyền.

- Phẩm chất, năng lực cầm quyền của không ít cán bộ, đảng viên của Đảng thực sự thấp kém, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đây chính là vấn đề toàn Đảng, toàn dân ta đang hết sức quan tâm, là một trong những trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

3. Những vấn đề đặt ra

Từ những đặc thù nêu trên, những vấn đề mới nảy sinh từ tình hình của thế giới và trong nước cũng như thực tế việc cầm quyền của Đảng đang nổi lên những vấn đề hệ trọng.

Thứ nhất, việc phân định rõ chức năng lãnh đạo và chức năng cầm quyền, phương thức lãnh đạo và phương thức hữu hiệu để cầm quyền là hết sức cần thiết. Làm tốt việc này sẽ là cơ sở để có thể đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị cũng như các phương thức, giải pháp thực thi việc cầm quyền của Đảng.

Thứ hai, như V.I. Lênin đã từng cảnh báo, khi một Đảng duy nhất cầm quyền sẽ dễ nảy sinh bệnh "kiêu ngạo cộng sản". Bệnh này dẫn tới nhiều điều hệ trọng khác như chủ quan, duy ý chí, mất dân chủ... Điều này ít nhiều đang thể hiện ở nước ta.

Thứ ba, Đảng ta là Đảng duy nhất lãnh đạo và duy nhất cầm quyền nên cán bộ giữ các vị trí nắm quyền lực của Đảng rất dễ bị mắc bệnh độc đoán, chuyên quyền, chủ quan, duy ý chí, quan liêu, hách dịch. Đảng ta đã nêu rõ, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bị suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Chính điều này đã và đang làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng và niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Thứ tư, việc cầm quyền cũng như phương thức cầm quyền của Đảng ta rất đặc thù, ít những điều kiện và hoàn cảnh tương đồng để có thể học tập, đúc rút kinh nghiệm. Trên thế giới hiện nay, có một số nước do đảng vừa lãnh đạo, vừa cầm quyền, nhưng ngay Trung Quốc, Lào, Cuba cũng có nhiều điểm không giống chúng ta. Ở cả ba nước đó, lãnh đạo Đảng cũng là người cầm quyền nhà nước và việc thực hiện cơ chế đó chưa có sự tổng kết nên chưa thể biết hiệu quả như thế nào. Ở nước ta cũng có giai đoạn Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa là người lãnh đạo Đảng, vừa là Chủ tịch nước. Thực tế đó cần được phân tích và rút ra những kết luận cho chúng ta hiện nay.

Thứ năm, phương thức cầm quyền để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải không ngừng cách mạng, không ngừng sáng tạo, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự có bản lĩnh, trí tuệ, nhưng tình hình thực tế đã không được như vậy. Không ít người trong đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay còn yếu kém, bất cập so với nhiệm vụ được giao.

4. Một số giải pháp

Một là, chú trọng việc tổng kết thực tiễn và xây dựng cơ sở lý luận về Đảng cầm quyền, trong đó có phương thức cầm quyền mang tính khoa học, sáng tạo, hiệu quả. Trên cơ sở đó,

từng bước đổi mới hoàn thiện hệ thống chính trị tinh gọn, đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng Đảng ta vừa đảm đương được nhiệm vụ Đảng lãnh đạo, vừa thực hiện cầm quyền.

Hai là, kiên quyết thực hiện việc xây dựng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Có cơ chế để lồng ghép và tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước có chức năng tương đồng; thực hiện các chủ trương: bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn; bí thư xã, phường, quận, huyện kiêm chủ tịch tiến tới bí thư tỉnh kiêm chủ tịch tỉnh... Thực tế một số địa phương như Quảng Ninh, Hà Nội đã thực hiện từng bước và có những kết quả bước đầu rất khả quan.

Ba là, đẩy mạnh dân chủ, dân chủ thực sự, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Cán bộ, đảng viên là công bộc của nhân dân thì nên có cơ chế để nhân dân lựa chọn hoặc thay thế "công bộc" của mình ở các cấp, các ngành.

Bốn là, nâng cao năng lực và tăng cường rèn luyện giáo dục cán bộ, đảng viên để thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình khi được Đảng giao phó.

ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

TS. VŨ NGỌC HOÀNG*

Nội dung lãnh đạo là lãnh đạo vấn đề gì, việc gì? Còn phương thức là phương pháp và cách thức lãnh đạo, nói cách khác là lãnh đạo như thế nào, bằng cách nào?

Nhiều nhiệm kỳ qua, không ít văn bản, nghị quyết của Đảng đã nói phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, còn đổi mới nội dung thì ít hơn, nhưng cũng đã được đề cập đến. Tuy nhiên, mấy chục năm nay, về cơ bản vẫn vậy, vẫn lãnh đạo như thế, kiểu như cũ. Chúng ta đã từng nói, phải lãnh đạo "toàn diện" và "trực tiếp", "tuyệt đối", như vậy cũng là nói về nội dung và phương thức lãnh đạo. Nhưng nếu nói, nội dung lãnh đạo là "toàn diện", còn phương thức lãnh đạo là "trực tiếp" và "tuyệt đối" thì còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu trao đổi. Trên thực tế, toàn diện được hiểu là tất cả mọi lĩnh vực, mọi việc, thậm chí có lúc và nhiều nơi còn cực đoan hơn, cho rằng toàn diện là tất cả mọi việc lớn, nhỏ đều phải xin và chờ ý kiến cấp ủy; còn lãnh đạo trực tiếp tức là cấp ủy trực tiếp quyết định cụ thể công việc mà cơ quan nhà nước và các đoàn thể đều phải tuân theo; còn lãnh

---

* Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương.

đạo tuyệt đối tức là cấp ủy là cơ quan duy nhất quyết định và cả hệ thống chính trị phải tuân thủ nghiêm ngặt. Đây là cách hiểu sai, hoặc nghĩ sai, bởi nếu như vậy thì đâu cần nhà nước nữa? Tuy là hiểu sai nhưng vẫn còn khá phổ biến. Khi vấn đề được thực hiện phổ biến như vậy thì cũng phải xem lại có phải chỉ là hiểu sai hay đã nghĩ sai, diễn đạt sai, có những chủ trương không đúng?

Cũng từ thực tế, xét thấy tình hình có nhiều vấn đề bất ổn, Đảng cũng đã có chủ trương cho các cấp ủy, các tổ chức của Đảng không được "bao biện, làm thay", đã có giải thích rằng làm thay thực chất là buông lỏng lãnh đạo, là làm suy yếu nhà nước và các đoàn thể. Chủ trương như thế là đúng, nhưng làm thay thì vẫn phổ biến lắm. Vậy nên mới có chuyện lẽ ra cấp ủy chỉ đưa ra chủ trương và các chỉ tiêu kinh tế để các cơ quan nhà nước thảo luận, quyết định thì nhiều cấp ủy lại quyết định các chỉ tiêu kinh tế, còn các cơ quan nhà nước thông qua chỉ là hình thức; cấp ủy quyết định dự án này, dự án khác phải làm, thậm chí bí thư còn có ý kiến về việc giao công trình này cho ai làm (giao thầu); không ít nơi thường trực cấp ủy hoặc bí thư đã nhân danh lãnh đạo toàn diện để can thiệp vào bất kể công việc gì mình muốn, bắt buộc các cơ quan chính quyền phải xin ý kiến như một quy trình hành chính, dù việc đó mình không đủ kiến thức, nên vô tình đã trở thành lực cản và lại gánh đỡ trách nhiệm thay cho chính quyền đối với những việc làm sai. Trong hệ thống chính trị thì vẫn còn chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa ba bộ phận (Đảng, Nhà nước và đoàn thể). Một tình trạng khá phổ biến là, một việc nhưng nhiều cơ quan đều có quyền xem xét, giải quyết mà thực tế thì cũng chẳng ai có quyền, vẫn phải xin ý kiến lẫn nhau qua nhiều cửa, đi vòng quanh, ai cũng chịu trách nhiệm

mà cũng không có ai chịu trách nhiệm đến cùng... Cấp ủy chỉ đạo cụ thể công việc của chính quyền, nên nếu sai thì rất khó xử theo pháp luật về sự vi phạm của cơ quan nhà nước vì đã có ý kiến của cấp ủy. Vậy là vô tình cấp ủy đảng làm cho pháp luật không còn nghiêm minh.

Trong các nội dung lãnh đạo trực tiếp có việc bố trí cán bộ. Lẽ ra Đảng giới thiệu người để các cơ quan nhà nước bầu, bổ nhiệm theo thẩm quyền do pháp luật quy định, thì nhiều cấp ủy đảng thực chất đã bố trí hầu như tất cả cán bộ lãnh đạo các cơ quan nhà nước các cấp khi yêu cầu các đảng viên trong các cơ quan ấy phải tuân thủ theo ý kiến của cấp ủy, phát biểu ý kiến và biểu quyết theo quan điểm và chỉ đạo của cấp ủy. Cấp ủy đảng trực tiếp quyết định nhân sự cụ thể đối với tất cả các vị trí quan trọng và bằng các biện pháp nội bộ để làm cho các cơ quan nhà nước và đoàn thể phải cử hoặc bầu đúng như ý kiến của cấp ủy. Từ cách làm đó, mà không ít cuộc bầu cử ở khu vực nhà nước và ngoài xã hội mang nặng tính hình thức, không có tranh cử, thực chất là sự sắp đặt từ phía cấp ủy, chưa bảo đảm dân chủ thật sự.

Sự lãnh đạo xã hội về tư tưởng nhìn chung vẫn chưa cởi mở, còn gò ép, áp đặt, nhẹ thuyết phục, nặng hành chính, thậm chí còn dùng cả biện pháp an ninh. Từ lâu và đến nay, để bảo vệ "an ninh tư tưởng", quản lý việc viết và nói của người dân, bệnh "quy chụp" về quan điểm chính trị vẫn còn nặng nề. Vì những lẽ đó, không ít trí thức cho rằng, ở nước ta đang tồn tại chế độ toàn trị. Mà chế độ toàn trị thì ngược với chế độ dân chủ, cũng tức là trái với chế độ xã hội chủ nghĩa chân chính. Trong khi chủ nghĩa xã hội là chế độ dân chủ và tự do - C. Mác, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh đều nói như vậy - và điều đó đúng.

Về tình hình thì còn có thể nói dài, nhưng trong bài này xin dành dung lượng nhiều hơn cho việc trình bày về hướng đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Trước tiên, cần phân biệt công việc lãnh đạo của Đảng với công việc của Nhà nước, của đoàn thể và xã hội. Vừa phân biệt, vừa xác định giới hạn của sự lãnh đạo ấy là việc rất cần thiết, để không chồng chéo, tổ chức đảng không ôm đồm, không lấn sân. Việc quản lý đất nước theo pháp luật và thực hiện quyền lực nhà nước theo ủy quyền của Nhân dân là công việc của Nhà nước, Đảng tôn trọng quyền dân chủ của Nhân dân và tôn trọng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, không làm thay, không can thiệp, Đảng chỉ nên tập trung lãnh đạo việc xây dựng Nhà nước của Nhân dân (chứ không phải là Nhà nước của Đảng) theo phương thức lãnh đạo phù hợp. Xã hội tồn tại và vận hành phần lớn công việc dân sự bằng phương thức tự quản và thỏa thuận của cộng đồng, kể cả nhiệm vụ của các đoàn thể và tổ chức xã hội khác, Đảng tôn trọng chức năng và các quyền dân chủ hợp pháp ấy, chỉ cần tác động thúc đẩy các tư duy tiến bộ trong xã hội. Hình dung như vậy để thấy việc lãnh đạo của Đảng không cần thiết phải làm thay quá nhiều. Để giúp chúng ta tiếp cận vấn đề, cần quán triệt tư tưởng "dân là gốc", đạo đức "vì dân" và phong cách "trọng dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đảng lãnh đạo cần có trọng tâm, tùy theo tình hình mỗi giai đoạn, mỗi thời điểm mà tập trung cho vấn đề gì. Thực ra, nói lãnh đạo toàn diện thì không có gì sai, để rộng đường khi lựa chọn vấn đề lãnh đạo phù hợp hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể. Tuy nhiên, không cần phải lúc nào cũng nhấn mạnh là lãnh đạo toàn diện để tránh sự tản mạn, thiếu tập trung và

khắc phục tình trạng ôm đồm, làm thay, lấn sân công việc Nhà nước và đoàn thể. Trước đây, khi chưa có Đảng, thì dân tộc ta vẫn đánh giặc và xây dựng đất nước. Ngày nay, có Đảng thì Đảng phải tham mưu tốt nhất cho dân tộc đối với những công việc trọng đại. Còn dân tộc vẫn phải tự mình giải quyết mọi việc một cách năng động nhất, chứ không phải là thụ động làm theo.

Trong giai đoạn hiện nay, nhất là những năm trước mắt, Đảng cần tập trung lãnh đạo một số vấn đề, không quá nhiều nhưng là việc trọng yếu, vừa cơ bản, vừa đột phá, nhằm thúc đẩy nhiều nhất đối với công cuộc phát triển bền vững của đất nước và dân tộc. Chữ "bền vững" ở đây cần phải hiểu theo nghĩa bao gồm kể cả tinh thần bảo vệ Tổ quốc. Theo đó, nên và có thể chọn một số vấn đề sau: (1) Lãnh đạo công cuộc đổi mới; (2) Lãnh đạo việc xây dựng Nhà nước của Nhân dân; (3) Lãnh đạo chống tham nhũng; (4) Lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trong đổi mới thì xác định trọng tâm là đổi mới tư duy, khai phá văn minh, đổi mới cơ chế, thể chế quản lý xã hội và đất nước, lấy mục tiêu phát triển bền vững làm yêu cầu chính yếu; đổi mới tổ chức, hoạt động và công tác cán bộ của hệ thống chính trị; đổi mới căn bản nền giáo dục và hoạt động khoa học. Trong phòng, chống tham nhũng, ngoài việc xử lý nghiêm minh các vụ tham nhũng đã xảy ra, cần tập trung xác định các cơ chế kiểm soát quyền lực để ngăn chặn các vụ tham nhũng sẽ xảy ra. Sở dĩ lúc này cần lựa chọn các vấn đề ấy là vì, đất nước và dân tộc cần phải phát triển, có phát triển mới bảo vệ vững chắc được độc lập dân tộc và mới có thể tiến dần lên chủ nghĩa xã hội; hệ thống chính trị cần lành mạnh, trong sạch và hiệu quả hơn, xây dựng Nhà nước của Nhân dân là công việc quan trọng thường xuyên, nhằm

tập hợp toàn dân tộc cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tình hình thế giới và khu vực, nhất là vấn đề Biển Đông, đang có những diễn biến phức tạp, cần ưu tiên cho công tác quốc phòng để bảo vệ lãnh thổ và lãnh hải, môi trường hòa bình để phát triển.

Trước đây, Đảng ta trở thành người lãnh đạo dân tộc khi nào và bằng cách nào? Đảng ta trở thành đảng lãnh đạo dân tộc từ trước cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chứ không phải là sau khi cách mạng thành công. Vì nếu sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Đảng Cộng sản Việt Nam mới trở thành người lãnh đạo dân tộc thì cuộc cách mạng ấy do ai lãnh đạo? Thực tế lịch sử đã cho thấy, chính Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy chứ không phải lực lượng nào khác. Và điều đó đã chứng tỏ, Đảng trở thành lãnh đạo trước khi cuộc cách mạng ấy nổ ra. Còn sau cách mạng, khi đã có Nhà nước, thì Đảng có thêm một nhiệm vụ nữa là người lãnh đạo Nhà nước.

Vậy ngày đó, Đảng trở thành người lãnh đạo dân tộc bằng cách nào? Chắc chắn không phải là bằng biện pháp hành chính, càng không phải bằng quyền lực. Vì ngày đó, Đảng chưa có chính quyền, không có quyền lực, thậm chí còn bị quyền lực truy đuổi và tìm mọi cách để tiêu diệt. Ngày đó, Đảng trở thành người lãnh đạo bằng văn hóa là chính. Đó là các chủ trương có giá trị nhân văn, hợp lòng dân, phù hợp với văn hóa dân tộc, với sự gương mẫu của những cán bộ có nhân cách tốt, trong sáng, hết lòng vì Nhân dân, sẵn sàng hy sinh cả tính mạng cho sự nghiệp cao cả là giải phóng dân tộc, giành lại một đất nước đã mất vào tay quân xâm lược. Ngày đó, Đảng lãnh đạo bằng thuyết phục bởi lẽ phải, chứ không phải bằng áp đặt bởi mệnh lệnh hành chính và quyền lực.

Sau này, khi đã có chính quyền, đã có quyền lực, một số cán bộ, đảng viên và tổ chức của Đảng trở nên lười biếng hơn, không phải thuyết phục xã hội bằng những giá trị văn hóa do mình tạo nên mà bằng các biện pháp hành chính. Với cách làm đó, cán bộ cũng xa rời dân, quan liêu hóa và đáng lưu ý nhất là sự tha hóa quyền lực khi nó không được kiểm soát, làm cho hiệu quả lãnh đạo giảm sút và số cán bộ có chức quyền đó dần dần hư hỏng, thoái hóa, mất lòng tin của Nhân dân. Khi lòng tin của Nhân dân suy giảm cũng tức là nền tảng chính trị lung lay và nếu để lâu ngày trầm trọng dần lên thì sẽ đổ vỡ.

Đổi mới phương thức lãnh đạo trước hết là trở lại với phương thức lãnh đạo mà trước đây Đảng ta đã thực hiện khi chưa có chính quyền và với phương thức ấy Đảng ta đã trở thành người lãnh đạo. Tức là, lãnh đạo xã hội chủ yếu bằng các giá trị văn hóa, bao gồm những chủ trương hợp lòng dân, phù hợp quy luật khách quan của quá trình phát triển; lấy sự mẫu mực và tâm huyết của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo để làm gương; lấy sự thuyết phục bằng lẽ phải thông qua đối thoại, trao đổi và tranh luận một cách thật sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa các ý kiến khác nhau để đi đến thống nhất, không áp đặt một chiều; thực hiện tự do tư tưởng và tự do ngôn luận, bảo vệ mạnh mẽ quyền con người; hạn chế tối đa và khẩn trương tiến đến không dùng biện pháp hành chính và quyền lực (quyền lực là của Nhân dân và của Nhà nước được Nhân dân ủy quyền); một công việc nào đó dù người lãnh đạo đã thấy chắc chắn đúng nhưng còn số đông Nhân dân không đồng tình thì vẫn chưa thực hiện, mà phải tiếp tục thuyết phục; phát hiện và giới thiệu những hiền tài, nhân tài cho xã hội lựa chọn trong các cuộc

bầu cử dân chủ, công khai và có ứng cử tự do, có tranh cử thực chất.

Đổi mới phương thức lãnh đạo còn thể hiện thông qua cách xử lý mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ, giữa đa số và thiểu số. Lãnh đạo một công việc nào đó là việc phải đưa ra những quyết định, nhưng không đồng nghĩa với mất dân chủ khi ra quyết định. Lãnh đạo tập trung phải thực hiện trên cơ sở của dân chủ. Dân chủ vừa là nguyên tắc, vừa là phương thức lãnh đạo. Lãnh đạo trước tiên là để bảo đảm thực thi dân chủ, bảo đảm cho cuộc dân chủ ấy là thực chất và lành mạnh, không bị chi phối bởi những yếu tố tiêu cực, trên cơ sở của sự đầy đủ về thông tin trung thực. Lãnh đạo của Đảng là tạo ra các quyết định từ dân chủ, trên cơ sở dân chủ, đưa ra những quyết định chính trị rồi thông qua đảng viên ở các cơ quan nhà nước biến thành quyết định của cơ quan nhà nước, chứ không phải lãnh đạo là Đảng quyết định chủ quan, quyết định thay cơ quan nhà nước, không đúng chức năng, thẩm quyền. Bản thân cách làm này khi chưa quen dễ cảm thấy "phiền phức" và "chậm trễ" nên nhiều nhà lãnh đạo có thể không thích. Nhưng đó là việc cần thiết vì rằng, anh không thể quyết định thay người khác, làm cho người khác mất quyền trong khi đó là việc của họ. Lãnh đạo của Đảng khi ấy, ngoài việc có được một quyết định trên cơ sở phát huy trí tuệ của mọi người, còn là tạo ra những bước tiến bộ dần dần và chắc chắn về dân chủ, phát triển tư duy, từ đó tạo dựng năng lực của cộng đồng - đây là loại sản phẩm có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển của một dân tộc.

Ngày nay, Đảng lãnh đạo công cuộc phát triển. Muốn có phát triển thì phải có tư duy vượt trước, sáng tạo mà tư duy vượt trước, sáng tạo thường bắt đầu, xuất phát từ thiểu số, từ

những cá nhân, chứ không phải của đa số ngay lập tức. Tư duy của đa số là tư duy trung bình, nó sẽ tiến dần lên các tư duy tiến bộ nhờ sự tác động lan tỏa bởi tư duy vượt trước. Vì vậy, trong khi lãnh đạo của Đảng là quyết định của tập thể theo đa số, thì cần tôn trọng và bảo đảm quyền bảo lưu ý kiến của thiểu số, họ không bị quy chụp và được tiếp tục trình bày với các cấp cao hơn, trình bày trong sinh hoạt nội bộ, trên diễn đàn khoa học, tại các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tạp chí khoa học. Đồng thời thực hiện tự chủ chương trình và tự do học thuật trong các trường đại học.

Tóm lại, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo có trọng điểm một số công việc quan trọng bậc nhất, chứ không phải dàn trải "toàn diện" tất cả các lĩnh vực; lãnh đạo không phải bằng các biện pháp hành chính, mệnh lệnh, càng không bằng quyền lực, mà phải bằng các giá trị nhân văn và sự thuyết phục bởi lẽ phải; không phải bằng sự áp đặt mà phải bằng dân chủ; không phải quyết định thay cho Nhà nước và người dân mà là giúp đỡ và tạo điều kiện cho Nhà nước và người dân tự quyết định những công việc thuộc quyền hạn của họ.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

PGS.TS. NGUYỄN VĂN VĨNH*

I. QUAN NIỆM VỀ NỘI DUNG LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC; VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Về nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng

1.1. Khái niệm "nội dung lãnh đạo của Đảng"

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng lãnh đạo cách mạng thì Đảng phải thực hiện những việc: quyết định mọi vấn đề một cách đúng đắn; tổ chức sự thi hành cho đúng; tổ chức sự kiểm soát. Điều đó có nghĩa là: *sự "lãnh đạo" của Đảng là toàn bộ hoạt động đề ra các quyết định; tổ chức các lực lượng thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát, nhằm thực hiện thắng lợi các quyết định của Đảng.*

Đối tượng lãnh đạo của Đảng là: Các tổ chức trong hệ thống chính trị (Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội), các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội

---

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

và các tổ chức khác; các lĩnh vực của đời sống xã hội, như: kinh tế, quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

Đảng là tổ chức chính trị, chức năng của Đảng là lãnh đạo cách mạng. Sự lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo chính trị, tức là Đảng đề ra đường lối cách mạng, tổ chức thực hiện và tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Đảng không can thiệp quá sâu, không bao biện làm thay công việc của các tổ chức thuộc đối tượng lãnh đạo của Đảng.

Trong thời kỳ Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, nhiệm vụ trọng tâm của Đảng là lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động lật đổ chế độ áp bức, bóc lột, giành chính quyền. Trong thời kỳ này, Đảng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chủ yếu bằng việc tập hợp, giáo dục, giác ngộ nhân dân, đưa họ vào các phong trào cách mạng đấu tranh giành chính quyền. Sự lãnh đạo của Đảng tập trung chủ yếu trên một số lĩnh vực như: chính trị, quân sự, ngoại giao..., lãnh đạo các tổ chức quần chúng, các lực lượng cách mạng do Đảng lập ra. Đảng đề ra đường lối, chủ trương, các giải pháp tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giành chính quyền.

Khi giành được chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền, nhiệm vụ trọng tâm của Đảng là lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đảng tổ chức hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; Đảng chịu trách nhiệm trước hết và cao nhất về cuộc sống vật chất, tinh thần của nhân dân và về vận mệnh của đất nước, dân tộc. Sự lãnh đạo của Đảng được mở rộng đối với toàn xã hội. Đảng lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, xã hội và các tổ chức khác... Đảng phải đề ra các quyết định chính trị đúng đắn đối

với các tổ chức, các lĩnh vực này, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhằm từng bước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Có thể coi, những quyết định đó là nội dung lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ Đảng cầm quyền.

Nội dung lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ Đảng cầm quyền là những quyết định của Đảng về đường lối, chủ trương, chính sách đối với công tác xây dựng nội bộ Đảng; các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, xã hội và các tổ chức khác...; các lĩnh vực của đời sống xã hội và việc chỉ đạo thực hiện các quyết định đó, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, việc xác định đúng nội dung lãnh đạo và tạo lập phương thức lãnh đạo đúng đắn là hai vấn đề quan trọng của Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền.

1.2. Khái niệm "phương thức lãnh đạo của Đảng"

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì lãnh đạo đúng nghĩa là:

"1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được"[1]. Hiểu được tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và để vận dụng thì những điểm nêu trên thực chất vừa là những yếu tố chủ yếu tạo nên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.5, tr.325.

sự lãnh đạo đúng của Đảng, vừa là quy trình, cách thức, phương pháp lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Từ đây, Đảng ta đã vận dụng và phát triển những giá trị tư tưởng quý báu đó của chủ nghĩa Mác - Lênin và của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo chính trị của mình.

Từ năm 1986, với sự nghiệp đổi mới toàn diện, sâu sắc đất nước, Đảng ta đứng trước yêu cầu phải đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều hội nghị sau này, trước hết là Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (năm 1989), Đảng ta đề ra những quan điểm đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị phù hợp với điều kiện mới. Bước đầu *hình thành một số quan điểm cơ bản định hướng cho quá trình đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền.* Đại hội VII (năm 1991) tiếp tục khẳng định những quan điểm đó và là một nội dung quan trọng của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.* Qua các Hội nghị Trung ương tiếp theo và Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994), các Đại hội VIII (năm 1996), Đại hội IX (năm 2001) và Đại hội X (năm 2006), Đảng ta tiếp tục cụ thể hóa, làm sáng tỏ và phong phú hơn các quan điểm chỉ đạo, yêu cầu và bước đi không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo một cách vừa tổng quát, vừa cụ thể trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội; và đã đạt được nhiều tiến bộ trong thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp đổi mới. Đại hội XI (năm 2011) và Đại hội XII (năm 2016), đặc biệt *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong*

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục tìm tòi và quyết sách những vấn đề lớn và thiết thực trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế... và đã tạo một bước tiến quan trọng trên phương diện này.

Từ góc nhìn chính trị học cho thấy, phương thức lãnh đạo của Đảng chính là *phương pháp chính trị và nghệ thuật lãnh đạo chính trị của Đảng*. Thực tiễn cách mạng nước ta đã khẳng định: Đảng ta ra đời là tất yếu khách quan. Tất cả các giai đoạn từ lãnh đạo toàn dân giành được chính quyền đến giai đoạn là Đảng cầm quyền, toàn bộ hoạt động của Đảng là phải xác định mục tiêu chung và những mục tiêu cụ thể của cách mạng nước ta, vạch ra được đường lối chính trị, các chủ trương lớn và phải biến mục tiêu, đường lối, chủ trương đó thành hiện thực. Đó chính là nội dung cốt lõi của sự lãnh đạo của Đảng. Nhưng làm thế nào để những nội dung đó được thực hiện thành công trong thực tế? Câu hỏi làm thế nào? Đó chính là vấn đề phương thức lãnh đạo của Đảng.

Từ phân tích trên, có thể hiểu: *Phương thức lãnh đạo của Đảng ta là tổng thể các hình thức, phương pháp, cách thức, quy chế, quy trình, phong cách, lề lối làm việc... mà Đảng sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo nhằm thực hiện thắng lợi nội dung lãnh đạo (Cương lĩnh chính trị, đường lối, các nghị quyết của Đảng).*

Phương thức lãnh đạo của Đảng, gồm:

Thứ nhất, Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh chính trị; các quan điểm, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội;

các chủ trương, quan điểm và các quyết định của Đảng về tổ chức, hoạt động của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

Thứ hai, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo Nhà nước thể chế hóa Cương lĩnh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và cụ thể hóa thành kế hoạch, chương trình hoạt động của Nhà nước để thực hiện trong toàn xã hội.

Thứ ba, thông qua hoạt động của các tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội...

Thứ tư, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện Cương lĩnh, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ năm, bằng công tác tổ chức, cán bộ các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội và bằng phong cách, lề lối làm việc của Đảng.

Thứ sáu, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, các lĩnh vực của đời sống xã hội; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng của các tổ chức này tiến hành thanh tra, kiểm soát, kiểm tra hoạt động của các cơ quan và cán bộ, công chức của các tổ chức đó.

Thứ bảy, động viên các đoàn thể nhân dân và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các tổ chức đảng, cán bộ, công chức và tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể và nhân dân thực hiện công việc này đạt chất lượng, hiệu quả.

Mặt khác, nhiều nhà khoa học thừa nhận rằng, hoạt động của Đảng hiện nay vừa có sự lãnh đạo, vừa có sự cầm quyền với phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng. Phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của

Đảng có những điểm giống nhau và khác nhau. Điểm *giống nhau* chủ yếu ở chỗ: sự tác động, ảnh hưởng của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội đều nhằm hướng tới thực hiện các cương lĩnh, mục tiêu do Đảng đề ra; Đảng phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Điểm *khác nhau* chủ yếu ở chỗ: phương thức lãnh đạo của Đảng tập trung ở việc xác định đúng đắn đường lối, mục tiêu thể hiện trong cương lĩnh, nghị quyết của Đảng; ở tính thuyết phục của công tác tư tưởng, tuyên truyền, giáo dục của Đảng; ở việc toàn Đảng, mỗi đảng viên luôn tự rèn luyện, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu về mọi mặt. Phương thức cầm quyền của Đảng tập trung ở việc thực hiện công tác cán bộ, cắt cử và nắm chắc, kiểm tra, giám sát những cán bộ ưu tú của Đảng giữ những vị trí chủ chốt của bộ máy nhà nước để trực tiếp và độc lập với những thẩm quyền nhất định trong việc điều hành quá trình hoạch định và thực thi các quyết định, chính sách của chính quyền nhà nước các cấp trên cơ sở pháp luật và các cơ chế đã được thể chế hóa nhằm thực hiện các định hướng mục tiêu của Đảng.

Sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng là hai mặt hoạt động có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. *Một mặt*, để có và giữ vững địa vị cầm quyền, đòi hỏi Đảng phải có và giữ vững địa vị lãnh đạo, tức là Đảng phải luôn có được vị trí tiên phong trong toàn xã hội, luôn được nhân dân tin yêu, đồng tình ủng hộ. *Mặt khác*, để có và giữ vững địa vị lãnh đạo, thì ngoài việc Đảng phải thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo, tức là nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách bảo đảm đúng đắn, hợp lòng dân; làm tốt công tác tư tưởng để tạo sự đồng thuận cao trong Đảng và toàn xã hội; làm tốt sứ mệnh "người đầy tớ trung thành của nhân dân", Đảng còn

phải thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền của mình, tức là làm tốt công tác tổ chức cán bộ, bảo đảm hiệu quả cao trong quản lý của Nhà nước bởi đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng ở các cơ quan quyền lực nhà nước và trên mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

Đảng lãnh đạo chứ Đảng không quản lý; Đảng là tổ chức lãnh đạo chứ không phải là cơ quan quản lý. Khái niệm Đảng lãnh đạo phản ánh hoạt động cơ bản của Đảng cả thời kỳ chưa có chính quyền và thời kỳ Đảng cầm quyền. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị. Đảng không chỉ lãnh đạo chính trị, mà còn lãnh đạo cả tư tưởng, tổ chức, cán bộ theo đường lối chính trị của Đảng.

Nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo có mối liên hệ hữu cơ với nhau, nội dung nào thì đòi hỏi phải có phương thức ấy cho phù hợp, nhưng không thể ngược lại. Như vậy, nội dung lãnh đạo quyết định phương thức lãnh đạo và có tính khách quan. Từ đó, phương thức lãnh đạo cũng phải mang tính khách quan.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng cầm quyền cũng tức là Đảng nắm chính quyền, nghĩa là Đảng có quyền lực trong thực tế. Tuy nhiên, Đảng ta là đội tiên phong không chỉ của giai cấp công nhân mà là của cả dân tộc, "... Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân"[1]; "Tôi chỉ có một đảng, Đảng Việt Nam"[2]; đồng thời, những cán bộ, đảng viên của Đảng trực tiếp thi hành những nhiệm vụ quản lý trong bộ máy nhà nước đều chỉ là những người được nhân dân "ủy thác", bầu ra để phục vụ nhân dân. Do vậy, ở nước ta, Đảng nắm chính

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.276; t.4, tr.478.

quyền cũng tức là nhân dân nắm chính quyền, bởi Đảng chỉ là lực lượng tiêu biểu, đại diện cho toàn dân nắm chính quyền. Cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước có quyền lực nhưng quyền lực đó là thuộc về nhân dân. Người viết: "Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy"[1]. Có thể thấy, đây là một nét đặc thù của Đảng cầm quyền ở Việt Nam hiện nay. Điều này không có được đối với các đảng cầm quyền ở nhiều nước trên thế giới, khi mà Đảng cầm quyền chỉ là Đảng đại diện cho một lực lượng trong nhiều lực lượng khác nhau của các giai cấp, tầng lớp dân chúng trong xã hội.

Những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về "Đảng lãnh đạo", "Đảng cầm quyền" nêu trên có ý nghĩa rất lớn đối với chúng ta hiện nay trong việc nhận thức đúng đắn nội hàm của các khái niệm đó làm cơ sở để đổi mới phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng một cách đúng hướng. Trước hết, trong mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước thực chất là quan hệ lãnh đạo, Đảng là chủ thể lãnh đạo Nhà nước, Nhà nước là đối tượng lãnh đạo của Đảng. Nhưng mặt khác, ở đây là Đảng cầm quyền, tức là Đảng có quyền lực, "Đảng cầm quyền", nắm quyền lực nhà nước bằng cách "Đảng hóa thân" sự lãnh đạo của mình trong sự quản lý của Nhà nước bằng đường lối, chủ trương, các tổ chức đảng và đảng viên, kiểm tra, giám sát trên từng phương diện của đời sống xã hội.

2. Về nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước

Ở nước ta, quan niệm về nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước có thể lược khảo lại như sau:

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.8, tr.263.

Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Quản lý nhà nước bao gồm toàn bộ các hoạt động từ ban hành các văn bản luật, các văn bản mang tính luật đến việc chỉ đạo trực tiếp hoạt động của đối tượng bị quản lý và vấn đề tư pháp đối với đối tượng quản lý cần thiết của Nhà nước. Hoạt động quản lý nhà nước chủ yếu và trước hết được thực hiện bởi tất cả các cơ quan nhà nước, song có thể các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trực tiếp thực hiện nếu được Nhà nước ủy quyền, trao quyền thực hiện chức năng của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Quản lý nhà nước là sự chỉ huy, điều hành xã hội của các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp và tư pháp) để thực thi quyền lực nhà nước, thông qua các văn bản quy phạm pháp luật.

Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức của Nhà nước, bằng pháp quyền và thông qua một hệ thống các chính sách với các công cụ quản lý nhằm đạt được mục tiêu phát triển đất nước đã đặt ra trên cơ sở sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước trong điều kiện mở cửa và hội nhập quốc tế.

Như vậy, quản lý nhà nước là hoạt động mang tính chất quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Quản lý nhà nước được xem là một hoạt động chức năng của Nhà nước trong quản lý xã hội và có thể xem là hoạt động chức năng đặc biệt. Quản lý nhà

nước là toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước, từ lập pháp, hành pháp, đến tư pháp.

Từ những quan niệm trên cho thấy, nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước thể hiện:

Quản lý nhà nước bằng phương thức mang tính quyền lực đặc biệt, tính tổ chức cao và tính mệnh lệnh đơn phương của Nhà nước. Quản lý nhà nước được thiết lập trên cơ sở mối quan hệ *"quyền uy"* và "*sự phục tùng*".

Quản lý nhà nước bằng phương thức mang tính tổ chức và điều chỉnh. Tổ chức ở đây được hiểu như một khoa học về việc thiết lập những mối quan hệ giữa con người với con người nhằm thực hiện quá trình quản lý xã hội. Tính điều chỉnh được hiểu là, Nhà nước bằng các công cụ pháp luật để buộc đối tượng bị quản lý phải thực hiện theo quy luật xã hội khách quan nhằm đạt được sự cân bằng trong xã hội.

Quản lý nhà nước bằng phương thức mang tính kế hoạch. Phương thức này đòi hỏi Nhà nước phải tổ chức các hoạt động quản lý của mình lên đối tượng quản lý phải có một chương trình nhất quán, cụ thể và theo những kế hoạch được vạch ra từ trước trên cơ sở nghiên cứu một cách khoa học.

Quản lý nhà nước bằng phương thức tác động mang tính liên tục, ổn định lên các quá trình xã hội và hệ thống các hành vi xã hội. Cùng với sự vận động biến đổi của đối tượng quản lý, hoạt động quản lý nhà nước phải diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị gián đoạn. Các quyết định của Nhà nước phải có tính ổn định, không được thay đổi quá nhanh. Việc ổn định các quyết định của Nhà nước giúp cho các chủ thể quản lý có điều kiện kiện toàn hoạt động của mình và hệ thống hành vi xã hội được ổn định.

Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ cần thiết để thực hiện chức năng quản lý của mình như công cụ định hướng: kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế,...

- Công cụ kinh tế, tài chính - tiền tệ: chính sách đầu tư, thuế khóa, chi tiêu ngân sách, hệ thống ngân hàng, lãi suất, điều kiện tín dụng,...

- Công cụ pháp lý: hệ thống pháp luật, các văn bản pháp quy,...

- Công cụ tổ chức, giáo dục...

Nhà nước sử dụng một số phương pháp quản lý như cưỡng chế, kích thích, thuyết phục và giáo dục,... để thực hiện nhiệm vụ đặt ra.

** Phân biệt giữa lãnh đạo và quản lý:*

Tổng quan lại từ nhiều quan niệm khác nhau về phân biệt giữa lãnh đạo và quản lý:

- Quản lý nghĩa là dẫn dắt hoàn thành công việc, chịu trách nhiệm và tiến hành. Lãnh đạo là tạo ảnh hưởng, là dẫn dắt định hướng về cách thức, tiến trình, hành động và quan điểm.

- Quản lý điều hành; lãnh đạo đổi mới.

- Quản lý là bản sao; lãnh đạo là bản gốc.

- Quản lý duy trì; lãnh đạo phát triển.

- Quản lý tập trung vào hệ thống và cấu trúc; lãnh đạo tập trung vào con người.

- Quản lý dựa vào sự kiểm soát; lãnh đạo khơi gợi sự tin tưởng.

- Quản lý chấp nhận thực tế; lãnh đạo điều tra thực tế.

- Quản lý có tầm nhìn hẹp; lãnh đạo có tầm nhìn rộng.

- Quản lý hỏi như thế nào và khi nào; lãnh đạo hỏi cái gì và tại sao?

- Quản lý tập trung kết quả cuối cùng; lãnh đạo quan tâm tới phạm vi rộng lớn bên ngoài.

- Quản lý làm theo; lãnh đạo khởi nguồn.

- Quản lý chấp nhận hiện trạng; lãnh đạo thách thức nó.

- Quản lý làm đúng việc; lãnh đạo làm việc đúng.

- "Lãnh đạo, ngược lại, là đối mặt với sự thay đổi... Nhiều thay đổi hơn luôn đòi hỏi nhiều sự lãnh đạo hơn".

- Lãnh đạo chủ yếu là lãnh đạo con người, xử lý quan hệ giữa người với người, đặc biệt là quan hệ cấp trên và cấp dưới. Đây là vấn đề cốt lõi trong hoạt động lãnh đạo. Còn về quản lý, ngoài quản lý con người, đối tượng của quản lý còn bao gồm tài chính, vật chất. Quản lý không chỉ xử lý quan hệ giữa người với người, mà còn phải xử lý mối quan hệ tài chính và vật chất, giữa vật chất và con người, giữa con người và tài chính. Phạm vi mà quản lý đề cập đến rộng hơn nhiều so với lãnh đạo.

Hoạt động lãnh đạo tập trung vào việc đưa ra quyết sách, xác định mục tiêu, kế hoạch phấn đấu, vạch ra chính sách tương ứng và phương hướng lãnh đạo khu vực, ban, ngành, đơn vị tiến lên phía trước... Còn quản lý tập trung giữ vững và tăng cường hoạt động của tổ chức để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu mà lãnh đạo đã xác định.

Như vậy, xét về mặt đại cục thì lãnh đạo và quản lý là hai công việc khác nhau, nhưng thống nhất, không tách rời nhau, tạo thành một chỉnh thể. Chúng luôn làm tiền đề, chuyển hóa cho nhau trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau trên cơ sở tính độc lập tương đối của quá trình lãnh đạo và quản lý. Nhưng xét về mặt lôgíc thì chúng ta cần lãnh đạo trước và quản lý sau, "cái gì và tại sao"... rồi mới đến... "như thế nào và khi nào"!

Tựu trung lại, từ cách tiếp cận đa chiều và hệ thống thì nội dung lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phương

thức lãnh đạo của Đảng, phương thức quản lý của Nhà nước tập trung vào bốn nhóm công việc chính yếu: (1) Hoạch định đường lối chính trị (đối với Đảng) và lãnh đạo hoạch định chính sách, pháp luật đúng đắn (đối với Nhà nước) nhằm không ngừng phát triển đất nước; (2) Xác lập phương pháp, cách thức lãnh đạo tổ chức thực hiện hiệu quả đường lối chính trị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; (3) Xây dựng bộ máy - tổ chức, kiến tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng và toàn hệ thống chính trị hoạt động tương dung với đường lối chính trị; và (4) Kiểm tra, giám sát toàn bộ việc thực hiện đường lối chính trị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Nói cách khác, đó *chính là những phương diện chủ yếu của phương thức lãnh đạo của Đảng.* Đó cũng chính là những lĩnh vực, là môi trường, là thước đo hiệu quả hoạt động của bộ máy của Đảng và Nhà nước. Nội dung và phương thức hoạt động của Đảng và Nhà nước đều tập trung vào đây.

II. MỐI QUAN HỆ GIỮA LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI; NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CẤP THIẾT ĐANG ĐẶT RA; ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP MỚI ĐẾN NĂM 2020 VÀ CHO GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết đang đặt ra hiện nay

Đảng lãnh đạo toàn diện đất nước và chịu trách nhiệm về mọi thành công, thiếu sót trong sự nghiệp xây dựng và bảo

vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng là để bảo đảm quyền lực của nhân dân, thực sự thuộc về nhân dân. Vì, chỉ có Đảng lãnh đạo thì Nhà nước mới thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đảng không buông lỏng sự lãnh đạo, nhưng cũng không được đứng trên Nhà nước, không độc đoán đối với Nhà nước, mà phải thực thi chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của mình thật sự dân chủ, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Và, Đảng cầm quyền chứ không nhà nước hóa mình. Đây không chỉ là vấn đề có tính nguyên tắc mà còn là bài học kinh nghiệm sau hơn 30 năm đổi mới sinh động và thành công vừa qua, trên tất cả mọi phương diện.

Đảng lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước, do đó, Đảng đổi mới phương thức lãnh đạo là để phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân là những nhân tố thống nhất. *Hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và sự phát triển của đất nước là thước đo trình độ lãnh đạo của Đảng.* Đổi mới, hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng là phải làm cho Nhà nước thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và vì mục tiêu tối cao là bảo vệ và phục vụ lợi ích của nhân dân. Là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội, Đảng đặc biệt đề phòng phạm phải các sai lầm như: quan liêu, lạm quyền, thoái hóa, biến chất, đặc quyền, đặc lợi... Vấn đề mấu chốt là, phải phân định rõ chức năng của Đảng và của Nhà nước, của các đoàn thể chính trị - xã hội, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, hình thức, biện pháp phát huy dân chủ, ngăn ngừa, khắc phục sai lầm; hết sức

chăm lo thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, phát huy mạnh mẽ trí tuệ, nghị lực và năng lực sáng tạo to lớn của nhân dân.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, một trong những vấn đề quan trọng là xây dựng phương pháp, cách thức quản lý nhà nước bằng pháp luật, tuân thủ luật pháp; là nêu cao vai trò của pháp chế, yêu cầu mọi tổ chức, mọi công dân đều phải tôn trọng và tuân thủ pháp luật... nhằm phục vụ và bảo vệ tốt nhất lợi ích của nhân dân, của đất nước. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dựa trên cơ sở khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng, do Đảng lãnh đạo.

Trên thực tế, cần lưu ý trong một số lĩnh vực, một số vấn đề không thể phân chia một cách máy móc, càng không thể đồng nhất giữa sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, tính chủ động của các đoàn thể chính trị - xã hội, vì các vấn đề đó có sự khác nhau về chủ thể thực hiện, về hình thức thực hiện, cách thức và công cụ thực hiện.

Trong một số tổ chức và lĩnh vực, ở một số khâu còn chưa phân định thật rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, nhất là trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế... Vẫn tồn tại tình trạng bao biện lẫn tình trạng buông lỏng, thậm chí lúng túng ở một số phương diện. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng vẫn là một khâu yếu, cấp bách chưa được khắc phục kịp thời và hiệu quả. Đảng ta nhấn mạnh: "Đổi

mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm, nhất là việc cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có những nội dung còn lúng túng. Chưa xác định rõ nội dung và phương thức cầm quyền...". Đây thực sự là những vấn đề quan trọng trong việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới hiện nay.

2. Quan điểm giải quyết mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước

2.1. Xác định vị thế của Đảng trong cơ chế quyền lực khi Đảng chuyển từ vai trò lãnh đạo giành chính quyền trở thành Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo Nhà nước

Phải khắc phục tình trạng nhận thức và hành động ở nơi này, nơi khác từ trước tới nay vẫn nói: *tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân*, nhưng trên thực tế vẫn suy nghĩ và hành xử theo một nguyên tắc không thành văn: *tất cả quyền lực thuộc về Đảng cầm quyền(!).* Trong đấu tranh giành chính quyền thì phải như thế. Giành được chính quyền rồi thì phải trao cho số đông dân chúng nắm giữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói thế và nói rất đích đáng. Nhưng việc duy trì cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp quá lâu, cái giá phải trả là rất nặng nề, nó ảnh hưởng dai dẳng, lâu dài tới cả thế hệ hiện nay. Đến nay, hai chiều hướng: hoặc Đảng bao biện làm thay chính quyền (tức là vẫn tồn tại phương thức lãnh đạo thời kỳ kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp), hoặc

buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng vẫn chưa được khắc phục triệt để, mà còn xuất hiện thêm mầm mống của một chiều hướng nữa là vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng ngay trong một số doanh nghiệp nhà nước. Đó là "một số không nhỏ" đã bám vào Đảng (nói như V.I. Lênin là chui vào Đảng), vào cấp ủy như tìm một cái cầu thang để leo lên con đường danh vị, để thăng quan phát tài như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng phê phán.

Mấu chốt của vấn đề là chưa làm rõ được vị thế của Đảng trong cơ chế quyền lực: Đảng - Nhà nước - Nhân dân. Đó là một cơ chế quyền lực được ủy thác bởi duy nhất một chủ sở hữu quyền lực là Nhân dân. Vì vậy, quyền lãnh đạo chính trị của Đảng thực chất là quyền lực được chủ sở hữu quyền lực ấy là Nhân dân ủy thác. Tính chính đáng và tính hợp lý, hợp pháp về quyền lực này thể hiện rất rõ rằng, không chỉ ở việc Đảng tự tuyên bố mà còn được Hiến pháp quy định. Một khi đã hiến định thì phải có các đạo luật điều chỉnh và thiết lập một chế độ bảo đảm để người trao quyền (Nhân dân) kiểm soát được quyền lực ấy trên thực tế. Điều này hiện chúng ta còn lúng túng.

2.2. Định vị rõ ràng địa vị pháp lý về mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng với quản lý của Nhà nước

Hiến pháp năm 2013 sẽ trở thành luận đề xuất phát để định vị, xây dựng mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước với những luận cứ và luận chứng xác thực. Thực chất mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay. Giải quyết tốt

mối quan hệ này thì mới có tiền đề và điều kiện để thực thi quyền lực chính trị của nhân dân lao động.

Điều 4 Hiến pháp năm 2013 không những xác định vai trò lãnh đạo của Đảng, mà còn là chỗ dựa pháp lý để Nhân dân, đại diện là Quốc hội thực thi quyền bảo hiến, giám sát tổ chức và hoạt động của Đảng, buộc Đảng lãnh đạo, tức là từng cấp ủy phải chịu trách nhiệm về các quyết sách chính trị của mình cũng như mọi hoạt động công vụ của tổ chức đảng và của từng đảng viên.

Điều 4 Hiến pháp năm 2013 quy định quyền lực của Nhân dân đối với Đảng, đây là vấn đề cốt tử để giữ cho vai trò lãnh đạo của Đảng được bền vững (giám sát việc xây dựng Đảng, buộc các nghị quyết, chỉ thị, tuyên bố của Đảng không trái với Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng Quốc hội - cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất do Nhân dân bầu ra, không cho phép một số cấp ủy, một số đảng viên lạm quyền, vi hiến hoặc vi phạm pháp luật biến Đảng lãnh đạo trở thành đảng trị với mưu đồ đặc quyền, đặc lợi... Đây thực chất là quy định pháp lý về mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Điều 4 Hiến pháp năm 2013 buộc các đại biểu Quốc hội do Nhân dân bầu ra phải hoạt động với tinh thần trách nhiệm cao, làm cho Quốc hội tiếp thu và thực hiện đường lối, chủ trương đúng của Đảng, đồng thời phải đóng góp ý kiến để Quốc hội ra các quyết nghị, xử lý khi có dấu hiệu cấp ủy hoặc đảng viên vi hiến và vi phạm pháp luật. Việc này mặc dù chúng ta chưa quen, chưa có tiền lệ trong các nước xã hội chủ nghĩa, nhưng chính tầm nhìn của mình nên Đảng ta đã chỉ đạo xây dựng Hiến pháp năm 2013 và chỉ ra cách làm mới đó.

Nhiều cuộc hội thảo khoa học đã đặt ra vấn đề rằng, khi nói Đảng chịu trách nhiệm trước Nhân dân thì cũng phải cụ thể hóa bằng văn bản quy phạm pháp luật, vì Đảng tồn tại lâu dài nhưng cơ quan quyền lực của Đảng lại tồn tại theo nhiệm kỳ. Vậy ai là người thay mặt tổ chức đảng chịu trách nhiệm trước Nhân dân. Phải chăng là người đứng đầu (Tổng Bí thư và Bí thư cấp ủy các cấp) trong nhiệm kỳ họ được bầu?

2.3. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước phải gắn với việc đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nhà nước pháp quyền mà chúng ta đang xây dựng là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thì cũng chính là thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*...

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*"[1].

Nhiều nhà nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã khẳng định: Tư tưởng dân tổ chức ra Đảng từ Trung ương đến xã là một tư tưởng lớn, một phát kiến độc đáo, riêng có của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong khoa học xây dựng Đảng. Chúng ta cần thấu hiểu và quán triệt đầy đủ tư tưởng quý báu này làm kim chỉ nam khi giải quyết mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng với quản lý của Nhà nước. Vì đây là vấn đề cốt lõi để *Đảng vững bền*, là nền tảng để Đảng xây lầu thắng lợi.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.232.

2.4. Giải quyết mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong tình hình hiện nay là một vấn đề chính trị cơ bản và cấp bách, vì nó có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ

Một vấn đề chính trị cơ bản, cấp bách và có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ ta hiện nay là: nếu không chống được nạn tham nhũng và hối lộ thì cũng không có sự nghiêm chỉnh thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và cũng không thể áp dụng phương thức lãnh đạo nào, phương thức quản lý nào có kết quả cả, rồi thì mọi cái vẫn lại lơ lửng, lại xấu hơn mà thôi. Đúng như V.I. Lênin đã cảnh báo rằng: "Cuối cùng, nếu còn có một hiện tượng như nạn hối lộ, nếu còn có thể hối lộ được, thì cũng không thể nói đến chính trị được. Trong trường hợp này, thậm chí cũng không thể nói đến làm chính trị được, vì mọi biện pháp đều sẽ lơ lửng trên không trung, sẽ hoàn toàn không mang lại kết quả gì cả. Một đạo luật chỉ có thể đưa đến kết quả xấu hơn, nếu trên thực tiễn nó được đem áp dụng trong điều kiện nạn hối lộ còn được dung thứ và đang thịnh hành"[1].

2.5. Giải quyết mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong tình hình hiện nay phải gắn với việc thực hiện nghiêm túc dân chủ thực sự trong Đảng và trong xã hội

Một khi chưa có dân chủ thực sự thì cái "chìa khóa vạn năng" ấy chưa thể mở cánh cửa để cách mạng nước ta lại

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t.44, tr.218.

bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, sâu sắc hơn, trong đó có việc giải quyết mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trong tình hình hiện nay. Đó chính là vấn đề có ý nghĩa sống còn của Đảng ta khi hơn 30 năm đổi mới đang phải vượt qua "cái ngưỡng" để bước vào giai đoạn phát triển mới.

** Điều kiện về việc giải quyết mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong tình hình hiện nay:*

Quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân ở nước ta là quan hệ tạo linh hồn sống và cấu trúc cơ thể phát triển của hệ thống chính trị dân chủ ở nước ta. Thành công hay thất bại đều từ đây. Trong số các vấn đề về mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước thì việc xử lý cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" có vị trí hết sức quan trọng. Đặc điểm lớn nhất của chế độ pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Điều đó có nghĩa, Đảng có vị trí lãnh đạo và cầm quyền hợp hiến và hợp pháp với đầy đủ các quyền lãnh đạo và trách nhiệm chính trị. Nhà nước nào pháp luật đó.

Sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định sự thành công của cách mạng. Nội hàm này phải được xác định rõ ràng với các nội dung:

- Đảng Cộng sản không có lợi ích riêng khi cầm quyền, tất cả vì Tổ quốc, vì nhân dân. Nội dung này là nền tảng sâu xa của tính chất quyết định nêu trên. Nếu để cho nhiều đảng viên cầm quyền trục lợi cá nhân, hà hiếp, cướp đoạt lợi ích của nhân dân thì mọi việc sẽ đảo ngược tất cả. Trong tình hình đó thì khó mà nói với dân về sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định sự thành công của cách mạng được.

- Sự lãnh đạo của Đảng chỉ có tính quyết định sự thành công của cách mạng khi nó phản ánh đúng xu hướng khách quan của lịch sử. Nếu có sai sót thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung. Thử - sai - đổi mới phải là một quá trình thực tiễn liên tục của lãnh đạo chính trị. Bảo thủ, trì trệ kéo dài sẽ không bao giờ đem lại kết quả tốt lành. Vì vậy ở đây, việc đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, đề xuất được đường lối, chính sách đúng có ý nghĩa quyết định trực tiếp, trước tiên.

Mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước chỉ có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng khi nó gắn được với dân ở mọi bình diện, mọi cấp độ. Tính khách quan của tiến triển lịch sử không phải nằm bên ngoài mà phản ánh trung thực vào bên trong cuộc sống của nhân dân. Tổng hòa những nguyện vọng, đòi hỏi, xu hướng hành động của nhân dân là tính khách quan lịch sử đang tồn tại. Quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển lịch sử là do đây. Do đó, phản ánh khách quan cũng có nghĩa là phản ánh những đòi hỏi của nhân dân và tập hợp nhân dân thực hiện những đòi hỏi đó.

Ý Đảng không phải tự Đảng mà là phản ánh tập trung ý dân. Lòng dân không những là sự trung thành theo Đảng, mà còn là ý tưởng và đòi hỏi đúng đắn của dân nên Đảng phải lãnh đạo thực hiện. Đảng là, hay gần như là cái gì đứng trên và từ trên nhìn xuống dân; ý là của Đảng, dân chỉ là lực lượng thực hiện - đó là con đường trượt dài đến thảm họa của nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây và cả trong những giai đoạn khủng hoảng nhiều mặt của chúng ta trước đây. Không nên tuyên truyền chính trị theo hướng Đảng trên dân, cán bộ Đảng đến gặp dân thì lên lớp huấn thị, dân thì cầm cờ đứng đón, thậm chí cầm cờ ngồi nghe; còn kiểm điểm, tự phê bình

trước dân là chuyện xa lạ; cán bộ đến như quan trên xuống chứ không phải cán bộ của dân đến gặp dân. Phong cách và cách tiếp cận dân như thế hoặc gần như thế vẫn còn là chuyện thường ngày ở các cấp.

Đảng ta là Đảng duy nhất lãnh đạo chính trị, lãnh đạo Nhà nước. Tính ưu việt của nó là ở chỗ: loại trừ lợi ích và cạnh tranh phe phái, đảng phái. Tất cả thống nhất vì lợi ích của dân, của Tổ quốc. Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, đang hình thành một nền chính trị phi bè phái; lợi ích thống nhất, quyền lực thống nhất, sức mạnh thống nhất - tất cả vì dân, vì Tổ quốc, vì con người mà phát triển. Một đảng không có lợi ích riêng khi cầm quyền, cầm quyền vì lợi ích chung thì đa đảng sẽ gây bè phái, phân tán...

** Nguyên tắc giải quyết mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước:*

Trong quá trình đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, điểm rường cột và nổi bật là, tiếp tục nắm chắc và quán triệt hơn nữa một số vấn đề về *nguyên tắc Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và không ngừng hoàn thiện cơ chế vận hành của hệ thống chính trị.*

Cần phân biệt rõ ràng và dứt khoát hơn rằng, Đảng lãnh đạo Nhà nước khác cơ bản với Đảng là Nhà nước, bên trên và bên ngoài Nhà nước của nhân dân. Lãnh đạo chính trị là nhằm thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân theo luật định chứ không phải tự mình giành lấy quyền lực đó. Tiêu chuẩn để đánh giá sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là hiệu quả trong việc xây dựng quyền lực nhà nước của nhân

dân chứ không phải cơ quan Đảng phải có quyền Nhà nước đến mức nào.

Phải để công việc Nhà nước được thực hiện bằng con đường Nhà nước, bằng quyền lực của nhân dân với hàng loạt đường lối, chính sách của Đảng đã được luật hóa cùng đội ngũ đảng viên, tổ chức đảng ngay trong cơ quan nhà nước. Thực chất sự lãnh đạo từ các tổ chức của Đảng đối với Nhà nước thể hiện tập trung ở ba mặt sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu, đề xuất đường lối, chính sách định hướng cho toàn xã hội cũng như để xác định các nội dung cơ bản của hoạt động Nhà nước (qua thảo luận, bổ sung và quyết định của Quốc hội và trực tiếp của dân...).

Thứ hai, xây dựng Đảng sao cho mỗi đảng bộ là nơi tập trung được lương tri và trí tuệ tương ứng ở mỗi cấp. Các đảng viên là tấm gương sáng cho dân noi theo và có thể được dân lựa chọn bầu làm cán bộ lãnh đạo hay cầm quyền Nhà nước cho dân.

Thứ ba, Đảng đứng về phía nhân dân mà giám sát tất cả.

Các cấp ủy và các cơ quan Đảng không điều hành cụ thể công việc Nhà nước, nhưng giám sát tất cả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Không điều hành Nhà nước nhưng Đảng phải chịu trách nhiệm chính trị về tất cả. Các cơ quan Đảng phải thật sự sát dân, phát hiện kịp thời những thiếu sót, sai trái trong quan hệ Nhà nước - Nhân dân và buộc các cơ quan, cán bộ có trách nhiệm phải xử lý kịp thời mới giải quyết tốt mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Hiện nay, ở nước ta không phải chỉ là vấn đề giám sát của Quốc hội mà quan trọng và sâu xa hơn là vấn đề *"đứng về phía nhân dân mà giám sát tất cả" của Đảng.* Điều này không

làm tốt thì việc giám sát của Quốc hội dễ bị tê liệt. Nhiều cán bộ của các cơ quan đảng muốn bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng thường loay hoay trong việc đòi quyền điều hành hành chính thay vì việc thực hiện có hiệu quả việc *giám sát chính trị.* Đảng kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước thông qua tổ chức đảng, đảng viên; đồng thời, lãnh đạo công tác thanh tra của Nhà nước; lãnh đạo tổ chức, động viên quần chúng kiểm tra, giám sát các công việc và hoạt động của Nhà nước; phát huy mặt tốt, khắc phục mặt yếu kém, đẩy lùi tiêu cực. Thông qua đó, tổng kết kinh nghiệm, luôn bổ sung, hoàn chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Xây dựng quy chế công tác và chỉ đạo việc phối hợp kiểm tra của cấp ủy với thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân, nhằm nâng cao chất lượng kiểm tra, thanh tra làm cho sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đạt hiệu lực, hiệu quả cao và đúng pháp luật.

Hiểu sâu được nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, phân biệt rõ ràng giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, giữa quyền lãnh đạo của Đảng và quyền lực tối thượng của Nhân dân - vẫn còn là vấn đề lớn của chúng ta trong xây dựng hệ thống chính trị và thể chế dân chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Một số giải pháp chủ yếu giải quyết mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước

3.1. Phải xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm tất cả mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các

nghị quyết, quyết định, nguyên tắc giải quyết các vấn đề trọng đại của quốc kế dân sinh; xử lý những vấn đề cụ thể, nhưng có ý nghĩa chính trị quan trọng tới nhiều giai cấp, tầng lớp và những vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế. Trong khi kiên trì nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối và trực tiếp về mọi mặt đối với lĩnh vực quốc phòng và an ninh, cần phát huy tốt vai trò, chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước trong các lĩnh vực đó.

3.2. Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch, các chương trình mục tiêu lớn của Nhà nước, bảo đảm cho Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống một cách đầy đủ, kịp thời và hiệu quả

Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội.

3.3. Đảng phải đổi mới công tác cán bộ

Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước phù hợp với nhiệm vụ mới, trước hết bảo đảm xây dựng Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả cao. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc thống nhất lãnh đạo và quản lý công tác tổ chức cán bộ và đội ngũ cán bộ chủ chốt làm việc trong các cơ quan nhà nước; đồng thời tôn trọng, phát huy trách nhiệm của các tổ chức, phát huy mọi sáng kiến của cán bộ, đảng viên là công chức, viên chức.

Kết hợp chặt chẽ việc lãnh đạo bằng tổ chức đảng với lãnh đạo thông qua cá nhân đảng viên, nhất là người đứng đầu trong bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân

chủ và nêu cao vai trò, trách nhiệm của đảng viên là người đứng đầu. Cùng với việc kiện toàn bộ máy, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng, trước hết là Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng trong các cơ quan nhà nước, cần chú trọng nâng cao trách nhiệm và tính đảng của các đảng viên hoạt động trong các cơ quan này. Mọi đảng viên, bất kể ở cương vị nào đều phải luôn nêu cao tính đảng cả trong nhận thức, hành động, trong giữ gìn phẩm hạnh và lối sống; gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng *bảo đảm cho Nhà nước hoạt động theo đúng đường lối chính trị, bảo đảm phối kết hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tạo cơ chế cho Nhà nước và các tổ chức hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ,* từ đó *giải quyết* tốt mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước nhằm thực thi có hiệu lực, hiệu quả quyền lực của nhân dân. Theo đó, việc *giải quyết* mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước bao gồm những biện pháp xử lý các mối quan hệ cụ thể giữa lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, Chính phủ, cơ quan tư pháp và chính quyền địa phương.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

PGS.TS. TRẦN QUỐC TOẢN*

I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA VIỆC TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Từ khi ra đời năm 1930 đến nay, Đảng ta, trên thực tế, đã trở thành lực lượng độc tôn lãnh đạo cách mạng nước ta. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền; và sau khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ thắng lợi, đất nước thống nhất, Đảng trở thành Đảng cầm quyền trên quy mô cả nước.

Để hoàn thành tốt chức trách là Đảng cầm quyền, cùng với việc đề ra cương lĩnh, đường lối, chủ trương, định hướng chính trị đúng đắn, *Đảng phải có phương thức lãnh đạo đúng đắn, khoa học, phù hợp*. Phương thức lãnh đạo có vai trò quyết định và là nhân tố bảo đảm cho đường lối của Đảng được hiện thực hóa trong cuộc sống. Phương thức lãnh đạo

---

* Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương.

của Đảng thường gắn liền với tổ chức bộ máy hiện thực hóa sự lãnh đạo của Đảng.

2. Nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo có quan hệ biện chứng với nhau. Phương thức lãnh đạo phù hợp thì Đảng mới thực hiện được sự lãnh đạo của mình hiệu quả, mới chuyển tải được nội dung lãnh đạo đến đối tượng lãnh đạo nhằm thực hiện mục đích đề ra. Phương thức lãnh đạo của Đảng không phải là bất biến mà thay đổi theo thời gian, theo từng giai đoạn cách mạng. Đảng cầm quyền trong các thời kỳ khác nhau thì phương thức lãnh đạo và cầm quyền cũng có những nội dung và tính chất khác nhau.

Khi trở thành Đảng cầm quyền, trong các thiết chế chịu sự lãnh đạo của Đảng, bên cạnh những tổ chức chính trị - xã hội do Đảng lãnh đạo, còn có một hệ thống tổ chức đặc biệt, đó là *Nhà nước - thiết chế chính trị đảm nhận chức trách chủ yếu trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, làm cho đường lối, chủ trương của Đảng được thực hiện bằng sức mạnh của cả xã hội thông qua Nhà nước*. Chính vì vậy, trong quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo, Đảng phải đặc biệt quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của mình đối với Nhà nước.

3. Từ khi đổi mới đến nay, Đảng ta ngày càng quan tâm hơn đến đổi mới phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng. Phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng từng bước được đổi mới, có những bước tiến quan trọng so với thời kỳ kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và XII của

Đảng đã nhìn nhận những tiến bộ trong phương thức lãnh đạo, đó là: (1) Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tốt hơn tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị, ngày càng coi trọng và tôn trọng vai trò các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; (2) Việc mở rộng, phát huy dân chủ trong Đảng được chú trọng; (3) Phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cơ sở có bước tiến bộ, tiếp tục được cải tiến theo hướng sâu sát cơ sở, gần gũi nhân dân, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát; (4) Đảng ngày càng xác định rõ hơn nội dung, phạm vi lãnh đạo, mối quan hệ lãnh đạo của cấp ủy với cơ quan nhà nước, nhất là ở cấp Trung ương. Đã xây dựng được quy chế làm việc của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp...

Tuy nhiên, Đảng ta đồng thời cũng chỉ rõ những hạn chế, bất cập trong phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền, trong đó có những hạn chế để kéo dài, chậm được khắc phục. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị nói chung, với Nhà nước nói riêng, trên một số mặt còn chậm đổi mới và lúng túng. *Việc phân định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện giữa cơ quan Đảng và cơ quan nhà nước còn có những nội dung chưa cụ thể, rõ ràng*, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình, yêu cầu đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chậm ban hành những quy định cụ thể về phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, về mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Thiếu những quy định cụ thể bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành

dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Tình trạng Đảng bao biện, làm thay, lấn sân công việc của chính quyền, cơ quan Đảng chạy theo những việc sự vụ, can thiệp quá sâu vào công việc của chính quyền...; ngược lại, cũng vẫn còn tình trạng cấp ủy buông lỏng lãnh đạo chính quyền, không phát huy được tốt vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng... Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với từng cấp trong hệ thống Nhà nước và đối với từng lĩnh vực còn những nội dung và phương pháp chưa phù hợp, do đó hiệu lực và hiệu quả lãnh đạo chưa cao. Cả phương thức lãnh đạo - cầm quyền của Đảng, phương thức quản lý của Nhà nước và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn mang không ít dấu ấn của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến "thiết kế", xây dựng tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị. Vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng gắn với đổi mới và xây dựng tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả càng trở nên bức thiết hơn trước yêu cầu của giai đoạn mới: Đẩy mạnh phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát huy dân chủ; đẩy mạnh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn; nhất là không để đất nước bị tụt hậu. Chính vì vậy, Đại hội XII của Đảng đã xác định phải "Nâng cao hiệu quả thực hiện và tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.214.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Để nhận thức rõ nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, cần nhận thức rõ vấn đề Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền được chế định như thế nào đối với phương thức lãnh đạo của Đảng.

1. Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền

Trong các văn kiện của Đảng, khái niệm: "Đảng lãnh đạo", "Đảng cầm quyền" gần đây đã được sử dụng khá thường xuyên. Trong Văn kiện Đại hội X, Đảng ta đã xác định: "Nghiên cứu, tổng kết, tiếp tục làm rõ quan điểm về Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền làm cơ sở đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng một cách cơ bản, toàn diện"[1]. Đại hội XI của Đảng tiếp tục xác định: "Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề về đảng cầm quyền..."[2]. Xác định rõ nội hàm của các khái niệm "Đảng lãnh đạo", "Đảng cầm quyền", "Đảng lãnh đạo chính quyền" (và hệ thống chính trị nói chung) có vai trò quan trọng trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị hiện nay, trong đó có vấn đề quan trọng là xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

1.1. Đảng lãnh đạo

Khái niệm "Đảng lãnh đạo" được hiểu là *Đảng đề ra*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 306.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 255.

Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, tuyên truyền vận động nhân dân tin theo và Đảng lãnh đạo tổ chức thực hiện (Ví dụ: Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng, giành chính quyền). Các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện vai trò tiên phong, gương mẫu, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân để giành được sự đồng tình, ủng hộ một cách tự nguyện của đại đa số nhân dân đối với Đảng, đi theo Đảng, kể cả khi Đảng chưa giành được chính quyền, nhằm thực hiện mục tiêu chính trị của Đảng đề ra[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra khái niệm Đảng lãnh đạo rất cụ thể và sâu sắc: "Lãnh đạo là làm đày tớ nhân dân và làm cho tốt"[2]; "Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ, từ Trung ương đến khu, đến tỉnh, đến huyện, đến xã, bất kỳ ở cấp nào và ngành nào - đều phải là người đầy tớ trung thành của nhân dân"[3], có như vậy nhân dân mới tin, tín nhiệm và đi theo.

Khái niệm "Đảng lãnh đạo" thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, "Đảng lãnh đạo" là chỉ sự tác động, ảnh hưởng của Đảng bằng việc xác định được Cương lĩnh, đường lối, mục tiêu chính trị đúng đắn đáp ứng lợi ích và nguyện vọng cơ bản của đông đảo quần chúng nhân dân; các tổ chức đảng và đảng viên trở thành lực lượng tiên phong vận động, lãnh đạo quần chúng nhân dân.

---

1. Xem Nguyễn Hữu Đổng, Ngô Duy Đức: *Nhận thức khái niệm "Đảng lãnh đạo", "Đảng cầm quyền" theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, http://www.xaydungdang.org.vn/Home/tutuonghochiminh/2011/3924/Nhan-thuc-khai-niem-Dang-lanh-dao-Dang-cam-quyen-theo-Tu.aspx.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 292.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr. 83-84.

Thứ hai, "Đảng lãnh đạo" không phải dựa vào quyền lực (hiểu theo nghĩa cưỡng bức, ép buộc) trong quá trình tác động đến đối tượng lãnh đạo là quần chúng nhân dân, mà vận động quần chúng nhân dân ủng hộ, đi theo Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng đối với quần chúng nhân dân là sự vận động mang tính thuyết phục để nhân dân đi theo, ủng hộ, thực hiện Cương lĩnh, đường lối, nghị quyết của Đảng.

Thứ ba, "Đảng lãnh đạo" được hiểu như sự suy tôn của quần chúng nhân dân, thừa nhận Đảng là lực lượng lãnh đạo của mình.

Thứ tư, Đảng phải có năng lực thực tiễn tập hợp, tổ chức quần chúng bằng những hình thức thích hợp để tạo nên sức mạnh thực hiện đường lối của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ rằng: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"[1]. Như vậy trong khái niệm "Đảng lãnh đạo" chứa đựng nội dung uy tín - tín nhiệm - thừa nhận - ủng hộ - đi theo của quần chúng nhân dân đối với Đảng, khi Đảng có Cương lĩnh, đường lối đúng thể hiện được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đại đa số nhân dân. Trong bản chất, sự lãnh đạo của Đảng không có quyền lực áp đặt (nhất là quyền lực nhà nước, quyền lực pháp luật); hay nói đúng hơn Đảng lãnh đạo bằng "quyền lực mềm". Với đường lối

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t. 3, tr. 168.

đúng đắn, Đảng có thể đạt được vai trò lãnh đạo đối với các tầng lớp nhân dân ngay cả khi chưa giành được chính quyền.

1.2. Đảng cầm quyền

Cầm quyền là chủ thể lãnh đạo "nắm chính quyền", trực tiếp lãnh đạo chính quyền. Đảng cầm quyền là Đảng được nhân dân giao (ủy thác) qua bầu cử, hay giành được bằng cách nào đó quyền thành lập và lãnh đạo Nhà nước (Chính phủ).

Khi Đảng được cầm quyền, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội được thể hiện qua sự tín nhiệm của nhân dân trao cho quyền thành lập và lãnh đạo Nhà nước; đồng thời Đảng thực hiện sự cầm quyền bằng cách thông qua Nhà nước - bằng con đường pháp luật (pháp quyền) mà nhân dân ủy quyền cho Nhà nước để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội.

Như vậy là Đảng nắm giữ vai trò lãnh đạo Nhà nước (Chính phủ), thông qua Nhà nước để cụ thể hóa, thể chế hóa, kiểm soát quá trình hoạch định và thực thi đường lối, chính sách của Đảng trên toàn xã hội. Có nghĩa là Đảng trực tiếp "có quyền lực nhà nước", thông qua quyền lực nhà nước để thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của mình và qua Nhà nước để thực hiện chúng trong cuộc sống. Các quyết định của Đảng (đường lối, chủ trương, chính sách) thể hiện qua "danh nghĩa" quyền lực nhà nước (quyền lực do người dân ủy nhiệm), thông qua quá trình thể chế hóa dân chủ đã được pháp luật quy định, chứ không phải Đảng đưa ra các quyết định nhân danh Đảng buộc Nhà nước và xã hội phải tuân theo[1]. Khái niệm "Đảng cầm quyền" còn được hiểu là

1. Xem Nguyễn Văn Huyên: *Đảng Cộng sản cầm quyền - Nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.36-38.

"Đảng nắm chính quyền" bằng các tổ chức đảng và những người đại diện của Đảng trực tiếp thực hiện công việc quản lý trong bộ máy nhà nước. Như vậy, Đảng cầm quyền là một khái niệm gắn với quyền lực nhà nước, tức là Đảng có quyền lực chính trị bằng việc "nắm chính quyền" hay "nắm quyền lực nhà nước". Không những thế, theo V.I. Lênin, khi đảng nắm được chính quyền thì Đảng không chỉ có quyền lực chính trị, mà "... với tư cách nhà nước, còn có thêm được quyền lực kinh tế..."[1].

Như vậy, "Đảng cầm quyền" là khái niệm có những nội dung liên quan mật thiết đến "Đảng lãnh đạo", nhưng có những nội dung khác với "Đảng lãnh đạo". Đảng cầm quyền là một khái niệm gắn với quyền lực nhà nước, còn "Đảng lãnh đạo" không tất yếu gắn với quyền lực nhà nước. Khi Đảng cầm quyền đúng đắn, sáng suốt (có đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn được đa số nhân dân tin theo; vẫn giữ được vai trò là người tiên phong đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của tuyệt đại đa số nhân dân), phù hợp với Hiến pháp và pháp luật cũng có nghĩa là Đảng đồng thời vẫn giữ được vai trò là người lãnh đạo đối với xã hội. Khi một Đảng tha hóa, biến chất mà vẫn còn là Đảng cầm quyền thì trên thực tế Đảng đã bị "nhà nước hóa", không còn giữ được bản chất và vai trò là người lãnh đạo của xã hội và đông đảo nhân dân, không được nhân dân tin theo; hoặc khi cầm quyền mà Đảng chủ yếu đề cao chức năng cầm quyền, coi và sử dụng Nhà nước như một công cụ để "quản lý" xã hội, hạ thấp chức năng lãnh đạo của Đảng, khi đó thực chất Đảng trở thành Đảng - Nhà nước (trường hợp này trên thế giới còn gọi là "Đảng trị").

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t.43, tr.75.

Khi Đảng cầm quyền, khái niệm "Đảng lãnh đạo Nhà nước" cần phải được nhận thức cho đúng. Ở đây là mối quan hệ giữa năng lực và uy tín lãnh đạo thực tế của Đảng gắn với quyền lực do sự "cầm quyền" của Đảng. Do vậy, hoạt động của Đảng vừa có sự lãnh đạo, vừa có sự cầm quyền, với các phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng có những nội dung khác nhau nhưng gắn bó mật thiết với nhau; trong đó bản chất lãnh đạo đúng đắn, khoa học, "tất cả vì lợi ích của nhân dân" phải là nền tảng cốt lõi của sự cầm quyền của Đảng.

2. Phương thức lãnh đạo của Đảng

Phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống phương pháp, hình thức, biện pháp mà Đảng sử dụng để thực hiện sự lãnh đạo (tác động lên) hệ thống chính trị và toàn xã hội nhằm hiện thực hóa Cương lĩnh chính trị, chủ trương, đường lối, quan điểm, mục tiêu của Đảng trong thực tiễn.

Phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng có những điểm giống nhau và khác nhau. *Điểm giống nhau chủ yếu ở chỗ*: Sự lãnh đạo (cầm quyền) của Đảng đối với Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội đều nhằm hướng tới thực hiện Cương lĩnh, đường lối, chính sách, mục tiêu do Đảng đề ra. *Điểm khác nhau chủ yếu ở chỗ:* Phương thức lãnh đạo của Đảng tập trung chủ yếu ở việc xác định đúng đắn đường lối, mục tiêu thể hiện trong Cương lĩnh, chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng; ở tính thuyết phục của công tác tư tưởng, tuyên truyền, giáo dục để nhân dân tin tưởng, tự nguyện làm theo, thực hiện thắng lợi đường lối, mục tiêu của Đảng. Còn phương thức cầm quyền của Đảng tập trung chủ yếu ở thông qua các tổ chức đảng và

đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước để thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thành pháp luật, thể chế, cơ chế của Nhà nước và lãnh đạo - chỉ đạo tổ chức thực hiện bằng hệ thống pháp luật của Nhà nước nhằm thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, mục tiêu của Đảng đề ra. Như vậy, khi Đảng cầm quyền, phương thức cầm quyền của Đảng phải là sự kế tiếp hữu cơ - biện chứng với phương thức lãnh đạo.

Sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng là hai mặt có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau khi Đảng cầm quyền. Để có và giữ vững địa vị cầm quyền, đòi hỏi Đảng phải có và giữ vững địa vị lãnh đạo, tức Đảng phải luôn có được vị trí tiên phong bởi các đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, luôn được nhân dân tin yêu, đồng tình ủng hộ. Mặt khác, Đảng còn phải thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền của mình, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả cao trong quản lý của Nhà nước bởi đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng trong các cơ quan quyền lực nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống. Đặc biệt là phải có đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị, nhất là trong các cơ quan Nhà nước, phải có năng lực chuyên môn giỏi, đồng thời phải thực sự là những tấm gương đạo đức trong sáng, hết lòng phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân, "chí công vô tư" như Bác Hồ đã nói. Đó là điều kiện tiên quyết để Đảng luôn giữ vững được lòng tin yêu của nhân dân, từ đó mới dành phiếu bầu cho các cán bộ thay mặt Đảng vào các cơ quan quyền lực nhà nước từ Trung ương đến địa phương (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp).

Là một tổ chức nằm trong hệ thống chính trị, hơn nữa lại là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị, Đảng có quyền lực chính trị, nhưng Đảng không có quyền lực nhà nước,

Đảng không thể "nhân danh" Nhà nước để lãnh đạo xã hội. Do đó, không được lẫn lộn giữa Đảng và Nhà nước, giữa "quyền lực" của Đảng và quyền lực của Nhà nước. Sự khác nhau giữa "quyền lực" của Đảng và quyền lực của Nhà nước trước hết và chủ yếu bắt nguồn từ sự khác nhau về chức năng của Đảng và chức năng của Nhà nước. Đảng là lực lượng lãnh đạo chính trị đối với Nhà nước và xã hội, còn Nhà nước là bộ máy quản lý xã hội theo Hiến pháp và pháp luật. Do đó, "quyền lực" của Đảng chủ yếu dựa trên uy tín chính trị mang lại, còn quyền lực của Nhà nước chủ yếu dựa trên pháp luật, bộ máy cưỡng chế, quản lý chuyên biệt, bộ máy hành chính công quyền. Đây là vấn đề quan trọng cần quán triệt khi xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Nhận thức đúng chức năng lãnh đạo và chức năng cầm quyền của Đảng, mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước là cơ sở để xác lập phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền đúng đắn của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động phù hợp của hệ thống chính trị. Đồng chí Lê Duẩn đã có những luận điểm rất quan trọng về mối quan hệ này: "Phải khắc phục tình trạng lẫn lộn chức năng của Đảng với chức năng của Nhà nước", "Đảng không thể buông lỏng lãnh đạo các cơ quan chính quyền, song cũng không thể bao biện công việc của chính quyền", "*Việc xây dựng Đảng phải gắn liền với xây dựng chính quyền nhà nước*; việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng phải gắn liền với việc nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước", "Đảng không thể nào thực hiện được sự lãnh đạo của mình đối với xã hội mà không thông qua chính quyền nhà nước". Đồng thời, "Chống khuynh hướng coi nhẹ vai trò và trách nhiệm của tổ chức đảng trong cơ quan nhà nước", "chống quan niệm phân công

máy móc, tách rời hoạt động của cấp ủy đảng với hoạt động của cơ quan nhà nước", "... không nên nghĩ rằng có sự đối lập giữa việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với việc nâng cao vai trò và hiệu lực của chính quyền nhà nước. Sức mạnh của một Đảng cầm quyền và sức chiến đấu của nó biểu hiện chính là ở hiệu lực và sức mạnh của bộ máy nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng"[1]. Đó là những luận điểm rất quan trọng gợi mở cho việc nhận thức đúng về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị gắn với xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, để Đảng không rơi vào tình trạng lạm quyền, bao biện làm thay các công việc Nhà nước, trái lại phát huy được vai trò quản lý, hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước, nhưng cũng không hạ thấp, buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là vấn đề rất hệ trọng cả về lý luận và thực tiễn, đòi hỏi phải đổi mới phương thức lãnh đạo - phương thức cầm quyền của Đảng đồng bộ với xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, và đối với hệ thống chính trị nói chung. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị khoa học, phù hợp, tinh gọn, hiệu quả.

Ở nước ta, về nguyên tắc, Đảng là lực lượng tiêu biểu, đại diện cho toàn dân, khi đó Đảng "nắm" chính quyền cũng tức là Đảng vừa là người lãnh đạo và đồng thời cũng là cầm quyền. Tuy phương thức thực hiện lãnh đạo và cầm quyền

---

1. Xem *Lê Duẩn Tuyển tập (1966-1975),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.II, tr.662-671, 1274-1277.

này quan hệ biện chứng mật thiết với nhau, nhưng không thể đồng nhất là một. Điều này được thể hiện trong hệ thống chính trị, phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước khác với phương thức Đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng

Cương lĩnh chính trị năm 1991 (Bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đã khẳng định: "*Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội*". Trong Cương lĩnh cũng đã chỉ rõ những nội dung cơ bản của phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội là:

(1) Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn;

(2) Đảng lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên;

(3) Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị;

(4) Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu;

(5) Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị;

(6) Đồng thời khi Đảng cầm quyền, nhất là trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền thì một phương thức

lãnh đạo rất quan trọng và cơ bản của Đảng đối với Nhà nước cần được nhấn mạnh là "phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước"[1].

Tất cả các phương thức lãnh đạo của Đảng nêu trên đều rất quan trọng và có quan hệ rất biện chứng với nhau. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị được tập trung vào các phương thức sau: *Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, đường lối, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị; lãnh đạo bằng Nhà nước - thông qua Nhà nước.* Phương thức lãnh đạo này thể hiện tập trung nhất sự hiện thực hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ". Phương thức lãnh đạo này được xác định đúng sẽ là cơ sở để đổi mới và xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị với phương thức cơ bản chung nêu trên, nhưng phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có những khác biệt cơ bản: *Đảng lãnh đạo Nhà nước và thông qua Nhà nước để lãnh đạo xã hội chủ yếu bằng thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, định hướng phát triển đất nước của Đảng thành pháp luật, thể chế, cơ chế, chính sách để đưa vào cuộc sống; lãnh đạo thực hiện thông qua hệ thống pháp luật của Nhà nước với sự quản lý của Nhà nước.* Tức là, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội theo con đường pháp quyền hóa - cầm quyền. Còn Đảng lãnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr. 144.

đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo phương thức cụ thể hóa Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, định hướng phát triển đất nước của Đảng thành các nhiệm vụ, nội dung hoạt động phù hợp với vị trí, vai trò, chức năng, tính chất của từng tổ chức; thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong các tổ chức đó để lãnh đạo - vận động thực hiện, đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức theo nguyên tắc và cơ chế tự chủ, tự nguyện, lãnh đạo các tổ chức hoạt động theo đúng pháp luật của Nhà nước và điều lệ của từng tổ chức.

Như vậy, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị bằng đường lối, chủ trương, định hướng chính sách lớn (thể hiện bằng các nghị quyết) thông qua tổ chức đảng và các đảng viên hoạt động trong hệ thống chính trị sẽ bao gồm "chuỗi các công đoạn" sau:

(i) Đảng (cấp ủy) ban hành nghị quyết chứa đựng các nội dung lãnh đạo;

(ii) Các tổ chức đảng trong các tổ chức nhà nước lãnh đạo cụ thể hóa, thể chế hóa các nội dung nghị quyết;

(iii) Các tổ chức đảng và các đảng viên trong các tổ chức nhà nước lãnh đạo thực hiện các nội dung nghị quyết (đã được cụ thể hóa, thể chế hóa) bằng con đường Nhà nước;

(iv) Đảng (cấp ủy) kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nghị quyết thông qua cơ chế của Đảng đối với các tổ chức đảng và đảng viên trong các tổ chức nhà nước, thông qua việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước và thông qua đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nghị quyết của Đảng trên thực tế - rút ra những vấn đề cần thay đổi, sửa đổi, bổ sung, hay ban hành mới.

Phương thức lãnh đạo đó trên thực tế là sự quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự "Lãnh đạo đúng" của

Đảng, đó là Đảng: Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng; Phải tổ chức sự thi hành cho đúng và phải tổ chức sự kiểm soát đúng[1]. Để có "ba đúng" đó, Đảng đều phải dựa vào dân, vì dân.

Phương thức lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện ở các nguyên tắc cơ bản thống nhất trong toàn Đảng từ Trung ương xuống cơ sở. Tuy nhiên, do mỗi cấp (mỗi lĩnh vực) lãnh đạo có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và nội dung lãnh đạo khác nhau, do đó phương thức lãnh đạo này cần phải được cụ thể hóa cho phù hợp.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả phương thức lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phải thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ sau:

- Phải chế định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình của tất cả các tổ chức đảng và đảng viên (nhất là người đứng đầu và các cán bộ chủ chốt) trong mỗi công đoạn thực hiện phương thức lãnh đạo đó, và xây dựng cơ chế đồng bộ giữa các công đoạn của phương thức lãnh đạo;

- Phải thể chế hóa, cơ chế hóa, quy trình hóa, quy chuẩn hóa tất cả các "công đoạn" lãnh đạo trên một cách khoa học và phù hợp với thực tiễn, công khai, minh bạch;

- Phải nâng cao chất lượng của tất cả các "công đoạn" trên, từ việc ra nghị quyết đến khâu cuối cùng là kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và kết quả.

- Phải xây dựng được các tổ chức đảng trong sạch, vững

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.325.

mạnh, xây dựng được đội ngũ đảng viên, nhất là các đảng viên giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị có đủ phẩm chất và năng lực, thực sự là tấm gương về đạo đức để hiện thực hóa có hiệu quả phương thức lãnh đạo đó.

Một vấn đề quan trọng cần được chế định rõ đó là xác định và phân định rõ nội dung, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức đảng (với tư cách là tổ chức lãnh đạo) và các đảng viên, cán bộ chủ chốt, nhất là những người đứng đầu được Đảng giao nhiệm vụ trong mỗi cơ quan nhà nước. Đây là cụ thể hóa nguyên tắc của Đảng "tập thể lãnh đạo - cá nhân phụ trách" trong mỗi cơ quan nhà nước cụ thể. Các tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị, nhất là trong các cơ quan nhà nước sẽ đồng thời thực hiện hai chức năng: chức năng lãnh đạo của tổ chức đảng đối với cơ quan nhà nước, và đồng thời với tư cách là những cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước, lãnh đạo tổ chức thực hiện các nội dung lãnh đạo của Đảng bằng con đường pháp quyền. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để một mặt không lẫn chức năng lãnh đạo của tổ chức đảng với chức năng quản lý nhà nước trong một cơ quan nhà nước, đồng thời sự lãnh đạo của Đảng được "hóa thân" một cách hiệu quả nhất vào sự quản lý của cơ quan nhà nước đặt ra yêu cầu đổi mới tổ chức - bộ máy hệ thống chính trị, nhất là giữa các tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước, không có sự trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

Thực hiện phương thức lãnh đạo đó của Đảng gắn với việc xây dựng tổ chức và bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả đòi hỏi phải:

- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

- Xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các cấp ủy đảng, của hệ thống các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước, trong Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phù hợp với yêu cầu và chức năng khách quan của tổ chức nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội;

- Bảo đảm sự đồng bộ trong việc thực hiện các khâu trong sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, *không để dẫn đến tình trạng chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong mỗi hệ thống tổ chức đảng, Nhà nước, các đoàn thể, và giữa các tổ chức đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội với nhau (và do đó, dẫn đến chồng chéo, trùng lặp về tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị).* Nghĩa là, phải có sự đồng bộ về chức năng, nhiệm vụ, về tổ chức bộ máy, về cán bộ và nhân sự trong hệ thống chính trị ở tất cả các cấp.

4. Những yếu tố chi phối phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng hệ thống chính trị

Xét theo lôgíc khoa học, khách quan và thực tế, phương thức lãnh đạo của Đảng (hay một cấp ủy cụ thể) được chế định bởi nhiều yếu tố: *Trước hết là chức năng lãnh đạo; từ chức năng lãnh đạo xác định nhiệm vụ - nội dung lãnh đạo; từ nhiệm vụ - nội dung lãnh đạo xác định phương thức và cơ chế lãnh đạo phù hợp; tiếp theo là xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy thực hiện sự lãnh đạo theo phương thức đó gắn đồng bộ với hệ thống tổ chức bộ máy triển khai thực hiện trên thực tế.* Như vậy, phương thức lãnh đạo của Đảng thực sự có hiệu lực, hiệu quả cao khi được xác định xuất phát từ chức năng - nhiệm vụ - nội dung lãnh đạo, đồng thời hệ thống tổ chức bộ

máy lãnh đạo và thực thi được xây dựng đồng bộ và phù hợp. Có thể nêu lên ba giai đoạn đòi hỏi sự thay đổi phương thức lãnh đạo của Đảng như sau:

Trong cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, có thể coi phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội là trực tiếp, toàn diện và cụ thể; Nhà nước chủ yếu là người tổ chức thực hiện. Khi chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò của thị trường tăng lên, vai trò quyết định và can thiệp trực tiếp của Nhà nước giảm đi, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội vẫn là toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của xã hội, nhưng phương thức lãnh đạo của Đảng đã không còn cụ thể, trực tiếp và chi tiết như trước, dần chuyển sang lãnh đạo đường lối, định hướng, chính sách phát triển; quyền hạn của Nhà nước tăng lên. Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn..., Đảng vẫn giữ vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội, song phương thức lãnh đạo của Đảng nói chung, nhất là phương thức lãnh đạo của Đảng bằng Cương lĩnh, đường lối, định hướng chính sách... thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị, đặc biệt là "bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước" đã đòi hỏi phải xây dựng nội dung và cơ chế lãnh đạo mới - phù hợp và hiệu quả hơn.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng được chế định bởi những yếu tố chủ yếu sau:

Một là, phương thức lãnh đạo của Đảng được quy định bởi đường lối, nhiệm vụ chính trị, nội dung lãnh đạo của Đảng

trong mỗi thời kỳ cách mạng đối với cả nước nói chung và trong từng lĩnh vực cụ thể nói riêng.

Hai là, phương thức lãnh đạo của Đảng phụ thuộc vào sự phát triển và hoàn thiện của hệ thống chính trị (chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành), vào thể chế tổ chức hệ thống nhà nước, chế độ và thể chế kinh tế, trình độ dân chủ và trình độ dân trí của đối tượng lãnh đạo.

Ba là, phương thức lãnh đạo của Đảng phụ thuộc vào trình độ, năng lực lãnh đạo của Đảng; chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; vào điều kiện hoạt động lãnh đạo của Đảng.

Bốn là, phương thức lãnh đạo của Đảng còn phụ thuộc vào mức độ vận dụng và ứng dụng sự phát triển của khoa học lãnh đạo, khoa học quản lý, các khoa học liên quan khác và các phương tiện kỹ thuật phục vụ hoạt động lãnh đạo của Đảng, nhất là công nghệ thông tin.

Phương thức lãnh đạo của Đảng chứa đựng tổng hợp các yếu tố khách quan và chủ quan. Các yếu tố khách quan là: những điều kiện và yêu cầu khách quan đặt ra của quá trình đổi mới đất nước (xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển nền kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế...) quy định vị trí, vai trò, chức năng, nội dung lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là đối với Nhà nước; điều kiện, trình độ, mô hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các yếu tố chủ quan là: nhận thức và trình độ lãnh đạo - cầm quyền của Đảng; cấu trúc tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị từ Trung ương xuống cơ sở; phương tiện và công cụ được sử dụng trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Phương thức lãnh đạo phù hợp và hiệu quả phải bảo

đảm sự thống nhất hữu cơ giữa các yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan đó.

5. Quan điểm chỉ đạo tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng hệ thống chính trị

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị, đặc biệt là trong hệ thống nhà nước, cần có một nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước: mặc dù khác nhau về vai trò, chức năng, nội dung, phương thức và cơ chế tác động tới xã hội, song có sự thống nhất rất cao về mục tiêu phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước, thể hiện ở niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Nâng cao niềm tin của nhân dân vào quản lý của Nhà nước cũng chính là trực tiếp nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; ngược lại, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện tập trung ở niềm tin vào hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Trong điều kiện một Đảng cầm quyền không thể nhận thức có sự đối lập giữa Đảng và Nhà nước. Từ nhận thức đó, bài viết này đưa ra một số quan điểm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị mang tính chất gợi ý nghiên cứu như sau:

Một là, đổi mới phương thức lãnh đạo phải giữ vững, nâng cao vai trò và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hướng tới xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm và nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy mạnh mẽ vai trò và quyền làm chủ của nhân dân, tạo động lực mạnh mẽ cho đất nước phát triển nhanh và bền vững theo mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Hai là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải lấy "cụ thể hóa, thể chế hóa, cơ chế hóa, quy chuẩn hóa, chế độ hóa" các nội dung lãnh đạo của Đảng (về đường lối, chủ trương, chính sách...) làm trọng tâm; thực hiện đồng bộ giữa các khâu ra nghị quyết, cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết, lãnh đạo - chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện. Bảo đảm "sự hóa thân" các nội dung lãnh đạo của Đảng thành pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước mà không dẫn đến tình trạng chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, nhân sự giữa các tổ chức đảng với các tổ chức nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

Ba là, đặt đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của cả hệ thống chính trị, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới chính trị phù hợp và đồng bộ với đổi mới kinh tế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đáp ứng những đòi hỏi của công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Bốn là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và sự lãnh đạo của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Đảng chịu trách nhiệm trước đất nước và xã hội về sự lãnh đạo của mình; thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội; đẩy mạnh phân cấp, tăng cường chế độ trách nhiệm của tổ chức và cá nhân, nhất là người đứng đầu, đi đôi với giữ vững sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, kỷ luật, kỷ cương.

Năm là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm; giữ vững ổn định chính trị, xã hội; kế thừa, phát huy những thành tựu, kết quả, kinh nghiệm tốt trong phương thức lãnh đạo của Đảng đã được thực tiễn chứng minh là có kết quả.

Sáu là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở mỗi cấp, mỗi lĩnh vực vừa phải quán triệt các nguyên tắc chung, vừa phải thực hiện sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nội dung nhiệm vụ lãnh đạo của từng cấp, từng lĩnh vực và của từng loại hình cơ quan nhà nước, từng tổ chức chính trị - xã hội.

6. Định hướng nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị là đổi mới nội dung, cơ chế, phương pháp, quy trình, cách thức, hình thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước,

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển đất nước trong điều kiện mới. Có thể nêu khái quát định hướng các nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị như sau:

Một là, đổi mới và nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương, định hướng chính sách của Đảng (các cấp ủy); nâng cao chất lượng nội dung và cách thức ra nghị quyết của các cấp ủy đảng (về đường lối, chủ trương, định hướng chính sách...) phù hợp với vai trò và chức năng lãnh đạo chính trị của Đảng (các cấp ủy) trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng (Đảng cầm quyền lãnh đạo xã hội chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước). Hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước. Xác định rõ nội dung và cơ chế lãnh đạo của Đảng phù hợp đối với hệ thống lập pháp, hành pháp và tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Hai là, đổi mới cách thức và quy trình cụ thể hóa, thể chế hóa nội dung các nghị quyết của Đảng thành chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách quản lý - phát triển của Nhà nước; thành khung khổ pháp lý để toàn bộ các lĩnh vực của xã hội và mọi chủ thể trong xã hội sống và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật; cụ thể hóa thành cơ chế hoạt động, chương trình và kế hoạch công tác của Mặt trận Tổ quốc, từng tổ chức chính trị - xã hội; thành cơ chế lãnh đạo của các tổ chức đảng trong hệ thống chính trị, nhất

là trong hệ thống nhà nước, nhằm thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, định hướng chính sách của Đảng.

Ba là, đổi mới và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động, chế độ trách nhiệm, trách nhiệm giải trình của các tổ chức đảng và đảng viên, nhất là những người đứng đầu, trong các cơ quan nhà nước các cấp, trong các tổ chức của Mặt trận Tổ quốc; trách nhiệm về việc cụ thể hóa và thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, lãnh đạo - chỉ đạo các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của mình theo tinh thần và các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, đổi mới nội dung, cơ chế, chế độ trách nhiệm, quy trình lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ đối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những người giữ cương vị chủ chốt có phẩm chất và năng lực đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Năm là, trên cơ sở quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ trách nhiệm của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, căn cứ vào Hiến pháp và pháp luật phải *chế định rõ thể chế, cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực*; đổi mới nội dung, cơ chế, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan, tổ chức này.

Sáu là, đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cấp ủy đảng, tổ chức đảng và cán bộ đảng hoạt động trong hệ thống chính trị.

Đổi mới nội dung - phương thức - cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị phải *bảo đảm sự quán triệt*

sâu sắc đường lối, chủ trương, định hướng chính sách chung của Trung ương, đồng thời phải tạo "không gian" và cơ chế đề cao tinh thần trách nhiệm - dám chịu trách nhiệm, thúc đẩy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của các tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị, nhất là những người đứng đầu, trong việc đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào những điều kiện cụ thể của thực tiễn theo tinh thần của Bác Hồ: "Việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh".

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bằng đường lối, chủ trương, chính sách (nghị quyết) thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị với những quan điểm và định hướng nội dung nêu trên; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của các tổ chức đảng, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước và chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức chính trị - xã hội, không có sự trùng lặp, chồng chéo, là cơ sở quan trọng để xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị phù hợp, tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VỀ KINH TẾ CỦA ĐẢNG

TS. LÊ MINH NGHĨA*

Có thể nói, trong sự nghiệp đổi mới đất nước, một trong những điểm sáng thành công nổi bật nhất, nhưng đồng thời cũng là lĩnh vực khó khăn nhất của Đảng hiện nay là lĩnh vực lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế. Nhờ đổi mới, chuyển từ sản xuất hiện vật sang thị trường, từ nghèo khó, đói ăn triền miên bao đời, chúng ta đã đủ ăn và có gạo xuất khẩu đứng ở thứ hạng cao thế giới; GDP bình quân đầu người từ hơn 200 USD trước đổi mới, nay là hơn 2.300 USD; vị thế và tiếng nói của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao... Đó là một sự thật hiển nhiên mà ngay cả những người khó tính nhất cũng không thể phủ nhận. Nhưng còn có một sự thật khác rất đáng lo ngại là năng suất lao động của Việt Nam hiện nay đứng vào hàng thấp nhất khu vực (chưa kể so với thế giới) và sự tụt hậu xa hơn về kinh tế ngày càng sâu hơn, chúng ta đang thực sự rơi vào bẫy thu nhập trung bình, chưa có chốt hãm,... Một trong những nguyên nhân chiếm vị trí quyết định trong những thành công và cả thách thức nêu trên thuộc về sự lãnh đạo

* Hội đồng Lý luận Trung ương.

của Đảng mà trước hết và trực tiếp là lãnh đạo, chỉ đạo về phát triển kinh tế.

Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với sự phát triển kinh tế được thể hiện trước hết ở chỗ, Đảng đề ra quan điểm, chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa qua các kỳ đại hội của Đảng và các hội nghị trung ương; tiếp đó Đảng lãnh đạo việc quán triệt, cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, đường lối thành các luật, nghị định, chính sách, kế hoạch, đề án, chương trình hành động, biện pháp cụ thể... của các cơ quan nhà nước; đồng thời Đảng lãnh đạo bố trí, sắp xếp cán bộ và tổ chức bộ máy triển khai thực hiện, đưa các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống; cuối cùng Đảng kiểm tra, giám sát, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết của Đảng để bổ sung, phát triển và tiếp tục hoàn thiện đường lối, chiến lược phát triển kinh tế.

Cần phải thẳng thắn thừa nhận rằng, chúng ta còn lúng túng về mặt lý luận, lúng túng trong nhận thức về vai trò lãnh đạo kinh tế của Đảng, chưa xác định được một cách rõ ràng mối quan hệ giữa quyền lực kinh tế và chính trị của Đảng, quyền lực công của Nhà nước và quyền lực của nhân dân. Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta hiện nay thì yêu cầu đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo kinh tế của Đảng ngày càng trở nên cấp thiết. Câu hỏi được đặt ra là: nội dung lãnh đạo của Đảng về kinh tế là gì? Phương thức lãnh đạo kinh tế như thế nào? Làm thế nào để Đảng thực hiện được sự lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội mà vẫn bảo đảm được quyền dân chủ của người dân trong phát triển kinh tế? Phạm vi quyền lực lãnh đạo kinh tế đến

đâu để không trái với nguyên tắc pháp quyền và không đi ngược lại với quyền tự do, dân chủ của nhân dân... vẫn là những câu hỏi còn nhiều tranh luận giữa các nhà nghiên cứu cũng như các nhà hoạt động chính trị thực tiễn.

Trước những đòi hỏi bức xúc cả về mặt lý luận và thực tiễn nêu trên, việc làm rõ những luận cứ khoa học về nội dung và phương thức lãnh đạo kinh tế của Đảng trong bối cảnh hiện nay luôn được xác định là nhiệm vụ trung tâm, chủ yếu của Đảng, là nhân tố cơ bản quyết định nhất đối với việc giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Đây là một công việc to lớn, tốn nhiều thời gian và công sức nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết lý luận và thực tiễn đổi mới. Trong khuôn khổ bài viết này, xin đi thẳng vào một số giải pháp chủ yếu bước đầu góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế của Đảng trong tình hình hiện nay.

I. VỀ ĐỔI MỚI NỘI DUNG LÃNH ĐẠO KINH TẾ CỦA ĐẢNG

Nội dung lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế của Đảng là vấn đề rất rộng. Trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng, ít nhất có bốn vấn đề lớn cần quan tâm: phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện thể chế kinh tế; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Bài viết chỉ tập trung vào hai điểm chính: (1) Đổi mới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (2) Đổi mới sự lãnh đạo,

chỉ đạo của Đảng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Đổi mới lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là sự phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam qua hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, thể chế của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đã từng bước được cụ thể hóa, bổ sung hoàn thiện, đưa vào cuộc sống, được các cấp, các ngành cùng với toàn dân triển khai thực hiện và đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Tuy nhiên, kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu thực tế và nguồn lực. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng công bằng với thành quả của công cuộc đổi mới. Mục tiêu đề ra là tạo nền tảng để nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được. Nguyên nhân và vấn đề đặt ra là do, *trước hết,* chưa hình thành được một khung lý luận vững chắc về mô hình thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chưa tôn trọng đầy đủ và nhất quán thực hiện những nguyên tắc của kinh tế thị trường trong xây dựng, vận hành và xử lý các vấn

đề của nền kinh tế. Chưa xác định rõ và tạo được sự nhất trí cao về xu thế tất yếu, bản chất, đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là về tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhận thức chưa rõ về vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa các nhân tố cấu thành chủ yếu của nền kinh tế thị trường (Nhà nước, thị trường và doanh nghiệp), nên chưa phát huy tốt tác dụng của các nhân tố đó.

Việc cụ thể hóa đường lối thành cơ chế, chính sách còn lúng túng..., đã cản trở sự đổi mới trên thực tế. Nhiều hạn chế đã được chỉ ra tại các Đại hội VII, VIII, IX, X, XI, XII của Đảng nhưng vẫn chưa được khắc phục cơ bản. Tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu. Việc huy động các nguồn lực còn hạn chế, đặc biệt là huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân cho đầu tư phát triển và sản xuất kinh doanh...

Hai là, việc phân bổ, sử dụng các nguồn lực còn kém hiệu quả, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, đầu tư dàn trải, thậm chí gây ra sự lãng phí các nguồn lực, chưa phát huy được tiềm năng, lợi thế của các ngành, vùng. Chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn cản trở sự phát triển. Nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa được hình thành đầy đủ; chính sách tiền lương và phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý.

Ba là, nhận thức về vai trò của hệ thống giá cả thị trường và cạnh tranh tự do trong nền kinh tế thị trường chưa rõ ràng, thể hiện qua thái độ đối với tình trạng độc quyền trong một số lĩnh vực của nhiều doanh nghiệp nhà nước.

Bốn là, yêu cầu và nguyên tắc xây dựng đồng bộ hệ thống thị trường cũng như các yếu tố thị trường chưa được luận giải

hợp lý; có tình trạng chia cắt thị trường giữa các bộ, ngành, giữa các địa phương.

Năm là, chưa làm sáng tỏ vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường do chưa phân định rõ chức năng nhà nước - thị trường. Nhà nước vẫn ôm đồm, bao biện nhiều chức năng mà thị trường đảm nhiệm hiệu quả hơn (phân phối vốn; quản trị doanh nghiệp) trong khi chưa chú ý đúng mức đến những chức năng mà Nhà nước phải hoàn thành (xây dựng và thực thi khung khổ quản lý nhà nước: "khung khổ hành chính - pháp lý", cung cấp hàng hóa và dịch vụ công, hỗ trợ phát triển,...). Thể chế kinh tế thị trường nói chung còn thiếu đồng bộ, nhất quán, điều này gây ra sự cản trở hoặc gia tăng sự méo mó trong vận hành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Chỉ đạo việc thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước còn bất cập. Tư tưởng bảo hộ khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn còn nặng. Chưa xác định rõ thế nào là "kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo", cần phải làm gì để "kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng" mà không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của thị trường.

Để khắc phục những vấn đề đặt ra nêu trên, Đảng cần tập trung đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo về kinh tế trên các mặt sau đây:

(1) Đổi mới tư duy kinh tế: Với tinh thần của Đại hội VI, xuất phát từ thực tiễn, "nhìn thẳng vào sự thật", "lấy dân làm gốc", trên cơ sở những văn kiện nền tảng: Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và Hiến pháp năm 2013, Văn kiện Đại hội XII của Đảng, tiếp thu kịp thời thành tựu kinh tế thế giới phù hợp với xu thế thời đại, tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, khẩn trương nghiên cứu cụ thể hóa mô hình nền kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ (về mức độ thị trường hóa, mức độ hội nhập, về thể chế, mục tiêu, chế độ sở hữu và thành phần kinh tế, mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường...), phù hợp với quy hoạch tổng thể chung phát triển của cả nước, với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương. Tuyệt đối tránh căn bệnh chủ quan, giáo điều, duy ý chí, lấy mục tiêu lâu dài, cuối cùng, làm mục tiêu ngắn hạn, trước mắt.

(2) Đổi mới nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo về kinh tế của các tổ chức đảng, tăng cường, sử dụng hợp lý các tổ chức, cán bộ nghiên cứu để tham mưu cho Đảng trong việc xây dựng, lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội cũng như những vấn đề trọng đại của đất nước. Cải tiến hệ thống chính trị phù hợp với Hiến pháp và phù hợp với thay đổi của thể chế kinh tế. Cơ cấu lại bộ máy của hệ thống chính trị phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở phân định cụ thể chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước và thị trường. Nghiên cứu cải tiến quy trình ban hành nghị quyết theo hướng giải quyết các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng nguồn lực trong từng giai đoạn.

(3) Đổi mới lãnh đạo hoàn thiện hệ thống Nhà nước pháp quyền: Xây dựng Nhà nước pháp quyền là đòi hỏi cấp bách của lãnh đạo về kinh tế, thông qua Nhà nước pháp quyền để lãnh đạo phát triển kinh tế thị trường là một nội dung cực kỳ quan trọng trong lãnh đạo về kinh tế của Đảng cầm quyền. Sự vận động lành mạnh của nền kinh tế thị trường cần đến vai trò của Nhà nước. Nhưng đó là Nhà nước pháp quyền, kiến tạo phát triển kinh tế, chứ không phải Nhà nước hành chính quan liêu.

Do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nước ta trong giai đoạn mới, đòi hỏi phải có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đặt ra vấn đề Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội thông qua Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và vấn đề xây dựng phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chỉ có xây dựng một Nhà nước pháp quyền mạnh, với một nền hành chính hoạt động có hiệu quả, năng động, thì Đảng chính trị mới thực sự cầm quyền trên thực tế, thể chế chính trị mới được bảo đảm phát triển đúng hướng. Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và lãnh đạo Nhà nước ấy hoạt động trong việc quản lý kinh tế - xã hội, đòi hỏi Đảng phải có bước phát triển cao về lý luận, tư tưởng và tổ chức, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và lao động có tay nghề cao, nếu không, phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua Nhà nước pháp quyền không thành hiện thực.

Hoàn thiện hệ thống Nhà nước pháp quyền cả về lập pháp, hành pháp và tư pháp, xác định rõ ràng chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan của Nhà nước pháp quyền trong quản lý nền kinh tế. Tập trung giải quyết những hạn chế, yếu kém của Nhà nước trong tổ chức thực thi pháp luật; sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách căn bản chính sách tiền lương công chức hành chính. Có cơ chế giám sát công khai, minh bạch và hữu hiệu đối với công chức, những người có quyền quyết định các chính sách và cơ chế kinh tế, thì phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Quyền hạn ở mức độ nào thì trách nhiệm ở mức độ đó, người có quyền càng cao, thì phải chịu trách nhiệm càng cao.

(4) Đổi mới và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện dân chủ hóa, tạo ra động lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thể chế hóa các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, bảo đảm cho người dân và các tổ chức này tham gia quản lý quá trình phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và thực thi các chính sách an sinh xã hội. Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, thể chế hóa về hoạt động của Hội, ban hành Luật về Hội để các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp có cơ sở pháp lý nâng cao, mở rộng vai trò hoạt động trên mọi lĩnh vực. Pháp định hóa vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tạo điều kiện thuận lợi để các hiệp hội ngành hàng tham gia vào chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ, thúc đẩy các hình thức liên kết doanh nghiệp, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp thâm nhập, phát triển thị trường.

(5) Đổi mới, nâng cao vai trò trách nhiệm tiên phong, gương mẫu của các tổ chức đảng và đảng viên là vấn đề nguyên tắc, sống còn, bảo đảm sự lãnh đạo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đi đến thành công.

Đảng viên bao gồm các tổ chức đảng và đảng viên mà trước hết là các đảng viên có trọng trách đứng đầu trong các cơ quan đảng và nhà nước về phát triển kinh tế, phải là những người nhìn xa, trông rộng, nắm vững quy luật khách quan, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tiên phong, gương mẫu đi đầu trong sự nghiệp xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bác Hồ đã nói: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa"[1]. Điều đó có nghĩa rằng, muốn *xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thành công, trước hết, đảng viên phải là những con người xã hội chủ nghĩa*. Đó là những con người có đức, có tài, "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư", có niềm tin khoa học cháy bỏng ở tương lai chủ nghĩa xã hội, đảm nhận vai trò lãnh đạo "đứng mũi chịu sào", nhất nhất mọi suy nghĩ và hành động trước hết phải xuất phát từ lợi ích của muôn dân. "... việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh"[2]. Đương nhiên, để có đủ khả năng và điều kiện, lãnh đạo đúng đắn và có hiệu quả, trong tình hình hiện nay, đảng viên phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, thực hiện nghiêm chỉnh và thường xuyên Nghị quyết Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức mạnh của Đảng về mọi mặt, làm cho Đảng có đủ bản lĩnh chính trị, có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu cao đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở cửa, hội nhập quốc tế.

2. Đổi mới sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Những năm qua, cùng với quá trình đổi mới, nhận thức về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta đã thay đổi căn bản. Từ công nghiệp hóa dựa theo hình mẫu Xôviết, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, chúng ta đã từng bước điều chỉnh, khắc phục những sai lệch trong cơ cấu sản xuất và

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.222; t.4, tr.51.

đầu tư, chuyển sang công nghiệp hóa dựa trên lợi thế so sánh, tập trung phát triển nông nghiệp và khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ theo hướng hiện đại, có khả năng cạnh tranh và phù hợp với thực tế đất nước. Từ chỗ, Nhà nước là lực lượng duy nhất phân bổ và sử dụng các nguồn lực cho công nghiệp hóa, chúng ta đã chuyển sang kết hợp Nhà nước với thị trường trong việc huy động và phân bổ các nguồn lực, tạo thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia vào quá trình công nghiệp hóa. Từ công nghiệp hóa theo cách đi tuần tự và khép kín, chúng ta đã tiến hành công nghiệp hóa trong nền kinh tế mở, hội nhập quốc tế, kết hợp công nghiệp hóa với hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức.

Nhờ vậy, sau hơn 30 năm đổi mới, từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nước ta đã xây dựng được kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản cho thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng hiện đại, vai trò của công nghiệp được nâng lên, khu vực thương mại, dịch vụ trở nên quan trọng và luôn tăng trưởng khá. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt theo các bước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, đất nước ta đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ của nền kinh tế còn thấp. Nhìn chung, nền kinh tế nước ta vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào việc khai thác tài nguyên, lao động trình độ thấp và sử dụng nhiều vốn, chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học và công nghệ, lao động có kỹ năng. Chất lượng và tốc độ công nghiệp hóa, hiện

đại hóa còn thấp so với tiềm năng và chênh lệch khá xa so với các nước trong khu vực. Thực lực công nghiệp của nước ta trên thực tế vẫn rất nhỏ. Chúng ta vẫn chưa thực sự hình thành được những ngành công nghiệp nền tảng và những ngành công nghiệp mũi nhọn. Sản xuất công nghiệp có xu hướng phụ thuộc ngày càng lớn vào đầu tư nước ngoài và nhập khẩu các yếu tố đầu vào; tỷ lệ gia công, lắp ráp còn lớn. Hiện nay, mô hình tăng trưởng vẫn dựa vào tài nguyên, lao động và thâm dụng vốn FDI.

Đặc biệt, điều được coi là sáng kiến khi gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức chưa đạt được kết quả như mong đợi. Đóng góp của khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội còn mờ nhạt. Để khắc phục những hạn chế và thiếu sót nêu trên, Đảng cần tập trung đổi mới sự lãnh đạo, chỉ đạo trên các nội dung chủ yếu sau:

Một là, đổi mới tư duy và phương thức đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chúng ta cần một tư duy mới, sáng tạo về công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên các luận cứ khoa học phù hợp với một thế giới đang thay đổi nhanh chóng. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta trong giai đoạn tới gắn bó mật thiết với phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, lấy khoa học - công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu... Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân và toàn xã hội. Chủ thể của quá trình này là mọi người dân và các doanh nghiệp đều bình đẳng kinh doanh theo pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế.

Hai là, đột phá phát triển khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng hệ thống kết cấu hạ

tầng đồng bộ, hiện đại. Tri thức và sáng tạo là những yếu tố quyết định sự thành công của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay. Vì vậy, chúng ta cần làm cho khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, phát triển kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cần xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia dựa trên phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Cần có cơ chế đặc thù để phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ trọng điểm quốc gia theo mô hình tiên tiến; hình thành các trung tâm nghiên cứu và triển khai của các ngành, lĩnh vực; thúc đẩy sự hợp tác giữa các trung tâm đổi mới sáng tạo, các nhà nghiên cứu và người sử dụng. Khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn thực hiện nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, sử dụng mô hình quản lý hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh.

Ba là, chủ động hội nhập quốc tế để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần tận dụng được cơ hội từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, gắn với việc tham gia vào nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu, cải thiện vị thế và sức cạnh tranh của từng doanh nghiệp, từng ngành kinh tế của nước ta trên thị trường thế giới; đồng thời phải chủ động phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập

quốc tế với nền kinh tế đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

II. VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO KINH TẾ CỦA ĐẢNG

1. Cần giới định một cách khoa học chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của chính quyền trong lĩnh vực kinh tế làm hài hòa mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền

Đây được xem là vấn đề mấu chốt, vấn đề cơ bản của việc đổi mới phương thức lãnh đạo kinh tế của Đảng. Điều đó đòi hỏi Đảng phải thực hiện tốt các nội dung sau đây:

Đổi mới phương thức lãnh đạo kinh tế của Đảng, bao gồm:

Thứ nhất, chuyển từ phương thức chủ yếu dựa vào nghị quyết, chỉ thị sang dựa vào pháp luật. "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" là phương châm chiến lược, là sự tổng kết thực tiễn được rút ra từ kinh nghiệm và bài học phát triển ở nước ta, đồng thời cũng là sự tiếp thu thành quả văn minh nhân loại. Nội dung này cần được xem là phương hướng cơ bản của việc đổi mới phương thức lãnh đạo kinh tế của Đảng. Dựa vào quy định của Hiến pháp và pháp luật, thông qua các bước đi và hình thức khác nhau quản lý công việc nhà nước, quản lý sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cho các mặt công tác của Nhà nước được tiến hành theo luật định, từng bước thực hiện việc chế độ hóa, pháp luật hóa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm cho các công tác đó không vì sự thay đổi người lãnh đạo mà thay đổi theo, không vì sự chú ý hay quan điểm của người lãnh đạo mà thay đổi theo.

Thứ hai, chuyển từ lãnh đạo bao biện, làm thay tất cả sang có sự kết hợp hữu cơ giữa lãnh đạo vĩ mô với lãnh đạo cụ thể. Một mặt, Đảng phải tập trung tinh lực nắm những việc lớn, những vấn đề có tính phương hướng; về mặt vĩ mô, nắm đường lối, phương châm, chính sách... Nhưng mặt khác, để thực hiện những phương châm, chính sách lớn này, Đảng cũng phải đề ra những công tác cụ thể, chi tiết để tuyên truyền, động viên, tổ chức, phối hợp, giám sát, kiểm tra.

Thứ ba, chuyển từ chỗ lãnh đạo dựa vào quyền lực sang lãnh đạo dựa vào sự cảm hóa, vào uy tín của Đảng. Trong khi trình độ của quần chúng nhân dân ngày càng được nâng cao như hiện nay thì việc chuyển đổi phương thức lãnh đạo dựa vào sự cảm hóa và uy tín của Đảng là cực kỳ quan trọng.

Thứ tư, chuyển từ lãnh đạo trực tiếp sang lãnh đạo gián tiếp và phát huy vai trò phối hợp.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền, Đảng với quần chúng.

Trước hết, các chủ trương của Đảng phải trở thành ý chí của Nhà nước, phải do cơ quan nhà nước các cấp, thông qua trình tự pháp định, biến thành các văn bản pháp quy hoặc nghị quyết, quyết định. Sau đó, lại do các cơ quan này tổ chức triển khai thực hiện. Với phương thức này, địa vị cầm quyền của Đảng sẽ được hiện thực hóa, chủ trương của Đảng và ý chí của nhân dân sẽ được thống nhất.

Còn sự lãnh đạo của Đảng với các tổ chức quần chúng và đoàn thể xã hội, chủ yếu thông qua vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng và sự gương mẫu của đảng viên trong các tổ chức này để thực hiện; tích cực ủng hộ các tổ chức này dựa vào pháp luật và điều lệ của mình, độc lập triển khai công tác; hài hòa các lợi ích cụ thể mà các giai tầng xã hội này đại

diện, phát huy vai trò giám sát chính trị và tham gia một cách dân chủ vào các hoạt động chính trị của các tổ chức này.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng với quản lý đất nước bằng pháp luật.

Giữa sự lãnh đạo của Đảng với quản lý đất nước bằng pháp luật có mối quan hệ bổ sung cho nhau, thúc đẩy lẫn nhau. Một mặt, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho việc thực hiện phương châm chiến lược quản lý đất nước bằng pháp luật; mặt khác, quản lý đất nước bằng pháp luật vừa là con đường thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa là hình thức đổi mới hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng.

Thứ năm, thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo trên ba lĩnh vực chủ yếu sau:

- Không ngừng nâng cao năng lực điều hành kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Không ngừng nâng cao năng lực điều hòa các lợi ích xã hội.

- Không ngừng nâng cao năng lực phát triển nền chính trị dân chủ phù hợp và thúc đẩy kinh tế phát triển.

Ba lĩnh vực chủ yếu trên đây có thể xem là ba giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trên lĩnh vực kinh tế. Việc nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trên ba lĩnh vực này cũng chính là nhằm thích ứng với những biến đổi, mau lẹ và phức tạp của thời kỳ thực hiện mục tiêu cơ bản sớm đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, phát triển theo hướng hiện đại, một thời kỳ được xác định là then chốt trong tiến trình hiện đại hóa đất nước vào giữa thế kỷ này.

Thứ sáu, đổi mới phong cách công tác, lề lối làm việc của Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế.

Cải tiến lề lối làm việc, giảm bớt các cuộc họp, hội nghị, dành thời gian đi nghiên cứu, khảo sát thực tế. Cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước phải thực hiện chế độ đi khảo sát thực tế, gặp gỡ đối thoại với đảng viên và nhân dân.

Thực hiện làm việc theo chương trình, kế hoạch, quy chế.

Cải tiến các thủ tục hành chính trong Đảng, quy định rõ thời gian xử lý, trả lời đối với từng loại công việc, rút ngắn thủ tục xin và cho chủ trương, xét duyệt, phê chuẩn trong công tác cán bộ.

Sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ thông tin, báo cáo.

Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu mới của công nghệ thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.

Thứ bảy, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế của Đảng trong quá trình xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển.

Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, vấn đề Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển (chủ yếu là kiến tạo phát triển kinh tế) đóng vai trò tiên quyết cho sự thành công. Bởi vì, Nhà nước kiến tạo phát triển là Nhà nước tự giác (chủ động và tích cực), thay đổi vai trò của mình trong quan hệ với thị trường và xã hội trong những điều kiện cụ thể nhất định để phát triển rút ngắn, đạt được hiệu quả cao nhất, hướng tới các mục tiêu xã hội và phát triển con người, tức là phát triển nhanh và bền vững. Hay nói cách khác, Nhà nước kiến tạo phát triển là nhà nước kiến tạo "phát triển bao trùm", phát triển không để ai tụt lại phía sau, không làm ảnh hưởng hay gây hậu quả đến tương lai. Cách thức để đạt mục tiêu đó không phải là phủ nhận thị trường, xoá bỏ cơ chế thị trường mà là đặt Nhà nước vào vai trò kiến tạo phát triển, tham gia điều hành và định hướng sự

phát triển của kinh tế thị trường với tư cách là yếu tố cấu thành của cơ chế kinh tế.

Để xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển kinh tế đòi hỏi Đảng phải:

- Là người tiên phong trong đổi mới tư duy về phát triển nói chung, phát triển kinh tế nói riêng, về xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển trong lộ trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, làm cho toàn xã hội nhận rõ yêu cầu khách quan này. Có thể nói rằng, để lãnh đạo xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển thành công thì Đảng phải là *Đảng kiến tạo phát triển*, với tầm nhìn vượt trước để lãnh đạo Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của các tổ chức đảng, tăng cường, sử dụng hợp lý các tổ chức, cán bộ nghiên cứu để tham mưu cho Đảng trong việc xây dựng, lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội cũng như những vấn đề trọng đại của đất nước. Đảng thường xuyên lắng nghe, tiếp thu và tổng kết thực tiễn để đổi mới phong cách và phương thức lãnh đạo. Cải tiến hệ thống chính trị phù hợp với Hiến pháp và sự thay đổi của thể chế kinh tế. Cơ cấu lại bộ máy của hệ thống chính trị phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Nghiên cứu cải tiến quy trình ban hành nghị quyết theo hướng giải quyết các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng nguồn lực trong từng giai đoạn.

- Xác định rõ và quán triệt sâu sắc quan điểm: Đối với Đảng cầm quyền thì phương thức lãnh đạo quan trọng nhất, chủ yếu nhất là Đảng lãnh đạo kinh tế "bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước" để cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối, chủ trương, định hướng chính sách phát triển kinh tế của Đảng theo con đường pháp quyền. Đảng mạnh là phải xây dựng được Nhà nước - hệ thống chính quyền mạnh, đồng thời Nhà nước - hệ thống chính quyền mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là sự thể hiện trên thực tế Đảng mạnh. Do đó, Đảng cần xác định rõ hơn nội dung, phương thức, cơ chế và chế độ trách nhiệm về sự lãnh đạo đối với Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế.

- Với tư cách là người lãnh đạo - cầm quyền, Đảng phải "thực hiện lãnh đạo đúng", bao gồm "quyết định lãnh đạo đúng", "lãnh đạo tổ chức thực hiện đúng" và "tổ chức kiểm tra giám sát đúng", như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói. Nghĩa là, Đảng phải đề ra được đường lối, chủ trương và các định hướng phát triển kinh tế đúng đắn, làm cơ sở cho Nhà nước cụ thể hóa, thể chế hóa thành hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách - tạo cơ sở pháp lý cho sự vận động và phát triển kinh tế đất nước, nhất là đáp ứng đối với yêu cầu phát triển kinh tế nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Với tư cách là Đảng cầm quyền, cần xác định rõ nội dung, phương thức và cơ chế lãnh đạo kinh tế của Đảng đối với công tác lập pháp, hành pháp, tư pháp theo nguyên tắc không bao biện làm thay, không "lấn sân" công việc của Nhà nước, đồng thời không buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, tạo không gian và trách nhiệm cao, chủ động, sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan nhà nước theo Hiến pháp và pháp luật, theo tinh thần thượng tôn pháp luật, quyền lực nhà

nước thuộc về nhân dân, bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân ở mọi cấp độ. Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước, Nhà nước nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý đều nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế trên thực tế.

- Đảng phải lãnh đạo để xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống chính trị tinh gọn, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đảng phải lãnh đạo xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp thực sự là những "công bộc" của dân, giỏi về chuyên môn, phẩm chất đạo đức trong sáng, hết lòng vì lợi ích của nhân dân và sự phát triển của đất nước.

- Bản thân Đảng và Đảng phải lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị, Nhà nước "kiến tạo niềm tin" của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên phải thực sự gắn bó chặt chẽ với nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân với mục tiêu cao nhất vì lợi ích của quốc gia, của dân tộc, của nhân dân. Xây dựng và phát huy sức mạnh, sự sáng tạo của khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với sức mạnh thời đại, vượt qua mọi thử thách, làm cho nền kinh tế đất nước phát triển nhanh và bền vững.

2. Nâng cao trình độ lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế của Đảng đòi hỏi phải dựa vào dân chủ trong Đảng và dân chủ trong nhân dân, không ngừng hoàn thiện cơ chế giám sát và ràng buộc quyền lực

- *Kiên trì nguyên tắc tập trung dân chủ,* coi trọng sự giám sát và ràng buộc đối với cán bộ lãnh đạo. Tập trung dân

chủ là chế độ tổ chức và chế độ lãnh đạo căn bản của Đảng. Tuy nhiên, hiện nay trong thực tế có tình trạng là: có cán bộ lãnh đạo đặt mình lên trên tổ chức, những vấn đề lớn và quan trọng chỉ cá nhân lãnh đạo nói là xong, dẫn đến nhiều quyết định sai lầm, làm tổn hại đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; có cán bộ lãnh đạo không thích nghe các ý kiến phê bình, sinh hoạt dân chủ trở nên hình thức, thiếu sự giám sát và ràng buộc quyền lực trong nội bộ ban lãnh đạo; có cán bộ lãnh đạo vi phạm pháp luật... Một trong những nguyên nhân quan trọng chính là những người này đã vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng thiếu cơ chế giám sát và ràng buộc quyền lực. Vì vậy, về mặt xây dựng chế độ, một mặt phải phát huy dân chủ trong Đảng, phát huy tính tích cực và sáng tạo của toàn Đảng; nhưng mặt khác, quan trọng hơn là phải kiên trì nguyên tắc tập trung dân chủ, coi trọng sự giám sát và ràng buộc quyền lực đối với cán bộ lãnh đạo. Nhiều năm qua, một trong những vấn đề đặt ra có tính khoa học và thực tiễn là: quyền lực của Đảng, hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên phải được kiểm soát, giám sát như thế nào? Thiết nghĩ, vấn đề này cần được hiến định rõ ràng, tương thích với Điều 4 Hiến pháp năm 2013 về sự lãnh đạo của Đảng đối với "Nhà nước và xã hội".

Khoản 2 Điều 4 Hiến pháp năm 2013 đã viết: Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Chúng ta hoàn toàn đồng ý với quy định Đảng "chịu sự giám sát" và "chịu trách nhiệm" trước Nhân dân. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó thì chưa đủ, bởi chưa trả lời được câu hỏi "Nhân dân giám sát như thế nào? Đảng chịu trách nhiệm gì và chịu trách nhiệm

đến mức nào trước Nhân dân?". Do vậy, cần một cơ chế bảo đảm về mặt Hiến pháp và luật để nhân dân giám sát và Đảng chịu trách nhiệm.

Trong điều kiện hiện nay, chỉ khi có một đạo luật (hay ít ra là những quy định nguyên tắc) về sự lãnh đạo của Đảng với nội dung tiến bộ, phù hợp, đủ bảo đảm tránh được nguy cơ Đảng "lấn sân" chính quyền, tránh được tình trạng cá nhân hoặc nhóm lợi ích lợi dụng quyền lực của Đảng hoặc nhân danh Đảng để lộng quyền, lạm quyền để trục lợi và can thiệp vô nguyên tắc vào hoạt động của bộ máy nhà nước. Giám sát tốt hoạt động của Đảng thì mới có cơ hội loại trừ "một bộ phận không nhỏ" đảng viên thoái hóa, biến chất, tức là tránh được nguy cơ "tồn vong của chế độ".

- *Đổi mới công tác cán bộ,* mở rộng quyền được tham gia và giám sát của quần chúng đối với công tác tuyển chọn, đề bạt cán bộ của Đảng. Đảng quản lý cán bộ là bước đi cơ bản thực hiện vai trò cầm quyền của Đảng và cũng là nguyên tắc căn bản của công tác cán bộ hiện nay. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, ở một số địa phương, một số ngành vẫn tồn tại tình trạng gọi là "tuyển chọn, đề bạt một số ít người trong số ít người và do thiểu số người quyết định", thiếu sự tham gia và giám sát của quần chúng, dẫn đến tình hình người được đề bạt thiếu sự kết hợp tốt giữa việc chịu trách nhiệm trước cấp trên với phụ trách trước quần chúng, thường là chạy theo sự "hài lòng" của cấp trên hơn là được sự "hài lòng" của quần chúng. Vì vậy, đổi mới công tác cán bộ của Đảng chính là kết hợp tốt giữa nguyên tắc Đảng quản lý cán bộ với đổi mới phương pháp quản lý cán bộ, mở rộng sự tham gia và giám sát của quần chúng; hoàn thiện cơ chế tiến cử và đánh giá dân chủ, cạnh tranh giữ chức vụ, công khai trước khi bổ

nhiệm, truy cứu trách nhiệm khi sử dụng sai cán bộ... Thông qua cơ chế này sẽ làm cho những cán bộ ưu tú có thể được tuyển chọn để bầu vào cương vị lãnh đạo các cấp.

- *Tăng cường chống tham nhũng*. Việc chống tham nhũng có hiệu quả hay không có liên quan đến sự sinh tử, tồn vong của Đảng. Hiện nay, trong Đảng, các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng không những không bị đẩy lùi mà ngày càng nghiêm trọng hơn. Một nguyên nhân quan trọng là tổ chức đảng ở một số địa phương, một số ngành quản lý không nghiêm, thiếu sự giáo dục, quản lý và giám sát đối với đảng viên, nhất là đảng viên giữ cương vị lãnh đạo. Vì vậy, vấn đề quan trọng là phải tăng cường thực hiện sự quản lý, giám sát nghiêm túc của tổ chức đảng đối với cán bộ, đảng viên, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục tư tưởng với xây dựng chế độ, giữa "đức trị" và "pháp trị", hình thành mạng lưới giám sát và cơ chế giám sát, ràng buộc có hiệu quả, làm cho trong Đảng không còn chỗ dung thân cho những kẻ tham nhũng.

- *Coi trọng vai trò giám sát của báo chí và dư luận*. Muốn vậy, cần phải làm cho báo chí trở thành cầu nối, sợi dây liên hệ giữa Đảng với quần chúng: *một mặt,* Đảng phải tạo điều kiện cho báo chí phản ánh yêu cầu lợi ích của quần chúng nhân dân, những vấn đề mà quần chúng đang quan tâm, những tiếng nói, ý kiến của quần chúng nhân dân; *mặt khác,* báo chí mạnh dạn vạch trần và phê phán các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của Đảng. Về mặt chế độ, chính sách, Đảng và Nhà nước phải bảo đảm quyền được phỏng vấn, quyền được vạch trần của báo chí, đồng thời nghiêm trị những kẻ cản trở, đả kích và trả thù đối với báo chí.

MẤY SUY NGHĨ VỀ THAY ĐỔI TƯ DUY - ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

GS.TS. LƯU VĂN SÙNG*

Đảng và Nhà nước ta đang tìm cách đổi mới hoàn thiện hệ thống chính trị, tinh giản, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy. Thực tiễn đã gợi mở cho những giải pháp, trở ngại chính hiện nay có lẽ là tư duy, lợi ích của con người, trước hết là những người cầm quyền. Đổi mới tư duy hiện nay đặt ra với nội dung rộng lớn, bài viết này chỉ nêu ra mấy suy nghĩ cần phải thay đổi quan niệm về Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý.

Không nên dùng khái niệm Đảng lãnh đạo, mà nên dùng khái niệm Đảng cầm quyền. Lãnh đạo thuộc chức năng của Đảng Cộng sản, khái niệm lãnh đạo ít được sử dụng ở các chính đảng khác, đây là khái niệm được các nhà kinh điển Mác - Lênin sử dụng bắt đầu vào những năm cuối thế kỷ XIX, khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân, lực lượng tiên phong thực hiện sứ mệnh lịch sử lãnh đạo quần chúng nhân dân lao động thủ tiêu chế độ bóc lột, xây dựng xã hội mới vì con người, phát triển tự do toàn diện của con người.

---

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Lãnh đạo là thực hiện vai trò tiên phong, gương mẫu phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân để lôi cuốn được sự đồng tình ủng hộ một cách tự nguyện của đa số nhân dân với Đảng để giành thắng lợi trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng. Hay nói cách khác, Đảng lãnh đạo là sự định hướng, dẫn dắt, động viên, cổ vũ, khích lệ quần chúng tự nguyện thực hiện những nhiệm vụ chính trị để đạt tới mục tiêu nhất định. Với nội hàm như vậy, không thể áp dụng đối với Nhà nước.

Đối với Nhà nước, nên dùng khái niệm Đảng cầm quyền, nghĩa là Đảng giành được chính quyền nhà nước, có chính quyền Nhà nước, nắm giữ chính quyền nhà nước, thực thi cương lĩnh, chiến lược của mình bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước.

Song, trở thành Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản vừa thực hiện chức năng cầm quyền, vừa thực hiện chức năng lãnh đạo. Theo V.I. Lênin, khi trở thành Đảng cầm quyền, hoạt động của Đảng thể hiện trên hai bình diện: Thứ nhất là một Đảng có tính chất quần chúng và thứ hai là một Đảng chấp chính. Về tính chất quần chúng, Đảng phải động viên, cổ vũ, lôi cuốn công nhân, nông dân, binh lính, các chuyên gia tư sản và tất cả những người lao động tham gia vào quản lý nhà nước, xây dựng đất nước. Về chấp chính, Đảng nắm chính quyền, thực hiện chuyên chính vô sản, thực hiện kỷ luật sắt trong lao động và chế độ thủ trưởng. V.I. Lênin đã viết: "Chúng ta phải học tập kết hợp tinh thần dân chủ sôi sục, tràn trề, tựa như nước lũ mùa xuân, của quần chúng lao động trong các cuộc mít tinh với một kỷ luật sắt trong lao

động, với sự *phục tùng tuyệt đối* trong lao động đối với ý chí của một người duy nhất, của lãnh đạo xôviết"[1].

Tính chất quần chúng chính là sự lãnh đạo, thực hiện cơ bản trong lĩnh vực các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp của quần chúng nhân dân, còn tính chất chấp chính là sự cầm quyền cơ bản được thực hiện trong lĩnh vực Nhà nước.

Nội dung lãnh đạo và cầm quyền cơ bản là giống nhau, đều là thực hiện cương lĩnh, chiến lược, chính sách của Đảng, nhưng phương thức thực hiện thì khác nhau.

Đảng lãnh đạo là thực hiện cương lĩnh, chiến lược, chính sách bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

Còn Đảng cầm quyền là thực hiện cương lĩnh, chiến lược, chính sách bằng cách thể chế hóa bằng Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và thực thi Hiến pháp, pháp luật bằng bộ máy nhà nước. Muốn vậy, Đảng phải chiếm đa số trong Quốc hội để có thể thông qua các đạo luật thể hiện cương lĩnh, chiến lược, chính sách của Đảng, đồng thời đảng viên của Đảng phải nắm những vị trí chủ chốt trong cơ quan hành pháp để triển khai thực hiện pháp luật. Đảng cũng phải ảnh hưởng đến tư pháp để bảo đảm công lý và cơ sở pháp lý cho Đảng cầm quyền. Như vậy, cầm quyền có nghĩa là Đảng hóa thân vào Nhà nước, thực thi quyền lực bằng Nhà nước.

Vấn đề đặt ra là Đảng cầm quyền hay Đảng lãnh đạo? Hoặc là vừa lãnh đạo, vừa cầm quyền? Cương lĩnh của Đảng ghi là Đảng cầm quyền, còn Hiến pháp của Nhà nước ghi là

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t.40, tr.317.

Đảng lãnh đạo! Một tư duy lưỡng hạn không rõ ràng, có lẽ là tư duy của thời kỳ đang tìm tòi thể nghiệm.

Nếu chỉ là Đảng vừa lãnh đạo, vừa cầm quyền thì Đảng tạo thành hai bộ phận: Một bộ phận trực tiếp nắm giữ các cơ quan nhà nước, gọi là thực hiện chức năng quản lý nhà nước, còn bộ phận thứ hai bên cạnh Nhà nước, thực hiện sự lãnh đạo đối với Nhà nước (có thể coi đứng trên Nhà nước). Đây là tổ chức đảng ra nghị quyết để Nhà nước thực hiện hoặc thể chế hóa thành pháp luật để thực hiện và thường vụ các cấp ủy thường xuyên cho ý kiến chỉ đạo, từ đó hình thành sự song trùng:

Một thời đã hình thành song trùng hai hệ thống tổ chức: bên Nhà nước có Chủ tịch nước thì bên Đảng có Tổng Bí thư; bên Nhà nước có bộ gì thì bên Đảng có ban ấy; ở cấp tỉnh chính quyền có sở gì thì bên Tỉnh ủy có ban ấy; ở cấp huyện bên chính quyền có phòng gì thì bên Huyện ủy có ban ấy. Bộ máy cứ phình to ra, chúng ta đã cắt giảm nhưng chưa hết. Song, vì tư duy chưa rõ ràng, thể chế chưa xác định nên thu gọn rồi lại phình to ra, nhập rồi lại tách, giải thể rồi thành lập lại..., dĩ nhiên còn do những tình huống chính trị đặc biệt.

Mặt khác, còn song trùng ra quyết định: Đảng ra nghị quyết, chỉ thị, còn Nhà nước ban hành pháp luật, chính sách, chỉ thị..., quyền lực phân tán, thiếu tập trung, hiệu lực hạn chế.

Đặc biệt là hai hệ thống này hoạt động chồng lấn nhau, hạn chế sức mạnh của nhau. Hàng mấy chục năm nay chúng ta có một điệp khúc: tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy thì dẫn đến bao biện, làm thay; phát huy tính chủ động của chính quyền thì lại buông lỏng lãnh đạo.

Từ sự song trùng, chồng lấn trên dẫn đến bộ máy phình to ra, chi phí lớn, một gánh nặng đối với ngân sách dẫn đến,

ngân sách bội chi, nợ công sẽ gia tăng, chi thường xuyên nhiều, lấy gì đầu tư phát triển! Hiệu quả hoạt động của bộ máy rất thấp, phải chi phí nhiều thời gian để họp hành, ra nghị quyết, triển khai thực hiện, xin ý kiến chỉ đạo, báo cáo, kiểm tra... còn đâu thời giờ, sức lực để giải quyết công việc. Do vậy, ra nghị quyết không kịp thời, bỏ lỡ cơ hội, nhất là trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Có lẽ đến nay, cần xác định rõ hoạt động của Đảng trong lĩnh vực Nhà nước là Đảng chấp chính, Đảng cầm quyền. Vì vậy, Tổng Bí thư của Đảng phải giữ trọng trách cao nhất trong bộ máy nhà nước, có thể là Chủ tịch nước. Chủ tịch nước đồng thời là Tổng Bí thư cho ý kiến chỉ đạo trực tiếp Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Chính phủ và các Đảng đoàn khác trong bộ máy nhà nước, không cần có ý kiến chỉ đạo thường xuyên từ tổ chức đảng bên ngoài. Nếu là vấn đề lớn, hệ trọng vượt ra tầm giải quyết của Chủ tịch nước (đồng thời là Tổng Bí thư) thì triệu tập Bộ Chính trị hoặc Ban Chấp hành Trung ương họp ra nghị quyết. Nội dung nghị quyết phải được Quốc hội thể chế hóa thành pháp luật và Chính phủ triển khai thực hiện. Ở các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp cũng tương tự như vậy, dĩ nhiên có tính đặc thù riêng ở mỗi cấp.

Thực hiện như vậy sẽ bảo đảm nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền, pháp luật và tối thượng, các cơ quan nhà nước ban hành và thực thi pháp luật, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật; Đảng không đứng trên Nhà nước, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước, nhưng vẫn bảo đảm sự cầm quyền của Đảng. Đồng thời, khắc phục được sự song trùng giữa Đảng và Nhà nước. Quyết định của Đảng mang tính chất định hướng chiến lược, còn quyết định của Nhà

nước là thể chế hóa bằng pháp luật để thực hiện chiến lược của Đảng, về mặt tổ chức có thể giảm bớt những cơ quan không cần thiết, sáp nhập những cơ quan cùng chức năng để phát huy hiệu lực của Nhà nước, đồng thời vẫn giữ vững được vai trò lãnh đạo của Đảng.

Thay đổi tư duy và hoàn thiện thể chế là vấn đề cấp thiết đối với đời sống chính trị ở nước ta hiện nay. Cần phải thay đổi tư duy toàn diện và hoàn thiện thể chế chính trị, trong đó quan hệ giữa Đảng và Nhà nước là vấn đề cơ bản nhất.

PHẦN THỨ HAI

KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

CẢI CÁCH VÀ HOÀN THIỆN PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO VÀ CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC, NHỮNG GỢI MỞ VỚI VIỆT NAM

GS.TS. ĐỖ TIẾN SÂM*
ThS. TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT*

MỞ ĐẦU

Đảng Cộng sản Trung Quốc là một chính đảng lớn và lâu đời trên thế giới. Lớn vì tính đến cuối năm 2016, tổng số đảng viên của Đảng đã lên tới hơn 89 triệu người, chiếm khoảng 6,8% tổng số dân; lâu đời vì tính đến năm 2018, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thành lập được 97 năm, cầm quyền được 69 năm. Từ khi thành lập (ngày 01-7-1921) đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã trải qua ba thời kỳ lớn được xác định là hạt nhân lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, xây dựng và cải cách, mở cửa. Nhằm thích ứng với hoàn cảnh cầm quyền mới, từ khi lãnh đạo sự nghiệp cải cách và mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có những nhận thức mới, biện pháp mới nhằm cải cách và hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng.

---

* Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, "có chế độ chính trị tương đồng, con đường phát triển gần gũi nhau, tiền đồ vận mệnh tương quan". Vì vậy, những kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo để nâng cao năng lực cầm quyền có giá trị tham khảo tốt cho Việt Nam.

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI CẢI CÁCH, HOÀN THIỆN PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO VÀ CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc Đảng Cộng sản Trung Quốc phải hoàn thiện phương thức lãnh đạo cũng như nâng cao năng lực cầm quyền của mình, nhưng theo chúng tôi có thể bao gồm ba nguyên nhân chính:

1. Nhằm thích ứng với yêu cầu cải cách thể chế kinh tế

Phải nói rằng, cải cách mở cửa ở Trung Quốc mở đầu từ sau Hội nghị Trung ương 3 khóa XI Đảng Cộng sản Trung Quốc cuối tháng 12-1978, được bắt đầu từ cải cách ở nông thôn sau đó mở rộng ra thành thị; mở cửa bắt đầu từ ven biển, sau đó mở rộng ra ven sông và ven biên giới. Thực chất của những giải pháp nêu trên chính là bắt đầu từ kinh tế, lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, cải cách nhằm tháo gỡ những rào cản về mặt thể chế để giải phóng và phát triển sức sản xuất. Vì vậy, Trung Quốc đã duy trì được nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm liền, tổng lượng kinh tế đã lần lượt vượt qua Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản - vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới.

Tuy nhiên, cùng với cải cách thể chế kinh tế ngày càng triển khai và đi vào chiều sâu đã đặt ra yêu cầu phải cải cách thể chế chính trị. Ngay từ Văn kiện Đại hội XIII (năm 1987), Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chỉ rõ: Không tiến hành cải cách thể chế chính trị, cải cách thể chế kinh tế không thể giành được thành công cuối cùng. Văn kiện Đại hội này cũng nêu rõ mục đích của cải cách thể chế chính trị và thể chế kinh tế đều là nhằm phát triển tốt hơn sức sản xuất xã hội, phát huy đầy đủ hơn tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn cho thấy, Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 1992) đặt vấn đề xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đến Đại hội XV (năm 1997), Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa, cứ như vậy, các văn kiện đại hội từ Đại hội XVI đến nay - cùng với việc đề ra những mục tiêu, biện pháp cải cách thể chế kinh tế đều có nội dung về cải cách thể chế chính trị.

Gần đây nhất, Đại hội XIX (năm 2017) Đảng Cộng sản Trung Quốc - cùng với việc đặt vấn đề "nhanh chóng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" cũng đã đề xuất "kiện toàn hệ thống chế độ làm chủ của nhân dân, phát triển nền chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa". Để đáp ứng hai yêu cầu này, Đảng Cộng sản Trung Quốc với tư cách là hạt nhân lãnh đạo sự nghiệp cải cách, mở cửa buộc phải đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền của mình.

2. Nhằm đáp ứng yêu cầu mở cửa hội nhập quốc tế

Từ khi lãnh đạo sự nghiệp cải cách mở cửa đến nay, ngoài việc đẩy mạnh cải cách thể chế bên trong để giải phóng và phát triển sức sản xuất, Trung Quốc còn tích cực

và chủ động mở cửa hội nhập quốc tế. Từ năm 2001, Trung Quốc đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO). Mở cửa hội nhập quốc tế cũng đặt ra những yêu cầu mới và cao hơn đối với cải cách thể chế chính trị, nhất là việc chuyển đổi chức năng của Chính phủ, bởi lẽ gia nhập WTO thực chất là Chính phủ gia nhập. Đảng Cộng sản Trung Quốc phải đổi mới sự lãnh đạo đối với Nhà nước sao cho việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước thích ứng với yêu cầu mà WTO đặt ra. Thực tiễn cho thấy, từ khi mở cửa hội nhập quốc tế, đặc biệt là từ khi gia nhập WTO, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Quốc hội Trung Quốc đã sửa đổi, ban hành hàng trăm bộ luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Năm 2017, Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đặt vấn đề phải hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến bảo hộ sở hữu trí tuệ và phân bổ yếu tố sản xuất theo hướng thị trường hóa. Còn về mặt chính trị, Đại hội XIX cũng nêu rõ: Tích cực thúc đẩy ổn thỏa cải cách thể chế chính trị, thúc đẩy chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa, chế độ hóa, quy phạm hóa, pháp trị hóa, trình tự hóa, bảo đảm cho nhân dân dựa vào pháp luật, thông qua các con đường và hình thức khác nhau để quản lý công việc quốc gia, quản lý sự nghiệp kinh tế, văn hóa, quản lý sự vụ xã hội, v.v.. Để làm điều này, Đại hội XIX còn nhấn mạnh: Cải cách phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng, bảo đảm Đảng lãnh đạo nhân dân quản trị quốc gia hữu hiệu; đồng thời kiện toàn cơ chế vận hành quyền lực theo hướng quyết sách khoa học, chấp hành kiên quyết, giám sát có hiệu quả.

3. Nhằm khắc phục những khuyết tật của thể chế chính trị trước đây

Thể chế chính trị Trung Quốc được manh nha trong thời kỳ chiến tranh cách mạng, hình thành và phát triển trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình truyền thống. Thể chế chính trị đó đã phát huy tác dụng nhất định trong việc tập trung nguồn lực, khôi phục nền kinh tế quốc dân, cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, đặt nền móng cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc. Tuy nhiên, thể chế này cũng đã bộc lộ những thiếu sót và khuyết tật, như Đại hội XIII (năm 1987) chỉ rõ: Quyền lực tập trung quá mức, chủ nghĩa quan liêu nghiêm trọng, ảnh hưởng của chủ nghĩa phong kiến vẫn chưa được gột rửa. Những khuyết tật trên trong thể chế chính trị biểu hiện rõ nhất, tập trung nhất là trong thời kỳ cách mạng văn hóa (1966-1976). Theo đó, quyền lực tập trung quá mức vào Chủ tịch Mao Trạch Đông, hình thành thiết chế lãnh tụ đứng trên Đảng, tạo nên hiện tượng mà các nhà khoa học Trung Quốc gọi là "Đảng quyền cao hơn chính quyền và dân quyền". Tình hình đó đã làm cho đất nước Trung Quốc sau cách mạng văn hóa thật là bi thảm: Kinh tế đứng bên bờ sụp đổ, chính trị - xã hội hỗn loạn. Nếu không cải cách mở cửa, Trung Quốc sẽ không có lối thoát. Vì vậy, có thể nói cải cách mở cửa chính là nhằm khắc phục những khuyết tật của thể chế chính trị trước đây, trong đó một trong những nội dung trọng tâm là cải cách và hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng, cũng như nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng.

Có thể nói, trong ba nguyên nhân nêu trên, nguyên nhân bên trong đóng vai trò quyết định, nó đặt ra yêu cầu Đảng

Cộng sản Trung Quốc phải cải cách phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của mình. Tuy nhiên, đây cũng là một công việc hoàn toàn mới, Trung Quốc cũng phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, thông qua thực tiễn cải cách mở cửa sau đó khái quát thành lý luận.

II. "BA BẢO BỐI" TRONG CẢI CÁCH PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TỪ KHI CẢI CÁCH MỞ CỬA ĐẾN NAY

Như đã trình bày ở trên, cải cách mở cửa là sự nghiệp hoàn toàn mới, chưa được đề cập nhiều trong các trước tác của chủ nghĩa Mác, cũng như chưa có tiền lệ thực tiễn để noi theo, vì vậy Đảng Cộng sản Trung Quốc vừa làm, vừa rút kinh nghiệm. Trong quá trình gần 40 năm lãnh đạo sự nghiệp cải cách mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã rút ra một số bài học, được các nhà khoa học của nước này khái quát là "ba bảo bối" cầm quyền. Điều này không chỉ thể hiện nhận thức sâu sắc của Đảng Cộng sản Trung Quốc về quy luật cầm quyền của Đảng Cộng sản và sự tổng kết kinh nghiệm chính diện, phản diện về sự cầm quyền lâu dài của Đảng mà còn đã trở thành nguyên tắc căn bản trong phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng trong tình hình mới.

1. Cầm quyền khoa học

Theo Hồ Cẩm Đào, "cầm quyền khoa học là điều kiện tiền đề cho sự thành công của một chính đảng mácxít. Cầm quyền khoa học chính là kiên trì sự chỉ đạo của lý luận khoa học

của chủ nghĩa Mác, không ngừng tìm tòi và đi theo quy luật cầm quyền của Đảng Cộng sản, quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội, quy luật phát triển của xã hội loài người". Cầm quyền khoa học cần dựa trên tư tưởng khoa học, chế độ khoa học và phương pháp khoa học để tổ chức và dẫn dắt nhân dân cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Trong đó, tư tưởng khoa học là phải làm rõ được vấn đề "cầm quyền vì ai" và "cầm quyền dựa vào ai". Là một đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định kiên trì chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình, tư tưởng "Ba đại diện" và "Quan điểm phát triển khoa học", kết hợp với tình hình cụ thể trong nước, nghiên cứu tình hình mới, trả lời các vấn đề mới, đưa ra những nhận thức mới, từ đó làm cho tư tưởng cầm quyền của Đảng mới không ngừng phát triển và thể hiện tính khoa học. Chế độ khoa học là phải tuân theo quy luật cầm quyền, bảo đảm cơ chế cầm quyền khoa học, thông qua cơ chế này điều tiết tốt mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, xã hội và các cơ quan quyền lực. Cần xác định rõ Đảng cần nên làm gì để giải quyết vấn đề định vị chức năng của Đảng cầm quyền. Điều này đòi hỏi phải có thể chế và chế độ khoa học như phân phối quyền lực một cách khoa học, phát triển dân chủ trong Đảng, cầm quyền theo pháp luật, v.v.. Phương pháp khoa học chính là sự thể hiện khoa học trong thực tiễn của tư tưởng cầm quyền và chế độ cầm quyền, đồng thời cũng là biện pháp hiệu quả để nâng cao năng lực cầm quyền. Trong xã hội hiện đại, pháp trị là phương pháp cơ bản thực hiện cầm quyền khoa học, dân chủ là thực hiện bảo đảm cho việc thực hiện cầm quyền khoa học. Thông qua kiên trì cầm quyền theo pháp luật và cầm quyền dân chủ để thực hiện cầm quyền khoa học. Trong hoạt động

cầm quyền cụ thể, Đảng Cộng sản Trung Quốc cho rằng cần phải tích cực tìm tòi các phương pháp cầm quyền có lợi cho phương thức cầm quyền khoa học, không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền[1].

Ở Trung Quốc hiện nay, cầm quyền khoa học đầu tiên đòi hỏi phải phân chia một cách khoa học chức năng giữa Đảng cầm quyền và quyền lực công của Nhà nước, phân chia nguyên tắc lãnh đạo của Đảng với quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp, tạo quan hệ thuận lợi giữa Đảng và chính quyền về mặt thể chế. Thứ đến là, phân định và thực hiện một cách khoa học lý luận, đường lối, chính sách của Đảng, từ đó thiết kế, tổ chức và triển khai một cách khoa học các hoạt động cầm quyền. Cầm quyền khoa học phải được thể hiện ở chỗ nắm vững nhiệm vụ số một là Đảng cầm quyền chấn hưng đất nước; kiên trì dùng quan điểm phát triển khoa học để thống lĩnh toàn bộ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng thực hiện tốt, bảo đảm tốt, phát triển tốt lợi ích căn bản của đông đảo quần chúng nhân dân. Phải thúc đẩy mạnh mẽ quyết sách khoa học hơn, dân chủ hơn, cố gắng làm cho các quyết sách của Đảng Cộng sản, nhất là những quyết sách quan trọng có quan hệ đến quốc kế dân sinh phù hợp với quy luật khách quan và quy luật khoa học, đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng nhân dân[2].

---

1. Xem Lương Tố Chân - Vương Vĩ: "Tính tất yếu và đường lối sáng tạo phương thức cầm quyền của Đảng", Báo mạng xây dựng Đảng, (tiếng Trung), http://theory.people.com.cn/GB/49150/49151/7621691.html, ngày 6-8-2008.

2. Xem GS.TS. Đỗ Tiến Sâm: *Trung Quốc với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008, tr.230.

Để thực hiện mục tiêu cầm quyền khoa học, Đảng Cộng sản Trung Quốc chú trọng nâng cao năng lực cầm quyền, ngoài việc tạo điều kiện để mỗi đảng viên, đặc biệt là các cán bộ lãnh đạo được bồi dưỡng về lý luận, học tập nâng cao kiến thức khoa học, nâng cao năng lực phân tích và giải quyết vấn đề còn hướng dẫn đảng viên gắn kết với các vấn đề thực tiễn được quần chúng quan tâm. Điều này được thể hiện trong rất nhiều văn kiện của Đảng Cộng sản Trung Quốc, bao gồm các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các văn kiện của các cơ quan hữu quan, đã nhiều lần nhấn mạnh cán bộ các cấp phải kiên trì phương pháp lãnh đạo như: Phải giỏi điều tra nghiên cứu, phải nắm bắt phương pháp biện chứng, phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân, v.v.. Do vậy, bất kể là khi đề ra Quy hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội hay đưa ra quyết sách trọng đại về cải cách phát triển, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thường nhiều lần tổ chức toạ đàm giữa các đảng phái dân chủ, nhân sĩ ngoài đảng, lắng nghe ý kiến, hiệp thương dân chủ, hoàn thiện quyết sách. Đảng ủy các cấp ở địa phương cũng kiên trì chế độ này. Về phương diện đi sâu vào cơ sở, nghiên cứu điều tra, khảo sát thực tế, Tổng Bí thư Tập Cận Bình cũng làm gương cho cán bộ lãnh đạo các cấp, mỗi năm ông đi điều tra nghiên cứu tại các tổ chức cơ sở ở nông thôn, doanh nghiệp và các đơn vị nghiên cứu khoa học 15 lần trở lên. Bên cạnh đó, ông còn nhiều lần yêu cầu cán bộ các cấp phải giỏi tổng kết kinh nghiệm, kiên trì định hướng vấn đề, trong quá trình tổng kết không ngừng tìm ra quy luật, hoàn thiện quyết sách. Các ban, ngành hữu quan của Trung ương và đảng ủy địa phương còn thường xuyên tổ chức hội nghị chuyên ngành, phổ biến kinh nghiệm. Để tổng kết kinh nghiệm tốt hơn nữa, cán bộ

lãnh đạo các cấp đã đẩy mạnh công tác phê bình và tự phê bình, cố gắng tự hoàn thiện nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo thông qua tự phê bình[1].

Tóm lại, cầm quyền khoa học trong tình hình mới hiện nay ở Trung Quốc được quyết định bởi nhân tố khách quan do Đảng cầm quyền trong bối cảnh ngày càng phức tạp và hoàn toàn phù hợp với quy luật cầm quyền. Có thể làm tốt cầm quyền khoa học mới có thể giải quyết những vấn đề then chốt đang phải đối mặt trong tiến trình toàn cầu hóa, hiện đại hóa. Cầm quyền khoa học đòi hỏi từng bước làm rõ mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền, cơ quan quyền lực và cơ quan hành chính. Đảng cầm quyền phải tích cực ủng hộ quyền quyết sách đối với các vấn đề trọng đại của Đại hội đại biểu Nhân dân, ý chí của Đảng phải được chuyển thành ý chí của Nhà nước. Đảng cầm quyền cần quy phạm mối quan hệ giữa chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương, giữa các cơ quan chính quyền khác nhau, làm rõ quyền quyết sách của mỗi nơi. Thêm vào đó, cầm quyền khoa học cần phải có trình tự quyết sách và cơ chế quyết sách hợp lý, có quyết sách khoa học nên có cơ chế cảnh báo dự phòng, cơ chế khơi thông hài hoà, cơ chế tham gia của công chúng, cơ chế tư vấn chuyên gia, cơ chế ràng buộc quyết sách, cơ chế giám sát quyết sách, cơ chế trách nhiệm quyết sách, v.v.. Ngoài ra, cầm quyền khoa học cần có kỹ thuật và biện pháp quyết sách tiên tiến, thông qua những kỹ thuật thông tin, kỹ thuật mạng để cung cấp thông tin, tư vấn, giám sát và sửa đổi

1. Xem Đặng Thuần Đông: *Nâng cao năng lực và trình độ lãnh đạo của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình và cục diện phức tạp*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr. 166-167.

quyết sách khoa học nhằm nâng cao trình độ khoa học hóa quyết sách dân chủ bằng phương pháp khoa học.

2. Cầm quyền dân chủ

Ngay từ giai đoạn 1978-1982, việc đổi mới phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bắt đầu tập trung vào vấn đề dân chủ và hạ phóng quyền lực - theo cách gọi của Việt Nam là phân cấp quản lý. Tại Hội nghị Trung ương 3 khóa XI (năm 1978), Đặng Tiểu Bình đã xác định sự lãnh đạo của Đảng chủ yếu là lãnh đạo chính trị, lãnh đạo tổ chức và lãnh đạo tư tưởng, nêu lên một cách tương đối hoàn chỉnh vấn đề xây dựng nền chính trị dân chủ. Trong đó ông đặc biệt nhấn mạnh, trong đời sống chính trị của Đảng và Nhà nước phải tăng cường dân chủ, bước đi là "hạ phóng quyền lực" tức phân cấp, phân quyền, thay đổi tình trạng tập trung quyền lực trong thể chế quản lý kinh tế, mở rộng quyền tự chủ cho đơn vị cơ sở; bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, tăng cường pháp chế, làm cho dân chủ được chế độ hóa, pháp luật hóa. Đặc trưng nổi bật trong việc đổi mới trong giai đoạn này là giới định chức năng của Đảng với chính quyền, phân cấp quản lý, mở rộng quyền tự chủ cho cơ sở.

Đến Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2002), Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã làm rõ hơn về khái niệm cầm quyền dân chủ là "yêu cầu bản chất của việc cầm quyền của một chính đảng mácxít. Cầm quyền dân chủ chính là cầm quyền vì nhân dân, dựa vào nhân dân, phát triển nền chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc; thúc đẩy việc chế độ hóa, quy phạm hóa, trình tự hóa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, dùng chế độ dân chủ, hình thức dân chủ và

biện pháp dân chủ để ủng hộ và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân". Trên cơ sở đó, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào còn nêu ra phương hướng cải cách và hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng, nhấn mạnh việc Đảng phải xử lý tốt các mối quan hệ dân chủ trong Đảng với dân chủ nhân dân, giữa Đảng với pháp luật, giữa Đảng với chính quyền, giữa Đảng với xã hội, giữa Đảng với quần chúng, v.v..[1].

Thứ nhất, về mặt xây dựng dân chủ trong Đảng, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua xây dựng quy chế bảo đảm vai trò chủ thể cũng như quyền dân chủ của đảng viên; đưa ra và thực hiện chế độ thường nhiệm Đại hội đại biểu Đảng, phát huy vai trò quyết sách của Đại hội Đảng toàn quốc; tăng cường giám sát trong Đảng, quy phạm cơ chế vận hành quyền lực. *Thứ hai*, về mặt dân chủ giữa các mối quan hệ với Đảng, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành cải cách và hoàn thiện chế độ Đại hội đại biểu nhân dân, chế độ hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị, chế độ tự trị vùng dân tộc, chế độ tự quản của quần chúng ở cơ sở, xây dựng hệ thống pháp trị xã hội chủ nghĩa, làm cho mối quan hệ trong Đảng, quan hệ với các chính đảng trên thế giới, giữa các đảng đoàn, quan hệ Đảng với quần chúng từng bước được chế độ hóa, quy phạm hóa và trình tự hóa[2].

Từ Đại hội XVIII (năm 2012), Đảng Cộng sản Trung Quốc tăng cường hơn nữa việc xây dựng quan điểm quần chúng,

---

1. GS.TS. Đỗ Hoài Nam chủ biên: *Vị trí cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 110.

2. Xem Châu Vị Hoa: "Nghiên cứu vấn đề dân chủ hóa của Đảng Cộng sản Trung Quốc (tiếng Trung)", Học báo Trường Đảng YiLi, Kỳ 2, năm 2014, https://wenku.baidu.com/view/e65d48ac192e45361166f50c.html.

quán triệt đường lối quần chúng của Đảng, kiên trì cầm quyền vì nhân dân, dựa vào nhân dân, ủng hộ và bảo đảm nhân dân làm chủ, làm tốt vai trò công bộc của nhân dân. Không ngừng cải tiến và sáng tạo phương thức, phương pháp liên hệ với quần chúng, xây dựng và hoàn thiện các chế độ như điều tra dân ý, khơi thông và mở rộng kênh tìm hiểu tình hình xã hội, ý kiến của nhân dân, không ngừng tăng cường bản lĩnh làm tốt công tác quần chúng. Kiên trì tư tưởng phát triển lấy nhân dân làm trung tâm, bám sát các vấn đề trực tiếp nhất, quan tâm nhất, hiện thực nhất của quần chúng nhân dân[1]. Bảo đảm quyền tham gia quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ và giám sát dân chủ theo pháp luật của quần chúng nhân dân. Hội nghị Trung ương 6 khóa XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua "Nguyên tắc liên quan đến sinh hoạt chính trị trong tình hình mới" đưa ra những yêu cầu cụ thể đối với việc kiên trì và hoàn thiện sinh hoạt dân chủ và tổ chức sinh hoạt". Quy định liên quan đến sinh hoạt dân chủ của cán bộ lãnh đạo đảng viên các đơn vị đảng từ cấp huyện trở lên và các cơ quan nhà nước" được ban hành đã thể hiện rõ hơn việc kiên trì và hoàn thiện chế độ sinh hoạt dân chủ, bảo đảm tôn trọng vai trò chủ thể của đảng viên, tích cực thúc đẩy mở rộng dân chủ trong Đảng để thúc đẩy dân chủ nhân dân của Đảng Cộng sản Trung Quốc[2].

---

1. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Xây dựng Đảng trong điều kiện hội nhập quốc tế: Thách thức, kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.51.

2. Xem "Những thành tựu trọng đại trong xây dựng Đảng từ Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đến nay" (tiếng Trung) http://www.zzdjw.org.cn/n1/2017/0321/c153945-29158179.html, tháng 2-2017.

Tóm lại, thực tiễn cho thấy, Đảng Cộng sản Trung Quốc đang cố gắng thực hiện phương châm cầm quyền dân chủ, hướng tới kiên trì lập Đảng vì công, cầm quyền vì dân, coi lợi ích căn bản của quảng đại quần chúng nhân dân là điểm xuất phát và điểm dừng chân của mọi công tác của Đảng, thiết thực trao quyền cho nhân dân, liên hệ mật thiết với nhân dân, mưu cầu lợi ích của nhân dân. Kiên trì kiện toàn chế độ dân chủ, không ngừng làm phong phú hình thức dân chủ, bảo đảm cho nhân dân dựa vào pháp luật thực hiện quyền bầu cử dân chủ, phát huy đầy đủ tính tích cực, tính chủ động và tính sáng tạo của quần chúng nhân dân về tất cả các mặt trong xã hội, cũng như thực hiện tốt công tác cải cách, phát triển và ổn định. Không ngừng hoàn thiện và mở rộng dân chủ trong Đảng để thúc đẩy dân chủ nhân dân, tăng cường giám sát quyền lực cả trong và ngoài Đảng, bảo đảm quyền lực do nhân dân trao cho được dùng để mưu cầu lợi ích của nhân dân.

Bên cạnh đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng tiếp tục kiên trì chế độ lãnh đạo tập trung dân chủ căn bản của mình để tập trung sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân. Quán triệt "bốn phục tùng" (cá nhân đảng viên phục tùng tổ chức đảng, thiểu số phục tùng đa số, tổ chức cấp dưới phục tùng tổ chức cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng và toàn thể đảng viên phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và Ban Chấp hành Trung ương). Trong đó, kiên trì chế độ lãnh đạo tập thể, thực hiện kết hợp giữa tập thể lãnh đạo và cá nhân phân công phụ trách là nội dung quan trọng hàng đầu trong quán triệt chế độ tập trung dân chủ trong lãnh đạo. Sau những năm 90 của thế kỷ XX, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo, các văn kiện chuẩn hóa công tác lãnh đạo: "Điều lệ công

tác đảng ủy địa phương", "Điều lệ giám sát trong Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc" lần lượt được ban hành. Đến Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc tiếp tục nhấn mạnh kiên trì chế độ lãnh đạo tập trung dân chủ. Hiệp thương dân chủ là phần quan trọng được Hội nghị Trung ương 3 khoá XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua trong "Nghị quyết về những vấn đề quan trọng liên quan đến đi sâu cải cách toàn diện" cho thấy rõ phát triển hiệp thương dân chủ là hướng đi thể hiện kiên trì và hoàn thiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong thời kỳ mới, đã quy phạm hoạt động của Đảng và Nhà nước, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng, duy trì tính tiên phong và trong sạch của Đảng, xây dựng dân chủ chính trị trên cơ sở thống nhất giữa *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và được thực thi bằng pháp luật.* Các văn kiện Hội nghị Trung ương 6 khoá XVIII cũng đã đề ra những quy định cụ thể hóa cơ chế tập trung dân chủ, chi tiết và rõ ràng về làm thế nào quán triệt tập trung dân chủ trong công tác lãnh đạo, vừa quy định phương thức thực hiện lãnh đạo, vừa đưa ra các quy tắc nghị sự và trình tự quyết sách mà đảng ủy, ban lãnh đạo các cấp phải tuân thủ[1].

3. Cầm quyền theo pháp luật

Từ sau Hội nghị Trung ương 3 khóa XI (năm 1978), Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua các văn kiện của mình đã

1. Xem Đặng Thuần Đông: "Nâng cao năng lực và trình độ lãnh đạo của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình và cục diện phức tạp", in trong sách của Hội đồng Lý luận Trung ương: *Xây dựng Đảng trong điều kiện hội nhập quốc tế: Thách thức, kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc, Sđd,* tr.160.

khẳng định cần phải xử lý tốt mối quan hệ giữa Đảng và pháp luật (nhất là Hiến pháp). Năm 1982, Đảng Cộng sản Trung Quốc sửa đổi quy định trong Điều lệ Đảng, xác định rõ Đảng phải hoạt động trong khung khổ Hiến pháp và pháp luật, bất kỳ người nào cũng không có đặc quyền vượt qua Hiến pháp và pháp luật, thực hiện việc quản lý Đảng theo pháp luật. Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra mục tiêu cải cách thể chế chính trị là quản lý đất nước bằng pháp luật và xây dựng Nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa, thể hiện nhận thức sâu sắc hơn của Đảng Cộng sản Trung Quốc về phương thức cầm quyền của Đảng. Hiến pháp và pháp luật là chỗ dựa cơ bản để Đảng quản lý và điều hành đất nước. Bên cạnh đó, Điều lệ Đảng và các quy định Đảng cũng là bộ luật lớn căn bản của Đảng để toàn thể các đảng viên quán triệt thực hiện, không ngừng bồi dưỡng nâng cao tính đảng. Về việc cầm quyền theo pháp luật, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào cho rằng, đây là "phương thức cơ bản của việc cầm quyền của một chính đảng mácxít trong điều kiện lịch sử mới. Cầm quyền theo pháp luật chính là kiên trì phương châm quản lý đất nước bằng pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo công tác lập pháp, đi đầu trong việc tuân theo pháp luật, bảo đảm chấp hành pháp luật, không ngừng thúc đẩy tiến trình pháp chế hóa, quy phạm hóa đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước, dùng quan niệm pháp quyền, thể chế pháp quyền, trình tự pháp quyền, bảo đảm Đảng lãnh đạo nhân dân tham gia quản lý nhà nước một cách có hiệu quả. Phải tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác lập pháp, thúc đẩy lập pháp khoa học, lập pháp dân chủ, từ mặt chế độ và pháp luật bảo đảm quán triệt thực hiện đường lối, phương châm và chính

sách của Đảng. Tổ chức đảng các cấp đều phải hoạt động trong khung khổ Hiến pháp và pháp luật, mọi đảng viên đều phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Phải ủng hộ cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, quyền hạn theo pháp luật, dựa vào pháp luật thúc đẩy việc triển khai các mặt công tác, thiết thực bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân"[1].

Cầm quyền theo pháp luật, về bản chất chính là bộ phận cấu thành thống nhất với quản lý nhà nước theo pháp luật, là yêu cầu nội tại và là sự bảo đảm cơ bản của quản lý nhà nước theo pháp luật. Cầm quyền theo pháp luật yêu cầu mối quan hệ tương hỗ giữa Đảng cầm quyền và thể chế nhà nước phải được vận hành dựa trên pháp luật, thực hiện quản lý Đảng theo pháp luật hay cũng chính là thực hiện pháp trị hóa phương thức cầm quyền. Pháp trị hóa phương thức cầm quyền của Đảng, không chỉ quy định Đảng cần phải hoạt động trong khung khổ Hiến pháp và pháp luật, mà còn cần phải có rất nhiều chế độ cụ thể bảo đảm nguyên tắc này. Thực tiễn chứng minh chỉ có thông qua chế độ để quy phạm cơ chế vận hành quyền lực trong Đảng, thông qua việc xây dựng và kiện toàn cơ chế vận hành khoa học trong Đảng để việc xây dựng và phát triển Đảng đi trên con đường khoa học hóa, dân chủ hóa, pháp trị hóa, chế độ hóa, quy phạm hóa[2].

---

1. Xem "Kiên trì cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật" (tiếng Trung), http://www.zgdjyj.com/Default.aspx?tabit=99& Articleeld=486, ngày 21-8-2006.

2. Xem Đào Tân Nguyên: "Sáng tạo quan trọng trong phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng - Cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật" (tiếng Trung), Học báo Trường Đảng tỉnh Quý Châu, Trung Quốc, tháng 2-2005.

Kể từ khi cải cách, mở cửa đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã cố gắng nắm chắc xây dựng chế độ, từng bước xây dựng một hệ thống chế độ hiệu quả. Tính đến nay, chỉ riêng với danh nghĩa Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có hơn 700 quy định và văn kiện có tính quy định trong Đảng được ban hành, qua đó thúc đẩy việc chế độ hóa và chuẩn hóa công tác xây dựng Đảng. Riêng từ Đại hội XVIII đến nay, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa "cải cách chế độ công tác xây dựng Đảng" vào nội dung quan trọng của việc đi sâu cải cách toàn diện, đẩy mạnh quản lý Đảng bằng chế độ, đã ban hành hoặc sửa đổi hơn 50 văn bản quy định trong Đảng, như sửa đổi Điều lệ Đảng, ban hành chuẩn mực liêm khiết tự răn mình, Điều lệ công tác đảng ủy (đảng đoàn), Điều lệ công tác tuần thị, Điều lệ xử lý kỷ luật, Điều lệ truy cứu trách nhiệm, v.v.. Hội nghị Trung ương 6 khóa XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua "Một số chuẩn mực sinh hoạt chính trị trong Đảng trong tình hình mới" và "Điều lệ giám sát trong Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc", đây được xem là thành quả mới nhất thúc đẩy quản lý Đảng bằng chế độ[1].

Bên cạnh đó, trong suốt nhiệm kỳ Đại hội XVIII, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc được nhấn mạnh và củng cố hơn bao giờ hết. Tổng Bí thư Tập Cận Bình đã nhiều lần nhấn mạnh nguyên tắc *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và quản lý nhà nước theo pháp luật phải có sự thống nhất hữu cơ với nhau*, trong đó căn bản nhất vẫn là sự lãnh

1. Lưu Kỳ Bảo: *Thách thức, kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong điều kiện mở cửa đối ngoại*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.54.

đạo của Đảng. Hội nghị Trung ương 4 khóa XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chỉ ra: "Đảng lãnh đạo là đặc trưng căn bản nhất thể hiện chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc"[1]. Đồng thời, ông còn chỉ ra phương thức mà Đảng lãnh đạo đất nước và xây dựng tư tưởng quản lý nhà nước theo pháp luật trong toàn xã hội, toàn xã hội cần nỗ lực làm theo, đó là: "Cần phải khiến cho những chủ trương của Đảng trở thành ý chí của Nhà nước"[2].

Một biện pháp quan trọng nữa mà Đảng Cộng sản Trung Quốc thúc đẩy cầm quyền theo pháp luật trong suốt nhiệm kỳ Đại hội XVIII, đó là nắm bắt "thiểu số then chốt"- chính là đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Bởi lẽ, cán bộ lãnh đạo chính là chủ thể của việc quản lý nhà nước theo pháp luật, cần phát huy vai trò gương mẫu đi đầu của họ. Đội ngũ lãnh đạo có năng lực và tư duy pháp trị mới có thể thực hiện được công cuộc quản lý nhà nước theo pháp luật một cách có hiệu quả. Vì vậy, Tổng Bí thư Tập Cận Bình nhấn mạnh rằng, các cán bộ lãnh đạo và các cơ quan lãnh đạo cần phải nâng cao năng lực sử dụng tư duy pháp trị và phương thức pháp trị để lãnh đạo đất nước.

Tóm lại, kiên trì cầm quyền theo pháp luật là yêu cầu căn bản đối với sự lãnh đạo của Đảng, là biện pháp mới để tăng cường năng lực cầm quyền của Đảng, là sự phát triển mới về

---

1. Tập Cận Bình: "Quyết định về một số vấn đề trọng đại liên quan đến đi sâu cải cách toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc" (tiếng Trung), http://cpc.people.com.cn/n/2014/1029/c64387-25927606.html.

2. Xem: Bài phát biểu quan trọng của Tập Cận Bình tại Hội nghị Kỷ niệm 60 năm thành lập Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc (tiếng Trung), http://news.southcn.com/zhuanti/szqh/sjml/content/2014-10/17/content_110336525.htm.

phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng, cầm quyền theo pháp luật là đưa các hoạt động của Đảng vào trong cục diện quản lý đất nước theo pháp luật, cầm quyền theo pháp luật bao hàm ba vấn đề: *một là,* Đảng phải hoạt động trong khung khổ Hiến pháp và pháp luật. Điều này đã được quy định trong Điều lệ Đảng, Đảng cần phải đi đầu gương mẫu trong việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật mà không có bất kỳ một đặc quyền gì; *hai là*, Đảng cần phải tăng cường xây dựng chế độ và pháp quy, thông qua đó để thực hiện dân chủ hóa, pháp chế hóa trong sinh hoạt Đảng. Xây dựng chế độ bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên, cải cách và hoàn thiện thể chế lãnh đạo trong Đảng, xây dựng cơ chế hoàn thiện giám sát quyền lực, hoàn thiện chế độ bầu cử trong Đảng, v.v.; *ba là*, hoàn thiện cơ chế giám sát quyền lực, tăng cường chế độ ràng buộc và giám sát sự vận hành quyền lực của Đảng cầm quyền để bảo đảm tổ chức đảng thực sự tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tuân thủ quyền hạn và trình tự cầm quyền[1].

III. MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

Qua tìm hiểu kinh nghiệm cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, trong đó hạt nhân là "ba bảo bối" cầm quyền, có thể đưa ra một số suy nghĩ có tính chất gợi mở như sau:

Một là, trên cơ sở Cương lĩnh chính trị đã được Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua, Đảng cần phải *nâng cao hơn nữa ảnh hưởng cầm quyền của Đảng trong xã hội cũng như*

1. Xem Lương Tố Chân - Vương Vĩ: "Tính tất yếu và đường lối sáng tạo phương thức cầm quyền của Đảng", Báo mạng xây dựng Đảng (tiếng Trung), http://theory.people.com.cn/GB/49150/49151/7621691.html, ngày 6-8-2008.

quốc tế. Theo chúng tôi, Cương lĩnh chính trị mà Đảng ta đã bổ sung và phát triển năm 2011 là cương lĩnh cầm quyền phù hợp với nguyện vọng của quần chúng nhân dân và đáp ứng yêu cầu của thời đại, qua đó tăng cường sứ mệnh lịch sử và trách nhiệm của Đảng đối với quốc gia, dân tộc.

Hai là, thúc đẩy phát triển kinh tế, củng cố địa vị cầm quyền của Đảng. Thực tiễn cho thấy, Đảng muốn củng cố địa vị cầm quyền của mình cần phải coi phát triển sức sản xuất là nhiệm vụ quan trọng đầu tiên, lấy xây dựng kinh tế là trung tâm, không ngừng nâng cao năng lực quản lý phát triển kinh tế. Cùng với việc không ngừng nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia, cải thiện đời sống nhân dân, nhanh chóng phát triển kinh tế, Đảng phải nỗ lực thực hiện sự phát triển hài hòa giữa kinh tế và xã hội, kinh tế và môi trường, giữa chính trị và xã hội.

Ba là, phải củng cố mối quan hệ mật thiết máu thịt giữa Đảng với quần chúng, tạo nền tảng vững chắc cho sự cầm quyền của Đảng. Thực tiễn cho thấy, quần chúng là cơ sở xã hội cho sự cầm quyền của Đảng, *mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng ở mức độ rất lớn quyết định sự hưng vong của Đảng.* Vì vậy, Đảng phải không ngừng củng cố cơ sở giai cấp và mở rộng cơ sở quần chúng của Đảng.

Bốn là, đẩy mạnh dân chủ trong Đảng, kiện toàn thể chế cầm quyền của Đảng theo hướng *lấy dân chủ trong Đảng để thúc đẩy dân chủ ngoài xã hội*; trong Đảng phải xử lý tốt mối quan hệ giữa đảng viên với tổ chức đảng, giữa tổ chức đảng cấp dưới với tổ chức đảng cấp trên, nâng cao trình độ khoa học hóa, dân chủ hóa trong các quyết sách của Đảng, đồng thời *xây dựng và kiện toàn cơ chế để quần chúng tham gia vào đời sống chính trị đất nước,* nâng cao tính hấp dẫn và sức hội tụ của Đảng với quần chúng.

Năm là, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền, đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng. Thực tiễn cho thấy, bản chất cầm quyền của một chính đảng chính là làm thế nào *nắm vững và vận hành tốt chính quyền nhà nước*, giải quyết tốt vấn đề quan hệ giữa Đảng và chính quyền. Đảng lãnh đạo và giám sát cơ quan nhà nước, bao gồm lập pháp, hành pháp và tư pháp, không bao biện, làm thay Nhà nước, đồng thời cũng không buông lỏng - thậm chí "bỏ mặc" Nhà nước.

Sáu là, tăng cường xây dựng Đảng, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng. Thực tiễn cho thấy, *năng lực cầm quyền của Đảng yếu hay mạnh có liên quan đến việc củng cố địa vị cầm quyền của Đảng*. Vì vậy, toàn Đảng phải xây dựng phong cách học tập và học tập suốt đời, không ngừng sáng tạo, cầm quyền vì dân, coi sự quan tâm của người dân, đòi hỏi của người dân là mục tiêu phấn đấu của Đảng.

KẾT LUẬN

Quá trình lãnh đạo công cuộc cải cách mở cửa cũng là quá trình Đảng Cộng sản Trung Quốc tích cực tìm tòi, đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền và nâng cao năng lực cầm quyền của mình, đồng thời đã đạt được một số kết quả bước đầu. Tuy nhiên, giờ đây khi chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc bước vào thời đại mới, Báo cáo chính trị tại Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2017) do Tổng Bí thư Tập Cận Bình trình bày đã nhấn mạnh quan điểm cho rằng: Triển vọng và vận mệnh của một chính đảng, một chính quyền phụ thuộc lòng dân hướng theo hay chống lại. Ông cũng kêu gọi: Toàn Đảng phải nhận thức

rõ rằng Đảng Cộng sản Trung Quốc đang đứng trước môi trường cầm quyền phức tạp, các nhân tố ảnh hưởng đến tính tiên tiến của Đảng, tính trong sạch của Đảng cũng rất phức tạp. Từ đó ông nêu lên yêu cầu chung về xây dựng Đảng trong thời đại mới là: Kiên trì và tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, kiên trì Đảng phải quản lý Đảng, quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, lấy việc tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền lâu dài và xây dựng tính tiên tiến, tính trong sạch của Đảng làm trục chính, coi xây dựng chính trị của Đảng là vấn đề hàng đầu, lấy kiên định lý tưởng, niềm tin, tôn chỉ làm nền tảng, lấy huy động tính tích cực, tính chủ động, tính sáng tạo của toàn Đảng làm điểm đột phá thúc đẩy toàn diện việc xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tác phong, kỷ luật, đi sâu thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tham nhũng, không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng Đảng, xây dựng Đảng trở thành Đảng cầm quyền theo chủ nghĩa Mác luôn luôn dẫn đầu thời đại, nhân dân ủng hộ chân thành, mạnh dạn tự cải cách vượt qua mọi thử thách sóng gió, bừng lên sức sống[1].

Những kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong quá trình tìm tòi, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cùng với nhận thức mới về công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc được thể hiện trong Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc có giá trị gợi mở tốt, Việt Nam cần tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu.

---

1. Xem *Tổng tập văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.93-94.

THỰC TIỄN ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TRONG BỐI CẢNH MỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG*

Trước bối cảnh tình hình trong nước đang có những thay đổi phức tạp, cục diện thế giới đang có sự điều chỉnh sâu sắc, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có nhận thức và thực hiện việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm thích ứng với tình hình mới, bảo đảm cho Đảng củng cố và giữ vững địa vị cầm quyền, hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo đất nước Trung Quốc.

1. Những cơ sở cho việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc

Đảng Cộng sản Trung Quốc trên quan điểm thực tiễn và với phương châm "sự nghiệp của Đảng và nhân dân phát triển đến giai đoạn nào, thì công tác xây dựng Đảng thúc đẩy đến giai đoạn đó" đã rất chú trọng đến đổi mới nội dung,

* Hội đồng Lý luận Trung ương.

phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp với những thay đổi, đặc điểm mới trong bối cảnh hiện nay. Theo quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc, cơ sở cho việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng là phải nhận thức đúng, đầy đủ những cơ hội, thách thức mới của quá trình toàn cầu hóa trên thế giới, của việc mở cửa, hội nhập quốc tế của Trung Quốc tiếp tục được thúc đẩy, của các nhân tố bên trong, bên ngoài đan xen lẫn nhau tác động đến nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Thứ nhất, trong bối cảnh mới, môi trường, hoàn cảnh, điều kiện thực hiện sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc có nhiều điểm khác so với trước, đặt ra nhiều thách thức đối với sự lãnh đạo của Đảng. Trong điều kiện hội nhập quốc tế, sự giao lưu, tiếp xúc của đảng viên, người dân với thế giới ngày càng được tăng cường, mở rộng cùng với các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, internet phát triển nhanh chóng ngày càng tác động đến nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Một số đảng viên trẻ và thanh niên ở Trung Quốc quan tâm và bị dẫn dắt bởi các thông tin trên mạng xã hội, ít quan tâm đến báo chí, phát thanh, truyền hình chính thống của Đảng, Nhà nước. Thông qua mạng xã hội, bất kỳ một quyết sách, hoạt động của Đảng đều có những nhận xét, bình luận, đánh giá của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó có nhiều ý kiến bình luận, nhận xét mang tính chủ quan cá nhân. Thông qua internet và phương tiện truyền thông mới, nhiều thông tin hỗn tạp, trái chiều thâm nhập vào trong nước; một số quan điểm cực đoan, phiến diện, quá khích có điều kiện lan truyền nhanh chóng. Đồng thời, một số sách, báo và bài viết sai lệch

đường lối, quan điểm của Đảng trên internet và mạng xã hội cũng dễ thu hút sự quan tâm của một số người. Tình trạng này tác động tiêu cực tới nhận thức, quan điểm, lập trường tư tưởng, chính trị của cán bộ, đảng viên, đồng thời đặt ra yêu cầu càng cao hơn đối với phương thức, phương pháp quản lý, giáo dục chính trị, tư tưởng cho đông đảo cán bộ, đảng viên.

Thứ hai, trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và mở cửa, hội nhập quốc tế không ngừng đi vào chiều sâu, kết cấu xã hội Trung Quốc trở nên phức tạp, đa dạng và phân hóa thành nhiều tầng nấc, con người trong xã hội hiện đại cơ động, lưu động nhanh hơn, phương thức, lĩnh vực ngành nghề và việc làm thay đổi nhanh hơn, các tổ chức trung gian xã hội, các nhóm xã hội xuất hiện ngày càng nhiều, cơ cấu đội ngũ đảng viên ngày càng phức tạp, các nhân tố ảnh hưởng đến tính tiên tiến của Đảng, đến tính trong sạch của Đảng cũng ngày càng tăng lên, đồng thời số lượng tổ chức đảng và đảng viên của Đảng ngày càng nhiều, cơ cấu đa dạng, phức tạp... đem lại những thách thức đối với công tác phát triển, quản lý tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Kinh tế thị trường cũng làm gia tăng chủ nghĩa sùng bái đồng tiền, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân tác động tới đội ngũ cán bộ, đảng viên, dẫn đến việc thoái hóa, biến chất, tham nhũng, xa rời tôn chỉ của Đảng của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng.

Thứ ba, nhận thức về địa vị, nhiệm vụ, chức năng lãnh đạo của Đảng đã có sự thay đổi trong bối cảnh mới.

Về địa vị của Đảng, sau khi trở thành Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhận thức rằng, địa vị cầm quyền của Đảng là do lịch sử hình thành, là sự lựa chọn của nhân dân Trung Quốc trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu

dài. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, Đảng muốn củng cố địa vị cầm quyền không thể chỉ nhấn mạnh đến những nguyên nhân về lịch sử, mà còn phải luôn duy trì tính tiên tiến, bắt kịp sự phát triển của thời đại; phải chống chủ nghĩa bảo thủ, khép kín, luôn tìm tòi sáng tạo, đồng thời xem đó là những yêu cầu tự nhiên, tất yếu của mình. *Về nhiệm vụ của Đảng,* nhiệm vụ trước đây của Đảng Cộng sản Trung Quốc là lãnh đạo cách mạng, giành chính quyền so với nhiệm vụ hiện nay là lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội đã có những thay đổi căn bản. Đứng trước những nhiệm vụ mới, để Đảng vẫn giữ được tác phong chịu đựng gian khổ, vì lợi ích của quần chúng nhân dân, không tự cao, tự đại, tránh chủ nghĩa quan liêu và hình thức, trước sau giữ mối liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân, kiên trì cầm quyền vì dân... cần phải đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng. Sự thay đổi nhiệm vụ này đòi hỏi Đảng Cộng sản Trung Quốc phải rất coi trọng giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển kinh tế, không ngừng tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, thúc đẩy xã hội phát triển hài hoà, Đảng phải đại biểu trung thực cho lợi ích của quảng đại quần chúng nhân dân, làm cho các phương châm, chính sách và cương lĩnh hành động của Đảng phản ánh được nguyện vọng và yêu cầu của quảng đại quần chúng nhân dân. *Về chức năng của Đảng*, trong bối cảnh mới, Đảng không chỉ bảo vệ lợi ích của giai cấp mà mình đại biểu, mà còn có chức năng dung hợp lợi ích của các giai cấp, giai tầng khác trong xã hội. Trong bối cảnh mới của sự phát triển kinh tế thị trường, các thành phần kinh tế, lợi ích kinh tế ngày càng đa dạng hóa, nhiều giai tầng và quần thể xã hội mới xuất hiện, nhiệm vụ dung hợp của Đảng càng thể hiện rõ nét.

2. Nguyên tắc, định hướng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong bối cảnh mới

Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng phải trên nguyên tắc giữ vững bản chất, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, làm cho Đảng mạnh lên, hoàn thành sứ mệnh, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Một là, trong đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, phải luôn luôn kiên trì, thống nhất về sự lãnh đạo của Đảng.

Việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng phải bảo đảm Đảng đứng ở vị trí hạt nhân thống lĩnh toàn cục, điều phối các bên. Trong thể chế lãnh đạo từ Trung ương tới địa phương, tất cả mọi cơ quan chính quyền, nhân đại (hội đồng đại biểu nhân dân) và ủy ban thường vụ hội đồng đại biểu nhân dân các cấp, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát và tổ chức chính hiệp đều chịu sự lãnh đạo của đảng ủy, ban cán sự đảng cùng cấp, đều phải quán triệt thực hiện ý chí và quyết sách của đảng ủy. Thống lĩnh toàn cục, tức là đảng ủy các cấp phải nắm được các vấn đề lớn mang tính toàn cục, tính chiến lược, tính căn bản và tính lâu dài, thực thi có hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay, đặc biệt là từ sau Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định việc kiên trì sự lãnh đạo của Đảng là phải kiên trì sự lãnh đạo thống nhất tập trung của Trung ương Đảng với đồng chí Tập Cận Bình làm hạt nhân. Hội nghị Trung ương 6 khóa XVIII yêu cầu rõ ràng, toàn Đảng phải xây dựng vững chắc ý thức chính trị, ý thức đại cục, ý thức hạt nhân, ý thức noi gương, tự giác duy trì sự

nhất trí cao độ với Trung ương về mặt tư tưởng, chính trị, hành động. Tổ chức đảng các cấp, toàn thể đảng viên, đặc biệt là cán bộ cấp cao đều phải thống nhất với Trung ương Đảng với Tổng Bí thư Tập Cận Bình làm hạt nhân, thống nhất với lý luận và đường lối, phương châm, chính sách của Đảng, thống nhất với bố trí quyết sách của Trung ương Đảng, thực hiện những gì Trung ương Đảng đề xướng thì kiên quyết hưởng ứng, những gì Trung ương Đảng quyết định thì cương quyết chấp hành, những gì Trung ương Đảng cấm thì cương quyết không làm.

Hai là, việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng phải bám sát, gắn kết vào chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn hiện nay, trong đó nổi bật là thích ứng, phù hợp với tư tưởng "ba đại diện", bố cục chiến lược "bốn toàn diện" và đường lối "một trung tâm, hai điểm cơ bản" trong Đảng.

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2002) đã xác định tư tưởng "ba đại diện" cùng với chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiểu Bình là tư tưởng chỉ đạo mà Đảng phải kiên trì lâu dài. *Một là*, nội dung "luôn luôn đại diện cho yêu cầu phát triển sức sản xuất xã hội tiên tiến Trung Quốc" đặt ra yêu cầu mới đối với sự lãnh đạo và phương thức quản lý phát triển kinh tế của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nội dung này bao gồm việc đổi mới phương pháp và phương thức quản lý kinh tế từ việc can thiệp trực tiếp vào các hoạt động kinh tế sang việc tạo môi trường, điều kiện cho hoạt động kinh tế phát triển và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế của Đảng có hiểu biết và thích ứng với việc điều hành kinh tế thị trường. *Hai là,* nội dung "luôn luôn đại diện cho

phương hướng phát triển của văn hóa tiên tiến Trung Quốc" đòi hỏi phải cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng, văn hóa, tuyên truyền. Văn hóa tiên tiến theo quan điểm của Trung Quốc là thuận theo trào lưu lịch sử, phản ánh tinh thần thời đại, đại diện cho phương hướng phát triển của tương lai, là sự kết tinh của giá trị văn minh nhân loại, là động lực tinh thần thúc đẩy xã hội tiến bộ. Văn hóa tiên tiến bao gồm hai bộ phận hợp thành là đạo đức tư tưởng tiên tiến và văn hóa khoa học tiên tiến. Nội dung này đòi hỏi Đảng Cộng sản Trung Quốc phải quản lý được hệ thống báo chí, phương tiện truyền thông, quản lý được các thông tin, đặc biệt là thông tin trên internet, mạng xã hội,... sàng lọc được các loại tư tưởng, văn hóa bên ngoài du nhập vào Trung Quốc. *Ba là*, nội dung "luôn luôn đại diện cho lợi ích căn bản của quảng đại quần chúng nhân dân Trung Quốc" đòi hỏi việc hoàn thiện chế độ dân chủ trong Đảng và cơ chế hình thành đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Trung Quốc để Đảng Cộng sản Trung Quốc "Tất cả vì nhân dân" và "Tất cả dựa vào nhân dân". "Tất cả vì nhân dân" đòi hỏi các hoạt động của Đảng, các cán bộ, đảng viên phải chú trọng lợi ích của quần chúng nhân dân, lấy quần chúng nhân dân là điểm xuất phát và cũng là đích đến trong công tác. "Tất cả dựa vào nhân dân", đòi hỏi Đảng Cộng sản Trung Quốc phải xây dựng chế độ, cơ chế thể hiện được ý chí, lợi ích của nhân dân; các đường lối, chính sách lớn khi ban hành đều có sự đóng góp, tham gia của nhân dân, có sự giám sát của nhân dân và chỉ có như vậy mới có thể tập trung được lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân, tập hợp được sức mạnh và trí tuệ của quần chúng nhân dân.

Đối với bố cục chiến lược "bốn toàn diện" trong Đảng: hoàn thành xây dựng toàn diện xã hội khá giả, đi sâu cải cách toàn diện, quản lý đất nước toàn diện theo pháp luật, quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, Đảng Cộng sản Trung Quốc coi quản lý đảng nghiêm minh toàn diện là nội dung mới của tăng cường công tác xây dựng Đảng, kiên trì kết hợp giữa xây dựng Đảng về tư tưởng với quản lý Đảng bằng chế độ, đặt chữ nghiêm lên đầu, trị cả ngọn lẫn gốc, áp dụng một loạt giải pháp mới trong quản lý đảng và xây dựng Đảng, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, đặc biệt là kỷ luật chính trị, tập trung chỉnh đốn tác phong Đảng, trừng trị nghiêm khắc tham nhũng, tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế chống tham nhũng, đề xướng liêm khiết, từng cấp thực hiện trách nhiệm chủ thể và trách nhiệm giám sát trong quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, thúc đẩy công tác xây dựng Đảng giành được những thành quả mới rõ rệt, giành được lòng Đảng, lòng dân, tạo sự bảo đảm quan trọng cho mở ra cục diện mới trong sự nghiệp của Đảng và Nhà nước. Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã cụ thể hóa việc quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, đã thảo luận và thông qua "Một số chuẩn mực sinh hoạt chính trị trong Đảng trong tình hình mới" và "Điều lệ giám sát trong Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc", đưa ra yêu cầu rõ ràng đối với việc tăng cường và chuẩn hóa sinh hoạt chính trị của Đảng trong tình hình mới, đưa ra quy định cụ thể đối với tăng cường giám sát trong Đảng, quyết tâm thúc đẩy việc quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, mở ra cuộc trường chinh mới về tăng cường xây dựng Đảng.

Để quán triệt đường lối cơ bản "một trung tâm, hai điểm cơ bản", việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của

Đảng phải luôn luôn kiên trì lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, lấy phát triển làm nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Trình độ, năng lực lãnh đạo cao hay thấp, đầu tiên thể hiện ở việc toàn Đảng phải kiên định nắm chắc được trung tâm này, đưa nhiệm vụ chủ yếu trong công tác lãnh đạo tập trung vào thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, không được vì các nhân tố khác mà xa rời nhiệm vụ trung tâm này. Ngoài ra, phải hiểu chính xác và quán triệt toàn diện "hai điểm cơ bản". Một mặt, bốn nguyên tắc cơ bản là cái gốc của xây dựng đất nước. Kiên trì không dao động bốn nguyên tắc cơ bản, một lòng kiên trì và phát triển chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, đây là yêu cầu cơ bản trong công tác lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, phải kiên trì thúc đẩy đi sâu cải cách toàn diện. Tổng Bí thư Tập Cận Bình nhấn mạnh việc phải xác định rõ ràng cải cách nhất định phải kiên trì, không dao động, đồng thời cũng xác định rõ cải cách của Trung Quốc là để thúc đẩy chế độ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc tự hoàn thiện và phát triển, thúc đẩy hiện đại hóa hệ thống quản trị và năng lực quản trị đất nước...

3. Một số nội dung chủ yếu của việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc

Trên cơ sở những nguyên tắc, định hướng nêu trên, nội dung chủ yếu của việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc bao gồm:

3.1. Kiên trì thực hiện "cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật" trong đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng

Kiên trì cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm

quyền theo pháp luật được xác định là nội dung quan trọng của việc tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong điều kiện lịch sử mới.

Đảng Cộng sản Trung Quốc quan niệm, cầm quyền khoa học là điều kiện tiền đề cho sự thành công của một chính đảng mácxít. Cầm quyền khoa học chính là kiên trì sự chỉ đạo của lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác, không ngừng tìm tòi và đi theo quy luật cầm quyền của Đảng Cộng sản, quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội, quy luật phát triển của xã hội loài người; dùng tư tưởng khoa học, chế độ khoa học, phương thức khoa học để tổ chức và dẫn dắt nhân dân cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Cầm quyền khoa học phải được thể hiện ở chỗ kiên trì dùng quan điểm khoa học để thống lĩnh toàn bộ sự phát triển kinh tế - xã hội; phải thúc đẩy mạnh mẽ việc quyết sách khoa học hơn, dân chủ hơn; làm cho các quyết sách của Đảng, nhất là những quyết sách quan trọng phù hợp với quy luật khách quan và quy luật khoa học, đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

Đảng Cộng sản Trung Quốc cho rằng, cầm quyền dân chủ là yêu cầu bản chất của việc cầm quyền. Cầm quyền dân chủ chính là cầm quyền vì nhân dân, dựa vào nhân dân. Phải kiện toàn hơn nữa chế độ dân chủ, bảo đảm cho nhân dân dựa vào pháp luật thực hiện quyền bầu cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ và giám sát dân chủ, phát huy đầy đủ tính tích cực, tính chủ động và tính sáng tạo của quần chúng nhân dân. Phải không ngừng hoàn thiện và mở rộng dân chủ trong Đảng, tăng cường sự giám sát đối với quyền lực, bảo đảm rằng quyền lực do nhân dân trao cho luôn vì lợi ích của nhân dân.

Cầm quyền theo pháp luật được coi là phương thức cơ bản của việc cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới. Cầm quyền theo pháp luật chính là kiên trì phương châm quản lý đất nước bằng pháp luật. Đảng đi đầu trong việc tuân theo pháp luật, bảo đảm chấp hành pháp luật, không ngừng thúc đẩy tiến trình pháp chế hóa, quy phạm hóa đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước, dùng quan niệm pháp quyền, thể chế pháp quyền, trình tự pháp quyền bảo đảm Đảng lãnh đạo nhân dân tham gia quản lý nhà nước một cách có hiệu quả. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lập pháp, thúc đẩy lập pháp khoa học, lập pháp dân chủ. Tổ chức đảng các cấp đều phải hoạt động trong khung khổ Hiến pháp và pháp luật, mọi đảng viên đều phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

3.2. Phân định và làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Đảng và chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và các đoàn thể xã hội

Đây được xem là vấn đề mấu chốt, vấn đề mang tính toàn cục của việc cải cách phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền và nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng. Để thực hiện nội dung này, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đổi mới như sau:

Một là, thay đổi phương thức lãnh đạo của Đảng, bao gồm các nội dung: (1) Chuyển từ chỗ chủ yếu dựa vào nghị quyết, chỉ thị sang dựa vào pháp chế. Phương châm chiến lược là "quản lý đất nước bằng pháp luật" (dĩ pháp trị quốc). Đây được xem là nội dung cơ bản của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. (2) Chuyển từ lãnh đạo bao biện làm thay tất cả sang có sự kết hợp hữu cơ giữa

lãnh đạo vĩ mô với lãnh đạo cụ thể. Một mặt, Đảng phải tập trung tinh lực nắm những việc lớn, những vấn đề có tính phương hướng; về mặt vĩ mô, nắm đường lối, phương châm chính sách... Nhưng mặt khác, để thực hiện những phương châm, chính sách lớn này, Đảng cũng phải đề ra những công tác cụ thể, chi tiết để tuyên truyền, động viên, tổ chức, phối hợp, giám sát. (3) Chuyển từ chỗ lãnh đạo dựa vào quyền lực sang lãnh đạo dựa vào sự cảm hóa, vào uy tín của Đảng. Trong khi trình độ văn hóa của quần chúng nhân dân ngày càng được nâng cao như hiện nay thì việc chuyển đổi phương thức lãnh đạo dựa vào sự cảm hóa và uy tín của Đảng là cực kỳ quan trọng. (4) Chuyển từ lãnh đạo trực tiếp sang lãnh đạo gián tiếp và phát huy vai trò phối hợp.

Hai là, hoàn thiện việc xử lý mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, Đảng với quần chúng. Trước hết, các chủ trương của Đảng phải trở thành ý chí, phải được thể chế hóa thành pháp luật, chính sách của Nhà nước, phải do các cơ quan nhà nước, đặc biệt là Đại hội đại biểu nhân dân và chính quyền nhân dân các cấp, thông qua trình tự pháp định trở thành các văn bản pháp quy hoặc nghị quyết, quyết định. Với phương thức này, địa vị cầm quyền của Đảng sẽ được thể hiện, chủ trương của Đảng và ý chí của nhân dân sẽ được thống nhất.

Về sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức quần chúng và đoàn thể xã hội, Đảng chủ yếu thông qua vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng và sự gương mẫu của đảng viên trong các tổ chức này để thực hiện; tích cực ủng hộ các tổ chức này dựa vào pháp luật và Điều lệ của mình, độc lập triển khai công tác; hài hòa các lợi ích cụ thể mà các tổ chức này đại diện, phát huy vai trò giám sát chính trị và tham

gia một cách dân chủ và các hoạt động chính trị của các tổ chức này.

Ba là, giải quyết tốt mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng với việc quản lý đất nước theo pháp luật. Theo quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đây là vấn đề cốt lõi của nền pháp trị xã hội chủ nghĩa. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng là yêu cầu căn bản thực hiện pháp trị xã hội chủ nghĩa, là nguồn gốc và sinh mệnh của Đảng và Nhà nước; sự lãnh đạo của Đảng và pháp trị xã hội chủ nghĩa là thống nhất, pháp trị xã hội chủ nghĩa cần phải kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng cần phải dựa trên pháp trị xã hội chủ nghĩa. Trong thực tiễn của Trung Quốc, sự lãnh đạo của Đảng chủ yếu được thể hiện ở chỗ lãnh đạo lập pháp, bảo đảm hành pháp, ủng hộ tư pháp, đi đầu tuân thủ pháp luật, Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng và thực thi pháp luật, đồng thời Đảng đi đầu tuân thủ pháp luật, Đảng kiên trì triển khai hoạt động trong khung khổ Hiến pháp và pháp luật. Giữa sự lãnh đạo của Đảng với quản lý đất nước bằng pháp luật có mối quan hệ bổ sung cho nhau, thúc đẩy lẫn nhau. Một mặt, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho việc thực hiện phương châm chiến lược quản lý đất nước bằng pháp luật; mặt khác, quản lý đất nước bằng pháp luật vừa là con đường thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa là hình thức cải cách phương thức lãnh đạo của Đảng.

3.3. Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Đảng Cộng sản Trung Quốc rất quan tâm đến việc nâng cao năng lực và trình độ lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong đổi mới

nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng. Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định quan điểm "Muốn luyện thép đòi hỏi bản thân mình phải cứng". Nội dung nâng cao năng lực, trình độ lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc bao gồm các vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao trình độ lý luận, tư tưởng của Đảng.

Đứng trước tình hình mới, nhiệm vụ mới khó khăn, phức tạp, Đảng Cộng sản Trung Quốc rất chú trọng nâng cao hơn nữa trình độ lý luận, tư tưởng của đội ngũ cán bộ các cấp trong toàn Đảng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Trọng tâm của việc nâng cao trình độ lý luận, tư tưởng trong Đảng là phải luôn luôn kiên trì, kiên định chủ nghĩa Mác, xác định chủ nghĩa Mác là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng; phải luôn luôn kiên trì dựa trên lý luận khoa học chủ nghĩa Mác, dựa trên lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác để phân tích thực tế của cách mạng, thực tế xây dựng và cải cách đất nước của Trung Quốc, đồng thời vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác, thúc đẩy kết hợp chủ nghĩa Mác với thực tế của Trung Quốc, đẩy mạnh việc Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác, lấy đó để chỉ đạo, đề ra đường lối, phương châm, chính sách của Đảng.

Thứ hai, tiếp tục tăng cường, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ các cấp của Đảng.

Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định năng lực và tố chất của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo là yếu tố quyết định việc tận dụng các cơ hội, vượt qua được các loại thách thức, ngăn chặn được các loại rủi ro để đưa Trung Quốc phát triển. Việc tăng cường xây dựng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ được thể hiện ở các nội dung:

- Không ngừng nâng cao trình độ lý luận chủ nghĩa Mác và kiến thức về các mặt của cán bộ lãnh đạo các cấp. Trình độ lý luận, lý tưởng, niềm tin đối với chủ nghĩa Mác của cán bộ lãnh đạo các cấp là yếu tố hàng đầu trong tố chất cán bộ. Đối với việc nâng cao năng lực và trình độ của cán bộ lãnh đạo, yêu cầu đầu tiên là phải nâng cao nhận thức, kiên định về chủ nghĩa Mác, bên cạnh đó cũng phải nắm chắc, hiểu biết sâu rộng các kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ như về kinh tế, pháp luật, khoa học kỹ thuật, văn hóa,... đặc biệt là phải nắm vững và thường xuyên cập nhật các kiến thức, tri thức quản lý hiện đại. Trong những năm gần đây, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra kế hoạch đào tạo cán bộ, sau đó các bộ, ban, ngành cũng lần lượt đề ra kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý của mình, hoàn thiện hệ thống đào tạo tại chức và đào tạo tập trung cho cán bộ các cấp, bảo đảm tất cả các cán bộ trong vòng 3 đến 5 năm đều có thể tham gia một khóa đào tạo không dưới 3 tháng tại trường Đảng, trường cán bộ các cấp.

- Đẩy mạnh và không ngừng nâng cao ba nội dung cầm quyền của người cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp (cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật). Muốn lãnh đạo thành công, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cần tuân thủ và thực hiện tốt ba nội dung cầm quyền nêu trên. Đảng ủy, ban tổ chức nhân sự các cấp trong khi khảo sát cán bộ các cấp ở đảng ủy, hội đồng đại biểu nhân dân, chính hiệp, chính quyền, đều phải khảo sát tình hình cán bộ tuân thủ ba nội dung lớn này trong quá trình thực hiện chức trách, coi đây là tiêu chuẩn quan trọng để đề bạt, miễn nhiệm, tuyển dụng cán bộ.

- Không ngừng nâng cao tinh thần dám chịu trách nhiệm, sẵn sàng xả thân vì công việc của cán bộ lãnh đạo các

cấp. Từ Đại hội XVIII của Đảng đến nay, Tổng Bí thư Tập Cận Bình đặc biệt nhấn mạnh, cán bộ lãnh đạo các cấp phải dám chịu trách nhiệm, dám gánh vác, đây là tố chất quan trọng liên quan đến hiệu quả công tác lãnh đạo. Đối với các cán bộ không dám chịu trách nhiệm, không sẵn sàng gánh vác công việc, lười làm, trốn tránh trách nhiệm thì phải phê bình nghiêm khắc, khi cần thiết phải giao tổ chức đảng xử lý kỷ luật theo quy định, quy chế của Đảng. Đối với trường hợp không làm hết chức trách, không làm tròn bổn phận gây ra hậu quả nghiêm trọng phải truy cứu trách nhiệm nghiêm khắc, xử lý theo kỷ cương, pháp luật. Trong thời gian gần đây, Trung Quốc đã xử lý kỷ luật một số cán bộ lãnh đạo do quan liêu, không có trách nhiệm, không làm tròn chức trách. Bên cạnh việc tăng cường trách nhiệm, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng xây dựng cơ chế khoan dung, sửa sai, khoan dung những sai sót trong công tác của cán bộ, đặc biệt là những sai sót trong cải cách sáng tạo, trong giải quyết các vấn đề phức tạp và hàm chứa nhiều rủi ro.

Thứ ba, nắm vững và tăng cường phương pháp lãnh đạo khoa học, coi đây là phương pháp quan trọng nhằm nâng cao năng lực và trình độ lãnh đạo của Đảng.

Một trong những nội dung quan trọng của việc đổi mới nội dung, phương pháp lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc là nắm vững và tăng cường phương pháp lãnh đạo khoa học. Phương pháp lãnh đạo khoa học được hình thành trong thực tiễn lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thể hiện tính chất và phương thức vận hành của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhiều văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, bao gồm quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và văn kiện của cơ quan lãnh đạo hữu quan nhấn

mạnh cán bộ các cấp phải kiên trì phương pháp lãnh đạo khoa học với nội dung như sau: phải giỏi điều tra nghiên cứu; phải nắm chắc phương pháp biện chứng; phải kiên trì đường lối quần chúng trong công tác lãnh đạo; tôn trọng địa vị chủ thể của nhân dân, phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân; phải kiên trì và thực hiện hiệp thương dân chủ dưới nhiều hình thức, dựa trên phương thức đối thoại bình đẳng, trao đổi hiệp thương để hóa giải bất đồng, tăng cường nhận thức chung.

Để thực hiện phương pháp này, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc phải thực hiện trước tiên và nêu gương cho các cấp. Khi đề ra Quy hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội hay đưa ra quyết sách trọng đại về cải cách phát triển, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thường nhiều lần tổ chức tọa đàm giữa các đảng phái dân chủ, nhân sĩ ngoài Đảng, lắng nghe ý kiến, hiệp thương dân chủ, hoàn thiện quyết sách. Các lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là Tổng Bí thư Tập Cận Bình cũng làm gương cho cán bộ lãnh đạo các cấp trong việc nắm bắt thực tiễn ở cơ sở. Mỗi năm Tổng Bí thư Tập Cận Bình đi điều tra nghiên cứu tại các tổ chức cơ sở như nông thôn, doanh nghiệp và đơn vị nghiên cứu khoa học... ít nhất 15 lần.

Trong việc thực hiện phương pháp lãnh đạo khoa học, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh việc tổng kết kinh nghiệm. Nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm là một nhiệm vụ quan trọng trong các kỳ đại hội Đảng. Nhiệm vụ này là cơ sở hình thành tư duy, nhận thức mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, là cơ sở để xây dựng Đảng. Tổng Bí thư Tập Cận Bình nhiều lần yêu cầu cán bộ các cấp phải giỏi tổng kết kinh nghiệm, kiên trì định hướng vấn đề, trong quá trình tổng kết không ngừng tìm ra quy luật, hoàn thiện

quyết sách. Các ban, ngành hữu quan của Trung ương và đảng ủy địa phương còn thường xuyên tổ chức hội nghị chuyên ngành, phổ biến một số kinh nghiệm quý báu. Để tổng kết kinh nghiệm tốt hơn nữa phải đẩy mạnh đề xướng cán bộ lãnh đạo các cấp triển khai phê bình và tự phê bình, cố gắng tự hoàn thiện, tự nâng cao, nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo thông qua tự phê bình; hoàn thiện cơ chế biệt phái, phát huy tốt hơn nữa vai trò của chế độ tuần tra, thị sát; tăng cường vận dụng các phương pháp khoa học kỹ thuật hiện đại, tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế,... Ngoài cấp Trung ương, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng yêu cầu đảng ủy các cấp ở địa phương cũng phải kiên trì thực hiện phương pháp lãnh đạo này.

3.4. Kiên quyết chống, trừng trị tham nhũng gắn liền với nâng cao đãi ngộ đội ngũ cán bộ của Đảng

Trung Quốc thực hiện việc trừng trị nghiêm khắc, duy trì "xu thế áp lực cao" đối với tham nhũng. Trung Quốc xử lý những kẻ vi phạm kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước rất nghiêm khắc; tăng cường mức độ xử án, kiên quyết điều tra, xử lý một số vụ án xảy ra trong cơ quan lãnh đạo và trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo; kiên trì trị cả ngọn lẫn gốc, trước mắt lấy trị ngọn làm chính.

Công tác chống tham nhũng kể từ Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đến nay diễn ra với độ mạnh chưa từng có, số lượng cán bộ bị trừng trị nhiều, mức độ nghiêm khắc trong xử lý cao. Tính đến nay, đã có hơn 200 cán bộ do Trung ương quản lý bị lập án điều tra. Để kiên quyết chống và trừng trị tham nhũng, nội dung quan trọng là phải tăng cường sự giám sát, ràng buộc đối với quyền lực,

quyền quyết định nào cần trao xuống bên dưới thì trao xuống dưới, cần bãi bỏ thì bãi bỏ, quyền nào cần phải bảo lưu thì cũng phải công khai, minh bạch và chịu sự giám sát, ràng buộc hiệu quả; đồng thời, đi sâu cải cách, hoàn thiện cơ chế, thể chế về kiểm tra, kỷ luật. Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập các tổ kiểm tra kỷ luật và được cử đi khắp nơi, chú trọng 7 bộ, ngành quan trọng như: Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên truyền Trung ương, Ban Công tác Mặt trận thống nhất Trung ương, Văn phòng Quốc vụ viện, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Chính hiệp toàn quốc. Công tác thanh tra cũng được tăng cường theo hướng phát huy tinh thần trách nhiệm của các đoàn thanh tra. Nhiệm vụ chính của đoàn thanh tra là đi phát hiện vấn đề, có vấn đề mà không phát hiện được là không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, phát hiện mà không báo cáo là vi phạm khuyết điểm; đồng thời phương thức và biện pháp thanh tra cũng không ngừng hoàn thiện, ngày càng đa dạng hơn.

Bên cạnh việc đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, Đảng Cộng sản Trung Quốc quan tâm đến việc từng bước nâng cao đãi ngộ cho cán bộ các cấp, nhất là đãi ngộ cho đội ngũ công chức, để công chức chỉ dựa vào thu nhập hợp pháp cũng có thể có cuộc sống bình thường, được tôn trọng; mặt khác, cần tiến hành giáo dục, bao gồm giáo dục cảnh tỉnh để các cán bộ vừa hiểu được đạo lý lớn, vừa hiểu được đạo lý nhỏ của việc phòng, chống tham nhũng.

Để kiểm soát quyền lực, Trung Quốc thực hiện "đem quyền lực nhốt vào trong chiếc lồng chế độ", thông qua việc tăng cường xây dựng và kiện toàn cơ chế giám sát và ràng buộc quyền lực, nâng cao độ minh bạch và tính quy phạm

của vận hành quyền lực; tăng cường phân bổ quyền lực một cách khoa học, bảo đảm quyền quyết sách, quyền chấp hành, quyền giám sát vừa ràng buộc lẫn nhau, vừa phối hợp với nhau, bảo đảm cơ quan nhà nước thi hành quyền lực theo quyền hạn và trình tự pháp định; thực hiện công tác truy cứu trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo; hoàn thiện chế độ công khai công việc của Đảng, công việc của chính quyền; kiện toàn hệ thống giám sát quyền lực...

4. Những giá trị tham khảo để đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong những năm cải cách, mở cửa vừa qua, trước những biến động của tình hình, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có những tìm tòi, khám phá trong việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và đã đạt được nhiều thành tựu. Từ thực tiễn đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc có thể rút ra một số giá trị tham khảo cho Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay như sau:

Một là, trong đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng phải xây dựng lý luận khoa học trong lãnh đạo, cầm quyền của Đảng phù hợp với thực tiễn Việt Nam, những thay đổi của thời đại và vận dụng vào thực tiễn thành công lý luận này. Hệ thống lý luận này sẽ là cơ sở định hướng cho các hoạt động đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới. Lý luận này phải trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời cập nhật những lý luận, lý thuyết cầm quyền hiện đại, phản ánh được xu thế phát triển của thời đại và thực tiễn của Việt Nam. Để có thêm những cơ sở lý luận mới về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, cần thực hiện thí điểm một số mô hình mới,

kinh nghiệm hay và chú trọng việc tổng kết thực tiễn từ các cơ sở, địa phương.

Hai là, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo phải trên nguyên tắc giữ vững vai trò lãnh đạo và thống nhất quyền lực của Đảng, giữ vững bản chất và những nguyên tắc lãnh đạo cơ bản của Đảng. Đổi mới là nhằm hoàn thiện nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, làm cho Đảng thực hiện tốt sứ mệnh của mình, thích ứng, phù hợp với diễn biến mới của tình hình trong nước và quốc tế.

Ba là, trong đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng tập trung vào việc xây dựng, nâng cao năng lực cầm quyền, trình độ quản lý và điều hành đất nước của Đảng, xây dựng đội ngũ cầm quyền có tố chất và uy tín cao, bao gồm việc đổi mới, hiện đại hóa hệ thống lãnh đạo và năng lực lãnh đạo, tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hiện đại, cập nhật, tăng cường tư duy chiến lược, tư duy sáng tạo, tư duy biện chứng, tư duy pháp trị, nâng cao trình độ khoa học hóa, pháp trị hóa, chuyên nghiệp hóa của Đảng.

Bốn là, tăng cường vai trò của nhân dân, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng nhân dân, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng. Tăng cường việc lấy ý kiến của nhân dân trong công tác xây dựng Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải làm tốt vai trò là công bộc của nhân dân. Hoàn thiện phương thức, phương pháp liên hệ với quần chúng nhân dân, hoàn thiện các quy chế lấy ý kiến nhân dân, mở rộng kênh tìm hiểu, nắm bắt thông tin từ nhân dân.

Năm là, đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, duy trì sự trong sạch, liêm khiết của đội ngũ cán bộ. Trong Đảng không có vùng cấm đối với tham nhũng, bất luận là ai, chức vụ cao tới đâu, chỉ cần tham nhũng thì đều cần trừng trị nghiêm. Chống và ngăn chặn tham nhũng, vừa cần phải trị "căn bệnh đã mắc", lại cần trị "căn bệnh chưa mắc". Chú trọng phòng ngừa hữu hiệu tham nhũng ngay từ đầu, làm tốt công tác răn đe, giáo dục. Không ngừng hoàn thiện các cơ chế, chế tài xử lý tham nhũng, xây dựng thể chế để không dám tham nhũng, không thể tham nhũng, không muốn tham nhũng. Tăng cường giám sát, kiểm soát quyền lực theo hướng có quyền thì phải có trách nhiệm, sử dụng quyền lực thì phải gánh vác trách nhiệm, lạm dụng quyền lực thì phải truy cứu trách nhiệm, để quyền lực vận hành dưới ánh sáng, quét sạch mảnh đất làm nảy sinh tham nhũng.

VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG*

1. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thành lập ngày 22-3-1955; đã qua 10 kỳ Đại hội, gần nhất là Đại hội X (từ ngày 18 đến ngày 22-01-2016). Ở thời điểm tiến hành Đại hội X, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào có tổng số 268.431 đảng viên, tăng 18,75% so với Đại hội IX. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào khoá X (nhiệm kỳ 2016-2021) có 69 Ủy viên chính thức và 08 Ủy viên dự khuyết; trong đó, Bộ Chính trị có 11 Ủy viên, Ban Bí thư có 09 Ủy viên, Ban Kiểm tra Trung ương có 09 Ủy viên.

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào khẳng định có nguồn gốc từ Đảng Cộng sản Đông Dương và kế tục sự nghiệp của Đảng Cộng sản Đông Dương. Điều lệ Đảng Nhân dân Cách mạng Lào hiện hành[1] khẳng định: "Đảng Nhân dân Cách mạng

---

* Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Đối ngoại Trung ương, nguyên Đại sứ Việt Nam tại Lào, nguyên Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Điều lệ Đảng do Đại hội X Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thông qua, tháng 01-2016.

Lào là đội tiên phong có tổ chức, là tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân Lào và của chế độ dân chủ nhân dân Lào, là đại diện trung thành nhất quán cho quyền và lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động Lào yêu nước và toàn thể nhân dân Lào". Điều lệ Đảng Nhân dân Cách mạng Lào cũng xác định: *Mục đích của Đảng* là lãnh đạo toàn dân tộc Lào tiến hành sự nghiệp đổi mới toàn diện và có nguyên tắc của Đảng, bảo vệ vững chắc đất nước Lào, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân hoàn thành mục tiêu xã hội chủ nghĩa, xây dựng nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng. *Nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng* là Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Cayxỏn Phômvihản; đồng thời tiếp nhận những tinh hoa, tiến bộ của khoa học, văn minh phát triển của nhân loại, áp dụng kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với thực tiễn và điều kiện thực tế của đất nước; chống tư tưởng và hành động mang tính đa nguyên, đa đảng; chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa bảo thủ và chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức. Ở giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào xác định *hai nhiệm vụ chiến lược* là: (i) Bảo vệ đất nước và (ii) Xây dựng chế độ dân chủ nhân dân theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào là một đảng cộng sản, là chính đảng duy nhất và là đảng cầm quyền ở Lào. Điều lệ Đảng khẳng định: "Đảng Nhân dân Cách mạng Lào là đảng cầm quyền, là nòng cốt trong hệ thống chính trị của chế độ dân chủ nhân dân, lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ đất nước và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa". Vị thế chính trị này của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào cũng được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Điều 3 của Hiến pháp (năm 2015) nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào quy định: "Quyền làm chủ đất nước của nhân dân các dân tộc được thực hiện và bảo đảm bằng các hoạt động của hệ thống chính trị do Đảng Nhân dân Cách mạng Lào làm hạt nhân lãnh đạo". Đồng thời, Điều 10 của Hiến pháp (năm 2015) nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cũng quy định: "Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các tổ chức quần chúng, tổ chức xã hội và mọi công dân phải tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật".

Là một đảng cộng sản và là chính đảng duy nhất cầm quyền tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào luôn coi việc không ngừng hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên và có tính sống còn. Trong phương thức lãnh đạo của mình, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào luôn nhấn mạnh *nguyên tắc:* "Đảng lãnh đạo và nắm quyền theo pháp luật, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, người dân làm chủ và bình đẳng trước pháp luật"[1].

Nghiên cứu các văn kiện của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, nhất là Văn kiện Đại hội X (tháng 01-2016) và thực tiễn hoạt động lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, có thể khái quát *06 thành tố cấu thành phương thức lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào* như sau:

- *Thứ nhất, Đảng lãnh đạo thông qua việc đề ra đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn.* Đại hội X

1. Các đoạn trích trong bài viết này đều lấy từ *Báo cáo chính trị tại Đại hội X Đảng Nhân dân Cách mạng Lào,* trừ trường hợp có chú thích khác - *TG.*

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào cho rằng: "nếu Đảng có sai sót trong việc đề ra đường lối chính trị, không chỉ sẽ làm cho tính tiên phong của Đảng bị giảm xuống mà còn dẫn đến phát sinh những mối nguy hiểm đối với vai trò cầm quyền của Đảng". Yêu cầu đặt ra đối với việc hoạch định đường lối là phải "bảo đảm tính cách mạng đúng đắn theo các điều kiện lãnh đạo căn bản của chính đảng Mác - Lênin, có tính khoa học, phù hợp với thực tiễn của đất nước, phù hợp nguyện vọng của nhân dân các dân tộc, tầng lớp và được bên ngoài và nước ngoài ủng hộ". Do vậy, Đại hội X Đảng Nhân dân Cách mạng Lào nhấn mạnh: "cần quan tâm củng cố, đổi mới tư duy về mặt lý luận, nâng cao nhận thức theo kịp với thời đại mới, nâng cao năng lực trong việc nắm chắc, phân tích tình hình thực tế, tiềm lực của đất nước và địa phương, cơ sở để đề ra đường lối, nhiệm vụ và biện pháp tổ chức thực hiện ở cấp của mình một cách có hiệu quả".

- *Thứ hai, Đảng lãnh đạo thông qua việc kiện toàn tổ chức, bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Quốc hội và các cơ quan dân cử, vai trò của các cơ quan tư pháp, vai trò của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức quần chúng, các tổ chức nhân dân, tổ chức xã hội...* Đại hội X Đảng Nhân dân Cách mạng Lào nhấn mạnh yêu cầu: "tạo sự ổn định của thể chế Nhà nước Dân chủ Nhân dân pháp quyền, tăng tính pháp lý và hiệu quả hành chính nhà nước, tiếp tục xây dựng tỉnh thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện thành đơn vị vững mạnh toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển". Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội trong việc tổ chức thực hiện các chức năng của mình, nhất là bảo đảm việc xây dựng, sửa đổi

pháp luật đúng và phù hợp với đường lối của Đảng, xuất phát từ nhân dân, thực sự phục vụ lợi ích của nhân dân, phù hợp và có khả năng hội nhập quốc tế, kiểm tra, giám sát một cách có trọng điểm và thúc đẩy giải quyết các kết quả của việc giám sát, kiểm tra một cách nghiêm túc và có hiệu lực. Thành lập Hội đồng Nhân dân tỉnh/thành là cơ quan đại diện cho quyền và lợi ích của nhân dân các dân tộc tại địa phương. Củng cố vững chắc hệ thống hành chính - quản lý nhà nước vững mạnh, có khả năng quản lý nhà nước theo pháp luật một cách nghiêm minh; củng cố bộ máy quản lý nhà nước các cấp ở Trung ương và địa phương, cơ sở theo hướng tinh gọn, minh bạch, vững mạnh và phù hợp với tình hình thực tế... Củng cố hệ thống tư pháp; tiếp tục hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện phán quyết của Tòa án chính xác, nghiêm túc và bảo đảm công bằng, nhằm làm cho việc quản lý xã hội bằng pháp luật có sự công bằng, hiệu lực và nghiêm minh.

- *Thứ ba, Đảng lãnh đạo thông qua công tác vận động quần chúng tham gia triển khai thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; tham gia đóng góp ý kiến trong việc hoạch định đường lối, chính sách; tham gia giám sát, kiểm tra và góp ý với tổ chức và nhân sự của Đảng, Nhà nước ở các cấp.* Đảng Nhân dân Cách mạng Lào nhấn mạnh yêu cầu phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng, của Mặt trận Lào xây dựng đất nước, của các tổ chức quần chúng, tổ chức nhân dân, tổ chức xã hội... trong triển khai công tác vận động quần chúng, các tầng lớp nhân dân, các giai tầng xã hội, trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- *Thứ tư, Đảng lãnh đạo bằng hoạt động có hiệu quả của các tổ chức đảng và đảng viên; nêu cao tính gương mẫu, đi đầu*

của các tổ chức đảng và đảng viên. Đại hội X Đảng Nhân dân Cách mạng Lào yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên "phải thực sự tiên phong trong việc nâng cao tính chủ động và tinh thần trách nhiệm đối với việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng đạt kết quả, lấy việc đáp ứng lợi ích của nhân dân làm điểm xuất phát; đi đầu trong việc giải quyết khuyết điểm, sai sót của mình, củng cố xây dựng nội bộ Đảng một cách chủ động; đi đầu gương mẫu tôn trọng Hiến pháp và pháp luật, nghiêm chỉnh thực hiện Điều lệ Đảng...".

- *Thứ năm, Đảng lãnh đạo bằng công tác cán bộ.* Đảng Nhân dân Cách mạng Lào chủ trương: "giữ vững nguyên tắc là Đảng cầm quyền phải nắm chắc và quản lý tốt cán bộ"; bảo đảm công tác quản lý cán bộ được tiến hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể nghiên cứu quyết định vấn đề cán bộ; củng cố, hoàn thiện cơ chế và quy chế kiểm tra, đánh giá cán bộ để bảo đảm cho việc tuyển chọn, bố trí và sử dụng được tiến hành đúng đắn; thực hiện chế độ luân chuyển và điều chuyển, chế độ kiêm nhiệm; ban hành quy chế kiểm tra trình độ, năng lực và thăm dò dư luận đối với cán bộ chủ chốt gắn với việc thăng chức hay bãi chức; ngăn chặn và xử lý việc chạy chọt để được thăng chức hay để xử lý sai phạm của cán bộ; cán bộ cốt cán phải trải qua các lớp đào tạo trong hệ thống trường Đảng và phải trải qua quá trình rèn luyện, thử thách trong công tác thực tiễn, qua kiểm tra, đánh giá và tuyển chọn trên cơ sở thành tích công tác được cơ quan, đơn vị cũng như cán bộ, đảng viên và quần chúng nơi công tác công nhận; coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, chống suy thoái chính trị, chống "diễn biến hòa bình"...

- *Thứ sáu, Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.* Đảng Nhân dân Cách mạng Lào luôn nhấn mạnh:

"không có kiểm tra, đồng nghĩa là không có lãnh đạo". Đại hội X Đảng Nhân dân Cách mạng Lào chủ trương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng, đồng thời phát huy vai trò cấp dưới giám sát cấp trên, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể quần chúng giám sát các cơ quan quyền lực nhà nước trong việc thực thi pháp luật và giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng; tạo điều kiện cho các phương tiện thông tin đại chúng và người dân được tham gia vào công tác giám sát...

Trong triển khai phương thức lãnh đạo nêu trên đối với Nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể quần chúng, *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào chủ trương:* (i) Đảng lãnh đạo, nhưng không làm thay và tôn trọng các quy định pháp luật trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cũng như nguyên tắc hoạt động dân chủ của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể quần chúng; (ii) Các tổ chức đảng tại các cơ quan nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội phải lãnh đạo việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng thành pháp luật, kế hoạch, chương trình hoạt động của cơ quan, tổ chức mình, phải chấp hành nghiêm nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện; (iii) Đảng theo dõi, kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội trong việc thực hiện đường lối, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát hiện những bài học kinh nghiệm tốt để phát huy mặt tích cực, kịp thời sửa chữa khuyết điểm và các hiện tượng tiêu cực, góp phần xây dựng và củng cố đường lối, chủ trương của Đảng ngày càng tốt hơn; (iv) Đảng bồi dưỡng, đào tạo, quản lý và giáo

dục đội ngũ cán bộ; lựa chọn cán bộ đủ tiêu chuẩn, đủ điều kiện ra ứng cử hoặc bổ nhiệm vào bộ máy lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội; (v) Đảng tổ chức, lãnh đạo trực tiếp, toàn diện Đoàn thanh niên Nhân dân Cách mạng Lào về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ; (vi) Đảng lãnh đạo lực lượng quốc phòng - an ninh nhân dân tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện.

2. Từ năm 1986 đến nay, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước. Lý luận và thực tế triển khai phương thức lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong công cuộc đổi mới hơn 30 năm qua về cơ bản là tương đồng với Đảng Cộng sản Việt Nam, song cũng có những khác biệt nhất định. Nghiên cứu kinh nghiệm của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào sẽ cho chúng ta những gợi mở bổ ích để tiếp tục hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng ta.

(1) Không tổ chức đảng bộ khối, ban cán sự đảng các bộ/ngành:

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào không tổ chức các đảng bộ khối, cả ở Trung ương và địa phương; không có các ban cán sự đảng ở các bộ/ngành. Trực thuộc Trung ương có các đảng bộ cấp tỉnh/thành, cấp bộ/ngành Trung ương, cấp cơ quan Trung ương của Quốc hội, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể quần chúng. Tổ chức đảng của các đầu mối trực thuộc bộ/ngành thì sinh hoạt tại đảng bộ bộ/ngành. Tổ chức đảng của các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp có trụ sở đặt tại tỉnh/thành nào thì sinh hoạt tại đảng bộ tỉnh/thành đó. Các tổ chức đảng ở nước ngoài sinh hoạt tại Đảng bộ Bộ Ngoại giao. Các Đại biểu Quốc hội chuyên trách sinh hoạt tại Đảng bộ Văn phòng Quốc hội.

Trong mô hình tổ chức của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, các cấp ủy đảng là cơ quan lãnh đạo toàn diện đối với địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước đại hội cấp mình và cấp ủy cấp trên. Như vậy, "đường đi" của việc lãnh đạo là trực tiếp và ngắn nhất; không phải đi qua những "nút trung gian" như đảng ủy khối hay ban cán sự đảng.

(2) "Nhất thể hoá" chức danh lãnh đạo:

Từ Đại hội VI (tháng 3-1996), Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thực hiện "nhất thể hoá" chức danh lãnh đạo, cụ thể:

- Tổng Bí thư đồng thời là Chủ tịch nước;
- Thường trực Ban Bí thư đồng thời là Phó Chủ tịch nước;
- Bộ trưởng đồng thời là Bí thư Đảng ủy Bộ;
- Bí thư Tỉnh/Thành ủy đồng thời là Tỉnh trưởng/Đô trưởng;
- Bí thư Huyện ủy đồng thời là Huyện trưởng;
- Trưởng các Ban Đảng ở Trung ương đồng thời là Bí thư Đảng ủy cơ quan;
- Người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị đồng thời là Bí thư Đảng ủy của tổ chức, cơ quan, đơn vị...

Thông thường, đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào được tiến hành trước bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Do vậy, nếu người cán bộ không được bầu làm Bí thư cấp ủy, thì cũng sẽ không được giới thiệu để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo Nhà nước và các cơ quan, đơn vị.

Riêng về "nhất thể hoá" chức danh Thường trực Ban Bí thư và chức danh Phó Chủ tịch nước, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào có quy định: Thường trực Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu ra trong số các Ủy viên Bộ Chính trị;

việc bầu Thường trực Ban Bí thư tiến hành ngay tại Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, sau khi bầu Bộ Chính trị, bầu Tổng Bí thư và bầu Ban Bí thư; trường hợp Tổng Bí thư không có mặt thì giao cho Thường trực Ban Bí thư thay mặt giải quyết các công việc mang tính chất thường nhật của Đảng[1]. Quy định này tạo sự thống nhất giữa Điều lệ Đảng và Hiến pháp, cho phép Thường trực Ban Bí thư - Phó Chủ tịch nước có thể thay mặt Tổng Bí thư - Chủ tịch nước trong những hoàn cảnh cần thiết.

Việc "nhất thể hoá" các chức danh lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể quần chúng của Lào tạo thuận lợi cho Đảng "nắm quyền" một cách trực tiếp; người đứng đầu là người có uy tín cao; có sự gắn kết nội tại giữa bí thư cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; người đứng đầu có đủ quyền lực để thực hiện các chức trách, nhiệm vụ được giao và hoàn toàn chịu trách nhiệm về công việc; tránh được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm... Tuy nhiên, do hoạt động của cấp ủy đảng phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ, còn hoạt động của cơ quan, đơn vị lại tuân theo chế độ thủ trưởng phù hợp với các quy định pháp luật, cho nên việc "nhất thể hoá" các chức danh lãnh đạo bên Đảng và bên chính quyền có thể dẫn đến 03 hệ lụy xấu: (i) Cấp ủy đảng bao biện, làm thay chính quyền, khi trong cùng một con người cán bộ lãnh đạo "vai" Bí thư cấp ủy lấn át "vai" người đứng đầu cơ quan, đơn vị; (ii) Cấp ủy đảng buông lỏng, thậm chí mất vai trò lãnh đạo, khi "vai" người đứng đầu cơ quan, đơn vị lấn át "vai" Bí thư cấp ủy; (iii)

1. Quy định tại Điều 16 và Điều 18 Điều lệ Đảng Nhân dân Cách mạng Lào.

Người lãnh đạo trở nên chuyên quyền, độc đoán, khi vi phạm các nguyên tắc sinh hoạt Đảng và các quy định về quản lý, điều hành của Nhà nước, còn cấp ủy và tổ chức đảng mất sức chiến đấu. Trên thực tế ở Lào, nơi này, nơi khác, lúc này, lúc khác, cũng đã có những biểu hiện của cả 03 hệ lụy này. Song, những hệ lụy này đều có thể ngăn chặn và loại bỏ. Mấu chốt là ở chỗ: (i) Phải nâng cao và phát huy sức chiến đấu của các cấp ủy và tổ chức đảng; (ii) Phải lựa chọn đúng người đưa vào vị trí lãnh đạo và sẵn sàng thay thế kịp thời khi có vi phạm; (iii) Phải phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của Đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị và quần chúng đối với người lãnh đạo...

(3) "Nhất thể hoá" Ban Kiểm tra Trung ương của Đảng và Thanh tra Chính phủ; lập bộ phận chuyên trách điều tra án tham nhũng:

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã thực hiện "nhất thể hoá" Ban Kiểm tra Trung ương của Đảng và Thanh tra Chính phủ. Hai cơ quan này sinh hoạt chung trong một Đảng bộ; Trưởng Ban Kiểm tra Trung ương đồng thời là Tổng Thanh tra Chính phủ. Cơ quan kiểm tra của các cấp ủy đảng cũng "nhất thể hoá" với cơ quan thanh tra cùng cấp. Đồng thời, Lào cũng đã thành lập bộ phận chuyên trách điều tra án tham nhũng, gọi là "Ban Chuyên trách giải quyết án tham nhũng" đặt tại Thanh tra Chính phủ và do một Phó Tổng Thanh tra Chính phủ đứng đầu; hoạt động của Ban Chuyên trách này do Ban Chống tham nhũng Trung ương[1] chỉ đạo.

---

1. Trưởng Ban Chống tham nhũng Trung ương của Lào hiện nay là đồng chí Bunthoong Chítmani, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, Trưởng Ban Kiểm tra Trung ương, Tổng Thanh tra Chính phủ.

Việc "nhất thể hoá" cơ quan kiểm tra của Đảng và cơ quan thanh tra Chính phủ theo mô hình "một nhà hai cửa" cho phép xem xét, xử lý các vụ việc được kiểm tra, thanh tra một cách đồng bộ, cùng một lúc, cả từ góc độ kỷ luật Đảng, cả từ góc độ các quy định pháp quy của Nhà nước; khắc phục được "độ trễ" và sự "vênh nhau" giữa kênh Đảng và kênh Nhà nước.

Đối với các vụ tham nhũng, Ban Chống tham nhũng Trung ương của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào chủ trì tổ chức điều tra thông qua Ban Chuyên trách giải quyết án tham nhũng. Toàn bộ tiến trình và kết quả điều tra án tham nhũng được Ban Chuyên trách báo cáo với Trưởng Ban Chống tham nhũng Trung ương; Trưởng Ban Chống tham nhũng Trung ương có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị. Trường hợp cần truy tố, thì Ban Chuyên trách sẽ chuyển hồ sơ cho các cơ quan bảo vệ pháp luật để truy tố và xét xử theo luật định. Cơ chế này giúp cho Ban Chống tham nhũng Trung ương có thực quyền và thực lực để triển khai công tác, bảo đảm sự gắn kết giữa "nói" và "làm", cho phép tiến tới "nói đi đôi với làm", "làm nhiều nói ít", "làm mà không cần nói"...

(4) Thành lập Ủy ban Quốc phòng - An ninh Trung ương hoặc Hội đồng An ninh quốc gia:

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào có Ủy ban Quốc phòng - An ninh Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị - Ban Bí thư. Đồng chí Tổng Bí thư làm Chủ tịch Ủy ban này và có một số Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương và Ủy viên Trung ương Đảng có liên quan làm

Ủy viên (hiện là các đồng chí: Thủ tướng; Thường trực Ban Bí thư; Chánh Văn phòng Trung ương; Bộ trưởng Quốc phòng; Bộ trưởng An ninh; Bộ trưởng Ngoại giao).

Ủy ban Quốc phòng - An ninh Trung ương của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào có nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định các vấn đề chiến lược trong công tác quốc phòng - an ninh; chỉ đạo mọi mặt trong lực lượng vũ trang. Ủy ban Quốc phòng - An ninh Trung ương có bộ máy chuyên trách là Văn phòng ủy ban.

Trong khi có Đảng ủy Bộ Quốc phòng, Đảng ủy Bộ An ninh, Đảng ủy Bộ Ngoại giao là cấp ủy trực tiếp lãnh đạo các mặt công tác của 03 bộ này, thì Ủy ban Quốc phòng - An ninh Trung ương chính là người lãnh đạo, chỉ đạo sự phối hợp công tác giữa 03 bộ quan trọng này và với tất cả các bộ, ngành, địa phương nhằm bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia.

(5) Đưa vào Điều lệ Đảng những điều cấm đối với đảng viên:

Trong Điều lệ của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào có Điều 6, quy định 09 điều cấm đối với đảng viên[1]. Bên cạnh

---

1. 09 điều cấm đối với đảng viên là: ***(1)*** Cấm bày tỏ các quan điểm và có hành vi vi phạm và trái với đường lối, nghị quyết, chỉ thị, Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; nghiêm cấm việc tuyên truyền thông tin mật của Nhà nước, của Đảng và của đơn vị khi chưa được tổ chức cho phép. ***(2)*** Cấm tổ chức, hoạt động và tham gia biểu tình hoặc sử dụng trang mạng xã hội chống tổ chức đảng, Nhà nước; tạo phe cánh, chia rẽ đoàn kết nội bộ, đoàn kết các dân tộc. ***(3)*** Cấm lợi dụng quyền hạn, chức vụ, nhiệm vụ hoặc dựa vào danh tiếng của người khác để mưu cầu lợi ích cho cá nhân, gia đình, người thân và cá nhân khác. ***(4)*** Cấm quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước và tập thể vì mục đích cá nhân trái Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước. ***(5)*** Cấm hối lộ, nhận

các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng về những điều đảng viên không được làm, việc đưa vào Điều lệ Đảng quy định về những điều cấm đối với đảng viên là việc làm có ý nghĩa rất lớn. Khi đảng viên vi phạm những điều cấm này, thì có nghĩa là vi phạm Điều lệ Đảng, chứ không còn là vi phạm những quy định của cấp ủy đảng các cấp; tính răn đe cao hơn hẳn. Việc này là rất cần thiết trong nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng...

(6) Trong quản lý nhà nước, sáp nhập lĩnh vực thể thao với giáo dục, xây dựng với giao thông:

Lào hiện có Bộ Giáo dục và Thể thao, Bộ Giao thông và Công chính. Hạt nhân hợp lý của sự sáp nhập này là ở chỗ:

(i) Giáo dục và thể thao đi liền với nhau trong toàn bộ quá trình phát triển con người từ bậc mẫu giáo đến đại học cả về trí lực, kỹ năng, cả về thể lực. Sáp nhập thể thao với giáo dục trong quản lý nhà nước là nhấn mạnh yêu cầu phát

---

hối lộ, đòi, xin chia phần và các hành vi tham nhũng trực tiếp hoặc gián tiếp được quy định tại Luật Chống tham nhũng. ***(6)*** Cấm đảng viên có chức quyền trong tổ chức đảng, Nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, tổ chức quần chúng, doanh nghiệp nhà nước để vợ hoặc chồng, con hoặc người thân giữ nhiệm vụ trong các công tác tổ chức - cán bộ, công tác thanh tra, thư ký, kế toán, thủ quỹ, thủ kho hoặc là người mua, thuê trong tổ chức mà mình chịu trách nhiệm. ***(7)*** Cấm đảng viên là cán bộ, công chức, bộ đội, công an đương chức tham gia hoạt động kinh doanh với tư cách là chủ, thành viên Ban Giám đốc, nhà tư vấn và nhà điều hành của đơn vị kinh doanh nào đó, trừ trường hợp được cho phép. ***(8)*** Cấm trả thù, đe dọa những người tố cáo, người cung cấp thông tin, người chất vấn và người đề nghị báo cáo thông tin về những mặt tiêu cực của mình cho tổ chức. ***(9)*** Cấm có những hành vi vi phạm phong tục tập quán và văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đánh bạc, ăn chơi lãng phí, hoạt động mê tín dị đoan và lợi dụng tôn giáo để hoạt động trái với quy định pháp luật.

triển thể thao học đường; còn để thể thao và giáo dục trong 02 bộ khác nhau, thì chỉ quan tâm đến thể thao thành tích cao. Riêng về phát triển thể thao, thì rõ ràng là thể thao học đường phát triển sẽ tạo nền móng vững chắc cho thể thao thành tích cao. Từ nền móng thể thao học đường, các liên đoàn thể thao thành tích cao có được "nguồn cung" vận động viên tiềm năng để đào tạo chuyên sâu thành vận động viên thành tích cao.

(ii) Trong phát triển "giao thông" có rất nhiều nội dung liên quan đến "xây dựng"; đồng thời việc phát triển "xây dựng" lại không thể thoát ly mạng lưới, quy hoạch "giao thông". Sự gắn bó hữu cơ giữa 02 lĩnh vực giao thông và xây dựng đòi hỏi phải có sự quản lý liên thông, thống nhất của Nhà nước trong một cơ quan cấp bộ.

Như vậy, trong bối cảnh Đảng ta đang tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tiếp tục hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, có thể tham khảo những gợi mở nêu trên từ kinh nghiệm của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào.

ĐẢNG NHÂN DÂN HÀNH ĐỘNG CẦM QUYỀN VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC Ở XINGAPO TỪ NĂM 1965 ĐẾN NAY - BÀI HỌC THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PGS.TS. HOÀNG THỊ THANH NHÀN*

Xingapo - quốc gia đô thị (city-state) - vốn là thương cảng quan trọng của đế chế Anh quốc từ đầu thế kỷ XIX, là nơi trung chuyển, kho vận hàng hóa Đông Tây sầm uất trong khu vực Đông Nam Á. Trong những năm dưới quyền cai trị của thực dân Anh, mức sống của người dân vô cùng thấp. Tuy nhiên, sau khi tách khỏi Liên bang Malaixia, từ năm 1965 đến nay, đất nước này trở thành huyền thoại của phát triển. Từ năm 1960 đến năm 2011, GDP Xingapo tăng từ 0,7 tỷ USD lên tới 260 tỷ USD, tức tăng 370 lần; GDP bình quân đầu người từ 428 USD tăng lên tới 50.123 USD[1] và lên đến 53.604 USD năm 2015. GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương năm 2011 bằng 59.900 USD, so với Mỹ là 48.100 USD, với Nhật Bản là 34.300 USD, với Trung Quốc là 8.400 USD và Việt Nam là 3.300 USD[2].

---

* Viện Kinh tế và Chính trị thế giới.

1. Singapore Department of Statistics, 2015.
2. CIA Fast book, 2014.

Xingapo là nơi cư ngụ của 5,5 triệu dân đa sắc tộc (người Hoa chiếm đa số đến 76,8%, người Malay chiếm 13,9%, người gốc Ấn chiếm 7,9%, 1,4% còn lại là các sắc tộc khác) nhưng đời sống xã hội hài hòa ổn định, tỷ lệ thất nghiệp thấp, nhiều thập kỷ liền không có biểu tình, bãi công. Mức sống được nâng cao đáng kể, toàn dân được hưởng những dịch vụ tốt hàng đầu về nhà ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, môi trường. Xingapo là nước đầu tiên trên thế giới thực hiện 80% hộ gia đình đều có nhà ở mua bằng tiền của mình. Các thành tựu về khoa học - kỹ thuật, giáo dục, y tế, bảo vệ môi sinh vào hàng tiên tiến nhất châu Á. Xã hội Xingapo có trình độ văn minh hàng đầu thế giới, đứng thứ nhất về chỉ tiêu quốc gia liêm khiết (9,3 điểm/10), thứ hai về chỉ tiêu năng lực cạnh tranh toàn cầu, thứ 26 về chỉ số phát triển con người - HDI (0,866 điểm, thuộc nhóm HDI cao)...

Những kết quả đáng mơ ước kể trên ở một quốc đảo nhỏ bé với diện tích 714 km^2, hầu như không có tài nguyên gì, phần lớn nước sinh hoạt, toàn bộ lương thực thực phẩm đều phải nhập khẩu, là thành tựu lãnh đạo quốc gia rất "đặc biệt" của Đảng Nhân dân Hành động (People Action Party-PAP). Cố Thủ tướng Lý Quang Diệu nói: "Không có Đảng Nhân dân Hành động thì không có Xingapo ngày nay".

1. Đảng Nhân dân Hành động trong quá khứ và hiện tại

Thành lập ngày 21-11-1954, PAP quy tụ ban đầu các trí thức Xingapo thụ hưởng nền giáo dục Anh quốc[1]. Nhóm sáng

1. Trong lịch sử, người Trung Quốc ở Xingapo chia ra thành hai nhóm: baba (tên ghép giữa tiếng Hoa và Malay) và sinkeh. Nhóm sinkeh chiếm đa số dân trên đảo, họ là những người Hoa, nói tiếng Trung Quốc, lao động

lập Đảng thuộc tầng lớp tinh hoa khoa bảng, trong đó, luật sư Lý Quang Diệu (sinh năm 1923) được bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên. Với nền tảng tri thức đồng nhất, PAP tạo dựng văn hóa chính trị riêng và lãnh đạo khá đồng thuận với các quyết định của thủ lĩnh. PAP có 4 đặc trưng trong lãnh đạo quốc gia: bảo thủ, thực dụng, đa văn hóa và tinh hoa. Vào cuối những năm 1950, nhóm "tinh hoa trong đảng" (những người tiếp nhận "lý thuyết về quyền lãnh đạo" của Anthoni Gramsci)[1] đã liên minh với phong trào có xu hướng cực tả, với

---

tay chân thô hoặc thương nhân nhỏ và vừa, sống theo phong cách Trung Hoa truyền thống, tự coi mình như là những người hải ngoại hướng về Trung Quốc lục địa và bảo tồn những truyền thống văn hóa, tập quán sinh hoạt vốn có. Trong khi đó, nhóm baba hướng về Luân Đôn, họ đặt sự ngưỡng mộ vào thể chế chính trị của Anh quốc, quản lý đất nước theo mô hình nhà nước dân chủ. Nhóm baba tụ hội các luật sư, chính trị gia, công chức giao lưu với nhau hoàn toàn độc lập với các nhóm bên ngoài tựa như ốc đảo baba giữa biển sinkeh. Tuy chỉ là thiểu số, nhưng họ thuộc hàng ngũ "tinh hoa" (elite), cầm trịch trong việc tạo dựng hệ thống luật pháp gần như giữ nguyên tinh thần luật pháp của Anh quốc, áp dụng các chính sách điều hành kinh tế và quản lý nhà nước trên nền tảng chế độ đa đảng và tam quyền phân lập. Cố Thủ tướng Lý Quang Diệu xuất thân từ tầng lớp tinh hoa "baba" là điều không ai nghi ngờ. Nhóm sáng lập PAP vào giữa những năm 1950 gồm 4 nhân vật cốt lõi đều qua đào tạo của Đại học Oxford hoặc Cambridge hoặc Đại học Raffles ở Xingapo - một đại học theo mô hình Anh quốc. Nền tảng giáo dục tương đồng là cơ sở quan trọng để họ đưa ra quyết sách chính xác và tạo đồng thuận cao.

1. A. Gramsci là một triết gia, nhà chính trị gia vào những thập kỷ đầu thế kỷ XX nổi tiếng với lý thuyết về "văn hóa lãnh đạo". Ông cho rằng, giai cấp tư sản sử dụng các thể chế văn hóa để duy trì quyền lực trong xã hội tư bản chủ nghĩa, tạo lập giá trị kinh tế để cai trị hơn là bạo lực. Theo đó, sự đồng thuận về lý thuyết và tư tưởng chưa đủ bảo đảm quyền lãnh đạo mà bắt buộc phải có các yếu tố mang tính kinh tế, tính chính danh của một đảng cầm quyền chỉ có được khi nó có khả năng cải thiện đời sống vật chất của tầng lớp bị trị.

các nghiệp đoàn theo tư tưởng cộng sản. Nhóm này cũng liên kết với Đảng Công nhân do David Marshall đứng đầu, người từng giữ chức Thủ hiến Xingapo trong những năm 1955-1956, một chính trị gia nổi tiếng về những đóng góp trong đàm phán với thực dân Anh đòi trao trả quyền tự trị cho Xingapo. Tuy nhiên, với nền tảng tri thức về kinh tế phát triển mà nhóm tinh hoa tiếp thu từ phương Tây, họ chuyển sang coi nhẹ ý thức hệ, không nặng về lý thuyết, coi trọng hiệu quả hành động theo quan điểm thực dụng chủ nghĩa (thời gian này, xu hướng chống thực dân mà PAP theo đuổi thực sự nhận được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng).

Năm 1959, trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên để bầu một chính quyền bản xứ có quyền tự trị nhiều hơn (dù ngoại giao và quốc phòng vẫn nằm trong tay thực dân Anh), PAP thắng lớn. Xingapo trở thành bang tự trị bên trong Khối Thịnh vượng chung, Tổng Bí thư Lý Quang Diệu làm Thủ tướng, ông giành quyền thành lập nội các gồm hầu hết thành viên là đảng viên PAP. Từ năm 1960 đến năm 1965, dưới quyền lãnh đạo của ông, PAP thực hiện các cuộc cọ xát chính trị, thâu tóm quyền lực vào tay chính đảng của mình, hạn chế ảnh hưởng của các đảng đối lập bằng nhiều thủ pháp chính trị độc đoán, dân chủ, dân túy, cũng như dân chủ hạn chế (limited democracy)... chỉ để nhằm mục đích giữ quyền lãnh đạo lâu dài, từ đó giành cơ hội thực hiện mục tiêu phát triển mà PAP mong đợi. Lý Quang Diệu cho rằng, *phát triển kinh tế là điều kiện tối cần thiết để bảo đảm ổn định chính trị, đến lượt nó, ổn định chính trị là điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế.* Từ nửa sau những năm 1950 và nửa đầu những năm 1960, khi chế độ thuộc địa không còn mấy thiện cảm với người dân bản địa, phong trào đòi độc lập thoát khỏi chế độ

thực dân dâng cao trên thế giới, việc nhấn mạnh vào chủ nghĩa dân tộc và con đường khai sáng là nghệ thuật dẫn dụ chính trị quá xuất sắc của ông Lý Quang Diệu. Không gì có giá trị thuyết phục công chúng tại thời điểm này hơn là giương cao một khẩu hiệu xây dựng Xingapo độc lập, tự chủ, dân chủ và một tương lai tươi sáng hơn cho toàn thể dân tộc. Trên quan điểm xuyên suốt, PAP giữ một vị trí quyền lực lâu dài cho mình.

Tháng 8-1965, Xingapo tách ra khỏi Liên bang Malaixia thành quốc gia độc lập, thực thi chế độ cộng hòa nghị viện nhất thể theo hệ thống Westminster. Là quốc gia đa sắc tộc, trình độ phát triển cũng như trình độ dân trí trong những năm 1950-1960 còn thấp, nguyên tắc tối thượng của PAP là tập trung quyền lực để hành động thực tế, nâng cao đời sống của người dân, xây dựng dân tộc Xingapo và tôn tạo vị trí địa kinh tế thật vững chắc trên nền tảng cạnh tranh quốc gia trong bất kỳ hoàn cảnh nào, bảo đảm cho Xingapo vị thế địa chính trị bền vững. Trải qua thực thi chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, Xingapo đã chuyển dần từ vai trò kho vận trung chuyển sang trung tâm chế tạo hàng công nghiệp công nghệ cao và hiện nay vai trò trung tâm tài chính dịch vụ cao cấp nhất khu vực đang dẫn đầu cho tăng trưởng kinh tế của quốc đảo Sư tử.

Kể từ khi tuyên bố độc lập cho hòn đảo "kim cương", PAP đều thắng áp đảo trong 12 kỳ tổng tuyển cử với 3 đời Thủ tướng: Lý Quang Diệu (1965-1990), Ngô Tác Đống (Goh Chok Tong, 1990-2004) và Lý Hiển Long (2004-nay). Đường lối chính trị của Thủ tướng Lý Quang Diệu - người được coi như linh hồn của PAP và cả Xingapo - là kết hợp các điểm mạnh của kinh tế thị trường tự do tư bản chủ nghĩa với kinh

tế kế hoạch tập trung, kết hợp pháp trị của phương Tây với nhân trị (đức trị) của phương Đông, theo đuổi đường lối đối ngoại khôn ngoan, tận dụng được sự ủng hộ của các cường quốc cũng như né tránh xung đột khu vực.

Qua hơn nửa thế kỷ lãnh đạo, hầu như không người Xingapo nào nhìn nhận PAP như là đảng chính trị toan tính cho lợi ích riêng của các thành viên, mà PAP đã hòa trộn vào lợi ích dân tộc, quốc gia một cách thuyết phục. Trong khoảnh khắc mừng chiến thắng sau Tổng tuyển cử tháng 9-2015, Thủ tướng đương nhiệm Lý Hiển Long đã khẳng định: "đây là kết quả tốt cho PAP, nhưng là kết quả tuyệt vời cho Xingapo"[1]. PAP đã xây dựng văn hóa chính trị theo cách dẫn dắt xã hội vào các giá trị truyền thống và hiện đại để giải quyết những vấn đề của đời sống đương đại mà không bị bó bện vào hệ ý thức nào ngoài chủ nghĩa thực dụng. Tên Đảng Nhân dân Hành động với logo huy hiệu thể hiện đầy đủ nguyên tắc cơ bản của chính đảng kiên định hòa hợp, hiệu quả và minh bạch[2].

2. Văn hóa chính trị của Đảng cầm quyền: chính danh và dân chủ - truyền thống và hiện đại

Văn hóa là phạm trù ý thức của con người trong quá trình tương tác với các chủ thể xung quanh. Hiện nay, có vô số định nghĩa khác nhau về văn hóa, nhưng tựu trung lại,

---

1. http://news.zing.vn/dang-cua-ong-ly-quang-dieu-thang-lon-trong-bau-cu-singapore-post578801.html

2. Biểu tượng logo của PAP là một vòng tròn màu lam trên nền trắng, có một tia chớp đỏ cắm xuống chính giữa vòng tròn. Màu trắng tượng trưng sự trong sạch liêm khiết, vòng xanh tượng trưng sự đoàn kết và hòa hợp sắc tộc, tia chớp tượng trưng hành động dũng mãnh hiệu quả.

được công nhận phổ quát về văn hóa là sản phẩm vật thể và phi vật thể của con người, nó kết tinh từ văn hóa truyền thống và hiện đại trong đời sống xã hội của chính cư dân ở từng địa phương khác nhau. Theo đó, *văn hóa chính trị là phạm trù văn hóa tinh thần mà ở đó, các chủ thể chính trị trong mỗi quốc gia thể hiện trình độ, năng lực và phẩm chất của họ khi tương tác với nhau.* Được cấu thành bởi các nguyên tắc tư tưởng, đạo lý, tiêu chuẩn pháp lý xã hội, ý chí, văn hóa chính trị đóng vai trò quan trọng trong tiến trình thay đổi kinh tế - chính trị - xã hội trong phạm vi mỗi nước. Văn hóa chính trị ở Xingapo đã hội tụ tất cả các cấu thành kể trên theo cung cách khá độc đáo và mang tính chuyên biệt. Thành công cầm quyền của PAP đặt nền móng vững chãi cho nó đi cùng với dân tộc, đảo quốc vốn nổi tiếng trong khu vực và thế giới về thành tích phát triển toàn diện.

Văn hóa chính trị ở Xingapo thể hiện trên một số phương diện sau:

- *Tính chính danh được xác lập qua cạnh tranh chính trị.*

Về kinh tế, Xingapo thực hiện cơ chế thị trường hoàn chỉnh; về chính trị, Xingapo theo đuổi thể chế đa đảng và tam quyền phân lập. Cạnh tranh kinh tế đương nhiên đi kèm với cạnh tranh chính trị, sự thăng giáng của Đảng cầm quyền là cần thiết, sự thắng cử của đảng này hay thất cử của đảng khác đều là chỉ dấu năng lực lãnh đạo của họ tốt hay chưa tốt (để cần cải cách). Điều tối thượng đối với cử tri là lợi ích đất nước, đời sống của quảng đại quần chúng thay đổi ngày càng tốt hơn. Người dân thực hiện quyền lựa chọn đảng chính trị vì dân và của dân. Xingapo là quốc gia thượng tôn pháp luật, do vậy, *việc nắm chính quyền phải được thực hiện*

bởi bầu cử tự do phổ thông đầu phiếu, Đảng cầm quyền ở Xingapo chưa bao giờ cướp chính quyền bằng đảo chính quân sự hay bằng bạo lực vũ trang, mặc dù nước này được xếp hạng 1 trong 4 nền "dân chủ chưa hoàn chỉnh" (flawed democracy) của ASEAN. Bằng thành tích cầm quyền nổi trội, 12 lần bầu cử là 12 lần PAP giành thắng lợi với tỷ lệ ủng hộ gần như tuyệt đối (90%) hoặc quá bán sâu (60-70%), tính chính danh của PAP được khẳng định từ khi thành lập đến nay. PAP đã thấm nhuần nguyên tắc cạnh tranh chính trị giành ưu thế hơn hẳn các đối thủ cạnh tranh của mình (thông qua cải cách và thay đổi) để toàn quyền dẫn dắt công cuộc kiến thiết quốc gia và làm hài lòng cử tri Xingapo trên 5 phương diện then chốt: (i) phát triển kinh tế toàn diện, có năng lực cạnh tranh cao, tạo cơ hội việc làm và cải thiện thu nhập cho người dân, nâng cao đời sống, thay đổi bền vững bộ mặt đất nước; (ii) xây dựng xã hội không tệ nạn (không trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút, mại dâm...), người dân được tận hưởng không gian sống trật tự, an toàn và lành mạnh; (iii) chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ vốn được coi là báu vật của quốc gia được Nhà nước bảo vệ tuyệt đối bằng sức mạnh địa kinh tế và địa chính trị của chính mình; (iv) xây dựng độ gắn kết bằng lòng tin vào đạo đức công việc trong toàn xã hội, niềm tin vào công bằng, bác ái mà Nhà nước là người đại diện, xây dựng ý thức cộng đồng và chia sẻ khát vọng đưa đất nước tiến lên không ngừng; (v) phẩm chất và tầm nhìn của người đứng đầu Đảng cầm quyền cũng như các cộng sự xung quanh được đánh giá cao bởi công chúng. PAP cho rằng, tính chính danh của một Đảng cầm quyền chỉ có được khi nó có khả năng cải thiện đời sống vật chất của các tầng lớp nhân dân. Sự hài lòng của người dân dành cho PAP là giá trị cao

nhất về tính chính danh của Đảng cầm quyền mà nhiều đảng phái khác ở quốc gia này mong muốn.

- *Xây dựng năng lực cầm quyền bằng hệ giá trị truyền thống và hiện đại.*

Với tầm nhìn sâu rộng, với cách tiếp cận thực dụng, Tổng Bí thư Lý Quang Diệu và tầng lớp chính trị tinh hoa trong PAP đã song hành kết hợp những điểm mạnh của giá trị châu Á với điểm mạnh của giá trị dân chủ phương Tây. Là người gốc Hoa, ông Lý không chỉ duy trì hệ tư tưởng bảo thủ, coi trọng đoàn kết dân tộc, gây dựng tinh thần yêu nước Xingapo đi cùng với bảo tồn các giá trị châu Á. Tuy nhiên, là người tiếp thu hệ giá trị phương Tây, thụ hưởng giáo dục Anh quốc, ông kiên quyết gây dựng Nhà nước theo mô hình tam quyền phân lập, thượng tôn pháp luật để bảo đảm tính chính danh cũng như kiểm soát hiệu quả quyền lực của bộ máy công quyền. Vì mục đích duy nhất là xây dựng tiềm lực kinh tế, quản trị theo "chủ nghĩa thực dụng" ở Xingapo chỉ chấp nhận những kết quả cụ thể, mang tính quyết định thay vì những bằng chứng định tính "mềm" (soft), hay những tranh luận về nguyên tắc (in principle) mang tính lý thuyết. PAP đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết, với ý thức hệ then chốt: "*Quốc gia tối thượng; xã hội trước hết; gia đình là nền tảng; xã hội là gốc rễ; quan tâm xã hội; tôn trọng cá nhân; bàn bạc đồng thuận; tránh va chạm; khoan dung sắc tộc; tôn giáo hòa hợp nhau*". Đảng tìm ra con đường trung gian bảo đảm tính nhất trí xã hội (tính tập thể) cùng với giữ gìn mức độ tự do cá tính ở mức độ nhất định (tính cá nhân), do vậy, đường lối này của PAP được đông đảo người dân ủng hộ.

Cùng với cựu Thủ tướng Malaixia M. Mahathir, cố Thủ tướng Lý Quang Diệu suy tôn và ủng hộ "các giá trị châu Á"

(Asian values), trong đó: (i) coi trọng ý thức cộng đồng (community ideology) hơn ý thức về cá nhân và tư lợi, đề cao đạo đức trong công việc (high work ethics), (ii) coi trọng gia đình và lối sống tiết kiệm, chú trọng thành đạt về học vấn (education attainment), và (iii) định hướng gia đình và nhóm (family and group orientation) theo hướng lành mạnh và cố kết. Có thể hiểu giá trị châu Á ở Xingapo cũng như ở nhiều nước Đông Á là biến thể của chủ nghĩa cộng đồng (communitarism). Bên cạnh đó, ông Lý Quang Diệu tuyệt đối theo đuổi những nguyên tắc của kinh tế học phát triển, thúc đẩy kinh tế thị trường trên nền tảng kinh tế tư nhân. Ông kết hợp một cách hài hòa kinh tế phát triển với chính trị học Đông Tây. Một số chính trị gia châu Á trong thập kỷ 1970-1980 thích thú với ý tưởng này và cải biên lập luận về chính trị hướng đến các giá trị tập thể (collective orientation), điều này cũng được dùng để biện minh rằng các giá trị về dân chủ tự do (liberal democracy) không nhất thiết có mặt ở châu Á, người dân ở nhiều nước Đông Á vốn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Khổng giáo cũng như các giá trị châu Á thích hợp với chủ nghĩa tư bản ở Á châu. PAP coi sự kết hợp này là nhân tố quyết định đưa Xingapo đến thành công như hiện nay.

- *Phẩm chất và năng lực của đảng viên quyết định vị thế của Đảng cầm quyền.*

Ba nguyên tắc bất di bất dịch về phẩm chất đảng viên mà PAP đòi hỏi: có trình độ học vấn cao, có tầm nhìn và có tâm sáng.

Ba thế hệ lãnh đạo hàng đầu trong lịch sử cầm quyền của PAP đều đã tốt nghiệp các trường đào tạo danh tiếng ở phương Tây. Lý Quang Diệu là luật sư tốt nghiệp Đại học Cambridge tại Anh khi ông 26 tuổi. Ngô Tác Đống tốt nghiệp

thạc sĩ kinh tế học phát triển tại Trường Williams College (Mỹ). Lý Hiển Long cũng tốt nghiệp ngành toán-vi tính Đại học Cambridge và ngành Hành chính công Đại học Harvard. Các đảng viên được trang bị nền tảng kiến thức quản trị nhà nước và nghệ thuật cầm quyền, theo hệ ý thức thuần nhất, do đó, lãnh đạo quốc gia của PAP đạt đồng thuận khi ra các quyết định chính sách, nhanh chóng đưa chính sách đi vào đời sống và bảo đảm thắng lợi bởi tầm nhìn chính sách (sound policy). Trị quốc phải là những nhân tài. Khi dân trí còn rất thấp, trong một số trường hợp các bộ phận tinh hoa cầm quyền có thể tự quyết định các chính sách hệ trọng, cho dù người dân vì chưa hiểu mà phản đối. Tuy nhiên, tính thực tiễn và giá trị đúng đắn của chiến lược và chính sách đã thuyết phục và thu phục được người dân cùng đồng hành với Đảng cầm quyền đưa đất nước đi lên[1]. PAP giành được sự tín nhiệm gần như tuyệt đối của người dân nhờ điều hành hiệu quả của các đảng viên ưu tú nhất. PAP là như vậy!

Đảng viên PAP chia thành hai loại: *đảng viên thường* và *đảng viên - cán bộ (đảng viên nắm giữ chức vụ trong chính quyền)*, tất cả đều phải trải qua thời gian dự bị. Cá nhân nào muốn gia nhập PAP phải làm đơn và cần có người giới thiệu cũng như phải qua điều tra của tổ chức đảng. Sau khi Ban Chấp hành Trung ương bỏ phiếu thông qua, họ trở thành đảng viên dự bị. Khoảng 10% đảng viên trở thành

1. PAP giành độc lập từ tay thực dân Anh, nhưng không loại bỏ tất cả các giá trị tiến bộ mà chế độ thuộc địa để lại, chính quyền giữ tiếng Anh là ngôn ngữ chính bất chấp làn sóng phản đối từ cộng đồng người Hoa. Chính quyền tiếp thu toàn bộ giá trị của hệ thống pháp luật Anh quốc - vốn được coi là tinh hoa trí tuệ của nhân loại. Chính quyền duy trì một số hình phạt "thô bạo" như đánh roi với tội ăn cắp hoặc nhổ bậy, vệ sinh bậy... bất chấp ý kiến phản đối từ công chúng.

đảng viên - cán bộ trước khi trải qua quá trình phấn đấu ít nhất 2 năm và phải có cống hiến đặc biệt cho Đảng, phải được một Ủy viên Trung ương giới thiệu, cuối cùng được Trung ương Đảng bỏ phiếu thông qua. Thời gian dự bị của đảng viên - cán bộ là một năm, sau đó mới trở thành đảng viên - cán bộ chính thức. Cách lựa chọn nghiêm ngặt như vậy đề cao phẩm chất của đảng viên đồng thời ngăn chặn các phần tử cơ hội chui vào Đảng. Các thành viên của PAP nắm giữ chức vụ trong chính quyền (đảng viên - cán bộ) đều chấp hành pháp luật nghiêm minh. Tổng thống và Quốc hội có vai trò kiểm soát quyền lực, xử lý các trường hợp bất minh trong điều hành chính quyền, cương quyết đưa ra khỏi bộ máy lãnh đạo những cá nhân biến chất[1] có thể làm tổn hại đến kế hoạch tổng thể của Chính phủ, phá vỡ quy hoạch phát triển mà lãnh đạo PAP đã đề ra.

---

1. Vụ án tham nhũng nổi bật nhất trong PAP xảy ra vào năm 1986. Bộ trưởng Phát triển quốc gia Teh Cheang Wan bị cáo buộc tội nhận tiền (đến một triệu đôla Xingapo trong hai năm 1981 và 1982) từ hai nhà phát triển dự án để cho phép một trong hai người giữ lại phần đất vốn đã được thu lại bởi Nhà nước, và giúp đỡ người kia trong việc mua lại phần đất của Nhà nước để phát triển dự án cá nhân. Ông này đã tự tử sau 12 ngày bị thẩm vấn trong vòng 16 giờ/ngày bởi hai nhân viên Cục Điều tra Hành vi tham nhũng Xingapo (Corrupt Practices Investigation Bureau - CPIB). Ví dụ thứ hai là việc loại bỏ Bộ trưởng Giáo dục thuộc Mặt trận Lao động (Labour Front), Chew Swee Kee, đã nhận tiền hối lộ từ chính quyền Mỹ nhằm đánh bại PAP trong cuộc Tổng tuyển cử năm 1959. Thủ tướng Lim Yew Hock khi đó đã chỉ định một Ủy ban Điều tra và Chew thừa nhận đã nhận tổng cộng 700.000 đôla Xingapo từ Chính phủ Mỹ. Hành vi tham nhũng của Chew bị phanh phui đặt dấu chấm hết cho số phận chính trị của một đảng cạnh tranh với PAP, theo đó PAP giành toàn thắng trong Tổng tuyển cử này.

Tâm sáng của thành viên PAP thể hiện tập trung ở động cơ vì dân tộc và quốc gia, vì lợi ích toàn dân tạo nên giá trị cốt lõi của Đảng cầm quyền. Các thế hệ lãnh đạo có tầm nhìn, điều hành kinh tế hiệu quả, có đạo đức công việc.

- *Phương thức hoạt động của PAP* rất khiêm tốn, không ồn ào phô trương, đề cao sự liêm chính và tiết kiệm. PAP không xây dựng bộ máy lãnh đạo đảng cồng kềnh song song với bộ máy nhà nước mà chỉ duy trì văn phòng trụ sở nhỏ với 9 nhân viên làm việc mang tính chất hành chính. Các đảng viên - cán bộ hưởng lương theo các chức vụ trong bộ máy nhà nước, không duy trì chi bộ trong cơ quan xí nghiệp, những chủ trương, chính sách chiến lược do PAP đề xướng được lồng ghép vào nhiệm vụ điều hành Chính phủ và các bộ hữu quan. Với ưu thế nổi trội về tiết kiệm chi phí, sử dụng hiệu quả nguồn thu ngân sách và nguồn thu từ các tổ chức kinh tế nhà nước, thu hút nhân tài đất nước về cho mình, PAP hầu như không cần hiện diện quá nhiều trên phương tiện thông tin đại chúng, các chức danh chính quyền không kèm chức danh trong Đảng, người dân chỉ nhận thấy hình ảnh của PAP vào những đợt vận động tranh cử định kỳ 5 năm một lần. Cả nước có 84 chi bộ (branch) phân bố theo khu vực hành chính, hầu như các chi bộ không hoạt động gì giữa 2 kỳ bầu cử (hoạt động của PAP được ví von hài hước rằng, đó là thời kỳ ngủ đông), các đảng viên PAP chỉ hiện diện để vận động phiếu bầu cho Đảng mình khi tiến hành Tổng tuyển cử cả nước. Kết quả là PAP luôn đánh bại các đối thủ chính trị khi các đảng đối lập không có thực lực, không đưa được nhiều sáng kiến thuyết phục cử tri. Lá phiếu của cử tri dành cho PAP khẳng định phẩm chất đảng viên và uy tín gần như tuyệt đối trong hoạt động của Đảng cầm quyền.

- *Chủ nghĩa độc đoán phát triển:* Mục tiêu tối thượng của PAP là phát triển kinh tế, công ăn việc làm và nhà ở cho người dân, chất lượng cuộc sống được cải thiện. Trong quá trình đó, có một số chính sách gây bất bình, không hợp lòng dân vẫn được thực thi miễn là đáp ứng mục tiêu đã đề ra.

Về phương diện chính trị, để tập trung quyền lực chống lại hoạt động của một số phe nhóm có tư tưởng cực tả (cộng sản), vào những năm nửa đầu thập kỷ 1960, Lý Quang Diệu đã áp dụng triệt để Luật Nội an, theo đó, chính quyền có quyền bắt giữ mà không cần xét xử những người bất đồng chính kiến với PAP. Sau cuộc trưng cầu ý dân về sáp nhập Xingapo vào Liên bang Malaixia năm 1962, PAP đã tăng cường vị trí độc tôn quyền lực bằng trấn áp hàng loạt các đảng đối lập (hạn chế tự do đi lại, hạn chế tự do ngôn luận, câu lưu các nhân vật có ảnh hưởng chính trị mạnh mẽ có thể cạnh tranh quyền lực với PAP hoặc cố ý cản trở Đảng cầm quyền thực hiện ý đồ tái lập sức mạnh kinh tế và chính trị). Tháng 2-1963, một chiến dịch được thực hiện bởi Hội đồng Nội an mang tên Operation Cold Store đã bắt giữ hơn 100 nhân vật hoạt động chính trị cánh tả quan trọng hoặc nổi tiếng.

Trong những thập kỷ 1980-1990, các nhân vật đối lập thường gặp những khó khăn trong hoạt động khi PAP bị vô hiệu hóa bằng nhiều phương cách như tiến hành những vụ kiện tụng chống lại các nghị sĩ đối lập, không cho phép họ tranh cử, từ chối ban hành luật về đặc quyền của nghị sĩ Quốc hội, thậm chí nhiều cá nhân đối lập có thể bị kiện tội phỉ báng khi chỉ trích PAP. Tuy nhiên, từ năm 2000 đến nay, cách thức trấn áp "mềm" như vậy đã giảm rõ rệt.

Về phương diện xã hội, nguồn nhân lực với chất lượng cao được coi là lợi thế so sánh mà Xingapo cần tái tạo không

ngừng. Đây là lựa chọn rất phù hợp với quốc gia nhỏ, nghèo tài nguyên thiên nhiên nhưng ở vào vị thế địa chính trị và kinh tế rất riêng biệt. Một chính sách dân số dựa vào tính di truyền đã được ban hành vào nửa đầu thập kỷ 1980 - theo đó có sự phân biệt quyền sinh đẻ giữa những phụ nữ có học vấn (tốt nghiệp đại học) và phụ nữ có học vấn thấp kém hơn (chưa tốt nghiệp đại học). Ngân hàng Thế giới (WB) khi đó đã phản đối chính sách mà về nguyên tắc, gây xung đột với bản năng giới tính của con người và bị coi là bất bình đẳng xã hội. Tuy nhiên, chính quyền của PAP ủng hộ cơ sở khoa học về gen với lập luận rằng 80% khả năng của mỗi người do gen quyết định, Chính phủ cần bảo vệ nguồn gen này để bảo đảm nguồn nhân lực của Xingapo có khả năng vượt trội. Họ đã thuyết minh bằng nghiên cứu định lượng về số con cái của những phụ nữ đã tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học có thành tích học tập tốt hơn hẳn so với những phụ nữ chưa tốt nghiệp đại học. Theo đó, phụ nữ đã tốt nghiệp đại học và chưa lập gia đình thì được khuyến khích lập gia đình, đối với phụ nữ đã lập gia đình và có hơn hai con thì được hưởng những khoản giảm thuế lớn và được ưu tiên chọn trường cho con. Đối với phụ nữ chưa tốt nghiệp đại học, Nhà nước khuyến khích nên có ít con, và nếu dừng ở hai con thì được nhận tiền hỗ trợ đến 10.000 đôla Xingapo khi họ mua nhà của Chính phủ theo phương thức trừ dần. Chính sách này đã làm mất lòng nhiều cử tri vì bị coi là đã vi phạm thô bạo vào đời sống riêng tư của công dân và sau đó nó đã phải bãi bỏ. Độc đoán dẫn đến chính sách cực đoan và đương nhiên, sự "chết yểu" của chính sách là điều khó tránh khỏi.

Về phương diện kinh tế, điều hành độc đoán nhưng mang tính phát triển thể hiện trong cải cách đất đai và sử dụng

nguồn lực hiệu quả trong phân phối lại thu nhập. Chế độ sở hữu tư nhân về đất đai và tài sản tất nhiên rất được coi trọng và ghi nhận trong Hiến pháp. Tuy nhiên, để chia sẻ cơ hội làm giàu và bảo đảm có nhà ở của mọi tầng lớp trong xã hội, Nhà nước Xingapo đã thực hiện chính sách vô tiền khoáng hậu nhưng tuân thủ luật pháp để bảo đảm tính pháp lý của chính sách.

Năm 1966, Nhà nước đã sửa đổi Luật trưng mua đất đai (Land Acquisition Act, LAA) - mà tiền thân của nó là Sắc lệnh thu mua đất đai (Land Acquisition Ordinary) áp dụng thời thuộc Anh. Dựa vào LAA, Chính phủ yêu cầu mọi chủ sở hữu tư nhân phải bán lại đất hoặc bất động sản cho Chính phủ để sử dụng vào mục đích công (một động thái được giải thích bằng đề cao chủ nghĩa cộng đồng). Dù gặp phải sự bất bình của giới nhà giàu, nhưng nguyên tắc trưng mua theo giá thị trường tại thời điểm thực hiện giao dịch giữa Nhà nước và chủ sở hữu không cho phép bên bán bẻ lý. Chính phủ quy hoạch đầu tư nhà ở cho dân nghèo một cách rõ ràng sau khi đất đai chuyển đổi vào sở hữu của Nhà nước (không có sở hữu toàn dân về đất đai). Kiên trì trong vòng 20 năm, từ năm 1966 khi sở hữu nhà nước về đất đai chỉ chiếm chưa đầy 10% đất ở các trung tâm thương mại và chưa đến 50% đất đai trên toàn lãnh thổ Xingapo, Chính phủ đã nâng tỷ lệ sở hữu đất lên 67% quỹ đất toàn lãnh thổ, tiếp tục nâng lên 76% vào năm 1984, và đến năm 2004, theo công bố chính thức của Cục Đất đai Xingapo, 90% quỹ đất trên toàn lãnh thổ thuộc sở hữu nhà nước hoặc cơ quan công quyền. Chính phủ sử dụng nguồn tài nguyên đất xây chung cư trả góp cho những người thu nhập thấp, họ có quyền ở, hoặc bán với giá cao hơn sau một thời gian khi kinh tế phát triển hơn, thị

trường nhà đất sôi động hơn, nhiều người có thu nhập tốt hơn nhờ chính sách "đầu cơ" bất động sản mà Chính phủ tạo nền tảng cho tầng lớp nghèo. Nhờ tầm nhìn của lãnh đạo, việc vận dụng nguyên tắc "an cư lạc nghiệp" nhận được sự tán đồng cao, Chính phủ giúp dân cơ hội làm giàu, chính sách an sinh xã hội lan tỏa đến cộng đồng. Chính phủ nhờ quản lý minh bạch, nguồn lực đất đai về tay Chính phủ không bị chủ đất hay chủ bất động sản tư nhân cáo buộc lạm dụng quyền lực vì lợi ích cá nhân hay lợi ích của PAP. Xét trên góc độ kinh tế vĩ mô, sự "thô bạo hay độc đoán" về phương pháp đã được điều hành hiệu quả và mang ý nghĩa phát triển lâu dài cho đảo quốc.

- *Chủ nghĩa độc đoán phát triển liệu còn giá trị trong điều kiện hiện nay, khi thế giới và Xingapo đã và đang thay đổi* ? Sau khi cố Thủ tướng Lý Quang Diệu qua đời, chính quyền của Lý Hiển Long đối diện với nhiều vấn đề không dễ giải quyết chỉ bằng quyết định độc đoán. Xingapo đang ở khúc rẽ, cần thay đổi, dù đất nước này đã thịnh vượng, phồn vinh. Có ba vấn đề đang đặt ra với đảo quốc:

+ *Nền chính trị tập trung đang bị thách thức.* Trong lịch sử phát triển đất nước, ông Lý Quang Diệu thực thi nhiều biện pháp hạn chế các tiếng nói bất đồng, phê phán những người khác biệt chính kiến, thậm chí trấn áp đại diện của các đảng đối lập bằng cách đẩy họ vào nhiều cuộc tranh tụng kéo dài đến mức họ bị phá sản. Về biện pháp đàn áp "mềm" của PAP, Joshua Benjamin Jeyaretnam - lãnh đạo Đảng Lao động Xingapo, bị phá sản năm 2001; và Chee Soon Juan - lãnh đạo Đảng Dân chủ Xingapo, bị phá sản năm 2011 là những ví dụ điển hình. Cho đến năm 2015, chính quyền của PAP vẫn chưa từ bỏ hoàn toàn những biện pháp vi phạm

quyền tự do ngôn luận, biểu đạt của công dân. Dù không thường xuyên, nhưng những biện pháp trấn áp giới bất đồng chính kiến (dưới hình thức trá hình phạm tội hình sự) vẫn đang gây nhức nhối trong xã hội Xingapo hiện đại[1]. Khi mà giới trẻ hiện nay được trang bị học vấn cao, được kết nối đa hình thái, đa phương tiện với nền dân chủ toàn cầu, họ không chấp nhận nền chính trị tập trung kiểu cũ. Một mặt, họ biết ơn ông Lý Quang Diệu đã tạo dựng đất nước Xingapo bằng mọi giá, nhưng sự ổn định hiện nay vẫn có thể bị xáo trộn nếu không chấp nhận một xã hội dân sự thân thiện và thực tâm với đất nước. Nền chính trị độc đảng của PAP được biện minh bằng hào quang thành tích kinh tế do cố Thủ tướng Lý Quang Diệu lãnh đạo đang chịu nhiều thách thức. Dư luận đòi hỏi thế hệ lãnh đạo mới, đứng đầu là Thủ tướng Lý Hiển Long không được bảo vệ thế áp đảo của PAP nhờ những di sản kinh tế của cha ông để lại, họ yêu cầu Chính phủ phải nới lỏng hoặc bãi bỏ những thắt chặt quyền tự do dân chủ. Để bảo vệ PAP, Thủ tướng đương nhiệm đã phải chèo lái đất nước với tâm thế "mềm mại" hơn, lắng nghe nhiều hơn, mở rộng cạnh tranh chính trị với các đảng phái khác và hướng đến tạo lập xã hội cạnh tranh về văn hóa, tư tưởng. Với nhãn quan thực dụng, Xingapo đang thúc đẩy "thị

1. Xingapo duy trì Luật về trật tự công cộng *(Public Order Act)* theo đó, những người tham gia thảo luận chính trị phải đăng ký trước với chính quyền, Luật về giải trí và hội họp (*Public Entertainment and Meetings Act)* theo đó, tụ tập hơn 4 người phải được phép của cảnh sát. Biên tập viên các bản tin và diễn đàn thảo luận trực tuyến thường xuyên bị rắc rối với luật pháp, nhiều tác giả trên các blog thường bị buộc phải đăng ký tư cách thành viên của các tổ chức chính trị nếu bài viết của họ đề cập đến các vấn đề của quốc gia.

trường ý tưởng" thông qua mở rộng tự do báo chí, ngôn luận, quyền hội họp và biểu đạt nguyện vọng một cách ôn hòa.

+ *Vấn đề nhập cư gây mâu thuẫn xã hội*: Dân số Xingapo hiện nay là hơn 5,7 triệu người, trong đó 1,3 triệu người là dân nhập cư được chia thành 2 nhóm dân cư (lao động có tay nghề cao cấp được ưu đãi và lao động thông thường, chủ yếu làm các công việc tay chân đơn giản và nặng nhọc như giúp việc, lái xe tải, xe bus, công nhân môi trường... mà người bản địa không muốn làm). Sau nhiều năm (đặc biệt từ năm 1998) đề cao chính sách thu hút nhân tài thông qua thực thi chính sách lao động nhập cư, làn sóng người ngoại quốc thuộc nhóm chuyên gia các ngành như tài chính, thương mại, y tế, công nghệ thông tin... đã tràn vào Xingapo. Họ được hưởng nhiều "biệt đãi" về thuế, tiền lương và nghĩa vụ với đảo quốc vì chính quyền cho rằng, nếu thiếu vắng họ, nguồn nhân lực bản địa không đủ để Xingapo hiện thực hóa kế hoạch phát triển nền kinh tế tri thức của mình. Bên cạnh đó, số lao động phổ thông đến từ nhiều nước láng giềng cũng tạo sức ép lên hệ thống an sinh, y tế, giáo dục và an ninh trật tự. Chính quyền đang chịu sức ép chỉ trích từ dư luận khi mà hệ thống dịch vụ này quá tải, dân bản địa không đồng tình với mức thuế mà lao động nhập cư đóng góp, họ đòi nhóm lao động này phải có trách nhiệm và nghĩa vụ cụ thể hơn với đảo quốc... Chính quyền của PAP đã phải thực thi một số quy định thắt chặt nhằm hạn chế lao động nhập cư như: lao động nước ngoài muốn đưa vợ chồng hay con cái đến sinh sống tại Xingapo phải có thu nhập tháng tối thiểu 4.000 đôla Xingapo (SGD), tương đương 3.150 USD, thay vì mức cũ là 2.800 SGD; hoặc Chính phủ cắt giảm hỗ trợ y tế, nâng học phí trường công đối với con em của lao động nhập cư... Rõ ràng là

vấn đề cân bằng giữa thu hút lao động nhập cư từ bên ngoài với làn sóng phản đối nhập cư của người bản địa thực sự nan giải với chính quyền hiện tại.

+ *Khoảng cách thu nhập gia tăng:*

Trong Báo cáo thịnh vượng năm 2017 của Công ty tư vấn Knight Frank, năm 2016, Xingapo có tổng cộng 217.300 triệu phú USD, tăng 12.300 người so với năm 2015. Dân số năm 2016 là gần 5,7 triệu người, như vậy cứ khoảng 26 người Xingapo lại có 1 người là triệu phú. So với 10 năm trước, số triệu phú USD của đảo quốc Sư tử đã tăng thêm 79.800 người, tương ứng với 58%. Knight Frank dự đoán sau một thập kỷ nữa, số người sở hữu từ 1 triệu USD trở lên tại Xingapo sẽ tăng thêm 40%, lên mức 304.200 triệu phú USD. Về số lượng tỷ phú năm 2016, Xingapo có 23 người sở hữu tài sản từ 1 tỷ USD trở lên, tăng 1 người so với năm trước đó và 8 người so với năm 2006. Dự báo đến năm 2026, số tỷ phú USD của quốc gia này sẽ là 32 người.

Đảo quốc này trở thành nơi tập trung nhiều siêu giàu nhất nhì thế giới. Mặc dù không còn tỷ lệ người nghèo, xã hội được "trung lưu hóa", nhưng với tỷ trọng người giàu như vậy, bất bình đẳng trong thu nhập đang đặt ra nhiều vấn đề xã hội phức tạp. Hệ số Gini của Xingapo chưa bao giờ xuống dưới 0,4 kể từ năm 2000, thậm chí tăng dần lên 0,48 vào năm 2015. Cùng với thực hiện đồng bộ các chính sách biến Xingapo thành "thiên đường làm giàu", người nhập cư đổ xô vào kiếm tiền và làm tổng tài sản của Xingapo tăng lên. Nhưng người Xingapo bản địa không thích thú với bức tranh màu hồng như vậy, vì họ cảm thấy "tiền của người này không làm nên hạnh phúc cho người kia". Họ không đồng tình với chính sách miễn thuế khởi nghiệp cho hàng loạt công ty, bất

kể thuộc sở hữu công dân Xingapo hay nước ngoài, chính sách tiền lương quá cao đối với lao động nhập cư...

Thủ tướng Lý Hiển Long kỳ vọng khi giải quyết những vấn đề này, PAP sẽ không phải là lựa chọn duy nhất, mà là lựa chọn tốt nhất đối với đảo quốc Sư tử trong tầm dài hạn.

3. Quản lý nhà nước: tập trung - minh bạch - kiến tạo

PAP tập trung quyền lực trong tay và tổ chức bộ máy nhà nước theo mô hình tam quyền phân lập: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Cơ quan lập pháp là Quốc hội được xác lập sau Tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu, từ đó bầu ra chức Tổng thống - người có quyền chỉ định chức danh Thủ tướng. Về hình thức, Xingapo duy trì chế độ dân chủ đa đảng[1], nhưng

1. Trên thực tế, Xingapo chỉ duy trì mô hình độc tài chính trị trong thời gian từ năm 1965 đến năm 1969 - khi mà những xáo trộn và nhận thức chính trị của xã hội còn yếu, gây ra đe dọa quyền lực tập trung của Thủ tướng Lý Quang Diệu đang cầm quyền lúc đó. Hoạt động chính trị của ông cho thấy quan điểm nếu không tập trung quyền lực, thì những kế hoạch chấn hưng và tạo nền tảng phát triển của Xingapo không thể thành công. Vào thập kỷ 1980, không khí chính trị "ngột ngạt" dần dần được gỡ bỏ đồng thời với cải cách chính trị dân chủ trong khu vực Đông Á. Đến thập kỷ 1990, dưới quyền lãnh đạo của Ông Ngô Tác Đống, nhiều cấm kị nhạy cảm được tháo dỡ, nhà báo có quyền biểu đạt độc lập và tự do hơn, giảm nhẹ các điều kiện cấp phép cho báo chí tư nhân, khuyến khích công dân đề xuất ý tưởng mới trong quản lý nhà nước và đời sống văn hóa, xã hội được phong phú hơn. Dù vậy, đến cuối nhiệm kỳ của mình (năm 2003-2004), Ngô Tác Đống đã ghi nhận sự tiến bộ của dân chủ trong giới truyền thông, nhưng ông khẳng định Xingapo vẫn cần cải cách hơn nữa, bởi vì "5 phút có ánh mặt trời không đủ làm nên một ngày nắng rực rỡ". Hiện nay, ở Xingapo có khoảng trên 20 đảng chính trị đăng ký hoạt động, nổi lên trong đó có 5 đảng đối lập: Đảng Dân chủ Xingapo (SDP), Đảng Lao động (WP), Đảng Liên minh dân chủ Xingapo (SDA), Đảng Cải cách (RP), Đảng Quyền lực nhân dân (PPP). Tuy nhiên, các

trên thực tế, PAP đã xây dựng bộ máy quản lý nhà nước minh bạch, trọng dụng nhân tài vào các vị trí lãnh đạo quốc gia hoặc then chốt trong các cơ quan công quyền. Do vậy, PAP luôn chiếm đa số ghế trong Quốc hội (90%) cho đến năm 2011, khi tỷ lệ này hạ thấp xuống còn 60% - con số báo động về ảnh hưởng của PAP cũng như là thách thức quyền lực chính trị của họ. Với vị trí thượng phong trong Quốc hội, các đời Thủ tướng của Xingapo tập trung quyền lực, lập bộ máy chính phủ hiệu quả, hiện thực hóa những nhiệm vụ do PAP đề ra, bất chấp việc thành viên nội các có thể không là đảng viên của PAP.

PAP duy trì bộ máy hoạt động rất khiêm tốn và không lập 2 hệ thống quản lý song hành. Mô hình đơn tuyến này giúp cho Xingapo có bộ máy quản lý nhà nước gọn nhẹ, cấu trúc hợp lý, tiết kiệm chi phí, tránh khỏi mâu thuẫn giữa bên đảng và chính quyền, lãnh đạo quyết đoán khi đối mặt với các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

- Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước tập trung và hiệu quả.

Chính phủ Xingapo được điều hành bởi đội ngũ nhân lực rất có năng lực trong cấu trúc quản lý nhà nước tập trung, gọn và không chồng chéo. Theo Hiến pháp, Quốc hội là cơ

đảng này hoạt động yếu ớt, không đồng nhất về nền tảng kinh tế, chính trị, không thu hút được mối quan tâm của công chúng. Trong cuộc Tổng tuyển cử năm 2015, một số đảng đối lập kêu gọi đoàn kết đặt trọng tâm vào vấn đề nhập cư, nhà ở, quỹ hưu trí, giáo dục và vận tải công cộng dưới khẩu hiệu: "bỏ phiếu cho sự thay đổi". Xingapo thời kỳ hậu Lý Quang Diệu đang đối mặt với nhiều thách thức mà để giải quyết, PAP phải rất nhạy bén và thức thời trong điều hành quản trị nhà nước. Xingapo hiện nay đang trong thời điểm chuyển mình, cần ra quyết sách mới, PAP đã gánh sứ mệnh với tỷ lệ cử tri ủng hộ lên đến 69,86% phiếu bầu trong cuộc Tổng tuyển cử ngày 11-9-2015, vượt hơn Tổng tuyển cử năm 2011 gần 10%.

quan lập pháp có quyền xác định, quy định những đặc quyền, quyền miễn trừ hay những quyền hạn của nghị viện. Hội đồng Tổng thống và bảo vệ các dân tộc thiểu số nằm trong hệ thống lập pháp bao gồm Chủ tịch và 14 thành viên do Tổng thống bổ nhiệm; Hội đồng có quyền xem xét bất kỳ đạo luật nào bị coi là bất công hoặc chia rẽ các cộng đồng khác nhau về tôn giáo.

Tổng thống và Quốc hội: Là chức vị hành pháp cao nhất được Tổng tuyển cử nhiệm kỳ 6 năm. Tổng thống có quyền: (i) bổ nhiệm Thủ tướng và thông qua danh sách nội các, (ii) giám sát quyền lực của Thủ tướng và nội các, miễn nhiệm các thành viên Chính phủ nếu như có dấu hiệu tham nhũng hoặc yếu kém về năng lực lãnh đạo, (iii) phủ quyết ngân sách Chính phủ nếu không bảo đảm chi tiêu hiệu quả, (iv) bổ nhiệm Tổng chưởng lý làm cố vấn cho Thủ tướng khi Thủ tướng đề xuất. Để bảo đảm khách quan và thực hiện luật pháp nghiêm minh, Tổng thống phải là người phi đảng phái, bị buộc từ bỏ chính đảng mà đương sự tham gia sau khi đảm trách vị trí này. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất, dù PAP thắng cử chiếm đến 90% số ghế trong nghị viện, nhưng luôn dành 18 ghế cho các đảng đối lập, trong đó 9 ghế được chỉ định cho lãnh đạo các đảng đối lập. Quyết định của Quốc hội được công khai, minh bạch với toàn thể nhân dân.

Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm là người có quyền lực cao nhất đối với nội các, có quyền quyết định số lượng các bộ, chỉ định lãnh đạo các bộ hoặc bộ trưởng văn phòng Thủ tướng vốn được coi như bộ trưởng không bộ. Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng cũng có thể kiêm nhiệm giữ chức lãnh đạo bất cứ bộ và cơ quan nào thuộc Chính phủ hoặc bổ nhiệm một bộ trưởng kiêm nhiệm 2 bộ đồng thời khi có yêu

cầu. Ví dụ, trong nhiệm kỳ Quốc hội khoá XI, Lim Hwee Hua, Bộ trưởng Văn phòng Thủ tướng đương nhiệm cũng được tín nhiệm giữ chức Bộ trưởng Tài chính và Giao thông.

Hiện nay, nội các Xingapo bao gồm 16 bộ, bao quát toàn bộ quản lý nhà nước về kinh tế, chính trị, xã hội. Hệ thống quyền lực quản lý của Xingapo tập trung, không quy định cấp địa phương, tổ chức theo thứ bậc các cơ quan công sở. Mỗi bộ có chức năng riêng, tự chăm lo lĩnh vực của mình trên toàn lãnh thổ đất nước; mỗi bộ trưởng cùng quan chức quản lý các tập đoàn kinh tế nhà nước và các cơ quan công quyền nắm quyền điều hành. Tổng thống chi phối quyền hành pháp, Thủ tướng và nội các điều hành thông qua ban hành chính sách, điều hòa chính sách, ban hành thể chế hành chính, tư vấn cho Tổng thống bổ nhiệm các quan chức hành chính và tư pháp.

Bộ máy tư pháp gồm tòa án 2 cấp: tòa án cấp cao và tòa án cấp dưới. Nhân sự của 2 tòa cũng được yêu cầu phi đảng phái để bảo đảm tính khách quan.

- *Quản lý minh bạch, thượng tôn pháp luật.* Ở đất nước có tuổi thọ của Đảng cầm quyền dài nhất phản ánh sự trong sạch của Đảng lãnh đạo. Minh bạch để tạo ra hiệu quả chính là cách đặt vấn đề rất xác đáng mà PAP đã thực hiện trong quá trình quản lý nhà nước. Họ xây dựng một thể chế không tạo điều kiện cho tham nhũng, không tha thứ cho tham nhũng, đồng thời có chính sách tiền lương thích hợp để quan chức và nhân viên Chính phủ không muốn tham nhũng. Bộ ba này đi liền với nhau, hỗ trợ lẫn nhau để bảo đảm hiệu quả của chính quyền sạch.

Để hạn chế cơ hội tham nhũng, PAP siết chặt các luật lệ vốn có đồng thời tăng mức hình phạt các hành vi tham

những. Các luật về chống tham nhũng lần lượt được ra đời và tu chỉnh theo thời gian (1963, 1966, 1981, 1989). Bên cạnh đó, Xingapo thành lập cơ quan chống tham nhũng độc lập - CPIB, nằm ngoài lực lượng cảnh sát (vốn thường rất tham nhũng), có đủ quyền lực để thực thi những biện pháp dựa trên một bộ luật hợp lý mang tính răn đe nhằm bảo đảm cho việc chống tham nhũng thành công. CPIB được trao một quyền hành lớn hơn, chịu trách nhiệm theo dõi, điều tra các hành vi liên quan đến tham nhũng của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào và sẵn sàng bắt giữ nếu thấy cần thiết. Được đặt trong Phủ Thủ tướng, nên mặc dù với một số lượng nhân lực không nhiều (năm 1994 có 71 nhân viên), CPIB hoàn thành vai trò của mình thông qua phối hợp với nhiều cơ quan khác.

Thành tích chống tham nhũng của Xingapo trước hết là nhờ một ý chí chính trị mạnh mẽ, đồng thời người lãnh đạo cao nhất có đủ quyền lực và trong sạch để thực thi việc chống tham nhũng. Với việc tinh giản bộ máy hành chính, giảm bớt thủ tục rườm rà, ứng dụng chính phủ điện tử, trả lương hấp dẫn (tăng lương cho viên chức có tham chiếu với lương khu vực tư nhân) để viên chức yên tâm làm việc, hạn chế ý đồ tham nhũng bằng mọi cách đi kèm với quy định xử phạt nặng tội tham nhũng, sung công tài sản liên quan đến tham nhũng, hoặc các thu nhập không chứng minh được tính hợp pháp, Xingapo đã không chỉ kiểm soát rất tốt nạn tham nhũng mà còn tạo dựng nền nếp, tham nhũng bị xem như điều sỉ nhục đối với nhân viên Chính phủ.

Và cuối cùng, trong điều kiện đặc thù của một đảo quốc nhỏ, Xingapo dễ dàng quản lý và thực hiện các luật lệ nghiêm minh hơn.

- Thách thức về quản trị lợi thế cạnh tranh hiện nay:

Vai trò cầm quyền của PAP hiện nay đang đứng trước ba trở ngại như đề cập ở trên. Tuy nhiên, về quản trị nhà nước, vấn đề tái tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia của Xingapo cũng đặt ra nhiều thách thức.

Trong suốt 40 năm qua, đảo quốc là địa chỉ đến để đặt văn phòng đại diện hoặc chi nhánh khu vực Đông Nam Á của nhiều tập đoàn kinh tế khổng lồ, các công ty đa quốc gia, các tổ chức kinh tế - xã hội quốc tế... Với hạ tầng cơ sở hoàn hảo, nền hành chính công hiệu quả và minh bạch, năng lực cạnh tranh của đảo quốc hầu như tuyệt đối không có đối thủ. Nhưng không gì là mãi mãi. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á 1997-1998 đã đưa Malaixia đến đột phá tư duy. Bằng năng lực quản trị vượt trội, Malaixia đã không chỉ tự lực vượt ra khỏi khủng hoảng một cách ngoạn mục, mà còn xây dựng nền tảng hạ tầng cứng cũng như mềm để thu hút FDI và hệ thống văn phòng, trụ sở nước ngoài chuyển từ Xingapo sang Kuala Lumpur - nơi lạm phát thấp, chi phí rẻ hơn, tiện ích văn phòng cao cấp không kém, giao dịch phổ cập bằng tiếng Anh, bộ máy công lực làm việc rất đắc lực... Xingapo đang phải giải quyết mâu thuẫn giữa lợi ích của dân địa phương với người nhập cư bằng một số hạn chế hoặc thu hẹp quyền lợi cho người nhập cư. Đây là cơ hội để Malaixia thu hút dòng di chuyển văn phòng từ Xingapo sang Kuala Lumpur.

4. Một số bài học tham khảo cho Việt Nam

Hoạt động của PAP thực sự để lại nhiều bài học kinh nghiệm đáng suy ngẫm đối với nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Thứ nhất, bài học về cải cách kinh tế đi liền với cải cách chính trị là cặp phạm trù khách quan, bổ sung cho nhau một cách biện chứng. Xingapo đã thành công về phát triển kinh tế, điều này chứng tỏ giá trị bổ trợ của cải cách chính trị. Sau nửa thế kỷ cầm quyền, với những thành tích đáng khâm phục, hiện nay PAP vẫn phải tiếp tục đổi mới: mở rộng dân chủ, cạnh tranh chính trị công bằng hơn, nâng cao chất lượng đảng viên hơn nữa nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của toàn xã hội, phù hợp với thời cuộc đang thay đổi nhanh chóng. Đây là bài học rất đáng quan tâm đối với Việt Nam trong tiến trình đổi mới chính trị nhằm nâng cao chất lượng Đảng cầm quyền lãnh đạo toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội.

Thứ hai, xây dựng bộ máy hành chính công quyền gọn nhẹ, hiệu quả là yếu tố quan trọng nhất bảo đảm sức mạnh của Đảng cầm quyền. Trong điều kiện Đảng và Nhà nước đang tích cực cải cách theo hướng tinh giản bộ máy, giảm các đầu mối rườm rà, chức năng chồng chéo, thủ tục gây tốn kém và phiền hà, việc xây dựng mô hình quản lý 2 trong 1, Đảng trong chính quyền nên được cân nhắc và có lộ trình thực hiện.

Thứ ba, chống tham nhũng hiệu quả cần ba điều kiện cùng phát huy tác dụng. Khi xây dựng được bộ máy công vụ vì dân, tuân thủ nghiêm quy định luật pháp và xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi tham nhũng, có chính sách thù lao tương xứng với bộ máy công vụ, nạn tham nhũng sẽ được kiểm soát và hạn chế tối đa.

Với quyết tâm sắt đá vì một quốc gia thịnh vượng, phát triển, dân chủ và tiến bộ xã hội, nhất định Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ đưa dân tộc, đồng hành với dân tộc đến vinh quang. Trong quá trình đó, nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm cầm quyền và quản lý nhà nước từ nhiều quốc gia, gồm cả đảo quốc Sư tử là việc nên làm.

KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CẦM QUYỀN, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC Ở HÀN QUỐC TỪ THẬP KỶ 70 CỦA THẾ KỶ XX ĐẾN NAY

NGUYỄN THỊ THẮM*

Trong thời gian từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX đến nay, ở Hàn Quốc đã trải qua nhiều thay đổi sâu sắc về kinh tế, chính trị, xã hội. Trong những năm 1970-1980, Hàn Quốc đã có những bước phát triển vượt bậc về kinh tế với mức tăng trưởng cao, nhanh chóng đưa Hàn Quốc trở thành một "con rồng" châu Á. Trong nửa cuối thập kỷ 80 và thập kỷ 90 của thế kỷ XX, sau khi chế độ quân sự độc tài sụp đổ, nền dân chủ được thực hiện ở Hàn Quốc với sự ra đời và phát triển của các chính quyền dân sự hướng tới tự do, dân chủ và bình đẳng. Từ nửa cuối thập kỷ 1990 và bước sang những năm 2000, Hàn Quốc đã có những bước tiến mạnh mẽ trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa, thông tin hóa và cũng nhanh chóng trở thành một quốc gia được biết đến trên các diễn đàn quốc tế ở nhiều lĩnh vực. Những bước thay đổi mạnh mẽ của Hàn Quốc là kết quả và cũng là yếu tố thúc

* Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

đẩy các đảng cầm quyền, chính quyền Hàn Quốc trau dồi các kinh nghiệm của mình trong lãnh đạo và quản lý nhà nước, nhằm khẳng định vị thế của Đảng cầm quyền, của chính quyền thắng cử, đưa đất nước ngày càng phát triển hơn. Tuy mỗi thời kỳ, với các đòi hỏi cụ thể mỗi đảng cầm quyền có đường lối chính trị khác nhau, mỗi chính quyền Hàn Quốc theo đuổi một kế hoạch và mục tiêu, nhưng những kinh nghiệm bao trùm và có ý nghĩa rất lớn trong lãnh đạo và quản lý nhà nước từ trước đến nay vẫn được coi trọng. Đó là năng lực chuyên môn được đề cao và coi trọng nguyên tắc dân chủ, phân quyền trong thể chế chính trị tam quyền phân lập. Điển hình cho sự coi trọng chuyên môn trong lãnh đạo và quản lý nhà nước được nhìn thấy rõ dưới thời kỳ độc tài của Tổng thống Park Chung-hee. Còn từ thời kỳ dân chủ hóa cuối thập kỷ 1980 đến nay, sự coi trọng nguyên tắc dân chủ, phân quyền ở Hàn Quốc càng được coi trọng và ngày càng hạn chế được những mặt tiêu cực trong quản lý, vận hành hoạt động của Nhà nước. Dưới đây sẽ tập trung làm rõ những kinh nghiệm này của Hàn Quốc trong lãnh đạo của Đảng cầm quyền và quản lý Nhà nước.

1. Trọng dụng đội ngũ trợ lý lãnh đạo là chuyên gia kinh tế, khoa học kỹ thuật

Từ thập kỷ 1960, Tổng thống Park Chung-hee lên nắm quyền và ngày càng tập trung quyền lực vào tay mình. Bước sang thập kỷ 1970, cũng dưới thời Tổng thống Park, các đảng đối lập hầu như bị vô hiệu hóa và quyền lực của Đảng cầm quyền cũng bị Tổng thống chi phối. Cho nên trong thời kỳ này, sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền và quản lý của Nhà nước đều được quyết định cao nhất bởi

Tổng thống Park Chung-hee. Trong bối cảnh các thế lực chính trị đối lập bị đàn áp, các nguyên tắc dân chủ, quản lý, tòa án bị chi phối bởi Tổng thống nên tưởng chừng không có yếu tố nào có thể kiểm soát và quản lý được Tổng thống và bộ máy chính quyền. Thế nhưng chính trong thời kỳ đó, điểm nổi bật và đáng chú ý nhất là các chuyên gia trong các lĩnh vực kinh tế và khoa học kỹ thuật được tôn vinh và được chính quyền trọng dụng, đãi ngộ. Tổng thống Park luôn lắng nghe và hỏi ý kiến các chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực và các chính sách được thực hiện ở Hàn Quốc dưới thời kỳ của ông đã phản ánh tính chuyên môn và tầm nhìn xa cho sự phát triển của đất nước. Bên cạnh Tổng thống, còn có một đội ngũ chuyên gia tư vấn được lựa chọn dựa trên năng lực thực sự.

Với dự án quốc gia là phát triển kinh tế, các quan chức về kinh tế và doanh nhân tài giỏi là đội ngũ tư vấn thân cận của Tổng thống. Những chuyên gia được Tổng thống trọng dụng thường xuyên gặp gỡ để trao đổi là các công chức chuyên môn. Có các công chức chuyên môn kinh tế được đào tạo ở nước ngoài hoặc ở các trường đại học danh tiếng trong nước là những người bên cạnh Tổng thống trong gần 20 năm như Kim Chung-ryum[1], Kim Yong-hwan[2],

1. Thạc sĩ Kinh tế Trường Clark (Mỹ). Các chức vụ dưới thời Park Chung-hee: Phó Giám đốc Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công thương, Trưởng ban Thư ký Tổng thống có thâm niên dài nhất của Hàn Quốc.

2. Cử nhân luật Đại học Seoul, học giả nghiên cứu tại Trường California, tiến sĩ Kinh tế danh dự Đại học Fairleigh Dickinson. Các chức vụ dưới thời Park Chung-hee: Vụ trưởng Quản lý Tiền tệ Bộ Tài chính, Bí thư Ngoại tệ, Bí thư Kinh tế Ban Thư ký Tổng thống, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chang Ye-jun[1], Kim Yong-sik[2], Yoon Joo-yung[3], Shin Jik-su[4],... Họ là những người có 4 lần đảm trách các chức vụ trong hệ thống cơ quan nhà nước như lãnh đạo của Viện Kế hoạch Kinh tế, Ngân hàng Trung ương, Bộ Tài chính... Các doanh nhân của các tập đoàn tư nhân đang phát triển mạnh như Lee Byung-chul[5], Chung Ju-yung[6], Shin Hyun-hwak[7]..., các học giả (không thuộc

---

1. Cử nhân Hành chính học, cử nhân Kinh tế học Đại học Seoul, thạc sĩ kinh tế Trường Vanderbilt (Mỹ). Các chức vụ dưới thời Park Chung-hee: Vụ trưởng Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc, Phó Viện trưởng điều hành Viện Kinh tế Kế hoạch, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công thương.

2. Cử nhân luật Trường Chuo (Nhật Bản). Các chức vụ dưới thời Tổng thống Park Chung-hee: Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Đại sứ Hàn Quốc tại UN, Trợ lý đặc biệt về ngoại giao của Tổng thống, Bộ trưởng Bộ Đất đai.

3. Thạc sĩ Chính trị học Đại học Koryo, Đại học Columbia (Mỹ), Giáo sư Đại học Chungyang. Các chức vụ dưới thời Tổng thống Park Chung-hee: Trưởng phòng Thư ký Chủ tịch Đảng Dân chủ Cộng hòa, Trưởng Ban Thường trực Đảng Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Khanh, Trợ lý truyền thông của Tổng thống, Bộ trưởng Bộ Văn hóa thông tin.

4. Cử nhân Đại học sư phạm Jeonju, cử nhân Đại học Seokyung, tốt nghiệp Trường Bộ binh lục quân, cử nhân Hành chính Đại học Quốc phòng, tiến sĩ luật danh dự Đại học Findlay (Mỹ). Các chức vụ dưới thời Tổng thống Park Chung-hee: Thẩm phán Tòa án Seoul, Phó Cục trưởng Cục Tình báo Trung ương, Chánh án tối cao, Bộ trưởng Bộ Pháp chế, Cục trưởng Cục Tình báo Trung ương.

5. Học dở dang ngành Kinh tế chính trị Đại học Waseda (Nhật Bản), người sáng lập Thương hội Samsung. Các chức vụ dưới thời Tổng thống Park Chung-hee: Chủ tịch Liên hiệp doanh nhân toàn quốc, Tổng Biên tập tờ *Nhật báo Trung ương*, người sáng lập Công ty Samsung điện tử, người sáng lập Công ty Samsung hóa chất.

6. Tốt nghiệp tiểu học, làm thợ sắt, buôn gạo, sáng lập Công ty Hyundai ôtô, Công ty Hyundai xây dựng. Các chức vụ dưới thời Tổng thống Park Chung-hee: Chủ tịch Liên hiệp doanh nhân toàn quốc, Giám đốc Quỹ doanh nghiệp phúc lợi xã hội Asan, Chủ tịch phía Hàn Quốc Ủy ban Hợp tác Kinh tế Hàn - Anh, Chủ tịch Hội Hữu nghị Hàn - Ả rập, Hàn - Phi.

7. Cử nhân luật Đại học Keijo (Nhật Bản), giáo sư tại Đại học Deagu, Bộ trưởng Bộ Phú hưng. Các chức vụ dưới thời Tổng thống Park Chung-hee: Giám đốc Công ty điện lực Donghae, Giám đốc Công ty Sangyong, Bộ trưởng Bộ Phúc lợi xã hội, Phó Thủ tướng phụ trách kinh tế kiêm Viện trưởng (Bộ trưởng) Viện Kinh tế Kế hoạch.

công chức nhà nước) cũng là 1 trong 5 nhóm gặp gỡ trao đổi nhiều nhất với Tổng thống. Tổng thống gần như gặp gỡ các quan chức, chuyên gia kinh tế, học giả hàng đầu thường xuyên, cùng trao đổi và trò chuyện hằng ngày về các mục tiêu và kế hoạch quốc gia.

Trong phát triển kinh tế, nhận thức khoa học kỹ thuật là yếu tố cơ bản để phát triển kinh tế và tự chủ quốc phòng, Tổng thống Park cũng rất coi trọng nhân sự khoa học kỹ thuật. Đặc biệt là kể từ thập kỷ 1970, sau khi Kế hoạch phát triển kinh tế lần thứ hai thành công, Tổng thống Park càng nhận thức rõ hơn và chú trọng hơn cho phát triển khoa học kỹ thuật. Phát triển kinh tế và phát triển khoa học kỹ thuật được xem như là hai mặt của đồng tiền nên để có được năng lực khoa học kỹ thuật và tự chủ kỹ thuật, chính quyền đưa ra chính sách hỗ trợ nghiên cứu cơ bản. Tổng thống Park đã phân công một thư ký thứ hai của Tổng thống chuyên đảm trách lĩnh vực khoa học kỹ thuật gồm mảng xây dựng chính sách và thực hiện chính sách khoa học kỹ thuật. Tổng thống cho thành lập Quỹ Phát triển khoa học kỹ thuật nhằm thành lập và hỗ trợ các viện nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu khoa học kỹ thuật cũng như các trường đại học nghiên cứu khoa học cơ bản. Nhằm phục vụ cho Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ ba với trọng tâm là công nghiệp nặng, hóa chất và xuất khẩu, chính quyền đã thành lập hàng loạt các viện nghiên cứu chuyên môn như Viện Nghiên cứu tàu thuyền, Viện Nghiên cứu điện tử, Viện nghiên cứu máy móc kim loại, Viện Nghiên cứu hải dương, Viện Nghiên cứu hóa học, Khu công nghiệp phát triển nhiên liệu hạt nhân, Viện Nghiên cứu kỹ thuật thông tin... Đặc biệt, Chính phủ áp dụng

chế độ cho phép doanh nghiệp tiết kiệm một phần kinh phí trong doanh thu của mình để phát triển khoa học kỹ thuật. Công ty phát triển khoa học kỹ thuật với chức năng kinh doanh phát triển duy nhất mảng khoa học kỹ thuật được phép thành lập. Đồng thời, Chính phủ đặt ra chế độ "đặc biệt" cho vay phát triển khoa học kỹ thuật thông qua ngân hàng công nghiệp. Sự nhận thức, coi trọng phát triển khoa học kỹ thuật và những thành quả mà chính quyền Tổng thống Park Chung-hee được đánh giá đã làm được hơn một nửa chặng đường phát triển hiện nay của Hàn Quốc[1]. Sự lắng nghe, coi trọng các chuyên gia kinh tế và khoa học kỹ thuật cũng như cách sử dụng nhân sự tư vấn, xây dựng và thực hiện kế hoạch của Tổng thống Park Chung-hee mang tính chuyên môn, hiệu quả và tính tác chiến theo phong cách cầm quân của một tướng lĩnh quân đội.

2. Các đơn vị nghiên cứu chuyên môn ngoài nghiên cứu khoa học, nghiên cứu chính sách còn có quyền phân bổ ngân sách liên quan

Ngoài đội ngũ chuyên gia thân cận như đội ngũ thư ký kinh tế và khoa học kỹ thuật, nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội cũng như nghiên cứu phát triển các kỹ thuật mới, nghiên cứu kiến tạo tương lai cũng được chính quyền Park Chung-hee coi trọng. Các viện nghiên cứu chuyên môn về lĩnh vực nào đó thường ngoài chức năng

1. Xem Kim Dong-hyun, Choi Hyun-hong: "Quá trình hình thành chính sách khoa học kỹ thuật của Hàn Quốc" (한국과학기술정책의형성과정), Viện Nghiên cứu Quản lý chính sách khoa học kỹ thuật, 1997, tr.29.

nghiên cứu còn có chức năng tư vấn và có tiếng nói mang tính quyết định trong việc lựa chọn nhân sự, tổ chức, ngân sách... liên quan. Do đó, các nhà khoa học nghiên cứu tại các viện này không chỉ có tiếng nói về mặt khoa học mà còn được xã hội, doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước nể trọng. Đối với nhà nghiên cứu có năng lực được trở thành thành viên của các viện nghiên cứu trực thuộc Tổng thống, chính quyền Park Chung-hee cũng có chế độ đãi ngộ đặc biệt như chế độ lương bổng ở bậc lương cao nhất, được cấp biệt thự riêng cho gia đình và chế độ phúc lợi tốt nhất. Có thể kể đến các viện trực thuộc Tổng thống như Viện Kế hoạch Kinh tế (EPB), Viện Nghiên cứu Phát triển Hàn Quốc (KDI), Viện Khoa học kỹ thuật Hàn Quốc (KIST), Viện Nghiên cứu Văn hóa tinh thần Hàn Quốc (nay là Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương - AKS). Các viện này đều có ngân sách quốc gia phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, dự án, chính sách liên quan.

- *Viện Kế hoạch Kinh tế* (EPB, 1961), vừa xây dựng chính sách, vừa phân bổ quản lý ngân sách quốc gia cho các bộ, ngành, hầu như nắm các quyền lực quan trọng trong Chính phủ. Đây là cơ quan được Tổng thống trọng dụng, có quyền lực cao và được xem là nơi "vừa đánh trống, vừa thổi còi" có quyền lực cao nhất và tổng thể nhất về lĩnh vực kinh tế. Người đứng đầu EPB ban đầu có chức vụ hàm Bộ trưởng, sau đó từ năm 1963 được nâng lên hàm Phó Thủ tướng dưới chính quyền Park Chung-hee. Đây là nơi xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế 3 năm, điều hành, phân phối, điều tra, thống kê, phân tích, đánh giá, quản lý điều phối tổng thể về cơ cấu, nhân lực, tài chính... nhằm thực hiện kế hoạch đạt được mục tiêu đề ra. Cục Thống kê của EPB là nơi mua và sử dụng máy tính đầu tiên của Hàn Quốc. Đến những năm

1994-1998, các bộ phận chức năng di chuyển về các bộ, ngành và giải thể.

- *Viện Khoa học kỹ thuật Hàn Quốc (KIST, 1966)*, là viện nghiên cứu khoa học đầu tiên được thành lập ở Hàn Quốc, nghiên cứu tổng hợp về khoa học kỹ thuật, là viện nghiên cứu đầu ngành ở Hàn Quốc về các kỹ thuật chiến lược của quốc gia. Sau gần 5 năm xây dựng, từ đầu thập kỷ 1970, KIST được trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống phòng nghiên cứu hiện đại với các nhà khoa học hàng đầu của Hàn Quốc. Đây là dự án thành công và lớn nhất của Kế hoạch phát triển 5 năm lần thứ hai. KIST có bộ phận nghiên cứu khoa học kỹ thuật sáng tạo tương lai và hàng chục bộ phận nghiên cứu khác. KIST có chức năng nghiên cứu và hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật cho các đơn vị dưới sự chỉ đạo của quốc gia và là một trong những nơi được Bộ Quốc phòng bảo vệ chặt chẽ ở mức cao nhất. Từ thập kỷ 1980, KIST có chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và liên thông.

- *Viện Nghiên cứu Phát triển Hàn Quốc (KDI, 1971)* được thành lập với chức năng là cơ quan nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch phát triển 5 năm mà chủ yếu là các chính sách kinh tế một cách khả thi và hệ thống. KDI cũng là cơ quan nghiên cứu các kế hoạch ngắn hạn nhằm đạt được các mục tiêu dài hạn, hợp tác với EPB trong việc xây dựng các kế hoạch 3 năm. KDI nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực tiễn của Hàn Quốc không chỉ về kinh tế như tiền tệ, công nghiệp, thương mại, mà còn về cả chế độ phúc lợi xã hội như bảo hiểm tai nạn công nghiệp, bảo hiểm nghề nghiệp, phụ cấp nghỉ việc, lương hưu, nghèo đói... cũng như so sánh với các nước tiên tiến để tìm ra phương hướng chính sách cho Hàn Quốc cũng như các tiêu chí phát triển một cách có hệ thống. Hiện nay, KDI có Trường Cao

học quốc tế kết hợp nghiên cứu và đào tạo cao học cho sinh viên quốc tế và trong nước.

- *Viện Nghiên cứu Văn hóa tinh thần Hàn Quốc (AKS, 1978*; nay là Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương - *Academy for Korean Studies*) là viện nghiên cứu tinh túy văn hóa của Hàn Quốc nhằm trau dồi giá trị lịch sử, tự chủ, xây dựng hệ thống giá trị lành mạnh, giáo dục tinh thần cho nhân dân hướng tới xây dựng một nền văn hóa dân tộc trong bối cảnh công nghiệp hóa nhanh chóng và ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa phương Tây. AKS được thành lập, hỗ trợ và phát triển bởi ngân sách quốc gia (Viện trưởng có chức vụ hàm Bộ trưởng). Từ năm 1980, AKS thành lập Trường Cao học Hàn Quốc học nhằm bồi dưỡng, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Tại các viện nghiên cứu chuyên môn có chức năng nghiên cứu cơ bản và tư vấn chính sách cho Tổng thống như các viện nêu trên thường có phòng ngủ và phòng làm việc dành riêng cho Tổng thống. Những lúc cần trao đổi, bàn bạc chính sách, Tổng thống có thể gọi các chuyên gia vào Phủ Tổng thống nhưng Tổng thống cũng thường xuyên xuống các viện, cùng làm việc, trao đổi và nghỉ lại tại các viện này.

3. Coi trọng tín nhiệm, nguyên tắc dân chủ, phân quyền

Sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền Hàn Quốc kể từ khi dân chủ hóa được thực hiện từ sau năm 1986 trở nên ngày càng linh hoạt. Hàn Quốc là một quốc gia có chế độ chính trị dân chủ tự do, đa đảng. Nhưng nếu là Đảng cầm quyền thì chỉ có hai đảng chính là Đảng Dân chủ và Đảng Dân chủ

Cộng hòa với hai trường phái chính trị và phương thức lãnh đạo khác nhau rất rõ rệt. Tuy vậy, sự lãnh đạo và chi phối trực tiếp của Đảng cầm quyền đối với Tổng thống và bộ máy chính quyền ngày càng mang tính gián tiếp và linh hoạt hoặc thông qua các hoạt động chính thức tại Quốc hội. Các đảng cầm quyền Hàn Quốc đều có quy định chủ tịch đảng từ khi ra tranh cử Tổng thống thì người đó phải từ chức các chức vụ trong Đảng nên Tổng thống chỉ có vai trò về mặt tinh thần. Trên danh nghĩa, Tổng thống là người phải đưa đường lối, chính sách của Đảng vào trong việc điều hành Chính phủ cũng như có những góp ý về mặt chiến lược, đường lối cho Đảng và nhận sự ủng hộ của Đảng trong điều hành quản lý nhà nước. Nhưng nếu giữa Đảng cầm quyền, Tổng thống và chính quyền đương nhiệm bất hòa, Tổng thống có thể quy tụ và thành lập một đảng mới hoặc Đảng cầm quyền cũng có thể không tín nhiệm, không bỏ phiếu thông qua các quyết sách của Tổng thống và chính quyền tại Quốc hội.

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền, việc bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo chủ chốt ở các cấp địa phương rất quan trọng và ở Hàn Quốc ngoài năng lực, sự đóng góp đối với Đảng... thì tín nhiệm của người được cân nhắc cũng rất được coi trọng. Và người cầm cân nảy mực về nhân sự này thuộc về Trung ương Đảng nên việc lựa chọn cán bộ chủ chốt ở Trung ương Đảng được quy định khắt khe. Đối với các cán bộ chủ chốt cấp Trung ương Đảng, việc lựa chọn để bổ nhiệm được Đại hội Đảng toàn quốc, đảng viên chủ chốt, đảng viên thông thường và nhân dân bầu chọn dựa trên kết quả tổng hợp: Kết quả bầu cử trong Đại hội Đảng toàn quốc và kết quả bầu cử của các đảng viên chủ chốt hoặc đảng viên trách

nhiệm[1] (không dưới 70% phiếu hợp lệ); Kết quả điều tra trong đảng viên thông thường (đối tượng điều tra không bao gồm các thành phần của Đại hội Đảng toàn quốc và đảng viên chủ chốt) và kết quả điều tra dư luận nhân dân (không quá 30% phiếu bầu hợp lệ). Các cán bộ chủ chốt phụ trách lĩnh vực nào thì người bầu chọn thuộc lĩnh vực đó. Ví dụ, trong Đại hội Đảng toàn quốc tiến hành bầu cử thì Ủy viên tối cao phụ trách thanh thiếu niên do các đảng viên là thanh thiếu niên và các đảng viên phụ trách thanh thiếu niên trong Đại hội bỏ phiếu, Ủy viên tối cao phụ trách phụ nữ thì do các đảng viên là phụ nữ và phụ trách phụ nữ trong Đại hội bỏ phiếu, Ủy viên tối cao phụ trách người già thì do các đảng viên là người già và phụ trách người già trong Đại hội bỏ phiếu... Đối với người đại diện Đảng (Chủ tịch Đảng), khi tranh cử chức vụ này thường có thời gian vận động tranh cử và đưa ra chính sách, chương trình hoạt động riêng của mình. Không có quy định khác nào cho ứng cử viên Chủ tịch Đảng được đưa ra bỏ phiếu, hoàn toàn dựa vào uy tín và năng lực phát triển đảng và sự cạnh tranh trên chính trường, khả năng chiến thắng trước các đảng khác trong các cuộc bầu cử quan trọng như bầu cử Tổng thống, bầu cử Quốc hội... Trong nhiệm kỳ, hoạt động của Đảng không hiệu quả hoặc cá nhân Chủ tịch Đảng có sai sót dẫn tới không còn được đảng viên và nhân dân ủng hộ, tỷ lệ tín nhiệm đảng thấp, có ít đại biểu trong Quốc hội... so với kế hoạch thì bản thân người

1. Đảng viên chủ chốt hoặc đảng viên trách nhiệm là đảng viên do đảng tỉnh, thành phố hoặc đảng trung ương quản lý, hoạt động đảng và nộp đảng phí (ở Hàn Quốc đảng viên thông thường không phải nộp đảng phí).

đứng đầu cũng như các cá nhân có trách nhiệm tự nguyện từ chức. Nếu không từ chức thì những người không ủng hộ trong Đảng sẽ xin ra khỏi Đảng và nếu không có thay đổi thì sẽ dẫn tới sự sụp đổ của Đảng đó. Đến nay, ở Hàn Quốc đã có hơn 400 đảng từng tồn tại và hoạt động.

Sự quản lý, vận hành của Nhà nước Hàn Quốc ngày càng coi trọng nguyên tắc dân chủ, phân quyền. Nhà nước Hàn Quốc là nhà nước pháp quyền với thể chế tam quyền phân lập. Tổng thống là nhà lãnh đạo Nhà nước, đại diện cho Nhà nước trong các mối quan hệ đối nội và đối ngoại. Tổng thống có trách nhiệm bảo đảm nền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Hiến pháp, phát triển đất nước, thống nhất bán đảo Triều Tiên, chỉ huy các lực lượng vũ trang và có quyền tuyên bố chiến tranh. Trên cương vị là nhà lãnh đạo nhà nước tối cao, Tổng thống ký các luật được Quốc hội thông qua và ban bố các văn bản dưới luật để thi hành. Tổng thống có toàn quyền chỉ đạo Hội đồng Nhà nước và một số cơ quan hành pháp và tư vấn. Tổng thống có quyền bổ nhiệm các chức vụ quan trọng trong hệ thống công chức và bổ nhiệm Thủ tướng cũng như các bộ trưởng. Quốc hội có quyền bãi miễn tạm thời Tổng thống và Tổng thống bị chính thức bãi miễn khi Tòa án tối cao chấp thuận.

Thủ tướng Hàn Quốc do Tổng thống bổ nhiệm và được Quốc hội thông qua. Thủ tướng quản lý các bộ, điều hành các cơ quan, tổ chức liên quan dưới sự chỉ đạo của Tổng thống. Thủ tướng có quyền tham mưu cho Tổng thống trong việc bổ nhiệm và bãi miễn các thành viên Hội đồng Nhà nước. Thủ tướng còn có quyền thay mặt Tổng thống để giải quyết các sự vụ được Tổng thống ủy nhiệm như quyền ban hành một số sắc lệnh. Thủ tướng không có nhiệm kỳ, tùy theo tình hình

mà có thể được bổ nhiệm và bãi miễn. Nếu như quyền lực tập trung vào người đứng đầu và cơ quan trung ương dưới thời độc tài thì kể từ khi thực hiện dân chủ hóa vào năm 1986 đến nay, sự phân quyền cho các địa phương và xã hội dân sự ngày càng mạnh mẽ. Bộ máy hành chính của chính quyền địa phương theo Hiến pháp được giao quyền tự trị, tự quản theo chế độ phân quyền, nhưng đến năm 1995 mới được thực hiện qua bầu cử chính quyền địa phương trên khắp toàn quốc. Cuộc bầu cử chính quyền tự quản địa phương lựa chọn Chủ tịch tỉnh, Chủ tịch thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục tỉnh, thành, Hội đồng nhân dân... Các thành phố đặc biệt có quyền tự trị, tự quản cao như thủ đô Seoul, thành phố Busan, Daegu, Incheon, Gwangju, Daejeon, Ulsan và Sejong. Sự tham gia của người dân và đoàn thể xã hội tự nguyện vào việc tư vấn, xây dựng chính sách, thực hiện và quản lý nhà nước ngày càng được mở rộng. Ví dụ, trong cải cách giáo dục hay thay đổi sách giáo khoa, Hội đồng cải cách phải có thành phần đại diện của phụ huynh và đại diện học sinh. Sự tham gia của toàn xã hội, sự tương tác qua lại giữa chính quyền và người dân trong quản lý nhà nước được coi trọng và được nâng cao từ chính quyền có tên gọi là chính quyền Tham gia của Tổng thống Roh Moo-hyun.

Có thể nói rằng, từ thập kỷ 1970 đến nay là một hành trình dài của Hàn Quốc không chỉ về mặt thời gian, mà còn về những bước phát triển và thành quả mà quốc gia này đã đạt được. Những kinh nghiệm trong lãnh đạo của Đảng cầm quyền, kinh nghiệm quản lý của Nhà nước ở Hàn Quốc trong thời gian đó đã đúc rút được những kinh nghiệm quý báu không những phải trả bằng vật chất, mà còn phải trả bằng sinh mạng của người dân, sự nghiệp chính trị của những

người đứng đầu cũng như sự tồn vong của các đảng phái. Tuy Hàn Quốc khác với Việt Nam về mặt thể chế chính trị nhưng những mục tiêu mà quốc gia này đã từng phấn đấu và đạt được trong thời gian qua có nhiều điểm tương đồng với những mục tiêu mà chúng ta đang hướng tới. Do đó, những kinh nghiệm của Hàn Quốc có ý nghĩa tham khảo rất lớn đối với Việt Nam. Đó là, trong lãnh đạo hay trong quản lý, Đảng cầm quyền cũng như Nhà nước cần coi trọng nhân tố con người có năng lực chuyên môn và uy tín, phát triển khoa học cơ bản và phát triển kỹ thuật mũi nhọn theo thế mạnh của riêng mình, bảo đảm nguyên tắc dân chủ, phân quyền và coi trọng sự tham gia tự nguyện của người dân trong mọi công tác của Nhà nước và của Đảng cầm quyền.

PHẦN THỨ BA

THỰC TIỄN ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

PGS.TS. ĐINH XUÂN THẢO*

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng là một trong những nội dung rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng hiện nay, nhằm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức.

Qua hơn 30 năm đổi mới, xây dựng và trưởng thành, Đảng ta đã không ngừng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị và đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ. Bài viết dưới đây sẽ tập trung phân tích, làm rõ những thành tựu, hạn chế trong nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Từ đó, đúc rút những bài học kinh nghiệm cho quá trình củng cố, xây dựng Đảng trong tình hình mới hiện nay.

---

* Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Thực tiễn đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị

1.1. Những thành tựu trong việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị

Qua hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta rất coi trọng việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị mà trọng tâm là với Nhà nước. Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết về đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X; các Văn kiện Đại hội của Đảng đều đề cập đến nhiệm vụ, yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Chẳng hạn, Văn kiện Đại hội XII của Đảng khẳng định: "Nâng cao hiệu quả thực hiện và tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước"[1]; đã ngày càng nhận thức rõ hơn mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng với các tổ chức chính trị - xã hội, xác định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của Đảng và thẩm quyền, trách nhiệm của Nhà nước.

Trong thực tiễn, Đảng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, với chính quyền địa phương các cấp; vừa giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy được vai trò, tính chủ động sáng tạo, chức năng nhiệm vụ các tổ chức này, giảm bớt được sự

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.214.

chồng chéo, "lấn sân" giữa các tổ chức đảng với các tổ chức của Nhà nước.

Phương thức lãnh đạo của Đảng được xác lập phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng nhánh quyền lực (lập pháp - hành pháp - tư pháp); phù hợp với các cấp chính quyền (Trung ương - địa phương); phù hợp với nguyên tắc hiệp thương dân chủ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Phương thức lãnh đạo của Đảng được đổi mới theo hướng dân chủ và pháp quyền, nghĩa là Đảng tôn trọng các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tôn trọng Hiến pháp và pháp luật. Đảng lãnh đạo nhưng không áp đặt mà trên cơ sở dân chủ, phát huy dân chủ trong thảo luận, trao đổi nhằm tạo ra sự thống nhất chung. Đảng lãnh đạo trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, như quy định tại Điều 4 Hiến pháp năm 2013: "Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật"[1].

Đảng xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của các cấp ủy; ban hành nhiều quy chế, quy định về quan hệ giữa cấp ủy, các tổ chức đảng, cơ quan đảng với các tổ chức, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng, tổ chức ký kết quy chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Đảng coi trọng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị nhằm chống tiêu cực, quan liêu, tham nhũng, "lợi ích nhóm", suy

---

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.10.

thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đảng xác định ngày càng rõ hơn trách nhiệm tập thể và cá nhân trong lãnh đạo, nhất là trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước, đoàn thể.

Đảng coi trọng xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, hệ thống chính trị, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan đảng, đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng.

Có thể nói, trong thời gian qua, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, mà trọng tâm là đối với Nhà nước và các bộ phận khác trong hệ thống chính trị đã có những đổi mới quan trọng. Thông qua các nghị quyết của Trung ương cũng như thông qua các tổ chức đảng (Đảng đoàn, Ban Cán sự, cấp ủy) và thông qua các đảng viên hoạt động trong các tổ chức đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đã lãnh đạo các tổ chức nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động theo đúng Cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức.

Đối với hoạt động của Quốc hội, với mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước

trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về "Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020". Theo đó, hoạt động của Quốc hội ngày càng đổi mới, ngày càng dân chủ, thực quyền hơn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội và đại biểu Quốc hội trong việc thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, thu hút sự quan tâm rộng rãi của dư luận xã hội.

Đối với hoạt động của Chính phủ, cùng với các nghị quyết của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08-11-2011 về "Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020", trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn 10 năm tới là: Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công. Theo đó, hoạt động của Chính phủ ngày càng năng động, hiệu lực quản lý, điều hành của Chính phủ ngày càng được nâng cao, phát huy vai trò của một Chính phủ hành động phục vụ nhân dân, kiến tạo phát triển, giảm bớt tình trạng bao biện, làm thay, "lấn sân" giữa Đảng và Chính phủ.

Đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp, với mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ

nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020". Triển khai Nghị quyết này, hoạt động của *Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân* ngày càng có nhiều đổi mới; góp phần bảo đảm cho các cơ quan tư pháp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của người dân, bảo vệ quyền con người, bảo đảm pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh và thống nhất.

Đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội:

Hiện nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã và đang tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị khóa XI về giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và đạt được nhiều kết quả tích cực, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, tạo đồng thuận xã hội, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị vững mạnh. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, tiếp tục đề ra giải pháp về phát huy vai trò của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền;

phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, của nhân dân, báo chí và công luận trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng đa dạng, năng động, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên, tăng cường đồng thuận xã hội, phát huy chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Những thành tựu nêu trên bắt nguồn từ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, từ những thành tựu trong công cuộc đổi mới đất nước. Đó chính là cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc bảo đảm cho quá trình đổi mới đúng hướng, hiệu quả phương thức lãnh đạo của Đảng. Thành tựu đạt được gắn liền với tư duy sáng tạo, quyết tâm chính trị cao, nhãn quan chính trị sắc bén của Đảng, trực tiếp là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

1.2. Những hạn chế trong việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị

Bên cạnh những thành tựu đạt được như trên thì thời gian qua "việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm, nhất là việc cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có những nội dung còn lúng túng... Tình

trạng nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít chậm được khắc phục”[1].

Vẫn còn tình trạng cấp ủy bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị trên một số lĩnh vực. Một số nội dung cơ bản về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; về mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, về quyền làm chủ của nhân dân, nhất là quyền làm chủ trực tiếp... còn chậm được ban hành, cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện.

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trước hết là do bản thân việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế... là vấn đề khó, mới mẻ, chưa có tiền lệ, đòi hỏi phải tìm tòi, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm. Mặt khác, phương thức lãnh đạo của Đảng kéo dài nhiều năm trong thời kỳ chiến tranh chống ngoại xâm và thời kỳ thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp vẫn còn ảnh hưởng đến nay. Đồng thời còn do những hạn chế, khuyết điểm trong công tác tổ chức, cán bộ, trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về hệ thống chính trị, những chậm trễ trong đổi mới chính trị và hệ thống chính trị... Bên cạnh đó, bối cảnh quốc tế ngày càng phức tạp, diễn biến khó lường với nhiều xu hướng và mâu thuẫn mới, nhiều vấn đề mới nảy sinh. Sự nổi lên của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr. 197.

thực dụng, chủ nghĩa cường quyền áp đặt trong quan hệ quốc tế. Cục diện thế giới có nhiều thay đổi, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều biểu hiện mới, những xung đột vũ trang, những điểm nóng trên thế giới chưa được hạ nhiệt. Trong thời gian gần đây, tình hình thế giới rất khó dự báo, khó đoán định, gây nhiều bất ổn, lo âu cho các nước; tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông vẫn diễn biến phức tạp. Kinh tế toàn cầu phát triển không ổn định, gặp nhiều rủi ro, thị trường tài chính - tiền tệ biến động khó lường, xu hướng bảo hộ mậu dịch tăng lên. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được đẩy mạnh, kinh tế tri thức, công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Những yếu tố này đã và đang tác động không nhỏ đến từng đảng viên, từng tổ chức đảng và Đảng ta. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho quá trình đổi mới gặp nhiều khó khăn và giới hạn.

2. Một số kiến nghị nhằm tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị

2.1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là đối với Nhà nước

Theo đó, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong đẩy mạnh cải cách lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền đồng bộ cả trong lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013, bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Lãnh đạo Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao, nhất là đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn nhân lực của đất nước. Gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động giám sát của Quốc hội với công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội. Lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính kiến tạo, dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Đổi mới, kiện toàn, tổ

chức tòa án theo thẩm quyền xét xử; bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, đương sự. Thực hiện đầy đủ quyền công tố trong hoạt động điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước: Đảng tập trung lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương; xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Tiếp tục hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ thêm trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan hành chính. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chính phủ sớm xây dựng chính sách để sử dụng, trọng dụng nhân tài. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gắn với thực hành tiết kiệm trong cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, thực hiện thí điểm hợp nhất một số cơ

quan Đảng và Nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương quản lý biên chế thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị. Khẩn trương tinh giản tổ chức, bộ máy, gắn với tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Thực hiện đồng bộ mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân các cấp. Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ mới.

2.2. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc đổi mới, hoàn thiện pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Xác định rõ hơn và thực hiện đúng tiêu chí, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất, năng lực để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bầu giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Thường xuyên đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Tăng cường lãnh đạo, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nội dung hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đa dạng hóa hình thức tổ chức và hoạt động; phát huy tính năng động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức

chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động nhân dân; đại diện, chăm lo lợi ích, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và hệ thống chính trị. Tăng cường lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, cán bộ, đảng viên, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Khắc phục tình trạng quan liêu hóa, hành chính hóa hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện, xác định rõ và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện tốt quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội; quan hệ giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc với đảng đoàn các tổ chức thành viên. Phân biệt rõ hơn nguyên tắc hiệp thương chính trị trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động của đảng đoàn và sinh hoạt Đảng của đảng viên ở Mặt trận Tổ quốc. Tăng cường sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng đoàn Mặt trận đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục, giải thích rõ quan điểm, đường lối của Đảng để tạo sự thống nhất cao trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo nguyên tắc tập trung dân chủ; đồng thời, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2.3. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Sự đúng đắn về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước là điều kiện tiên quyết để giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Tiếp tục mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên, nhân dân tham gia đóng góp xây dựng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nghiên cứu, nhà khoa học trong tham mưu, tư vấn, đề xuất, cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng, Nhà nước xây dựng, ban hành đường lối, chính sách, pháp luật. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực hiện công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Từng bước làm sáng tỏ thêm mục tiêu, mô hình, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng, Nhà nước bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách, pháp luật. Nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ của cán bộ, đảng viên trong xây dựng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của Nhà nước trong quán triệt, cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật của Nhà nước. Tăng cường sự lãnh đạo, định hướng, cho ý kiến chỉ đạo của Đảng đối với việc xây dựng, ban hành pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm thực

hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đúng chức năng giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.4. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng

Trước hết, cần thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng, hoạt động và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng quy chế thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong đổi mới và thực hiện phương thức lãnh đạo của Đảng. Phát huy dân chủ trong Đảng phải luôn gắn liền với giữ vững, củng cố tập trung, đoàn kết, thống nhất, tăng cường kỷ luật trong Đảng. Khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, chuyên quyền, độc đoán, dân chủ hình thức, vô tổ chức, vô kỷ luật, phân tán, cục bộ địa phương, lợi ích nhóm.

Thực hiện nghiêm chế độ thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nghiêm quy chế hoạt động của cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng. Xác định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng từ Trung ương đến cơ sở; chức trách, nhiệm vụ của từng thành viên trong cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, đặc biệt là chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp ủy, tổ

chức đảng với người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Giữ vững và kết hợp chặt chẽ giữa sự lãnh đạo của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với cá nhân phụ trách; phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Quy định rõ hơn thẩm quyền và trách nhiệm của ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy các cấp. Kết hợp chặt chẽ giữa sự lãnh đạo, quản lý tập trung, thống nhất của Trung ương với đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, phát huy quyền chủ động, sáng tạo gắn liền với đề cao trách nhiệm của địa phương. Khắc phục tình trạng buông lỏng lãnh đạo, bao biện, làm thay, trông chờ, ỷ lại, đùn đẩy, trốn tránh trách nhiệm, tranh công, đổ lỗi, thành tích thuộc về cá nhân, sai lầm, khuyết điểm thuộc về tập thể.

Cơ quan lãnh đạo, cơ quan tham mưu của Đảng ở tất cả các cấp đều phải xây dựng và thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch, quy chế làm việc. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, quy chế làm việc của từng cơ quan lãnh đạo, tham mưu của Đảng. Xác định, lựa chọn chính xác, kịp thời những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn cụ thể, tập trung lãnh đạo giải quyết dứt điểm những vấn đề cơ bản, cấp thiết, trọng tâm, trọng điểm. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, khắc phục những thủ tục rườm rà, bất hợp lý, giảm hội họp.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cách ra nghị quyết, chỉ thị và việc quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cơ sở chỉ ra nghị quyết, chỉ thị khi thật cần thiết, không ra quá nhiều nghị quyết, chỉ thị ở một nhiệm kỳ và ở một hội nghị Ban Chấp hành Trung ương. Nghị quyết, chỉ thị của các cơ

quan lãnh đạo của Đảng cần ngắn gọn, đủ, rõ chủ trương, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phân công thực hiện rõ người, rõ việc, rõ thời gian hoàn thành; rút ngắn thời gian nghiên cứu, quán triệt, cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở. Các cơ quan lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải xây dựng phong cách làm việc khoa học, khách quan, tôn trọng sự thật, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng cần dành nhiều thời gian cho học tập, nghiên cứu lý luận; đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị và tổng kết thực tiễn, gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với đảng viên và nhân dân.

2.5. Tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị (trong đó có lý luận về Đảng cầm quyền); về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của các cơ quan, thiết chế Nhà nước (Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp); về vấn đề phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp...

2.6. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI và Hội nghị Trung ương 4 khóa XII. Phải kiên quyết đấu tranh, phòng, chống, đẩy lùi, ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đảng viên muốn là người lãnh đạo phải gương mẫu trước quần chúng, có lập trường chính trị vững vàng, có

đạo đức trong sáng, có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ, không mắc phải chủ nghĩa cá nhân, "lợi ích nhóm"..., không rơi vào suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Muốn vậy, các cấp ủy, tổ chức đảng phải tăng cường giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên.

Tóm lại, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng là công việc hệ trọng, đòi hỏi các cấp phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao; đồng thời, cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, sát với đặc điểm, nhiệm vụ lãnh đạo của từng cấp, từng ngành và từng địa phương.

ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRONG ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN*

"Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức"[1]. Trong Nhà nước ấy, "Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên"[2].

Bài viết này tập trung trình bày về thực trạng thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước, mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động

---

* Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd,* tr.171.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd,* tr. 88.

quản lý của Nhà nước trong hệ thống chính trị, từ đó đề xuất, kiến nghị giải pháp phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

1. Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý trong xã hội

Trong thời đại ngày nay, ở bất kỳ quốc gia nào, đứng đằng sau Nhà nước dường như là một hoặc nhiều đảng chính trị. Có nghĩa là, trong tất cả các quốc gia đều tồn tại mối quan hệ giữa Nhà nước với các đảng chính trị, trước hết là Đảng cầm quyền, Đảng nắm chính quyền, sử dụng chính quyền để thực thi quyền lực chính trị, hướng tới thỏa mãn những lợi ích của các lực lượng mà Đảng đại diện; trong mối quan hệ này, Đảng nắm quyền lãnh đạo Nhà nước. Bản chất của việc Đảng cầm quyền lãnh đạo Nhà nước thể hiện ở chỗ Đảng trở thành lực lượng chi phối toàn bộ phương hướng hoạt động, chính sách của chính quyền nhà nước và đời sống xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với Nhà nước là lãnh đạo chính trị, quyết định phương hướng chính trị của Nhà nước. Cách thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với Nhà nước trong thực tiễn thường được thực hiện chủ yếu thông qua cương lĩnh, đường lối của Đảng cầm quyền cũng như số lượng, vị trí nhân sự của Đảng trong cơ cấu nhà nước và đặc biệt là vai trò của các nhà lãnh đạo chính trị trong Nhà nước là đảng viên của Đảng cầm quyền chịu sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền.

Trong Nhà nước pháp quyền, Nhà nước chịu sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền thông qua nhiều hình thức và cơ chế khác nhau. Đảng cầm quyền ở các quốc gia tư sản thực hiện sự kiểm soát trên các phạm vi quyền lực nhà nước. Chẳng

hạn, mặc dù tòa án độc lập, xét xử theo luật nhưng ở nơi nào các thẩm phán được lựa chọn thông qua bầu cử thì Đảng chính trị quyết định việc chọn ứng cử viên và bảo đảm sự ủng hộ của các cử tri. Ở nơi nào, các thẩm phán được bổ nhiệm thì Đảng cầm quyền có thể tác động đến người đứng đầu hành pháp - người có quyền bổ nhiệm thẩm phán và đạt được sự phê chuẩn của thượng viện. Việc giành lấy cơ quan lập pháp và các vị trí bầu cử trong nhánh hành pháp được thực hiện thông qua hệ thống bầu cử, ở đó Đảng duy trì và nắm chắc quy trình bổ nhiệm và phương pháp bỏ phiếu kín...

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là một tất yếu lịch sử và tất yếu khách quan. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền đối với xã hội và Nhà nước không những không mâu thuẫn với bản chất của Nhà nước pháp quyền, mà nó còn là điều kiện có ý nghĩa tiên quyết đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, chịu sự giám sát của nhân dân và sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng như các tổ chức thành viên của Mặt trận. Ở Việt Nam hiện nay, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là điều kiện quan trọng nhất, cơ bản nhất đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích: (i) Duy trì và bảo đảm bản chất dân chủ của Nhà nước

Việt Nam, bảo đảm để Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; (ii) Xây dựng được chính quyền vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả, trong đó có việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội đã được khẳng định trên cơ sở lý luận, thực tế lịch sử và pháp lý. Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: "Đảng Cộng sản Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội".

Đảng lãnh đạo Nhà nước là lãnh đạo về mặt chính trị (thông qua đường lối, thể chế hóa đường lối, bằng công tác tổ chức cán bộ...). Sự lãnh đạo của Đảng với xã hội thực hiện gián tiếp qua vai trò quản lý của Nhà nước, do đó Đảng không có quyền lực nhà nước, không có chức năng cai trị, chức năng của cơ quan công quyền. Nhà nước quản lý xã hội nhân danh chính mình, thực hiện quyền lực nhà nước, trực tiếp quản trị, cai trị xã hội. Thiếu sự phân định giữa chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước là một biểu hiện của việc thiếu dân chủ (nghĩa là yếu tố nhân dân làm chủ cũng không được bảo đảm), sẽ dẫn đến những hạn chế lớn trong hoạt động của toàn hệ thống chính trị. "Sự lẫn lộn, nhập cục một cách chủ quan giữa chức năng của Đảng và chức năng của Nhà nước đã làm cho Đảng yếu, Nhà nước non kém, Đảng không phát huy được chức năng vốn có của mình, còn Nhà nước rơi vào tình trạng thụ động, quan liêu, xa rời thực tế, quyền lợi của nhân dân trở thành hình thức"[1].

---

1. Nguyễn Thế Kiệt: "Mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí *Triết học*, số 6-2006, tr. 6.

Ranh giới giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước chỉ là tương đối, có nghĩa rằng trong sự lãnh đạo của Đảng có yếu tố quản lý và trong quản lý của Nhà nước chứa đựng cả sự lãnh đạo. Nhưng nội hàm các hoạt động này đối với Đảng và Nhà nước là khác nhau (cả về nội dung và phạm vi). "*Trong lãnh đạo bao hàm sự quản lý và thông qua quản lý để lãnh đạo*"[1]. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện thông qua nội dung và phương thức lãnh đạo. Nội dung lãnh đạo của Đảng là những vấn đề, những nhiệm vụ của Đảng cần phải làm và được xác định ở mục tiêu trong các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng nhằm thực hiện nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Còn phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống những phương pháp, hình thức, cách thức Đảng tác động vào Nhà nước (đối tượng bị lãnh đạo) để hiện thực hóa ý chí của Đảng thể hiện trong nội dung lãnh đạo của Đảng. Hai yếu tố này là biểu hiện của sự lãnh đạo của Đảng; chúng có liên hệ mật thiết và biện chứng nhau. Nội dung lãnh đạo tương đối ổn định và quyết định phương thức lãnh đạo của Đảng; nhưng khi phương thức lãnh đạo không còn phù hợp, cần thiết phải thay đổi thì chính là xuất phát từ yêu cầu đổi mới của nội dung lãnh đạo và gắn với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử của mỗi giai đoạn.

Có thể thấy, mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là mối quan hệ giữa hai chủ thể trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, vừa mang

---

1. Nguyễn Thế Kiệt: "Mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí *Triết học*, số 6-2006, tr.7.

tính độc lập, vừa mang tính phụ thuộc, giữa hai chủ thể vừa bình đẳng vừa không bình đẳng[1]. Điều đó được thể hiện:

- Nhà nước chịu sự lãnh đạo của Đảng: bảo đảm việc triển khai cương lĩnh, đường lối của Đảng với tính tối thượng của pháp luật, khắc phục tình trạng tuyệt đối hóa một trong hai. Phải có sự phân định rõ chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm của Đảng và Nhà nước; mối quan hệ giữa thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng và Nhà nước;

- Nhà nước chịu sự kiểm soát của Đảng: Đảng thiết kế và tổ chức thực thi các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, buộc quyền lực nhà nước tuân thủ định hướng chính trị của Đảng và biến nó thành thực tiễn điều hành và quản lý của Nhà nước, trở thành một cơ chế để nhân dân kiểm soát hoạt động của Nhà nước.

- Nhà nước quản lý tổ chức và hoạt động của Đảng: các thể chế quy định nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, thẩm quyền, trách nhiệm của Đảng trước Nhà nước phải hợp hiến, hợp pháp, phù hợp ý chí và lợi ích của dân tộc, của nhân dân.

Nội dung lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo chính trị, phương thức lãnh đạo là phương thức dân chủ. Yêu cầu đặt ra trong Đảng lãnh đạo Nhà nước là phải bảo đảm cho tổ chức và hoạt động của Nhà nước theo một hướng chính trị đúng đắn. Hướng chính trị đúng đắn, thiết thực nhất là bảo đảm quyền làm chủ của người dân: chăm lo dân sinh, nâng cao dân trí, bảo đảm dân quyền để thực hiện dân chủ và phát huy quyền làm chủ của người dân. Như vậy, luôn luôn có sự tương quan, tác động và bảo đảm lẫn nhau giữa quyền lãnh đạo của Đảng, quyền quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

---

1. Xem PGS.TS. Trịnh Đức Thảo: "Mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa", *Tlđd,* tr.56-60.

"Đảng và Nhà nước đều hướng đến việc bảo đảm và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Như vậy, có thể hiểu mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự tương tác giữa hai chủ thể Đảng và Nhà nước, trong đó Đảng cầm quyền giữ vai trò lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực hiện chức năng quản lý xã hội. Cả hai cùng hướng đến mục tiêu chung là bảo đảm và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động"[1].

Như vậy, quan hệ của Nhà nước đối với Đảng cầm quyền là mối quan hệ vừa mang tính phụ thuộc, vừa mang tính độc lập. Tính phụ thuộc trong mối quan hệ giữa Nhà nước với Đảng được xác định, bởi vai trò lãnh đạo và địa vị cầm quyền của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà nước, định hướng chính trị cho tổ chức và hoạt động của Nhà nước, kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước ở các cấp, các ngành. Tính độc lập của Nhà nước trong mối quan hệ với Đảng cầm quyền được xác định trên nhiều phương diện với các biểu hiện đa dạng, phong phú bởi vì, Nhà nước là một tổ chức công quyền, trong ý nghĩa là một hình thức tổ chức quyền lực của nhân dân; do nhân dân tự tổ chức thành.

2. Thực trạng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua hơn 30 năm đổi mới

2.1. Những thành tựu

Thứ nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ

1. PGS.TS. Trịnh Đức Thảo: "Mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa", *Tlđd*, tr.58.

những quan điểm, phương hướng, nội dung cơ bản nhằm xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đảng đã đề ra định hướng chính trị đúng đắn cho hoạt động của Nhà nước; đồng thời, Đảng lãnh đạo hoạt động bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc lựa chọn các đại biểu xứng đáng vào các cơ quan này.

Thứ hai, chất lượng lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được nâng cao. Tình trạng Đảng bao biện, làm thay Nhà nước đã giảm đáng kể. Tăng cường dân chủ hóa phương thức lãnh đạo của Đảng có bước tiến quan trọng đã làm vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững, đồng thời phát huy tốt vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Vì vậy, quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm tốt hơn.

Thứ ba, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng với các thiết chế trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng đầy đủ, rõ ràng hơn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân.

- Về sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội:

Thời gian qua, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội đã từng bước được đổi mới và cụ thể hóa trong nhiều nghị quyết của Đảng, trong quy chế lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và trong thực tiễn thực hiện quan hệ, lề lối làm việc của ban lãnh đạo Đảng đối với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội.

Nội dung lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội: Đảng lãnh đạo, định hướng hoạt động lập hiến, lập pháp; việc xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ; việc ban hành các đạo luật và pháp lệnh. Đảng thông qua các nghị quyết của mình để lãnh đạo, định hướng hoạt động lập pháp về nội dung và chương trình, kế hoạch.

Đảng còn lãnh đạo Quốc hội trong hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và thực hiện chức năng giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Nội dung cơ bản của lãnh đạo Quốc hội thực hiện chức năng giám sát đó là lãnh đạo, chỉ đạo việc khắc phục những thiếu sót của quản lý nhà nước do giám sát phát hiện ra. Giám sát tối cao của Quốc hội chủ yếu tập trung giám sát ở tầng cao nhất của bộ máy nhà nước, nhất là giám sát Chính phủ. Vì thế, giám sát tối cao muốn nâng cao hiệu lực và hiệu quả, thì hậu quả pháp lý của nó phải là các nghị quyết, trong đó xác định trách nhiệm của tổ chức và cá nhân là nội dung quan trọng.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội đã bảo đảm các yêu cầu: (i) Bảo đảm dân chủ trong hoạt động của Quốc hội với tư cách là cơ quan đại diện cho quyền và lợi ích của nhân dân cả nước; (ii) Phát huy được vị trí của Quốc hội với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước cao nhất trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc: quản lý nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; (iii) Lãnh đạo thông qua các chủ trương, chính sách, định hướng lớn để làm cơ sở cho Quốc hội tiến hành các hoạt động của mình nhằm thực hiện chức năng lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; (iv) Lãnh đạo quá

trình xây dựng và tổ chức Quốc hội; (v) Lãnh đạo thông qua Đảng đoàn và các đảng viên là đại biểu Quốc hội.

Thực tiễn cho thấy, sự lãnh đạo của Đảng trong suốt 13 nhiệm kỳ Quốc hội chỉ nhằm đạt đến mục tiêu: *Quốc hội thật sự đại biểu cho lợi ích của nhân dân*. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội là xác định đúng vai trò, vị trí của Quốc hội, đề ra định hướng cơ bản, phát huy dân chủ, vai trò chủ động sáng tạo và tạo điều kiện thuận lợi để Quốc hội làm tốt công tác xây dựng pháp luật. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội thể hiện ở việc xây dựng đường lối, chiến lược, xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu làm cơ sở, định hướng để Quốc hội thảo luận, quyết định. Vì thế, hoạt động của Quốc hội ngày càng chất lượng, thực chất và thu hút sự quan tâm ngày càng rộng rãi của dư luận xã hội. Hoạt động lập pháp đã kịp thời thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng và bao quát hầu hết các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Các chủ trương, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực kinh tế đã tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng hợp tác đầu tư, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế[1].

- Về sự lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ:

Đảng đã có những bước tiến quan trọng trong việc đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ. Sự đổi mới đó đã góp phần bảo đảm sự phù hợp

---

1. Xem TS. Đặng Đình Tân, TS. Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên): *Thể chế Đảng cầm quyền - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.263.

với vị trí và trách nhiệm của Đảng cầm quyền cũng như phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ là cơ quan công quyền, vừa tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của Chính phủ, giảm bớt, tiến tới xóa bỏ tình trạng Đảng bao biện, làm thay, "lấn sân" Chính phủ. Đảng chỉ quyết định những vấn đề về quan điểm, tư tưởng, chủ trương lớn để chỉ đạo, định hướng cho Chính phủ tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật, chứ Đảng không làm thay Chính phủ. Đảng cũng không quyết định những chủ trương cụ thể thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi quản lý của Chính phủ. Cụ thể:

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Chính phủ có bước phát triển đáng kể. Nhiều nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thể hiện ngày càng rõ tinh thần đổi mới nội dung, phạm vi, cách thức thực hiện sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trước hết là ở Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Chính phủ. Sự chuyển biến này là sản phẩm của sự đổi mới tư duy và nhận thức của những người lãnh đạo cấp cao về chế độ dân chủ ở nước ta, về quyền làm chủ của nhân dân, về chức năng và quyền lực của Nhà nước, vai trò và hiệu quả lãnh đạo của Đảng.

Vị trí, vai trò của Chính phủ trong mối quan hệ với Đảng Cộng sản Việt Nam cũng có nhiều đổi mới theo hướng tích cực, gắn liền với quá trình đổi mới tư duy của đất nước. Chính phủ được trao nhiều quyền hạn và tính chủ động hơn; hay nói cách khác, tính độc lập của Chính phủ đã được tăng cường. Chính phủ là người điều hành vĩ mô, giám sát và kiểm tra, bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. Chính phủ có vai trò và trách nhiệm làm cho

cấp chính quyền nào cũng thực hiện đúng trách nhiệm và thẩm quyền, tạo sức mạnh chung cho toàn bộ hệ thống hành chính nhà nước. Chính phủ, các bộ tập trung vào thực hiện chức năng xây dựng, ban hành thể chế, kế hoạch, chính sách quản lý vĩ mô đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ được áp dụng phù hợp với đặc điểm của đối tượng được lãnh đạo và phù hợp với từng giai đoạn, thể hiện[1]:

+ Đảng định hướng công tác xây dựng thể chế, dự kiến Chương trình xây dựng pháp luật.

Trong lĩnh vực hoạch định chính sách, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ là đề ra chủ trương, giải pháp thông qua các cương lĩnh, nghị quyết, chiến lược... Đảng chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo Nhà nước, xã hội. Đảng không bao biện, làm thay Nhà nước mà tập trung nâng cao chất lượng định hướng phát triển kinh tế - xã hội, chính sách đối nội, đối ngoại, an ninh, quốc phòng của đất nước. Điều này tác động đến các lĩnh vực hoạt động của Chính phủ, đặc biệt là xây dựng pháp luật.

Mục tiêu và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội do các nghị quyết Đại hội Đảng đề ra là cơ sở cho tất cả các lĩnh vực hoạt động của Chính phủ. Chính sách của Đảng về các thành phần kinh tế và xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý là cơ sở không chỉ cho công tác xây dựng thể chế, mà cả cho việc điều hành

---

1. Xem thêm Nguyễn Thị Việt Hương (Chủ nhiệm đề tài): "Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Đề tài cấp Bộ, mã số CT 11- 16- 03: Mối quan hệ giữa Nhà nước với Đảng Cộng sản trong Nhà nước pháp quyền Việt Nam giai đoạn 2011-2020", Hà Nội, 2012, tr.118-126.

và thực hiện quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế của Chính phủ. Chính phủ đã xây dựng trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những định hướng của Đảng là căn cứ quan trọng để Chính phủ lập dự kiến Chương trình xây dựng pháp luật, hướng tới tính khả thi của dự kiến và thứ tự ưu tiên của các văn bản, các lĩnh vực pháp luật. Căn cứ vào định hướng đó, công tác xây dựng pháp luật của Chính phủ đã được điều chỉnh theo hướng tập trung xây dựng thể chế kinh tế, bảo đảm tính khả thi, cụ thể của luật.

+ Đảng định hướng về quan điểm cho việc xây dựng các văn bản pháp luật.

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Chính phủ thể hiện rõ nét qua quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các văn bản lập pháp. Ngoài việc xác định nhu cầu xây dựng văn bản, định hướng tư tưởng chủ đạo, Đảng còn đưa ra hướng giải quyết các vấn đề còn ý kiến khác nhau, hay còn vướng mắc về quan điểm trong quá trình xây dựng dự án luật, pháp lệnh, kể cả vấn đề có ý kiến không thống nhất giữa Chính phủ (là cơ quan trình) và Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội. Là cơ quan quản lý nhà nước thống nhất về kinh tế - xã hội, Chính phủ căn cứ vào các nghị quyết của Đảng để xây dựng thể chế kinh tế, đáp ứng yêu cầu của điều kiện mới trong mỗi giai đoạn.

+ Đảng lãnh đạo công tác điều hành của Chính phủ.

Công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động điều hành khác của Chính phủ

được thực hiện một cách kịp thời, bảo đảm chất lượng nhờ chỉ đạo đúng hướng, sát sao, toàn diện từ phía Đảng.

- Về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp:

Với tính chất đa dạng của các hoạt động tư pháp và tổ chức của các cơ quan tư pháp, Đảng đã có những cách thức lãnh đạo phù hợp dựa trên nguyên lý chung về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời có tính đến điều kiện cụ thể và đặc thù của cơ quan tư pháp.

Hiện nay, Đảng ta đã có chủ trương cải cách tư pháp. Thực hiện chủ trương này, nhiều quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới, tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan này. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (năm 2011) của Đảng đã đặt ra yêu cầu: *Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.*

2.2. Về hạn chế, bất cập

Thứ nhất, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân còn chậm. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng còn chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Nhiều lúc, nhiều nơi còn có tình trạng vừa buông lỏng và vừa bao biện, làm thay, lấn sân, chồng chéo nên chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực điều hành của bộ máy nhà nước.

Thứ hai, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội vẫn còn những hạn chế, bất cập. Vẫn còn cơ chế báo cáo, xin ý kiến và cho ý kiến giữa Đảng đoàn Quốc hội với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về hầu hết các hoạt động liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội thì rất khó tránh sự bao biện, làm thay. Cơ chế "xin - cho" ý kiến tạo ra sự không rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nếu có vấn đề xảy ra. Sự lãnh đạo của Đảng đối với việc ban hành từng đạo luật, pháp lệnh cụ thể dễ làm cho Đảng thực hiện công việc cụ thể của Nhà nước, đồng thời dễ làm chậm tiến độ xây dựng luật và pháp lệnh...

Do còn nhiều vấn đề về cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội nói riêng, đối với Nhà nước nói chung chưa được rõ, nên trên thực tế, mọi vấn đề trọng đại của đất nước đều do Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, do Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư quyết định. Trên nhiều vấn đề, Quốc hội chỉ là cơ quan hợp thức hóa về mặt nhà nước các quyết định có sẵn của Đảng. Nhân sự cấp cao của Quốc hội và Nhà nước nói chung cũng như vậy[1].

Thứ ba, những hạn chế về sự lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ. Trong hệ thống chính trị nước ta, mặc dù có một thực thể nhà nước nhận ủy quyền từ nhân dân đang vận hành nhưng hoạt động cầm quyền của Đảng cũng mang nhiều sắc thái nhà nước. Việc vận hành của quyền lực chính trị, đôi lúc tưởng nhầm đang có hai thiết chế quyền lực công: một thiết chế quyết định các vấn đề kinh tế, văn hóa, giáo dục...; một "thiết

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Văn Vĩnh (Chủ biên): *Đảng lãnh đạo Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007, tr. 128.

chế khác" quyết định các vấn đề về đối ngoại, an ninh, quốc phòng, nhân sự và tư tưởng. Bộ máy hành chính chưa thật sự là hệ thống chặt chẽ được điều hành theo đúng pháp luật và bằng pháp luật. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, cục bộ, tùy tiện vẫn diễn ra rất phổ biến, thậm chí mang tính hệ thống. Trong các cơ quan chấp hành và điều hành, tệ quan liêu thể hiện ở các dạng cơ bản, như tình trạng bộ máy hành chính nhà nước cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; tình trạng quá nhiều cấp thủ trưởng; tình trạng hội họp, vạch kế hoạch liên miên, quy hoạch tràn lan, quan liêu trong quá trình ra các quyết định hành chính; tình trạng quá nhiều văn bản, thể chế hóa quá chi tiết, thủ tục rườm rà; tình trạng thông tư, chỉ thị lấn át, vô hiệu hóa các đạo luật, các pháp lệnh; tình trạng không sát thực tế, xa rời quần chúng, nói và chỉ đạo, điều hành chung chung; tình trạng cấm đoán tràn lan; tình trạng vô trách nhiệm, vô cảm trước các yêu cầu đòi hỏi của nhân dân, bệnh thành tích chủ nghĩa; tình trạng che giấu sự thật, báo cáo sai sự thật... Bên cạnh đó, tham nhũng vẫn không được đẩy lùi, thậm chí còn tăng cả về quy mô và thủ đoạn[1].

Một số nội dung lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ quá cụ thể, dẫn đến tình trạng bao biện, làm thay Chính phủ, nhưng một số nội dung lại mang tính chung chung, chưa bảo đảm tính định hướng. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ vẫn còn bộc lộ nhiều lúng túng.

Thứ tư, hạn chế về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp trong điều kiện cải cách tư pháp:

---

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ năm 2014: "*Nghiên cứu, tổng kết làm sáng tỏ mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*", Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Trịnh Đức Thảo, Hà Nội, 2014, tr. 181.

- Các cấp ủy đảng chưa có những tổng kết cơ bản về thực tế lãnh đạo đối với cơ quan tư pháp nói chung và trong từng khâu công tác tư pháp nói riêng; một số nơi cấp ủy còn lúng túng khi chỉ đạo các công tác tư pháp cụ thể.

- Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn hạn chế, có nơi bị buông lỏng, thiếu kiểm tra đôn đốc, sự phối hợp giữa các cấp ủy đảng các cơ quan tư pháp với nhau và với cấp ủy địa phương chưa thực sự chặt chẽ. Trên thực tế, sự thiếu độc lập của cơ quan tư pháp khiến cho mức độ bảo vệ công lý bị hạn chế.

- Còn có sự chậm trễ trong việc ban hành và thực thi các chủ trương về cải cách tư pháp, chậm thực hiện những giải pháp mang tính đột phá, thiếu các giải pháp đồng bộ về cải cách tư pháp.

- Tình trạng yếu kém và thiếu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ tư pháp, tệ quan liêu trong hoạt động tư pháp đang hạn chế đáng kể vai trò của tư pháp trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ lợi ích nhân dân.

- Tình trạng tham nhũng trong hệ thống tư pháp gây mất lòng tin của dân chúng vào hệ thống bảo vệ công lý đang có chiều hướng gia tăng.

- Tỷ lệ án oan, sai vẫn còn lớn.

3. Những giải pháp nhằm hoàn thiện mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

3.1. Những vấn đề đặt ra

Quan điểm không được lẫn lộn giữa vai trò lãnh đạo của

Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước là điều dễ thống nhất, nhưng đi vào thực hiện lại xuất hiện vấn đề là không tách rời hai phạm vi này, vì đó là hai chức năng có quan hệ khăng khít. Một khi Đảng chưa đổi mới về tổ chức, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, thì chính sự phi pháp quyền của Nhà nước sẽ làm yếu kém Đảng. Hoạt động của Nhà nước càng mang tính pháp quyền càng chứng tỏ Đảng đã thực sự đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước. Đảng không chỉ lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, nghị quyết...; bằng lãnh đạo việc cụ thể hóa đường lối, quan điểm đó; bằng lãnh đạo xây dựng Nhà nước vững mạnh...; bằng công tác cán bộ và công tác kiểm tra..., mà quan trọng hơn hết là: bằng sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tôn trọng và đề cao vai trò của Nhà nước; bằng sự gương mẫu của các tổ chức đảng và đảng viên. Đảng coi trọng và đề cao pháp luật, coi pháp luật là tối thượng, không áp đặt, không lấn sân, không làm thay công việc của Nhà nước, không quyết định những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước.

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, những câu hỏi lớn đặt ra với Đảng Cộng sản cầm quyền không chỉ là Đảng lãnh đạo như thế nào trong điều kiện nền kinh tế thị trường, mà còn là Đảng lãnh đạo và hoạt động như thế nào để tạo điều kiện cho việc hình thành và phát huy vai trò Nhà nước pháp quyền. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai và vận hành chính trị, quan hệ giữa Đảng với Nhà nước nói riêng và hệ thống chính trị nói chung vẫn đặt ra nhiều câu hỏi, và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn là vấn đề cần đầu tư nhiều lý luận và thực tiễn. Thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cho thấy, cho đến

nay, tư duy nhận thức về mối quan hệ giữa Nhà nước và Đảng Cộng sản chủ yếu vẫn chỉ được tiếp cận ở bình diện vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chưa phân định rõ nét mối quan hệ giữa hai phạm trù: Nhà nước và Đảng.

Trong mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, vẫn chưa có sự phân định rõ ràng quyền lãnh đạo, phương thức lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý và phương thức điều hành của Nhà nước. Có sự lúng túng trong việc phân định vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tình trạng đó có thể dẫn đến việc Đảng bao biện, làm thay Nhà nước hoặc quyền lãnh đạo của Đảng bị buông lỏng. Trên thực tế, ở một số nơi, một số địa phương đã có sự lẫn lộn một cách chủ quan giữa chức năng của Đảng với chức năng của Nhà nước nên đã làm cho cả Đảng và chính quyền đều yếu đi. Đó cũng chính là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến quyền làm chủ của nhân dân không tương thích với những đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các nguy cơ tiềm ẩn của một đảng cầm quyền, như: chủ quan, duy ý chí và quan liêu trong xây dựng chủ trương, đường lối, dễ áp đặt ý muốn chủ quan đối với các cơ quan nhà nước, tự đặt Đảng lên trên Nhà nước và pháp luật,... vẫn còn tồn tại trên thực tế.

Giải quyết mối quan hệ giữa việc triển khai cương lĩnh, đường lối của Đảng với việc bảo đảm tính tối thượng của pháp luật vẫn còn có sự lúng túng; lúng túng trong việc làm sao khắc phục tình trạng tuyệt đối hóa vai trò của đường lối, xem đường lối của Đảng là công cụ trực tiếp của quản lý nhà nước, cũng như làm sao khắc phục được tư tưởng tuyệt đối hóa vai trò của pháp luật, vai trò của Nhà nước. Sự lúng túng đó dễ dẫn đến tình trạng hạ thấp tầm chỉ đạo của đường lối,

vai trò của Đảng cầm quyền. Những mặt trái trong chế độ quản lý cán bộ của Đảng vẫn còn tồn tại, như còn mang tính hình thức, có hiện tượng áp đặt trong việc giới thiệu cán bộ, đảng viên của Đảng... Vậy, những vấn đề lớn đặt ra trong mối quan hệ này là:

Thứ nhất, làm sao để phận định rõ hơn quyền lãnh đạo, phương thức lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý và phương thức điều hành của Nhà nước?

Hiện nay, ở Việt Nam, trên thực tế vẫn còn có sự lúng túng trong việc phân định vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như: mối tương quan giữa cơ cấu tổ chức của các cơ quan Đảng với cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương; tiêu chí để phân định sự lãnh đạo chính trị của các cấp ủy đảng và quyền tự chủ, độc lập của các cơ quan nhà nước; cơ sở pháp lý xác định quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức đảng trong các hoạt động lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở các cấp; vai trò, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng theo cấu trúc lãnh thổ như tỉnh ủy, huyện ủy, đảng ủy xã và của các cấp ủy trong bản thân các cơ quan nhà nước cần phải được xác định như thế nào?;...

Thứ hai, làm sao để có thể xoá bỏ được tình trạng Đảng bao biện, làm thay Nhà nước, bị "nhà nước hóa" hoặc quyền lãnh đạo của Đảng bị buông lỏng trong mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước?

Trên thực tế, ở một số cơ quan, tổ chức, một số địa phương của Việt Nam đã có sự lẫn lộn một cách chủ quan giữa chức năng của Đảng với chức năng của Nhà nước nên đã làm cho cả Đảng và chính quyền đều yếu đi. Đảng không

phát huy được chức năng vốn có của mình, còn chính quyền nhà nước thì lại rơi vào tình trạng thụ động, quan liêu, xa rời thực tế, quyền lực của nhân dân trở nên mang tính hình thức. Hiện tượng trên đã và đang làm suy giảm cả vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Đó cũng chính là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến quyền làm chủ của nhân dân, không tương thích với những đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, làm sao để giải quyết được vấn nạn tham nhũng nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, củng cố, nâng cao uy tín lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước? Nếu không ngăn chặn, đẩy lùi được tham nhũng, lãng phí sẽ làm mất lòng tin của nhân dân, suy yếu nội bộ Đảng, bộ máy nhà nước sẽ thoái hóa, biến chất không còn là của nhân dân, vì nhân dân.

Thứ tư, làm sao để xoá bỏ được các nguy cơ tiềm ẩn của Đảng cầm quyền, như: xa dân, chủ quan, duy ý chí và quan liêu trong xây dựng chủ trương, đường lối; dễ áp đặt ý muốn chủ quan đối với các cơ quan nhà nước hoặc tự đặt Đảng lên trên Nhà nước và pháp luật,...?

Thứ năm, làm sao để giải quyết mối quan hệ giữa việc triển khai cương lĩnh, đường lối của Đảng với việc bảo đảm tính tối thượng của pháp luật; khắc phục được tình trạng tuyệt đối hóa vai trò của đường lối, xem đường lối của Đảng là công cụ trực tiếp của quản lý nhà nước; khắc phục được tư tưởng tuyệt đối hóa vai trò của pháp luật, vai trò của Nhà nước, từ đó dẫn dến tình trạng hạ thấp tầm chỉ đạo của đường lối, vai trò của Đảng cầm quyền?

Thứ sáu, làm sao giải quyết được những mâu thuẫn vẫn còn tiềm ẩn trong nội tại bộ máy nhà nước? Đó là: mâu

thuẫn giữa quy định của Hiến pháp về quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và thực tiễn quan liêu của tổ chức bộ máy nhà nước ở một số nơi, một số địa phương; mâu thuẫn giữa thẩm quyền hiến định và quyền lực trên thực tế của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ; mâu thuẫn giữa tính không chuyên nghiệp của đa số đại biểu Quốc hội với nhu cầu xây dựng pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội; mâu thuẫn giữa địa vị phụ thuộc của Chính phủ vào Quốc hội và nhu cầu xây dựng một nền hành chính hiệu lực, hiệu quả và phát triển;...

Do đó, vấn đề quan trọng đặt ra nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là phải kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới cơ chế vận hành Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ với việc xây dựng, phát triển Đảng; cải cách, hoàn thiện bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

3.2. Giải pháp cụ thể

Một là, có sự nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là những thiết chế quyền lực của nhân dân, do nhân dân lập nên, nhân dân bảo vệ, nhân dân xây dựng nên và nhằm mục đích thực hiện quyền lực nhân dân. Đảng và Nhà nước có tổ chức, bộ máy, hoạt động,... khác nhau nhưng Đảng cũng như Nhà nước, chỉ có một lý do duy nhất để tồn tại, đó là: *vì độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc*

của nhân dân. Vì vậy, vì "quyền lực nhân dân" là nền tảng, là cơ sở để xác định mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam. Trong mối quan hệ này, Nhà nước là một tổ chức công quyền thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, do nhân dân tự tổ chức thành. Xét về bản chất, Nhà nước là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Sứ mệnh của Nhà nước là phục vụ nhân dân và bị quyết định bởi nhân dân. Vì vậy, Nhà nước không chỉ là công cụ để thực hiện các sứ mệnh giai cấp của Đảng mà Nhà nước phải đại diện cho toàn thể nhân dân để quản lý xã hội, bảo đảm sự phát triển của xã hội.

Hai là, đổi mới tổ chức cũng như phương thức hoạt động, nâng cao tính chủ động, hiệu lực và hiệu quả của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước.

Vai trò của các cơ quan nhà nước như Quốc hội, Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ngày càng được coi trọng. Có sự phân định rõ hơn chức năng của các tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước, nhất là ở Trung ương nên đã làm giảm bớt sự chồng chéo, lấn sân giữa các cơ quan nhà nước và cơ quan Đảng... Cụ thể:

- Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội theo phương hướng chung là: bảo đảm thực hiện được vai trò, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn do Hiến pháp và luật quy định; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả tính chuyên nghiệp, hiện đại, tính minh bạch, công khai trong tổ chức, hoạt động.

- Đẩy mạnh cải cách nền hành chính nhà nước: Cải cách nền hành chính nhà nước phải hướng đến mục tiêu chung là: Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững

mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp: Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp phải quán triệt các nguyên tắc của việc thực hiện quyền tư pháp, như nguyên tắc khách quan, vô tư, công bằng, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của các chức danh tư pháp khi thực hiện quyền tư pháp; nguyên tắc chịu trách nhiệm của các cơ quan, chức danh tư pháp về các quyết định của mình; nguyên tắc bảo đảm việc nhân dân tham gia và giám sát hoạt động tư pháp; nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự; nguyên tắc bảo đảm quyền kháng cáo của bị cáo, của các đương sự và nguyên tắc hai cấp xét xử; nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự; nguyên tắc mọi công dân bình đẳng trước pháp luật, trước các cơ quan tố tụng. Đổi mới tổ chức và hoạt động tư pháp cần thực hiện đồng bộ các phương hướng: tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động tư pháp; đổi mới tổ chức hoạt động của các cơ quan tư pháp; chấn chỉnh các tổ chức và các hoạt động bổ trợ tư pháp; đẩy mạnh công tác xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp đáp ứng về số lượng và chất lượng theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Ba là, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Cần nhận thức đúng đắn tính tất yếu khách quan của

việc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước xuất phát từ bản chất cách mạng khoa học, vai trò sứ mệnh lịch sử của Đảng và mục đích, lý tưởng đấu tranh của Đảng Cộng sản; xuất phát từ thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; xuất phát từ trọng trách lãnh đạo xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa của Đảng. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, đổi mới, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tự phê bình và phê bình, nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện dân chủ thực sự trong Đảng và trong xã hội. Mặt khác, phải xây dựng quy chế phối hợp làm việc giữa cơ quan, tổ chức đảng và cơ quan, tổ chức nhà nước, trong đó xác định rõ những loại việc mà Đảng phải chủ động ra nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; trong hoạt động của mình, các cơ quan, tổ chức của Đảng và mọi cán bộ, đảng viên phải tuân thủ pháp luật, tôn trọng thể chế của cơ quan nhà nước... Thực hiện đúng những yêu cầu cơ bản nêu trên, Đảng mới thực hiện được trọng trách và sứ mệnh lịch sử của mình: lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân để tiến hành xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta.

Bốn là, tăng tính pháp quyền trong hoạt động của Đảng, cũng như trong mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước.

Đảng ta đã tiến hành việc xây dựng và thực hiện Quy chế làm việc của các cấp ủy đảng từ Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến các cấp ủy đảng địa phương, cơ sở; xây dựng và thực hiện chương trình công tác của cấp ủy toàn khóa và hằng năm... Điều đó đã và đang góp phần tích cực vào việc đổi mới, hoàn thiện nội dung và phương

thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Các cơ quan nhà nước thì tổ chức và hoạt động trên cơ sở pháp luật và chịu sự lãnh đạo của Đảng tạo nên sự kết hợp giữa Đảng và Nhà nước. Từ đó, mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền được xử lý đúng đắn hơn...

- Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội bao gồm một số nội dung cơ bản như: Đảng lãnh đạo, định hướng hoạt động lập hiến, lập pháp để có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động; xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ; ban hành các đạo luật và pháp lệnh; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; thực hiện chức năng giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội thể hiện: lãnh đạo phải bảo đảm dân chủ trong hoạt động của Quốc hội; phát huy được vị trí của Quốc hội; lãnh đạo thông qua các chủ trương, chính sách, định hướng lớn; lãnh đạo quá trình xây dựng và tổ chức Quốc hội; lãnh đạo thông qua Đảng đoàn và các đảng viên là đại biểu Quốc hội. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội theo hướng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và tính độc lập tương đối của Quốc hội, có quy trình cụ thể để thực hiện cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ". Cần phát huy tối đa dân chủ trong Quốc hội, làm việc theo chế độ hội nghị và biểu quyết theo đa số, phát huy khả năng, trí tuệ của từng đại biểu dân cử. Đảng không đứng trên Quốc hội, không áp đặt nội dung lãnh đạo của mình mà phải tạo điều kiện để Quốc hội thực hiện tốt các chức năng của mình là lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với tất cả hoạt động của Nhà nước.

- Sự lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ: Trên cơ sở các nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Đảng lãnh đạo Chính phủ trong việc thể chế hóa, cụ thể hóa; đó là Đảng chỉ đạo xây dựng các chiến lược, phương hướng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... của Chính phủ theo định hướng chính trị của Đảng. Cụ thể hơn, Đảng xem xét và quyết định mục tiêu, phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu - chi ngân sách, phát triển các thành phần kinh tế, phát triển các ngành, các vùng, các chính sách xã hội lớn...; quyết định chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ hằng năm, chỉ đạo kịp thời đối với Chính phủ trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Cấp ủy, thường vụ các cấp tỉnh (thành), huyện (quận), xã (phường) cần đổi mới sự lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân. Cấp ủy cấp tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng các chủ trương, chính sách mà không đi vào giải quyết các vấn đề cụ thể thuộc chức năng, thẩm quyền của chính quyền; cấp ủy huyện lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện thông qua quá trình làm việc trực tiếp với các ủy viên thường vụ, cấp ủy viên, xem xét kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh hằng năm. Cấp ủy xã lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cơ sở, có ý kiến chỉ đạo đối với những vấn đề bức xúc trên địa bàn. Cấp ủy các cấp cần thực hiện tốt công tác cán bộ, đổi mới công tác kiểm tra, giám sát đối với Ủy ban nhân dân các cấp[1].

- Sự lãnh đạo của Đảng đối với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân phải bảo đảm tính độc lập, nghiêm minh,

---

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Văn Vĩnh (Chủ biên): *Đảng lãnh đạo Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*, *Sđd*.

đúng nguyên tắc; bảo đảm cho Tòa án thực hiện đúng quyền tư pháp, cho Viện Kiểm sát thực hành đúng quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Cấp ủy các cấp không trực tiếp can thiệp vào công tác xét xử, kiểm sát mà phải tạo điều kiện cho các cơ quan này thực hiện đúng chức năng của mình trong điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đảng lãnh đạo việc thực hiện nghiêm túc quy định của Hiến pháp về xét xử của Tòa án: Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

Đảng lãnh đạo Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Mặc dù hệ thống xét xử, kiểm sát đã có nhiều cố gắng và tích cực nhưng cần thiết tiếp tục cải tiến nhiều hơn nữa mới có thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa, có hiệu quả hơn giữa các bộ phận trong mỗi ngành để thực hiện tốt chuyên môn. Bảo đảm tính chính xác ngày càng cao hơn trong công tác điều tra, truy tố, xét xử. Giải quyết kịp thời các án còn tồn đọng, nâng cao chất lượng công tác để giảm bớt việc phải cải sửa các án, đi đến không còn án phải hủy bỏ... Nhanh chóng khắc phục hậu quả của những vụ án oan sai. Nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan xét xử và kiểm sát, tạo niềm tin vững chắc cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vào cán cân công lý, đồng thời góp phần quan trọng trong việc tăng cường sự nghiêm minh của kỷ cương phép nước.

Tóm lại, xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa Nhà nước với Đảng Cộng sản là một trong những nhân tố hàng đầu quyết định sự thành bại của nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong điều kiện hiện nay, Việt Nam phải có những nỗ lực vượt bậc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị, giải quyết triệt để tận gốc tệ tham nhũng... tạo tiền đề để củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, với chế độ, nhằm tạo động lực thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

THÀNH TỰU, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN CỦA CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KỶ LUẬT ĐẢNG QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

CAO VĂN THỐNG*

Những đổi mới nhận thức, quan điểm của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng qua hơn 30 năm đổi mới: Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết liên quan trực tiếp đang đặt ra; quan điểm, định hướng và giải pháp mới đến năm 2020 và cho giai đoạn 2021-2030, là vấn đề có phạm vi rộng nên trong bài viết này chỉ tập trung khái quát về nội dung: thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng qua hơn 30 năm đổi mới, qua đó đúc rút một số bài học kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra.

1. Kết quả, ưu điểm và nguyên nhân

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp đã có nhiều chuyển biến rõ rệt trong nhận thức về tầm quan trọng, vị trí, vai trò của công tác kiểm tra,

* Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

giám sát, kỷ luật đảng; đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ngày càng có chất lượng, hiệu quả; quan tâm củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra, tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp và chế độ, chính sách đối với cán bộ kiểm tra chuyên trách.

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành trên 100 văn bản quan trọng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, một số văn bản đã có tác động sâu rộng đến toàn bộ hoạt động kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và công tác xây dựng Đảng. Trong đó, có Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, là nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng về vấn đề này. Nâng tầm ban hành hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng từ ủy ban Kiểm tra Trung ương lên Ban Bí thư, Bộ Chính trị rồi đến Ban Chấp hành Trung ương ban hành (từ nhiệm kỳ VIII về trước là do ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành Thông tri hướng dẫn, nhiệm kỳ IX Ban Bí thư ban hành, nhiệm kỳ X Bộ Chính trị ban hành, nhiệm kỳ XI và XII là do Ban Chấp hành Trung ương ban hành)...

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp đã xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra, giám sát cả nhiệm kỳ và hằng năm sát với yêu cầu lãnh đạo của công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị, đồng thời tổ chức thực hiện nhiều cuộc kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên.

- Cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp ngày càng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Chức năng, nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra từ Trung ương đến cấp huyện và tương đương được quy định ngày càng rõ hơn.

- Ủy ban kiểm tra các cấp đã thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng với chất lượng và hiệu quả ngày càng được nâng cao, đồng thời đã tích cực thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao và chủ động tham mưu, giúp cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

Qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong lãnh đạo, quản lý, những quy định không còn phù hợp, đề xuất với cấp ủy các cấp kịp thời bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới và chỉ đạo các cơ quan nhà nước bổ sung, sửa đổi, ban hành mới các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật phục vụ thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật của tổ chức đảng và đảng viên, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; có tác dụng góp phần đổi mới phương thức cầm quyền, lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực cầm quyền, lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, "lợi ích nhóm" của một bộ phận cán bộ, đảng viên, ngăn ngừa các nguy cơ của Đảng cầm quyền; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao uy tín của Đảng, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

Nguyên nhân ưu điểm:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp đã quan tâm và từng bước tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng nói chung và đối với ủy ban kiểm tra các cấp nói riêng.

- Điều lệ Đảng, các văn bản của Đảng và của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ngày càng cụ thể, đầy đủ hơn. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng theo Điều 30 và của ủy ban kiểm tra các cấp theo Điều 32 Điều lệ Đảng từ khoá VIII, qua các nhiệm kỳ, đến nay đã được sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa phù hợp hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

- Hầu hết cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động xây dựng phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát toàn khóa và chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm phù hợp với tình hình đặc điểm ở địa phương, đơn vị; đã thực hiện đúng phương hướng, phương châm, phương pháp, quy trình, nguyên tắc, thủ tục; thể hiện rõ tính chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả, có bản lĩnh, kết luận rõ đúng, sai, từng bước khắc phục được biểu hiện hữu khuynh, né tránh, ngại va chạm trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

- Công tác tham mưu, giúp cấp ủy trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của ủy ban kiểm tra các cấp ở nhiều nơi được đổi mới và tăng cường. Ủy ban kiểm tra và tổ chức cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp ngày càng được kiện toàn, củng cố, trình độ, phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra từng bước được nâng lên.

2. Khuyết điểm, hạn chế và nguyên nhân

- Tình trạng chấp hành kỷ luật không nghiêm, vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước còn diễn ra khá phổ biến trong cán bộ, đảng viên và có chiều hướng gia tăng, công tác kiểm tra, giám sát và xử lý đảng viên vi phạm

chưa đủ sức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, "lợi ích nhóm", tiêu cực trong nội bộ Đảng.

- Các ban đảng hầu như ít tham mưu, giúp cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát. Một số cấp ủy chưa chú ý chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường cán bộ và điều kiện cần thiết cho ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra hoạt động.

- Các tổ chức đảng, trước hết là các ban của cấp ủy ít thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình theo quy định. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn hầu hết chưa thực hiện được công tác kiểm tra, giám sát (trước đây) và còn hạn chế trong việc lãnh đạo công tác kiểm tra (từ nhiệm kỳ XI và XII).

- Một số ủy ban kiểm tra thực hiện chưa toàn diện, có hiệu quả các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên còn hình thức, giám sát chuyên đề còn hạn chế, kiểm tra dấu hiệu vi phạm đạt kết quả chưa cao. Một số nơi, chưa tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra tài chính cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

- Việc phát hiện, nhân rộng những cách làm mới, sáng tạo, mô hình hay qua công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

- Việc phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có lúc, có việc còn chậm, chất lượng, hiệu quả chưa cao.

Nguyên nhân khuyết điểm, hạn chế:

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vẫn chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò, vị trí và tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Một số cấp ủy chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thậm chí có nơi còn gây khó khăn đối với ủy ban kiểm tra

trong việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với một số trường hợp và đối tượng cụ thể...

- Tính chiến đấu của một số ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra chưa cao, còn hữu khuynh, nể nang, né tránh, ngại va chạm trong khi thực hiện nhiệm vụ. Việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới chưa được quan tâm đúng mức.

- Một bộ phận đảng viên, tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật thiếu tự giác trong tự phê bình và phê bình, chưa tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm và hình thức kỷ luật. Một số tổ chức đảng quản lý đảng viên có liên quan còn can thiệp, nhận xét đánh giá sai với nhiều động cơ khác nhau, gây khó khăn trong việc phát hiện, xem xét, kết luận và xử lý.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra, tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra và đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp chưa tương xứng, ngang tầm, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng chưa đạt yêu cầu mong muốn trong các nhiệm kỳ qua.

3. Bài học kinh nghiệm rút ra trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng qua hơn 30 năm đổi mới

3.1. Thường xuyên nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng ta về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp được quy định trong Điều lệ Đảng

Muốn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,

trước hết, ủy ban kiểm tra các cấp phải nhận thức sâu sắc và nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình do Điều lệ Đảng quy định, theo quy chế làm việc, trong đó cần phân biệt rõ công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng, trước hết là của cấp ủy và công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp để thực hiện đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng có nội dung và phạm vi rất rộng, vì nó là những chức năng, phương thức lãnh đạo của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, là một khâu quan trọng của tổ chức thực hiện, là biện pháp hiệu nghiệm để khắc phục bệnh quan liêu. Đó là công tác của toàn Đảng, của các tổ chức đảng, đặc biệt là của các cấp ủy, các ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, chi bộ. Cấp ủy, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, vừa có nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, vừa phải tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận,... của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phát huy vai trò tham mưu của ủy ban kiểm tra các cấp trong việc tham mưu, giúp cấp ủy xây dựng, ban hành đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; đồng thời, giúp cấp ủy xây dựng và tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát cả nhiệm kỳ và hằng năm; giúp cấp ủy kết luận các cuộc kiểm tra, xem

xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền đối với các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của đảng bộ.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của ủy ban kiểm tra các cấp là một bộ phận cấu thành quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, được giới hạn theo quy định của Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng cả về nội dung, đối tượng và phương thức, thẩm quyền kiểm tra, giám sát. Do chưa nhận thức rõ sự khác nhau này và vì những lý do khác, một số nơi cấp ủy giao ủy ban kiểm tra những công việc thuộc phạm vi, trách nhiệm của cấp ủy hoặc của những tổ chức khác; bản thân một số ủy ban kiểm tra cũng mặc nhiên coi đó là chức năng, nhiệm vụ của mình, trong khi đó không đủ lực lượng và thẩm quyền để thực hiện. Điều đó vừa làm hạn chế vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, không phát huy được chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng khác, vừa làm cho hoạt động của ủy ban kiểm tra gặp khó khăn, lúng túng, không tập trung vào việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình do Điều lệ Đảng quy định.

3.2. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cũng như của ủy ban kiểm tra các cấp phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng và nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và công tác đó

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng từng thời kỳ và nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và công tác đó. Công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp phải

tuân thủ vấn đề cốt lõi, có tính nguyên tắc của công tác xây dựng Đảng. Thực tiễn đã chứng minh, nếu xa rời vấn đề này, hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp sẽ chệch mục tiêu, mất phương hướng, không rõ phạm vi, nội dung và không mang lại hiệu quả.

Tuy nhiên, nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong từng thời kỳ, đối với từng đảng bộ có những yêu cầu, nội dung cụ thể khác nhau. Điều đó đòi hỏi từng cấp ủy, ủy ban kiểm tra phải nắm vững quan điểm, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nắm vững mục tiêu, yêu cầu, nội dung của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của đảng bộ mình trong từng thời gian để đề ra phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp và tiến hành công tác kiểm tra, giám sát có chất lượng, hiệu lực và hiệu quả.

Đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước là yếu tố cơ bản có tính chất quyết định sự nghiệp cách mạng và công tác xây dựng Đảng trong từng thời kỳ, ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra phải nắm vững để thực hiện đúng và làm căn cứ xem xét, kết luận, xử lý kịp thời, nghiêm minh tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

Ở các thời kỳ lịch sử, bất luận hoàn cảnh nào, dù nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra có bổ sung, sửa đổi, ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra luôn nhận thức đúng vấn đề này và lấy làm mục tiêu, phương hướng hoạt động nên đã góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

3.3. Ủy ban kiểm tra các cấp luôn tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy; sự chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên và nghiêm chỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo đó

Cấp ủy đảng là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của đảng bộ, có nhiệm vụ lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của đảng bộ. Vì vậy, ủy ban kiểm tra phải luôn theo sát và tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát và nghiêm chỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo đó.

Thực tiễn đã chứng minh, ở đâu, lúc nào, cấp ủy đảng: quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của ủy ban kiểm tra; ban hành kịp thời và tạo điều kiện cho ủy ban kiểm tra thực hiện đúng quy chế làm việc; định kỳ nghe ủy ban kiểm tra báo cáo tình hình hoạt động và cho ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo; quan tâm củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra... thì ở đó, lúc đó hoạt động của ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra đạt hiệu quả, chất lượng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy đảng là nhân tố quan trọng tác động đến kết quả hoạt động của ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra. Mặt khác, muốn có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra không thể thụ động ngồi chờ cấp ủy, mà phải tích cực hoạt động theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định, đúng quy chế làm việc, đúng sự chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên; định kỳ báo cáo kết quả hoạt

động với cấp ủy, chủ động đề xuất ý kiến, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ và thường trực cấp ủy; chủ động và thường xuyên tham mưu cho cấp ủy về công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát. Đồng thời, phải chủ động xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cấp ủy cấp dưới, để qua đó các cấp ủy cấp dưới quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra của cấp mình.

Theo quy định thi hành Điều lệ Đảng, Quy định thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng và quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra, ủy ban kiểm tra cấp trên có nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong một số trường hợp có thể gặp khó khăn, trở ngại, lúng túng, nhất là trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo đối với cấp ủy viên cùng cấp có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nội dung tố cáo phức tạp, hoặc cấp ủy cùng cấp ngăn cản, không đồng tình, ủng hộ, không tạo điều kiện cho ủy ban kiểm tra thực hiện dẫn đến ủy ban kiểm tra cấp dưới không thể thực hiện được thì cần có sự chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ của ủy ban kiểm tra cấp trên. Hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gặp khó khăn, vướng mắc về nghiệp vụ thì ủy ban kiểm tra cấp trên phải hướng dẫn để tháo gỡ. Do vậy, ủy ban kiểm tra cấp dưới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cần đề nghị, tranh thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ của ủy ban kiểm tra cấp trên, thậm chí là ủy ban kiểm tra cấp trên yêu cầu cấp ủy cấp dưới quan tâm lãnh

đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt, kể cả về cán bộ, điều kiện, phương tiện làm việc để ủy ban kiểm tra thực hiện tốt nhiệm vụ. Thực tế thời gian qua, khi gặp khó khăn, vướng mắc, trở ngại, ủy ban kiểm tra cấp dưới đã kịp thời báo cáo, xin ý kiến, tranh thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ của ủy ban kiểm tra cấp trên, kể cả việc cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra do ủy ban kiểm tra cấp dưới chủ trì, giúp ủy ban kiểm tra cấp dưới kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tăng cường sự tin tưởng, bản lĩnh, tính trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngược lại, khi ủy ban kiểm tra cấp trên, nhất là Ủy ban Kiểm tra Trung ương, qua theo dõi, nắm tình hình cũng đã chủ động chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, nhất là trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Khi ủy ban kiểm tra cấp trên thấy cấp ủy cấp dưới có biểu hiện không ủng hộ, tạo điều kiện hoặc gây khó khăn cho ủy ban kiểm tra cấp mình thì cũng đã chủ động đề nghị cấp ủy cấp dưới quan tâm, tạo điều kiện cho ủy ban kiểm tra thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Đây cũng là một ưu điểm, kinh nghiệm trong công tác của ủy ban kiểm tra các cấp thời gian qua.

3.4. Nắm vững và thực hiện tốt phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cũng như công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp là công tác xây dựng Đảng, là sinh hoạt nội bộ Đảng. Do đó, tiến hành công tác kiểm tra, giám sát phải giữ đúng nguyên tắc tổ

chức và sinh hoạt đảng, đúng tính chất công tác đảng. Thực tiễn thời gian qua đã chứng minh, muốn tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đạt chất lượng, hiệu lực, hiệu quả cao, phải nắm vững và thực hiện tốt các phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát, đó là: dựa vào tổ chức đảng; phát huy tinh thần tự giác, tự phê bình, phê bình của tổ chức đảng và đảng viên; phát huy trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng; làm tốt công tác thẩm tra, xác minh; kết hợp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra của Nhà nước, thanh tra nhân dân, công tác kiểm tra, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và sự phối hợp với các ban, ngành có liên quan.

Trong các phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, thì thẩm tra, xác minh là một phương pháp rất quan trọng. Thực tiễn cho thấy, nhiều tổ chức đảng và đảng viên có tinh thần tự phê bình và phê bình, tự giác trình bày trước tổ chức đảng có thẩm quyền cả ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm, nhưng cũng có không ít tổ chức đảng và đảng viên thiếu tự giác, tự phê bình còn quanh co, giấu giếm khuyết điểm, vi phạm, thậm chí tìm mọi cách đối phó, gây khó khăn, trở ngại đối với công tác kiểm tra, giám sát. Trong xử lý kỷ luật, có nhiều trường hợp công minh, chính xác, nhưng cũng có không ít trường hợp phải thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật. Trong khiếu nại, tố cáo, có nhiều trường hợp đúng, nhưng cũng có không ít trường hợp không đúng, chỉ đúng một phần hoặc có dụng ý xấu, vu cáo, tố cáo sai sự thật. Vì vậy, chưa thẩm tra, xác minh thì chưa được kết luận. Trường hợp tự phê bình và phê bình càng yếu, tự giác

càng kém thì đòi hỏi phải hết sức coi trọng và tiến hành thẩm tra, xác minh một cách công phu, tỉ mỉ, thận trọng, chính xác. Mặt khác, thẩm tra, xác minh cũng là một biện pháp nhằm hỗ trợ nâng cao tính tự giác, tự phê bình của tổ chức đảng và đảng viên.

Quá trình thực hiện các phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát, ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra phải chủ động, linh hoạt, sáng tạo, để phù hợp với mục tiêu, yêu cầu, nội dung, đối tượng kiểm tra, giám sát và tình hình cụ thể. Thực tiễn cũng đã chỉ rõ là tổ chức nào thì có phương pháp hoạt động ấy, và phương pháp hoạt động, đến lượt nó, lại có tác dụng quyết định đến chức năng, nhiệm vụ, đến tính chất, đặc điểm, yêu cầu hoạt động của tổ chức đó.

3.5. Luôn quan tâm kiện toàn ủy ban kiểm tra, xây dựng cơ quan ủy ban kiểm tra và đội ngũ cán bộ kiểm tra có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra, giám sát

Thực tiễn chứng minh, một trong những kinh nghiệm cần được coi trọng là phải luôn quan tâm kiện toàn ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có đủ phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng. Vì đây là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả của hoạt động kiểm tra, giám sát.

Thời gian qua, được các cấp ủy đảng chăm lo củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra; xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra theo hướng "coi trọng cả đức và tài, đức là gốc"; đã coi trọng cả việc nâng

cao hiểu biết về công tác xây dựng Đảng, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và kiến thức kinh tế, xã hội, pháp luật. Đã mở hệ đào tạo cử nhân chuyên ngành kiểm tra. Đội ngũ cán bộ kiểm tra cơ bản bảo đảm cả về số lượng và chất lượng, tiến bộ về phẩm chất và năng lực, ngày càng thực hiện tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Đảng và công tác xây dựng Đảng. Đồng thời, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp cũng đã hết sức quan tâm chăm lo thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên về phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp thâm niên để động viên, tạo điều kiện cho cán bộ kiểm tra yên tâm, phấn khởi công tác, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều đáng vinh dự và tự hào là trong mọi thời kỳ cách mạng, dù chiến tranh hay hòa bình, khủng hoảng kinh tế, xã hội hay phát triển, khó khăn hay thuận lợi, kể cả những thời điểm thử thách, gay go, quyết liệt nhất, ủy ban kiểm tra, đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế, quy định, kết luận của Đảng; có ý thức tổ chức, kỷ luật và lối sống gương mẫu, tận tuỵ, liêm khiết, trong sạch, lành mạnh; có lòng trung thực, đoàn kết, thương yêu đồng chí; luôn hết lòng, hết sức, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và tham mưu, thực hiện tốt nhiệm vụ cấp ủy giao.

Nhưng cán bộ kiểm tra cũng như các cán bộ khác của Đảng, đều có cuộc sống đời thường, nên cũng có những lo toan cho cuộc sống riêng tư, cũng luôn phải đấu tranh giữa

mặt cách mạng và không cách mạng, tích cực và tiêu cực, tiến bộ và lạc hậu, trưởng thành và thoái hóa, biến chất, lợi ích chung và quyền lợi riêng. Nhưng do đặc điểm và yêu cầu của nhiệm vụ, được sự giáo dục của cấp ủy, tổ chức đảng, sự phấn đấu học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân, nên trong quá trình vận động của quy luật phát triển và đào thải, đội ngũ cán bộ kiểm tra luôn tỏ rõ sự vững vàng, kiên định. Vì thế, ở giai đoạn cách mạng nào cũng vậy, tuyệt đại đa số cán bộ kiểm tra kiên định, vững vàng, gương mẫu, tận tuỵ, số vi phạm bị xử lý kỷ luật đảng luôn ở một tỷ lệ rất thấp.

3.6. Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền thì việc tăng cường kiểm tra từ dưới lên, mà nội dung bao hàm cả vấn đề nhân dân giám sát tổ chức đảng và đảng viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng

Theo V.I. Lênin: "... những hình thức và những phương pháp kiểm tra từ dưới lên, càng phải hết sức muôn vẻ để làm tê liệt mọi khả năng, dù nhỏ đến đâu, dẫn tới xuyên tạc Chính quyền Xôviết, để tiếp tục và luôn luôn trừ cho tiệt cái thứ cỏ dại chủ nghĩa quan liêu"[1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng lý giải rõ ràng, cụ thể cách kiểm tra này.

Kiểm tra từ dưới lên là rất cần thiết để giữ vững bản chất của chính quyền cách mạng, bài trừ "cỏ dại" chủ nghĩa quan liêu và là cách tốt nhất để kiểm soát cán bộ. Hiện nay, việc cơ quan cấp trên kiểm tra cấp dưới đã được tiến hành. Còn việc kiểm tra từ dưới lên chưa được đặt ra rõ ràng, chưa thành nền nếp, thành chế độ chặt chẽ, nhất là ở những nơi có tình trạng nể nang, xuê xoa, dĩ hòa vi quý, hoặc sợ bị cấp trên

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t.36, tr.253-254.

thành kiến, trù úm thì càng chưa thực hiện được kiểm tra từ dưới lên. Trong điều kiện Đảng ta là Đảng Cộng sản cầm quyền, cần đặc biệt coi trọng phát huy dân chủ trong Đảng, tăng cường kiểm tra từ dưới lên.

Kiểm tra từ dưới lên, bao gồm nhiều hình thức phong phú. Trong nội bộ Đảng: định kỳ lãnh đạo cấp trên tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức cho cấp dưới, cho cán bộ, đảng viên tham gia phê bình cấp trên; phát huy chức năng của chi bộ quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là thủ trưởng; từng thời gian lấy phiếu tín nhiệm về người lãnh đạo; thông qua cơ chế bầu cử trong Đảng. Đối với nhân dân: cán bộ định kỳ tự phê bình trước dân và tổ chức cho dân được phê bình, để nhân dân thật sự giám sát được tổ chức đảng và đảng viên. Toàn Đảng và mỗi đảng viên phải nhận thức đúng mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân, nếu Đảng xa dân thì Đảng không thể tồn tại được. Nếu không có sự giám sát của nhân dân thì cán bộ, đảng viên dễ trở thành "ông quan, bà quan" cách mạng chứ khó trở thành "người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Không có sự giám sát chặt chẽ của quần chúng nhân dân thì tổ chức đảng và đảng viên khó tránh khỏi tệ quan liêu, một trong những nguy cơ lớn của Đảng cầm quyền, biến sứ mệnh cầm quyền cao cả của Đảng thành "đảng lạm quyền", thậm chí còn dẫn đến thoái hóa, biến chất. Vì vậy, trong tình hình hiện nay, việc kiểm tra từ dưới lên và sự giám sát tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của nhân dân đang trở nên bức bách và có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta.

Mặt khác, cần thực hiện nghiêm chỉnh việc đảng viên sinh hoạt đảng hai chiều cả ở nơi công tác và nơi cư trú để tổ chức đảng và nhân dân ở đó giám sát được mọi đảng viên

trên địa bàn. Muốn vậy, cần quy định rõ cách thức và nội dung sinh hoạt đảng của đảng viên ở nơi cư trú, nếu không vấn đề này lại chỉ là hình thức. Đồng thời, cần mở rộng và thực hành chất vấn trong Đảng theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

3.7. Trước tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, "lợi ích nhóm" ngày càng tinh vi, nghiêm trọng, nhất là trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo, cần phân định rành mạch giữa nội dung, đối tượng kiểm tra, giám sát trong Đảng với nội dung, đối tượng kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan bảo vệ pháp luật

Đây là một điều kiện thiết yếu để hoạt động kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng đạt được hiệu quả. Một vấn đề nổi cộm hiện nay có liên quan đến hoạt động kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng với hoạt động tư pháp của cơ quan nhà nước trong vấn đề ngăn ngừa và chống tham nhũng, lãng phí, "lợi ích nhóm". Cần nhận thức thống nhất và nhất quán: nếu đảng viên, cán bộ nào cố ý thực hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, "lợi ích nhóm" và thực tế đã tham nhũng, lãng phí, "lợi ích nhóm" với một lượng lớn tài sản, tiền của của Nhà nước, của nhân dân, thì nhất thiết không chấp nhận còn đủ tư cách đảng viên mà phải liệt vào các phần tử đã thoái hóa, biến chất, là chống Đảng, chống nhân dân, đặc biệt trong bối cảnh nạn tham nhũng, "lợi ích nhóm" kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của Đảng và chế độ ta. Trên cơ sở này mà có sự phân

định rành mạch giữa nội dung, đối tượng, phương pháp nghiệp vụ kiểm tra, xử lý trong nội bộ Đảng với chức năng, thẩm quyền của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Nếu hành vi vượt quá giới hạn vi phạm, đã chuyển sang cấp độ tội phạm thì nhất thiết phải do cơ quan bảo vệ pháp luật tiến hành thụ lý bằng biện pháp nghiệp vụ tư pháp, không được và không thể để tiến hành kiểm tra, giám sát nội bộ trong Đảng. Không có sự phân định thật rành mạch giữa các nội dung và đối tượng này thì một mặt hoạt động kiểm tra, giám sát trong Đảng không khắc phục được những bất cập vừa qua, mặt khác sẽ dẫn đến tình trạng thiếu công minh, không công bằng trước pháp luật giữa đảng viên, cán bộ của Đảng với công dân, công chức ngoài Đảng, hoặc sẽ lẫn lộn việc "hình sự hoá" phương pháp kiểm tra, giám sát trong Đảng và "nội bộ hoá" biện pháp nghiệp vụ điều tra tội phạm của cơ quan bảo vệ pháp luật. Chính sự phân định rành mạch này vừa bảo đảm hiệu lực, hiệu quả và chất lượng công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng, vừa tạo điều kiện cho các cơ quan tư pháp hoạt động, tiếp tục thúc đẩy cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, "lợi ích nhóm" hiện nay và góp phần quan trọng vào việc xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá XI và khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

3.8. Giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa khen thưởng và thi hành kỷ luật trong Đảng

Khen thưởng và kỷ luật là sự thống nhất của hai mặt đối lập luôn tồn tại trong hoạt động của mọi tổ chức. Không một tổ chức nào do con người lập ra mà chỉ đặt ra vấn đề thi hành kỷ luật hoặc ngược lại, chỉ đặt ra vấn đề khen thưởng. Thi

hành kỷ luật và khen thưởng là thể hiện sự đánh giá đúng của tổ chức về khuyết điểm hoặc thành tích đối với mỗi thành viên (bao gồm cả cá nhân và tổ chức cấp dưới). Mục tiêu của công tác kiểm tra, giám sát là để đánh giá đúng về mỗi thành viên nhằm động viên hay nhắc nhở, uốn nắn, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật thì phải xem xét xử lý hoặc có thành tích thì phải khen thưởng. Thi hành kỷ luật và khen thưởng gắn liền với nhau, đều nhằm mục tiêu là răn đe, ngăn ngừa khuyết điểm, khắc phục yếu kém, tồn tại và phát huy ưu điểm, mặt mạnh... Điều lệ Đảng cũng đã quy định rõ: "Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương" và "Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời"[1]. Trong khi, các hình thức kỷ luật trong Đảng được quy định rõ, thì khen thưởng trong Đảng lại chưa được quan tâm đúng mức. Hiện nay, những người làm công tác đảng, do đại hội hay cấp ủy bầu, do tổ chức đảng tuyển dụng, bổ nhiệm, nhưng các hình thức khen thưởng lại phụ thuộc hoàn toàn vào chính sách, chế độ khen thưởng của Nhà nước, nên dẫn đến nhiều bất hợp lý. Hiện tượng, "Đảng khen, Nhà nước thưởng" còn khá phổ biến. Có lẽ, đây cũng là một trong những nguyên nhân mà việc kiểm tra, giám sát của Đảng đối với hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên trong bộ máy nhà nước vừa qua rất hạn chế, vì mọi quyền lợi đều phụ thuộc vào Nhà nước. Thực tế đã cho thấy, hằng năm khi tổng kết công tác đảng ở các tổ chức đảng trong hệ thống nhà nước thì hầu hết: các tổ chức đảng đều đạt tổ chức đảng trong sạch, vững

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.54.

mạnh; đa số đảng viên đều đạt tiêu chuẩn đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhưng thực chất, một số tổ chức đảng ở đó quá yếu, kém sức chiến đấu, không ít đảng viên ở đó vi phạm về quan liêu, tham nhũng, "lợi ích nhóm" nhưng chưa được phát hiện hoặc được phát hiện thì cũng xử lý chậm và chưa đúng mức...

Triết học duy vật biện chứng đã chỉ rõ, chỉ khi nào giải quyết tốt giữa hai mặt đối lập thì sự vật mới tồn tại và phát triển bền vững. Do vậy, thưởng, phạt phải nghiêm minh. Đây cũng là một đặc trưng của công tác kiểm tra, giám sát đảng: không chỉ phát hiện vi phạm để ngăn ngừa, xử lý mà còn phải phát hiện nhân tố mới, tích cực, biểu dương, khen thưởng, để nhân rộng, tạo phong trào thi đua mới.

4. Những vấn đề đặt ra

Từ thực tiễn công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng qua hơn 30 năm đổi mới cho thấy, những vấn đề đã và đang nổi lên đặt ra cần phải nghiên cứu giải quyết. Đó là:

- Trước những bối cảnh phức tạp của tình hình quốc tế và những khó khăn trong sự nghiệp đổi mới đã tác động không nhỏ đến đội ngũ đảng viên và tổ chức đảng. Trong khi đó, việc đổi mới công tác tư tưởng và tổ chức chưa tương ứng với quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Nhiều tổ chức đảng hoạt động lúng túng, thậm chí bị vô hiệu hóa (nhất là ở các đơn vị kinh tế). Ở nhiều nơi công tác quản lý đảng viên lỏng lẻo, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo; không kiểm tra, giám sát hoạt động của đảng viên nên không kịp thời phát hiện đảng viên vi phạm. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra chưa được quan tâm đầy đủ, thiếu nội dung và phương pháp thích hợp. Không ít cán bộ hạn chế về năng

lực; một số lại vi phạm pháp luật, kỷ luật, tư cách, trong sinh hoạt đảng chưa ghép mình vào tổ chức, chịu sự giáo dục, kiểm tra, giám sát của tổ chức, khi có sai lầm, khuyết điểm không tự giác báo cáo, tự phê bình và sửa chữa, thậm chí còn đối phó với tổ chức và thành kiến, trù dập người phê bình. Ở nhiều tổ chức đảng, việc đấu tranh xây dựng nội bộ (kể cả trong cấp ủy) còn yếu.

- Một số tổ chức đảng chấp hành và thực hiện chưa tốt Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; pháp luật của Nhà nước; chưa phát huy được vai trò lãnh đạo hoặc buông lỏng lãnh đạo, có nơi để cho những phần tử cơ hội, bất mãn kích động quần chúng gây rối nội bộ, dẫn đến hậu quả xấu. Vì quyền lợi trước mắt, hoặc cục bộ địa phương mà một số chi bộ, cấp ủy có chủ trương trái với nghị quyết của cấp trên, ý thức tuân thủ pháp luật yếu, thậm chí có những trường hợp dung túng, bao che, tiếp tay cho những việc làm trái kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước. Tình trạng cảm tình, nể nang, né tránh hoặc định kiến chưa được khắc phục triệt để. Một số nơi, do "thành tích chủ nghĩa", sợ liên quan trách nhiệm hoặc vì động cơ cá nhân mà dung túng, bao che vi phạm cho nhau. Đặc biệt, một số đảng viên cá nhân chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật, kèn cựa địa vị, mất đoàn kết, bè phái, cục bộ, mất dân chủ, quan liêu, mệnh lệnh, ức hiếp quần chúng, thoái hóa, biến chất về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, quan hệ không bình thường với doanh nghiệp để trục lợi ngày càng nhiều dẫn đến "lợi ích nhóm", nhưng rất khó phát hiện và xử lý.

- Tình trạng tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật của Nhà nước, nhìn chung vẫn nghiêm trọng, kéo dài nhưng chậm được kiểm tra làm rõ, chỉ đến khi

tình hình phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có tố cáo mới xem xét, xử lý; việc vi phạm có tổ chức và cả tổ chức vi phạm xảy ra ở nhiều nơi, làm hư hỏng nhiều cán bộ, đảng viên. Mặt khác, cơ chế, chính sách đang được đổi mới, từng bước hoàn thiện, đan xen một số cơ chế, chính sách cũ chưa được thay đổi dẫn đến nhiều vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách; xây dựng cơ bản còn khá phổ biến, với giá trị lớn, đầu tư dàn trải, phân bổ vốn thiếu tập trung; nhiều dự án, công trình kéo dài, thậm chí phải ngừng thi công, nhiều dự án chậm phát huy tác dụng và kém hiệu quả; một số nơi, việc sử dụng tài nguyên, đất đai và tài sản công lãng phí, sai mục đích. Buông lỏng quản lý, để thất thu tiền sử dụng đất, thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án với số tiền lớn; tổ chức đi công tác nước ngoài dàn trải, không tiết kiệm, kém hiệu quả; thậm chí, có một số nơi cán bộ, đảng viên còn chiếm dụng quỹ vì người nghèo, quỹ cứu trợ. Đặc biệt, những vi phạm về quan liêu, thiếu trách nhiệm trong Đảng đã được phát hiện và xử lý tập trung phổ biến trong việc triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do mang nặng cách làm việc hành chính, quan liêu, không có chương trình cụ thể, thiết thực, nên không ít nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa được chấp hành nghiêm túc, chưa thực sự đi vào cuộc sống nhưng chưa được kiểm tra, giám sát kịp thời.

- Nạn tham nhũng, "lợi ích nhóm" có chiều hướng gia tăng và ngày càng tinh vi, phức tạp. Quy mô các vụ tham nhũng ngày càng lớn, tính chất ngày càng phức tạp, có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều người,... Mặc dù nhiều vụ việc đã được xử lý, nhưng nhìn chung nạn tham

những tuy có được ngăn chặn, nhưng chưa được đẩy lùi. Có những vụ cán bộ, đảng viên móc nối, câu kết với những phần tử tiêu cực để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, dẫn đến một số cán bộ, đảng viên phải xử lý kỷ luật đảng và cả pháp luật, làm ảnh hưởng lớn đến uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng. Tình trạng nói nhiều - làm ít, nói hay - làm dở, cùng với việc xử lý các trường hợp vi phạm không kiên quyết và nghiêm minh xảy ra ở các cấp, các ngành, đặc biệt không gắn việc xử lý kỷ luật với xử lý về kinh tế và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, "lợi ích nhóm" dẫn đến nhân dân giảm lòng tin, có khi bất bình đối với một số cán bộ, đảng viên và hoài nghi sự lãnh đạo của Đảng. Các biểu hiện mất đoàn kết nội bộ rất đa dạng và phức tạp, nhất là trong thường trực cấp ủy, giữa bí thư với chủ tịch và phó bí thư cấp ủy, giữa bí thư với thủ trưởng cơ quan, giám đốc doanh nghiệp... Tình hình mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ thường diễn ra khi có biến động về công tác tổ chức, đặc biệt là các kỳ bầu cử cấp ủy, Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- Vẫn còn một số cấp ủy, tổ chức đảng nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát chưa đầy đủ nên chưa chủ động lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; công tác kiểm tra, giám sát có nơi, có lúc chất lượng, hiệu quả chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Mặt khác, một số ủy ban kiểm tra chưa chủ động và phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc tham mưu, giúp cấp ủy trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Việc kiểm tra, giám sát hoặc giải quyết những vấn đề liên quan đến đối tượng cùng cấp như kiểm tra cấp ủy viên cùng cấp, giám sát ủy viên ban thường vụ cấp ủy kể cả bí

thư, phó bí thư cấp ủy, kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp thì nhiều trường hợp, nhiều vấn đề qua kiểm tra, giám sát, giải quyết còn hình thức, ít có tác dụng, kém hiệu quả; nhiều khi bất lực, chưa bình đẳng, công bằng khi xem xét, kết luận, nhất là khi "đụng" đến một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của ủy ban kiểm tra các cấp, nhưng một số ủy ban kiểm tra vẫn e ngại, sợ đụng chạm, nhiều nơi khi có dư luận, công luận, bức xúc, sai phạm đã rõ mới tiến hành kiểm tra. Một số ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra chưa nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí, nhiệm vụ kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm. Trình độ chuyên môn và năng lực công tác của một số cán bộ kiểm tra chưa đáp ứng việc kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên trong nền kinh tế thị trường với xu thế toàn cầu hóa và chủ động hội nhập quốc tế. Biểu hiện rõ nhất ở một bộ phận cán bộ kiểm tra còn lúng túng, bị động cả về nhận thức và cách làm. Còn không ít cán bộ kiểm tra đồng nhất dấu hiệu vi phạm với vụ việc vi phạm đã rõ. Trong một số trường hợp, cán bộ kiểm tra còn thiếu hiểu biết kiến thức chuyên môn về lĩnh vực đang thẩm tra, xác minh, do vậy thiếu tự tin, thiếu kiên quyết; sự phối hợp với các cơ quan chức năng có chuyên môn sâu để thẩm tra, xác minh, làm rõ thường bị chậm hoặc không đến nơi, đến chốn, v.v. nên một số vụ vi phạm nghiêm trọng của tổ chức đảng và đảng viên chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Việc thi hành kỷ luật trong Đảng còn gặp nhiều khó khăn, do cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, còn nhiều bất cập, sơ hở, nhất là trong các lĩnh

vực quản lý kinh tế, tài chính, đất đai, nhà ở, đầu tư, xây dựng cơ bản, cấp phát và sử dụng vốn ngân sách, nên còn thiếu chuẩn mực để có cơ sở đánh giá đúng, sai, gây khó khăn cho công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Việc thi hành kỷ luật có nơi, có lúc chưa công minh, chưa đồng bộ, tính tự giác, tự phê bình giảm sút... Tình hình vi phạm của đảng viên trong thời gian qua có chiều hướng tăng, nhất là tham nhũng, "lợi ích nhóm" nhưng việc xử lý chưa tương xứng với thực tế vi phạm. Trong xem xét, xử lý còn có biểu hiện nể nang, hữu khuynh, bao che cho nhau theo kiểu "dễ người, dễ ta". Việc thu hồi vật chất bị chiếm dụng, tham ô chưa được coi trọng. Vì vậy, tính đồng bộ giữa xử lý kỷ luật đảng và xử lý kỷ luật chính quyền, đoàn thể chưa tốt.

- Phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng chậm được đổi mới.

- Một số tổ chức đảng, cấp ủy và ủy ban kiểm tra chưa nhận thức đầy đủ: Công tác kiểm tra, giám sát có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra, giám sát và giữ gìn kỷ luật là nhiệm vụ của toàn Đảng, nên vẫn còn tình trạng buông lỏng công tác kiểm tra, giám sát; một số tổ chức đảng và cấp ủy chưa tiến hành thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, nhất là các tổ chức đảng và cấp ủy trong bộ máy quản lý nhà nước. Thực tế cho thấy, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với Nhà nước trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng chưa làm được nhiều nên một số tổ chức đảng, đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước các cấp còn nhiều khuyết điểm, yếu kém, thậm chí có những tổ chức đảng và cấp ủy ở một số bộ, ngành buông lỏng lãnh đạo và chưa tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, trong khi cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát

chủ yếu là kiêm nhiệm, năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát còn hạn chế. Vì vậy, chưa đủ sức kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên trong bộ máy nhà nước (được minh chứng qua rất nhiều vụ vi phạm kỷ luật đặc biệt nghiêm trọng vừa qua). Do vậy, phải tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kiểm tra, giám sát Nhà nước thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong lĩnh vực này.

- Phương thức, kể cả hình thức và phương pháp kiểm tra, giám sát trong Đảng chưa thật sự đổi mới.

- Trong công tác kiểm tra, giám sát, nhất là xử lý kỷ luật, việc phối hợp với các ban đảng và cơ quan chức năng có nơi còn thiếu đồng bộ, chưa chặt chẽ nên có những việc "nổi cộm", những vụ án lớn liên quan đến nhiều cán bộ, đảng viên, chưa được phối hợp xem xét, xử lý kịp thời. Các vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, nhiều cấp, do không phối hợp kịp thời, chặt chẽ, dẫn đến một số trường hợp xử lý thiếu công bằng, chưa nghiêm minh, thậm chí bỏ lọt vi phạm, đặc biệt là vi phạm về tham nhũng, lãng phí, "lợi ích nhóm", thiếu trách nhiệm, về sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, về chạy chức, chạy quyền, gây băn khoăn, dị nghị trong nội bộ và nhân dân. Việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng chưa gắn với trách nhiệm từng cá nhân, nhất là thành viên cấp ủy nên tác dụng hạn chế.

- Quan điểm về mô hình tổ chức bộ máy và cách thức thành lập ủy ban kiểm tra các cấp còn thiếu thống nhất. Đội ngũ cán bộ kiểm tra: thiếu về số lượng, chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, nhất là ở cơ sở. Trong khi đó, hệ thống các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

kiểm tra chưa được quan tâm đúng mức; đội ngũ giảng viên về kiểm tra, giám sát đảng chủ yếu là kiêm nhiệm. Chính sách đối với cán bộ kiểm tra ở cơ sở và cán bộ kiểm tra kiêm nhiệm chưa được quan tâm. Hệ số chức vụ của ủy viên ủy ban kiểm tra từ cấp huyện trở lên còn bất cập.

- Một vấn đề nổi lên nhất hiện nay là: sự phát triển ngày càng sâu rộng của tình hình kinh tế - xã hội và diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và khu vực đang tác động mạnh vào trong Đảng, đang làm suy thoái một bộ phận không nhỏ và đã trở thành nguy cơ lớn, thách thức uy tín và sự tồn vong của Đảng. Tình trạng "vùng cấm" vẫn hiện hữu trong thực tế nên kìm hãm công tác kiểm tra, giám sát. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát ở nhiều nơi chưa thực chất. Ủy ban kiểm tra các cấp về tổ chức bộ máy, cán bộ rất bất cập, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu; tính độc lập tương đối trong thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế; ủy ban kiểm tra cấp trên chưa nắm được đội ngũ cán bộ của ủy ban kiểm tra cấp dưới...

Những vấn đề đặt ra về lý luận và thực tiễn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng qua hơn 30 năm đổi mới cần phải nghiên cứu để có giải pháp giải quyết, khắc phục trong thời gian tới là rất cần thiết và quan trọng.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN KINH TẾ CỦA ĐẢNG TRONG HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU HIỆN NAY

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẠO*

Hơn 30 năm trước, sự nghiệp đổi mới ở nước ta được bắt đầu từ những đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng thoát khỏi tư duy, nhận thức bảo thủ, giáo điều, chủ quan, duy ý chí, từng bước tìm tòi, phát triển tư duy, nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật khách quan, tính chất của thời đại và đặc điểm của đất nước. Những kết quả đổi mới tư duy, phát triển nhận thức lý luận đó đã góp phần quan trọng vào việc phát triển, ngày càng hoàn thiện đường lối đổi mới, tạo nên thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước hơn 30 năm qua. Trong những kết quả đổi mới tư duy, phát triển nhận thức lý luận đó, có những đổi mới tư duy, nhận thức lý luận trong lĩnh vực kinh tế, mà nổi bật là nhận thức lý luận về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

---

* Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Tình hình và kết quả phát triển nhận thức lý luận về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) mở ra thời kỳ đổi mới đất nước. Đại hội đã phê phán sâu sắc quan điểm giáo điều, nóng vội, chủ quan, duy ý chí, không tôn trọng quy luật khách quan trong đường lối phát triển kinh tế đất nước những năm trước đổi mới, đưa đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài. Đại hội đề ra đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần để giải phóng sức sản xuất, khẳng định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của nền kinh tế thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời, Đại hội cũng xác định phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, tính kế hoạch là đặc trưng số một, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ là đặc trưng số hai của cơ chế quản lý kinh tế mới, chuyển các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; "Sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả"[1], "phải có *chính sách mở rộng giao lưu hàng hóa*, xoá bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính"[2], "phấn đấu thi hành chính sách một giá, đó là giá kinh doanh thương nghiệp"[3]. Tại Đại hội VII của Đảng (năm 1991), quan điểm về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có bước phát triển mới. Đại hội khẳng định các thành phần kinh tế

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, ph.I, tr. 61.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.61, 68.

bình đẳng, "vừa cạnh tranh vừa hợp tác, bổ sung cho nhau trong nền kinh tế quốc dân thống nhất"[1]; "Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác"[2], Trong cơ chế đó, "*thị trường* có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả; *Nhà nước* quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, kiểm soát chặt chẽ và xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội"[3]. Đại hội đã chủ trương: "*Từng bước hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường* hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, dịch vụ, thị trường vốn và tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường sức lao động... Xây dựng thí điểm thị trường chứng khoán khi có điều kiện"[4].

Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) tiếp tục khẳng định: "Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần"[5], trong đó "kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng"[6]; đồng thời khẳng định: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội"[7],

---

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.331, 331-332, 332, 334, 677, 677, 681-682.

"Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch"[1], "Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế, chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng các nguồn lực của khu vực kinh tế nhà nước"[2] và chủ trương "Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội"[3].

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) khẳng định: nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa "chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*"[4]. Nền kinh tế đó có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhưng kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc; vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội; tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển. Đại hội IX của Đảng cũng khẳng định: "đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội"[5]; đồng thời chủ trương: "*thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước*

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.682, 682, 695.

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.68, 70.

hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa"[1], từ thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường khoa học, công nghệ, thị trường vốn, thị trường bất động sản; "*tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế*"[2], bao gồm đổi mới công tác kế hoạch hóa, quản lý ngân sách nhà nước, chính sách thuế và xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại.

Đại hội X của Đảng (năm 2006) tập trung làm rõ định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Đó là mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"[3]; kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách phát triển; phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội; phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại hội khẳng định: "Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế"[4] và chủ trương: "sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa"[5] để doanh nghiệp cổ phần trở thành hình thức phổ biến trong nền kinh tế; thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài; phát triển đồng bộ các loại thị

1, 2, 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.79, 81, 350, 354, 355.

trường, đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng, công tác quy hoạch, kế hoạch, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế.

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) tiếp tục làm rõ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế "vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội"[1] và chủ trương gắn phát triển kinh tế thị trường với tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới; chủ trương từng bước xây dựng các doanh nghiệp nhà nước mang tầm khu vực và toàn cầu, tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào tập đoàn kinh tế nhà nước; chuyển các đơn vị dịch vụ công sang cơ chế tự chủ, hoạt động phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) xác định rõ hơn nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: "là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo"[2], vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; "thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 205.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 102.

yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường"[1]. Đại hội cũng có những chủ trương mới đối với phát triển các thành phần kinh tế: tách chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước khỏi chức năng quản lý nhà nước của các bộ, thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước; tách nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích; đổi mới tổ chức, quản lý doanh nghiệp nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế; "phát triển mạnh *kinh tế tư nhân* ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế"[2]; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài, chủ động lựa chọn dự án có công nghệ hiện đại, có liên kết với doanh nghiệp trong nước, có vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu...

Qua các kỳ Đại hội Đảng trong hơn 30 năm đổi mới, có thể thấy rằng nhận thức lý luận của Đảng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước phát triển, ngày càng hoàn thiện phù hợp với quy luật khách quan, xu hướng của thời đại và thực tiễn đất nước:

- Từ phủ nhận kinh tế thị trường, đối lập kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội, đã thừa nhận kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện. Khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới, nền kinh tế mà nước ta xây dựng được xác định là nền kinh tế nhiều thành phần, sau đó là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch, trong đó, kế

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr. 103, 107-108.

hoạch vẫn được xem là tính thứ nhất, hàng hóa là tính thứ hai của nền kinh tế; thị trường vừa là một căn cứ, vừa là một đối tượng của kế hoạch. Tiến thêm một bước nữa, nền kinh tế nước ta được xác định rõ hơn là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến Đại hội IX của Đảng, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa mới được xác định là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sau đó, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được bổ sung, phát triển, được xác định là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

- Từ nền kinh tế chỉ có hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể, hai loại hình kinh tế chủ yếu là xí nghiệp quốc doanh và tập thể, đã thừa nhận phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh. Nhận thức về nền kinh tế nhiều thành phần, vai trò của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ, hoàn thiện. Việc phát triển các thành phần kinh tế ban đầu được nhận thức là để giải phóng sức sản xuất bị nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp kìm hãm; sau đó, được khẳng định sẽ thực hiện nhất quán, lâu dài, được xác định là một đặc trưng của nền kinh tế thị trường, đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các thành phần kinh

tế bình đẳng, vừa cạnh tranh, vừa hợp tác, bổ sung cho nhau trong nền kinh tế quốc dân thống nhất. Kinh tế tư nhân ban đầu được xác định là tồn tại lâu dài, tiến tới được xác định là có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế; và sau đó, được xác định là một động lực quan trọng của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển, tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước được xác định giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể trở thành nền tảng của nền kinh tế; đồng thời, chủ trường phải sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là cổ phần hóa, để doanh nghiệp cổ phần trở thành hình thức phổ biến trong nền kinh tế, doanh nghiệp nhà nước tập trung vào các lĩnh vực then chốt, những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; đổi mới tổ chức và quản lý doanh nghiệp nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế, tách nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích (được thực hiện theo cơ chế đặt hàng của Nhà nước); tách chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp khỏi chức năng quản lý của các bộ, thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Đối với việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, nhận thức cũng có sự điều chỉnh, phát triển, từ thực hiện các chính sách rộng rãi để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện để kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển thuận lợi, đến chủ trương nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có công nghệ và trình độ quản lý hiện đại, có vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và có liên kết với doanh nghiệp trong nước.

- Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, giữa vai trò quản lý của Nhà nước và vai trò điều tiết của cơ chế thị trường là những quan hệ cơ bản, quan trọng hàng đầu trong nền kinh tế thị trường mà mọi quốc gia có nền kinh tế thị trường phải quan tâm giải quyết. Ở nước ta, trong những năm đổi mới vừa qua, nhận thức và chủ trương của Đảng về giải quyết mối quan hệ này cũng phát triển, ngày càng đầy đủ, hoàn thiện. Ngay từ những năm đầu đổi mới, khi nền kinh tế nước ta được xác định là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch, kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (chưa được xác định là kinh tế thị trường), Đảng ta đã chỉ rõ cơ chế vận hành của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Trong đó, thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả; Nhà nước quản lý bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường, kiểm soát và xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế và bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Để tạo điều kiện cho cơ chế thị trường hoạt động, Đảng ta chủ trương hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường hàng hóa, dịch vụ, vốn, sức lao động..., xây dựng thí điểm thị trường chứng khoán khi có điều kiện.

Khi nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, thì vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa luôn được

quan tâm, được xác định là đột phá chiến lược để phát triển kinh tế nhanh, bền vững; trong đó, nội dung chủ yếu là để phát huy đầy đủ vai trò của cơ chế thị trường và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước. Phải thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường, phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường; bảo đảm môi trường tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng, công khai, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong tiếp cận các nguồn lực và các hoạt động sản xuất kinh doanh, để thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất, các nguồn lực của Nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước, nhưng đồng thời, cũng phải phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước phải giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; hoàn thiện thể chế kinh tế; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế, phát triển xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh; tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện, xử lý nghiêm sai phạm, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân...

- Cùng với phát triển nhận thức về kinh tế thị trường, nhận thức của Đảng về định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường cũng từng bước phát triển, ngày càng hoàn thiện. Ban đầu, tính kế hoạch được xem là đặc trưng số một, tính hàng hóa chỉ là đặc trưng số hai của nền kinh tế; thị trường vừa là cơ sở của kế hoạch, vừa là đối tượng của kế hoạch; nhấn mạnh vai trò điều tiết, hướng dẫn nền kinh tế

của Nhà nước. Đến nay, định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường được xác định rõ hơn, bao gồm nhiều yếu tố. Đó là nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo; bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.

2. Tình hình và kết quả phát triển nhận thức lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hoá

Từ Đại hội III của Đảng (năm 1960), Đảng ta đã đề ra đường lối công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, Đại hội VI của Đảng (năm 1986), mở ra sự nghiệp đổi mới, diễn ra ở thời điểm nước ta còn chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nên Đại hội đã đề ra nhiệm vụ bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, tập trung vào thực hiện ba chương trình mục tiêu là sản xuất lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu để đáp ứng yêu cầu cấp bách của đất nước. Đại hội VII của Đảng (năm 1991) diễn ra trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta vẫn chưa chấm dứt, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát cho 5 năm 1991-1995 là "*vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế -*

xã hội,... đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay"[1]. Do đó, Đại hội tiếp tục đề ra nhiệm vụ: "*Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến*"[2], "Đẩy mạnh sản xuất *hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*"[3], "Phát triển một số ngành *công nghiệp nặng* trước hết phục vụ cho sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu"[4]. Khi nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (năm 1994), Đảng ta đã chủ trương: "đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"[5], "công nghiệp hóa thực chất là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội"[6], "công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hoá"[7]. Đồng thời, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng cũng đã nêu rõ nhiều quan điểm và nhiệm vụ để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như: "Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương hướng phát triển, lựa chọn các dự án đầu tư và công nghệ"[8], "... phải rất quan tâm đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn"[9], "Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường để phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao"[10].

Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) xác định: "*Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*"[11], "Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây

---

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.326, 328, 329, 330, 525, 526, 526, 526, 527, 527-528, 740.

dựng nước ta thành một nước có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp"[1]. Đồng thời, Đại hội cũng đã đề ra những quan điểm và nhiệm vụ cụ thể để thực hiện mục tiêu, như: công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản, khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hoá; lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; phát triển có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) tiếp tục khẳng định đường lối "*Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm*"[2], "*tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*"[3].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.618.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.21.

Đại hội chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần vừa có những bước phát triển tuần tự, vừa có bước phát triển nhảy vọt, từng bước phát triển kinh tế tri thức; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá; đồng thời, đề ra các nhiệm vụ cụ thể để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; vừa phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, vừa đi nhanh vào một số ngành công nghiệp có công nghệ cao, hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, dệt, da, may mặc, xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị cho các ngành kinh tế và quốc phòng; xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng; phát triển mạng lưới đô thị phân bổ hợp lý trên các vùng...

Đại hội X của Đảng (năm 2006) tiếp tục khẳng định đường lối "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020"[1]; đề ra các chỉ tiêu cơ cấu ngành trong GDP năm 2010: khu vực nông nghiệp khoảng 15-16%, công nghiệp - xây dựng 43-44%, dịch vụ 40-41% và lao động nông nghiệp năm 2010 chiếm dưới 50% lao động xã hội. Đại hội nhấn mạnh các nhiệm vụ: "coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao"[2], "phát triển đồng bộ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.430, 434.

công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp quốc phòng"[1], "xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại"[2], "tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ"[3].

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) tiếp tục khẳng định đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đồng thời nêu thêm mục tiêu "đến giữa thế kỷ XXI trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"[4], đề ra chỉ tiêu đến năm 2015, trong cơ cấu GDP: công nghiệp 17-18%, công nghiệp và xây dựng 41-42%, dịch vụ 41-42%; sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 35% tổng GDP. Đại hội đề ra nhiệm vụ cơ cấu lại, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, trong đó có yêu cầu: "*Cơ cấu lại, xây dựng nền công nghiệp theo hướng phát triển mạnh những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, từng bước có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu*"[5]; ưu tiên phát triển các lĩnh vực cơ khí chế tạo, sản xuất máy móc, thiết bị thay thế nhập khẩu, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp quốc phòng, an ninh, công nghiệp phục vụ

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.438, 440, 441.

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.186, 193.

nông nghiệp, nông thôn. Phát triển hợp lý công nghiệp sử dụng nhiều lao động; tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) tiếp tục khẳng định đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, và đề ra các nhiệm vụ: đẩy mạnh cơ cấu lại công nghiệp, phát triển các ngành công nghiệp nền tảng (năng lượng, luyện kim, hóa chất) với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; công nghiệp cơ khí, chế tạo, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, gắn kết các tập đoàn đa quốc gia và doanh nghiệp trong nước; cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh phát triển ngành dịch vụ, nhất là những dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao (du lịch, vận tải, thông tin truyền thông, hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tài chính, ngân hàng,...); xác định hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại...

Từ các chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ đề ra trong các kỳ Đại hội Đảng, có thể thấy rằng:

- Trong hơn 30 năm qua, khi đất nước còn chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, thì chủ trương, đường lối của Đảng tập trung vào khắc phục khó khăn, vượt qua khủng hoảng. Ngay khi đất nước ra khỏi khủng hoảng, Đảng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với việc phát triển nền kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nội dung cơ bản, quan trọng nhất trong đường lối kinh tế của Đảng, được nêu ra trong tất cả các kỳ Đại hội Đảng. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xem là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, để nước ta trở thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất, tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó là mục tiêu chung, đồng thời Đảng ta còn xác định cả mục tiêu cụ thể. Từ Đại hội VIII (năm 1996) đến Đại hội XI (năm 2011), Đảng ta đều xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đại hội XII (năm 2016), Đảng ta đánh giá đến năm 2020 nước ta chưa thể thực hiện được mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa nên đã xác định: phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đại hội XI của Đảng còn nêu thêm mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo hướng xã hội chủ nghĩa.

- Là nước đi sau, thực hiện công nghiệp hóa trong bối cảnh trên thế giới đang diễn ra quá trình toàn cầu hóa và cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại. Đảng ta chủ trương công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa, vừa có bước phát triển tuần tự, vừa có bước phát triển nhảy vọt, từng bước phát triển

kinh tế tri thức. Qua các kỳ Đại hội, Đảng ta đã đề ra nhiều quan điểm chỉ đạo việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như: công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực hiện trong điều kiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương hướng phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản, khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh...

- Những nhiệm vụ, nội dung cụ thể để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các kỳ Đại hội Đảng đã có điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu của đất nước trong từng giai đoạn. Nhiều nội dung, nhiệm vụ lớn, quan trọng được đề ra ở nhiều Đại hội, cho nhiều giai đoạn, như: thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; xây dựng có chọn lọc một số ngành công nghiệp quan trọng, nền tảng, sản xuất tư liệu sản xuất, công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp quốc phòng; phát triển các ngành dịch vụ, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển hệ thống đô thị... Từ Đại hội XI, thực hiện chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, các nhiệm vụ, nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng có những điều chỉnh, bổ sung, yêu cầu phải cơ cấu lại công nghiệp, phát triển mạnh những ngành có tính chất nền tảng, có lợi thế cạnh tranh, có ý nghĩa chiến lược, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, có khả năng tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu; cụ thể, như: phát triển các ngành công

nghiệp năng lượng, luyện kim, hóa chất với trình độ công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, công nghiệp cơ khí, chế tạo sản xuất máy móc, thiết bị thay thế nhập khẩu, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp quốc phòng, an ninh... Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn để tăng năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Cơ cấu lại các ngành dịch vụ, phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, công nghệ và giá trị gia tăng cao. Tạo bước đột phát xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ và hiện đại...

3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Mặc dù nhờ đường lối đổi mới trong hơn 30 năm qua, kinh tế nước ta đã có sự phát triển vượt bậc, đạt được những thành tựu to lớn, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đại hội XII của Đảng đánh giá, kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô có lúc thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Kinh tế vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp, năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp nhiều so với một số nước trong khu vực. Việc cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng còn thiếu đồng bộ, kết quả đạt được hạn chế. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn còn chậm. Các ngành dịch vụ chất lượng

cao chậm phát triển. Kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước. Doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, chưa thể hiện được vai trò là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước. Hầu hết doanh nghiệp tư nhân quy mô còn nhỏ, chưa thực hiện tốt vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động chủ yếu trong ngành sử dụng nhiều lao động, khai thác tài nguyên, ít liên kết, chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến cho doanh nghiệp trong nước... Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 không đạt được mục tiêu đề ra. Nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực vẫn chưa được loại bỏ.

Đại hội XII của Đảng cũng chỉ ra những hạn chế, yếu kém này có nguyên nhân từ cả những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện, cả từ những vấn đề nhận thức lý luận chưa được làm rõ. Đại hội cho rằng, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội vẫn còn một số vấn đề chưa đủ rõ, như về kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể; về sở hữu đất đai; chưa có đột phá về thể chế để tạo động lực phát triển mạnh mẽ các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường; nhận thức về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa đầy đủ; chưa xác định rõ những ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh, những ngành, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần ưu tiên trong chính sách công nghiệp quốc gia cho từng giai đoạn; chưa nhận thức đầy đủ và xử lý tốt mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; chưa nhận thức đầy đủ

và xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế đất nước nhanh, hiệu quả, bền vững trong bối cảnh mới, nhất là trước những thời cơ và thách thức do cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra, bên cạnh các chương trình, đề tài, đề án đang được triển khai, công tác nghiên cứu lý luận kinh tế cần góp phần giải quyết những vấn đề sau:

- Tiếp tục làm rõ và xử lý tốt mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Tiếp tục làm rõ và xử lý tốt mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa Nhà nước và thị trường.

- Hoàn thiện thể chế để huy động mạnh mẽ, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phát triển kinh tế nhanh, bền vững trong thời kỳ mới.

- Hoàn thiện thể chế tạo môi trường thuận lợi và động lực thúc đẩy phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, bao gồm: cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công; cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ

chức tài chính, nhất là các ngân hàng thương mại; cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, phát triển nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao; chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang chủ yếu phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh.

- Phát triển, nâng cao vai trò của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp 4.0. Xây dựng hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục làm rõ và xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

NHẬN THỨC, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN VĂN TIẾN*

Nông nghiệp, nông thôn có vị trí hết sức quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã xác định: "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc..."[1]; "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"[2]. Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới là xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại; sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông

---

* Vụ trưởng Vụ Nông nghiệp - Nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.123-124.

thôn mới có cơ cấu kinh tế, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại gắn với phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển nông nghiệp gắn với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí cao; bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, phát triển hài hòa giữa các vùng. Đó là kết quả của quá trình phát triển về tư duy của Đảng, Nhà nước ta về phát triển nông nghiệp, nông thôn từ sau đổi mới đến nay.

1. Chủ trương, đường lối của Đảng

Sau đổi mới (năm 1986), Đảng ta đã đề ra những chủ trương quan trọng về đổi mới, trước hết là đổi mới kinh tế; thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, nhấn mạnh vai trò hàng đầu của nông nghiệp trong việc đáp ứng những yêu cầu cấp bách về lương thực, thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Phấn đấu đưa nông nghiệp trở thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa. Đại hội VI của Đảng khẳng định: "Bảo đảm cho nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu, được ưu tiên đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư, về năng lượng, vật tư và lao động kỹ thuật; tập trung trước hết cho những vùng trọng điểm nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao"[1].

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã tiếp tục bổ sung, khẳng định và làm rõ tầm quan trọng của vấn đề này: "Phát triển *nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến,*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.269-270.

phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội"[1]. Nét nổi bật của Đại hội VII là nhấn mạnh vị trí, vai trò của nông nghiệp và kinh tế nông thôn; coi phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước, có ý nghĩa quyết định đối với ổn định tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng nêu rõ: "Phát triển mạnh các ngành nghề, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đưa nhanh kỹ thuật nông nghiệp và công nghệ mới đến tận hộ gia đình; giải quyết việc làm và thay đổi cơ cấu lao động, giảm bớt số lao động sản xuất nông nghiệp. Hình thành các điểm công thương nghiệp và văn hóa ở nông thôn"[2].

Hội nghị Trung ương 5 khoá VII về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, đã xác định mục tiêu, quan điểm, phương hướng và giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn giàu mạnh, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lần đầu tiên Đảng ta đã đưa ra khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, coi đó là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu. Hội nghị Trung ương 7 khóa VII, một lần nữa nhấn mạnh: phải quan tâm đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Điều đó vừa khẳng định nhiệm vụ cấp bách công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở nước ta, vừa chỉ ra Đảng và các cơ quan nhà nước phải không ngừng tăng cường chỉ đạo phát triển

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.328, 440.

nông nghiệp, nông thôn, bảo đảm về lương thực, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của xã hội và xuất khẩu; cung cấp ngày càng lớn về nguyên liệu cho phát triển công nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân.

Trên cơ sở đánh giá kết quả 10 năm đổi mới, với những tiền đề đã được tạo ra, Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) tiếp tục phát triển nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm từng bước nâng cao đời sống nông dân. Cụ thể là: (1) Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, hình thành các vùng tập trung chuyên canh, có cơ cấu hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, bảo đảm an toàn về lương thực trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến và của thị trường trong, ngoài nước; (2) Thực hiện thuỷ lợi hóa, điện khí hóa, cơ giới hóa, sinh học hoá...; (3) Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản với công nghệ ngày càng cao, gắn với nguồn nguyên liệu và liên kết với công nghiệp ở đô thị...; (4) Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại”[1].

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã tiếp tục bổ sung, phát triển những quan điểm cơ bản về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới. Đại hội chỉ rõ: “Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn*. Tiếp tục phát triển và đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp lên một trình độ mới bằng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.673-674.

ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học; đẩy mạnh thuỷ lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hoá; quy hoạch sử dụng đất hợp lý; đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu được trên đơn vị diện tích; giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa. Đầu tư nhiều hơn cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, các ngành nghề đa dạng, chú trọng công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các làng nghề, chuyển một bộ phận quan trọng lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, tạo nhiều việc làm mới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống nông dân và dân cư ở nông thôn"[1].

Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010 là nghị quyết chuyên đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và đặt trong mối quan hệ với sự phát triển của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, kinh tế tư nhân và với sự phát triển văn hóa, xã hội. Hội nghị Trung ương 7 khoá IX đã ban hành Nghị quyết về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (số 26-NQ/TW ngày 12-3-2003), đề ra những quan điểm cơ bản về đổi mới chế độ sử dụng đất đai với từng loại đất cụ thể, như đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp,... Đồng thời, phân định nhiệm vụ, quyền hạn quản lý đất đai của Nhà nước; xác định các chính sách giao đất, thuê đất sản

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.73-74.

xuất, tạo điều kiện về đất đai để thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn tiếp tục phát triển.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (năm 2006) đã khẳng định phát triển nông nghiệp, nông thôn là sự lựa chọn bước đi đúng đắn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời chủ trương đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Đại hội khẳng định: "Hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; tạo điều kiện từng bước hình thành nền nông nghiệp sạch... bảo đảm vững chắc an ninh lương thực"[1]. "Sớm khắc phục tình trạng manh mún về đất canh tác của các hộ nông dân, khuyến khích việc dồn điền đổi thửa, cho thuê, góp vốn cổ phần bằng đất; phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ gắn với hình thành các ngành nghề, làng nghề, hợp tác xã, trang trại, tạo ra những sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao"[2].

Cùng với chủ trương phát triển nông nghiệp, nông thôn, Đại hội X của Đảng đã đề ra chủ trương: "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác"[3], mở ra cơ hội mới cho ngành nông

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.434, 358, 375.

nghiệp và phát triển nông thôn. Ngày 05-02-2007, Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Hội nghị Trung ương 7 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05-8-2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn được coi như "luồng gió mới" cho sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn. Nghị quyết đã nêu một cách tổng quát về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ cũng như phương thức tiến hành quá trình xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay, phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển của đất nước. Quan điểm đó của Đảng là sự kế thừa và phát huy những bài học kinh nghiệm lịch sử về phát huy sức mạnh toàn dân, huy động mọi nguồn lực để tạo ra sức mạnh tổng hợp xây dựng nông thôn mới. Nghị quyết khẳng định: các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (năm 2011) nêu rõ: "**Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với**

giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn"[1]... "Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao và các giải pháp đổi mới công nghệ, chế tạo sản phẩm mới... tham gia ngày càng nhiều và có hiệu quả vào những khâu, công đoạn có hàm lượng khoa học, giá trị gia tăng cao trong mạng sản xuất và phân phối toàn cầu"[2]. "*Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn*, đặc biệt là công nghiệp sản xuất trang thiết bị, máy móc làm đất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông - lâm - thuỷ sản, sản phẩm xuất khẩu; sản xuất phân bón, thức ăn cho chăn nuôi và thuốc bảo vệ động, thực vật"[3].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: "*Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững*, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới. Trên cơ sở tích tụ đất đai, đẩy mạnh cơ giới hóa, áp dụng công nghệ hiện đại (nhất là công nghệ sinh học); bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, vùng chuyên môn hóa, khu nông nghiệp công nghệ cao, các tổ hợp sản xuất lớn"[4].

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 cũng nêu rõ: "Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Tiếp tục phát triển phù hợp các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động"[5].

1, 2, 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.195, 192, 193-194, 195-196, 112-113.

Hội nghị Trung ương 6 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 31-10-2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã xác định: phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế... Xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, có chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ hiện đại, trước hết là đối với những ngành, lĩnh vực chủ lực, mũi nhọn; ưu tiên phát triển công nghệ cao. Tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước có nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến; sản xuất và xuất khẩu hàng đầu thế giới về lúa gạo, thủy sản và sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới; quy hoạch các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

Từ sau đổi mới, có thể thấy sự phát triển trong tư duy lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về nông nghiệp, nông thôn qua mỗi thời kỳ: từ phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng để ổn định tình hình kinh tế - xã hội (năm 1991); đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân (năm 2006). Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn (năm 2011)...; phù hợp với điều kiện của từng vùng; khai thác được lợi thế hội nhập quốc tế; áp dụng phổ biến khoa học và công nghệ, tri thức trong nông nghiệp, nông thôn; tăng cường

đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn;... Việc xác định vị trí quan trọng của nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong quá trình hiện đại hóa đất nước là thực tế khách quan.

Đảng ta luôn luôn coi trọng nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực; đưa nhanh khoa học, công nghệ vào sản xuất; thúc đẩy cơ giới hóa, hiện đại hóa nông thôn tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường. Phương hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là phải phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; tính toán đến yêu cầu phát triển bền vững trong tương lai; nâng tỷ trọng sản phẩm công nghiệp xuất khẩu đã qua chế biến. Trong giai đoạn hiện nay và sắp tới, Đảng ta xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Tuy nhiên, do thiếu nguồn lực và việc triển khai thực hiện qua nhiều khâu, nhiều bước từ chủ trương đến thực hiện chính sách, nên giữa mục tiêu và kết quả đạt được còn một khoảng khá xa.

2. Cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước

Sau đổi mới thể chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn có nhiều đổi mới và ngày càng hoàn thiện, nhất

là sau khi nước ta gia nhập WTO. Quốc hội, Chính phủ đã ban hành, sửa đổi, hoàn thiện nhiều văn bản luật quan trọng: Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Thủy sản, Luật Thủy lợi, Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật An toàn thực phẩm, Luật Tài nguyên nước, Luật Hợp tác xã, Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết về miễn, giảm tiền sử dụng đất nông nghiệp... Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04-6-2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10-6-2013 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;... Hệ thống các cơ chế, chính sách để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới đã cơ bản đáp ứng yêu cầu. Cụ thể:

- *Chính sách đất đai:* Luật Đất đai và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành đã khuyến khích người dân yên tâm đầu tư sản xuất, hình thành nên những vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn góp phần giải phóng sức lao động và đưa nông nghiệp Việt Nam phát triển toàn diện. Việc định giá quyền sử dụng đất nông nghiệp đã từng bước theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, ngăn chặn đầu cơ tạo nguồn vốn cho nông dân bị thu hồi đất nông nghiệp. Chính sách thu hồi đất và đền bù đất nông nghiệp từng bước giải quyết hài hòa lợi ích của người bị thu hồi đất, Nhà nước và nhà đầu tư.

- *Chính sách đầu tư:* Luật Đầu tư công (số 49/2014/QH13), Luật Ngân sách Nhà nước (số 83/2015/QH13), Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19-12-2013 của Chính phủ về chính

sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn[1],...

Vốn đầu tư cho nông, lâm nghiệp, thủy sản trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội tăng theo các năm (giai đoạn 2004-2008 là 17%/năm, giai đoạn 2009-2013 là 5,8%/năm). Giai đoạn 2009-2013, nguồn vốn đầu tư cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 67% so với giai đoạn 2004-2008, nhưng tỷ trọng đầu tư cho nông, lâm nghiệp và thủy sản lại giảm dần. Đầu tư cho nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 8,46% vốn đầu tư toàn xã hội trong năm 2003, năm 2013 con số này chỉ còn 5,8%; năm 2014, đầu tư cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 6,0% so với đầu tư toàn xã hội.

Những ưu đãi, hỗ trợ từ Nhà nước theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19-12-2013 của Chính phủ đã thu hút các doanh nghiệp đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra, còn được hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ phát triển thị trường, trong đó hỗ trợ chi phí quảng cáo đến 70%, được hỗ trợ dịch vụ tư vấn, hỗ trợ áp dụng khoa học và công nghệ, hỗ trợ cước phí vận tải; nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi cũng được ưu tiên và chú trọng đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23-4-2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ).

- *Chính sách tài chính, tín dụng:*

+ *Về thuế, phí* trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

1. Thay thế Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04-6-2010 của Chính phủ.

của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân; Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24-11-2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10-9-2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28-11-2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi, trong đó có quy định về miễn, giảm thủy lợi phí,... về thuế sử dụng đất nông nghiệp, tiếp tục kéo dài việc thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức đến năm 2020. Với chính sách miễn thuế này, mỗi năm nông dân và khu vực nông nghiệp được gia tăng thu nhập khoảng gần 2.000 tỷ đồng (theo giá năm 1999). Về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thuế đất), đã thực hiện miễn thuế cho các đối tượng: (i) Đất ở trong hạn mức tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (ii) Đất ở trong hạn mức của hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và thực hiện giảm 50% số thuế phải nộp đối với đất ở trong hạn mức tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất đã được quy định phù hợp trong Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Về chính sách tín dụng, hỗ trợ lãi suất và hỗ trợ đầu tư được quy định tại nhiều văn bản pháp luật như: Nghị định

số 55/2015/NĐ-CP ngày 09-6-2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn[1]; Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30-8-2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14-11-2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp[2]; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25-10-2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn[3]; Quyết định số 1050/QĐ-NHNN ngày 28-5-2014 quy định về việc cho vay thí điểm đối với các mô hình liên kết trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp...

- *Chính sách về khoa học và công nghệ:* Luật Công nghệ cao và Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11-4-2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17-12-2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp.

- *Hợp tác quốc tế:* Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020

1. Thay thế Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12-4-2010 của Chính phủ.

2. Thay thế Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15-10-2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02-12-2011.

3. Thay thế Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24-6-2002.

(Quyết định số 735/QĐ-TTg ngày 18-5-2011). Mục tiêu chính của hợp tác quốc tế là góp phần đưa Việt Nam trở thành nước mạnh trong một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, rút ngắn khoảng cách về trình độ khoa học và công nghệ của nước ta với quốc tế vào năm 2020. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13-5-2014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10-7-2014 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 07-7-2015 về tiếp tục triển khai Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó, các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong khuôn khổ đa phương và song phương được duy trì và phát triển. Một số chương trình hợp tác với các đối tác nước ngoài được triển khai mạnh mẽ, góp phần hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...

Tuy nhiên, cơ chế, chính sách vẫn chủ yếu thiên về phát triển theo chiều rộng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp tăng chậm, thậm chí còn giảm dần. Hệ thống cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn thiếu đồng bộ, đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu. Hoạt động của cơ quan quản lý ngành nông nghiệp thiên về chỉ đạo sản xuất mà chưa chú trọng, tập trung cho việc hoàn thiện thể chế nông nghiệp, nông thôn.

3. Kết quả đạt được

Sau đổi mới đến nay, nông nghiệp, nông thôn nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và khá toàn diện. Nông nghiệp tăng trưởng liên tục, bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm cho nhu cầu trong nước; xuất khẩu nông, lâm nghiệp, thuỷ sản tăng nhanh, góp phần cải thiện cán cân thanh toán, giải quyết việc làm, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng cho các ngành khác phát triển và ổn định chính trị - xã hội. Tăng trưởng nông nghiệp bình quân đạt 3,75%/năm trong thời kỳ 1986-2009 (theo giá cố định năm 1994) và khoảng 3,13%/năm trong thời kỳ 2010-2015 (theo giá cố định năm 2010); cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng lâm nghiệp và ngư nghiệp nhằm khai thác tốt hơn tiềm năng đất đai vùng trung du, miền núi, ven biển. Trình độ khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản từng bước được nâng cao theo hướng sử dụng giống mới, công nghệ sinh học, phương thức canh tác, quản trị tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, thủy sản.

Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Ở nhiều địa phương, nhất là vùng đồng bằng, tại địa bàn nông thôn đã hình thành các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dịch vụ thu hút nhiều lao động và tạo ra cơ cấu kinh tế mới cho địa bàn. Trong hầu hết các vùng nông thôn, đã diễn ra quá trình chuyển dịch lao động, thu hút một số lượng lớn lao động từ nông thôn di chuyển đến các khu công nghiệp, đô thị, hoặc xuất khẩu lao động... Năm 1995, lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm hơn 71% tổng lao động cả nền kinh tế, năm 2015 còn 44,3%. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn

được cải thiện rõ rệt, thu nhập của người dân nông thôn năm 2015 tăng gấp 1,9 lần so với năm 2010.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được tăng cường, nhất là hạ tầng cơ sở thiết yếu: hệ thống giao thông, điện, trường học, cơ sở y tế, thông tin truyền thông...; bộ mặt nông thôn ở nhiều nơi được đổi mới, văn minh hơn, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố. Kết quả sau 5 năm thực hiện Chương trình nông thôn mới: đến cuối năm 2015 có 1.478 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 16,5%); 15 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt 12,9 tiêu chí, tăng gần 8,2 tiêu chí/xã so với 5 năm trước.

Tuy vậy, nông nghiệp, nông thôn vẫn còn những hạn chế, yếu kém sau:

- Nông nghiệp tăng trưởng kém bền vững, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản còn thấp: tăng trưởng từ mức 3,29% năm 2010 xuống còn 2,64% năm 2013, năm 2014 đạt 3,44%, năm 2015 chỉ đạt khoảng 2,41%, năm 2016 do hạn hán, thiên tai nên tăng trưởng ngành nông nghiệp chỉ đạt 1,2% - thấp nhất trong 6 năm qua.

- Sản xuất nông nghiệp chủ yếu dựa trên sản xuất nông hộ quy mô nhỏ lẻ, manh mún, giá trị gia tăng và hiệu quả thấp (34,7% hộ sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có diện tích canh tác dưới 0,2 ha/hộ, 69% số hộ có quy mô dưới 0,5 ha/hộ). Cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp còn yếu và lạc hậu, nhất là hạ tầng sản xuất thuỷ sản, lâm nghiệp, dịch vụ vận chuyển, kho bãi và mạng lưới phân phối. Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp chậm phát triển, thiếu liên kết. Mặc dù trong thời gian qua đã có nhiều mô hình tổ chức sản xuất nông nghiệp mới, nhưng chưa

nhiều, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp. Mối quan hệ giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất, thu mua, chế biến, thương mại chưa tốt đã làm tăng chi phí trung gian, chi phí sản xuất. Công nghệ sản xuất sau thu hoạch như phơi sấy, chế biến, bảo quản... còn nhiều hạn chế, dẫn đến chất lượng sản phẩm thấp, chưa đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình hội nhập.

- Công nghiệp hóa - đô thị hóa nông thôn còn mang tính tự phát, thiếu liên kết kinh tế giữa đô thị và nông thôn; công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn chậm phát triển. Thu nhập thấp, đời sống người dân nông thôn còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ nghèo ở vùng nông thôn (9,3%) cao hơn mức bình quân chung cả nước (4,5%). Thu nhập của người dân nông thôn (24,6 triệu đồng/người) thấp hơn nhiều so với mức bình quân của cả nước (45,7 triệu đồng/người). Tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đất đai, không khí ngày càng tăng, nhất là các vùng ven đô thị và khu công nghiệp.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần quan trọng thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Để thực hiện nhiệm vụ đó, cần có một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế về nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Rà soát,

điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng liên vùng và phát huy lợi thế so sánh.

Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất các loại giống chất lượng cao, công nghệ chế biến, bảo quản giảm tổn thất sau thu hoạch, phát triển nông nghiệp công nghệ cao; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và xúc tiến thương mại. Khuyến khích sự kết nối giữa các cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh; nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thứ hai, đẩy mạnh quá trình tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, xây dựng liên kết sản xuất giữa hộ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. Tổng kết, nhân rộng các mô hình liên kết tiên tiến có hiệu quả trong nông nghiệp.

Rà soát, hoàn thiện các chính sách đất đai theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ nông dân gắn bó với nông nghiệp, tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, hình thành trang trại sản xuất quy mô lớn. Sớm chuyển đổi hỗ trợ nông dân bằng chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và chỉ giao đất sản xuất nông nghiệp cho những người, tổ chức trực tiếp sản xuất nông nghiệp, để đất đai được giao cho tổ chức, cá nhân sử dụng sản xuất kinh doanh hiệu quả, đẩy nhanh quá trình tích tụ, tập trung đất nông nghiệp.

Thu hút, phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, xã hội hóa các dịch vụ công, mở rộng các

dự án đầu tư theo hình thức công - tư để hỗ trợ, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với đặc điểm của từng ngành, từng lĩnh vực làm cầu nối trong liên kết sản xuất giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong liên kết sản xuất.

Thứ ba, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh quá trình chuyển dịch lao động nông nghiệp sang lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ, đây là xu thế tất yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hiện nay, cơ cấu lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm 46,3% lao động cả nước, GDP ngành nông nghiệp chiếm khoảng 18%, đã lãng phí nguồn lực lao động trong giai đoạn dân số vàng của nước ta và là áp lực lớn nhất đối với tất cả các địa phương trong quá trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp hiện đại.

Khuyến khích xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn, nhất là các ngành, nghề sử dụng nhiều lao động. Đồng thời có chính sách bảo đảm lao động nông thôn dịch chuyển ra làm việc ở các đô thị có công ăn việc làm, ổn định đời sống, cư trú lâu dài ở địa phương đang làm việc để họ có thể yên tâm chuyển nhượng đất nông nghiệp cho các hộ ở lại sản xuất.

Đổi mới công tác đào tạo nghề nông thôn về cả hình thức và nội dung theo hướng thiết thực, hiệu quả. Đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật, quản lý sản xuất đối với nông dân sản xuất hàng hóa nông sản; đồng thời chú trọng đào tạo nghề phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Xã hội hóa đào tạo nghề nông thôn nhằm huy động, khai thác tốt nguồn

lực xã hội, mà quan trọng hơn là ngành nghề, chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu lao động của xã hội.

Thứ tư, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong nông nghiệp, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn.

Tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn, coi đây là khâu đột phá quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn. Cần đặc biệt quan tâm đến chuyển giao, ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến và bảo quản... gắn với các công nghệ xanh và công nghệ sạch, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng và giá trị của các sản phẩm nông nghiệp; tập trung vào chương trình giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ bảo quản và chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản, nhập khẩu công nghệ cao, thiết bị hiện đại, các loại giống tốt. Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn và thực hiện xã hội hóa để mở rộng hệ thống khuyến nông đến cơ sở.

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ theo hướng chuyển từ quản lý theo đề tài khoa học sang khoán đặt hàng sản phẩm khoa học và công nghệ. Tăng tỷ trọng đầu tư ngân sách cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ cho nông nghiệp theo tỷ lệ tương đương với mức trung bình của các nước tiên tiến trong khu vực. Tạo ra bước chuyển đột phá trong hoạt động nghiên cứu và áp dụng khoa học - công nghệ, nâng tỷ lệ đóng góp của khoa học - công nghệ và quản lý cho tăng trưởng của ngành.

Thứ năm, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thiết thực, hiệu quả. Tập trung các nguồn lực ưu tiên phát triển các hạ tầng cơ sở thiết yếu như giao thông nông thôn, điện, trường học, cơ sở y tế, thông tin truyền thông... trên địa bàn xã, thôn, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất lâm nghiệp, thuỷ sản. Chuyển dần từ tập trung đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng cứng sang phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống của người dân nông thôn.

Xây dựng nền nông nghiệp, nông thôn hiện đại, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn là một quá trình lâu dài, đòi hỏi Đảng, Nhà nước ta cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách đồng bộ; sự quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kiên trì của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng của người dân nông thôn và xã hội.

ĐỔI MỚI NHẬN THỨC, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ SAU HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

PGS.TSKH. TRẦN NGUYỄN TUYÊN*

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CHỦ TRƯƠNG, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Qua hơn 30 năm đổi mới, nhận thức, quan điểm của Đảng ta về hội nhập kinh tế quốc tế đã từng bước được bổ sung, phát triển hoàn thiện, đem lại những kết quả to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết trên cơ sở tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện quan điểm, định hướng và giải pháp về hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới phù hợp với bối cảnh mới.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định nguyên tắc cơ bản trong đường lối đối ngoại của mình là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại để tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ ở

---

* Hội đồng Lý luận Trung ương.

từng giai đoạn. Điều này được thể hiện ngay trong các văn kiện ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời ngày 02-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong "Lời kêu gọi Liên hợp quốc" tháng 12-1946, đã khẳng định: "Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ thuật của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc"[1].

Đây là những tư tưởng quan trọng đặt cơ sở cho việc hình thành chủ trương hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng của nước ta sau này. Do điều kiện chiến tranh và hoàn cảnh khách quan, Việt Nam lúc đó đã chưa thực hiện được đầy đủ nội dung hội nhập như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định.

Sau khi thống nhất đất nước, Đại hội IV của Đảng họp tháng 12 năm 1976 đã nhấn mạnh tầm quan trọng của kinh tế đối ngoại trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, Việt Nam đã tích cực phát triển quan hệ, tham gia cơ chế hợp tác của các nước xã hội chủ nghĩa trong khuôn khổ Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) do Liên Xô đứng đầu. Mặc dù sự hợp tác kinh tế trong khối SEV còn mang tính bao cấp, chưa chú trọng cơ chế phân công trên cơ sở thế mạnh của từng nước, chưa tiếp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.523.

nhận sự phát triển của kinh tế thị trường như các nước tư bản chủ nghĩa, nhưng sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đã góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Do tác động của yếu tố quốc tế bên ngoài như sự chi phối của cuộc đối đầu Đông - Tây, chiến tranh biên giới Tây Nam và xung đột biên giới phía Bắc, nên quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam thời kỳ này còn nhiều hạn chế nhất định, chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã mở đầu quá trình đổi mới đất nước với bước ngoặt trong đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, thực hiện chính sách mở cửa hội nhập quốc tế. Đại hội khẳng định: "Muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế; trước hết và chủ yếu là mở rộng quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi"[1]. Đại hội cũng xác định nội dung chính của chính sách kinh tế đối ngoại trước hết bao gồm: đẩy mạnh xuất nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn, khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Đây là hướng đi đúng trong việc xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và mở rộng quan hệ đối ngoại trong bối cảnh các thế lực của địch đang thực hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.415.

chính sách bao vây về kinh tế, cô lập về chính trị đối với nước ta.

Sau Đại hội VI, trong bối cảnh tình hình quốc tế thay đổi nhanh chóng, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu lâm vào khủng hoảng, năm 1988, Đảng ta đã chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, bình thường hóa quan hệ với Mỹ và với Trung Quốc. Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã được ban hành tháng 12-1987, có ý nghĩa quan trọng, đây là văn bản pháp lý đầu tiên sau khi Việt Nam thống nhất nhằm kêu gọi thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam.

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã mở ra bước đột phá trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, xác định nguyên tắc cơ bản trong hội nhập kinh tế quốc tế là: "Mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi..."[1].

Những năm đầu của thập kỷ 1990, với sự kiện Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã, trước tình hình đó, Đảng ta đã đánh giá toàn diện và đề ra các giải pháp, chủ trương ứng phó với những tác động tiêu cực của tình hình với nội dung chủ yếu là đẩy lùi chính sách bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị đối với nước ta, tiếp tục thực hiện rộng mở quan hệ quốc tế. Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, xác định đường lối đối ngoại rộng mở với phương châm: "Với chính sách đối ngoại rộng mở, chúng ta tuyên bố rằng: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.51, tr.22.

đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"[1]. Hội nghị Trung ương 3 khóa VII đã ra Nghị quyết về chính sách đối ngoại và kinh tế đối ngoại, trong đó nêu ra *tư tưởng chỉ đạo là giữ vững nguyên tắc độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội*, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực. Nghị quyết cũng nêu ra bốn phương châm trong hội nhập kinh tế quốc tế là:

- Bảo đảm lợi ích dân tộc, trong đó kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

- Giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.

- Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế.

- Ưu tiên hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) đã có bước phát triển hơn về tư duy đối ngoại và hội nhập quốc tế khi xác định nhiệm vụ mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế, chủ trương: "*Tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới*"[2]. Theo hướng này, ngày 18-11-1996,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.51, tr.48-49.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.239.

Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết về kinh tế đối ngoại nhằm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quan trọng này. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII nêu nhiệm vụ: "Tích cực và chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế... Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO. Có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện cam kết trong khuôn khổ AFTA"[1].

Tại Đại hội VIII, Đảng ta đã nêu rõ đường lối đối ngoại: "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"; đã đưa ra chủ trương: "xây dựng nền kinh tế mở", "đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới". Đại hội nhấn mạnh phải mở rộng quan hệ quốc tế, "Hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi..."[2].

Tiếp tục phát triển quan điểm về hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh mới, Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã xác định chủ trương: "*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường"[3]. Để cụ thể hóa

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 60.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sđd,* tr.120-121.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd,* tr.120.

chủ trương này, ngày 27-01-2001, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết này đã đáp ứng được kịp thời những đòi hỏi khách quan của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Sau đó, Trung ương đã chỉ đạo quá trình đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hội nghị Trung ương 9 khóa IX khẳng định: "Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế", "Xây dựng chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế ở các cấp độ: toàn cầu, khu vực và song phương"[1]. Tại nhiệm kỳ Đại hội này, Đảng ta xác định *độc lập, tự chủ là cơ sở để thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa,* đồng thời nhấn mạnh: Việt Nam không chỉ "sẵn sàng là bạn", mà còn sẵn sàng "là đối tác tin cậy của các nước" và "chủ động hội nhập kinh tế quốc tế". Có thể nói đây là một bước phát triển mới trong nhận thức và tư duy về đối ngoại và hội nhập quốc tế nói chung của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới.

Chủ trương hội nhập quốc tế được tiếp tục phát triển trong Đại hội X của Đảng (năm 2006): "Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.87-88.

khác; chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)"[1].

Trong nhiệm kỳ Đại hội X, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của WTO, việc gia nhập WTO đã tạo ra những thời cơ và thách thức lớn đối với kinh tế Việt Nam nói riêng và đất nước nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Do vậy, Hội nghị Trung ương 4 khóa X đã ban hành Nghị quyết về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của WTO. Nghị quyết đã xác định quan điểm chỉ đạo, hệ thống các giải pháp cụ thể thực hiện thắng lợi hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta trong bối cảnh mới.

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) diễn ra trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi, diễn biến phức tạp, tác động đến nền kinh tế nước ta, chính vì vậy Đảng ta đã xác định chủ trương: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh...;

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd,* tr.39-40.

nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới"[1]. Đại hội đã đánh dấu sự thay đổi tư duy của Đảng ta về hội nhập quốc tế, *thể hiện tầm nhìn chiến lược toàn diện, mở rộng hội nhập với quy mô toàn diện trên các lĩnh vực, đây không chỉ là sự chủ động và tích cực hội nhập trong lĩnh vực kinh tế, mà còn tích cực trên các lĩnh vực khác như chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, khoa học và công nghệ...* Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, để cụ thể hóa quan điểm của Đảng về hội nhập quốc tế, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 về hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã xác định nhiệm vụ chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển; thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; quán triệt và vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn được tổng kết trong Cương lĩnh.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) tiếp tục khẳng định vai trò của hội nhập quốc tế trong công cuộc đổi mới đất nước, *nhấn mạnh hội nhập kinh tế quốc tế là nội dung cơ bản của hội nhập quốc tế.* Đại hội đã phát triển hơn định hướng về hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới, xác định: "Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.235-236.

đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới"[1].

Nhằm cụ thể hóa quan điểm của Đại hội XII về hội nhập quốc tế, Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05-11-2016 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nghị quyết xác định rõ quan điểm, đề ra những nhiệm vụ và các giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh mới.

Như vậy, quan điểm của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế qua 30 năm đổi mới đã có sự kế thừa, bổ sung, phát triển liên tục, quá trình mở cửa đổi mới được Đảng ta khởi xướng từ năm 1986, đến năm 1996 chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được cụ thể hóa một cách toàn diện, đầy đủ hơn, sau đó được bổ sung bởi các nghị quyết của các kỳ Đại hội, nhất là được tổng kết tại Đại hội XII của Đảng. Hội nhập kinh tế quốc tế được Đảng ta xác định là trọng tâm đầu tiên của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.153.

quá trình hội nhập quốc tế và mở rộng sang các lĩnh vực khác, điều này hoàn toàn phù hợp với lý luận và thực tiễn chung về hội nhập kinh tế quốc tế; Đảng ta đã có chủ trương đúng đắn về xử lý mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xử lý đúng đắn, hiệu quả mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên lĩnh vực kinh tế qua 30 năm đổi mới.

II. KẾT QUẢ VÀ NHỮNG HẠN CHẾ TRONG VIỆC XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VÀ CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI

1. Những kết quả đạt được

Đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới đã đi vào thực tiễn và phát huy tác dụng, đem lại những thành quả quan trọng; có thể kể một số mốc trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam như sau:

- Tháng 12-1987, Nhà nước ban hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Năm 1993, chúng ta đã khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như IMF, ADB, WB.

- Ngày 28-7-1995, nước ta đã chính thức gia nhập ASEAN, đồng thời tham gia Khu vực mậu dịch tự do (AFTA). Từ ngày 01-01-1996, Việt Nam bắt đầu thực hiện nghĩa vụ đối với các cam kết trong các Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của AFTA.

- Tháng 3-1996, Việt Nam tham gia Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) với tư cách thành viên sáng lập. ASEM hợp tác

chủ yếu tập trung vào thuận lợi hóa thương mại và đầu tư, hợp tác giữa các nhà doanh nghiệp Á - Âu.

- Ngày 15-6-1996, Việt Nam đã gửi đơn xin gia nhập Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và tháng 11-1998 đã được công nhận là thành viên chính thức của tổ chức này.

- Ngày 13-7-2000, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) được ký kết và hiệp định này chính thức có hiệu lực từ ngày 10-12-2001. Đây là hiệp định thương mại đầu tiên Việt Nam đàm phán trên cơ sở các nguyên tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

- Sau 14 vòng đàm phán đa phương và kết thúc đàm phán song phương với 28 nước đối tác có yêu cầu, ngày 07-11-2006, Việt Nam đã được kết nạp vào WTO, trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức này. Ngày 29-11-2006, Quốc hội nước ta đã phê chuẩn Hiệp định ký kết với WTO và ngày 10-01-2007, Ban Thư ký của WTO nhận được văn bản phê chuẩn của Việt Nam, theo quy định của WTO, Việt Nam đã chính thức là thành viên của tổ chức này.

- Ngày 31-12-2015, Việt Nam và các nước thành viên ASEAN đã ký Hiệp định thành lập Cộng đồng ASEAN dựa trên 3 trụ cột chính: cộng đồng kinh tế - xã hội, cộng đồng an ninh, cộng đồng văn hóa.

- Trở thành thành viên của ASEAN, Việt Nam tham gia các hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do như ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Nhật Bản, ASEAN - Ấn Độ, ASEAN - Hàn Quốc.

- Việt Nam đã ký kết các hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do song phương với một số tổ chức và quốc gia trên thế giới như:

+ Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (gồm Liên bang Nga và 6 nước thuộc Liên Xô trước đây).

+ Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU), gồm 28 nước.

+ Hiệp định thành lập Khu vực tự do song phương Việt Nam - Hàn Quốc.

- Năm 2017, Việt Nam là chủ nhà của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), điều này mở ra cơ hội, khả năng to lớn để tăng cường hội nhập kinh tế của Việt Nam với các nước trong khu vực phát triển năng động nhất của thế giới hiện nay. Và đến nay, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã được ký kết với sự tham gia của 11 nước thành viên (trừ Mỹ).

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng, giải quyết, khắc phục được tình trạng khủng hoảng thị trường xuất nhập khẩu sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã, cũng như hạn chế các tác động tiêu cực do tác động của bên ngoài như Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực bắt đầu từ năm 1997, sau đó tiếp tục xảy ra Cuộc khủng hoảng tài chính vào năm 2008 ở quy mô toàn cầu, với mức độ sâu sắc hơn... Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã tạo điều kiện để mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, tiếp nhận nguồn vốn ODA, tiếp thu khoa học và công nghệ tiên tiến, nâng cao trình độ nguồn nhân lực, kinh nghiệm quản lý, góp phần nâng cao sức cạnh tranh, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trải qua hơn 30 năm đổi mới, thực hiện đường lối đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, nước ta đã mở

rộng và đưa vào chiều sâu quan hệ với tất cả các đối tác. Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 187 nước, quan hệ kinh tế, thương mại với gần 230 nước và vùng lãnh thổ, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 10 nước. Việt Nam là thành viên của hầu hết các tổ chức khu vực và quốc tế lớn. Về lĩnh vực quan hệ đối ngoại, bên cạnh quan hệ kinh tế, đã mở ra quan hệ chính trị, quốc phòng, an ninh, văn hóa, khoa học - công nghệ... với nhiều đối tác. Về phương thức và loại hình quan hệ đối ngoại, nước ta đã khai thác hiệu quả các kênh song phương, đa phương, phát triển và gia tăng sự hợp tác giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Về đầu tư, qua hơn 30 năm đổi mới Việt Nam đã thu hút được trên 250 tỷ USD đầu tư nước ngoài (FDI), nhiều nhà đầu tư lớn, các tập đoàn xuyên quốc gia đã và đang đặc biệt quan tâm đến Việt Nam, trong bối cảnh môi trường đầu tư đang tiếp tục được cải thiện. Trong thời gian qua, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đã đóng góp hết sức quan trọng vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, xây dựng các công trình y tế, giáo dục, đóng góp quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ, thể hiện niềm tin và sự tín nhiệm của các nhà đầu tư đối với Việt Nam. Tuy nhiên, khi trở thành nước có thu nhập trung bình, nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á cũng như các định chế tài chính khác sẽ chấm dứt theo quy định chung, điều đó đòi hỏi Việt Nam phải có định hướng chuyển giai đoạn chuyển tiếp trong việc tiếp nhận và sử dụng ODA một cách hiệu quả. Trước đây, nguồn vốn ODA được thực hiện chủ yếu theo cơ chế cấp phát, nghĩa là vay

và cấp phát cho các dự án, hiện nay cần tăng dần tỷ lệ cho vay lại để nâng cao trách nhiệm trong việc sử dụng nguồn vốn ODA của các bộ, ngành địa phương.

2. Những hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên lĩnh vực kinh tế trong hơn 30 năm đổi mới cũng bộc lộ những hạn chế, yếu kém như:

- Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần làm bộc lộ những yếu kém cơ bản của nền kinh tế là sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế còn hạn chế, yếu kém chậm khắc phục. Cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng vẫn chưa được cải thiện căn bản, doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn yếu kém so với các nước, kể cả các nước trong khu vực. Các ngành kinh tế, các doanh nghiệp mang tính mũi nhọn, có khả năng vươn ra chiếm lĩnh thị trường khu vực và thế giới chưa nhiều, chưa có khả năng đi đầu, kéo các ngành, các doanh nghiệp khác cùng phát triển. Một số sản phẩm đã bắt đầu gặp khó khăn trong cạnh tranh, cơ cấu xuất khẩu còn nghèo nàn, tập trung vào các mặt hàng như nông sản, thủy sản, dệt may, giày dép...

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là công nghệ thông tin, internet, tự động hóa, vật liệu mới... đang phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Về cơ bản, Việt Nam vẫn chủ yếu ở giai đoạn hai -

thực hiện dây chuyền gia công lắp ráp, kém xa nhiều nước trong khu vực.

- Do chính sách quy hoạch, đầu tư không hiệu quả nên hiện nay có 12 dự án thua lỗ hàng nghìn tỷ đang là gánh nặng, gây hậu quả nặng nề cho nền kinh tế (Công ty Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy đạm Ninh Bình, Dự án xơ sợi Đình Vũ...). Đây cũng là một trong các nguyên nhân làm cho mức nợ công tăng nhanh ở Việt Nam thời gian qua: nếu năm 2001 nợ công mới ở mức 36,5% GDP, thì đến năm 2010 đã tăng lên mức 50% GDP và năm 2015 tăng nhanh báo động ở mức 62,2% GDP. Trong khi đó, tình hình thu ngân sách rất khó khăn, căng thẳng, chúng ta đang phải thoái vốn trong một số tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước lớn để có tiền chi, trong khi nghĩa vụ trả nợ quốc tế ngày càng lớn. Tuy vậy, tình trạng tham nhũng, lãng phí theo đánh giá có xu hướng gia tăng báo động.

- Bên cạnh kết quả đạt được, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhìn chung hiệu quả chưa được cao như mong muốn, chính sách liên quan đến thu hút FDI chậm được đổi mới trong thời gian qua, tại một số địa phương còn chạy theo số lượng các dự án, chưa quan tâm đến chất lượng, công nghệ chưa bảo đảm, đặc biệt là công nghệ trong lĩnh vực Việt Nam cần đổi mới mô hình tăng trưởng. Nhiều dự án đầu tư chưa quan tâm đầy đủ đến tác động môi trường, gây ra những hậu quả tiêu cực về môi trường sinh thái như dự án của Formosa đối với các tỉnh miền Trung vừa qua.

- Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thúc đẩy sự hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (như Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế), còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, đôi khi còn lúng túng trong việc xác định bước đi. Đặc biệt vai trò của kinh tế tư nhân với tư cách là động lực quan trọng của nền kinh tế và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước còn chưa được làm sáng tỏ để tạo sự đồng thuận, huy động các nguồn lực to lớn cho đầu tư phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các điểm nghẽn, "cổ chai" về kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực và về thể chế gây cản trở cho quá trình phát triển còn chậm được khắc phục, cải thiện. Đây là những thách thức lớn đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sắp tới.

- Trong thời gian qua, việc hội nhập kinh tế quốc tế có thời điểm đã tập trung các nỗ lực hội nhập kinh tế vào khu vực Đông Á làm tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế nước ta với các nền kinh tế lớn trong khu vực, nhất là về các nguồn nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị và công nghệ thấp, về đầu tư công nghệ và tài chính, đây cũng là nguyên nhân làm cho Việt Nam nhập siêu tăng từ một số đối tác trong khu vực Đông Á.

- Công tác quản lý, điều hành của Nhà nước chậm được đổi mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng. Trong bối cảnh tình hình thế giới biến động nhanh và mạnh trong thời gian qua, các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp nhiều khi tỏ ra lúng túng, thiếu chủ động xử lý những vấn đề phát sinh khi thực thi các cam kết hội nhập. Cơ chế, chính sách nhìn chung thiếu đồng bộ giữa các bộ, ngành, nhất là về nguồn nhân lực chính sách thuế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ và kết cấu hạ tầng

(ví dụ: ngành sản xuất ôtô mặc dù được hỗ trợ song tỷ lệ nội địa hóa còn thấp, sức cạnh tranh còn hạn chế, giá thành cao).

- Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, lĩnh vực nông nghiệp bộc lộ nhiều hạn chế như chậm đổi mới thể chế chính sách, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp, vẫn tồn tại sản xuất ở quy mô nhỏ do vấn đề hạn điền chưa được giải quyết tổng thể, năng suất và chất lượng chưa cao, chậm hình thành các vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến, hàng nông sản khó vượt qua hàng rào kỹ thuật của các nước. Trong khi đó, nông sản trong nước khó cạnh tranh khi Việt Nam phải dỡ bỏ hàng rào thuế quan, mặt khác hàng rào kỹ thuật của Việt Nam chậm được xây dựng, các biện pháp mang tính đối kháng, tự vệ hiệu quả còn thấp.

- Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cho thấy, tính đồng bộ gắn kết giữa các lĩnh vực chưa cao, công tác phối hợp về hội nhập giữa các bộ, ngành, giữa các cơ quan trung ương và địa phương với doanh nghiệp chưa tốt. Nhiều vấn đề mang tính liên ngành chậm được xử lý, đặc biệt trong lĩnh vực nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển hài hòa các yếu tố thị trường. Thêm vào đó, hội nhập kinh tế quốc tế chưa được thực sự ưu tiên so với các lĩnh vực hợp tác khác.

- Khả năng nhận định dự báo đánh giá tình hình quốc tế và khu vực tác động đến Việt Nam còn hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư để nắm bắt các xu hướng vận động của thế giới để từ đó có đối sách phù hợp. Các vấn đề về cơ chế nhận biết, cảnh báo sớm trong các lĩnh vực hội nhập kinh tế trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực và thế giới còn yếu, công tác tham mưu, tư vấn chính sách còn nhiều hạn chế.

III. ĐỊNH HƯỚNG VÀ HỆ THỐNG GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Bối cảnh quốc tế

Tình hình khu vực và thế giới đang có nhiều thay đổi, diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường trên các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, an ninh, môi trường. Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn, các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực.

Cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ và ở một số nước châu Âu, hiện tượng nước Anh ra khỏi EU (Brexit) cho thấy, xu thế của chủ nghĩa dân tộc, xu hướng bảo hộ, chủ nghĩa dân túy đang trỗi dậy. Tuy vậy, toàn cầu hóa vẫn là xu thế khách quan, mặc dù gặp khó khăn song đó là quá trình không thể đảo ngược được, điều đó khác với chính sách của Tổng thống Mỹ Donald Trump quyết định rút Mỹ ra khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, với khẩu hiệu nước Mỹ trên hết, điều đó đã đi ngược lại xu thế toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ.

Bối cảnh quốc tế mới với những xu hướng nổi bật như: Sự chuyển dịch quyền lực và sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn, xuất hiện các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng, tác động của mạng xã hội, của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ngày càng mạnh mẽ ở phạm vi toàn cầu và từng quốc gia có trình độ phát triển khác nhau về thể chế, kinh tế và xã hội. Trong bối cảnh đó, việc tập hợp lực lượng, liên kết cạnh tranh, đấu

tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích của từng quốc gia tiếp tục diễn biến phức tạp.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương trở thành trung tâm kinh tế - chính trị quan trọng hàng đầu của thế giới, Mỹ và các nước lớn đều điều chỉnh chính sách đối ngoại hướng về châu Á - Thái Bình Dương và coi trọng khu vực này trong chiến lược phát triển quốc gia của mình. Cạnh tranh quyền lực, lợi ích và vị thế chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là quan hệ Mỹ - Trung đang diễn ra ngày càng quyết liệt, tăng cường tính cạnh tranh và duy trì sự hợp tác, điều này tác động đến tình hình khu vực.

Trong bối cảnh chung đó, nhiều nước đang đẩy mạnh trao đổi đàm phán để tiếp tục hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện CPTPP (không có Mỹ), tiếp tục đưa quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đi vào chất lượng cao hơn như đẩy mạnh việc ký kết và thực hiện các hiệp định tự do thương mại (FTA) thế hệ mới. Bối cảnh chung đó tác động đến quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới, điều đó đòi hỏi chúng ta phải có chủ trương định hướng đúng cùng với những giải pháp và bước đi phù hợp.

2. Quan điểm chỉ đạo trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Cần khẳng định sự nhất quán các quan điểm của Đảng chỉ đạo quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta trong thời gian tới như:

Một là, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai là, hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Mọi cơ chế, chính sách phải phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng sáng tạo của tất cả các tổ chức, cá nhân, khai thác có hiệu quả tiềm năng của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ với thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ với việc tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng, miền trong khu vực, trong cả nước.

Bốn là, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện một cách đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế với lộ trình tổng thể, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước và bối cảnh quốc tế.

Năm là, hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, kiên định lợi ích quốc gia - dân tộc, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống không để rơi vào tình trạng bị động, đối đầu, không tham gia vào các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này chống bên kia.

Sáu là, nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế;

tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Bên cạnh thời cơ, thuận lợi, đất nước ta tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội, khả năng bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội, giữ vững môi trường hòa bình bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.

Trong thời gian tới cần bảo đảm sự đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh, giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện các cam kết trong các hiệp định thương mại mà Việt Nam cam kết thực hiện, nhất là trong các lĩnh vực liên quan đến ổn định xã hội.

3. Hệ thống giải pháp

Xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nền kinh tế có khả năng tự chủ cao, ứng phó được với những biến động kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh kinh tế đất nước trong thời gian tới. Theo hướng này cần tập trung vào các giải pháp sau:

- Thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng gắn liền với cơ cấu lại nền kinh tế, coi đây vừa là tiền đề, vừa là hệ quả hội nhập kinh tế quốc tế, là giải pháp có tính quyết định để nâng cao nội lực nhằm tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức của giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế mới, bảo đảm nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

- Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho phát triển nhanh và bền vững, thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị trong tình hình mới và thực thi các cam kết quốc tế, huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển.

- Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, sản phẩm và doanh nghiệp, tập trung ưu tiên phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Qua hơn 30 năm đổi mới, cần thay đổi định hướng thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI, không nên thu hút nguồn vốn này bằng mọi giá, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên đất nước và không quan tâm đầy đủ vấn đề gây ô nhiễm môi trường, biến Việt Nam là bãi rác thải của thế giới; không chạy theo số lượng dự án FDI thu hút được, mà phải chú ý chất lượng các dự án, quan tâm thu hút các dự án công nghệ cao, hỗ trợ triển khai có hiệu quả cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam, phát triển kinh tế xanh, thân thiện môi trường.

Việc vay vốn ODA trong bối cảnh mới và khi nước ta đã vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình, không nên chạy theo số lượng dự án được vay vốn hỗ trợ mà chú ý tính khả thi, hiệu quả của dự án, tránh tình trạng phổ biến là sử dụng lãng phí, coi vốn ODA như "của trời cho", dẫn đến tình trạng chậm thanh toán cho các dự án vốn vay ODA, điều này là một trong những nguyên nhân làm tăng nợ công của nền kinh tế Việt Nam.

- Trong 5-10 năm tới, cần tập trung khai thác hiệu quả các cam kết quốc tế về kinh tế, xây dựng các cơ chế, chính sách

phòng vệ thương mại, phòng ngừa và giải quyết tranh chấp quốc tế, có chính sách phù hợp hỗ trợ các lĩnh vực có năng lực cạnh tranh thấp vươn lên; tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ có trình độ pháp luật quốc tế, xây dựng hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ chủ động hiệu quả.

- Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân, của cán bộ, đảng viên về hội nhập kinh tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm nâng cao năng lực thực thi pháp luật, tăng cường quốc phòng, an ninh, chủ động đấu tranh kịp thời với những âm mưu, ý đồ thông qua hội nhập kinh tế quốc tế để xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia. Bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc, giải quyết tốt vấn đề môi trường.

ĐỔI MỚI NHẬN THỨC, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI, ĐỀ XUẤT NHỮNG QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP MỚI ĐẾN NĂM 2020 VÀ CHO GIAI ĐOẠN 2021-2030

TS. PHAN TÙNG MẬU*

Trong hơn 30 năm đổi mới, khoa học và công nghệ ở Việt Nam đã có những bước trưởng thành về mọi mặt, đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận; góp phần tăng năng suất lao động, thúc đẩy sự phát triển nhanh và ổn định không chỉ về kinh tế, xã hội mà cả an ninh, quốc phòng. Quá trình phát triển của khoa học và công nghệ gắn chặt với quá trình đổi mới đất nước, từ đổi mới tư duy lãnh đạo của Đảng đến đổi mới tư duy quản lý của Nhà nước hướng vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

1. Quan điểm của Đảng về khoa học và công nghệ trong hơn 30 năm đổi mới

Kể từ giai đoạn bắt đầu đổi mới đến nay, khoa học và

---

* Phó Chủ tịch, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

công nghệ luôn được Đảng ta đánh giá là một yếu tố rất quan trọng để thúc đẩy năng suất lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (năm 1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện, đã nhấn mạnh: "Một đặc điểm nổi bật của thời đại là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất"[1].

Trên tinh thần đánh giá, nhìn nhận vai trò của khoa học và kỹ thuật, Đại hội VI cũng chỉ rõ định hướng chỉ đạo của Đảng trong nhiệm kỳ tiếp theo: "Cơ chế quản lý kinh tế, quản lý khoa học - kỹ thuật phải đòi hỏi và khuyến khích việc sáng tạo và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật, đưa lại hiệu quả thiết thực"[2].

Trước khi tiến hành Đại hội VII, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30-3-1991 về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới, đã nêu rõ những mặt yếu kém của khoa học và công nghệ ở nước ta, đề ra những nhiệm vụ quan trọng của khoa học và công nghệ trong giai đoạn cách mạng mới, những biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cải tiến sự quản lý của Nhà nước đối với khoa học và công nghệ. Đảng ta cho rằng: Phát triển khoa học và công nghệ là nhu cầu của nước ta nhằm đuổi kịp các nước trên thế giới bằng thực lực kinh tế. Đồng thời, Nghị quyết số 26-NQ/TW cũng đã chỉ rõ một số lĩnh vực khoa học và công nghệ mà đất nước cần quan tâm: "Tập trung sức

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.47, tr.368, 413.

phát triển một số ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn của đất nước như điện tử, tin học..."[1].

Đến năm 1991, Đảng ta đã nhận thức rõ tác động của khoa học và công nghệ đến tất cả các nước trên thế giới và Việt Nam không thể nằm ngoài cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, vì vậy trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) đã thể hiện rõ quan điểm: "Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc.*

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển, lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước lạc hậu về kinh tế"[2].

Đến Đại hội VIII của Đảng (năm 1996), các cụm từ "công nghiệp hóa, hiện đại hóa", "khu công nghệ cao" đã được đưa vào văn kiện Đại hội. Tinh thần của Đại hội VIII cũng đã xác định: đưa nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại... Tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, tận

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.50, tr.563.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.51, tr.131.

dụng lợi thế của nước đi sau, tranh thủ công nghệ mới. Về công nghiệp, đi vào xây dựng những khu công nghệ cao, coi trọng phát triển một số ngành công nghiệp nặng; lấy ứng dụng, chuyển giao công nghệ là chính.

Cũng trong năm 1996, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII lần đầu tiên đã chỉ đạo phải có văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ cũng như phải có quy định về ngân sách tối thiểu dành cho khoa học và công nghệ. Chính tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII là tiền đề để Luật Khoa học và công nghệ được ban hành năm 2000 và trong đó quy định dành 2% chi ngân sách cho khoa học và công nghệ. Có thể nói, đây là một trong những nghị quyết có tác động lớn nhất đến sự phát triển của khoa học và công nghệ nước ta trong những năm sau đó.

Đến Đại hội IX của Đảng (năm 2001), khái niệm về "kinh tế tri thức" lần đầu tiên được sử dụng, đồng thời Đại hội cũng đề cao vai trò của việc huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ. Đại hội IX nhận định: "Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất"[1]. Muốn rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải nắm bắt, khai thác, sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại và những yếu tố của nền kinh tế tri thức. Phát triển khoa học và công nghệ phải hướng vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, xây dựng năng lực cạnh tranh của hàng hóa, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia đi nhanh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd,* tr.64.

vào một số ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa)... Tăng đầu tư từ ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ...

Hội nghị Trung ương 6 khóa IX (tháng 7-2002) đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII và xác định nhiệm vụ của khoa học và công nghệ trong thời gian tới là: Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn; đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế quốc dân; xây dựng và phát triển có trọng điểm các ngành công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội X của Đảng (năm 2006) tiếp tục khẳng định: Phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ... Kết hợp chặt giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức... Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong từng ngành, từng lĩnh vực của nền kinh tế... Cùng với việc đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ, Nhà nước tập trung đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia, phấn đấu đạt trình độ khu vực và thế giới; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ cho một số lĩnh vực trọng điểm, công nghệ cao... Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao...[1].

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd,* tr.210-212.

Hội nghị Trung ương 9 khóa X ra Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 02-02-2009 "Về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng"; trong đó, về khoa học và công nghệ, Nghị quyết nêu rõ: Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý và chính sách phát triển khoa học và công nghệ; nghiên cứu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các ngành, các sản phẩm quan trọng. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất kinh doanh, giáo dục và đào tạo. Có chính sách, chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc tốt hơn cho cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là cán bộ đầu ngành, có trình độ cao.

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) khẳng định: "Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý khoa học, công nghệ có đổi mới, thực hiện cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ. Thị trường khoa học, công nghệ bước đầu hình thành. Đầu tư cho khoa học, công nghệ được nâng lên"[1].

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ rõ những định hướng lớn về phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ mới với những quan điểm cơ bản: "*Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.154.

nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ"[1].

Hội nghị Trung ương 6 khóa XI đã ra Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01-11-2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã chỉ rõ: "1. Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.78.

hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

4. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ. Quan tâm đúng mức đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam.

5. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án khoa học và công nghệ của Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở nước ngoài về nước làm việc”[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI,* Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2012, tr.77-79.

2. Đề xuất những quan điểm, định hướng và giải pháp mới đến năm 2020 và cho giai đoạn 2021-2030

Nước ta đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện và xu thế cạnh tranh toàn cầu dựa vào khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Để sớm đưa nước ta ra khỏi bẫy thu nhập trung bình và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Đảng ta đã xác định một trong ba khâu đột phá để phát triển bền vững kinh tế là phát triển khoa học và công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Để khoa học và công nghệ đóng vai trò là nhân tố quan trọng mang tính đòn bẩy, quyết định thành công của công cuộc cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển đất nước nhanh và bền vững, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục giải quyết những vấn đề về lý luận và thực tiễn từ nay đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030 sau đây:

(1) Xây dựng đủ luận cứ khoa học và thực tiễn để chỉ đạo xác định các lĩnh vực, chương trình khoa học và công nghệ mang tính chất mũi nhọn, ưu tiên thiết thực cho nhu cầu của doanh nghiệp và các ngành kinh tế chủ lực, phục vụ cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở phát triển các ngành, lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, tỷ trọng giá trị nội địa lớn, tạo ra giá trị gia tăng cao từng bước thay thế các ngành công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp; đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát huy và khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới và các ngành dịch vụ có thế mạnh của Việt Nam, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa

các vùng kinh tế trọng điểm và vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

(2) Tăng cường công tác chỉ đạo của Đảng để bảo đảm tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia.

Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm cả tiềm lực cơ sở vật chất và nguồn nhân lực. Về nguồn nhân lực, cần thể chế hóa và đưa vào thực thi các chính sách sử dụng, trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ, đặc biệt là với ba nhóm đối tượng: nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ quốc gia đặc biệt quan trọng, nhà khoa học trẻ tài năng. Tăng cường đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao trong nước kết hợp với thu hút, trọng dụng cán bộ thực tài trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài.

Về cơ sở vật chất, cần bảo đảm đủ 2% ngân sách cho khoa học và công nghệ như Luật Khoa học và công nghệ đã quy định. Bảo đảm ngân sách để vận hành có hiệu quả các quỹ khoa học và công nghệ. Tạo chính sách thông thoáng để xã hội hóa kinh phí cho khoa học và công nghệ. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, hạ tầng thông tin và thống kê khoa học và công nghệ quốc gia hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(3) Đảng cần có chỉ đạo để quyết liệt đổi mới cơ chế tài chính, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng coi trọng kết quả, áp dụng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, đồng thời liên tục cập nhật, sửa đổi các văn bản luật, nghị định, thông tư... phù hợp với tình tình thực tiễn và các Hiệp định tự do thương mại Việt Nam mới gia nhập.

(4) Đẩy mạnh công tác thống kê, cơ sở dữ liệu để kết nối cung - cầu sản phẩm khoa học và công nghệ mới (nội dung này rất ít được quan tâm chỉ đạo trong thời gian qua). Tăng cường hiệu quả của hệ thống bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Tạo cơ chế bình đẳng giữa các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và ngoài công lập. Có chính sách hỗ trợ mạng lưới các tổ chức dịch vụ kỹ thuật, môi giới, chuyển giao, tư vấn, đánh giá và định giá công nghệ.

QUỐC GIA KHỞI NGHIỆP, DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

I. DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP, XÂY DỰNG QUỐC GIA KHỞI NGHIỆP - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC

1. Khái niệm

(1) Doanh nghiệp khởi nghiệp là doanh nghiệp mới đăng ký thành lập để hoạt động kinh doanh theo pháp luật và doanh nghiệp đang hoạt động, những cải tiến, có công nghệ sản xuất, mô hình quản lý mới để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm hay mở ra lĩnh vực kinh doanh mới, tạo ra sản phẩm mới.

- Doanh nghiệp từ khi thành lập và hoạt động đến 3,5-5 năm (tùy theo từng lĩnh vực) là doanh nghiệp khởi nghiệp (Sau thời hạn đó, doanh nghiệp đã hoạt động ổn định, không còn là doanh nghiệp khởi nghiệp).

Doanh nghiệp khởi nghiệp có doanh nghiệp khởi nghiệp không có đổi mới sáng tạo (sử dụng công nghệ, mô hình quản lý hiện có, sản xuất những sản phẩm đã có trên thị trường) và *doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (startup)*

là khởi nghiệp để thực hiện ý tưởng mới, kết quả nghiên cứu; sử dụng kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý mới để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm hay tạo sản phẩm mới.

(2) Hệ sinh thái khởi nghiệp là môi trường được hình thành bởi sự tương tác giữa các chủ thể: nhà nước, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp,... cộng sinh, chia sẻ để tạo ra các điều kiện thuận lợi hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp. Hệ sinh thái khởi nghiệp là một bộ phận của môi trường kinh doanh chung, trực tiếp ảnh hưởng đến sự ra đời và hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp.

(3) Quốc gia khởi nghiệp là quốc gia luôn khuyến khích, động viên, cổ vũ tinh thần khởi nghiệp, dành sự ưu tiên cho xây dựng, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp; tạo được sự khởi nghiệp mạnh mẽ của doanh nghiệp, nhất là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; có nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp thành công, tạo nên sự phát triển nhanh, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao của nền kinh tế.

2. Sự cần thiết phải xây dựng quốc gia khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp

Doanh nghiệp là lực lượng nòng cốt để phát triển kinh tế đất nước. Để phát triển kinh tế, mọi quốc gia đều phải quan tâm phát triển doanh nghiệp. Doanh nghiệp khởi nghiệp, đặc biệt là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, là cơ sở tạo nên lực lượng doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh. Con đường để một số quốc gia phát triển kinh tế nhanh và bền vững, rút ngắn được khoảng cách với các nước có nền kinh tế phát triển là bằng sự phát triển mạnh mẽ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, xây dựng quốc gia khởi nghiệp.

Trong giai đoạn tới, để thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Việt Nam cần phải có lực lượng doanh nghiệp đông và mạnh hơn nữa, phải thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp; tạo thêm nội dung và động lực mới cho công cuộc đổi mới đất nước.

3. Các yếu tố ảnh hưởng tới doanh nghiệp khởi nghiệp và xây dựng quốc gia khởi nghiệp

Doanh nghiệp khởi nghiệp và xây dựng quốc gia khởi nghiệp có quan hệ chặt chẽ với nhau. Các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp khởi nghiệp đều ảnh hưởng đến việc xây dựng quốc gia khởi nghiệp và ngược lại (sự khác nhau chỉ ở tính chất trực tiếp hay gián tiếp và mức độ tác động).

(1) Tinh thần khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp

- *Tinh thần khởi nghiệp càng mạnh mẽ* càng thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp.

- *Hệ sinh thái khởi nghiệp* càng phát triển, hoàn thiện thì càng thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp và ngược lại. Hệ sinh thái khởi nghiệp có nhiều bộ phận cấu thành:

Môi trường pháp luật do hệ thống thể chế luật pháp, cơ chế, chính sách tạo ra, càng đồng bộ, hoàn thiện thì càng tạo thuận lợi thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp.

Môi trường kinh tế với các nguồn lực tài chính càng lớn, trình độ khoa học - công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực càng cao, hệ thống kết cấu hạ tầng và hệ thống các thị trường càng phát triển... thì càng có ảnh hưởng tích cực tới

quá trình doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp.

Môi trường văn hóa - xã hội càng ổn định, dân chủ, cởi mở, khuyến khích trao đổi, tranh luận; cổ vũ, động viên những doanh nghiệp, doanh nhân khởi nghiệp thành công, có nhiều đóng góp cho xã hội... càng thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp.

(2) Nhà nước, các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư, các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp khác

- Chất lượng, hiệu quả quản lý, kiến tạo phát triển của *nhà nước;*

- *Các doanh nghiệp đang hoạt động số lượng nhiều, chất lượng cao* (nhất là nguồn lực tài chính và trình độ công nghệ);

- *Các viện nghiên cứu khoa học - công nghệ, các trường đại học càng có trình độ cao;*

- *Các nhà đầu tư, quỹ đầu tư, nhất là quỹ đầu tư mạo hiểm* đa dạng, có nguồn lực tài chính càng lớn;

- *Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp khác, như các vườn ươm khởi nghiệp*, *các nhà cung cấp dịch vụ* (công ty tư vấn pháp luật, chuyển giao công nghệ, kiểm toán, định giá tài sản, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại...) hoạt động có chất lượng, hiệu quả;

- *Các hiệp hội doanh nghiệp, các đoàn thể xã hội* tích cực tư vấn cho các doanh nghiệp về luật pháp, cơ chế, chính sách; tổ chức các chương trình đào tạo về khởi nghiệp...

(3) Những yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp

Tình hình chính trị, an ninh, tình hình phát triển kinh tế, trình độ khoa học và công nghệ, luật pháp, cơ chế, chính sách

về đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo vệ sở hữu trí tuệ, môi trường; về xuất, nhập khẩu, thuế quan, hàng rào kỹ thuật phi thuế quan... của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về doanh nghiệp khởi nghiệp và xây dựng quốc gia khởi nghiệp

Từ một số nước có doanh nghiệp khởi nghiệp mạnh mẽ, trở thành những quốc gia có nền kinh tế phát triển cao (Mỹ, Ixraen, Xingapo...) có thể nêu lên một số kinh nghiệm sau[1]:

(1) Xây dựng tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ, hệ sinh thái khởi nghiệp thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp.

(2) Nhà nước (mà trực tiếp là chính phủ và chính quyền các cấp) luôn đồng hành cùng doanh nghiệp, dành nhiều ưu đãi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, tăng cường hợp tác công - tư, huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp.

(3) Đặc biệt quan tâm tới phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và phát triển, nâng cao tiềm lực, trình độ khoa học và công nghệ của đất nước.

(4) Ý chí và tài năng lãnh đạo, quản trị quốc gia của những người đứng đầu đất nước là một trong những yếu tố quyết định xây dựng thành công quốc gia khởi nghiệp.

---

1. Trong 5 kinh nghiệm được giới thiệu, các kinh nghiệm 1, 2, 3 là chung cho cả doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp; kinh nghiệm 4 là nhấn mạnh thêm cho xây dựng quốc gia khởi nghiệp; kinh nghiệm 5 là nhấn mạnh thêm cho doanh nghiệp khởi nghiệp.

(5) Xây dựng đội ngũ đông đảo chuyên gia khoa học và công nghệ và quản lý kinh doanh tài năng là yếu tố quan trọng tạo nên sự phát triển và thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp.

II. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG QUỐC GIA KHỞI NGHIỆP Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM VỪA QUA

1. Chủ trương, quan điểm của Đảng; luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước về khởi nghiệp

Mặc dù chỉ trong khoảng 5-7 năm trở lại đây, các khái niệm liên quan đến khởi nghiệp mới xuất hiện ở Việt Nam. Tuy nhiên, thực hiện đường lối đổi mới, từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm tới phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; tới việc hoàn thiện thể chế kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển. Đường lối đổi mới của Đảng thực chất đã đặt nền tảng cho doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp.

- Quan điểm về xây dựng, phát triển doanh nghiệp của Đảng được thể hiện qua các kỳ Đại hội, và các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị. Để khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, Đại hội XI của Đảng xác định hoàn thiện thể chế kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ để xây dựng, cải thiện môi trường kinh doanh là các đột phá chiến lược. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII tiếp tục đề ra nhiệm vụ: "*thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp Việt Nam cả về số lượng và chất lượng, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi*

đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa"[1]; và lần đầu tiên nêu lên vấn đề khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp "Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp"[2], "Tăng cường trợ giúp để phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ gia đình; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp"[3].

- Quan điểm của Đảng được thể chế hóa thành hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước ngày càng đồng bộ, hoàn thiện hơn. Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng qua các lần sửa đổi, bổ sung đã quy định điều kiện và thủ tục đầu tư, kinh doanh, đăng ký thuế, nộp thuế ngày càng thuận lợi cho doanh nghiệp, dành nhiều ưu đãi cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa[4]. Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao công nghệ có nhiều ưu đãi để khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, nhất là các công nghệ cao[5]. Chính phủ ban hành

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.105, 108, 292.

4. Quy định mức thuế suất phổ thông thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%, doanh nghiệp có doanh thu bình quân dưới 20 tỷ đồng/năm thì thuế suất 20%; doanh nghiệp nhỏ và vừa có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống không chịu thuế giá trị gia tăng...

5. Doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa được quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn (Điều 57 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013); doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm được hưởng ưu đãi theo mức cao nhất của pháp luật về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; được xem xét hỗ trợ chi phí từ kinh phí của Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao và kinh phí khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (Điều 10 Luật Công nghệ cao năm 2008).

nhiều Nghị định, nghị quyết về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh (Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18-3-2014 và Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12-3-2015); về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị quyết số 35/2016/NQ-CP ngày 15-6-2016)...

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Chính phủ đã ban hành một số nghị quyết, quyết định quan trọng[1] đặt ra mục tiêu đến năm 2020, các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh của Việt Nam đạt tối thiểu bằng mức trung bình của nhóm ASEAN 4, cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động; hàng năm, có khoảng 30-35% doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động đổi mới, sáng tạo.

2. Tình hình triển khai thực hiện và những kết quả đạt được

(1) Công tác tuyên truyền về kinh tế, cổ vũ và tôn vinh những đóng góp của doanh nghiệp, doanh nhân cho đất nước được tăng cường; tinh thần khởi nghiệp trong xã hội tăng lên

Việc tuyên truyền về các thành tựu kinh tế của đất nước, những doanh nghiệp thành công, có nhiều đóng góp cho đất nước được đẩy mạnh. Nhiều giải thưởng đã được trao cho

1. Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28-4-2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2 năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18-5-2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16-5-2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

những doanh nghiệp có sản phẩm chất lượng cao, thương hiệu có uy tín, có thành tích xuất khẩu, có nhiều đổi mới sáng tạo... Gần đây, nhiều câu lạc bộ khởi nghiệp được thành lập; nhiều cuộc thi khởi nghiệp, hoạt động trình diễn sản phẩm mới, ngày hội khởi nghiệp, triển lãm khởi nghiệp được tổ chức; nhiều cơ quan báo chí có chuyên mục về khởi nghiệp; một số trang thông tin điện tử về khởi nghiệp được ra đời, một số cộng đồng khởi nghiệp được thành lập... Những hoạt động này đã góp phần nâng cao tinh thần khởi nghiệp trong xã hội[1].

(2) Thể chế kinh tế từng bước được hoàn thiện, tạo môi trường ngày càng thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển (trong đó có các doanh nghiệp khởi nghiệp)

Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách được ban hành, sửa đổi, bổ sung ngày càng hoàn chỉnh. Quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền sở hữu trí tuệ được luật pháp bảo vệ. Các thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính, tiền tệ, chứng khoán, lao động, khoa học và công nghệ, bất động sản ngày càng phát triển. Các thủ tục liên quan đến thành lập và hoạt động của doanh nghiệp được cải tiến, rút gọn. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, của đội ngũ cán bộ công chức được điều chỉnh, bổ sung để

1. Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam của VCCI cho thấy: năm 2014, có 67,2% số người trưởng thành được hỏi có mong muốn lựa chọn nghề kinh doanh; 75,9% người được hỏi đồng ý với nhận định doanh nhân thành đạt thường có được vị trí cao trong xã hội và được mọi người tôn trọng; tỷ lệ người nhìn thấy cơ hội kinh doanh và có ý định khởi nghiệp tăng lên: năm 2013: 36,8%, năm 2014: 39,4%, năm 2015: 56,8%. Đây là những tỷ lệ khá cao, được xếp thứ 9/60 nền kinh tế được khảo sát.

nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt hơn chức năng quản lý và kiến tạo phát triển[1].

(3) Nhà nước có nhiều chương trình khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển

Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 để hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm quốc gia; Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp quốc gia đến năm 2020 để hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, phát triển các sản phẩm quốc gia, hình thành ngành sản xuất dựa trên sản phẩm quốc gia; Chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020; Chương trình quốc gia phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao;... Cùng với các chương trình, Nhà nước thành lập nhiều quỹ, như Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ để hỗ trợ các doanh nghiệp... Các chương trình, các quỹ này đã tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

(4) Hệ thống kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng, ngày càng đồng bộ, từng bước hiện đại

Hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy nội bộ, hàng không được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và viễn

1. Theo Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2013, 2014 của VCCI, trong các chỉ số về điều kiện kinh doanh, chỉ số các chính sách của Chính phủ ở Việt Nam được đánh giá cao hơn so với các nước có cùng trình độ phát triển.

thông, đường cáp quang và các trạm thu phát sóng đã phủ kín cả nước tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ các ứng dụng công nghệ thông tin trong xã hội. Hệ thống kết cấu hạ tầng điện phát triển nhanh, bảo đảm việc cung cấp điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế đất nước và sinh hoạt của nhân dân[1].

(5) Các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đã từng bước hình thành, hoạt động ngày càng mạnh mẽ, tích cực

Nhà nước có nhiều quỹ tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp, như: Quỹ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển công nghệ cao... Nhiều quỹ đầu tư mạo hiểm cả trong và ngoài nước như IDG Ventures Vietnam, Cyber Agent Ventures, DFG Vincapital, FPT Ventures, Seedcom... được thành lập và có nhiều hoạt động hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp. Các vườn ươm khởi nghiệp hình thành ngày càng nhiều, trong đó có vườn ươm khởi nghiệp của doanh nghiệp tư nhân, có nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho doanh nghiệp khởi nghiệp[2]. Các trường đại học, các viện nghiên cứu, các hiệp hội doanh nghiệp, các đoàn thể xã hội cũng tham gia tích cực vào hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, như: tổ chức các câu

---

1. Theo Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam năm 2013, 2014, 2015 của VCCI, kết cấu hạ tầng được đánh giá cao nhất trong các chỉ số về điều kiện doanh nghiệp ở Việt Nam (năm 2013 đạt 3,58 điểm, năm 2014 đạt 3,75 điểm, năm 2015 đạt 4,07 điểm trên thang điểm từ 1-5).

2. Hỗ trợ không gian làm việc với đầy đủ các trang thiết bị, điều kiện như một văn phòng (bàn ghế, tủ hồ sơ tài liệu, điện thoại, máy fax, máy in, photo, internet và wifi tốc độ cao...); đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kinh doanh; tư vấn xây dựng chiến lược phát triển, hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm, kết nối với các nhà đầu tư, các nhà phân phối, tiếp cận thị trường; đăng ký quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ...

lạc bộ, các cuộc thi ý tưởng, các hội chợ khởi nghiệp, các vườn ươm khởi nghiệp, các khóa đào tạo về khởi nghiệp...

- *Kết quả đạt được về doanh nghiệp khởi nghiệp và xây dựng quốc gia khởi nghiệp.* Trong những năm qua, số doanh nghiệp mới thành lập, nhất là doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tăng nhanh[1]. Số lượng doanh nghiệp hoạt động từ năm 2000 đến năm 2015 tăng hơn 10 lần, từ 42.288 doanh nghiệp lên hơn 513.000 doanh nghiệp. Trong đó, có những doanh nghiệp công nghệ cao đã phát triển đột phá, trở thành những tập đoàn, tổng công ty lớn, như Viettel, VNPT, FPT... Những năm gần đây, nền kinh tế ra khỏi khó khăn, doanh nghiệp khởi nghiệp ở Việt Nam lại tăng lên[2], trong đó, có một lượng lớn doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo[3].

Những năm qua, với sự cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển nhanh của các doanh nghiệp, đã đặt nền tảng cho việc xây dựng quốc gia khởi nghiệp và đạt được kết quả bước đầu, góp phần để đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

---

1. Năm 2010 có 89.178 doanh nghiệp mới được thành lập. Những năm 2011-2014 do tình hình kinh tế khó khăn, hằng năm vẫn có khoảng 70.000 doanh nghiệp được thành lập.

2. Năm 2015, có 94.754 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (tăng 26,6% so với 2014 về số doanh nghiệp và 39,1% về vốn đăng ký). 4 tháng đầu năm 2016, có 34.721 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 22,9% về số doanh nghiệp và 52,8% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2015,

3. Hiện nay, ước có khoảng trên 10.000 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đang hoạt động, chủ yếu trong lĩnh vực công nghệ thông tin và thương mại điện tử.

3. Những hạn chế, yếu kém

(1) Môi trường kinh doanh nói chung, hệ sinh thái khởi nghiệp nói riêng còn nhiều hạn chế

Luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, còn chồng chéo, chưa thật thông thoáng. Khung pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của một số tổ chức mới, như: quỹ đầu tư mạo hiểm, vườn ươm doanh nghiệp còn sơ khai. Các thủ tục hành chính về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp vẫn còn gây khó khăn cho doanh nghiệp; doanh nghiệp khởi nghiệp vẫn phải thực hiện các quy định giống như các doanh nghiệp đã trưởng thành, tạo gánh nặng (về thời gian, chi phí) cho doanh nghiệp.

Vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp còn nhiều khó khăn (chưa vay được vốn từ ngân hàng thương mại, vốn từ các chương trình, quỹ hỗ trợ của Nhà nước nhỏ. Các quỹ đầu tư mạo hiểm ít, quy mô nhỏ). Các vườn ươm đa số còn nhỏ; chất lượng, hiệu quả hoạt động nhìn chung còn thấp. Năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ của các viện nghiên cứu, các trường đại học còn thấp. Thị trường khoa học - công nghệ chưa phát triển, chưa thuận lợi cho chuyển giao công nghệ, thương mại hóa các sản phẩm khoa học. Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là giáo dục đại học còn thấp; đào tạo nghề, công nhân kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kinh doanh và khởi nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân chưa được quan tâm đúng mức.

Chất lượng hạ tầng giao thông còn thấp. Chất lượng cung ứng điện chưa ổn định, vẫn còn thiếu điện cục bộ, tổn thất

điện còn lớn. Kết cấu hạ tầng thương mại phát triển chậm; loại hình thương mại hiện đại mới phát triển ở các đô thị lớn, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu...

- *Đánh giá về môi trường kinh doanh ở Việt Nam năm 2015*, Ngân hàng Thế giới (WB) xếp Việt Nam đứng vị trí 90 trong số 189 nền kinh tế được đánh giá, còn thua xa các nước Xingapo (xếp hạng 1/189), Malaixia (18/189), Thái Lan (49/189), Brunây (59/189)...[1]. Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đánh giá điều kiện kinh doanh ở Việt Nam thay đổi chậm; điều kiện kinh doanh năm 2014 thay đổi không nhiều so với năm 2013. Điều kiện kinh doanh năm 2015 vẫn chưa được cải thiện so với năm 2014[2]. Đã có một số doanh nghiệp Việt Nam không khởi nghiệp trong nước mà ra nước ngoài (chủ yếu là Xingapo) khởi nghiệp do môi trường thuận lợi hơn.

(2) Các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng cũng còn nhiều điểm yếu

- Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp trên số người trưởng thành ở Việt Nam thấp hơn các nước cùng trong nhóm phát

---

1. Trong 12 chỉ số về điều kiện kinh doanh được xem xét, Việt Nam chỉ có 3 chỉ số đạt trên mức trung bình (3 điểm), các chỉ số còn lại đều dưới mức trung bình. Trong đó, 3 chỉ số được xếp hạng thấp nhất là: các chương trình hỗ trợ của Chính phủ (2,35 điểm), chuyển giao công nghệ (2,3 điểm), giáo dục kinh doanh ở bậc phổ thông (1,83 điểm). So với các nước ASEAN, trong 12 chỉ số, Việt Nam chỉ có 1 chỉ số được đánh giá tốt hơn cả 5 nước ASEAN, còn 11 chỉ số kém, trong đó có 5 chỉ số kém cả 5 nước.

2. Chỉ có thay đổi ở 3 chỉ số được xếp hạng thấp nhất là các chương trình hỗ trợ của chính phủ (2,14 điểm), tài chính cho kinh doanh (2,12 điểm), giáo dục kinh doanh ở bậc phổ thông (1,57 điểm).

triển dựa trên nguồn lực như Việt Nam[1]. Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo chiếm tỷ lệ thấp. Doanh nghiệp khởi nghiệp tập trung nhiều ở các lĩnh vực khai thác, phục vụ người tiêu dùng và có định hướng xuất khẩu thấp[2].

Hoạt động khởi nghiệp ở các doanh nghiệp đang hoạt động cũng có nhiều hạn chế do phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn ít, trình độ công nghệ thấp, ít liên kết được với doanh nghiệp FDI để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo ra lĩnh vực kinh doanh mới, sản phẩm mới...

- Với tình hình doanh nghiệp khởi nghiệp như vậy, việc xây dựng quốc gia khởi nghiệp tốc độ còn chậm, chất lượng còn thấp. Theo Báo cáo cạnh tranh toàn cầu của Ngân hàng Thế giới, sự phát triển của các nền kinh tế có 3 giai đoạn. Giai đoạn 1: phát triển dựa trên nguồn lực. Giai đoạn 2: phát triển dựa trên hiệu quả. Giai đoạn 3: phát triển dựa trên đổi mới, sáng tạo. Đến năm 2013-2014, Việt Nam vẫn nằm trong nhóm nước phát triển dựa trên nguồn lực.

4. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

(1) Nguyên nhân khách quan

Tình hình khó khăn, phục hồi chậm của nền kinh tế thế giới. Kinh tế của nhiều khu vực, nước lớn gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút, phục hồi chậm. Giá dầu lửa tiếp tục giảm thấp. Nhiều nước cơ cấu lại nền kinh tế, sử dụng các

---

1. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp trên số người trưởng thành ở Việt Nam năm 2013: 15,4%; năm 2014: 15,3%; năm 2015: 13,7%; so với 21,4% ở các nước dựa trên nguồn lực như Việt Nam (theo VCCI).

2. Ở các nước kinh tế phát triển, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo chiếm tỷ trọng cao; tập trung nhiều trong các lĩnh vực chế tạo, phục vụ doanh nghiệp và hướng về xuất khẩu.

hàng rào kỹ thuật để bảo vệ thị trường trong nước và các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong nước một cách tinh vi... gây ra không ít khó khăn cho doanh nghiệp Việt Nam. Tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gây thiệt hại lớn cho nhiều vùng trong nước, cho nhiều ngành, lĩnh vực.

(2) Nguyên nhân chủ quan

- 10 năm gần đây, 2 lần lạm phát tăng cao, kinh tế vĩ mô mất ổn định, hàng năm có 50-70 nghìn doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; bội chi ngân sách nhà nước, nợ công, nợ xấu cao làm cho việc giảm thuế, hạ lãi suất cho vay của ngân hàng khó khăn, tiếp tục gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Kết quả thực hiện các đột phá chiến lược, đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ... còn hạn chế, môi trường kinh doanh, hệ sinh thái khởi nghiệp chậm được cải thiện.

- Trong bộ máy quản lý nhà nước và đội ngũ cán bộ công chức, tình trạng thiếu trách nhiệm, phẩm chất, năng lực yếu; kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, cản trở việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, làm xấu đi môi trường đầu tư, kinh doanh.

III. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHO DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP, XÂY DỰNG QUỐC GIA KHỞI NGHIỆP ĐẾN NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

1. Định hướng

(1) Động viên, cổ vũ, xây dựng tinh thần khởi nghiệp

mạnh mẽ trong xã hội, nhất là trong thế hệ trẻ; cổ vũ tinh thần sáng tạo, đổi mới, dám chấp nhận, vượt qua rủi ro, mạo hiểm để khởi nghiệp; thúc đẩy khởi nghiệp trở thành phong trào sâu, rộng trong xã hội; nhưng hết sức coi trọng tính hiệu quả, thiết thực, tránh hình thức.

(2) Tập trung xây dựng, cải thiện môi trường kinh doanh, hệ sinh thái khởi nghiệp một cách đồng bộ với sự tham gia tích cực, phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước với khu vực tư nhân, khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để tạo ra môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp.

(3) Khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp trong mọi hình thức: khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo và không có đổi mới, sáng tạo; bằng thành lập doanh nghiệp mới và bằng mở ra những lĩnh vực hoạt động mới, tạo ra những sản phẩm mới ở những doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó, đặc biệt khuyến khích, thúc đẩy những doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo, có tiềm năng phát triển nhanh, hiệu quả cao.

(4) Xây dựng quốc gia khởi nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; với định hướng và quy hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực; phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương; với định hướng hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Coi trọng chất lượng hơn số lượng; phát triển đất nước nhanh, bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường.

2. Mục tiêu

Đến năm 2020, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam thuộc tốp đầu ASEAN về mức độ thuận lợi cho doanh

nghiệp khởi nghiệp; Việt Nam trở thành quốc gia khởi nghiệp tiêu biểu trong khu vực, với số lượng và chất lượng doanh nghiệp khởi nghiệp cao; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu sớm đưa nước ta thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại mà Đại hội XII của Đảng đã đề ra.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

(1) Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp

- Ổn định kinh tế vĩ mô là điều kiện cơ bản để tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp và xây dựng quốc gia khởi nghiệp. Nhà nước cần phải kiềm chế được lạm phát, bảo đảm an toàn nợ công, giảm bội chi ngân sách nhà nước và nhập siêu; tập trung xử lý nợ xấu và các ngân hàng yếu kém để giữ vững ổn định kinh tế, khơi thông luồng vốn tín dụng cho doanh nghiệp và nền kinh tế...

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ vai trò của cơ chế thị trường và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước. Sửa đổi, bổ sung ngay những vấn đề còn vướng mắc liên quan đến xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, liên quan đến thành lập và hoạt động của doanh nghiệp... Các chính sách đối với doanh nghiệp cần phân biệt giai đoạn khởi nghiệp và giai đoạn sau khởi nghiệp. Tập trung xây dựng, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho việc thành lập, hoạt động của quỹ đầu tư mạo hiểm, các vườn ươm doanh nghiệp, các tổ chức cung ứng dịch vụ cho

doanh nghiệp khởi nghiệp, là những tổ chức mới, hiện nay còn nhiều vướng mắc.

- Các chương trình quốc gia, các quỹ hỗ trợ của Nhà nước cần được sửa đổi, bổ sung mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận. Đồng thời, cần có Chương trình quốc gia và Quỹ quốc gia riêng để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng quốc gia khởi nghiệp. Các chương trình, quỹ của Nhà nước cần phối hợp với các tổ chức, quỹ tư nhân (hợp tác công - tư) dưới nhiều hình thức để hỗ trợ có hiệu quả cho doanh nghiệp khởi nghiệp.

(2) Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp, xây dựng mạng lưới thông tin hỗ trợ khởi nghiệp và văn hóa khởi nghiệp

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền về khởi nghiệp. Đồng thời, khuyến khích các hoạt động: thành lập các câu lạc bộ khởi nghiệp; tổ chức các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, các cuộc thi tìm hiểu về khởi nghiệp; biên tập, xuất bản các sổ tay, tài liệu tuyên truyền, phổ biến luật pháp, chính sách về khởi nghiệp; tổ chức các lớp đào tạo về kiến thức kinh doanh, kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp... tạo nên không khí sôi động trong xã hội về khởi nghiệp, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp trong các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

- Nhà nước phối hợp với cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ khởi nghiệp: Cổng thông tin, Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khởi nghiệp; thường xuyên cập nhật thông tin về các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến khởi nghiệp; thông tin về khoa học và công nghệ, sáng chế, các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; về nguồn nhân lực, các nguồn

vốn đầu tư; về các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới...

- Xây dựng không khí dân chủ, cởi mở, khuyến khích trao đổi, thảo luận trong sinh hoạt của mọi tổ chức, mọi hoạt động xã hội. Xây dựng văn hóa kinh doanh tôn trọng pháp luật, kinh doanh có đạo đức, gìn giữ, bảo vệ môi trường. Xây dựng quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp khởi nghiệp với nhà đầu tư, các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, các tổ chức cung ứng dịch vụ, các cơ quan quản lý nhà nước...

(3) Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, chất lượng giáo dục và đào tạo; xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, hệ thống các thị trường để thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp và xây dựng quốc gia khởi nghiệp

- Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Đẩy mạnh việc chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang cơ chế tự chủ hoặc chuyển thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý các chương trình, đề tài nghiên cứu để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ của Nhà nước. Tiếp tục thực hiện có kết quả các chương trình quốc gia về đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ công nghệ của các ngành kinh tế; có chính sách trọng dụng nhân tài khoa học công nghệ; xây dựng các viện, trung tâm nghiên cứu có uy tín, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện kết quả đột phá chiến lược về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện. Mở rộng việc đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề,

trình độ công nghệ cao. Tăng cường phổ biến kiến thức về kinh doanh trong xã hội, giảng dạy các kiến thức về kinh tế, kinh doanh ở các trường trung học, cao đẳng, đại học. Khuyến khích các trường đại học tổ chức các vườn ươm khởi nghiệp, cơ sở đào tạo khởi nghiệp, các công ty tư vấn cho doanh nghiệp khởi nghiệp theo khả năng, thế mạnh của mình...

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có kết quả đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch phát triển từng lĩnh vực kết cấu hạ tầng. Tăng cường hợp tác công - tư trong xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng. Tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý, giám sát của Nhà nước đối với việc xây dựng về tiến độ, chất lượng công trình, giảm thất thoát, lãng phí và việc quản lý sử dụng công trình sau xây dựng.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống các thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính, tiền tệ, chứng khoán, khoa học và công nghệ, lao động, bất động sản cả về mặt thể chế, cơ sở vật chất kỹ thuật, các tổ chức cung ứng dịch vụ hỗ trợ để các thị trường vận hành thông suốt, lành mạnh, thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

(4) Phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp khác

Nhà nước sớm xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của vườn ươm khởi nghiệp; có chính sách hỗ trợ vườn ươm hoạt động; lồng ghép các chương trình quốc gia về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển khoa học và công nghệ... với chương trình phát triển vườn ươm khởi nghiệp. Phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động của các công ty tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán,

định giá tài sản, chuyển giao công nghệ, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại... để hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp và xây dựng quốc gia khởi nghiệp. Phát huy vai trò, tính năng động của các tổ chức, đoàn thể xã hội, nhất là tổ chức thanh niên, các hiệp hội doanh nghiệp trong tuyên truyền, cổ vũ phong trào khởi nghiệp; giới thiệu, tập huấn cho đoàn viên, hội viên của mình những kiến thức cần thiết cho khởi nghiệp; thành lập các vườn ươm doanh nghiệp, vận động thành lập các quỹ tài chính hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp...

(5) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, mạnh mẽ, có hiệu quả của Đảng, Nhà nước là một yếu tố quyết định để xây dựng quốc gia khởi nghiệp thành công

Đảng, Nhà nước cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp trong xã hội, nhất là trong thế hệ trẻ; đưa xây dựng quốc gia khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp thành nội dung trong đường lối, nhiệm vụ trong chiến lược phát triển đất nước. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế; phát triển, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại...; để hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam ở tốp đầu của các nước ASEAN; chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình xây dựng quốc gia khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Đồng thời, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng bộ máy Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị thật sự tinh gọn, có chất lượng cao; loại bỏ những chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, tổ chức. Tập trung tinh

lọc đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, tận tụy, trách nhiệm với công việc, với nhân dân, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng quản trị quốc gia.

(6) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân tài; xây dựng đội ngũ doanh nhân, chuyên gia khoa học và công nghệ tài năng là một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp

Đẩy mạnh tuyên truyền tôn vinh và có chính sách đãi ngộ xứng đáng để thu hút, phát huy được các tài năng kinh doanh, các tài năng khoa học và công nghệ; đồng thời, tạo động lực cho thế hệ trẻ học tập, phấn đấu. Tập trung xây dựng một số trường đại học, viện nghiên cứu thành trường và viện thuộc tốp đầu trong khu vực, để đào tạo được những chuyên gia khoa học và công nghệ và doanh nhân tài năng, những hạt nhân cho doanh nghiệp khởi nghiệp. Có chính sách ưu đãi thu hút những doanh nhân, chuyên gia khoa học và công nghệ tài năng làm việc ở nước ngoài (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài) vào làm việc ở các trường đại học, viện nghiên cứu, quản lý các doanh nghiệp ở Việt Nam; có chính sách định cư cởi mở đối với những người có trình độ cao, tay nghề cao...

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG HIỆN ĐẠI TRONG ĐIỀU KIỆN TOÀN CẦU HÓA VÀ NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Kinh tế thị trường và những đặc điểm cơ bản của kinh tế thị trường hiện đại trong điều kiện toàn cầu hóa

a) Kinh tế thị trường

Trên thế giới, có ba loại hình kinh tế. *Một là,* kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc của người sản xuất. *Hai là,* kinh tế kế hoạch hóa tập trung được điều hành hoàn toàn bởi nhà nước. *Ba là,* kinh tế thị trường, trong đó, có kinh tế thị trường hoàn toàn tự do, không có bất kỳ sự can thiệp nào của nhà nước và kinh tế thị trường hỗn hợp, có sự kết hợp giữa nhà nước và thị trường. Hiện nay, hầu như tất cả các nền kinh tế trên thế giới đều là kinh tế thị trường hỗn hợp, có sự kết hợp giữa nhà nước và thị trường. Đặc điểm chung

của các nền kinh tế thị trường là: có các chủ thể thị trường, gồm nhà nước, các doanh nghiệp và người dân (vừa là người lao động, vừa là người tiêu dùng); có môi trường luật pháp và các thị trường (thị trường yếu tố sản xuất, thị trường sản phẩm hàng hóa, dịch vụ); có cơ chế vận hành là sự điều tiết theo các quy luật của thị trường (quy luật giá trị, cung cầu, cạnh tranh) và điều tiết của nhà nước[1]. Vai trò, mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường là cơ sở chính để phân biệt các mô hình kinh tế thị trường khác nhau.

b) Các đặc điểm cơ bản của kinh tế thị trường hiện đại trong điều kiện toàn cầu hóa

- *Đặc điểm về doanh nghiệp.* (1) Có đa dạng các loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tập thể, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nước ngoài và doanh nghiệp hỗn hợp giữa các loại hình này; (2) Có đa dạng các hình thức tổ chức doanh nghiệp: công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty cổ phần; (3) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có tư cách pháp nhân độc lập, tự chủ kinh doanh, hoạt động theo cơ chế thị trường có điều tiết của nhà nước; (4) Trong các nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp tư nhân là lực lượng nòng cốt, đông đảo nhất, là động lực quan trọng nhất cho phát triển kinh tế; có những doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn, đa quốc gia, dưới hình thức các công ty cổ phần, trong đó sở hữu tư nhân được liên kết, xã hội hóa; (5) Doanh nghiệp nhà nước

1. Có quan điểm cho rằng nền kinh tế thị trường có các bộ phận *"người chơi", "luật chơi"* và *"cách chơi".* Người chơi có nhà nước, doanh nghiệp và người dân; luật chơi là khung khổ pháp luật và các thị trường; cách chơi là sự phối hợp giữa nhà nước và thị trường.

có mặt trong mọi nền kinh tế thị trường. Phạm vi, vai trò của doanh nghiệp nhà nước khác nhau trong các mô hình kinh tế thị trường khác nhau[1] và trong các nền kinh tế thị trường có trình độ phát triển khác nhau[2].

- *Các đặc điểm về vai trò của thị trường.* (1) Tài sản và quyền sở hữu tài sản được xác định rõ ràng, mỗi tài sản đều có chủ, được pháp luật bảo vệ; (2) Có đầy đủ các loại thị trường (thị trường các yếu tố sản xuất, thị trường hàng hóa và dịch vụ); các thị trường phát triển, vận hành thông suốt; độc quyền kinh doanh được kiểm soát; thị trường trong nước kết nối với thị trường thế giới; (3) Tự do kinh doanh, cạnh tranh công bằng chi phối phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế, chi phối sự lựa chọn của các chủ thể thị trường, thúc đẩy các chủ thể đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh; (4) Giá cả các loại hàng hóa, dịch vụ và các yếu tố sản xuất (vốn, đất đai, lao động, tài nguyên thiên nhiên, v.v.) do thị trường quyết định dựa trên sự khan hiếm, cạnh tranh và quan hệ cung - cầu của thị trường; (5) Cuối cùng là đào thải, sáng tạo, cạnh tranh thị trường sẽ lựa chọn "người thắng cuộc". Doanh nghiệp, quốc gia năng động, sáng tạo, năng suất lao động, hiệu quả sử dụng các nguồn lực cao, v.v. sẽ vượt lên và ngược lại, tụt hậu sẽ bị đào thải.

---

1. Trong nền kinh tế thị trường tự do, doanh nghiệp nhà nước ít hơn, vai trò nhỏ hơn; trong nền kinh tế thị trường xã hội, doanh nghiệp nhà nước nhiều hơn, vai trò lớn hơn.

2. Ở các nước kinh tế phát triển cao, doanh nghiệp nhà nước ít hơn, vai trò nhỏ hơn. Ở các nước đang phát triển, doanh nghiệp tư nhân còn nhỏ, nhà nước phải dựa vào doanh nghiệp nhà nước để đẩy mạnh công nghiệp hóa phát triển đất nước; vai trò của doanh nghiệp nhà nước lớn hơn.

- *Các đặc điểm về vai trò của nhà nước.* (1) Quản lý và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; (2) Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ và bảo đảm hiệu lực thực thi; xác lập rõ ràng các loại tài sản, bảo vệ có hiệu quả quyền sở hữu tài sản; bảo đảm quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát, loại bỏ độc quyền kinh doanh, cạnh tranh không công bằng, không lành mạnh; (3) Kiến tạo phát triển, tạo môi trường thuận lợi, tạo cơ hội cho doanh nghiệp phát triển; đảm nhận những việc cần thiết, quan trọng mà tư nhân chưa làm được, chưa muốn làm; (4) Khắc phục khiếm khuyết, thất bại của thị trường; không để thị trường hoạt động méo mó, tạo ra những tín hiệu sai lệch cho các chủ thể thị trường; bảo đảm công bằng về cơ hội phát triển đối với tất cả công dân; phân phối lại thu nhập nhằm giảm bớt bất bình đẳng trong xã hội, hỗ trợ, giúp đỡ nhóm xã hội yếu thế, các vùng, địa phương kém phát triển; (5) Trong khi thực hiện các chức năng nói trên, nhà nước bị ràng buộc bởi giới hạn ngân sách cứng (kỷ luật tài chính) và trách nhiệm giải trình đầy đủ trước dân chúng; hoạt động và can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế không trái với các nguyên tắc thị trường.

2. Các tiêu chí nền kinh tế thị trường của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), của Hoa Kỳ và EU

a) Các tiêu chí của WTO[1]*:* (1) Thương mại không phân biệt đối xử; (2) Tự do hóa thương mại và gia nhập thị trường; (3) bảo đảm tính minh bạch, tính tiên liệu được trong chính

1. WTO không có hệ tiêu chí riêng về kinh tế thị trường, nhưng khi đàm phán kết nạp các nước thành viên, WTO dựa trên đạo luật Jackson - Vanik của Mỹ đưa ra những tiêu chuẩn yêu cầu các nước phải tuân thủ.

sách thương mại; (4) bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, chống độc quyền, chống bóp méo giá cả, chống bán phá giá; (5) Thúc đẩy phát triển và cải cách kinh tế, tạo điều kiện cho Chính phủ khắc phục các "thất bại" của thị trường thông qua các ưu đãi và trợ cấp được phép.

b) Các tiêu chí của Hoa Kỳ: (1) Mức độ chuyển đổi của các đồng tiền nước ngoài với đồng bản tệ; (2) Mức độ thoả thuận về tiền lương giữa người lao động và nhà quản lý; (3) Mức độ tự do trong hoạt động của các công ty có vốn nước ngoài; (4) Mức độ sở hữu hoặc kiểm soát của Chính phủ đối với các yếu tố sản xuất chủ yếu; (5) Mức độ kiểm soát của Chính phủ đối với việc phân bổ các nguồn lực, đối với giá cả và sản lượng của doanh nghiệp; (6) Các yếu tố khác có liên quan như mức độ tự do hóa thị trường và thương mại, Nhà nước pháp quyền, chống tham nhũng, v.v..

c) Các tiêu chí của EU: (1) Mức độ ảnh hưởng của Chính phủ đối với việc phân bổ các nguồn lực và các quyết định của doanh nghiệp; (2) Ban hành và thực thi luật doanh nghiệp bảo đảm tính minh bạch, không phân biệt đối xử, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, bảo đảm quyền sở hữu tài sản và cơ chế phá sản doanh nghiệp; (3) Tồn tại một khu vực tài chính đích thực, hoạt động độc lập với nhà nước, chịu sự giám sát một cách thỏa đáng; (4) Tự do hóa thị trường để mở rộng cạnh tranh.

Tuy tất cả đều tập trung vào vai trò của nhà nước, nhưng WTO nhấn mạnh tự do, cạnh tranh công bằng trong thương mại quốc tế; mở cửa, minh bạch và tiên liệu được của các chính sách thương mại. Hoa Kỳ tập trung nhiều vào thị trường ngoại hối, nơi đồng đôla Mỹ luôn đóng vai trò chi phối vào thị trường lao động, vào mức độ mở cửa đối với đầu tư

nước ngoài và mức độ can thiệp của nhà nước vào đầu tư và phân bổ nguồn lực, hiệu lực quản trị quốc gia. EU quan tâm nhiều đến mức độ can thiệp của nhà nước vào phân bổ nguồn lực và quyết định đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, đến mức độ tự do hóa thị trường và giá cả, mức độ cạnh tranh của thị trường, v.v..

3. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nền kinh tế thị trường hiện đại, toàn cầu hóa hiện nay trên thế giới có nhiều mô hình khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm riêng của từng nước, có kinh tế thị trường tự do, kinh tế thị trường xã hội, kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Nhóm nước theo trường phái Ănglô Xắcxông, đứng đầu là Hoa Kỳ, có thiên hướng thị trường tự do nhiều hơn, nhà nước can thiệp điều tiết thị trường ít hơn. Các nước Tây Bắc Âu phát triển theo hướng xây dựng một xã hội công bằng hơn bằng việc can thiệp điều tiết nhiều hơn của nhà nước vào phân phối lại thu nhập. Mỗi mô hình đều có điểm mạnh, điểm yếu của mình. Hoa Kỳ có các chỉ số về xã hội không bằng Tây Bắc Âu nhưng có tốc độ phát triển cao hơn, mức độ sáng tạo mạnh hơn. Tây Bắc Âu trì trệ hơn về kinh tế nhưng có môi trường kinh tế, xã hội ổn định và có tính cố kết cao hơn. Trung Quốc có mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, cơ bản lấy chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa làm chủ thể, kinh tế nhiều thành phần sở hữu cùng phát triển; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ nguồn lực; nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo lao động làm chủ thể, cho phép một số khu vực, một số người giàu lên trước, kéo theo và giúp đỡ những người khác cùng giàu lên, từng bước tiến tới cùng giàu có;

cải cách mở cửa, tích cực tham gia vào hợp tác và cạnh tranh kinh tế quốc tế, bảo đảm cho nền kinh tế quốc dân phát triển liên tục nhanh và lành mạnh, nhân dân cùng hưởng thành quả phồn vinh kinh tế.

Kinh tế nước ta hội nhập ngày càng sâu vào kinh tế thế giới, không chỉ tiếp thu công nghệ, tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, thị trường toàn cầu mà còn tiếp nhận các quy tắc, luật chơi của kinh tế thế giới. Tham chiếu nhận thức quốc tế về kinh tế thị trường cho phép khẳng định: nhận thức của Đại hội lần thứ XII về nền kinh tế thị trường Việt Nam hiện đại, hội nhập quốc tế là đúng đắn, cần thiết và có thể cụ thể hóa thêm. Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường Việt Nam với mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với các giá trị tốt đẹp, mục tiêu và định hướng phấn đấu của toàn nhân loại là HÒA BÌNH, TỰ DO, DÂN CHỦ, CÔNG BẰNG, BÌNH ĐẲNG, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO VÀ THỊNH VƯỢNG; quan điểm gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường của Việt Nam phù hợp với phương thức tăng trưởng bao trùm của nền kinh tế thị trường hiện đại[1]. Do đó, có thể khái quát: *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam xây dựng theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng là một mô hình kinh tế thị trường hiện đại, toàn cầu hóa, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của Việt Nam và xu thế của thời đại.*

---

1. Trong đó, mọi người đều được chia sẻ cơ hội phát triển, được tham gia vào quá trình phát triển và được hưởng lợi từ quá trình phát triển đó; và quá trình phát triển trong thế hệ này không làm hại đến quá trình phát triển của thế hệ sau.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA: KẾT QUẢ VÀ HẠN CHẾ

1. Những kết quả đạt được

- Nhận thức, quan điểm của Đảng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện; các định hướng lớn để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng được xác định ngày càng rõ hơn; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, ngày càng có nhiều đặc điểm rõ nét của kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế.

- Khung khổ pháp luật liên tục phát triển và hoàn thiện; chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp phát triển đa dạng, phù hợp hơn với kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; quyền tự do kinh doanh, an toàn trong hoạt động đầu tư kinh doanh ngày càng được bảo đảm; thể chế định giá, giá cả hàng hóa, dịch vụ về cơ bản đã được quyết định bởi thị trường, theo quy luật thị trường. Thị trường hàng hóa và dịch vụ mở rộng hơn về quy mô và hoàn thiện hơn về phương thức quản lý; cạnh tranh trên thị trường hàng hóa và dịch vụ ngày càng tăng; thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường tài chính, bước đầu hình thành và phát triển; kiểm soát độc quyền trong kinh doanh và cạnh tranh không lành mạnh đã được quan tâm hơn.

- Quản lý nhà nước nền kinh tế có nhiều đổi mới, tách quản lý kinh tế của nhà nước với quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Nhà nước tập trung xây dựng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển, giữ ổn định kinh tế vĩ

mô; đang chuyển dần từ nhà nước sở hữu và kiểm soát sang nhà nước kiến tạo, điều tiết và phục vụ phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường; hiệu lực quản lý nhà nước có cải thiện.

Những kết quả trong xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhân tố chính tạo nên thành tựu đổi mới đất nước những năm qua.

2. Những hạn chế, yếu kém

- Quyền sở hữu tài sản và bảo vệ sở hữu tài sản còn yếu kém; chưa tạo được sự an toàn và tin cậy đủ mức để người dân và doanh nghiệp an tâm đầu tư dài hạn, đổi mới, sáng tạo để phát triển. Vị trí, vai trò và chức năng của doanh nghiệp nhà nước và kinh tế tư nhân chưa phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; chưa có các doanh nghiệp quy mô lớn tương xứng với tầm khu vực và quốc tế.

- Trình độ phát triển của các loại thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất còn thấp; thị trường ngầm còn khá phổ biến. Giá các yếu tố sản xuất, nhất là vốn, đất đai, tài nguyên, sức lao động chưa được định đúng theo quy luật thị trường; còn méo mó và sai lệch. Cơ chế "xin - cho" trong phân bổ và sử dụng nguồn lực vẫn còn phổ biến; vai trò thị trường trong phân bổ và huy động nguồn lực rất mờ nhạt. Đầu tư nhà nước còn bị chi phối bởi lợi ích cục bộ, ngành, địa phương, tư duy nhiệm kỳ, "lợi ích nhóm"; phân tán, dàn trải, lãng phí và kém hiệu quả làm suy giảm tiềm năng phát triển. Chế độ phân phối trên thực tế chưa phù hợp với nguyên tắc phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ chế "xin - cho", "lợi ích nhóm" làm trầm trọng thêm sai lệch trong phân phối, trái với

nguyên tắc phân phối lợi ích trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nhà nước can thiệp vào hoạt động kinh tế bằng biện pháp hành chính còn nhiều, hiệu lực quản lý nhà nước đối với nền kinh tế trên một số mặt còn thấp. Kỷ cương, kỷ luật hành chính, chế độ trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, minh bạch hóa thông tin còn thấp so với yêu cầu, tiêu chí về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập.

Những hạn chế, yếu kém về thể chế kinh tế nêu trên là nguyên nhân chính của những hạn chế, yếu kém trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta hiện nay.

3. Nguyên nhân

a) Những thành công trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hơn 30 năm qua là kết quả của đường lối đổi mới của Đảng, chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp và khép kín sang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế.

b) Các hạn chế và yếu kém của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. *Về khách quan,* kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình chưa có tiền lệ. Vì vậy, hơn 30 năm qua, chúng ta vừa nghiên cứu lý luận, vừa tổng kết thực tiễn để xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Về chủ quan,* có nguyên nhân về nhận thức, nguyên nhân về thể chế hóa và nguyên nhân về tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước. *Về nhận thức,* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhận định: "những hạn chế, yếu kém nói

trên chủ yếu là do nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa đủ rõ, nhất là về kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể; về cơ chế phân bổ nguồn lực, sở hữu đất đai, cơ chế giá một số hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu. Nội hàm "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", nhất là nội hàm định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vấn đề chưa rõ và còn ý kiến khác nhau.

Hạn chế trong nhận thức làm cho việc thể chế hóa chủ trương của Đảng lúng túng, chưa đầy đủ, kịp thời; nhất là thể chế hóa các nội dung liên quan đến vai trò của Nhà nước, vai trò của thị trường và mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ, chưa đủ mạnh, chưa tạo được đột phá như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và XII của Đảng đã xác định; do đó, kìm hãm sự phát triển và hoàn thiện thị trường các yếu tố sản xuất, làm suy yếu vai trò của thị trường, tạo cơ hội tiếp tục duy trì cơ chế hành chính "xin - cho" trong phân bổ và sử dụng nguồn lực, làm môi trường đầu tư chậm được cải thiện, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Đặc biệt là có nhiều hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện. Nhiều chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước triển khai thực hiện chậm, không tích cực, đồng bộ, buông lỏng việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, không rõ trách nhiệm cá nhân, do đó, kết quả đạt được thấp. Thậm chí, không ít trường hợp vì lợi ích cục bộ, "lợi ích nhóm", suy thoái đạo đức, một bộ phận cán bộ cố tình làm sai chính sách hay đưa vào chính sách những quy định vì lợi ích nhóm, gây thất thoát, lãng phí lớn tài sản nhà nước và xã hội, gây chậm trễ, cản trở việc hoàn thiện thể chế, để những yếu kém, hạn chế, tiêu cực của nền kinh tế kéo dài.

III. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG, ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong những năm tới, trên thế giới, toàn cầu hóa tiếp tục được thúc đẩy nhưng vấp phải nhiều trở ngại do sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy, xu hướng bảo hộ ở một số nền kinh tế lớn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) có thể tạo ra những thay đổi lớn trong phương thức sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế tri thức, "thông minh", làm tăng thêm khoảng cách phát triển giữa các nước. Bối cảnh đó đặt nước ta trước nhiều khó khăn, thách thức lớn hơn, đòi hỏi phải có những đột phá để phát triển. *Một hệ thống tư duy và quan niệm mới cần được hình thành là cơ sở để tạo đột phá trong hoàn thiện thể chế kinh tế*, thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững kinh tế đất nước.

1. Đổi mới, thống nhất nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Khẳng định và tiếp tục cụ thể hóa nhận thức của Đại hội XII của Đảng: nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam xây dựng, từng bước hoàn thiện là một mô hình kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Cụ thể là:

- Nhà nước Việt Nam thực hiện đầy đủ vai trò, sử dụng đầy đủ, đúng đắn các công cụ, phương thức quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại để kiến tạo phát

triển và quản lý nền kinh tế thị trường. Đồng thời, là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Việt Nam tạo lập những yếu tố định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế, phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển; vừa bảo đảm phân phối theo quy luật, nguyên tắc của kinh tế thị trường, vừa quan tâm phát triển hệ thống an sinh xã hội; khuyến khích làm giàu hợp pháp, đồng thời quan tâm tới xóa đói giảm nghèo, hướng sự phát triển kinh tế tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

- Kinh tế thị trường Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, cạnh tranh bình đẳng trên thị trường; bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực, bình đẳng khi xử lý các tranh chấp. Kinh tế tư nhân (gồm các doanh nghiệp tư nhân và các hộ kinh doanh cá thể) được khuyến khích phát triển, tự do kinh doanh trong những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn mà pháp luật không cấm, là lực lượng nòng cốt, một động lực quan trọng của nền kinh tế. Các hộ kinh doanh cá thể được khuyến khích tự nguyện liên kết tạo thành các hợp tác xã, các tổ chức kinh tế tập thể phù hợp với nhu cầu và điều kiện. Các doanh nghiệp tư nhân được khuyến khích phát triển lớn mạnh; tuân thủ pháp luật, công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh, bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ sở hữu, người lao động và Nhà nước; khuyến khích trở thành những công ty cổ phần đại chúng, sở hữu tư nhân được liên kết, xã hội hóa.

- Kinh tế nhà nước bao gồm những tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước đang tham gia vào các hoạt động kinh tế và những nguồn lực của Nhà nước có thể sẵn sàng tham gia vào hoạt động kinh tế, như: đất đai, tài nguyên thiên nhiên, ngân sách, các quỹ tài chính của Nhà nước, các nguồn vốn nhà nước trong các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế (trong đó, có doanh nghiệp nhà nước). Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với ý nghĩa kinh tế nhà nước là công cụ, nguồn lực vật chất để Nhà nước thúc đẩy, điều tiết và định hướng phát triển nền kinh tế[1]. Doanh nghiệp nhà nước được phát triển ở những ngành, lĩnh vực quan trọng, cần thiết đối với đất nước nhưng tư nhân trong nước chưa làm được hoặc chưa muốn làm. Doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân độc lập, tự chủ, cạnh tranh bình đẳng, hoạt động theo nguyên tắc thị trường như doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác. Khi doanh nghiệp nhà nước hoàn thành vai trò của mình thì có thể cổ phần hóa để tư nhân tham gia, chuyển vốn nhà nước đầu tư vào lĩnh vực cần thiết và quan trọng khác, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, kết cấu hạ tầng.

- Cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có đầy đủ, đồng bộ các thị trường yếu tố sản xuất, thị trường hàng

1. Khi cần thúc đẩy, điều tiết, định hướng phát triển nền kinh tế, Nhà nước sử dụng cả công cụ luật pháp, chính sách và các nguồn lực kinh tế của Nhà nước. Không chỉ doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác đều có thể tham gia đấu thầu sử dụng các nguồn lực nhà nước để thực hiện các mục tiêu của Nhà nước.

hóa, dịch vụ. Các thị trường đều phát triển, vận hành thông suốt, kết nối với thị trường khu vực và thế giới; cạnh tranh công bằng, bình đẳng được bảo đảm; độc quyền và cạnh tranh không công bằng bị kiểm soát; giá cả hàng hóa, dịch vụ, các yếu tố sản xuất được xác định theo cơ chế thị trường dựa trên sự khan hiếm, quan hệ cung - cầu và cạnh tranh. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong việc phân bổ các nguồn lực và điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Nhà nước ban hành luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển, sử dụng các nguồn lực kinh tế của Nhà nước để tạo khung khổ pháp luật, kiến tạo môi trường, các điều kiện cho nền kinh tế thị trường hoạt động, giữ gìn ổn định kinh tế vĩ mô, quản lý và điều tiết, định hướng phát triển của nền kinh tế.

2. Hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ thị trường các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò chủ yếu trong phân bổ nguồn lực và điều tiết nền kinh tế

- *Sớm hoàn thiện thể chế hình thành đồng bộ thị trường các yếu tố sản xuất.* Tập trung xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp luật tạo thuận lợi cho việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bảo đảm hài hòa lợi ích của người được giao quyền sử dụng đất, của doanh nghiệp và Nhà nước khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất; thúc đẩy tích tụ, tập trung ruộng đất; thực hiện đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên, khoáng sản, xóa bỏ cơ chế "xin - cho". Hoàn thiện thể chế, đẩy nhanh cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính yếu kém, xử lý nợ xấu; tự do hóa lãi suất; phát triển thị trường chứng khoán để phát triển, khai thông các nguồn vốn

cho nền kinh tế. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ ở các viện nghiên cứu, các trường đại học, các doanh nghiệp; bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển các dịch vụ tư vấn, thẩm định, môi giới, định giá sản phẩm khoa học - công nghệ... phát triển thị trường khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, nhất là bậc đại học và dạy nghề, nâng cao chất lượng nguồn lực lao động. Hoàn thiện các chính sách về hợp đồng tuyển dụng, bảo đảm điều kiện làm việc, tiền lương, các phúc lợi xã hội, chấm dứt hợp đồng để bảo vệ người lao động, chú ý đến lợi ích của người sử dụng lao động. Phát triển các dịch vụ giới thiệu việc làm, hỗ trợ xử lý tranh chấp... phát triển thị trường lao động.

- *Đổi mới thể chế phân bổ hợp lý, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nhà nước.* Nâng cao chất lượng xây dựng, quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, các vùng kinh tế, các sản phẩm quan trọng. Việc lựa chọn dự án đầu tư, thời điểm đầu tư cần phải đánh giá đầy đủ hiệu quả kinh tế và xã hội, tác động môi trường của dự án, chỉ chọn và phê duyệt các dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất phù hợp với số vốn cân đối được trong kế hoạch đầu tư; chống tư duy nhiệm kỳ, bệnh thành tích, lợi ích nhóm. Việc lựa chọn doanh nghiệp thực hiện dự án phải qua đấu thầu công khai, minh bạch, có tham gia của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện dự án, chống tham nhũng, lãng phí. Xác định rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm những sai phạm kéo dài thời gian thực hiện, thất thoát, lãng phí vốn đầu tư, chất lượng công trình thấp. Thiết lập hệ thống thông tin quản lý thống nhất trong cả nước về đầu tư công; công khai và minh bạch hóa thông

tin về đầu tư nhà nước nói chung và từng dự án đầu tư nhà nước nói riêng cho cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân.

3. Tiếp tục mở rộng và bảo đảm quyền tự do kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh thị trường và bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động, phát triển

- Thực hiện đầy đủ và nhất quán quy định của Hiến pháp năm 2013: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm". Bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, dự đoán được của pháp luật; tăng việc áp dụng trực tiếp các quy định của Hiến pháp, luật. Chính phủ chỉ có thẩm quyền ban hành nghị định hướng dẫn thực hiện luật, pháp lệnh trong những nội dung do luật, pháp lệnh đó quy định[1]. Thu hẹp phạm vi và thẩm quyền ban hành thông tư của các bộ, ngành, chỉ ban hành thông tư để quy định tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện các điều, khoản mà nghị định có liên quan yêu cầu hướng dẫn. Tiếp tục xem xét bãi bỏ những rào cản không cần thiết đối với gia nhập thị trường dưới hình thức quy hoạch phát triển ngành; giảm số ngành nghề kinh doanh có điều kiện; giảm điều kiện kinh doanh đối với từng ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; đổi mới phương thức quản lý nhà nước từ tiền kiểm sang hậu kiểm các cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng quản lý. Sửa đổi, bổ sung Luật Cạnh tranh, thành lập cơ quan quản

1. Trường hợp có cách hiểu và áp dụng pháp luật khác nhau, người dân và doanh nghiệp được quyền chọn cách có lợi nhất cho mình; và không được coi đó là vi phạm pháp luật.

lý cạnh tranh độc lập thuộc Chính phủ để bảo vệ, khuyến khích cạnh tranh công bằng, kiểm soát độc quyền, cạnh tranh không công bằng. Thực hiện cơ chế giá thị trường đối với các yếu tố sản xuất và một số dịch vụ công thiết yếu. Nâng cao vai trò các hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng, các hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức xã hội khác có liên quan. Tự do hóa và thị trường hóa sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích. Thực hiện đầy đủ quyền tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy nhanh việc xây dựng và phát triển thị trường điện cạnh tranh. Tự do hóa thị trường xăng dầu.

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng một cách công bằng. Rút ngắn và đơn giản thủ tục để giải quyết các tranh chấp hợp đồng có giá trị không lớn; việc thi hành án chỉ dựa trên phán quyết của tòa; không đặt ra bất cứ yêu cầu hay điều kiện nào đối với bên thắng kiện; đào tạo nâng cao trình độ thẩm phán chuyên trách giải quyết các tranh chấp thương mại. Không hình sự hóa các quan hệ kinh tế thương mại không đúng quy định của pháp luật. Mở rộng thẩm quyền của các tòa hành chính, cho phép cá nhân, tổ chức khởi kiện các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp về các văn bản pháp luật được ban hành trái thẩm quyền, không phù hợp với luật, pháp lệnh và các văn bản của Chính phủ, gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức liên quan.

4. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới để doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo các quy luật thị trường, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động

- *Đổi mới tư duy, nhận thức về vai trò, chức năng của doanh nghiệp nhà nước* trong nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay của đất nước. Doanh nghiệp nhà nước đầu tư và kinh doanh ở những ngành, lĩnh vực mà tư nhân trong nước chưa làm được, hoặc chưa muốn làm nhưng quan trọng, cần thiết đối với đất nước; tập trung vào "những khâu, công đoạn then chốt của các lĩnh vực: an ninh, quốc phòng, độc quyền tự nhiên, cung cấp dịch vụ hàng hóa công thiết yếu; và một số ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ cao có sức lan tỏa lớn...". Doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân độc lập, tự chủ, được đối xử bình đẳng, cạnh tranh bình đẳng như các doanh nghiệp khác; doanh nghiệp nhà nước phải tuân thủ đầy đủ nguyên tắc "lời ăn, lỗ chịu"; bị phá sản như mọi doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước khi hoàn thành vai trò phát triển những ngành, lĩnh vực mà tư nhân chưa làm được, chưa muốn làm, có thể cổ phần hóa để tư nhân tham gia, chuyển vốn nhà nước đầu tư sang các lĩnh vực mới cần vai trò của doanh nghiệp nhà nước, nhất là lĩnh vực công nghệ cao và kết cấu hạ tầng.

- Đẩy mạnh sắp xếp lại, cổ phần hóa, đồng thời, đổi mới chế độ quản trị đối với các doanh nghiệp nhà nước phù hợp yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sớm thành lập cơ quan chuyên trách thuộc Chính phủ đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; ban hành luật về tổ chức và hoạt động của cơ quan này để thực hiện vai trò nhà đầu tư, cổ đông trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Các cơ quan quản lý kinh tế của Nhà nước không còn có vai trò đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, không được trực tiếp can thiệp vào hoạt động đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Công khai, minh bạch hóa thông tin về hoạt động của doanh nghiệp nhà nước,* đặc biệt là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, tương tự như đối với các công ty cổ phần niêm yết.

5. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước. Đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế

- *Đổi mới vai trò và chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước.* Nhà nước tập trung vào mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô; ổn định giá trị Việt Nam đồng, ổn định giá cả, duy trì các cân đối lớn của nền kinh tế; xây dựng Chính phủ kiến tạo, quản lý theo yêu cầu phát triển, phục vụ phát triển và vì phát triển. Nâng cao chất lượng xây dựng và quản lý thực hiện luật pháp, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển để huy động, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực; tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế; đồng thời khắc phục những khiếm khuyết của thị trường, nhất là thu hẹp khoảng cách phân hóa xã hội và bảo vệ môi trường. Chú trọng chỉ tiêu chất lượng thay cho chỉ tiêu số lượng, chú ý tới các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng cuộc sống của người dân.

- *Đổi mới, tổ chức bộ máy của Nhà nước.* Sửa đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ quản lý kinh tế của các bộ, chính quyền địa phương, làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm, khắc phục tình trạng chồng chéo; nâng cao trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Tách chức năng làm chính sách và hành chính công với chức năng quản lý, điều tiết thị trường và cơ quan chuyên trách đại diện chủ sở hữu. Tinh giản, nâng cao

chất lượng bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước các cấp; đồng thời, nâng cao vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm các cơ quan quản lý cạnh tranh, giám sát, duy trì trật tự và kỷ luật thị trường. Tăng cường sự phối hợp, kiểm soát lẫn nhau giữa cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Quốc hội trong xây dựng dự thảo, thảo luận, thông qua luật; nâng cao chất lượng các hoạt động giám sát, quyết định thu chi ngân sách nhà nước và các vấn đề lớn của đất nước của Quốc hội. Tăng cường kỷ luật ngân sách. Quốc hội quyết định và giám sát chặt chẽ từng khoản chi; lập lại cân đối thu chi ngân sách, tiến tới tổng thu phải lớn hơn tổng chi, có tích lũy cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh cải cách tư pháp. Nâng cao chất lượng các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, tính độc lập chỉ tuân theo pháp luật của tòa án; cho phép các bên tranh chấp lựa chọn tòa án để xử lý tranh chấp hành chính, kinh tế và dân sự; không giới hạn thẩm quyền của tòa án theo địa giới hành chính; phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý cho người dân và doanh nghiệp.

- *Đổi mới phân cấp giữa Trung ương và địa phương.* Chính phủ tập trung vào công tác dự báo, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, quản lý các cân đối lớn của nền kinh tế; định hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tối ưu hóa phân bổ sức sản xuất; hạn chế tác động của các cú sốc bên ngoài để kinh tế phát triển bền vững, lành mạnh. Các cấp chính quyền địa phương tập trung thực hiện chức năng giải quyết các vấn đề xã hội, thực thi luật pháp, cải thiện môi trường kinh doanh và bảo đảm an ninh, trật tự trên phạm vi địa phương. Bỏ chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ tiêu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, về

thu hút đầu tư ở các cấp chính quyền địa phương; hình thành cơ chế điều hành kinh tế vùng, liên vùng; tăng cường liên kết vùng, phát huy tiềm năng thế mạnh của vùng. Thay đổi phân cấp ngân sách trung ương - địa phương, phân định rõ nguồn thu của ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; Trung ương quản lý, giám sát chặt chẽ vốn của ngân sách Trung ương cấp cho địa phương về mục tiêu và hiệu quả sử dụng; phân cấp đầu tư cho địa phương phải trên cơ sở nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch phát triển vùng và tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện của Trung ương.

- *Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng.* Tăng cường, nâng cao chất lượng công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; phát hiện và có quan điểm giải quyết đúng đắn, kịp thời các vấn đề lớn, quan trọng của đất nước; tinh giản tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng hoạt động; giảm đến mức tối đa việc dựa vào ngân sách nhà nước để hoạt động; đổi mới cách thức tuyển chọn, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ; phát hiện, sử dụng được người có đức, có tài; phát triển, loại bỏ kịp thời những người năng lực và phẩm chất yếu, tham nhũng, tiêu cực. Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân cao; nâng cao tính tiên phong, gương mẫu, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh đẩy lùi tham nhũng, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, KHUYẾN KHÍCH VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

I. QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG VÀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN KỂ TỪ KHI ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

1. Khi khởi xướng công cuộc đổi mới, Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Qua các kỳ đại hội Đảng, nhận thức về vai trò của kinh tế tư nhân ngày càng rõ hơn. Nghị quyết chuyên đề của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (năm 2002) đã xác định kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế tư bản tư nhân và cá thể, tiểu chủ) và nhấn mạnh: "Kinh tế tư nhân là *bộ phận cấu thành quan trọng* của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là *vấn đề chiến lược lâu dài* trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa"[1]. Đại

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.57.

hội X nhấn mạnh: "Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế"[1]. Đại hội XI xác định: "Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân"[2]. Việc cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân tại Đại hội X là một bước tiến nhận thức quan trọng của Đảng ta sau 20 năm trực tiếp lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước. Đại hội XII đã khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát rằng, kinh tế tư nhân là "một động lực quan trọng của nền kinh tế[3]" - cho thấy bước đột phá về nhận thức của Đảng ta so với giai đoạn trước khi chúng ta chỉ coi kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Hội nghị Trung ương 5 khoá XII tiếp tục xác định rõ việc phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam cả về số lượng, chất lượng thực sự là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế.

2. Những thay đổi về tư duy và nhận thức quan trọng trên đã mở đường cho việc sửa đổi, bổ sung, phát triển hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách giúp kinh tế tư nhân nước ta có bước phát triển cả về lượng và chất. Từ chỗ chủ yếu chỉ có các hộ kinh doanh cá thể, nhỏ lẻ chúng ta đã có một lực lượng lớn doanh nghiệp tư nhân dưới nhiều hình thức[4]; một số ít doanh nghiệp đã trở thành các tập đoàn kinh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, ph.II, tr.354.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.211.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.25.

4. Có công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty cổ phần.

tế lớn của đất nước, có hoạt động đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài. Đến nay, phạm vi kinh doanh của kinh tế tư nhân đã rộng khắp, ở mọi ngành mà pháp luật không cấm, trong đó có những ngành công nghệ cao. Đặc biệt, trong những năm qua, một làn sóng khởi nghiệp đang diễn ra, đem lại một sức sống mới, năng động hơn cho nền kinh tế. Nếu như doanh nghiệp nhà nước ngày càng bị thu hẹp, thì kinh tế tư nhân ngày càng mở rộng hơn, góp phần tích cực vào tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, sản xuất hàng hóa cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đóng góp ngày càng lớn vào ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế đất nước. Vai trò của kinh tế tư nhân và đội ngũ doanh nhân ngày càng được xã hội đề cao, tôn vinh.

II. MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

1.1. Về mặt nhận thức và thể chế kinh tế

Thứ nhất, chủ trương phát triển kinh tế tư nhân gắn liền với chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tuy nhiên, về mặt nhận thức, các đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là các vấn đề lý luận về bóc lột giá trị thặng dư, về giai cấp tư sản mới, về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, về tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế vẫn còn chưa được làm rõ, tạo nên sự băn khoăn, thiếu niềm tin về triển vọng và tương lai lâu dài của kinh tế tư nhân; thậm chí vẫn còn tư tưởng e ngại, kỳ thị kinh tế tư

nhân. Do đó, nhiều doanh nghiệp tư nhân chưa yên tâm đầu tư phát triển lâu dài.

Thứ hai, sự thiếu hoàn thiện của thể chế kinh tế; luật pháp, cơ chế, chính sách thiếu ổn định, công khai, minh bạch; tài sản và quyền sở hữu tài sản của tư nhân chưa được xác định rõ; doanh nghiệp tư nhân chưa được bình đẳng với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong việc tiếp cận các nguồn lực đất đai, tài nguyên, các nguồn vốn; bị các thủ tục hành chính, các hoạt động thanh tra, kiểm tra, chi phí không chính thức... gây rất nhiều khó khăn. Những điều này cản trở sự phát triển của kinh tế tư nhân.

1.2. Về phát triển kinh tế tư nhân

Thứ nhất, tuy số lượng doanh nghiệp tư nhân khá nhiều, tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng phát triển còn thiếu bền vững, tỷ lệ phá sản và ngừng hoạt động cao. Năm 2016, cả nước đã có hơn 10.400 doanh nghiệp phá sản, ngừng hoạt động (tăng 23,3% so với cùng kỳ năm 2015).

Thứ hai, quy mô doanh nghiệp tư nhân phần lớn còn rất nhỏ (xét theo các tiêu chí vốn và lao động, so với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Năm 2014, bình quân một doanh nghiệp tư nhân chỉ sử dụng 18 lao động (doanh nghiệp FDI sử dụng 312 lao động và doanh nghiệp nhà nước sử dụng 504 lao động); có tới một nửa số doanh nghiệp tư nhân có vốn bình quân dưới 5 tỷ đồng và chỉ 6% có số vốn trên 50 tỷ đồng. Do quy mô nhỏ, thiếu vốn, phần lớn doanh nghiệp tư nhân không có điều kiện đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới kỹ thuật, công nghệ; hầu hết công nghệ, máy móc thiết bị cũ, lạc hậu.

Thứ ba, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân chủ yếu tập trung vào khu vực dịch vụ, có xu hướng tháo lui khỏi lĩnh vực công nghiệp và mất thị phần trong lĩnh vực phân phối bán lẻ vào tay các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2014, lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất là thương mại, bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ôtô, xe máy và xe cơ giới khác (chiếm 39-41%); tiếp theo là lĩnh vực chế tạo và chế biến (16%); xây dựng (13,7%), giao thông và vận tải (5%). Số lượng doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp rất ít, gần như không đổi trong suốt thời kỳ 2002-2014.

Thứ tư, nhìn chung, năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân thấp. Năng suất lao động của kinh tế tư nhân thấp nhất trong các khu vực kinh tế. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của các doanh nghiệp tư nhân là 1,7% năm 2014, thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp nhà nước (6%). Tỷ suất lợi nhuận trên vốn của các doanh nghiệp tư nhân là 1,2% năm 2014, cũng thấp hơn so với doanh nghiệp nhà nước (2,8%).

Thứ năm, thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp tư nhân trong nước với nhau, với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp FDI; khả năng hội nhập quốc tế thấp (tham gia vào chuỗi giá trị ở công đoạn thấp hoặc không tham gia) và ít gắn kết với đổi mới, sáng tạo (trình độ công nghệ thấp, thiếu đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới và sáng tạo).

Thứ sáu, hộ kinh doanh cá thể là lực lượng đông đảo, nhưng quy mô nhỏ, phần lớn công nghệ lạc hậu, năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp.

Thứ bảy, kinh tế tư nhân có đóng góp lớn về tạo việc làm, thu ngân sách nhà nước, về tăng trưởng kinh tế và góp phần xóa đói, giảm nghèo, nhưng chưa tương xứng với tiềm năng.

Nói tóm lại, khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam chưa phát huy được hết tiềm năng của mình để thực sự đóng vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

2. Nguyên nhân của hạn chế

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong thời gian qua, trong đó có những nguyên nhân thuộc về bản thân kinh tế tư nhân và những nguyên nhân thuộc về môi trường đầu tư và kinh doanh do những hạn chế về nhận thức, pháp luật, cơ chế, chính sách và việc thực hiện các cơ chế, chính sách này trên thực tế. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, chưa có sự thống nhất cao về nhận thức một số vấn đề có liên quan đến phát triển của kinh tế tư nhân, như về nội hàm định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, vấn đề bóc lột giá trị thặng dư, vấn đề cơ cấu giai cấp, xã hội ở nước ta trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, vấn đề phân phối, vai trò và mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa... tạo ra sự lúng túng, ngập ngừng, chậm hoàn thiện thể chế kinh tế; chưa tạo được niềm tin vào sự phát triển lâu dài của kinh tế tư nhân.

Thứ hai, khuôn khổ pháp luật cho sự phát triển kinh tế tư nhân vẫn chưa hoàn thiện và còn nhiều bất cập. Đến nay, hệ thống thể chế và pháp luật của Việt Nam theo yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế vẫn còn chưa hoàn thiện và đầy đủ. Số lượng văn bản pháp luật tăng nhanh trong khi chất lượng của nhiều văn bản chưa

đảm bảo; vẫn thiếu một cơ quan đầu mối, các công cụ, tiêu chí kiểm soát chất lượng văn bản pháp luật. Còn nhiều quy định chưa rõ ràng, thiếu nhất quán, phức tạp và chồng chéo, dẫn tới tình trạng các cơ quan thừa hành và các doanh nghiệp lúng túng trong việc chấp hành pháp luật. Cơ quan nhà nước vẫn áp dụng biện pháp hành chính để xử lý vấn đề phát sinh mà chưa chú trọng tới các giải pháp thị trường.

Bên cạnh đó, tồn tại khoảng cách lớn giữa quy định và thực thi các quy định có liên quan đến hoạt động của kinh tế tư nhân. Mặc dù đến nay Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư đã có nhiều sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn còn nhiều rào cản dưới luật gắn với các quy định về điều kiện kinh doanh, các "giấy phép con". Nhiều quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành còn rất phiền hà cho doanh nghiệp; công tác thanh, kiểm tra thiếu sự phối hợp giữa các cấp, ngành, trùng lặp về nội dung giữa các đoàn, thời gian thực hiện thanh tra, kiểm tra kéo dài, chi phí tuân thủ của doanh nghiệp tăng cao; rủi ro tăng lên khi quy mô tăng là một nguyên nhân khiến các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa ở Việt Nam "ngại lớn" và chuyển sang các hoạt động phi chính thức.

Thứ ba, môi trường đầu tư và kinh doanh vẫn chưa thực sự thuận lợi và còn nhiều rào cản gây khó khăn cho hoạt động của kinh tế tư nhân. Quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ[1]; môi trường kinh doanh chưa thực sự bảo

1. Ví dụ việc quán cà phê "xin chào" đã bị hình sự hóa quan hệ kinh doanh, đi kèm với đó là những biểu hiện gây khó dễ, ngăn cản quyền đăng ký kinh doanh và tổ chức kinh doanh đối với chủ doanh nghiệp này của các cơ quan chính quyền địa phương.

đảm cạnh tranh công bằng, lành mạnh; việc gia nhập, hoạt động và rút khỏi thị trường còn nhiều rào cản. Môi trường kinh doanh Việt Nam vẫn chưa đạt mức trung bình ASEAN 4 về điểm số và thứ hạng.

Khó khăn trong tiếp cận thông tin và nguồn lực (vốn, đất đai). Trừ những doanh nghiệp tư nhân lớn, có quan hệ với cán bộ, cơ quan nhà nước, thì những doanh nghiệp tư nhân nhỏ thường gặp khó khăn hơn trong tiếp cận thông tin so với các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài[1]. Các doanh nghiệp tư nhân cũng luôn gặp phải vấn đề khó khăn trong tiếp cận đất đai và mặt bằng cho sản xuất kinh doanh. Một tỷ lệ đáng kể doanh nghiệp tư nhân chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất[2].

Gánh nặng về chi phí không chính thức. Việc phải trả các khoản chi phí không chính thức là một gánh nặng lớn mà các doanh nghiệp tư nhân phải đối mặt[3]. Giá trị của các khoản chi phí không chính thức so với doanh thu của các doanh

---

1. Trung bình, giai đoạn 2011-2015, chỉ có 40% doanh nghiệp tư nhân quy mô siêu nhỏ tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng; tỷ lệ này ở doanh nghiệp tư nhân nhỏ là 62%, doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa là 74% và doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn là 81%.

2. Năm 2015, 54% doanh nghiệp tư nhân quy mô siêu nhỏ, 56% doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ và 71% doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa; trong khi 87% doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn 87% có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. 62% doanh nghiệp tư nhân quy mô siêu nhỏ, 68% doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ cho biết chi trả chi phí không chính thức là thường xuyên. Với các doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa và lớn, con số này lần lượt là 70% và 69%.

nghiệp tư nhân cũng tương đối lớn. Một tỷ lệ tương đối lớn doanh nghiệp nhỏ, quy mô siêu nhỏ (khoảng 65%) và doanh nghiệp quy mô quy mô vừa (62%) cho rằng có "tình trạng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp". Gánh nặng về chi phí không chính thức còn có nguyên nhân chung là do bộ máy quản lý nhà nước hoạt động còn nhiều bất cập, chưa thực sự hiệu quả và nặng về cơ chế "xin - cho". Theo Bộ chỉ số xếp hạng quản trị quốc gia của Ngân hàng Thế giới, chỉ số hiệu quả của chính quyền của Việt Nam dù có sự cải thiện nhưng vẫn nằm dưới điểm trung bình của thế giới.

Thứ tư, cơ chế, chính sách chưa tạo được sự bình đẳng giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp nhà nước vẫn còn được hưởng nhiều ưu ái từ Nhà nước: được cấp vốn từ ngân sách nhà nước, vẫn được tạo điều kiện thuận lợi hơn nhiều so với doanh nghiệp tư nhân trong việc tiếp nhận các nguồn vay từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng; có ưu thế lớn hơn nhiều trong việc tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ vai trò chi phối ở các lĩnh vực độc quyền nhà nước như điện, nước, xăng dầu, dịch vụ công ích thiết yếu, cơ chế định giá chưa theo cơ chế thị trường, tính minh bạch trong cơ chế định giá còn thấp,... tạo ra sự bất bình đẳng với các doanh nghiệp tư nhân muốn tham gia vào các thị trường này. Sự bất bình đẳng đó tạo ra những méo mó thị trường, hậu quả là nguồn lực chưa được bố trí vào nơi sử dụng hiệu quả nhất. Các doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam cũng được hưởng rất nhiều ưu đãi về cả yếu tố đầu ra (ưu đãi thuế quan) và yếu tố đầu vào (ưu đãi về đất đai, tiếp cận vốn, v.v.); chưa có doanh

nghiệp tư nhân Việt Nam nào được hưởng mức miễn giảm vượt những ưu đãi này[1].

Đồng thời, do quy mô nhỏ, năng lực yếu, kinh tế tư nhân trong nước chịu áp lực cạnh tranh gay gắt hơn từ các doanh nghiệp nước ngoài so với doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh hội nhập đang diễn ra mạnh mẽ. Áp lực cạnh tranh với hàng nhập khẩu từ nước ngoài, nhất là từ Trung Quốc đã làm phá sản hoặc buộc các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam phải lui về các ngành thâm dụng lao động với năng suất thấp.

Thứ năm, năng lực nội tại thấp và trong nhiều trường hợp, văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân còn nhiều bất cập. Kinh tế tư nhân trong nước quy mô nhỏ, nguồn lực tài chính, trình độ trang bị kỹ thuật và năng lực cạnh tranh thấp, chưa có tầm nhìn, chiến lược kinh doanh dài hạn; ý thức tự giác chấp hành pháp luật còn hạn chế. Đội ngũ doanh nhân mới chỉ phát triển trong những năm đổi mới vừa qua, chưa được đào tạo cơ bản, còn hạn chế về kiến thức, sự am hiểu pháp luật và năng lực kinh doanh, kinh nghiệm quản lý, khả

---

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Samsung Electronics Việt Nam (SEV) có vốn đầu tư khoảng 670 triệu USD, sản xuất điện thoại di động tại tỉnh Bắc Ninh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Tỉnh Bắc Ninh tiếp tục giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm sau đó (ưu đãi vượt khung), giải phóng mặt bằng và bảo đảm điện, nước. Ưu đãi trên tiếp tục được áp dụng cho dự án của Samsung tại Thái Nguyên. Trong khi đó, Tập đoàn Viettel của Việt Nam cũng đề xuất được hưởng ưu đãi thuế 10% cho thu nhập từ sản xuất điện thoại nhưng lại bị các cơ quan chức năng từ chối.

năng cạnh tranh và hội nhập. Một số doanh nhân còn thiếu văn hóa kinh doanh và trách nhiệm với xã hội, vì lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, làm tăng thêm các tiêu cực xã hội. Ngoài ra, hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp tư nhân chưa thực sự hiệu quả, chưa thực sự giúp đỡ được các doanh nghiệp phát triển. Theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), 70% doanh nghiệp còn chưa tham gia hiệp hội do hiệp hội chưa làm tốt vai trò đại diện của mình, chưa bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, bảo vệ môi trường kinh doanh, quyền tự do kinh doanh, bảo vệ cạnh tranh, xúc tiến mậu dịch.

III. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP NHẰM ĐẨY MẠNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

1. Định hướng giải pháp nhằm đẩy mạnh sự phát triển của kinh tế tư nhân trong giai đoạn tới

Để đẩy mạnh sự phát triển của kinh tế tư nhân trong giai đoạn tới, cần thực hiện đồng bộ và quyết liệt ba nhóm định hướng giải pháp có liên quan chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau: (1) Đổi mới, thống nhất nhận thức về những vấn đề có liên quan đến phát triển của kinh tế tư nhân; (2) Thiết lập các nền tảng cơ bản cho kinh tế tư nhân phát triển; và (3) Thực hiện các giải pháp riêng, cụ thể nhằm thúc đẩy sự phát triển của từng nhóm đối tượng của kinh tế tư nhân (doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp trong nông nghiệp và nông thôn, doanh nghiệp phi chính thức).

1.1. Định hướng giải pháp về đổi mới, thống nhất nhận thức

Một là, nhận thức rõ hơn về vai trò, chức năng của Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là điều kiện tiên quyết để tạo lập môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển. Trước hết, cần phân định rõ vai trò của Nhà nước và thị trường cũng như làm rõ mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế. Vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế - xã hội không phải là sự tranh chấp với thị trường, mà là kiến tạo thị trường, môi trường đầu tư kinh doanh, qua việc xây dựng hạ tầng kinh tế, kỹ thuật "cứng" và hạ tầng kinh tế, kỹ thuật "mềm" cho nền kinh tế, làm cho thị trường hoạt động tốt hơn. Thước đo tốt nhất để đánh giá vai trò của Nhà nước là mức độ lành mạnh của thị trường, của môi trường đầu tư kinh doanh.

Hai là, phân định rõ hơn chức năng, vai trò của kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân. Đại hội XII khẳng định kinh tế tư nhân là "một động lực quan trọng của nền kinh tế"[1]; nếu xét về số lượng doanh nghiệp, giải quyết việc làm, giá trị tài sản cố định, doanh thu và nguồn vốn, đến nay kinh tế tư nhân đã là khu vực lớn nhất của nền kinh tế. Cần nhận thức thống nhất: kinh tế tư nhân là kinh tế nhân dân (kinh tế dân doanh), phát triển kinh tế tư nhân là phát huy vai trò, năng lực làm chủ của nhân dân về kinh tế. Mục tiêu đặt ra là tạo

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd,* tr.25.

điều kiện, dỡ bỏ các rào cản, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển, thực sự đóng vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế, tiến tới trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế nước ta. Nếu được khẳng định một cách chính thức, quan điểm này sẽ cổ vũ mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp, tạo sức sống và đột phá phát triển đất nước ta trong giai đoạn tới.

Việc xác định: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế không mâu thuẫn hay hàm ý phân biệt đối xử, mà chỉ xác định rõ chức năng riêng của mỗi thành phần kinh tế. Cần thực hiện nguyên tắc: những gì tư nhân có thể làm tốt thì để cho tư nhân làm, Nhà nước không cạnh tranh với kinh tế tư nhân trong lĩnh vực kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Kinh tế tư nhân cần *trở thành động lực quan trọng nhất* trong tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Điều này hoàn toàn phù hợp với chủ trương: "khuyến khích phát triển không hạn chế về quy mô trong những ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn mà pháp luật không cấm"[1]. Còn kinh tế nhà nước là công cụ vật chất để nhà nước sử dụng, cùng với công cụ pháp luật, điều tiết, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Ba là, trong hơn 30 năm đổi mới, việc hình thành và đa dạng hóa các hình thức sở hữu đã quy định các thành phần kinh tế tương ứng. Tuy nhiên, sự phân chia nền kinh tế theo các thành phần kinh tế hiện còn chưa thật phù hợp với nền

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, *Sđd,* ph.II, tr.149.

kinh tế thị trường hiện đại, còn mang tính phân biệt đối xử, không còn phù hợp với thực tiễn và chủ trương hội nhập quốc tế của đất nước ta. Cần sử dụng khái niệm "khu vực kinh tế" thay cho khái niệm "thành phần kinh tế" để phù hợp với thông lệ quốc tế.

1.2. Định hướng giải pháp thiết lập nền tảng cơ bản cho kinh tế tư nhân phát triển

Một là, tiếp tục đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, cơ cấu lại nền kinh tế, dịch chuyển từ phát triển các lĩnh vực như khai thác tài nguyên, bất động sản... sang các lĩnh vực sản xuất công nghệ, nông nghiệp và dịch vụ mà Việt Nam có thế mạnh. Cần tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân tham gia vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, tham gia rộng rãi vào quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, hưởng các ưu đãi về lãi suất, vay vốn, đào tạo, thuế, thuê mặt bằng, thủ tục hành chính... khi tham gia vào những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mới.

Hai là, hoàn thiện thể chế phân bổ nguồn lực để các nguồn lực được huy động và sử dụng có hiệu quả cao, nhất là các nguồn lực của Nhà nước. Cần có những giải pháp đột phá để chấm dứt cơ chế "xin - cho" trong phân bổ nguồn lực nhà nước; quản lý ngân sách nhà nước một cách chặt chẽ, minh bạch từ Trung ương tới địa phương và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện các dự án phát triển của Nhà nước; tăng cường trách nhiệm của người đề xuất, người phê duyệt và người quản lý, thực hiện dự án, công khai, minh bạch trong quá trình đấu thầu, tránh việc lợi dụng các quan hệ thân

hữu để đạt được gói thầu, vay vốn nhà nước; đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong hoạt động khoa học, đổi mới hệ thống và nội dung giáo dục một cách cơ bản theo hướng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, gắn giáo dục - đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, với thị trường lao động; hoàn thiện thị trường các yếu tố sản xuất.

Ba là, tạo lập môi trường thực sự bình đẳng, dỡ bỏ các rào cản cho kinh tế tư nhân phát triển. Xóa bỏ hoàn toàn những phân biệt đối xử trên thực tế với kinh tế tư nhân. Đẩy nhanh việc thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với vốn nhà nước tại doanh nghiệp; xóa bỏ chức năng đại diện sở hữu của các bộ, ủy ban nhân dân đối với vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp, không để tiếp diễn tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi", bộ dành những ưu đãi cho các doanh nghiệp nhà nước do mình quản lý. Đẩy mạnh cổ phần hóa tất cả các doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chức năng "kinh doanh", để tạo cơ hội cho kinh tế tư nhân tham gia. Bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu tư nhân về tài sản để các doanh nghiệp tư nhân yên tâm kinh doanh lâu dài, phát triển một cách lành mạnh. Đặc biệt, cần tập trung xử lý những vướng mắc trong quyền sử dụng đất đai đang tạo ra tình trạng tham nhũng, trục lợi trong quản lý đất công, điểm nghẽn trong tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển nông nghiệp, giải phóng mặt bằng để phát triển kết cấu hạ tầng, định giá tài sản trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, xử lý nợ xấu và thế chấp vay vốn ngân hàng,... Chấm dứt việc hình sự hóa các vụ tranh chấp kinh doanh trái pháp luật. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, dỡ bỏ các bất cập, cản trở đối với hoạt động kinh doanh, giảm gánh nặng về thuế, phí, gánh nặng chi phí

không chính thức cho doanh nghiệp; cải thiện chất lượng dịch vụ công đáp ứng các tiêu chí về tính minh bạch, có trách nhiệm, tích hợp liên ngành, có sự đánh giá thường xuyên của khách hàng. Tháo dỡ rào cản về vốn cho doanh nghiệp, phát triển thị trường chứng khoán trở thành một kênh huy động vốn trung và dài hạn cho các doanh nghiệp; đa dạng hóa các sản phẩm và mở rộng cơ hội cho các nhà đầu tư tài chính nước ngoài trên thị trường.

Bốn là, nâng cao chất lượng thể chế và quản trị của kinh tế tư nhân. Phát triển văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, hình thành một đội ngũ doanh nhân có trách nhiệm với xã hội, chấp nhận những chuẩn mực trong sạch, minh bạch, nói "không" với hối lộ, tham nhũng trong kinh doanh. Ngoài ra, cần thông qua các chương trình đào tạo doanh nhân về kiến thức và kỹ năng quản lý doanh nghiệp để có thể thực hành được những mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại.

Năm là, xây dựng và thực hiện chính sách công nghiệp quốc gia đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích áp dụng công nghệ và nuôi dưỡng đổi mới sáng tạo. Chính sách công nghiệp cần tạo ra bầu không khí hợp tác giữa Chính phủ và kinh tế tư nhân hơn là chỉ đơn thuần cung cấp các ưu đãi tài chính; cần phải dựa vào các quy định có tính bắt buộc của pháp luật và cả các chính sách ưu đãi để hướng kinh tế tư nhân vào những lĩnh vực được xác định cần ưu tiên phát triển (cùng với sự tham gia của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI). Có các chính sách giúp tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp nước ngoài có công nghệ cao. Để kết nối được với các tập đoàn đa quốc gia, Việt Nam cần thúc đẩy các hoạt động phát triển công nghệ, tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển hệ sinh

thái cho đổi mới, sáng tạo. Cần hướng kinh tế tư nhân tập trung phát triển vào: nhóm ngành công nghệ thông tin và truyền thông, các lĩnh vực ứng dụng số hóa và tự động hóa; nhóm ngành dịch vụ như hậu cần, du lịch, đào tạo nghề online, một số lĩnh vực y tế, điều dưỡng; nhóm ngành nông nghiệp như nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, các loại hình dịch vụ mới như nông nghiệp kết hợp với du lịch và nhóm ngành năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, hải lưu, năng lượng gió...).

Sáu là, phát triển kết cấu hạ tầng, tiềm lực khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu về công nghệ cho tư nhân, thúc đẩy khởi nghiệp. Phát triển các hệ thống kết cấu hạ tầng xương sống như mạng thông tin, internet, giao thông, v.v..; xây dựng các trung tâm kiểm định, hệ thống thương hiệu và cấp chứng chỉ sản phẩm cho kinh tế tư nhân; xây dựng những "đô thị thông minh", "thành phố đáng sống", những đặc khu kinh tế có mức độ tự do và tự chủ cao, kết nối với hệ thống đô thị toàn cầu, là nơi thu hút nhân tài đến sinh sống, khởi nghiệp và làm việc. Đổi mới căn bản giáo dục - đào tạo, trong đó gắn giáo dục - đào tạo với hoạt động thực tiễn, đề cao tinh thần làm chủ, thúc đẩy văn hóa khởi nghiệp, có định hướng ưu tiên về chính sách và các nguồn lực cho các ngành khoa học, công nghệ, cơ khí, toán; đặc biệt chú trọng đào tạo nghề và đào tạo nhân tài. Việt Nam cần có những trường đại học kỹ thuật và công nghệ có đẳng cấp, kết nối tốt với doanh nghiệp, tập trung vào đào tạo các ngành nghề liên quan đến các công nghệ mũi nhọn như toán, robot, kinh tế xanh, internet kết nối vạn vật, thiết kế trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, năng lượng và vật liệu mới...; cần tạo dựng văn hóa sáng tạo và tinh thần khởi

nghiệp cho giới trẻ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, hình thành ý chí tự thân lập nghiệp, giúp giới trẻ có năng lực sáng tạo để sẵn sàng cho tương lai.

Bảy là, thiết lập nền quản trị quốc gia tốt, thực hiện chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động và phục vụ phát triển. Xây dựng hệ thống dịch vụ công hiệu quả; cải cách mô hình cung ứng dịch vụ công theo hướng tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân và cộng đồng. Hoàn thiện hệ thống giải quyết tranh chấp, xét xử, bảo vệ quyền sở hữu tài sản, tạo điều kiện cho tiến hành các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo tinh thần thượng tôn pháp luật; bảo đảm nguyên tắc toà án độc lập có hiệu lực trên thực tế, bảo vệ công lý. Tiếp tục đa dạng hóa, mở rộng các dịch vụ như: luật sư, tư vấn kinh doanh, trọng tài...

Tám là, xây dựng bộ máy hành chính có trách nhiệm giải trình đối với công chúng, giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của lợi ích nhóm đối với chính sách. Áp dụng mạnh mẽ chính phủ số ở mọi lĩnh vực để giảm thiểu và hiện đại hóa thủ tục hành chính, hạn chế tham nhũng, tăng cường tính minh bạch và tiếp nhận được sự phản hồi của người dân. Thiết lập các cơ chế đối thoại nhằm giám sát nền hành chính công và dỡ bỏ những rào cản, bất cập xuất hiện trong quá trình thực thi chính sách. bảo đảm nguyên tắc hoạt động độc lập của kiểm toán, thanh tra, ngân hàng trung ương, thống kê... Xử lý nạn tham nhũng, quan liêu một cách quyết liệt.

2. Định hướng giải pháp đối với từng bộ phận của kinh tế tư nhân

2.1. Đối với doanh nghiệp lớn. Cần một chính sách công nghiệp phù hợp với vai trò kiến tạo, định hướng của Nhà

nước để tạo môi trường cho việc hình thành các doanh nghiệp tư nhân lớn hoạt động trong những ngành nghề mới, đặc biệt là các lĩnh vực dựa vào công nghệ. Bên cạnh việc hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân lớn đã có như FPT, cần đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước như Viettel và VNPT; các doanh nghiệp tư nhân lớn của Việt Nam cần xây dựng một lộ trình để phát hành cổ phiếu thành công trên thị trường chứng khoán quốc tế và cần một chiến lược hướng vào xuất khẩu thay vì tập trung vào một số ngành then chốt được bảo hộ nội địa, mua lại một số thương hiệu có tiếng ở nước ngoài.

2.2. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cần thiết lập các cụm liên kết ngành sản xuất linh kiện đòi hỏi quy mô đầu tư vốn vừa phải và độ tinh vi công nghệ ở mức trung bình. Chính phủ và chính quyền địa phương cần định hướng, tập trung nguồn lực hỗ trợ xây dựng cụm liên kết ngành điện tử, công nghệ thông tin, chế biến lương thực, thực phẩm, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ trong những lĩnh vực này. Mở rộng quy mô, hoàn thiện quy chế của các quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; mở rộng đối tượng, phạm vi của cơ chế bảo lãnh tín dụng. Chuẩn hóa các tiêu chuẩn kế toán, kiểm toán, các tiêu chí đánh giá và định mức tín nhiệm doanh nghiệp để giảm mức độ rủi ro của các khoản cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phát huy vai trò tích cực của các hiệp hội doanh nghiệp trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt trong các hoạt động liên kết doanh nghiệp, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm,...

2.3. Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp: Khuyến khích, động viên, cổ vũ tinh thần khởi nghiệp; thúc đẩy khởi nghiệp trở thành phong trào sâu, rộng trong xã hội, coi trọng tính

hiệu quả, tránh hình thức, coi trọng chất lượng hơn số lượng. Thúc đẩy xây dựng, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp, giúp các doanh nhân vượt qua rào cản về vốn, rủi ro, nguồn nhân lực... để hiện thực hóa các ý tưởng. Nhà nước tập trung xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi cho việc thành lập, hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm; thực hiện nhiều hình thức đối tác công - tư, kết hợp nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước với nguồn vốn đầu tư của tư nhân để cung cấp tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo. Cần giảm thiểu thủ tục hành chính, giảm thuế, tạo điều kiện cho các khu vực làm việc chung, vườn ươm doanh nghiệp và các tổ chức cung ứng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, định giá tài sản, chuyển giao công nghệ, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại... cho doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển mạnh.

2.4. Đối với khu vực phi chính thức[1]. Các cơ quan nhà nước, một mặt, không thúc ép các cơ sở sản xuất kinh doanh phi chính thức phải chuyển đổi thành doanh nghiệp tư nhân bằng biện pháp hành chính thay vì tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu và lợi ích của bản thân các cơ sở này; mặt khác, cần cải thiện môi trường kinh doanh hỗ trợ khu vực này phát triển. Phải giảm gánh nặng về thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm tra, chi phí không chính thức, thuế cho các hộ sản xuất kinh doanh; tạo thuận lợi cho các hộ thuê mướn, tuyển

1. Gồm tất cả các doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân, sản xuất ít nhất một hoặc một vài sản phẩm và dịch vụ để bán hoặc trao đổi, không đăng ký kinh doanh (không có giấy phép kinh doanh) và không thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; nói một cách khác khu vực này gồm các hộ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, phi chính thức.

dụng, sa thải và chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ thích đáng khu vực phi chính thức trong đào tạo nghề, nhất là đào tạo ngắn hạn, đào tạo gắn với nhu cầu công việc.

2.5. Đối với doanh nghiệp trong nông nghiệp và ở nông thôn. Để tạo đột phá phát triển, phải chuyển từ mô hình sản xuất nông nghiệp khép kín, nhỏ lẻ, thiếu liên kết, chủ yếu ở quy mô hộ gia đình sang mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, như các hợp tác xã, doanh nghiệp và trang trại, hoạt động theo cơ chế thị trường và đủ sức cạnh tranh trong hội nhập quốc tế. Để tạo điều kiện cho tích tụ, tập trung ruộng đất, cần dỡ bỏ hạn điền, có cơ chế tạo thuận lợi để người nông dân cho thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp một cách lâu dài; chính quyền địa phương cần hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc thuê quyền sử dụng đất từ các hộ nông dân nhỏ lẻ. Cần có sự liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp, nhà khoa học và người nông dân để giúp tháo gỡ, xử lý những khó khăn mà tự người nông dân hoặc tự doanh nghiệp khó làm được. Tiếp tục đổi mới mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp và nông thôn theo hướng quy tụ nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp trong các khâu dịch vụ, ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả và hoạt động theo cơ chế thị trường. Đẩy mạnh liên kết nông nghiệp - công nghiệp; xây dựng các cụm nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ ở nông thôn, chú trọng vai trò của công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ xanh và công nghệ sạch, nâng cao chất lượng và giá trị của các sản phẩm nông nghiệp.

TÍCH TỤ, TẬP TRUNG RUỘNG ĐẤT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT LỚN, CÔNG NGHỆ CAO

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao đã được đề ra trong nhiều Nghị quyết của Đảng. Thực hiện Nghị quyết của Đảng, việc tích tụ, tập trung ruộng đất đã được các địa phương, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện với nhiều hình thức phong phú, sáng tạo, đem lại kết quả bước đầu; tuy nhiên, cũng còn không ít khó khăn, trở ngại, nhiều vấn đề cần phải được tháo gỡ.

1. Tích tụ, tập trung ruộng đất là nhu cầu khách quan, tất yếu để phát triển nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao

Ruộng đất là tư liệu sản xuất thiết yếu đối với mọi nền sản xuất nông nghiệp. Để tạo điều kiện cho sự ra đời, phát triển của nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm thì đòi hỏi phải có một diện tích đất đủ lớn là yêu cầu khách quan, tất yếu. Có diện tích đất canh tác đủ lớn mới

thuận lợi cho việc cải tạo đồng ruộng, xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất, cho việc sử dụng máy móc, thiết bị, ứng dụng các tiến bộ khoa học, tổ chức sản xuất tập trung, chuyên môn hóa, nâng cao năng suất lao động, năng suất cây trồng, vật nuôi; thuận lợi hơn trong việc vay vốn, mua vật tư nông nghiệp với giá thấp hơn (vì mua số lượng lớn) và sử dụng hợp lý, tiết kiệm hơn; thuận lợi hơn trong việc quản lý chất lượng, bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm và tiêu thụ sản phẩm. Tích tụ là việc mở rộng diện tích đất canh tác bằng mua lại quyền sở hữu ruộng đất của người khác, còn tập trung là việc mở rộng diện tích đất canh tác bằng cách thuê lại quyền sử dụng đất của người khác hoặc những người chủ ruộng đất liên kết với nhau (không có việc chuyển quyền sở hữu). Quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao đã diễn ra ở nhiều nước trên thế giới, hình thành và phát triển các công ty, các hợp tác xã, đặc biệt là các trang trại sản xuất nông nghiệp.

Ở các nước châu Âu, Bắc Mỹ, diện tích đất nông nghiệp lớn, phần lớn đất đai thuộc sở hữu tư nhân, tích tụ, tập trung ruộng đất thực hiện theo cơ chế thị trường, hình thành những công ty và trang trại có diện tích lớn (ở Mỹ trung bình 175 ha/trang trại; ở các nước thuộc cộng đồng kinh tế châu Âu, số trang trại có diện tích 100 ha/trang trại trở lên chỉ chiếm 3,1% số trang trại nhưng chiếm 52% diện tích đất nông nghiệp). Ở các nước châu Á, đất chật, người đông, ban đầu, nhiều nước chỉ giao đất cho người nông dân trực tiếp sản xuất, quy định thời hạn giao đất và mức hạn điền, hạn chế việc mua bán ruộng đất (chỉ khuyến khích việc góp đất, cho thuê đất) để ngăn chặn ruộng đất tập trung vào một số

ít người. Nhưng khi đất nước phát triển, nhiều lao động nông nghiệp chuyển sang công nghiệp, dịch vụ; nông nghiệp đứng trước yêu cầu phải sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất mới, phát triển theo hướng sản xuất lớn, thì các nước đều từng bước xóa bỏ quy định người được giao sử dụng ruộng đất phải trực tiếp canh tác, tăng thời hạn giao đất, xóa bỏ hạn điền, cho phép nông dân và doanh nghiệp được mua đất sản xuất nông nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông dân thành lập doanh nghiệp. Để hỗ trợ cho tích tụ, tập trung ruộng đất, nhiều nước có chính sách hỗ trợ tín dụng phát triển trang trại, hợp tác xã; hỗ trợ việc sử dụng máy móc, công nghệ mới vào sản xuất; thành lập ngân hàng đất đai để tham gia vào việc đánh giá đất đai, hỗ trợ tín dụng, kết nối những người có nhu cầu thuê, mua ruộng đất. Đồng thời, nhiều nước còn rất quan tâm việc đào tạo, chuyển giao công nghệ cho lao động nông nghiệp và đào tạo lại nghề để chuyển lao động nông nghiệp sang những ngành nghề khác...

Ở nước ta, vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX, thực hiện chủ trương của Đảng về giao ruộng đất cho hộ nông dân sử dụng ổn định, lâu dài, đã tạo ra động lực mạnh mẽ cho phát triển nông nghiệp, tạo nên kỳ tích, chỉ trong một thời gian ngắn nước ta từ một nước thiếu lương thực đã bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và trở thành nước xuất khẩu lương thực lớn trên thế giới. Tuy nhiên, nhiều năm qua, tình trạng ruộng đất manh mún, phân tán, quy mô kinh tế hộ nhỏ bé, chậm thay đổi là một trở ngại lớn cho việc phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Đất nông nghiệp ở Việt Nam bình quân 0,46 ha/hộ, thuộc loại thấp

nhất thế giới, nhưng lại gồm 3-4 thửa nhỏ. Với diện tích đó, kết quả điều tra năm 2015 tại tỉnh Vĩnh Phúc và Thái Bình cho thấy nông dân chỉ dành 20-30% thời gian lao động cho nông nghiệp, còn lại là làm thêm ngoài nông nghiệp. Thu nhập trên 1 ha đất canh tác năm 2016 tính chung khoảng trên 80 triệu/ha, rất thấp so với thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp có xu hướng chậm lại, giai đoạn 2012-2016 đạt trung bình 2,46%/năm, nhưng riêng năm 2016 chỉ tăng 1,36%. Kinh tế trang trại phát triển chậm, năm 2016, cả nước mới có hơn 33.000 trang trại các loại, chiếm khoảng 0,3% số hộ sản xuất nông nghiệp. Quy mô trang trại nhỏ, vốn bình quân 1,3 tỷ đồng/trang trại, diện tích bình quân 5,6 ha/trang trại, làm ra giá trị hàng hóa khoảng 2,7 tỷ đồng/trang trại. Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp quá ít, chưa đến 1% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong cả nước... Tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất là yêu cầu cấp bách đối với nước ta.

2. Tình hình tích tụ, tập trung ruộng đất những năm vừa qua và vấn đề đặt ra hiện nay

2.1. Những đổi mới trong chủ trương của Đảng, Luật đất đai của Nhà nước mở đường cho tích tụ, tập trung ruộng đất

Sau khi thực hiện giao đất cho hộ gia đình sản xuất ổn định, lâu dài, xác định thời hạn giao đất, mức hạn điền để ngăn chặn tình trạng mua, bán, đầu cơ ruộng đất, bảo vệ kinh tế hộ, Đảng đã sớm thấy yêu cầu phải tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển nông nghiệp hàng hóa, thực hiện

công nghiệp hóa nông nghiệp. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (năm 1992) yêu cầu *"tạo điều kiện từng bước tích tụ ruộng đất trong giới hạn hợp lý để phát triển nông nghiệp hàng hóa, đi đôi với mở rộng phân công và phân bố lao động gắn với quá trình công nghiệp hóa"*. Nghị quyết 06 Bộ Chính trị khóa VIII (năm 1998) xác định: *"Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tích tụ và tập trung ruộng đất là hiện tượng sẽ diễn ra trong quá trình phát triển nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa lớn... Việc tích tụ và tập trung ruộng đất phải được kiểm soát, quản lý chặt chẽ của Nhà nước... không để quá trình này diễn ra tự phát làm cho người nông dân mất ruộng mà không tìm được việc làm, trở thành bần cùng hóa"*. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa X (năm 2008) đưa ra nhiều chủ trương mới: *"mở rộng hạn mức sử dụng đất, thúc đẩy quá trình tích tụ đất đai; công nhận quyền sử dụng đất được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất, kinh doanh"*. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI (năm 2012) tiếp tục khẳng định: *"Mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, từng giai đoạn để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất đai, từng bước hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp"*. Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: "Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao;... Có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.92-93.

Thể chế hóa quan điểm của Đảng, trong khi Luật Đất đai 1987 vẫn *"nghiêm cấm việc mua, bán, lấn chiếm đất đai, phát canh thu tô dưới mọi hình thức"*, Luật Đất đai năm 1993 tiếp tục xác định đất đai vẫn thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, nhưng đã tách quyền sở hữu và quyền sử dụng đất đai; xác định hộ gia đình nông dân được giao quyền sử dụng ổn định, lâu dài, có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp và thừa kế quyền sử dụng đất. Luật Đất đai năm 2003 không thay đổi hạn mức giao đất, thời hạn giao đất và các quyền của người được giao sử dụng đất, nhưng đã xác định quyền sử dụng đất là hàng hóa, được tham gia vào thị trường và quy định giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải *"sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường; khi có chênh lệch lớn so với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường thì phải điều chỉnh cho phù hợp"*. Luật Đất đai năm 2013 quy định hạn mức đất nông nghiệp Nhà nước giao cho hộ nông dân sử dụng không thu tiền: đối với đất trồng cây hàng năm, mỗi hộ ở Nam Bộ không quá 3 ha/hộ, ở các tỉnh, thành phố khác không quá 2 ha/hộ; đối với đất trồng cây lâu năm, mỗi hộ ở các xã đồng bằng không quá 10 ha/hộ, ở các xã trung du, miền núi không quá 30 ha/hộ; thời hạn giao đất là 20 năm đối với đất trồng cây ngắn hạn, nuôi trồng thủy sản và 50 năm đối với đất trồng cây lâu năm. Các hộ được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà nước quy định khung giá các loại đất đối với từng vùng và theo từng thời gian làm cơ sở để thu thuế khi giao đất, cho thuê đất, bồi thường thiệt hại về đất khi thu hồi đất, tính thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đồng thời Luật Đất đai năm 2013 đã mở rộng hạn mức nhận chuyển

nhượng quyền sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân. Luật cho phép hộ gia đình được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không quá 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp (tức là hộ gia đình ở các tỉnh ở Nam Bộ được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tối đa tới 30 ha, ở các tỉnh, thành phố khác tới 20 ha) và nâng thời hạn giao đất nông nghiệp trong hạn mức đối với hộ gia đình từ 20 năm lên 50 năm thống nhất cho tất cả các loại đất (đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp). Luật không quy định hạn mức sử dụng đất đối với doanh nghiệp, nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp được Nhà nước xem xét giao đất, cho thuê đất trên cơ sở dự án đầu tư. Ngoài ra, với các dự án sản xuất kinh doanh khác, nhà đầu tư được thỏa thuận nhận chuyển nhượng, thuê, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để có đất thực hiện dự án. Những đổi mới quan điểm của Đảng, luật pháp của Nhà nước về ruộng đất như vậy đã tạo ra những tiền đề, những cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tích tụ, tập trung ruộng đất.

2.2. Những hình thức tích tụ, tập trung ruộng đất những năm qua và vấn đề đặt ra

Việc tích tụ, tập trung ruộng đất diễn ra ngay sau khi hộ gia đình được giao quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài. Tuy nhiên, ở các địa phương miền Bắc, trong nhiều năm đầu, do bình quân ruộng đất của các hộ gia đình thấp và các hợp tác xã vẫn còn có vai trò lớn đối với hộ, nên việc tích tụ, tập trung ruộng đất diễn ra rất ít ở vùng đồng bằng (chủ yếu là dồn điền, đổi thửa để có thửa ruộng lớn hơn); chỉ diễn ra nhiều ở các vùng trung du, miền núi, nhiều đất, có điều kiện phát triển trang trại. Trong khi đó, ở các địa phương miền

Nam, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, do bình quân ruộng đất của hộ gia đình khá cao, đất chưa sử dụng, có khả năng khai hoang còn nhiều, nông nghiệp đã tiếp cận với sản xuất hàng hóa, nên việc mua bán, chuyển nhượng đất đai đã diễn ra nhiều hơn. Có những hộ khai hoang để có thêm đất canh tác hoặc để bán, sang nhượng cho người khác. Có những hộ làm ăn thua lỗ, nợ nần phải bán ruộng đất để chuyển sang nghề khác hoặc đi làm thuê, nhưng cũng có những hộ có điều kiện đã tích tụ, tập trung được hàng trăm hécta đất. Trong những năm gần đây, tích tụ, tập trung ruộng đất diễn ra ngày càng sôi động trên cả nước với các hình thức chủ yếu là:

- *Các hình thức tập trung ruộng đất:*

+ *Dồn điền, đổi thửa.* Khi giao cho hộ gia đình quyền sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài, để bảo đảm công bằng, ruộng đất được giao "có gần, có xa, có tốt, có xấu", nên một hộ có nhiều thửa ruộng nhỏ, lẻ (có khi tới 5-7 thửa), gây khó khăn cho sản xuất. Hợp tác xã, chính quyền thôn, xã đã vận động các hộ hoán đổi các thửa ruộng đất với nhau (có hoặc không có trả chênh lệch do vị trí gần, xa, tốt, xấu) để giảm số thửa, tăng diện tích mỗi thửa của hộ. Hiện nay, các hộ có trung bình 2-3 thửa. Dù tổng diện tích đất của hộ không tăng lên, nhưng việc dồn điền, đổi thửa đã góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất của hộ.

+ *Các hộ tự nguyện góp đất vào tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.* Tham gia vào tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, nhưng các hộ vẫn tự chủ canh tác trên ruộng đất của mình. Tổ hợp tác, hợp tác xã làm dịch vụ cho hộ (làm đất, tưới tiêu nước, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch; cung cấp giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...), hình

thành các vùng sản xuất tập trung, tạo ra lượng hàng hóa lớn, đồng đều về chất lượng, kiểm soát được vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm chi phí sản xuất, thuận lợi cho tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay, cả nước có gần 11.000 hợp tác xã và hơn 100.000 tổ hợp tác trong nông nghiệp. Nhưng tình hình phổ biến hiện nay là các tổ hợp tác, hợp tác xã có cơ sở vật chất nghèo nàn, thiếu vốn hoạt động, năng lực cán bộ quản lý hạn chế, thiếu sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước nên phạm vi và hiệu quả hoạt động còn thấp, hạn chế khả năng hỗ trợ cho các hộ gia đình.

+ *Cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết* hình thành dựa trên liên kết giữa các hộ cùng có ruộng đất trên một cánh đồng và một doanh nghiệp. Hộ nông dân vẫn giữ quyền sử dụng đất nông nghiệp, doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm. "Cánh đồng lớn" tạo ra được khối lượng hàng hóa lớn, kiểm soát được chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập cho nông dân và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp có lượng sản phẩm lớn chế biến, tiêu thụ. Hiện nay, cả nước có 2.262 cánh đồng mẫu lớn, diện tích 579 nghìn ha, 619 nghìn hộ ở 48 tỉnh tham gia. Nhưng mô hình này khó thực hiện được ở các địa phương trung du, miền núi, ruộng đất ít, bị chia cắt. Doanh nghiệp gặp nhiều rủi ro khi hộ nông dân phá vỡ hợp đồng hoặc không tuân thủ đầy đủ hướng dẫn của doanh nghiệp nhưng thiếu chế tài xử lý; doanh nghiệp khó tiếp cận được các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Vì vậy, còn ít doanh nghiệp muốn tham gia vào hình thức này.

+ *Hộ thuê đất của các hộ khác* để mở rộng sản xuất. Giá cả, thời hạn thuê, phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận. Người đi thuê thường muốn thuê thời hạn dài để yên tâm đầu tư, ổn định sản xuất. Người cho thuê thường muốn

cho thuê thời hạn ngắn để điều chỉnh giá. Trong thực tế, thời hạn cho thuê dài hay ngắn tùy theo từng vùng, từng điều kiện sản xuất (cây hàng năm hay cây lâu năm) và có thỏa thuận sau một số năm có thể thương lượng lại giá. Hộ đi thuê có đất để mở rộng sản xuất với chi phí thấp hơn nhiều khi mua đất, không bị giới hạn bởi hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hộ cho thuê vừa có thu nhập từ cho thuê đất vừa có tiền công từ việc làm thuê trên đất đó hoặc làm việc khác; hết thời hạn cho thuê đất vẫn là của họ. Hình thức này có xu hướng phát triển ngày càng nhiều.

+ *Doanh nghiệp liên kết sản xuất với hộ gia đình* (nhưng không hình thành cánh đồng mẫu lớn) là hình thức phát triển nhiều trong một số năm gần đây. Các hộ gia đình vẫn canh tác trên diện tích đất của mình theo sự hướng dẫn kỹ thuật của doanh nghiệp; doanh nghiệp cung ứng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và mua lại sản phẩm do hộ gia đình sản xuất ra. Hình thức này tạo cho hộ nông dân và doanh nghiệp có sự linh hoạt hơn so với liên kết thành cánh đồng lớn (doanh nghiệp giảm bớt thời gian vận động, thỏa thuận, hướng dẫn, quản lý quá nhiều hộ, giảm bớt khó khăn giải quyết tranh chấp khi nhiều hộ liên kết với nhau). Tuy nhiên, trong hình thức này, đất của các hộ gia đình tham gia liên kết nằm xen kẽ với đất của các hộ không tham gia liên kết với doanh nghiệp, ảnh hưởng đến việc xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi, cải tạo đồng ruộng và giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của các hộ xung quanh không tham gia liên kết làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm của hộ liên kết; tình trạng hộ gia đình bán sản phẩm cho các đối tượng khác để được giá cao hơn mà không bán cho doanh nghiệp theo hợp đồng vẫn diễn ra.

+ *Doanh nghiệp thuê đất của hộ nông dân* để sản xuất là hình thức phù hợp, đáp ứng được cả yêu cầu của doanh nghiệp và hộ gia đình. Doanh nghiệp có đất để sản xuất với chi phí thấp hơn nhiều khi mua quyền sử dụng đất. Hộ gia đình tăng thêm thu nhập (từ cho thuê đất, làm thuê cho doanh nghiệp hoặc công việc khác) và vẫn là người có quyền sử dụng đất khi hết thời hạn cho thuê. Hiện nay, số doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp còn ít (chưa đến 1% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động) trong khi tiềm năng phát triển nông nghiệp còn rất lớn. Gần đây, một số doanh nghiệp lớn như Vincom, TH* True Milk thuê hàng nghìn hécta đất ở các địa phương để sản xuất nông nghiệp, nhưng các dự án phần lớn mới được triển khai hoặc dự định triển khai.

Trở ngại đối với doanh nghiệp thuê đất của hộ hiện nay là để có một diện tích đất lớn, phải vận động, thương lượng với hàng trăm, hàng nghìn hộ (mặc dù đã có sự hỗ trợ, giúp đỡ của chính quyền thôn, xã và hợp tác xã, và có những hộ có ruộng đất nằm xen kẽ trong vùng đất doanh nghiệp đã thuê kiên quyết không cho doanh nghiệp thuê). Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, có địa phương, chính quyền đứng ra thuê đất của hộ gia đình rồi cho doanh nghiệp thuê lại (nhiều ý kiến cho rằng chính quyền chỉ nên chứng thực, xác nhận hợp đồng giữa các chủ thể chứ không nên ký hợp đồng; hơn nữa, nếu doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, không thực hiện đúng hợp đồng thì chính quyền lấy tiền đâu để trả cho hộ gia đình). Một trở ngại khác đối với doanh nghiệp khi thuê đất là quy định về mục đích sử dụng đất, nhất là đối với đất trồng lúa (có một số diện tích đất trồng lúa cho năng suất, hiệu quả thấp, nhưng không thể cho thuê để trồng cây ăn quả, cây

công nghiệp, nuôi cá... hiệu quả cao hơn vì nằm trong quy hoạch đất trồng lúa).

- *Các hình thức tích tụ ruộng đất:*

+ *Các hộ mua (nhận chuyển nhượng) quyền sử dụng đất* của các hộ khác để mở rộng sản xuất, phát triển thành trang trại. Hình thức mua, nhận chuyển quyền sử dụng đất diễn ra nhiều ở các tỉnh phía Nam, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long. Một số hộ có năng lực tài chính, kinh nghiệm sản xuất mua lại quyền sử dụng đất của những hộ có ít ruộng đất (1-2 ha) làm không đủ ăn, bán đất để có vốn chuyển sang làm nghề khác; những hộ nợ nần nhiều không có khả năng trả nợ, càng để kéo dài thì nợ và lãi ngày càng lớn, phải bán đất để trả nợ; những hộ con cái đã ra thành phố làm việc, sinh sống, có đất nhưng không còn người sản xuất nông nghiệp. Việc mua lại quyền sử dụng đất giúp hộ mua yên tâm đầu tư phát triển lâu dài. Tuy nhiên, hình thức này gặp một số trở ngại. Số hộ muốn bán đất (bán quyền sử dụng đất) không nhiều (dù đã chuyển sang làm việc khác nhưng vẫn lo ngại công việc không ổn định, khi gặp khó khăn thì đất đai, nông nghiệp vẫn là cứu cánh để duy trì cuộc sống. Đất đai còn là tài sản lớn mà các hộ gia đình muốn để lại cho các thế hệ con, cháu). Giá đất ngày càng tăng lên, các hộ muốn mua đất để mở rộng sản xuất sẽ phải bỏ ra chi phí đầu tư ngày càng lớn. Quy định hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được quá 10 lần hạn mức giao đất (tối đa không quá 30 ha đối với các hộ ở miền Nam và không quá 20 ha đối với các hộ ở miền Bắc) cũng hạn chế việc mua quyền sử dụng đất (một số hộ có đất vượt quá hạn mức được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đã phải nhờ anh, em đứng tên một phần diện tích đất của mình).

+ *Doanh nghiệp mua (nhận chuyển nhượng) quyền sử dụng đất* của hộ để mở rộng sản xuất có trong thực tế nhưng hiện nay còn chưa nhiều. Lý do là vì doanh nghiệp thường cần nhiều đất nhưng có ít người bán và vướng mắc do quy định về mục đích sử dụng đất, nên doanh nghiệp chỉ có thể mua được thêm một số diện tích ở gần diện tích doanh nghiệp đã có.

+ *Hộ gia đình góp đất, chuyển giá trị quyền sử dụng đất thành cổ phần của doanh nghiệp.* Hộ gia đình trở thành cổ đông, đồng chủ sở hữu doanh nghiệp, đồng thời là người lao động trong doanh nghiệp. Hình thức này tạo quan hệ gắn bó, gắn kết lợi ích của hộ gia đình với doanh nghiệp, còn doanh nghiệp giảm bớt chi phí thuê hay mua quyền sử dụng đất. Khó khăn, rủi ro đối với hộ gia đình tham gia hình thức này là doanh nghiệp trồng cây công nghiệp dài ngày, một số năm đầu chưa có thu nhập, lợi nhuận để chia cổ tức cho hộ gia đình hay doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nên hộ gia đình không những không có thu nhập mà có thể còn mất cả vốn góp (mất đất). Hiện nay, hình thức này chưa nhiều, mức độ thành công khác nhau. Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn (Thanh Hóa) đã vượt qua những khó khăn ban đầu, thành công trong việc nâng cao thu nhập, mức sống của các hộ gia đình góp đất, trở thành cổ đông của công ty. Do đó, ngoài đất của các hộ góp cổ phần, Công ty còn thuê đất của nhiều hộ dân trong vùng để mở rộng diện tích canh tác. Tuy nhiên, một số công ty cao su một số tỉnh Tây Bắc (thuộc Tập đoàn Cao su) thì chưa thực sự thành công, cuộc sống của các hộ gia đình góp đất vào công ty (thành cổ đông của công ty) còn gặp khó khăn.

3. Tiếp tục đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai trong thời gian tới

3.1. Một số vấn đề về nhận thức, quan điểm

Nước ta từ một nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, đất đai phân tán, manh mún, phương thức canh tác cổ truyền, lạc hậu, để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, hình thành và phát triển một nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao thì tích tụ, tập trung đất đai là yêu cầu khách quan, tất yếu. Tuy nhiên, việc giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ đất đai luôn là vấn đề nhạy cảm, không chỉ về mặt kinh tế mà còn về mặt chính trị, xã hội. Ngày nay, khi đất đai đã được giao cho hộ nông dân sử dụng ổn định, lâu dài, để tích tụ, tập trung ruộng đất cần phải tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ gia đình thấy rõ lợi ích trước mắt và lâu dài của mình và của xã hội, tự nguyện, tự giác tham gia, không sử dụng biện pháp hành chính, áp đặt, không chạy theo thành tích, làm mang tính phong trào; không tích tụ, tập trung đất đai rồi để hoang hóa hay sử dụng kém hiệu quả, mà phải phù hợp với điều kiện thực tế từng vùng, từng địa phương, với đặc điểm về đất đai, địa hình, khí hậu... không máy móc, áp đặt.

Tích tụ, tập trung đất đai phải bảo đảm hài hòa các lợi ích: lợi ích của Nhà nước, lợi ích của doanh nghiệp (hộ) thuê đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lợi ích của nông dân (người cho thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng đất). Lợi ích của Nhà nước là đất đai phải được sử dụng đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng luật pháp, tiết kiệm, có hiệu quả cao, bảo vệ môi trường đất đai; cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân, giữ gìn ổn định xã hội ở nông thôn. Lợi ích

của doanh nghiệp là giảm bớt chi phí (công sức, thời gian, tiền bạc), giảm bớt rủi ro (do sự thay đổi chính sách của Nhà nước, sự vi phạm hợp đồng của hộ gia đình), đạt được doanh thu, lợi nhuận cao. Lợi ích của nông dân là có việc làm và thu nhập, để có cuộc sống ổn định, có thu nhập và mức sống cao hơn; môi trường sống an toàn, trong sạch, lành mạnh. Nhà nước có nhiều quyền lực, sức mạnh để bảo vệ lợi ích của mình; doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế, có nhiều lựa chọn (làm hay không làm, làm ở đâu, khi nào), chỉ làm khi có lợi; chỉ có hộ nông dân là những người yếu thế, dễ bị tổn thương, thiệt thòi; vì vậy, trong các lợi ích cần hết sức chú ý, quan tâm tới lợi ích của người nông dân, của các hộ gia đình.

Tích tụ, tập trung đất đai là cần thiết, nhưng chỉ là tiền đề, điều kiện để phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, để phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, thì cùng với tích tụ, tập trung đất đai, cần phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Chỉ có công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng khoa học, công nghệ mới tạo ra được sự phát triển nhảy vọt về năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Ngày nay, khoa học và công nghệ có vai trò lớn hơn quy mô đất đai trong việc phát triển nông nghiệp sản xuất lớn.

Đối với sản xuất nông nghiệp, không phải tích tụ, tập trung đất đai quy mô càng lớn thì hiệu quả đem lại càng cao, mà tùy điều kiện cụ thể từng vùng, từng loại cây, con, trình độ tổ chức, quản lý, trình độ khoa học, công nghệ mà cần quy mô đất đai phù hợp đem lại hiệu quả cao nhất. Vì vậy, ở những nước kinh tế phát triển cao vẫn tồn tại nhiều hình

thức tổ chức sản xuất nông nghiệp với nhiều quy mô khác nhau; bên cạnh những doanh nghiệp nông nghiệp có quy mô lớn vẫn tồn tại số lượng rất lớn các trang trại, kinh tế hộ gia đình. Ở những nước này, phát triển nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao không phải chỉ có các doanh nghiệp nông nghiệp, không phải tất cả nông dân đều trở thành người làm công trong các doanh nghiệp, mà trang trại, hộ sản xuất hàng hóa lớn vẫn có sức sống lâu dài, có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp.

Tích tụ, tập trung đất đai để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nhưng đồng thời cũng có những tác động lớn về mặt xã hội, đặt ra nhiều vấn đề xã hội phải giải quyết. Đó là việc làm thay đổi nhận thức, tâm lý của người nông dân sản xuất nhỏ; đòi hỏi phải quan tâm tới đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân ở nông thôn và giữ vững ổn định xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Tích tụ, tập trung ruộng đất là vấn đề quan hệ giữa các hộ gia đình trong nội bộ nông dân và quan hệ giữa hộ gia đình với doanh nghiệp, nhưng Nhà nước có vai trò và trách nhiệm rất quan trọng. Nhà nước ban hành luật pháp, cơ chế, chính sách tạo ra môi trường, thể chế cho tích tụ, tập trung ruộng đất; quyết định quy hoạch, kế hoạch, mục đích sử dụng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, quyết định có hay không hạn mức giao đất, hạn mức được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các chính sách tài chính về đất đai...; điều tiết hoạt động của cả hộ gia đình và doanh nghiệp. Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước có ý nghĩa, tác động rất lớn đến tích tụ, tập trung ruộng đất.

3.2. Một số vấn đề cần tập trung thực hiện để thúc đẩy tích tụ, tập trung ruộng đất hiện nay

Cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền các cấp cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động về sự cần thiết, lợi ích của tích tụ, tập trung ruộng đất, giới thiệu những mô hình, những điển hình thành công để học tập, nhân rộng; vận động, thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp; kịp thời phát hiện, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, uốn nắn kịp thời những sai sót, tổng kết, rút kinh nghiệm để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tích tụ, tập trung ruộng đất trên địa bàn.

Nhà nước cần tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung luật pháp, cơ chế chính sách có liên quan, tạo thuận lợi cho tích tụ, tập trung ruộng đất; đồng thời, ngăn chặn việc lợi dụng tích tụ, tập trung ruộng đất để đầu cơ, kiếm lời; tích tụ, tập trung ruộng đất để xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, để "phát canh, thu tô"... Nhà nước từng bước nới lỏng, tiến tới bỏ quy định về hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho phép tích tụ, tập trung đất đai phù hợp với khả năng quản lý, sử dụng có hiệu quả của người nhận chuyển nhượng (bỏ hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì cũng cần phải bỏ quy định "phải nộp 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp" đối với diện tích đất vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp). Đồng thời, cần đánh thuế vào những thửa đất nông nghiệp của hộ gia đình, của doanh nghiệp để hoang hóa; riêng đối với doanh nghiệp, cần quy định thời hạn để đất hoang hóa phải thu hồi.

Nhà nước cần rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các mục đích, nhu cầu khác nhau:

đất nông nghiệp, trong đó có đất lúa; đất công nghiệp, đất xây dựng đô thị, khu dân cư, các công trình phúc lợi xã hội, đất xây dựng kết cấu hạ tầng, đất quốc phòng, an ninh... Quy hoạch sử dụng đất phải thống nhất với quy hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực, ở các vùng, địa phương, phù hợp với tình hình đất nước trong từng giai đoạn.

Phát triển thị trường chuyển nhượng và cho thuê quyền sử dụng đất. Giá cả chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất giữa các hộ gia đình, giữa các hộ gia đình và doanh nghiệp do thị trường xác định. Việc thuê đất do thôn, xã quản lý phải thông qua đấu thầu công khai, minh bạch. Nghiên cứu kinh nghiệm của nhiều nước về thành lập ngân hàng đất nông nghiệp để cung cấp thông tin về thị trường đất đai và đóng vai trò trung gian trên thị trường đất nông nghiệp. Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính về chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp quyền sử dụng đất, tạo thuận lợi cho các giao dịch, hạn chế phát sinh tiêu cực.

Nhà nước cần có chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, phát triển các trang trại, như: tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, ưu đãi, hỗ trợ lãi suất; hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý; khuyến khích sự liên kết giữa các hộ gia đình, trang trại, hợp tác xã với các doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu, chuyển giao công nghệ...

Nhà nước tăng đầu tư, đồng thời có chính sách thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển, hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, giao thông, điện, thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn; đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển các viện, các trung tâm nghiên cứu, sản xuất, chuyển giao các loại giống mới, các kỹ thuật, quy trình mới, các máy móc, thiết bị mới phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản.

Đặc biệt, cần phải quan tâm giải quyết những vấn đề xã hội ở nông thôn phát sinh cùng với việc tích tụ, tập trung đất đai. Đẩy mạnh việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là những lao động dôi dư, tạo điều kiện cho những lao động này chuyển đổi nghề nghiệp, tìm được việc làm mới ở nông thôn, các đô thị, các khu công nghiệp, xuất khẩu lao động. Đồng thời, Nhà nước cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đưa các cơ sở sản xuất về nông thôn; phát triển đa dạng các ngành nghề ở nông thôn, các ngành nghề, sản phẩm truyền thống và các ngành nghề mới, sản phẩm mới cần nhiều lao động, sử dụng các nguyên liệu tại địa phương như may mặc, giầy da, chế biến nông, lâm, thủy sản... Cùng với nguồn lực của Nhà nước, cần huy động sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp xã hội xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng ngày càng hoàn thiện, có hiệu quả ở nông thôn; quan tâm tới phát triển bảo hiểm sản xuất nông nghiệp và bảo hiểm xã hội đối với lao động nông thôn...

ĐỔI MỚI NHẬN THỨC, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ LĨNH VỰC ĐỐI NGOẠI QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

TS. NGUYỄN TUẤN PHONG*

Qua hơn 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, rất đáng tự hào; đồng thời, cũng cần phải thấy rằng công cuộc đổi mới vẫn còn có những vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, thiếu sót, yếu kém, phát sinh những vấn đề mới cần tiếp tục tập trung giải quyết, khắc phục. Trong bức tranh tổng thể do công cuộc đổi mới đem lại, lĩnh vực đối ngoại đóng vai trò rất quan trọng. Việc nhìn nhận, đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ lĩnh vực này để đất nước ta tiếp tục phát triển nhanh, bền vững hơn là hết sức cần thiết.

I. QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI NHẬN THỨC, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ LĨNH VỰC ĐỐI NGOẠI QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

Đổi mới về nhận thức, quan điểm của Đảng về lĩnh vực

---

* Phó Trưởng ban Đối ngoại Trung ương.

đối ngoại qua hơn 30 năm đổi mới nhìn chung thể hiện ở hai điểm chính là nhận thức về thời đại và về đường lối, chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế.

1. Quá trình phát triển nhận thức về thời đại

- *Quá độ lên chủ nghĩa xã hội - nội dung cơ bản nhất của thời đại:* Đảng ta tiếp cận vấn đề thời đại có nhiều mặt sát hợp và rõ nét hơn, Đảng khẳng định kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng cũng nhận thức rõ các khó khăn của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 xác định: "Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử*"[1].

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, nhất là sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Đại hội lần thứ VIII năm 1996 của Đảng nhận định: "Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội"[2]. Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội đã có sự phát triển, Đảng nhận thức rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.51, tr.133.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.671.

hội là sự nghiệp lâu dài; mô hình chủ nghĩa xã hội là đa dạng, tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử và điều kiện của mỗi nước. Đảng cũng nhận thức được những mặt hạn chế của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu trước đây cũng như các điểm mạnh của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa để nghiên cứu và ứng dụng.

- *Về các mâu thuẫn lớn của thời đại:* Trong thời kỳ đổi mới, qua nghiên cứu lý luận, thực tiễn các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới tại Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 Đảng, Nhà nước ta tiếp tục khẳng định và nhận thức cụ thể hơn. Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh: "Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức"[1]. Đại hội IX Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt"[2]. Đến Đại hội XI, Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: "Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển"[3].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.671.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.12.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.68.

- *Về vấn đề chiến tranh và hòa bình:* Đảng ta đã nhận thức rõ hơn khả năng đẩy lùi nguy cơ chiến tranh toàn cầu. Đại hội VIII của Đảng nhận định: "Nguy cơ chiến tranh thế giới hủy diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo; chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi"[1]. Đến Đại hội IX, Đảng xác định: "Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới"[2]. Đại hội VIII nhận định "hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và các quốc gia trên thế giới"[3] thay vì nhấn mạnh "Hai mặt tiến công lớn nhất của cách mạng thế giới hiện nay là đấu tranh cho hòa bình và đấu tranh cho độc lập dân tộc". Đến Đại hội IX Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc"[4]. Trong những năm trở lại đây, trước những vấn đề an ninh phi truyền thống, xung đột cục bộ, bất ổn, Đảng đã có những nhận định sâu sắc, đầy đủ hơn, Đại hội X khẳng định: "Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn... Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Các mâu thuẫn lớn của thời đại

---

1, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.671, 623.

2, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.13.

vẫn rất gay gắt"[1]. Đến Đại hội XI, quan điểm trên của Đảng tiếp tục được hoàn thiện, bổ sung: "Nước ta bước vào thời kỳ chiến lược mới trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng xung đột sắc tộc, tôn giáo, chiến tranh cục bộ, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn diễn ra gay gắt; các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao tiếp tục gia tăng"[2].

- *Về các vấn đề kinh tế, khoa học, công nghệ, xu thế toàn cầu hóa:* Đảng ta đã nhận thức đúng hơn, rõ hơn về vấn đề kinh tế, cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa. Đại hội VI của Đảng nhận định: "Một đặc điểm nổi bật của thời đại là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất"[3], tiếp đó Đại hội VII của Đảng khẳng định: "Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc"[4]. Có thể thấy, từ nhận thức về hai nền kinh tế thế giới, Đảng ta đã chuyển sang nhìn nhận về một nền kinh tế thế giới thống nhất với một thị trường thống nhất nhờ quá trình "quốc tế hóa". Nhận thức này đã tạo ra tiền đề quan trọng để phát triển tư duy về hội nhập quốc tế của Đảng ta sau này.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.347.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd,* tr. 27-28.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.31-32, 410.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 nhấn mạnh một đặc điểm của thời đại là: "Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau..."[1]. Nhận thức của Đảng về cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trong các Đại hội tiếp theo tiếp tục được bổ sung, phát triển. Tại Đại hội VIII khẳng định: "Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội"[2]. Đại hội IX nhận định: "Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất"[3].

Đối với vấn đề toàn cầu hóa, Đại hội IX của Đảng nhận định: "Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia..."[4]. Đại hội X của Đảng nhấn mạnh: "toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang được đẩy nhanh; đầu tư, lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ, lao động và vốn ngày càng mở rộng"[5].

- *Về khu vực:* Đảng ta đã có những nhận thức rõ hơn về cục diện Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, những tiềm năng và thách thức của khu vực. Tại Đại hội X của Đảng ta đã nhận định: "Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* tr.131.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.671.

3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.12, 12, 428.

tiếp tục phát triển năng động, hợp tác trong khu vực ngày càng mở rộng tạo thêm điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mỗi quốc gia"[1]. Bên cạnh đó, Đảng ta cũng nhận thức rõ về các nhân tố phức tạp, đe dọa gây mất ổn định ở khu vực, Đại hội XI của Đảng khẳng định: "Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á... còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. Xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới. ASEAN tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khu vực"[2].

Như vậy, trước những biến động phức tạp, sâu sắc của cục diện thế giới, Đảng ta đã có sự đổi mới về nhận thức, tỉnh táo phân tích, đánh giá, để có những nhận định một cách toàn diện, chính xác về những biến chuyển của tình hình thế giới và khu vực. Thực tế những năm qua đã chứng minh những nhận định của Đảng về tình hình thế giới là đúng đắn, là cơ sở quan trọng để hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

2. Quá trình phát triển nhận thức về đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế

- Về mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại:

Thời kỳ đổi mới đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình xác định mục tiêu của đối ngoại theo hướng phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc. Đảng khẳng định

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.429.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.186.

mục tiêu của đối ngoại là "vì lợi ích quốc gia, dân tộc". Điều này được khẳng định một cách nhất quán trong các Văn kiện Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI. Lợi ích quốc gia, dân tộc được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ lớn của công tác đối ngoại là: "giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới"[1].

- *Về nguyên tắc và phương châm đối ngoại*:

Đảng ta đã sớm chủ trương đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại theo hướng thêm bạn, bớt thù, bảo đảm nguyên tắc độc lập, chủ quyền và cùng có lợi. Chủ trương này đã trở thành một chủ trương đối ngoại nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Trong tư duy đối ngoại, Đảng cũng đã có những chuyển biến quan trọng phù hợp với tình hình đất nước, từ "muốn là bạn" (Đại hội VII), đến "sẵn sàng là bạn" (Đại hội IX), đến "là bạn, đối tác tin cậy" (Đại hội X) và đến "là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm" (Đại hội XI).

Bên cạnh đó, với mỗi chặng đường của thời kỳ Đổi mới, vấn đề hợp tác và đấu tranh cũng được Đảng nhận thức một cách phù hợp. Hội nghị Trung ương 3 khóa VII (năm 1992) xác định phương châm xử lý các vấn đề đối ngoại là phải nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế.

- *Về các định hướng lớn trong công tác đối ngoại*:

Đảng ta chủ trương đưa các quan hệ đối ngoại đi vào

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.238.

chiều sâu, trong những năm gần đây, Đảng ta bổ sung một định hướng đối ngoại quan trọng là làm sâu sắc thêm các mối quan hệ đã được thiết lập. Đại hội X đã xác định: "đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững"[1].

Đảng đã có những đổi mới quan trọng trong nhận thức về chủ trương ngoại giao toàn diện. Hội nghị Trung ương 3 khóa VII xác định nội dung chính của ngoại giao toàn diện là tiến hành hoạt động đối ngoại trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đến Đại hội XI, ngoại giao toàn diện được hiểu là nền ngoại giao thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm huy động mọi lực lượng, binh chủng, kênh đối ngoại; vận dụng mọi hình thức, công cụ đối ngoại; triển khai trên nhiều lĩnh vực, địa bàn nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, thực hiện hiệu quả mục tiêu đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Nền ngoại giao này được xây dựng trên cơ sở ba kênh đối ngoại chủ lực là đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; triển khai đồng bộ ba trụ cột là ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, cùng với công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân.

Chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế cũng được nhận thức ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn. Đảng chủ trương hội nhập quốc tế bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế. Đại hội VIII xác định: "Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới"[2]. Đại hội IX khẳng định: "*Chủ động hội*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.321.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.678.

nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế"[1]. Tiếp đó, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27-11-2001 về hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội X, Đảng ta đã bổ sung thêm một số nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế, đó là: "Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương"[2] và "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác"[3]. Đến Đại hội XI, nhận thức về hội nhập quốc tế đã có một bước chuyển căn bản: "... chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh"[4].

- *Về mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và bảo đảm độc lập, tự chủ, giữ vững chủ quyền quốc gia:*

Vấn đề kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong thời kỳ đổi mới được Đảng ta hết sức quan tâm. Đại hội VII (1991) nhấn mạnh: "Trong điều kiện mới càng phải coi trọng vận dụng bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa"[5] và "đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.34, 322, 375.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.84.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.352.

tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi, thu hút các nguồn lực bên ngoài để phát huy mạnh mẽ lợi thế và nguồn lực bên trong"[1].

Yêu cầu về giải quyết mối quan hệ giữa hội nhập và giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia được Đảng ta nhận thức một cách sâu sắc. Đại hội VIII chỉ rõ: "Mở rộng quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc"[2]. Đến Đại hội IX, vấn đề này được Đảng xác định rõ hơn: "*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường"[3]. Đại hội XI khẳng định quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế là một trong các mối quan hệ lớn cần đặc biệt chú trọng xử lý và giải quyết tốt, theo đó, cần phải: "Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế"[4]. Nghị quyết số 22-NQ/TW, của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế cũng nhấn mạnh quan điểm: "Chủ động và tích

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.379, 669.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.34-35.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.239.

cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế".

3. Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân

- *Về thành tựu:* Trong hơn 30 năm qua, hoạt động và tổng kết thực tiễn nhận thức của Đảng ta trong lĩnh vực đối ngoại đã có nhiều phát triển quan trọng. Cách tiếp cận về nội dung, tính chất của thời đại có nhiều mặt phù hợp và rõ nét hơn; nhận thức về cục diện thế giới, khu vực có nhiều đổi mới, thấy đầy đủ hơn về tính chất phức tạp, lâu dài của xu thế phát triển. Bên cạnh đó, nhận thức về đường lối đối ngoại của Đảng cũng đạt được những thành quả hết sức quan trọng, các nội dung về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương châm và các định hướng lớn trong công tác đối ngoại đều được nhận thức ngày càng đầy đủ, rõ nét và toàn diện hơn phù hợp với đặc điểm lịch sử của đất nước, qua đó góp phần to lớn vào thành công chung của sự nghiệp đổi mới trong hơn 30 năm qua. Nguyên nhân: Có 2 nhóm chính gồm: (1) Đường lối, chính sách đúng đắn; (2) Chỉ đạo, xử lý đúng các vấn đề phức tạp, trong đó có vấn đề Biển Đông.

- *Về hạn chế:* Còn chậm đổi mới tư duy trên một số vấn đề quốc tế và đối ngoại; nghiên cứu các vấn đề quốc tế còn chưa sâu. Nguyên nhân: (1) Tình hình thế giới, khu vực diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp; (2) Phương thức lãnh đạo của Đảng chậm được đổi mới, khả năng nắm bắt và dự báo về tình hình thế giới, khu vực, về chiến lược của các nước lớn còn yếu.

II. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, KHU VỰC; NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CẤP THIẾT ĐANG ĐẶT RA; ĐỀ XUẤT NHỮNG QUAN ĐIỂM, CHỈ ĐẠO ĐẾN NĂM 2020 VÀ CHO GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Bối cảnh tình hình thế giới, khu vực

Tình hình thế giới từ nay đến năm 2020 và đến năm 2030 nhìn chung tiếp tục vận động theo những xu thế và đặc điểm:

- 4 xu thế lớn: (1) Cách mạng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, tiếp tục phát triển mạnh mẽ; (2) Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh; (3) Xu thế dân chủ hóa, công khai hóa, minh bạch hóa; (4) Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn.

- 5 đặc điểm thể hiện tính "phức tạp" của tình hình thế giới: (1) Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cường quyền áp đặt nổi lên, tình trạng xâm phạm chủ quyền, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, can thiệp lật đổ, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng... diễn ra gay gắt; (2) Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau; xu hướng đa cực, đa trung tâm được thúc đẩy nhanh hơn, tập hợp lực lượng diễn biến phức tạp; các thể chế đa phương đứng trước những thách thức mới; xuất hiện nhiều hình thức liên kết, hợp tác mới; (3) Các vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, tiền tệ, năng lượng, nguồn nước, lương thực, môi trường, sinh thái, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng... diễn biến ngày càng phức tạp; (4) Kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, bất ổn; nhu cầu phát triển công bằng và bền vững ngày càng trở nên bức thiết; (5) Các nước ưu tiên

lợi ích quốc gia, thực hiện chính sách thực dụng, điều chỉnh chiến lược phát triển, cơ cấu lại nền kinh tế; cạnh tranh kinh tế, thương mại, công nghệ, nhân lực chất lượng cao,... ngày càng gay gắt.

- Châu Á - Thái Bình Dương: (1) Tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí ngày càng quan trọng, là địa bàn cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn; (2) Tranh chấp lãnh thổ, biển đảo diễn biến gay gắt, phức tạp; (3) ASEAN trở thành cộng đồng, có vai trò quan trọng nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức.

2. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết đang đặt ra hiện nay

- *Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ, giữ vững chủ quyền quốc gia và chủ động hội nhập quốc tế*

Trong xu thế toàn cầu hóa, các nước ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau như hiện nay, độc lập, tự chủ là giữ vững chủ quyền dân tộc, lợi ích quốc gia, bản sắc văn hóa, an ninh chính trị - xã hội bằng cách khẳng định dân tộc mình, vị thế của mình; làm tăng thêm sự phụ thuộc của các nước khác vào mình; mặt khác, quá trình hội nhập quốc tế của nước ta phải đồng thời là quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Việc giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế tùy thuộc vào điều kiện cụ thể trong từng thời kỳ, tùy thuộc vào từng lĩnh vực, từng quốc gia.

- *Mối quan hệ giữa quốc gia và dân tộc*

Thực tiễn quan hệ quốc tế trong nhiều năm qua cho thấy vấn đề mâu thuẫn quốc gia, dân tộc ngày càng trở nên gay gắt. Quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ nhưng mâu thuẫn quốc gia, dân tộc tiếp tục diễn biến phức tạp và có hệ

lụy rất lớn đối với quan hệ quốc tế cũng như sự ổn định chính trị của các quốc gia. Mâu thuẫn quốc gia, dân tộc thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, chi phối cách hành xử và chính sách đối ngoại của các nước. Đảng ta đã phát triển nhận thức về các mâu thuẫn lớn của thời đại và đã đề cập đến vấn đề xung đột sắc tộc, nhưng chưa phát triển nhận thức một cách đầy đủ về mâu thuẫn quốc gia - dân tộc. Trong thời gian tới, mâu thuẫn quốc gia - dân tộc cần được nhận thức đầy đủ hơn để đánh giá được một cách khách quan và chính xác tình hình và quan hệ quốc tế.

- *Chủ động và tích cực đóng góp, tham gia định hình trong quan hệ quốc tế*

Trong giai đoạn tới, một yêu cầu mới đặt ra cho công tác đối ngoại của nước ta là cần chủ động và tích cực đóng góp, tham gia định hình trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là các quan hệ quốc tế có lợi ích quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nước ta. Việc chủ động tham gia định hình các quan hệ quốc tế, một mặt sẽ tạo hình ảnh nước ta là một thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; mặt khác, giúp chúng ta có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tranh thủ các thiết chế quốc tế để tăng cường hợp tác, đóng góp cho việc duy trì môi trường quốc tế thuận lợi, đồng thời phục vụ cho các lợi ích quốc gia, dân tộc của đất nước.

3. Một số đề xuất về quan điểm chỉ đạo đến năm 2020 và cho giai đoạn 2021-2030

Tiếp tục kế thừa, phát huy những nhận thức về đối ngoại trong thời kỳ đổi mới; đồng thời quán triệt các mục tiêu, nhiệm vụ, phương châm trong công tác đối ngoại đã được đề

cập tại Đại hội XII của Đảng, nhất là các điểm mới được bổ sung tại Đại hội. Cụ thể:

- Về mục tiêu, Đại hội XII xác định mục tiêu tổng quát: "Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới"[1].

Việc nêu đậm, đầy đủ hơn phần đối ngoại trong mục tiêu tổng quát thể hiện nhận thức về tầm quan trọng của công tác đối ngoại trong giai đoạn mới.

Ngoài ra, Đại hội XII cũng nhấn mạnh "Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi"[2]. Trong đó, đáng chú ý:

+ Lần đầu tiên văn kiện sử dụng khái niệm "quốc gia - dân tộc". Việc sử dụng khái niệm này thể hiện sự gắn bó mật thiết và thống nhất của lợi ích quốc gia và lợi ích dân tộc.

+ Nội hàm của lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ đối

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.429-430, 34.

ngoại của ta được xác định gồm: (1) Nhóm các lợi ích sống còn (an ninh): độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; an ninh quốc gia, an ninh con người và ổn định chính trị - xã hội; (2) Nhóm các lợi ích phát triển: phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân; năng lực tự chủ, cạnh tranh và sức mạnh tổng hợp của quốc gia; mở rộng không gian phát triển và xác lập vị trí thuận lợi trong phân công lao động quốc tế; nâng cao vị thế quốc tế; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Về nhiệm vụ, Đại hội XII của Đảng xác định rõ, đầy đủ hơn nhiệm vụ công tác đối ngoại với 5 nội dung cụ thể, trong đó đã: (1) Bổ sung yêu cầu duy trì cục diện hòa bình "ổn định"; (2) Bổ sung nhiệm vụ "tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước"; (3) Xác định rõ, đầy đủ phương châm và nội hàm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc (kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa); (4) Bổ sung yêu cầu cần quan tâm tới "uy tín" ngoài "vị thế" của đất nước.

- Về phương châm, Đại hội XII của Đảng đã đưa phương châm "vừa hợp tác, vừa đấu tranh" trong hoạt động đối ngoại vào Văn kiện Đại hội ("Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân...". Đây là lần đầu tiên phương châm này được nêu ở tầm Văn kiện Đại hội.

- Về nâng cao hiệu quả đối ngoại, Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu về nâng cao hiệu quả đối với các hoạt

động đối ngoại (Tiêu đề phần đối ngoại trong Báo cáo Chính trị Đại hội XII được chuyển thành "Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại..."[1]; các nội dung liên quan đều nhấn mạnh về "chiều sâu", "thực chất", "chất lượng", "hiệu quả"...). Đây có thể coi là bước phát triển mới, chuyển từ phát triển bề rộng sang phát triển chiều sâu, từ phát triển "lượng" sang sự biến đổi về "chất" trong các hoạt động đối ngoại.

- Đại hội XII xác định yêu cầu cao hơn đối với việc tham gia các hoạt động đối ngoại đa phương, chuyển từ sự "tham gia" như nêu tại văn kiện Đại hội XI[2] sang tham gia trên tinh thần "chủ động", "tích cực", "phát huy vai trò" như: "chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương", "Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc".

- Các nhiệm vụ, yêu cầu đặt ra đối với hội nhập quốc tế: Văn kiện Đại hội XII dành mục riêng về hội nhập quốc tế: So với Đại hội XI thì Báo cáo Chính trị Đại hội XII đã bổ sung thêm mục riêng về "Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế" trong phần IV "Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", đồng thời bổ sung 2 khổ riêng về hội nhập quốc tế trong phần XI "Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế". Hầu hết các lĩnh vực khác đều có nội dung liên quan đến hội nhập quốc tế với các yêu cầu được cụ thể hóa và quan điểm chỉ đạo cụ thể.

---

1. Đại hội XI nêu "Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại...".

2. Đại hội XI xác định "Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh, kinh tế song phương và đa phương", "Thực hiện tốt công việc tại các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên hợp quốc...".

Quan điểm chỉ đạo về hội nhập quốc tế cũng được nêu rõ, đầy đủ hơn gồm: *Thứ nhất*, bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị; *Thứ hai*, đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; *Thứ ba*, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trên các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế; *Thứ tư,* hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu, bất lợi.

- Về công tác đối ngoại nhân dân: Văn kiện Đại hội XII chuyển thuật ngữ "ngoại giao nhân dân" thành "đối ngoại nhân dân"; qua đó, mở rộng phạm vi đối ngoại nhân dân, trong đó bao gồm hoạt động đối ngoại của các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể, tổ chức nhân dân. Cách tiếp cận này cũng đề cao vai trò của đối ngoại nhân dân trong tổng thể các hoạt động đối ngoại của đất nước.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, XÂY DỰNG TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TINH GỌN, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là vấn đề đặc biệt hệ trọng, hết sức cơ bản; đồng thời là yêu cầu cấp bách, liên quan trực tiếp đến việc giữ vững, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước hiện nay.

Cần xác định đây là vấn đề then chốt của then chốt để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng lãnh đạo của Đảng, hoạt động của hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của nhân dân, đáp ứng yêu cầu, tình hình, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, XÂY DỰNG TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Phương thức lãnh đạo của Đảng là tổng thể các hình thức, phương pháp, quy chế, quy trình, phong cách, lề lối làm việc mà Đảng sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo, nhằm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và phân tích lý luận, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định toàn diện, sáng rõ nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng*: "Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu"[1]. Đại hội XI của Đảng có bước tiến về nhận thức, khẳng định rõ: "Trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền và có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước"[2].

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.89-90, 145.

Về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3-1989), Đảng ta dùng khái niệm "hệ thống chính trị" thay cho khái niệm "hệ thống chuyên chính vô sản". Đó là bước phát triển mới trong nhận thức lý luận về hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đến Đại hội XII, Đảng ta chỉ rõ: "Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành"[1]. Gần đây, Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII nhấn mạnh: phải đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cán bộ của toàn hệ thống chính trị; giải quyết tốt quan hệ giữa nhà nước, thị trường, xã hội phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Bên cạnh những kết quả quan trọng và những bước tiến về nhận thức, để đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hiện nay, cần nhận thức rõ hơn một số vấn đề lý luận sau đây:

Một là, nhận thức, phân biệt rõ giữa Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền.

Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền từ tháng 8-1945. Vấn đề Đảng cầm quyền đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đề cập đến trong nhiều văn kiện của Đảng. Nhưng đến nay nhiều nội dung vẫn chưa được xác định rõ ràng, đầy đủ và hệ thống. Sự lãnh đạo của Đảng được xác lập bởi "quyền lực mềm", bằng uy tín chính trị của Đảng được thừa nhận trong xã hội. Sự cầm quyền của Đảng, bên cạnh uy tín

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.203.

chính trị nêu trên, Đảng thông qua bộ máy nhà nước, các công cụ pháp luật, sử dụng quyền lực nhà nước điều chỉnh quan hệ giữa Nhà nước với xã hội. Lãnh đạo và cầm quyền có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng không phải là đồng nhất. Không phân biệt rõ sự lãnh đạo của Đảng và sự cầm quyền của Đảng đã dẫn đến sự lẫn lộn, lạm quyền hay buông lỏng, bỏ sót trong thực hiện vai trò lãnh đạo, vai trò cầm quyền của Đảng.

Hai là, nhận thức lý luận về quan hệ giữa phương thức lãnh đạo của Đảng với tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Phương thức lãnh đạo của Đảng được thực hiện chủ yếu qua hoạt động của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên là tổ chức bộ máy, công cụ, phương tiện thực hiện sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với xã hội trong điều kiện Đảng cầm quyền. Giữa các thành tố trong hệ thống chính trị có quan hệ biện chứng, vừa có sự tương đồng vừa có tính đặc thù; giữa tổ chức đảng và đảng viên có quan hệ tương thích chặt chẽ; tổ chức tạo môi trường phát huy vai trò, năng lực của đảng viên; đội ngũ đảng viên là chủ thể tạo nên chất lượng và sức mạnh của tổ chức đảng. Các mối quan hệ biện chứng này chưa được nhận thức đầy đủ, sâu sắc. Các vấn đề về phương thức lãnh đạo của Đảng, về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và về xây dựng đội ngũ cán bộ thường được xem xét, giải quyết tách biệt, thiếu hệ thống, đồng bộ, do đó kết quả thấp.

Ba là, nhận thức về tính chất, yêu cầu, đặc điểm của hệ thống chính trị trong các giai đoạn cách mạng theo quan điểm lịch sử, cụ thể.

Trong quá trình đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc, ở nước ta đã hình thành đồng thời ba "tiểu hệ thống": tổ chức đảng - bộ máy nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở. Ba "tiểu hệ thống" này có nhiều điểm tương đồng về cơ cấu tổ chức, mục tiêu, nhiệm vụ. Từ năm 1975 đến nay, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới, tình hình đất nước và nhiệm vụ cách mạng đã có những thay đổi rất cơ bản[1]. Tình hình quốc tế và khu vực đã có rất nhiều thay đổi, đặt ra những yêu cầu mới. Nhận thức chưa đầy đủ về những yêu cầu có tính nguyên tắc về sự cần thiết phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng đã dẫn tới sự chậm trễ, bất cập trong quá trình đổi mới. Về cơ bản những đổi mới về phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong hơn 30 năm qua vẫn mang tính bộ phận, thiếu hệ thống, không đồng bộ, nên không tạo được đột phá, dẫn đến trì trệ, làm phát sinh rất nhiều "tật bệnh".

Bốn là, nhận thức về tính chất, đặc điểm của một Đảng duy nhất cầm quyền.

---

1. Những thay đổi là: (1) Từ chiến tranh sang hòa bình. (2) Từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. (3) Từ thế bị bao vây cấm vận đến hội nhập quốc tế. (4) Từ xã hội có cơ cấu thống nhất sang xã hội đa cơ cấu, đa tầng, đan xen ngày càng đa dạng, phức tạp; xã hội thông tin đơn tuyến sang xã hội đa thông tin, đa tuyến, đa chiều; xã hội "dân chủ truyền thống" sang xã hội dân chủ lãnh đạo. (5) Từ nhà nước chuyên chính vô sản sang nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân...

Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, toàn bộ hệ thống chính trị đều do Đảng lập ra, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, đều là "của Đảng"... Nhận thức về tính chất, đặc điểm này chưa đầy đủ, chuẩn xác đã dẫn đến hai khuynh hướng: Đảng bao biện, làm thay, lấn sân trong chỉ đạo thực tiễn; hoặc tuyệt đối hóa sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị, làm cho sự lãnh đạo của Đảng bị chia cắt, thiếu sức mạnh; xuất hiện sự thiếu thống nhất trong xử lý quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Hậu quả là làm giảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và xã hội, hạn chế vai trò của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cồng kềnh, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Xuất hiện các biểu hiện quan liêu, cục bộ (địa phương, ngành, cơ quan), mất dân chủ, mất đoàn kết trong cả cơ quan đảng và nhà nước.

Năm là, nhận thức về sự phù hợp, đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, thiết chế xã hội.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xã hội thông tin và dân chủ hóa đã và đang đặt ra những vấn đề mới về lý luận, thực tiễn đối với phương thức lãnh đạo của Đảng và tổ chức bộ máy, hoạt động của hệ thống chính trị, nhưng chưa được nghiên cứu và giải quyết thấu đáo. Nhận thức chưa đầy đủ về các mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội dẫn đến tình trạng: (1) Đảng và hệ thống chính trị ôm đồm, can thiệp, bao biện làm thay thị trường, xã hội, làm cho bộ máy thêm cồng kềnh, nhiều sơ hở, hoạt động kém hiệu quả; (2) Sự thiếu đồng bộ kéo dài giữa thể chế kinh tế, thể chế chính trị và thiết chế xã hội, làm chậm quá trình phát triển đất nước.

II. THỰC TIỄN VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

Báo cáo tư vấn tập trung vào phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị thông qua tổ chức đảng và đảng viên của Đảng.

1. Về phương thức lãnh đạo của Đảng

Bên cạnh những kết quả đạt được, phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng và đảng viên của Đảng trong thực tiễn còn những hạn chế, yếu kém sau:

Một là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước còn chậm, có mặt còn lúng túng; hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng thấp. Quan điểm Đảng lãnh đạo chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước chưa được thể chế hóa, cụ thể hóa. Tình trạng cấp ủy bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị đã và đang diễn ra ở nhiều ngành, địa phương, lĩnh vực, chậm được khắc phục.

Hai là, thực hiện phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng còn nhiều lúng túng. Chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức đảng được lập ra (như đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy khối, ban chỉ đạo...) chưa được xác định rõ ràng, cụ thể; trong tổ chức hoạt động gặp nhiều khó khăn, hiệu quả thấp. Chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng ở một số địa phương, cơ sở còn hạn chế, có nơi, có lúc bị tê liệt.

Ba là, phương thức lãnh đạo thông qua đảng viên còn nhiều hạn chế. Chất lượng chính trị của đảng viên suy giảm.

Vai trò của đảng viên ở cơ sở, đặc biệt trong các doanh nghiệp, không được phát huy. Số lượng cấp ủy viên có xu hướng tăng, nhưng cơ cấu chưa hợp lý, chất lượng chưa cao; việc lựa chọn, phân công, bố trí đảng viên, cấp ủy viên vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị các cấp chưa thật khoa học, chặt chẽ, còn sơ hở, làm ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, giảm sút niềm tin của nhân dân.

Bốn là, phương thức lãnh đạo của Đảng bằng tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục và kiểm tra giám sát còn nhiều hạn chế. Tuyên truyền, giáo dục thiếu sắc bén, chất lượng, hiệu quả, sức thuyết phục thấp. Công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng lỏng lẻo, nể nang né tránh. Vai trò giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đối với tổ chức đảng, đảng viên chưa được phát huy.

2. Về tổ chức bộ máy và hoạt động của hệ thống chính trị

Tuy nhiên, tổ chức bộ máy và hoạt động của hệ thống chính trị vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém:

Một là, hệ thống tổ chức của Đảng còn cồng kềnh, chưa thật sự thống nhất; vẫn còn tình trạng trong một tổ chức, đơn vị, cơ quan cùng tồn tại hai tổ chức đảng đều lãnh đạo không toàn diện; vẫn còn một số tổ chức đảng trung gian. Các cơ quan tham mưu, giúp việc được lập ra nhiều, chức năng, nhiệm vụ chồng chéo; tình trạng hành chính hóa, sự vụ khá phổ biến. Thiếu sự gắn kết trong lãnh đạo, quản lý giữa các cơ quan đảng với cơ quan quản lý nhà nước.

Hai là, tổ chức bộ máy của Nhà nước ngày càng phình ra, nhiều tầng nấc, có nhiều điểm bất hợp lý cả ở cấp Trung ương và chính quyền địa phương. Số lượng các bộ, ngành,

cơ quan trực thuộc Chính phủ tuy giảm, nhưng số lượng các tổng cục, vụ, viện, phòng tăng nhiều; hình thành quá nhiều ban chỉ đạo liên ngành, ban quản lý dự án...; chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức trong bộ máy nhà nước còn trùng lặp, chồng chéo lẫn nhau. Mô hình tổ chức giữa Trung ương và địa phương, và giữa các địa phương còn rập khuôn, cứng nhắc. Phân công, phối hợp, kiểm soát còn nhiều sơ hở; hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn nhiều hạn chế.

Ba là, mô hình tổ chức của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn cồng kềnh, nhiều đầu mối; số lượng các cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ quá lớn, trùng lặp, làm tăng biên chế và kinh phí hoạt động. Trên thực tế có biểu hiện "nhà nước hóa về tổ chức", "hành chính hóa trong hoạt động", "công chức hóa về cán bộ", do vậy chưa phát huy tốt vai trò tập hợp, tổ chức, động viên nhân dân; thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội còn gặp nhiều khó khăn.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

Những hạn chế, yếu kém nêu trên do nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là nguyên nhân chủ quan.

Một là, nhận thức về phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong bối cảnh, yêu cầu, nhiệm vụ mới trên một số nội dung chưa rõ, thiếu thống nhất. Hệ thống chính trị, đặc biệt là Nhà nước, can thiệp sâu làm thay thị trường, xã hội. Trong phạm vi nhất định, quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay đang bị chi phối bởi "lợi ích nhóm", cục bộ, địa phương, trong đó có cả quan hệ gia đình, dòng họ...

Hai là, chưa xây dựng được mô hình tổng thể của hệ thống chính trị trong bối cảnh và điều kiện mới, do vậy, một số điều chỉnh cục bộ, tách, nhập thiếu cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn, gây lãng phí, làm giảm sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống.

Ba là, một số quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã qua triển khai thí điểm, nhưng thực hiện thiếu đồng bộ, chưa kiên quyết, còn nể nang, né tránh, ngại đụng chạm, dễ làm, khó bỏ, nên thực hiện dở dang, gây lãng phí và mất uy tín trước nhân dân...

Bốn là, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị có nhiều yếu kém, bất cập. Chưa chú trọng quản lý, kiểm tra, đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ. Tiền lương không còn là động lực làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức. Nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, kể cả cán bộ cấp Trung ương, cấp chiến lược, chưa phù hợp, thiếu thực tiễn, hiệu quả thấp.

Năm là, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị còn nhiều hạn chế. Chưa giải quyết thỏa đáng một số vấn đề lý luận về các mối quan hệ "Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ", "Nhà nước - thị trường - xã hội"; về mô hình tổng quát của hệ thống chính trị, thiết chế xã hội ở nước ta hiện nay.

4. Hệ lụy và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn hiện nay

Những hạn chế về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với

hệ thống chính trị; những yếu kém, bất cập về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nêu trên mang lại những hệ lụy và đặt ra các vấn đề cần giải quyết.

Một là, chất lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan đảng, nhà nước thấp; vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng trong xã hội và niềm tin của nhân dân với hệ thống chính trị đang bị giảm sút.

Hai là, nhiều vụ việc nảy sinh trong xã hội chậm được giải quyết, để trì trệ, kéo dài, gây nhiều bức xúc. Tình trạng buông lỏng kỷ luật, kỷ cương, vi phạm pháp luật và những tiêu cực trong lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội có chiều hướng gia tăng.

Ba là, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị ngày càng phình ra chưa được kiểm soát và chưa có hướng giải quyết, là gánh nặng cho ngân sách, ảnh hưởng đến nâng cao thu nhập, tư tưởng, thái độ làm việc, năng suất công tác, thậm chí phẩm chất, đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức.

Bốn là, những sơ hở, yếu kém trong công tác tổ chức, cán bộ đã và đang ảnh hưởng lớn đến toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị. Các quy định, quy trình của công tác cán bộ đã trở nên hình thức, không hạn chế được sự lợi dụng với động cơ xấu của một số cán bộ lãnh đạo, hình thành "lợi ích nhóm"; không hạn chế được tình trạng bố trí người nhà, người thân vào trong tổ chức bộ máy ở tất cả các cấp, gây bức xúc, bất bình trong dư luận, công luận.

Năm là, đã xuất hiện mâu thuẫn trong nội bộ, nhưng chưa có hướng giải quyết cụ thể. Sự bất hợp lý, những yếu kém, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, quản lý làm sâu sắc thêm tình trạng phân hóa xã hội, phân hóa nội bộ,

dẫn đến những mâu thuẫn giữa cán bộ với cán bộ, giữa cán bộ với một bộ phận nhân dân rất đáng lo ngại.

III. ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tư tưởng chỉ đạo

Một là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nhằm mục tiêu nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn bó chặt chẽ với xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế - xã hội, nền văn hóa, con người Việt Nam, tăng cường quốc phòng, an ninh. Bảo đảm sự đồng bộ giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị; nhận thức và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường, xã hội phù hợp với kinh tế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

Ba là, đổi mới phải dựa trên các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ vững sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Phát huy dân chủ, huy động sự tham gia tích cực của các tổ chức trong hệ thống chính trị, các ngành, các địa phương, các tầng lớp nhân dân.

Bốn là, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, chú trọng tổng kết thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, phù hợp với điều kiện, yêu cầu của đất nước trong tình hình mới, từng cấp, từng lĩnh vực, từng địa phương.

Năm là, thống nhất tư tưởng, hành động với quyết tâm chính trị cao; kiên quyết, chủ động, tích cực; có bước đi vững chắc, lộ trình hợp lý, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Kế thừa, phát huy những thành tựu, kết quả, kinh nghiệm đã được thực tiễn chứng minh là có kết quả, tham khảo những kinh nghiệm hay của thế giới.

2. Định hướng mục tiêu

Giữ vững, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng; xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Phấn đấu đến năm 2030 có một hệ thống chính trị hợp lý, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp có chất lượng cao làm cơ sở để nâng tầm và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, thực hiện có kết quả rõ nét Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Định hướng về nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền

- Tập trung tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để hình thành hệ thống lý luận hoàn chỉnh, sáng rõ về một Đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Luận giải thấu đáo, có sức thuyết phục và cụ thể hóa, thể chế hóa quan hệ "Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ", mối quan hệ "Nhà nước - thị trường - xã hội" trong giai đoạn phát triển hiện nay.

- Làm rõ luận điểm: Khi trở thành Đảng cầm quyền, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng lãnh đạo xã hội chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước... Từ đó, cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Kết quả tổng kết, nghiên cứu cung cấp luận cứ cho việc xây dựng Văn kiện Đại hội XIII và các đại hội tiếp theo để định hướng đúng đắn quá trình hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời kỳ mới.

3.2. Hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng và đảng viên

- Tập trung xây dựng tổ chức đảng, đặc biệt là các Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng, các tổ chức đảng cơ sở, về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng bảo đảm là hạt nhân lãnh đạo trong hệ thống chính trị. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng theo hướng thiết thực, hiệu quả hướng vào lãnh đạo những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, giải quyết những vấn đề bức xúc, cấp thiết của tổ chức, đơn vị, địa bàn.

- Chú trọng công tác phát triển đảng viên, bảo đảm số lượng, chất lượng, chuẩn bị đội ngũ cho lâu dài. Tăng cường

giáo dục, rèn luyện đảng viên về đạo đức, năng lực. Đổi mới quy trình xây dựng cấp ủy, quy trình lựa chọn, bố trí các cấp ủy viên vào các vị trí trọng yếu của hệ thống chính trị các cấp, bảo đảm chất lượng, đúng người, đúng việc. Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị. Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; khắc phục bằng được sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong Đảng.

3.3. Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổng thể của hệ thống chính trị ở nước ta

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổng thể cơ bản, ổn định, lâu dài của hệ thống chính trị ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch, từng bước đổi mới, tổ chức lại hệ thống chính trị theo mô hình tổng thể.

- Yêu cầu chung của mô hình tổng thể là:

+ Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ trống về chức năng, nhiệm vụ trong từng "tiểu hệ thống" (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội) và trong toàn hệ thống. Bảo đảm tổ chức bộ máy của toàn bộ hệ thống chính trị tinh gọn, hợp lý; hoạt động hiệu quả; phối hợp nhịp nhàng, hỗ trợ lẫn nhau dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, giảm tổ chức trung gian; không rập khuôn máy móc về mô hình tổ chức, giữa Trung ương với địa phương, giữa các địa phương với nhau. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; thu hút, phát huy nhân tài.

+ Đối với tổ chức đảng, thực hiện nguyên tắc: (1) Một cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị chỉ có một tổ chức đảng tương ứng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, cá biệt nếu còn hai tổ chức đảng lãnh đạo thì phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của từng tổ chức đảng; (2) Tinh giản các tổ chức tham mưu, chuyên trách, giúp việc; tích hợp một số cơ quan của Đảng và cơ quan nhà nước có sự tương đồng về chức năng, nhiệm vụ; (3) Giảm số lượng cấp ủy viên các cấp; thực hiện chế độ người đứng đầu tổ chức đảng kiêm nhiệm chức danh đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị.

+ Đối với tổ chức bộ máy nhà nước: xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn trong tất cả các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; giảm bớt các đầu mối trung gian, các tổ chức làm các công việc mà thị trường, xã hội có thể làm tốt hơn; tổ chức lại các bộ, ngành theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực gắn với cải cách hành chính, xây dựng nền quản trị hiện đại, chính phủ điện tử.

+ Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương phù hợp với điều kiện nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt...; xây dựng thiết chế quản trị vùng kinh tế. Sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước cấp cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chăm lo xây dựng đội ngũ công chức cấp cơ sở cả về phẩm chất, năng lực, điều kiện sống, làm việc.

+ Sắp xếp lại các tổ chức, cơ quan của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội... theo hướng tinh giản đầu mối, giảm bớt các cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ; khắc phục các biểu hiện "nhà nước hóa về tổ chức", "hành chính hóa về hoạt động", "công chức hóa về cán bộ".

3.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu mới

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, trọng chất lượng hơn số lượng; một người làm nhiều việc; một việc có một người chịu trách nhiệm chính...

- Đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phù hợp với từng chức danh, bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc, đáp ứng yêu cầu một cán bộ có thể đảm nhiệm nhiều chức danh. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải cập nhật, thích ứng với yêu cầu mới của thực tiễn; chú trọng kỹ năng lãnh đạo, quản trị, xử lý tình huống, làm chủ công nghệ mới... Tách bạch giữa bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý với học vị hóa, học hàm hóa cán bộ.

4. Những việc cần thực hiện trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng

4.1. Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng và đảng viên

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm lãnh đạo của các tổ chức đảng, các cấp ủy đảng, của người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện trong tình hình mới. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, tạo chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao chất

lượng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

4.2. Về xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

(1) Tiếp tục điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị; khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp, hoạt động kém hiệu quả; kiện toàn sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm hợp lý, đúng với vị trí việc làm; giải quyết tốt lực lượng dôi dư.

(2) Xử lý một số vấn đề bất hợp lý, đã rõ trong từng "tiểu hệ thống":

- *Đối với hệ thống tổ chức đảng:* xem xét mô hình "đảng ủy khối", "đảng đoàn", "ban cán sự đảng", để về cơ bản một tổ chức, đơn vị hành chính của hệ thống chính trị chỉ có một tổ chức đảng lãnh đạo tập trung, toàn diện; bí thư cấp ủy đồng thời là người đứng đầu tổ chức tương ứng. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các ban chỉ đạo, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp với các tổ chức khác trong hệ thống.

- *Đối với tổ chức bộ máy nhà nước:* điều chỉnh, phân định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước, khắc phục tình trạng chồng lấn, giao thoa. Về cơ bản, tách khu vực dịch vụ công khỏi bộ máy quản lý, biên chế nhà nước; giảm bớt các tổ chức trung gian, các ban chỉ đạo, giảm số lượng cấp phó. Tập trung kiện toàn chính quyền cấp cơ sở, giảm số lượng người hưởng phụ cấp, nâng cao chất lượng và cải thiện điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở.

- Đối với tổ chức của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội: Rà soát, giảm bớt cấp trung gian; nghiên cứu, thực hiện mô hình sử dụng cơ quan tham mưu, giúp việc chung trong khối mặt trận, đoàn thể, trước hết ở cấp quận, huyện...

(3) Xây dựng phương án, chuẩn bị điều kiện để thực hiện việc hợp nhất khi có điều kiện một số tổ chức, cơ quan đảng và tổ chức, cơ quan nhà nước, hợp nhất một số cơ quan tham mưu của Đảng, một số cơ quan quản lý nhà nước có sự tương đồng hoặc gần giống về chức năng, nhiệm vụ theo hướng liên thông, tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực.

4.3. Tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội XIII, định hướng cho việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng mô hình tổng thể, cơ bản, ổn định lâu dài của hệ thống chính trị ở nước ta sau Đại hội XIII và các đại hội tiếp theo

Đại hội XIII của Đảng tới đây có tầm quan trọng đặc biệt. Đại hội không chỉ kiểm điểm, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII mà còn phải tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020. Đại hội không chỉ xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước trong chặng đường 5 năm 2021-2025, mà còn định hướng phát triển toàn diện, bền vững đất nước đến năm 2030 - năm Đảng ta tròn 100 tuổi và xa hơn, phải đưa ra tầm nhìn đến năm 2045 - năm chúng ta kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945-2045).

Vấn đề tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng mô hình thể chế cơ bản, ổn định lâu dài của hệ thống chính trị nước ta đang đặt ra cấp thiết. Điều đó đòi hỏi phải tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận hơn nữa.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CÁC CẤP CỦA ĐẢNG

ThS. LÊ ĐỨC THẮNG*

I. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CÁC CẤP CỦA ĐẢNG QUA 30 NĂM ĐỔI MỚI

1. Đảng ta nhận thức và vận dụng ngày càng sâu sắc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ và công tác cán bộ

C.Mác và Ph.Ăngghen là người đặt nền móng cho vấn đề lý luận của giai cấp vô sản. Hai ông rất quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, cổ động truyền bá tư tưởng cộng sản, trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ.

V.I.Lênin đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ những nhà cách mạng chuyên nghiệp cho phong trào vô sản - nhất là lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khi Đảng đã nắm chính quyền.

---

* Hội đồng Lý luận Trung ương.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ "cán bộ là cái gốc của mọi công việc"[1], "Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"[2]. Tư tưởng chủ yếu về công tác cán bộ của Người là: (1) Phải hiểu và đánh giá đúng cán bộ; (2) Khéo dùng cán bộ; (3) Huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; (4) Khéo kết hợp cán bộ già và trẻ; (5) Yêu thương cán bộ.

Vận dụng những quan điểm, tư tưởng lớn của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã khẳng định: Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; và công tác cán bộ là vấn đề then chốt của nhiệm vụ then chốt đó.

Bước vào công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã xác định một số quan điểm và nguyên tắc sau:

- Muốn đổi mới đội ngũ cán bộ phải đổi mới công tác cán bộ. Công tác cán bộ là việc chung của các cơ quan đảng, nhà nước, không phải là công việc riêng của cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ.

- Để đánh giá cán bộ phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ.

- Bố trí cán bộ phải lấy nhu cầu, nhiệm vụ làm căn cứ.

- Lựa chọn cán bộ một cách công minh, phải xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng, từ chính sách chung thống nhất của Đảng.

- Bảo đảm tính tập thể trong các quyết định về cán bộ; phải dân chủ hóa bằng quy chế rõ ràng.

- Xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu trong công tác cán bộ.

- Phân công, phân cấp quản lý cán bộ; xác định quyền hạn, trách nhiệm trong công tác cán bộ.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309, 313.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải tuân theo quy trình chặt chẽ, kết hợp giữa bồi dưỡng lý luận, kiến thức và rèn luyện trong thực tiễn.

- Xác định quy chế, quy trình lựa chọn, đánh giá, đề bạt, điều động cán bộ, làm cho việc quản lý cán bộ đi vào nền nếp.

- Đổi mới đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp là mắt xích quan trọng nhất của toàn bộ việc đổi mới đội ngũ cán bộ; thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy hoạch.

- Coi trọng việc đào tạo, quản lý cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành; coi trọng việc bồi dưỡng nhân tài cho Đảng.

- Trẻ hóa đội ngũ cán bộ trong hệ thống tổ chức của Đảng; kết hợp đúng đắn cán bộ nhiều tuổi và cán bộ trẻ; chuẩn bị cán bộ kế cận là nhiệm vụ thường xuyên.

- Trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ cần tránh những lệch lạc: tệ quan liêu, cửa quyền, độc đoán trong lựa chọn cán bộ; quan niệm đẳng cấp, tôn ti trật tự kiểu phong kiến; chủ nghĩa cá nhân, đầu óc địa vị, tư lợi, chủ nghĩa địa phương cục bộ.

Tất cả những nội dung trên tạo thành một hệ thống những quan điểm và nguyên tắc định hướng cho việc đổi mới công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ suốt hơn 30 năm đổi mới. Những tư tưởng, quan điểm trên được thể hiện từ Đại hội VI của Đảng là một bước đột phá và qua các kỳ Đại hội VII, VIII, IX, X, XI, XII và các nghị quyết hội nghị trung ương, nghị quyết của Bộ Chính trị đã bổ sung, phát triển và được vận dụng trong thực tiễn cho thấy sự đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng ta về công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ. Cụ thể, tại Hội nghị Trung ương 3 khóa VII về một số nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng, đã xác định các nguyên tắc, yêu cầu, phương châm và nội dung đổi mới

cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức cán bộ. Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII ra nghị quyết về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII lại ra nghị quyết về công tác tổ chức cán bộ của hệ thống chính trị. Hội nghị Trung ương 6 khóa IX đã tổng kết, kiểm điểm 3 nghị quyết nêu trên và rút ra bài học. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa IX kiểm điểm giữa nhiệm kỳ, đã đưa ra những quan điểm và giải pháp mới về công tác cán bộ. Điểm mới trong Văn kiện Đại hội IX về công tác cán bộ là: việc đánh giá cán bộ, sử dụng cán bộ không phải chỉ dựa vào tiêu chuẩn và hiệu quả công tác mà còn phải dựa vào sự tín nhiệm của nhân dân; việc tuyển dụng cán bộ phải có phương pháp khoa học, khách quan, công tâm theo quy trình chặt chẽ, phát huy dân chủ, dựa vào tập thể và nhân dân để tiến hành; cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Hội nghị Trung ương 9 khóa X đã tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đã có nhiều nhận thức mới:

Một là, cán bộ là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng, là nhân tố quyết định thành bại của cách mạng. Phải thường xuyên chăm lo, xây dựng đội ngũ cán bộ; đổi mới công tác cán bộ gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Hai là, phải xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ba là, quán triệt quan điểm giai cấp công nhân của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, truyền thống yêu nước, đại đoàn kết và gắn bó mật thiết với nhân dân; tập hợp lực lượng rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài không phân biệt đảng viên hay ngoài Đảng, dân tộc, tôn giáo, người ở trong nước hay người Việt Nam định cư ở nước ngoài; không định kiến với những người có sai lầm trong quá khứ, nay đã sửa chữa, có tâm huyết xây dựng đất nước.

Bốn là, gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế, chính sách; với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Năm là, thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng, nâng cao trình độ dân trí, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ. Phải dựa vào nhân dân để phát hiện, kiểm tra và giám sát cán bộ.

Sáu là, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay đã nêu rõ nhiều tư tưởng mới về công tác cán bộ, thể hiện như:

- Lấy phiếu tín nhiệm, nếu có phiếu tín nhiệm thấp cần được sắp xếp phù hợp, có cơ chế kịp thời thay thế không để tiếp tục công tác cho đến hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác.

- Tiếp tục bố trí một số chức danh cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, huyện không phải là người địa phương. Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản và được công khai tại nơi công tác và nơi cư trú.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã, huyện, bảo đảm có hiệu quả, ngăn chặn sự lạm quyền, độc đoán. Chủ trương để đại hội cấp tỉnh đến cấp cơ sở trực tiếp bầu bí thư cấp uỷ có số dư. Triển khai quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thực hiện bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý, chủ trì cấp trên nói chung phải qua chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ trì ở cấp dưới; lấy phiếu tín nhiệm hằng năm đối với chức danh lãnh đạo trong cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể.

- Thí điểm giao quyền cho bí thư cấp uỷ lựa chọn, giới thiệu để bầu cử uỷ viên thường vụ cấp uỷ; cấp trưởng có trách nhiệm lựa chọn, giới thiệu để bầu cử, bổ nhiệm cấp phó; thí điểm chế độ tiến cử, chế độ tập sự lãnh đạo, quản lý; những người được dự kiến đề bạt, bổ nhiệm phải trình bày chương trình hành động.

Tháng 6-2012, Bộ Chính trị đã tổng kết Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 30-11-2004 và Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 25-1-2002 cũng đã có những tư tưởng mới, cụ thể hơn về công tác quy hoạch, đánh giá, luân chuyển, đề bạt, sử dụng cán bộ; đổi mới về công tác đào tạo nguồn cán bộ...

Đại hội XII của Đảng đã phát triển những tư tưởng, quan điểm mới về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức:

- Đảng tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ.

- Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ.

- Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý.

- Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức...

- Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức...

2. Nhận thức rõ hơn nội dung và phương thức thực hiện nguyên tắc: Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời cụ thể hóa nguyên tắc đó trong từng thời kỳ.

3. Nhận thức ngày càng rõ hơn, chính xác hơn vị trí, vai trò của công tác cán bộ và từng "khâu" trong công tác cán bộ: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển cán bộ và chính sách cán bộ.

II. THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT

1. Thành tựu

Sau 30 năm đổi mới (1986-2016), Đảng ta đã tiến hành tổng kết toàn diện sự nghiệp đổi mới trong đó có vấn đề công tác cán bộ. *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới* nêu rõ: "Thấy rõ hơn tính đồng bộ của công tác cán bộ: từ phát hiện, quy hoạch đến đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sử dụng, luân chuyển cán bộ,... Ngày càng xác định rõ hơn tiêu chuẩn của từng loại cán bộ trong thời kỳ đổi mới; nhấn mạnh các tiêu chuẩn về lập

trường tư tưởng chính trị; năng lực thực tiễn thể hiện bằng hiệu quả công việc; uy tín trong Đảng, trong nhân dân; tư duy đổi mới, sáng tạo, khả năng tiếp cận, nắm bắt, xử lý có hiệu quả những vấn đề mới phát sinh; đoàn kết, quy tụ đội ngũ cán bộ, phong cách khoa học, dân chủ, sâu sát, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; công tâm, khách quan, minh bạch trong công tác cán bộ; khả năng phát hiện và sử dụng người có đức, có tài; không tham ô, không tham nhũng, có thái độ kiên quyết đấu tranh chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh phản bác các luận điểm sai trái, phản động..."[1].

Đánh giá chung về công tác cán bộ trong 5 năm (nhiệm kỳ 2011-2016), Đại hội XII của Đảng cũng đã nêu rõ: "Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ được thể chế, cụ thể hóa bằng quy chế, quy định, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn. Thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm cán bộ, trọng tâm là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, được dư luận đồng tình, có tác dụng, hiệu quả. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ về cơ bản đã thực hiện theo quy hoạch. Tiến hành xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước. Quy định và thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh có tác dụng tốt. Việc thực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016),* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.162.

hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị tiếp tục được quan tâm”[1].

2. Hạn chế

“*Công tác tổ chức, cán bộ* còn nhiều hạn chế, yếu kém... Việc đổi mới công tác cán bộ còn chậm, thiếu cơ chế, chính sách cụ thể. Chưa có những đổi mới mạnh mẽ các khâu của công tác cán bộ; đánh giá cán bộ vẫn còn là một khâu yếu; chưa có cơ chế hiệu quả để phát hiện, trọng dụng người tài đức, loại bỏ kịp thời những người yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Đội ngũ cán bộ cấp Trung ương, cấp chiến lược chưa được tập trung xây dựng đúng mức. Chưa quan tâm đầy đủ đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu cấp chiến lược”[2].

3. Nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế về công tác cán bộ

3.1. Nguyên nhân của những thành tựu

- Trước hết là do Đảng ta luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Công tác cán bộ là then chốt trong nhiệm vụ then chốt đó. Đội ngũ cán bộ, đảng viên có bước trưởng thành, nhân dân quan tâm góp ý, tham gia xây dựng Đảng, tham gia giám sát cán bộ. Vì vậy, những

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.188-189.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016), Sđd,* tr.171-172.

mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp lớn của công tác cán bộ đã được đề ra trong các kỳ Đại hội cũng như các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương. Đường lối công tác cán bộ được các nghị quyết chuyên đề công tác cán bộ của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị được cụ thể hóa thành các quy chế, quy định đã tạo ra sự chuyển biến tích cực trong công tác cán bộ.

- Quá trình thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được tiến hành đồng thời với quá trình đổi mới bộ máy của Đảng và các cơ quan nhà nước đã tạo được sự chuyển biến đồng bộ cả về tổ chức và cán bộ.

- Các cấp uỷ đảng, tổ chức đảng và đông đảo cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tính cấp thiết của công tác cán bộ trong tình hình mới. Sự chỉ đạo, thực hiện ngày càng quyết liệt hơn và có những đổi mới, sáng tạo hơn.

3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tuy có đổi mới, nhưng còn chậm, một số vấn đề đặt ra chưa được giải quyết cả về lý luận và thực tiễn nên tình trạng không rõ trách nhiệm của tổ chức đảng, cấp uỷ, người đứng đầu tạo ra sự thụ động, chờ đợi, lúng túng tác động đến toàn bộ công tác cán bộ.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa thực sự dành nhiều công sức, chưa thực sự kiên quyết trong chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng quán triệt triển khai Chiến lược cán bộ thời

kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; việc kéo dài nhiều khoá chưa chủ động quy hoạch đội ngũ cấp chiến lược, nhất là quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Một số mặt, một số khâu yếu kém trong công tác cán bộ đã nhìn thấy từ lâu, nhưng thiếu những giải pháp mạnh có tính đột phá, chỉ đạo thiếu kiên quyết để khắc phục.

- Chưa thực sự gắn chặt việc thực hiện Chiến lược cán bộ gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, với yêu cầu nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Việc triển khai, quán triệt các nghị quyết, văn bản về công tác cán bộ chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu. Một số văn bản hướng dẫn về công tác cán bộ còn chậm, tính khả thi chưa cao.

- Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác cán bộ trong điều kiện mới chưa tốt, chưa thực sự góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cán bộ. Hệ thống tổ chức làm công tác cán bộ cả Trung ương và địa phương chậm được củng cố cả về số lượng và chất lượng.

4. Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết đặt ra đối với công tác cán bộ

4.1. Nghiên cứu một cách cơ bản hơn vấn đề tổ chức bộ máy đảng, nhà nước và tương ứng là cơ cấu đội ngũ cán bộ và số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu, tránh tình trạng tổ chức tách, nhập tuỳ tiện, bố trí cán bộ theo cảm tính.

4.2. Nghiên cứu sâu hơn, cụ thể hơn phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ đối với Quốc hội, Chính phủ,

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

4.3. Nghiên cứu một hệ thống giải pháp tổng thể có đột phá, hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn ngày càng cao của sự nghiệp tiếp tục đổi mới với chất lượng đội ngũ cán bộ hiện nay.

4.4. Phải có giải pháp rất cụ thể, hữu hiệu, những quy định khoa học, khả thi để ngăn chặn được những thói xấu trong cán bộ và công tác cán bộ như: độc quyền, độc tài trong công tác cán bộ, lợi ích nhóm, móc nối, "sân sau" các doanh nghiệp chạy chức, chạy quyền cho cán bộ; ngăn chặn cho được tệ "4 ệ" trong công tác cán bộ (quan hệ, tiền tệ, hậu duệ, trí tuệ) đang lan truyền từ cấp Trung ương đến địa phương. Ngăn chặn tâm lý "sính" bằng cấp, nạn chạy bằng cấp, chạy khen thưởng...

4.5. Khắc phục cho được tư tưởng dễ làm, khó bỏ trong công tác cán bộ, nhất là tiêu chí đánh giá cán bộ, tiêu chí quy hoạch, tuyển chọn, đề bạt, luân chuyển cán bộ... nhiều vấn đề đã thấy từ lâu nhưng không làm hoặc làm nhưng không đến nơi đến chốn, hoặc có hiện tượng né tránh.

4.6. Có lộ trình thực hiện, hoặc thực hiện ngay nhất thể hóa một số chức danh của Đảng và Nhà nước mà hiện nay đã chín muồi trong điều kiện Đảng ta là đảng duy nhất cầm quyền.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

1. Quan điểm

Một là, cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của

cách mạng, công tác cán bộ là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Phải thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đổi mới công tác cán bộ gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Hai là, phải xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, từ yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới để xây dựng chiến lược cán bộ và công tác cán bộ trong từng giai đoạn, từng nhiệm vụ.

Ba là, quán triệt quan điểm giai cấp công nhân của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, truyền thống yêu nước, đại đoàn kết và gắn bó mật thiết với nhân dân để tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài và có chính sách đúng đắn, khả thi đối với cán bộ.

Bốn là, thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ. Phải dựa vào nhân dân để phát hiện, kiểm tra và giám sát cán bộ.

Năm là, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Sáu là, gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế, chính sách với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

2. Một số định hướng và giải pháp về công tác cán bộ đến năm 2020, tầm nhìn giai đoạn 2021-2030

2.1. *Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức* tầm quan trọng, mục tiêu, quan điểm và giải pháp lớn nhằm xây dựng

đội ngũ cán bộ và đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường hiện tại, hội nhập quốc tế, do Đảng cầm quyền, là một nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết bậc nhất.

2.2. *Đổi mới mạnh mẽ, có hiệu quả phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ:* Tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

2.3. *Đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục có hiệu quả những yếu kém trong từng khâu công tác cán bộ;* cải thiện môi trường làm việc để tạo động lực cống hiến, vươn lên của cán bộ. Xây dựng cho được tiêu chuẩn các loại cán bộ, tiêu chí đánh giá cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ.

2.4. *Tạo chuyển biến sâu sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức* theo hướng nâng cao chất lượng bảo đảm sự đồng bộ, kế thừa và phát triển.

2.5. *Tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá XI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá XII,* gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công tác cán bộ với thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, tiêu cực.

2.6. *Đổi mới mạnh mẽ cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ, từ Trung ương đến địa phương* theo hướng làm rõ chức năng, nhiệm vụ, số lượng và chất lượng đội ngũ làm công tác cán bộ, ngăn chặn biến cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ thành siêu ban, siêu bộ... Tăng cường cán bộ có năng lực, có tâm và có tầm làm công tác cán bộ.

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC QUA THỰC TIỄN HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÂN THỊ THU*

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, gồm 24 quận, huyện, 322 xã, phường, thị trấn, với trên 10 triệu dân (trong đó có hơn 2 triệu người vãng lai, tạm trú), cơ cấu dân số khá đa dạng[1], có 5 tôn giáo lớn với nhiều cơ sở thờ tự, đông giáo dân[2]; là nơi tập trung đông đảo lực lượng trí thức, các nhà khoa học; có trên 300.000 doanh nghiệp, với

---

* Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Trên 400.000 người dân tộc Hoa, 20.000 người dân tộc Khmer, khoảng 7.500 người dân tộc Chăm, trên 2.500 người dân tộc Nùng...

2. Phật giáo có 1.000 cơ sở thờ tự, trên 900.000 tín đồ; Công giáo có trên 300 cơ sở, trên 700.000 tín đồ; Tin Lành có trên 65 cơ sở, trên 17.000 tín đồ; Cao Đài có 38 cơ sở, gần 25.000 tín đồ; Hồi giáo có 04 cơ sở, với 1.353 tín đồ.

trên 2.500.000 lao động; là nơi các thế lực thù địch thường tập trung đánh phá, thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình". Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh có 68 đảng bộ trực thuộc[1], với 2.324 cơ sở đảng và 218.020 đảng viên (thời điểm tháng 4-2017).

Trong nhiều nhiệm kỳ qua, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy và các cấp ủy luôn nhận thức, quán triệt sâu sắc việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị thành phố tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là một yêu cầu bức thiết, có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt nhằm góp phần quan trọng đưa nước ta phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình mà Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ thành phố đã đề ra. Qua từng giai đoạn phát triển của thành phố, nội dung, phương thức lãnh đạo của Thành ủy và các cấp ủy đối với hệ thống chính trị của thành phố từng bước được xác định rõ hơn; mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng với việc quản lý, điều hành của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác giám sát, phản biện xã hội ngày càng được thiết lập chặt chẽ, hợp lý và tích cực hơn.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh tập trung vào đổi mới đối với hệ thống chính trị và cải cách thủ tục hành chính đã đạt được kết quả như sau:

---

1. 24 đảng bộ quận, huyện; 27 đảng bộ cấp trên cơ sở các sở, ngành thành phố; 16 đảng bộ cấp trên cơ sở khối bộ, ngành Trung ương và 1 đảng bộ cơ sở trực thuộc Thành ủy.

1. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong điều kiện Đảng cầm quyền, trong nhiều nhiệm kỳ qua, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã luôn xác định việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cho phù hợp với tình hình thực tiễn thông qua việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương về phương thức lãnh đạo của Đảng[1]. Thành ủy đã ban hành các chương trình, kế hoạch chỉ đạo các cấp ủy, hệ thống chính trị thực hiện[2]. Để tiến hành đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, Thành ủy đã tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; cấp ủy các cấp luôn quán triệt, chấp hành nghiêm các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự lãnh đạo của tập thể, đề cao vai trò cá nhân phụ trách, giải quyết công việc đúng thẩm quyền, phương thức lãnh đạo vừa bảo đảm bao quát, toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm. Sau mỗi kỳ Đại hội, Thành ủy và các cấp ủy rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc, làm rõ trách nhiệm cụ thể của tập thể, cá nhân, xác lập mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Xây dựng chương trình làm việc toàn khóa, phân công các đồng chí

1. Nghị quyết Trung ương 5 khóa XI về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị; Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

2. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 04-7-2002 của Thành ủy; Chương trình hành động số 36-CTr/TU ngày 05-5-2008 của Thành ủy; Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 05-5-2008 của Thành ủy.

trong cấp ủy, thường vụ cấp ủy phụ trách các lĩnh vực, địa phương; thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát thông qua các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và vai trò giám sát phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội để kịp thời phát huy các mặt tích cực, khắc phục những tồn tại, hạn chế. Kết hợp với củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cấp ủy trực thuộc, các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy với các giải pháp quyết liệt, nhất là về công tác cán bộ[1].

- *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Thành ủy đối với các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố; các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan tư pháp* thông qua việc chú trọng, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, phát huy tính chủ động, sáng tạo đối với các Ban của Thành ủy; trao đổi, thống nhất với ban cán sự đảng các bộ, ngành ban hành "Quy chế về mối quan hệ làm việc của Ban Thường vụ Thành ủy với các đảng ủy cấp trên cơ sở và ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương có liên quan"; thành lập 11 đảng đoàn (đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp), ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức mối quan hệ của đảng đoàn, thông qua đảng đoàn, đảng bộ, chi bộ cơ quan và đảng viên tham gia ban chấp hành các đoàn thể, Thành ủy xác lập sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố theo hướng vừa phát huy vai trò chủ động, đồng thời tăng cường định hướng, kiểm tra nội dung

1. Hoàn thiện quy chế về phân cấp quản lý cán bộ, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, quy chế đánh giá cán bộ; đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh.

hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể hoạt động. Quyết định thành lập Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố và Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Hội đồng nhân dân, các đồng chí thành ủy viên công tác trong Ủy ban nhân dân thành phố.

- *Bộ máy các cơ quan đảng được sắp xếp theo hướng giảm bớt đầu mối*, thực hiện Quy định số 219-QĐ/TW ngày 27-12-2013 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đã hợp nhất các cơ quan tham mưu của Thành ủy từ 8 ban còn 6 ban theo quy định của Trung ương; sau đó thành lập Ban Nội chính Thành ủy để tăng cường tham mưu công tác chỉ đạo, đấu tranh phòng, chống tham nhũng và công tác nội chính của Thành ủy theo chủ trương chung của Đảng[1]. Các quận ủy, huyện ủy có 6 cơ quan tham mưu[2]; đảng ủy cấp trên cơ sở có 4 ban tham mưu[3]. Riêng Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Công nghiệp Trung ương và Đảng ủy Khối Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thêm Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, do quy mô Đảng bộ lớn[4].

---

1. Hợp nhất Ban Tổ chức Thành ủy và Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Thành ủy thành Ban Tổ chức Thành ủy; Văn phòng Thành ủy, Ban An ninh Nội chính Thành ủy, Ban Tài chính Quản trị Thành ủy thành Văn phòng Thành ủy.

2. Văn phòng, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.

3. Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận.

4. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Công nghiệp Trung ương có trên 5.000 đảng viên, 79 cơ sở đảng; Đảng ủy khối Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trên 2.500 đảng viên, 89 cơ sở đảng.

- *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố* tổ chức, hoạt động theo quy định, gồm Mặt trận Tổ quốc và 05 đoàn thể chính trị - xã hội ở các quận ven và các huyện ngoại thành; Mặt trận Tổ quốc và 04 đoàn thể chính trị - xã hội ở 14 quận nội thành (không tổ chức Hội Nông dân Việt Nam). Quan tâm củng cố, kiện toàn hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ thành phố đến cơ sở, qua đó, đã thể hiện vai trò người đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, của giới; chức năng giám sát hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước được phát huy. Với phương châm hướng hoạt động về cơ sở, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã thể hiện rõ nét vai trò là chỗ dựa để nhân dân phát huy quyền làm chủ, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- *Sắp xếp bộ máy cơ quan quản lý nhà nước cấp thành phố theo hướng giảm bớt các đầu mối*, thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 4-4-2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố đã sắp xếp giảm từ 48 sở, ngành xuống còn 43 sở, ngành. Thực hiện thí điểm không có tổ chức hội đồng nhân dân ở các quận, huyện, phường đã góp phần kiện toàn tổ chức bộ máy, giảm 400 biên chế. Các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05-5-2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, theo đó các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân các quận, huyện có 12 cơ quan áp dụng theo mô hình tổ chức giống nhau.

Tiếp tục sắp xếp, củng cố kiện toàn bộ máy, gắn với yêu cầu tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức dôi dư hoặc điều chỉnh phân công lại công việc. Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17-4-2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08-8-2007 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, tổng số cán bộ, công chức, người lao động đã thực hiện tinh giản biên chế thuộc khối Đảng, khối Nhà nước, khối đoàn thể là 1.987 người.

- *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được chú trọng, tăng cường,* có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề bức xúc, nổi cộm, có nhiều phản ảnh của nhân dân như về chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, về thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, về công tác cán bộ... Qua kiểm tra, giám sát Ban Thường vụ Thành ủy đã chỉ đạo thực hiện một số nội dung về công tác xây dựng Đảng, rà soát, sắp xếp mô hình, tổ chức cơ sở đảng; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, tập trung ở các doanh nghiệp có đông người lao động, các trường học, bệnh viện ngoài công lập có quy mô lớn... Từ năm 2010 đến tháng 6-2016[1], toàn Đảng bộ thành phố đã

1. Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 30-7-2007 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 26-10-2007 của Thành ủy.

thực hiện kiểm tra đối với 20.014 đảng viên và 48.959 tổ chức đảng; giám sát 10.889 đảng viên và 15.750 tổ chức đảng; thi hành kỷ luật 3.367 đảng viên và 55 tổ chức đảng. Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban Thường vụ Thành ủy đã chỉ đạo cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp rà soát các quy định, quy chế, quy trình, quyết định để bổ sung, sửa đổi những nội dung không còn phù hợp hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung.

2. Về đổi mới phương thức quản lý của Nhà nước

Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 1-8-2007 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, trong nhiều nhiệm kỳ qua, Thành ủy đã có nghị quyết tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân thành phố và các cấp ủy đẩy mạnh thực hiện, xem đây là khâu đột phá tạo môi trường thuận lợi trong đầu tư kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố. Nhất là sau khi hoàn thành Đề án Đơn giản hóa các thủ tục hành chính[1], công tác cải cách thủ tục hành chính thực hiện đạt nhiều kết quả, với các giải pháp mang tính đột phá như: hoàn thiện hệ thống quy định mang tính pháp lý của công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính tại

1. Đề án theo Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04-01-2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010.

các đơn vị, địa phương; đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực "đầu tư - đất đai - xây dựng"; hoàn thành việc thực thi các thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố[1] là 197/197 thủ tục hành chính (tỷ lệ 100%), tiết kiệm 110 tỷ đồng/năm; ban hành phương án đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Sở Y tế.

Đến nay, thành phố đã ban hành 35 quyết định công bố 1.193 thủ tục, niêm yết công khai tại bộ phận tiếp nhận giao trả hồ sơ, trên trang thông tin điện tử, trên cơ sở dữ liệu quốc gia. Đồng thời, chỉ đạo thực hiện "thư xin lỗi" đối với các tổ chức, cá nhân do hồ sơ trễ hạn, xử lý nghiêm cán bộ vi phạm. Là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước nghiên cứu, triển khai thí điểm thực hiện cơ chế hành chính "một cửa, một dấu" tại các sở, ngành, quận, huyện, phường - xã và thực hiện cơ chế "một cửa liên thông"[2] kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn ISO điện tử ISO 9001-2008; hiện nay số lượng, tỷ lệ thủ tục hành chính liên thông, liên thông điện tử trong nội bộ cơ quan giữa các cơ quan trong thành phố, giữa các cơ quan thành phố với ngành dọc cấp trên được tăng lên, số lượng đơn vị áp dụng được mở rộng.

---

1. Theo đó, kiến nghị đơn giản hóa 77 thủ tục; sửa đổi, bổ sung 41 thủ tục, bãi bỏ 18 thủ tục, bãi bỏ các bộ phận cấu thành thủ tục hành chính là 18 thủ tục.

2. Theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25-3-2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 28-7-2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ kết quả đổi mới về phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước tại thành phố đã thúc đẩy kinh tế thành phố tăng trưởng cao bình quân đạt 9,6%/năm, tăng gấp 1,66 lần mức tăng bình quân của cả nước, chất lượng tăng trưởng được cải thiện[1], cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; cơ cấu lại kinh tế đạt kết quả bước đầu, các nguồn lợi xã hội được phát huy, góp phần cùng cả nước kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Đóng góp thu ngân sách thành phố vào ngân sách cả nước năm sau tăng hơn năm trước, chiếm 30%, tăng gấp hai lần giai đoạn 2006-2010. Công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị có chuyển biến tích cực, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị đạt kết quả thiết thực[2], thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện dân sinh và hình thành đô thị văn minh, hiện đại.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo có chuyển biến tích cực, đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ góp phần tích cực vào quá trình phát triển. Chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện[3]; các chính sách về an sinh xã hội đạt nhiều kết quả thiết thực, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,39%[4], góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

---

1. Đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế bình quân của thành phố giai đoạn 2011-2015 là 32,82%, trong khi cả nước bình quân là 25%.

2. Tỷ lệ đất dành cho giao thông so với đất xây dựng đô thị đến năm 2015 là 8,56%, mật độ đường trên diện tích đất toàn thành phố đạt 1,97 km/km^2.

3. Số giường bệnh trong giai đoạn 2011-2014 tăng 3.530 giường bệnh, tăng 1.531 bác sĩ, nâng tỷ lệ bác sĩ /10.000 dân là 14,5 bác sĩ.

4. Đến năm 2015, thành phố còn 17.389 hộ nghèo và 46.971 hộ cận nghèo.

Công tác quốc phòng, an ninh luôn được đảm bảo, giữ vững. Công tác quân sự địa phương không ngừng được củng cố, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế được mở rộng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển thành phố.

** Bên cạnh những mặt đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế*

Một số đảng bộ còn biểu hiện nặng về quản lý tập trung, bao biện làm thay công việc của chính quyền, chưa phát huy tính chủ động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, phát huy vai trò của đảng viên, nhất là vai trò người đứng đầu. Chưa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn làm rõ khái niệm Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, nhất là về thẩm quyền, phạm vi trách nhiệm của Đảng và của Nhà nước; mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý.

Thành phố ban hành nhiều nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nhưng chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chương trình hành động của Thành ủy. Công tác cải cách thủ tục hành chính trong Đảng còn chậm, hội họp nhiều, cán bộ chưa thật sự sâu sát thực tế, cơ sở.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua đảng viên công tác trong các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị chưa được cụ thể hóa và chưa có hướng dẫn cụ thể nên còn gặp khó khăn trong thực hiện, chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của đảng viên.

Việc nhất thể hóa bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn sau khi thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tái lập Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường, dẫn đến tổ chức bộ máy tăng;

số đơn vị thực hiện mô hình bí thư cấp ủy, đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp có giảm.

Công tác kiểm tra, giám sát của Thành ủy tuy có được tăng cường nhưng chưa thường xuyên. Chưa phát huy trách nhiệm của cấp ủy viên phụ trách, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chưa hỗ trợ tháo gỡ kịp thời khó khăn hoặc chỉ đạo giải quyết đối với những hạn chế của cơ sở.

Việc lãnh đạo, vận động, tổ chức các phong trào, tập hợp các giới vào tổ chức, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số nơi còn hạn chế, nhất là trong khu vực kinh tế tư nhân, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, lĩnh vực sự nghiệp ngoài công lập.

** Nguyên nhân*

Một số cấp ủy đảng và lãnh đạo đơn vị nhận thức chưa đầy đủ và quyết tâm chưa cao, chưa chú trọng đúng mức đến việc cải tiến, đổi mới phương thức, phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, của cấp ủy phù hợp với thực tiễn.

Công tác kiểm tra, giám sát của Thành ủy, các Ban của Thành ủy đối với các tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy chưa thường xuyên, nên việc đổi mới phương thức lãnh đạo, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đạt hiệu quả chưa cao.

Năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức chưa đồng đều, nhất là năng lực về công nghệ thông tin và năng lực tham mưu đề xuất các biện pháp về cải cách hành chính.

3. Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách đang đặt ra cho lãnh đạo Thành ủy

Từ kết quả đạt được sau 30 năm đổi mới, những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân, mục tiêu tổng quát đã được Nghị quyết

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 xác định: "Xây dựng Đảng bộ thành phố thật sự trong sạch, vững mạnh; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; không ngừng đổi mới, năng động, sáng tạo, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng sống của nhân dân. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình; có vai trò động lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; sớm trở thành một trong những trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học và công nghệ của khu vực Đông Nam Á".

Để đạt được mục tiêu trên, những vấn đề lý luận và thực tiễn mà lãnh đạo thành phố đang đối diện, đó là:

- Cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nhất là phương thức lãnh đạo của Đảng và phương thức hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức Công đoàn Việt Nam trong các doanh nghiệp tư nhân do chưa theo kịp với sự phát triển của các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần tiếp tục được sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn trong các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Là đầu tàu kinh tế của cả nước, với dân số trên 10 triệu dân, áp lực công việc giải quyết hành chính phục vụ sự phát

triển chung của thành phố cao hơn rất nhiều lần so với các tỉnh, thành trong cả nước, nhưng bộ máy biên chế, lương cơ bản của công chức, viên chức thành phố gần như không khác so với các địa phương khác. Thành phố mong muốn Trung ương cho phép Thành phố được chủ động về biên chế, tăng mức lương tối thiểu của cán bộ, công chức theo đặc thù của đô thị đặc biệt, thay vì áp dụng như hiện nay.

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ đã chỉ rõ 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng, song việc nhận diện và các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn ở các tổ chức đảng ở cơ sở mới đạt được một số kết quả bước đầu, thành phố đang tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện thường xuyên, liên tục với quyết tâm cao để phòng, chống sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và củng cố niềm tin trong nhân dân.

4. Một số nhiệm vụ, giải pháp

Từ kết quả thực hiện đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong thời gian qua, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đúc kết một số kinh nghiệm để tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước như sau:

- *Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Thành ủy đối với hệ thống chính trị của Thành phố* phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ, từng giai đoạn

phát triển của đất nước theo tinh thần Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Cần thể chế hóa làm rõ khái niệm Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ từ thành phố đến cơ sở trong tình hình hiện nay. Việc xác định nội dung, phương thức lãnh đạo, quản lý nhà nước rõ hơn sẽ góp phần phát huy vai trò lãnh đạo, quản lý, đồng thời khơi dậy sức dân, tạo thành phong trào cách mạng của nhân dân.

Cần tiếp tục cụ thể hóa nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài Nhà nước vừa bảo đảm thực hiện tốt chiến lược hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, vừa bảo đảm tốt nhiệm vụ của tổ chức đảng trong loại hình này. Tập trung chỉ đạo việc thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 29-7-2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 23-11-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công tác xây dựng Đảng các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 18-01-2013 của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập để đúc kết các bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn thành lý luận, nhằm đề ra phương thức lãnh đạo phù hợp với sự phát triển của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- *Chú trọng công tác cán bộ, nhân tố quan trọng quyết định thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương,* trong đó công tác tuyển chọn, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ có đức, có tài giữ các trọng trách quan trọng tại các

đơn vị, địa phương là việc làm hết sức cần thiết hiện nay, trong đó công tác đánh giá cán bộ là khâu quan trọng nhất, song cũng là khâu cần chú trọng nhất. Xác định rõ các tiêu chuẩn của đội ngũ cán bộ: đội ngũ lãnh đạo chính trị các cấp, đội ngũ lãnh đạo các ngành chức năng, đội ngũ lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp,... để từ đó xác định đối tượng quy hoạch các chức danh trên và xây dựng các tiêu chí đánh giá cán bộ. Chú trọng mở rộng nguồn cán bộ ở trong và ngoài tổ chức đảng khi quy hoạch; các chức danh lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp không nhất thiết phải là người trong tổ chức đảng, miễn họ đáp ứng những yêu cầu về chính trị, trình độ chuyên môn, khi hoàn thành quy hoạch sẽ công khai, minh bạch trên tinh thần dân chủ, phát huy thực lực của các ứng cử viên để lựa chọn những nhân tố tích cực nhất.

- *Tiếp tục nhận diện, có giải pháp đấu tranh đối với bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ,* góp phần củng cố niềm tin trong nhân dân. Hiện nay, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã chỉ rõ 27 biểu hiện về suy thoái, song khi áp dụng vào thực tiễn tại các loại hình tổ chức cơ sở đảng không phải cấp ủy chi bộ nào cũng nhận thấy các biểu hiện suy thoái đang, sẽ xảy ra tại đơn vị mình nếu cấp ủy, nhất là người đứng đầu không thẳng thắn, mạnh dạn, cương quyết với những dấu hiệu, mầm mống manh nha có nguy cơ dẫn đến các biểu hiện suy thoái mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ. Hiện nay, tình trạng dĩ hòa vi quý, ngại đụng chạm, dễ mình, dễ người còn khá

phổ biến trong các loại hình cơ sở đảng. Mặt khác, nhiều đảng viên chưa thực hiện tốt công tác đấu tranh nội bộ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt, dẫn đến làm suy yếu vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Cần có quy định cụ thể quy trách nhiệm cho cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, đơn vị, địa phương nếu để đảng viên vi phạm bị kỷ luật mà cấp ủy không có biện pháp chấn chỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên theo quy định Điều lệ Đảng, kiên quyết không để tình trạng quan liêu, cửa quyền, lợi dụng trách nhiệm để nhũng nhiễu, hành dân, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc của nhân dân. Bên cạnh đó, các cấp ủy đảng có thẩm quyền nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước cần chặt chẽ, nghiêm minh và xử lý thật nặng để cán bộ, đảng viên không dám vi phạm.

- *Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp* phù hợp với yêu cầu tình hình mới. Sắp xếp kiện toàn bộ máy cơ quan chính quyền các cấp, nhất là đối với cấp cơ sở là nơi gần dân, là cầu nối giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, đồng thời kiện toàn bộ máy các sở, ban, ngành, quận, huyện theo hướng làm rõ chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo, trùng lặp. Củng cố các Ban của Thành ủy, các đảng ủy cấp trên cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Tập trung củng cố, kiện toàn các đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, nhất là các đảng bộ khối không có chính quyền cùng cấp theo hướng giảm mạnh đầu mối trực thuộc Thành ủy, sáp nhập các đảng bộ có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Củng cố, kiện toàn một số đảng bộ khối cơ sở bộ,

ngành Trung ương, thành phố có tính chất đặc thù như: khối các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tập trung đông sinh viên, khối Dân - Chính - Đảng thành phố tập trung nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhiều công nhân lao động phù hợp với điều kiện, đặc điểm của thành phố.

Xây dựng đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp có phẩm chất chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ năng lực đủ sức đảm đương nhiệm vụ được phân công, nhất là đối với cấp ủy viên các cấp và cán bộ lãnh đạo chủ chốt của cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội đoàn thể.

Củng cố nâng cao chất lượng cơ sở đảng, đảng viên gắn liền với quá trình thực hành phát huy dân chủ cơ sở, tạo ra động lực mới, phát huy tính tự quản, tinh thần làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội; kiên quyết khắc phục việc gây phiền hà, nhũng nhiễu dân, doanh nghiệp, nhất là các cơ quan công quyền ở cơ sở, ban, ngành, thành phố và quận, huyện, tăng cường quan hệ mật thiết gắn bó với nhân dân.

Tiếp tục nghiên cứu thực hiện nhất thể hóa chức danh bí thư cấp ủy, đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện và tiếp tục thí điểm nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo, quản lý cấp quận, huyện ở những nơi có điều kiện.

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC QUA THỰC TIỄN HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN TỈNH QUẢNG NINH

ĐỖ THỊ HOÀNG*

I. NHỮNG THÀNH TỰU QUA THỰC TIỄN HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN TỈNH QUẢNG NINH

1. Về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị

Quảng Ninh luôn xác định: xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị phải song hành với đổi mới kinh tế. Trong đó đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng luôn là yêu cầu cấp thiết trong mỗi thời kỳ lịch sử. Kết quả 30 năm qua, đổi mới sự lãnh đạo, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các cấp ủy đảng được tập trung theo sáu nội dung: (1) Không ngừng tăng cường công tác tư tưởng và lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; hiểu rõ và luận giải sâu sắc cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của các nghị quyết của Đảng; trả lời những vấn đề vướng mắc và uốn nắn những tư

---

* Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ Quảng Ninh.

tưởng lệch lạc; gắn nhiệm vụ công tác tư tưởng, công tác tổ chức với thực hành cơ chế quản lý; (2) Thể chế hóa nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, phát huy vai trò tổ chức bộ máy chính quyền các cấp; cải tiến nội dung hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp để thực sự là cơ quan quyền lực của nhân dân; (3) Trên cơ sở tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch đào tạo cán bộ, xây dựng quy trình đào tạo chặt chẽ cả về mặt lý luận và thực tiễn đối với từng đối tượng cán bộ chủ chốt; chú trọng đào tạo cán bộ xuất thân từ thành phần công nhân, nữ, dân tộc thiểu số và đội ngũ trí thức; (4) Từng bước kiện toàn đội ngũ cán bộ; chủ động chuẩn bị nguồn cán bộ và hoàn chỉnh việc phân cấp quản lý cán bộ cho các ngành, địa phương cơ sở; phân công rõ trách nhiệm của các ban Đảng theo dõi sát cán bộ; (5) Quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ ở từng cấp, từng ngành, nhất là đối với chức danh chủ chốt; thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định; quan tâm đào tạo và giải quyết chính sách thỏa đáng cho cán bộ cơ sở xã, phường, vùng cao, biên giới; (6) Chú trọng kiểm tra theo chương trình, đi sâu kiểm tra thực hiện đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chấp hành Điều lệ và kỷ luật Đảng; đẩy mạnh việc xây dựng đảng bộ các cấp trong sạch, vững mạnh.

Mỗi thời kỳ, lựa chọn nội dung phù hợp yêu cầu phát triển để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện. Những năm đầu thực hiện Chiến lược ổn định kinh tế - xã hội (1991-1995) tỉnh chọn và tiến hành sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy, biên chế hành chính sự nghiệp. Đây là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng Đảng để phù hợp với yêu cầu đổi mới về kinh tế chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp

sang cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế kinh tế thị trường. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1996-2006), tỉnh được xác định là địa bàn quan trọng trong khu vực tam giác kinh tế "Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh", nên nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng được đưa ra là: Nhất quán lãnh đạo, quản lý công tác tư tưởng sao cho bảo đảm sự thống nhất về nhận thức trong cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với quan điểm, đường lối mới của Đảng, thống nhất để hành động. Từ năm 2006 đến nay, trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Quảng Ninh đứng trước nhiều cơ hội, đan xen không ít thách thức ở nhiều lĩnh vực, Đảng bộ tỉnh xác định, tiếp tục phải đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền các cấp; xây dựng chính quyền thực sự là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong nhiệm kỳ Đại hội 2010-2015 đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tập hợp và phát huy sức mạnh, trí tuệ của các tầng lớp nhân dân xây dựng Quảng Ninh thành một địa bàn động lực, phát triển năng động.

Những năm gần đây cả hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ninh nghiêm túc nhìn nhận, đánh giá, phát hiện phương thức hoạt động, tổ chức bộ máy, biên chế, có nhiều yếu kém, bất cập cần phải mạnh dạn đổi mới. Đề án 25 "Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế" được tổ chức

nghiên cứu từ cơ sở và Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TU lãnh đạo cấp ủy các cấp thực hiện Đề án. Khẳng định nỗ lực, quyết tâm đổi mới trong xây dựng Đảng, hệ thống chính trị giai đoạn hiện nay. Kết quả nghiên cứu Đề án đã cung cấp cho tỉnh, Trung ương nhiều tư liệu nhìn từ thực tiễn trên các lĩnh vực. Nhận diện đúng những hạn chế về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở. Cụ thể là: (1) Phương thức lãnh đạo của Đảng ít đổi mới; (2) Tổ chức bộ máy cồng kềnh, chức năng, nhiệm vụ chồng chéo; (3) Số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước quá đông và có xu hướng ngày càng tăng; (4) Phân bổ ngân sách chủ yếu dựa vào biên chế nên đã tạo cơ chế "xin - cho", phân bổ nguồn lực không hiệu quả; (5) Một số cơ chế, chính sách các bộ, ngành ban hành còn hình thức, thiếu thực tiễn, quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn,... Từ đó xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải có những bước đi đột phá, phù hợp với phát triển kinh tế để công tác này thực sự là then chốt.

Sự đổi mới trong công tác cán bộ, xây dựng tổ chức bộ máy những năm qua là minh chứng những bước đi mới trong tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tại Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015-2020 đã thực hiện tốt việc bầu trực tiếp bí thư cấp ủy ở 100% đơn vị cấp huyện, 80% cấp cơ sở; bố trí cán bộ chủ chốt không là người địa phương với bí thư cấp ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. Thực hiện nhất thể hóa bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp ở 50% đơn vị cấp huyện, 40,32% đơn vị cấp xã; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp tại 2/14 đơn vị cấp huyện, và 40,9% đơn vị cấp xã. Bố trí

người đứng đầu cơ quan tham mưu cấp ủy với cơ quan chuyên môn cấp huyện: Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra ở 9/14 (64%); Tổ chức - Nội vụ ở 8/14 (57%); Tuyên giáo - Trung tâm bồi dưỡng chính trị ở 13/14 (92,9%); Dân vận - Mặt trận Tổ quốc ở 13/14 (92,9%). Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn hoặc kiêm trưởng ban công tác mặt trận ở 597/1.566 (38,12%).

Việc tổ chức lại một số cơ quan nhất quán phương châm: (1) Một đơn vị thực hiện nhiều chức năng, một người làm nhiều nhiệm vụ; (2) Một chức năng, nhiệm vụ chỉ có một đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm đến cùng; (3) Trên cùng một địa bàn, với cùng một nhóm nhiệm vụ chỉ có một đơn vị thực hiện, đặc biệt những chức năng, nhiệm vụ nào có thể tích hợp, thì đổi mới tổ chức; (4) Những nhiệm vụ mà nhân dân có thể làm và làm tốt thì cơ quan nhà nước xây dựng cơ chế thu hút, công bố công khai, tạo môi trường để nhân dân, doanh nghiệp thực hiện. Đến nay, đã hình thành đơn vị chung bộ phận hành chính, phục vụ đối với các ban đảng của Tỉnh ủy, Đảng ủy khối; sắp xếp lại các chi cục và các phòng chuyên môn có cùng chức năng, nhiệm vụ. Sáp nhập các cơ sở đào tạo, trung tâm giới thiệu việc làm trên một địa bàn. Trong hai năm 2015 và 2016, toàn tỉnh đã sắp xếp giảm 04 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; 107 phòng, đơn vị, đầu mối trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh. Ngành Giáo dục giảm 09 trường, 122 điểm trường, 463 lớp. Ngành Y tế đã sáp nhập trung tâm y tế với bệnh viện đa khoa của 7/14 địa phương. Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã chuyển giao và sáp nhập các trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y, trạm khuyến nông về các địa phương và thành lập trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập ở 13/14 huyện, thị xã, thành phố. Thí điểm thành lập cơ quan giúp việc chung khối

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở 12/14 đơn vị cấp huyện. Quản lý chặt chẽ hơn biên chế, tăng kiêm nhiệm, khoán biên chế; giảm số lượng người hưởng lương từ ngân sách. Thực hiện cơ chế "đặt hàng" với một số nhiệm vụ trong các đơn vị sự nghiệp. Việc hợp nhất các tổ chức, cơ quan cùng cấp tại Quảng Ninh không đơn giản là sự sáp nhập mang tính cơ học, mà là quá trình tối ưu hóa mô hình tổ chức, tương thích các chức năng tương đồng, kết nối hài hòa hơn các khâu, bộ phận cấu thành, trên cơ sở sự nghiên cứu, soát xét cẩn trọng. Đây là vấn đề mới, khó, chưa có tiền lệ trong cả nước, nên quá trình trên vừa được tiến hành, vừa thường xuyên rút kinh nghiệm, kịp thời phát hiện những bất hợp lý để tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn.

Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh luôn là mục tiêu, nhiệm vụ trong suốt thời kỳ đổi mới. Xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị luôn phải đi đầu, định hướng, thống nhất, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy những vấn đề cơ bản của công cuộc đổi mới từng thời kỳ lịch sử. Xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền thực hành pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đổi mới hệ thống chính trị cơ sở ngày càng toàn diện. Lý luận và thực hành dân chủ trong đời sống thực tiễn cơ sở đem lại những giá trị, bài học to lớn cho công cuộc đổi mới. Sự quyết tâm thực hiện các đột phá chiến lược về thiết chế, thể chế tổ chức, bộ máy, đột phá về chiến lược cán bộ, nguồn lực con người, cơ cấu tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, từ hệ thống tổ chức của Đảng đến chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội đã, đang được sắp xếp lại ngày càng tiệm cận gần hơn đến các nguyên tắc dân chủ và pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tính chất phục vụ nhân dân và hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước được nâng lên rõ rệt. Mở rộng dân

chủ trong Đảng, bảo đảm quyền lực Nhà nước được thực hiện đúng pháp luật và phục vụ nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng các cấp không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hình thức đoàn kết, tập hợp đa dạng, phong phú, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia các hội, tổ chức, các câu lạc bộ theo sở thích, ngành nghề, theo giới, lứa tuổi... Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết giữa các dân tộc trong tỉnh, trong đó sợi dây gắn kết bền chặt chính là sự hội tụ của lòng tự hào dân tộc, truyền thống anh hùng, kiên định vượt khó, sáng tạo, đổi mới không ngừng của người dân vùng Đông Bắc với truyền thống "Kỷ luật và đồng tâm" cùng chung sức, đồng lòng xây dựng Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh.

2. Về phát triển kinh tế - xã hội

Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, với sự nỗ lực, sáng tạo của Đảng bộ, kinh tế - xã hội của tỉnh không ngừng phát triển, đời sống nhân dân ngày càng khá giả. Giai đoạn sau tăng trưởng hơn giai đoạn trước, năm sau tăng trưởng hơn năm trước. Tăng trưởng cả về quy mô cũng như về chất lượng.

Trước thời kỳ đổi mới (năm 1986), Quảng Ninh là tỉnh khó khăn, chủ yếu dựa vào trợ cấp của Trung ương. Than là ngành kinh tế chủ đạo, cùng các ngành công nghiệp khác như nhiệt điện, xi măng,... tạo nên trụ cột kinh tế của tỉnh. Đến nay, tỉnh Quảng Ninh đã trở thành một trong những đầu tàu phát triển của khu vực phía Bắc; là trọng điểm kinh tế, trung tâm du lịch lớn của cả nước và khu vực. Đặc biệt 10 năm gần đây, tỉnh đã có sự chuyển mình mạnh mẽ, đột phá

trong phát triển kinh tế. Điều này thể hiện rõ nhất trong quyết tâm chính trị, đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải cách hành chính, xây dựng các quy hoạch, kêu gọi đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng; chủ động đề xuất, quyết liệt thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù,...

Hiện nay, Quảng Ninh đã hoàn thành Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; Quy hoạch đô thị, nông thôn: Quy hoạch đất đai; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, thành phố; Quy hoạch xây dựng vùng, tỉnh; Quy hoạch bảo vệ môi trường; Quy hoạch xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, Khu kinh tế Vân Đồn,... Theo đó nhiều quy hoạch chi tiết khác đã và đang hoàn thành để làm cơ sở thực hiện. Đây là tiền đề quan trọng để vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Là tỉnh đầu tiên trong cả nước hoàn thành việc đưa điện lưới quốc gia đến thôn, khu, khe, bản trên đất liền và đưa điện lưới quốc gia đến huyện đảo Cô Tô, Vân Đồn, xã đảo thuộc Hải Hà, Móng Cái; tỉnh đầu tiên được Chính phủ giao quản lý, đầu tư xây dựng đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng, Hạ Long - Vân Đồn, Vân Đồn - Móng Cái, Cảng hàng không Quảng Ninh (Sân bay Vân Đồn),... Hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ, thể thao, giáo dục, y tế, viễn thông, văn hóa,... ngày càng hoàn thiện, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Quảng Ninh đã vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khá bài bản, đúng quy luật thị trường, đã đạt được những kết quả quan trọng, to lớn, xác lập, khẳng định vị thế, giá trị mới trong tương quan quốc gia, quốc tế. Kinh tế liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tỉnh giai đoạn 2001-2005 đạt 12%/năm, giai đoạn 2005-2010 đạt 13%/năm, giai đoạn 2011-2015 đạt 9,3%/năm; trong 6 tháng đầu năm 2017 đạt 9,6%. Thu nhập bình quân đầu người trước năm 1986 là dưới 80 USD/năm; năm 2006 là 908 USD/năm, năm 2016 là 4.050 USD/năm. Hiện nay, thu ngân sách đứng trong tốp 5 tỉnh có số thu cao nhất cả nước (năm 2000 tổng thu 1.811 tỷ đồng; năm 2011 là 29.100 tỷ đồng; năm 2015 là 34.368 tỷ đồng; năm 2016 là 38.385 tỷ đồng, trong đó thu nội địa là 25.138 tỷ đồng). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2016 đạt trên 54.430 tỷ đồng (vốn nhà nước là 20,9 nghìn tỷ đồng, vốn ngoài nhà nước đạt 21,6 nghìn tỷ đồng, đầu tư FDI đạt 11,9 nghìn tỷ đồng).

Để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Quảng Ninh đã tập trung thực hiện các giải pháp với phương châm tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia và cạnh tranh bình đẳng cùng phát triển tạo thành sức mạnh của nền kinh tế. Trên địa bàn tỉnh, các thành phần kinh tế hoạt động khá tốt, có thể khái quát như sau:

- *Kinh tế tư nhân* đang là bộ phận cấu thành quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh. Những năm gần đây, các dự án đầu tư theo hình thức PPP (hợp tác công - tư) được triển khai khá hiệu quả. Những dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của ngân sách nhà nước nhưng có khả năng khai thác, kinh doanh thu hồi vốn, được giao cho tổ chức kinh tế ngoài nhà nước đầu tư, quản lý và kinh doanh như: dự án khu trụ sở các cơ quan hành chính của tỉnh, các dự án về hạ tầng giao thông quốc lộ 18; các công trình công cộng, nhà thi đấu thể thao, khu vui chơi, giải trí, một số cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa,... Sau khi ban hành Luật Doanh nghiệp năm 1999 và

Luật Đầu tư năm 2005, số lượng doanh nghiệp tư nhân ở Quảng Ninh đã tăng nhanh chóng. Năm 2002 số doanh nghiệp tư nhân đăng ký thành lập là 481 doanh nghiệp, năm 2015 là 11.500 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký là 8.112,83 tỷ đồng; đến ngày 31-5-2017 có 647 doanh nghiệp thành lập mới, vốn đăng ký 3.619 tỷ đồng; tổng số doanh nghiệp trong toàn tỉnh đăng ký hoạt động 13.646 doanh nghiệp với tổng số vốn là 142.393 tỷ đồng. Toàn tỉnh hiện có 50.660 hộ kinh doanh. Tổng số lao động đang làm việc trong doanh nghiệp tư nhân hiện là 192.959 lao động. Đóng góp của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế của tỉnh chiếm tỷ trọng khá, tương đối ổn định và có xu hướng tăng mạnh (từ 21,58% năm 2000 lên 32% năm 2015, tới 42,8% năm 2017).

- *Kinh tế tập thể* có sự thu hẹp dần về quy mô; năm 2002, toàn tỉnh có 250 hợp tác xã, đến nay có 216 hợp tác xã, giảm 13,6%, trong đó giải thể 80 hợp tác xã, thành lập mới 46 hợp tác xã. Tổng số xã viên hợp tác xã năm 2002 là 118.520 người, đến ngày 30-6-2016 tăng lên 154.000 người, tăng 29,94%... Có 220 tổ hợp tác với 2.420 thành viên. Hiện nay có gần 2.300 trang trại trên nhiều lĩnh vực thuỷ sản, nông nghiệp và lâm nghiệp, thu hút khoảng một vạn lao động làm việc thường xuyên. Các trang trại hiện có tổng số vốn đầu tư hơn 700 tỷ đồng, sử dụng hơn 19 nghìn ha đất, thu nhập hơn 67 triệu đồng/ha/năm.

- *Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* là nguồn lực khá quan trọng, ngày càng giữ vai trò là động lực để phát triển trong nền kinh tế. Quảng Ninh bắt đầu có dự án FDI từ năm 1989. Tính đến tháng 9-2016 toàn tỉnh có 119 dự án FDI còn hiệu lực, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt trên 5,6 tỷ USD. Giai đoạn 2010-2016 thu hút vốn đạt hơn 4,4 tỷ USD, tổng số dự án

cấp mới là 45 dự án. Hiện nay có 18 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại tỉnh (Mỹ giữ vị trí đứng đầu với số vốn đăng ký 2,4 tỷ USD với 09 dự án; tiếp theo là Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan đăng ký 62 dự án với tổng vốn đầu tư hơn 1,5 tỷ USD; Xingapo có 05 dự án với tổng vốn đầu tư là 782 triệu USD; Nhật Bản 06 dự án với tổng vốn đầu tư là 395 triệu USD và một số dự án khác của các nhà đầu tư đến từ Inđônêxia, Canađa, Hàn Quốc,... và các tập đoàn lớn đang đầu tư vào tỉnh như Toray, Vinamilk, Thủy sản Việt - Úc, VinGroup, SunGroup, PLC, My Way, Texhong, Amata,...).

- *Kinh tế nhà nước:* hiện nay các doanh nghiệp nhà nước ở Quảng Ninh chủ yếu là do Trung ương quản lý (doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN, ximăng, xản xuất gạch ngói, sản xuất đá xây dựng; cơ khí, đóng tàu và có 15 doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý. Mặc dù đóng góp của khu vực kinh tế nhà nước trong cơ cấu GDP ở mức cao (trung bình trên 60%) nhưng hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh còn kém, sức cạnh tranh và tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư còn thấp so với các doanh nghiệp ngoài nhà nước; quản trị yếu kém, chưa thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhiều cán bộ quản lý doanh nghiệp năng lực yếu, chưa đáp ứng yêu cầu, thậm chí có một số suy thoái về phẩm chất đạo đức, vi phạm pháp luật. Hiệu quả từ các dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước thấp; còn lãng phí trong đầu tư, sử dụng tài nguyên,... Quảng Ninh là một trong những tỉnh có số thu ngân sách cao của cả nước. Trước năm 1986 là tỉnh thu không đủ chi, phải xin trợ cấp của Trung ương. Năm 2000 tổng thu ngân sách là 1.811 tỷ đồng và tăng

dần theo từng năm, đến năm 2016 con số này là 38.385 tỷ đồng đứng trong tốp 5 tỉnh có thu ngân sách cao nhất cả nước. Hằng năm, đầu tư từ ngân sách nhà nước và đầu tư của khối doanh nghiệp nhà nước luôn chiếm trên 50% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Trong một thập niên trở lại đây, với sự biến động của thị trường thế giới, đồng thời giải quyết mâu thuẫn giữa khai thác than, phát triển công nghiệp nặng với phát triển du lịch, dịch vụ trên cùng địa bàn, tỉnh đã từng bước tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng; chuyển sang phát triển theo hướng bền vững. Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 05-02-2016 về phát triển dịch vụ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết này thể hiện sự quyết tâm chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Nửa đầu nhiệm kỳ 2016-2020, cơ cấu kinh tế của Quảng Ninh chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ. Tỉnh đang tập trung phát triển du lịch chất lượng cao, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư xây dựng, sở hữu và kinh doanh các khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại đẳng cấp quốc tế, phát triển dịch vụ cảng biển, mở rộng hoạt động thương mại,... Phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị ở trình độ cao là nhu cầu thiết thực để phát triển. Quảng Ninh đang là một công trường xây dựng, với tổng mức đầu tư hàng chục nghìn tỷ đồng. Các tuyến đường huyết mạch: Quảng Ninh - Nội Bài, Quảng Ninh - Hải Phòng, Hạ Long - Vân Đồn, Hạ Long - Mông Dương, Vân Đồn - Móng Cái, Sân bay Vân Đồn và hệ thống giao thông, kết cấu hạ tầng trong các khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu và các khu đô thị mới đẳng cấp quốc tế sẽ được hoàn thành trong năm

2017, 2018. Thành công rất đáng kể là huy động được nguồn vốn ngoài ngân sách, từ các nhà đầu tư, trong đó có các công trình thực hiện theo hình thức "đầu tư tư, sử dụng công", hoặc "đối tác công - tư". Đây là những giải pháp đã, đang có hiệu quả, đồng thời cũng là một cách làm mới, vừa thu hút được lượng vốn lớn cho các dự án, tiết kiệm chi từ ngân sách.

- *Phát triển văn hóa và xây dựng con người văn minh, thân thiện* cũng là nhiệm vụ song hành cùng phát triển các ngành dịch vụ, tạo nền tảng bền vững cho phát triển kinh tế - xã hội. Quảng Ninh là miền đất có bề dày truyền thống văn hóa. Từ 18.000 năm trước, những người Việt cổ đã sinh sống trong các hang động trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long. Phải chăng, họ chính là cội nguồn của 24 dân tộc đang sinh sống tại Quảng Ninh hiện nay. Đầu thế kỷ XII, thương cảng Vân Đồn chính thức được thành lập. Đây là thương cảng đối ngoại đầu tiên của Việt Nam, buôn bán với các nước trong vùng Đông Nam Á và châu Á. Sự giao thoa văn hóa giữa Việt Nam và thế giới cũng được khai mở từ đây. Thế kỷ thứ XIII, Thiền phái Trúc Lâm ra đời tại danh sơn Yên Tử và Yên Tử đã trở thành trung tâm Phật giáo Việt Nam. Năm 1884, công ty than Bắc Kỳ ra đời; đội ngũ công nhân mỏ đầu tiên hình thành trên đất Quảng Ninh. Các công trình văn hóa, thể thao, bảo tàng, thư viện, cung quy hoạch triển lãm, văn hóa tâm linh, di tích lịch sử,... đang thu hút sự quan tâm của du khách, tạo thành quần thể du lịch cùng với Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long mang đẳng cấp quốc tế. Những trầm tích lịch sử, văn hóa ấy đã thấm đậm vào tố chất, vào cốt cách các thế hệ người Quảng Ninh. Ngày nay cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có tính "kết nối" toàn cầu thì mỗi cán bộ, đảng viên, công dân, đang tiếp

tục tạo dựng hình ảnh con người văn minh, lịch sự, có tri thức cùng thời đại, nhưng vẫn giữ được nét riêng của giai cấp công nhân vùng Mỏ.

Trình độ dân trí được nâng lên nhờ vào sự quyết tâm chính trị trong đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật điện, thủy lợi, viễn thông, thông tin truyền thông, cơ sở giáo dục, y tế,... Giữa những năm 90 của thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI, việc đầu tư công trình điện cho hai xã đảo Vĩnh Trung, Vĩnh Thực, với tổng mức đầu tư trên 30 tỷ đồng/ khoảng 4.000 dân; đầu tư điện cho xã miền núi, biên giới Pò Hèn (gần 20 hộ dân) trên 7 tỷ đồng; đầu tư điện cho xã miền núi Kỳ Thượng (gần 60 hộ dân) trên 11 tỷ đồng (giá tại thời điểm đầu tư)... Những năm gần đây đưa điện lưới ra đảo Cô Tô (suất đầu tư gần 150 tỷ đồng/2.000 dân), đưa điện đến các xã đảo Quan Lạn, Minh Châu, Bản Sen, Ngọc Vừng (huyện đảo Vân Đồn). Đến nay sóng truyền hình đã phủ khắp các vùng, miền trong tỉnh, là một kỳ tích mang tính lịch sử, mang bản chất tốt đẹp của chế độ.

3. Về đối ngoại, hội nhập quốc tế

Trước thời kỳ đổi mới (năm 1986), Quảng Ninh phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do hậu quả để lại từ sau hai cuộc chiến tranh và từ chính sách đối ngoại, bị bao vây cấm vận. Nhận thức rõ về vai trò công tác đối ngoại trong tình hình mới, ngay từ rất sớm, tỉnh Quảng Ninh đã thành lập cơ quan tham mưu của tỉnh về đối ngoại. Hoạt động đối ngoại qua từng thời kỳ luôn được đổi mới, phù hợp với đổi mới về kinh tế và đạt được nhiều thành quả đáng trân trọng.

Những năm đầu thời kỳ đổi mới, bắt đầu mở cửa và hợp tác về kinh tế, Quảng Ninh đã mở rộng quan hệ với các nhà

đầu tư nước ngoài để tiếp thu vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của các doanh nghiệp nước ngoài, tiếp cận thị trường thế giới và đạt được nhiều thành tựu kinh tế nổi bật. Đa dạng hóa quan hệ đối ngoại thay cho việc chỉ phát triển quan hệ với địa phương, tổ chức thuộc Liên Xô và một số nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc được bình thường hóa cùng với việc ký kết các hiệp định về hợp tác thương mại đã tạo những cơ sở pháp lý, thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây - Trung Quốc. Tiếp cận được thời cơ đó, những năm cuối của giai đoạn này, ngành thương mại phát triển. Giao lưu, buôn bán hàng hóa với Trung Quốc và quốc tế đã sôi động hơn. Ngoài việc hợp tác phát triển kinh tế, hai bên đã tổ chức các đoàn cán bộ lãnh đạo sang trao đổi nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực, tạo động lực cho sự ổn định và phát triển kinh tế thương mại, nhất là xuất nhập khẩu biên giới và trở thành thị trường cầu nối giữa thị trường nội địa nước ta và Trung Quốc. Hợp tác đầu tư giữa hai bên tuy chưa lớn, song cũng mang lại hiệu quả bước đầu đối với hợp tác phát triển kinh tế của hai nước, đặc biệt là với Việt Nam. Năm 1994, vịnh Hạ Long đã chính thức được Tổ chức UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Đây là những dấu mốc quan trọng khẳng định tính chủ động, sáng tạo của Quảng Ninh trong việc thực hiện chính sách đối ngoại, hợp tác quốc tế cùng với đổi mới phương thức quảng bá để vịnh Hạ Long trở thành di sản không chỉ của Việt Nam mà còn là của chung nhân loại.

Bước sang giai đoạn mới, từ phát triển kinh tế đối ngoại đến chủ động tham gia hội nhập quốc tế, tỉnh đã có những

chính sách ưu tiên phát triển kinh tế đối ngoại và xây dựng kết cấu hạ tầng nên hoạt động kinh tế đối ngoại thu được những kết quả quan trọng, tạo những bước đi đầu tiên cho sự phát triển mới trong lĩnh vực hợp tác đầu tư theo hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đối ngoại và hội nhập quốc tế đã đóng góp lớn, bước đầu dẫn dắt sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng của thị trường. Các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư tại Quảng Ninh ngày càng nhiều, hiện nay có 17 quốc gia và vùng lãnh thổ; mặc dù các dự án ở giai đoạn này còn ở quy mô, hàm lượng công nghệ và vốn nhỏ nhưng cơ cấu ngành nghề đi đúng hướng, hầu hết tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp và du lịch nên có đóng góp tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Việc phân giới cắm mốc bắt đầu triển khai từ năm 2001 thực sự đã trở thành một dấu mốc lịch sử quan trọng góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, cùng phát triển, thúc đẩy hợp tác với các địa phương của Trung Quốc. Ngày 27-12-2001, hai bên Việt Nam và Trung Quốc đã cắm mốc quốc giới đầu tiên (Cột mốc số 1369) tại cửa khẩu quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; đồng thời tiếp tục phân giới cắm mốc theo hình thức "cuốn chiếu" từ tây sang đông và đến nay đã hoàn thành nhiệm vụ này. Quan hệ đối ngoại giai đoạn này chủ yếu ưu tiên đối tác truyền thống (các nước láng giềng, các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa), phát triển quan hệ với Nhật Bản, Hàn Quốc.

Trong 10 năm trở lại đây, phát triển đối ngoại, hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện là chủ trương được cấp ủy ưu tiên lãnh đạo. Công tác đối ngoại của tỉnh có nhiều khởi sắc, quan hệ hợp tác quốc tế không ngừng được mở rộng và ngày

càng đi vào chiều sâu, thực chất gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh mở rộng hợp tác với nhiều đối tác mới; đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối tác; xác định đối tác chiến lược, đối tác tiềm năng; chủ động hợp tác không để tình trạng bị động và dàn trải như trước đây. Từ khi Quảng Ninh chỉ có quan hệ kết nghĩa với Kemerovo (Liên Xô trước đây) và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, đến nay Quảng Ninh chính thức thiết lập quan hệ đối ngoại chiến lược với trên 13 địa phương nước ngoài, có quan hệ kinh tế thương mại trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ, chủ động xúc tiến quan hệ với một số đối tác mới, tiềm năng. Là địa phương có biên giới với Trung Quốc, Quảng Ninh luôn bám sát định hướng chú trọng quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng có chung đường biên giới, xử lý thành công trong quan hệ vừa hợp tác (đối tác) vừa đấu tranh (đối tượng). Quảng Ninh đã triển khai hợp tác toàn diện với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) trên nhiều lĩnh vực (xây dựng Đảng, xây dựng khu hợp tác qua biên giới Móng Cái - Đông Hưng, kết nối hạ tầng giao thông, hợp tác quản lý lao động qua biên giới, thương mại, du lịch, giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu xây dựng đặc khu kinh tế; cơ chế hợp tác trong hành lang kinh tế Vân Nam - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh...). Qua đó Quảng Ninh từng bước xác lập vị trí "cửa ngõ, cầu nối" trong mắt xích hợp tác giữa Việt Nam - ASEAN - Trung Quốc. Trong quan hệ hợp tác với Lào, trên tinh thần hữu nghị đặc biệt, bắt đầu từ năm 2011 đến nay, Quảng Ninh đẩy mạnh, thắt chặt quan hệ kết nghĩa với 3 tỉnh Bắc Lào (Hủa Phăn, Luông Pha Băng, Xay Nhạ Bu Ly) thông qua các hoạt động trao đổi đoàn, giao lưu, thăm hỏi lẫn nhau... Với Nhật Bản,

Quảng Ninh quan tâm hợp tác với các địa phương của Nhật Bản có các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn có chí hướng đầu tư, kinh doanh tại tỉnh. Bên cạnh những đối tác truyền thống, hiện nay tỉnh đang tăng cường thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác mới, tiềm năng gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội như: San Diego (Hoa Kỳ), Dubai (UAE), Phúc Kiến (Trung Quốc), Shizuoka, Osaka (Nhật Bản), Jeju (Hàn Quốc), Zanzibar (Tanzania), Irkutsk (Nga), Burgas (Bungary),...

Tiếp tục kế thừa thành tựu trong đối ngoại, tỉnh luôn chủ động tham gia nhiều diễn đàn hợp tác để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chủ quyền quốc gia như: Hợp tác hai hành lang một vành đai kinh tế Việt Nam - Trung Quốc, Ủy ban công tác liên hợp giữa Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) với 4 tỉnh Việt Nam, hợp tác trong Diễn đàn Du lịch Đông Á (EATOF), tham gia Câu lạc bộ các vịnh đẹp nhất thế giới, tham gia hợp tác du lịch Tam giác Di sản cùng với Luông Pha Băng (Lào) và Udonthani (Thái Lan)... Đẩy mạnh hội nhập trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác luôn gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội có nhiều tiến bộ. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài luôn được quan tâm thực hiện theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Hiện nay có trên 7.400 Việt kiều là người Quảng Ninh đang sinh sống, làm việc ở 38 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới (không kể người đang học tập, công tác ngắn hạn) và có trên 7.000 hộ gia đình là thân nhân của Việt kiều người Quảng Ninh ở nước ngoài. Hàng năm, tỉnh đã tổ chức gặp mặt kiều bào và chỉ đạo các địa phương gặp mặt, thăm hỏi gia đình có kiều bào đang học tập, sinh

sống ở nước ngoài... Qua đó đã thông tin, tuyên truyền được các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến kiều bào ta và động viên kiều bào đóng góp công sức vào xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động đối ngoại Đảng của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả nổi bật. Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách ngoại giao rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại. Đối ngoại nhân dân luôn được quan tâm, phát huy thế mạnh của địa phương, có cách làm phù hợp, thiết thực với yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Quảng Ninh thực sự chủ động và có nhiều sáng tạo, đột phá, vận dụng đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, nhất là chính sách đối ngoại trong phát triển kinh tế - xã hội và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng nêu trên. Công tác đối ngoại đã góp phần tạo dựng nên sự đổi mới về tư duy, đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần nâng cao vị thế của tỉnh; giữ vững độc lập, chủ quyền, xây dựng đường biên giới hữu nghị, thân thiện, cùng phát triển. Có thể thấy giá trị của đổi mới, mở cửa và hội nhập đã tạo cho Quảng Ninh có được diện mạo như ngày hôm nay.

4. Về quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự xã hội

Bắt đầu từ khi đổi mới, cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, Quảng Ninh luôn coi trọng bảo đảm quốc phòng - an ninh. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Trung ương và địa phương để tăng cường tuyến phòng thủ biên giới; chăm lo phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới và đồng bào dân tộc thiểu số, tạo sức mạnh nội lực tại chỗ.

Lãnh đạo và xây dựng một số phong trào quần chúng tiêu biểu, một số cách làm đã có ảnh hưởng tốt đến công tác quốc phòng, an ninh như: phong trào đoàn kết 3 lực lượng thanh niên trên cùng địa bàn (địa phương, quân đội, công an) phối hợp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Quán triệt và thực hiện tốt tư tưởng chỉ đạo "vừa hợp tác, vừa đấu tranh", giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh ngoại giao với đấu tranh chính trị, tập trung giải quyết tốt các vấn đề tranh chấp, lấn chiếm trên biên giới.

Sự kiện Việt Nam - Trung Quốc bình thường hóa quan hệ (năm 1991) và ký Hiệp ước về biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc (năm 1999) là cơ sở hoàn thành phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt - Trung. Thời cơ đó được Tỉnh ủy vận dụng, tập trung lãnh đạo và hoàn thành phân giới cắm mốc trên bộ giữa Trung Quốc và Việt Nam trên dọc biên giới địa phận Quảng Ninh (2001- 2009). Đồng thời xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và cùng phát triển, thúc đẩy khả năng hợp tác với các địa phương của Trung Quốc đã, đang là nhiệm vụ quan trọng suốt những năm qua. Ngoài ra, các cơ quan chức năng của Quảng Ninh và Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc) phối hợp thực hiện có hiệu quả 3 văn kiện pháp lý về biên giới, nhất là Hiệp định về quy chế quản lý biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Triển khai và nâng cao chất lượng xây dựng các công trình quản lý, bảo vệ biên giới (đường tuần tra, kè sông, cột mốc biên giới...). Thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ biên giới, cửa khẩu theo các văn kiện pháp lý về biên giới, cửa khẩu 2 nước đã ký kết. Hợp tác chặt chẽ với các địa phương vùng biên giới của Trung Quốc trong việc bảo đảm an ninh, phòng, chống tội phạm... Tích cực thực hiện nhiệm

vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc. Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền, an ninh biên giới, biển đảo. Các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ từng bước được đầu tư xây dựng vững chắc, kiên cố ở những khu vực trọng điểm. Từng bước triển khai xây dựng các thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện. Nhiều công trình lưỡng dụng vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, vừa phục vụ quốc phòng - an ninh được triển khai, phát huy hiệu quả. Nhiều biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, nắm tình hình tuyến biên giới, biển đảo, người nước ngoài, an ninh nội bộ, khiếu kiện, tôn giáo, dân tộc,... được các cấp giải quyết kịp thời ngay từ cơ sở, không phát sinh phức tạp, hình thành "điểm nóng". Các biện pháp bảo đảm an ninh kinh tế, trọng tâm là hoạt động kinh tế biên mậu, tài chính ngân hàng, FDI, du lịch, công nghiệp than, nhiệt điện, đóng tàu, chống tội phạm rửa tiền, lừa đảo kinh tế... được đặc biệt quan tâm. Xây dựng, triển khai các quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, doanh nghiệp trong tỉnh, gắn với thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

Vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được phát huy. Định kỳ 2 năm/lần tổ chức hội nghị cấp tỉnh và khu vực một số huyện nhằm biểu dương, tranh thủ người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số. Củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị cấp xã ở các địa bàn xung yếu, vùng biên giới, dân tộc đặc biệt quan tâm. Gắn công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chương trình

xóa đói, giảm nghèo, xây dựng kết cấu hạ tầng vùng dân tộc thiểu số.

Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, nhất là ở các địa bàn có phức tạp về an ninh, trật tự được tăng cường theo phương châm chỉ đạo xử lý triệt để ngay từ cơ sở. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật, không để phát sinh "điểm nóng". Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, có sức chiến đấu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Quan tâm xây dựng lực lượng thường trực có bản lĩnh chính trị cho lực lượng vũ trang địa phương, làm cho cán bộ, chiến sĩ luôn giữ vững trận địa tư tưởng; xác định rõ "đối tượng", "đối tác"; nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng; quán triệt sâu sắc tình hình, nhiệm vụ, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Duy trì nghiêm các chế độ sẵn sàng chiến đấu, tăng cường các biện pháp nắm tình hình địch, nắm tình hình địa bàn, không để bị động, bất ngờ. Chấp hành nghiêm túc mệnh lệnh, chỉ lệnh huấn luyện của cấp trên, chủ động đổi mới nội dung huấn luyện cho lực lượng vũ trang sát tình hình, nhiệm vụ tác chiến trên địa bàn. Thực hiện nghiêm Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên, các đơn vị được biên chế, sắp xếp theo phương châm: "Gần, gọn địa bàn, quân đâu cán đó". Thường xuyên rà soát, đăng ký, quản lý chặt chẽ quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật, tập trung xây dựng các tiểu đoàn dự bị động viên vững mạnh. Hằng năm, tổ chức động viên kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu đối với lực lượng dự bị động viên theo đúng kế hoạch. Chú trọng huấn luyện dã ngoại, nâng cao sức cơ động của các đơn vị dự bị động viên; quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần

cho quân nhân dự bị. Lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên được củng cố, kiện toàn tổ chức biên chế theo đúng luật, có cơ cấu, quy mô phù hợp, số lượng hợp lý, chất lượng ngày càng cao. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo niềm tin trong xã hội, giữ vững thành quả đổi mới của Tổ quốc.

Trong 10 năm đầu của thời kỳ đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội gặp rất nhiều khó khăn, tình hình tội phạm và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh phát sinh nhiều vấn đề nổi cộm, bức xúc, song công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được các cấp ủy đặc biệt quan tâm. Các lực lượng chức năng của tỉnh luôn chủ động tấn công, trấn áp tội phạm, nhất là tội phạm sử dụng vũ khí "nóng" gây án nghiêm trọng, tội phạm buôn bán ma túy. Tăng cường phát hiện, đấu tranh với tội phạm kinh tế, tham nhũng, môi trường trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm. Từ năm 2001 đến nay, các lực lượng chức năng chủ động hợp tác liên vùng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm hình sự luôn đạt và vượt chỉ tiêu (bình quân hằng năm đạt 86%, riêng trọng án đạt trên 94%). Triển khai đồng bộ các chương trình, kế hoạch nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, kịp thời giải quyết các vấn đề nổi cộm. Đặc biệt chú trọng các công tác lớn mang tính chuyên đề, như cải cách hành chính, quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, pháo, đèn trời, bảo đảm trật tự xã hội, an toàn giao thông...

Đảng bộ Quảng Ninh luôn coi trọng và nỗ lực không ngừng thực hiện công cuộc đổi mới với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và

lực lượng vũ trang nhân dân trên một địa bàn có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh, có vị trí chiến lược quan trọng trong thế trận chung của cả nước. Trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, lực lượng vũ trang Quảng Ninh và nhân dân trong tỉnh đoàn kết một lòng, đồng tâm hiệp lực, tận tụy công tác, học tập và phục vụ, khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần "Kỷ luật và đồng tâm" của giai cấp công nhân Mỏ, hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự xã hội, bảo vệ toàn vẹn biên giới Tổ quốc. Quá trình xây dựng và trưởng thành của lực lượng vũ trang luôn gắn liền với sự nghiệp đổi mới của đất nước và của tỉnh. Lực lượng vũ trang góp phần tạo thế và lực để năm 2015 Quảng Ninh thành tỉnh công nghiệp - dịch vụ.

Công tác bảo vệ an ninh quốc gia luôn được đề cao, nhất là an ninh biên giới trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu trên tất cả các lĩnh vực. Phòng, chống tội phạm, chống gián điệp, phản động luôn là nhiệm vụ quan trọng. Tỉnh ủy luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các phương án bảo đảm an ninh, trật tự sau khi Mỹ hủy bỏ cấm vận đối với nước ta. Nhiều vụ án gián điệp và đầu mối chính trị được triệt phá. Phòng, chống khủng bố, tội phạm kinh tế, chính trị luôn được đề cao cảnh giác. Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, tư tưởng văn hóa, phòng, chống "diễn biến hòa bình" ngày càng đi vào nền nếp, bảo vệ tốt các sự kiện lớn của tỉnh, của đất nước. An ninh thông tin, an ninh kinh tế luôn được bảo vệ vững chắc. Tăng cường công tác an ninh xã hội gắn liền với quá trình phát triển kinh tế và bảo đảm tốt cho sự phát triển của các doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động kinh tế. Trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm và ổn định; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm. Việc xây

dựng phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" ngày càng phát triển theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa. Đối ngoại, hợp tác quốc tế về quốc phòng - an ninh có nhiều khởi sắc, luôn nắm vững "đối tác - đối tượng", để vừa tận dụng ngoại giao đi trước mở đường hỗ trợ quốc phòng - an ninh, vừa không mất cảnh giác, bị động trong thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước. Từ thực tiễn công tác, học tập và rèn luyện, trong hơn 30 năm đổi mới cùng đất nước, cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang tỉnh ngày càng trưởng thành, là lực lượng tin cậy của Đảng.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐẶT RA TRONG ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Một là, nghiên cứu, hệ thống hóa những vấn đề lý luận về đổi mới làm căn cứ khoa học để xây dựng chương trình và tổ chức tổng kết những nội dung trong tiến trình thực hiện nhiệm vụ chính trị ở mỗi địa phương, ngành. Tổng hợp những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân, bài học sâu sắc trong giai đoạn tiếp theo.

Hai là, nhận diện kịp thời những thời cơ, thách thức; phát hiện điểm mạnh, yếu, những vấn đề nóng cần phải tập trung giải quyết phù hợp với thực tiễn, có tính chiến lược; đúc kết thành những luận cứ khoa học, đóng góp vào quá trình hình thành lý luận về đường lối, chủ trương mới của đảng bộ địa phương trong mỗi nhiệm kỳ Đại hội.

Ba là, đổi mới tư duy, nhận thức về con đường phát triển của Quảng Ninh thông qua định vị rõ về thực tế Quảng Ninh.

Nhận diện rõ những mâu thuẫn, thách thức phải đối mặt. Nâng cao văn hóa chính trị của cán bộ gắn liền với hiểu biết thực tiễn, trang bị kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo, đổi mới công tác cán bộ,... để xác định cho đúng, trúng yêu cầu phải giải quyết mâu thuẫn, thách thức trong quá trình phát triển từng thời kỳ.

Bốn là, tập trung nguồn lực giải quyết mâu thuẫn lớn giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển cũng nảy sinh trong quá trình phát triển; mâu thuẫn giữa tiềm năng lớn chưa được giải phóng toàn diện với một số thể chế, cơ chế, chính sách đang kìm hãm sự phát triển, trong khi nguồn lực bị hạn chế cả về con người và vật chất trong quá trình phát triển nhanh, nóng giai đoạn hiện nay.

Năm là, giải quyết sự xung đột nội sinh giữa phát triển "kinh tế nâu" và "kinh tế xanh"; mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế, quá trình đô thị hóa nhanh và giải quyết những vấn đề xã hội, môi trường nảy sinh, sự chênh lệch trong phát triển giữa các vùng, miền, thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư do sự phát triển nền kinh tế thị trường hiện nay.

Sáu là, chủ động hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng để phát triển trong tương quan với việc phải giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng Quảng Ninh thành khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng - an ninh, đồng thời là phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

1. Quan điểm

Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Ninh xác định đổi mới

nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong thời gian tới là việc làm quan trọng, phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, khẩn trương, quyết liệt với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị; sự vào cuộc tích cực của các cấp uỷ đảng, đảng viên và sự đồng thuận, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Không ngại khó, những việc có lợi cho nhân dân, cho đất nước thì kiên quyết làm. Mạnh dạn đổi mới, nâng cao tầm nhìn, vừa bám sát chủ trương, đường lối, nguyên tắc của Đảng, vừa vận dụng linh hoạt, sáng tạo phù hợp với thực tiễn và quy luật khách quan; đồng thời bảo đảm ổn định, khả thi và hiệu quả theo nguyên tắc thực hiện từ dưới lên trên, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời mở rộng tối đa và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân. Nhà nước giữ vai trò tạo lập môi trường phát triển, không làm những việc doanh nghiệp, nhân dân làm được; cương quyết tách dịch vụ công ra khỏi chức năng quản lý nhà nước. Kiện toàn tổ chức bộ máy phải bảo đảm tinh gọn, hiệu quả. Lấy nguồn lực bên trong là chiến lược cơ bản, lâu dài; nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá.

2. Mục tiêu

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị, tạo chuyển biến tích cực, rõ nét, hiệu quả về năng lực, sức chiến đấu và phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, đảng viên. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả. Xây dựng được đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông về nghiệp vụ, có kỹ

năng thực tế, đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

- Phấn đấu đến năm 2020, xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp, trung tâm du lịch tầm cỡ quốc tế, là một trong những đầu tàu kinh tế của miền Bắc và cả nước với hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, giảm nghèo bền vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; môi trường sinh thái được bảo vệ và cải thiện rõ rệt; bản sắc văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được gìn giữ và phát huy; các giá trị của Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và các khu danh thắng, di tích lịch sử được bảo tồn và phát huy bền vững. Quảng Ninh trở thành nơi cần đến, nơi đáng sống và là khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế; xây dựng tỉnh Quảng Ninh giàu, đẹp, văn minh, hiện đại.

3. Một số định hướng và những giải pháp cơ bản

Thứ nhất, tập trung thực hiện đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế; củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; xây dựng chính quyền các cấp liêm chính, kiến tạo, hiệu lực, hiệu quả vì con người; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, phát huy dân chủ và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU (thí điểm hợp nhất các cơ quan tham mưu cấp uỷ với cơ quan chuyên môn chính quyền cùng cấp theo lộ trình; triển khai mô hình cơ quan tham mưu giúp

việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện, đề xuất thí điểm mô hình ở cấp tỉnh. Cơ cấu lại tổ chức bộ máy, nhất là ở các đơn vị sự nghiệp theo hướng đơn vị nào xã hội hiện nay không cần hoặc xã hội hóa được thì bỏ hoặc phải chuyển đổi theo hướng tự chủ. Đối với các đơn vị còn có nhu cầu hoạt động thì nhất định không bổ sung con người mà cấp kinh phí để tiến tới thực hiện cơ chế "đặt hàng", "thuê hàng").

Thứ hai, thực hiện nghiêm Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, thống nhất với các quy hoạch ngành, lĩnh vực. Xây dựng Quảng Ninh là cực tăng trưởng, là cửa ngõ hợp tác kinh tế quốc tế, là nguồn cung cấp nguyên liệu và năng lượng của quốc gia.

Thứ ba, phát triển kinh tế - xã hội bền vững phù hợp với các mục tiêu của Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam. Cơ cấu nền kinh tế từng bước dịch chuyển từ các hoạt động kinh tế "nâu" sang kinh tế "xanh", ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ và các ngành công nghiệp phi khai khoáng, đồng thời bảo đảm hoạt động khai thác than được sạch hơn và bền vững hơn.

Thứ tư, phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nội lực là chính, kết hợp với nguồn lực từ bên ngoài tạo nên bước đột phá trên cơ sở phát huy hiệu quả các lợi thế so sánh, tiềm năng đặc biệt, cơ hội nổi trội, như tài nguyên thiên nhiên, văn hóa độc đáo và đa dạng của Quảng Ninh. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm đáp ứng nhu

cầu phát triển và làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ năm, phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, nâng cao mức sống của người dân, bảo đảm phát triển và công bằng xã hội giữa các tầng lớp nhân dân, giữa khu vực nông thôn với thành thị và giữa các địa phương trong tỉnh.

Thứ sáu, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế, nắm bắt các điều kiện thuận lợi, khắc phục các tác động tiêu cực của các xu thế kinh tế quốc tế và khu vực; bảo đảm đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với Trung Quốc. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới trên bộ, trên biển; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Thứ bảy, tích cực đấu tranh phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và đẩy lùi tham nhũng, lãng phí gắn với triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

IV. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

1. Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị

- Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng bằng

chủ trương, đường lối được pháp luật hóa. Thiết kế tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị tinh gọn, trên cơ sở nhất thể hóa chức danh và hợp nhất cơ quan của Đảng và chính quyền. Kiểm soát quyền lực bằng thể chế minh bạch, dân chủ, công khai và sự giám sát của nhân dân đối với Nhà nước. Tăng thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra (do Đại hội bầu, thực hiện nhiệm vụ độc lập).

- Tổ chức lại bộ máy của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng phối hợp và thống nhất hành động trong một tổ chức chung thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Đổi mới cơ chế giám sát, phản biện xã hội theo hướng bổ sung chủ thể, mở rộng phạm vi giám sát; có cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin minh bạch, hiệu quả để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp; thực hiện tốt hơn vai trò phản biện xã hội trên tất cả các lĩnh vực, nhất là phản biện về kinh tế - xã hội.

- Phát triển công tác đối ngoại phục vụ công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước; củng cố nền tảng chính trị, tăng cường sự gắn kết giữa các dân tộc trên thế giới; thống nhất các hoạt động giữa đối ngoại đảng với ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân trong từng thời kỳ.

- Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn dân, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường ngày càng hiện đại. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và trên từng địa bàn. Chủ động tăng cường hợp tác quốc tế, vừa

hợp tác, vừa đấu tranh, không xung đột, đối đầu; không bị cô lập, lệ thuộc. Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt về quốc phòng.

2. Phát triển kinh tế - xã hội

- Nhất quán và khẳng định tính đa thành phần của nền kinh tế. Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là tiền đề để thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển. Kinh tế nhà nước đặt trong môi trường nền kinh tế thị trường đồng bộ, cạnh tranh lành mạnh và hội nhập. Doanh nghiệp nhà nước là một phần trong kinh tế nhà nước, chỉ tập trung vào lĩnh vực then chốt mà tư nhân và các thành phần kinh tế khác không làm được. Minh bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích. Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước. Bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân đối với vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước.

- Đa dạng các hình thức sở hữu, các đối tượng sở hữu tư liệu sản xuất. Tài sản do Nhà nước đại diện làm chủ sở hữu giao cho các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế sử dụng theo nguyên tắc bình đẳng và hiệu quả. Bảo đảm tôn trọng tự do kinh doanh, sản xuất và quyền sở hữu hợp pháp của nhân dân. Phát triển đồng bộ các loại thị trường, theo cơ chế cạnh tranh tự do, lành mạnh, minh bạch. Cơ chế vận hành nền kinh tế linh hoạt, đúng quy luật khách quan. Nhà nước có vai trò kiến tạo và phục vụ. Nguồn lực nhà nước phân bổ theo chiến lược, quy hoạch và phải đồng bộ theo cơ chế thị trường.

Nhìn vào những thành tựu, khi ngược dòng thời gian, trở về những năm từ năm 1976 đến năm 1986 mới thấy hết những gì Đảng bộ, nhân dân các dân tộc nơi đất Mỏ tạo dựng được, thật đáng trân trọng, khích lệ và tự hào. Đó là quá trình hiện thực hóa đường lối đổi mới của Đảng; là truyền thống bất khuất, tinh thần kỷ luật và đồng tâm từ trong 80 năm truyền thống công nhân Mỏ (1936-2016), trong gần 55 năm xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh (1963-2016). Những thành tựu về xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng,... đã, đang và sẽ là dấu ấn quan trọng trong hành trình xây dựng tỉnh có cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp hiện đại, văn hóa xã hội tiên tiến.

Có lẽ mỗi người dân Quảng Ninh, từ thành phố đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, biên giới, hải đảo đều nhận thấy những đổi thay trên quê hương mình. Trình độ dân trí được nâng lên; hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, điện, thủy lợi, viễn thông, thông tin truyền thông, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,... ngày càng đồng bộ, hiện đại. Kết quả đó khẳng định hệ thống những quyết sách và hành động của Đảng bộ và các cấp chính quyền tỉnh Quảng Ninh phù hợp với sự phát triển chung của đất nước và thời đại.

Với thái độ cầu thị, tiếp tục nhận rõ những vấn đề đặt ra và phương sách xử lý, xét cả về phương diện chiến lược, tổng thể lẫn những công việc sách lược, cụ thể một cách chủ động, Quảng Ninh sẽ tiếp tục tiến những bước mới trên con đường do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng vạch ra và Đại hội lần thứ XIV của Đảng bộ tỉnh đã hoạch định.

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC QUA THỰC TIỄN HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÀNH ỦY CẦN THƠ

Trong quá trình hơn 30 năm đổi mới và đặc biệt là hơn 10 năm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Cần Thơ đã tập trung sức lực thực hiện mục tiêu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, cải thiện diện mạo thành phố, nâng cao đời sống nhân dân theo tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 17-02-2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ địa bàn có nhiều khó khăn, xuất phát điểm thấp, hệ thống hạ tầng yếu kém, thiếu kết nối, kém đồng bộ; đến nay, kinh tế thành phố đã đạt mức tăng trưởng khá, đóng góp khoảng 12-12,5% tổng sản phẩm của vùng, GRDP bình quân đầu người tăng lên đáng kể và cao hơn bình quân cả nước; văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể; quốc phòng được củng cố, an ninh chính trị ổn định, trật tự

an toàn xã hội được đảm bảo; đối ngoại được tăng cường và mở rộng; công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả tích cực; từng bước khẳng định vai trò động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long, là một trong những địa phương đi đầu trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đồng thời là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước. Để đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện đó là do sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của cấp ủy và chính quyền thành phố luôn đặc biệt chú trọng việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, quản lý của Nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; những nỗ lực, phấn đấu không ngừng của Đảng bộ, chính quyền, của quân và dân Cần Thơ.

1. Tình hình đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng

Trong những nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy luôn nhận thức: Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị là một trong những yếu tố quyết định đối với công tác xây dựng Đảng, công tác xây dựng chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy luôn đề cao và thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng, coi trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giải quyết công việc đúng thẩm quyền; vừa bảo đảm sự lãnh đạo của tập thể, vừa phát huy vai trò, trách nhiệm cá nhân; cải tiến lề lối làm việc, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành có trọng tâm, trọng điểm;

kịp thời chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc, nhất là các vấn đề bức xúc, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân, doanh nghiệp, các tổ chức tại cơ sở.

Trên cơ sở các chủ trương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành các chương trình hành động, kế hoạch, đề án nhằm cụ thể hóa việc triển khai thực hiện; hàng năm đề ra chủ đề định hướng hành động của Đảng bộ. Bên cạnh đó, vai trò lãnh đạo về mặt chủ trương, đường lối của Thành ủy còn được thể hiện thông qua việc ban hành các nghị quyết chuyên đề tập trung vào các vấn đề quan trọng, mang tính đột phá của thành phố như: huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thành phố; bảo vệ tài nguyên môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng quận Ninh Kiều trở thành đô thị trung tâm; xây dựng và phát triển huyện Phong Điền trở thành đô thị sinh thái; nghị quyết về phát triển khoa học - công nghệ, du lịch; xây dựng nếp sống văn hóa, trật tự kỷ cương đô thị...

Thành ủy Cần Thơ luôn coi trọng việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị. Qua đó, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa các hành vi tiêu cực, tệ quan liêu, tham nhũng, "lợi ích nhóm", những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đặc biệt, Thành ủy Cần Thơ xác định ngày càng rõ hơn trách nhiệm tập thể và cá nhân trong lãnh đạo, nhất là trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước, đoàn thể.

Bên cạnh đó, Thành ủy Cần Thơ thường xuyên quan tâm chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy từ thành phố đến cơ sở theo hướng tinh gọn, xây dựng đề án vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; công tác cán bộ được tiến hành đồng bộ, chặt chẽ, công khai, dân chủ, đúng quy trình, có tính kế thừa và phát triển; định kỳ thực hiện tốt công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; thực hiện thí điểm chủ trương bố trí một số chức danh chủ chốt cấp huyện không phải là người địa phương và bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp, bảo đảm hiệu quả, tránh lạm quyền, độc đoán.

Những đổi mới về nội dung, phương thức lãnh đạo của Thành ủy Cần Thơ đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ thành phố, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong toàn hệ thống chính trị, nhất là bộ máy chính quyền thành phố, đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

2. Về đổi mới nội dung, phương thức quản lý của nhà nước

Thành phố Cần Thơ được thành lập trên cơ sở chia tách tỉnh Cần Thơ theo Nghị quyết số 22/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI và các quận, huyện trực thuộc theo Nghị định số 05/2004/NĐ-CP ngày 02-01-2004 của Chính phủ; là thành phố đầu tiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long trực thuộc Trung ương, là một cực phát triển, đóng vai trò động lực, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của toàn vùng. Những ngày đầu đi vào hoạt động trong vị thế mới, thành phố Cần Thơ

phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức do cơ sở vật chất, các phương tiện kỹ thuật còn hạn chế; nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, công chức thiếu hụt so với yêu cầu; nhiều vấn đề phát sinh xảy ra trong tiến trình đô thị hóa; điều kiện kinh phí, ngân sách còn khó khăn,...

Sau gần 5 năm nỗ lực, ngày 24-6-2009, thành phố Cần Thơ được Chính phủ công nhận là đô thị loại I, sớm hơn nửa năm so với kế hoạch và cùng thời điểm đó, thành phố được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì. Đó là nguồn cổ vũ, động viên mạnh mẽ để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố nỗ lực hơn nữa, đưa thành phố Cần Thơ tiếp tục phát triển. Kinh tế không ngừng phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) giai đoạn 2004-2010 tăng bình quân 15,5%/năm, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2011-2016 tăng bình quân 6,2%/năm; bình quân đầu người đạt 64,2 triệu đồng, gấp 6,2 lần so với năm 2004. So với năm 2004, đến năm 2016 giá trị sản xuất công nghiệp gấp 8,5 lần, đóng góp 32,3% trong cơ cấu GRDP; thương mại - dịch vụ chiếm 59,1% tỷ trọng nền kinh tế; nhiều trung tâm thương mại, siêu thị mới đi vào hoạt động; tổng mức bán lẻ hàng hóa gấp 11,5 lần; thị trường xuất khẩu mở rộng đến các quốc gia và vùng lãnh thổ, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ thu ngoại tệ đạt hơn 1,5 tỷ USD, gấp 4,9 lần; tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm sau cao hơn năm trước, gấp 11 lần (trong năm 2016 đạt gần 45.000 tỷ đồng), góp phần làm cho quy mô nền kinh tế thành phố ngày càng lớn. Nhiều khu đô thị mới, khu tái định cư, khu thương mại, dịch vụ ở các quận, huyện, nhất là ở Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy đã được đầu tư theo

hướng tiên tiến, hiện đại. Những công trình giao thông được Trung ương và thành phố cùng phối hợp đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng như: Sân bay Cần Thơ, Cảng biển Cái Cui cùng khu hậu cần Logistic, cầu Cần Thơ, quốc lộ 1A, quốc lộ 91B thuộc dự án xây dựng tuyến Nam sông Hậu, tuyến giao thông Bốn Tổng - Một Ngàn, đường tỉnh 921, 923, 926, 932,... và nhiều công trình khác đã và đang thực hiện, thành phố Cần Thơ đã tiến bước dài trên con đường trở thành đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Thành phố cũng từng bước thể hiện vai trò là trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long; quốc phòng - an ninh được giữ vững... Những kết quả ấy đã giúp cho thành phố Cần Thơ năm 2014 đón chào mốc son kỷ niệm 10 năm trực thuộc Trung ương với một khí thế đầy phấn khởi và tự hào được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho những nỗ lực không ngừng nghỉ trong suốt quãng thời gian ấy.

Đạt được những thành tựu nêu trên, bên cạnh sự quan tâm lãnh đạo và hỗ trợ của Trung ương, sự ủng hộ, hợp tác, liên kết của các tỉnh, thành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung, còn là kết quả của sự đổi mới trong phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng; sự quản lý, điều hành của chính quyền theo hướng tập trung cho cơ sở, nhạy bén và kịp thời giải quyết những khó khăn gắn với cải cách thủ tục hành chính; cùng với việc coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ hợp lý, thường xuyên chăm lo xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên

có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ và năng lực thực tiễn. Thành tựu ấy còn có sự đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp, bạn bè trong nước và quốc tế đã hợp tác, giúp đỡ thành phố rất hiệu quả; phản ảnh sinh động sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của các bộ, các cấp, các ngành và nhân dân thành phố để vượt lên khó khăn; thể hiện tính năng động, sáng tạo và ý chí của người Cần Thơ.

3. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được trong việc đổi mới nội dung, phương pháp lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong thời gian qua, vẫn còn tồn tại, hạn chế, có một số khiếm khuyết, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, biểu hiện ở những mặt như sau:

Một là, việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trên một số lĩnh vực còn diễn ra tương đối chậm. Quyết tâm đổi mới ở một số cơ sở chưa cao, nội dung đổi mới chưa được xác định rõ ràng. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa thật mạnh mẽ, vững chắc. Hoạt động của hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từng lúc, từng nơi thiếu sự gắn kết chặt chẽ, vai trò giám sát, phản biện xã hội chưa được phát huy đúng mức.

Hai là, công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm ở một số cấp ủy chưa được quan tâm thường xuyên. Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa thể hiện đầy đủ tinh thần trách nhiệm, chậm được uốn nắn, chấn chỉnh.

Ba là, kinh tế có phát triển nhưng chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh chưa cao; chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của thành phố về công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch; xây dựng nông nghiệp công nghệ cao và xuất khẩu hàng hóa còn nhiều khó khăn, chưa gắn kết được chuỗi giá trị cho nông sản; môi trường và cơ chế, chính sách chưa thật sự thông thoáng để hấp dẫn, thu hút đầu tư, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các tổ chức kinh tế, tập đoàn lớn. Kết cấu hạ tầng trên một số lĩnh vực còn yếu, thiếu kết nối và không đồng bộ; còn dàn trải trong quy hoạch các khu công nghiệp, khu dân cư, một số dự án không có khả năng triển khai nhưng chậm thu hồi, ảnh hưởng đến tiến trình phát triển của thành phố. Quản lý nhà nước một số mặt còn hạn chế, đặc biệt về chất lượng, công tác dự báo dài hạn trong các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đô thị, đất đai, môi trường...

Bốn là, hoạt động trên lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hóa, văn nghệ, thông tin truyền thông,... còn một số bất cập, các cơ sở y tế vẫn còn tình trạng quá tải. Tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn còn diễn ra, chưa có giải pháp khắc phục triệt để; đời sống người lao động và một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn khó khăn. Nguồn nhân lực tuy đáp ứng được yêu cầu, nhưng chưa tương xứng với đô thị loại I trực thuộc Trung ương.

Năm là, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng, chống tội phạm phát triển chưa vững chắc. Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội một số mặt còn diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông giảm chưa nhiều; công tác cải cách tư pháp có mặt chưa đáp ứng yêu cầu.

* Nguyên nhân của những hạn chế:

- *Về mặt khách quan:* Do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, những thách thức khi đất nước hội nhập quốc tế đã ảnh hưởng đến sự phát triển của thành phố. Với xuất phát điểm thấp, việc đầu tư của các bộ, ngành Trung ương chưa tương xứng với vai trò, vị trí của thành phố; trong khi đó, nguồn lực của thành phố và huy động từ nguồn lực bên ngoài để đầu tư phát triển còn hạn chế.

- *Về mặt chủ quan:* Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở một số cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt, thiếu nhạy bén, sáng tạo, chưa nắm bắt thời cơ. Việc cụ thể hóa một số chủ trương lớn còn chậm, trình độ tổ chức triển khai thực hiện ở một số mặt còn yếu, chưa đồng bộ, kết quả không cao. Công tác quản lý, điều hành của chính quyền về kỷ luật, kỷ cương đôi lúc chưa nghiêm. Vai trò tham mưu, tự chủ và phối hợp của các sở, ban, ngành còn yếu. Việc liên kết, phối hợp với các tỉnh, thành trong vùng và cả nước chưa chặt chẽ, thiếu ý tưởng đột phá. Công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy có lúc thiếu tập trung. Việc tự kiểm tra, tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng chưa mạnh, tính chiến đấu chưa cao. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thái độ làm việc của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa tốt. Sắp xếp tinh giản biên chế còn lúng túng.

4. Giải pháp phát triển đến năm 2020

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước mang tính xuyên suốt, đòi hỏi phải có quyết

tâm chính trị cao, chủ động, tích cực, kiên quyết, kiên trì, đồng thời có bước đi vững chắc, có lộ trình, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Để việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ có hiệu quả hơn trong thời gian tới, cần tập trung triển khai một số giải pháp cụ thể sau đây:

- Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với hệ thống chính trị ngày càng sâu sát, hiệu quả. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy chế làm việc của cấp ủy phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, vừa bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tôn trọng và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan dân cử và bộ máy quản lý nhà nước các cấp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp, trọng tâm là việc tổ chức các kỳ họp, tiếp xúc cử tri, xây dựng các chương trình giám sát thiết thực, hiệu quả, thật sự là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, bảo đảm vai trò quyết định, giám sát, thẩm định các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương. Thường xuyên liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm lắng nghe, phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cử tri.

- Không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh;

bảo đảm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt kết quả cao nhất. Sắp xếp, kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, phù hợp với điều kiện phát triển đô thị; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Đổi mới phương pháp làm việc, phân cấp quản lý, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện công tác, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tốt công tác cải cách hành chính, quản lý, điều hành nhà nước các cấp; xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển.

- Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, có năng lực tốt và gắn bó mật thiết với nhân dân; tạo chuyển biến thật sự trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền, từ đó chung tay thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của thành phố trong giai đoạn mới phát triển ngày càng nhanh và bền vững hơn.

- Phát huy đồng bộ các yếu tố tiềm năng, lợi thế và huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao; thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện, lợi thế của thành phố; nâng cao quy mô, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tạo bước đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là những công trình có tính kết nối, đồng bộ, tạo điểm nhấn cho sự phát triển đô thị sáng, xanh, sạch, đẹp, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế chuyên sâu, văn hóa, thể dục thể thao, du lịch xứng tầm với vị thế thành phố.

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tăng phúc lợi xã hội, từng bước thu hẹp khoảng cách trình độ phát triển giữa nội thành và ngoại thành.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng phát triển toàn diện con người, từng bước xây dựng hoàn thiện con người Cần Thơ "Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hào hiệp - Thanh lịch".

- Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; giữ vững ổn định về chính trị để phát triển kinh tế - xã hội.

PHẦN THỨ TƯ

ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

GS.TS. LÊ HỮU NGHĨA*

Trong những năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng nhận thức sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của phương thức lãnh đạo và yêu cầu phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vừa phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tốt hơn tính chủ động, sáng tạo của các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, vừa tránh bao biện làm thay, vừa tránh buông lỏng của các tổ chức đảng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và hệ thống chính trị trong thời gian qua đã mang lại những thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy tốt hơn vai trò của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

1. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng qua 30 năm đổi mới - thành tựu và hạn chế

- *Về mặt nhận thức:* trong thời kỳ đổi mới Đảng rất coi

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

trọng việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị mà trọng tâm là với Nhà nước. Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X. Khái niệm "phương thức lãnh đạo" và "đổi mới phương thức lãnh đạo" được nhận thức ngày càng rõ hơn, thể hiện tập trung qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh Bổ sung, phát triển năm 2011. Văn kiện các Đại hội của Đảng đều đề cập đến nhiệm vụ, yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Văn kiện Đại hội XII khẳng định: "Nâng cao hiệu quả thực hiện và tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước"[1]; đã ngày càng nhận thức rõ hơn mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng với các tổ chức chính trị - xã hội, xác định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của Đảng và thẩm quyền, trách nhiệm của Nhà nước.

- *Về mặt thực tiễn:* đã đạt được những thành tựu quan trọng trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, với chính quyền địa phương các cấp; vừa giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng vừa phát huy được vai trò, tính chủ động, sáng tạo, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức này, giảm bớt được sự chồng chéo, "lấn sân", giữa các tổ chức đảng với các tổ chức nhà nước.

Phương thức lãnh đạo của Đảng được xác lập phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng nhánh quyền lực (lập pháp - hành pháp - tư pháp), phù hợp với các cấp chính

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.214.

quyền (Trung ương - địa phương); phù hợp với nguyên tắc hiệp thương dân chủ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Phương thức lãnh đạo của Đảng được đổi mới theo hướng *dân chủ và pháp quyền,* nghĩa là Đảng tôn trọng các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, tôn trọng Hiến pháp và pháp luật, Đảng lãnh đạo nhưng không áp đặt mà trên cơ sở dân chủ, phát huy dân chủ trong thảo luận, trao đổi nhằm tạo ra sự thống nhất chung; Đảng lãnh đạo trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, như quy định của Điều 4 Hiến pháp năm 2013 "Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

Đảng xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của các cấp ủy; ban hành nhiều quy chế, quy định về quan hệ giữa cấp ủy, các tổ chức đảng, cơ quan đảng với các tổ chức, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng, tổ chức ký kết quy chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Đảng coi trọng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị nhằm chống tiêu cực, quan liêu, tham nhũng, "lợi ích nhóm", suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Đảng xác định ngày càng rõ hơn trách nhiệm tập thể và cá nhân trong lãnh đạo, nhất là trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước, đoàn thể.

Đảng coi trọng xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, hệ thống chính trị, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách

Hồ Chí Minh; đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan đảng, đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng.

Tóm lại, trong thời gian qua, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị mà trọng tâm là đối với Nhà nước đã có những đổi mới quan trọng. Thông qua các nghị quyết của Trung ương cũng như thông qua các tổ chức đảng (Đảng đoàn, Ban cán sự, cấp ủy) và thông qua các đảng viên hoạt động trong các tổ chức đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đã lãnh đạo các tổ chức nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động theo đúng cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Hoạt động của *Quốc hội* ngày càng đổi mới, ngày càng dân chủ hơn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội và đại biểu Quốc hội trong việc thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, thu hút sự quan tâm rộng rãi của dư luận xã hội. Hoạt động của *Chính phủ* ngày càng năng động, hiệu lực quản lý, điều hành của Chính phủ ngày càng được nâng cao, phát huy vai trò của một Chính phủ hành động, phục vụ nhân dân, kiến tạo phát triển, giảm bớt tình trạng bao biện, làm thay, "lấn sân" giữa Đảng và Chính phủ. Hoạt động của *Tòa án nhân dân* và *Viện Kiểm sát nhân dân* có nhiều đổi mới; góp phần bảo đảm cho các cơ quan tư pháp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của người dân, bảo vệ quyền con người, bảo đảm pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh và thống nhất. Hoạt động của *Mặt trận Tổ quốc* và *các đoàn thể chính trị - xã hội*

ngày càng đa dạng, năng động, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên, đoàn viên, tăng cường đồng thuận xã hội, phát huy chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Những thành tựu nêu trên bắt nguồn từ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam từ những thành tựu trong công cuộc đổi mới đất nước. Đó chính là cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc bảo đảm cho quá trình đổi mới đúng hướng, hiệu quả phương thức lãnh đạo của Đảng. Thành tựu đạt được gắn liền với tư duy sáng tạo, quyết tâm chính trị cao, nhãn quan chính trị sắc bén của Đảng, trực tiếp là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

Tuy đã có nhiều cố gắng trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và hệ thống chính trị song Đại hội XII của Đảng nhận định: "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm..., phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có những nội dung còn lúng túng. Chưa xác định rõ nội dung và phương thức cầm quyền"[1]. Vẫn còn tình trạng cấp ủy bao biện làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị trên một số lĩnh vực. Một số nội dung cơ bản về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; về mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, về quyền làm chủ của nhân dân, nhất là quyền làm chủ trực tiếp... còn chậm được ban hành, cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.197.

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trước hết là do bản thân việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế... là vấn đề khó, mới mẻ, chưa có tiền lệ, đòi hỏi phải tìm tòi, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Mặt khác, phương thức lãnh đạo của Đảng kéo dài nhiều năm trong thời kỳ chiến tranh chống ngoại xâm và thời kỳ thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp vẫn còn ảnh hưởng đến nay. Đồng thời còn do những hạn chế, khuyết điểm trong công tác tổ chức, cán bộ, trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về hệ thống chính trị, những chậm trễ trong đổi mới chính trị và hệ thống chính trị...

2. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng - quan điểm và giải pháp

Tình hình quốc tế và trong nước những năm sắp tới sẽ có nhiều biến đổi tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và thách thức, khó khăn tác động đan xen đến sự phát triển của Việt Nam, đến công tác xây dựng Đảng và phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tình hình đó đòi hỏi Đảng phải đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo để nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

2.1. Về một số quan điểm chỉ đạo

Cần quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội XII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII:

Một là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy và biên chế của hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân.

Hai là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức; phải coi đổi mới phương thức lãnh đạo là một nhiệm vụ của xây dựng Đảng, tức xây dựng Đảng về phương thức lãnh đạo; phải coi trọng công tác cán bộ, chống tiêu cực, "lợi ích nhóm" trong công tác cán bộ.

Ba là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, trong xã hội, đẩy mạnh phân công, phân cấp, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Bốn là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là công việc hệ trọng, nhạy cảm, liên quan đến lợi ích cá nhân, tập thể và của toàn Đảng, phải có quyết tâm chính trị cao, chủ động, tích cực, kiên quyết, kiên trì, đồng thời có bước đi vững chắc, có lộ trình, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm; bảo đảm kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển.

Năm là, phải gắn việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị,

tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, coi đây là nhiệm vụ quan trọng vừa cơ bản, vừa cấp bách.

2.2. Về một số giải pháp chủ yếu

Thứ nhất, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để xây dựng mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới; tiếp tục làm rõ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của các cơ quan, thiết chế nhà nước (Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp); về vấn đề phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp...

Thứ hai, tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền, mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, "phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước"[1]. Như vậy Đảng lãnh đạo không chỉ thông qua các tổ chức Đảng mà còn thông qua các tổ chức nhà nước.

Thứ ba, cần sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hiện nay, như Văn kiện Đại hội XII nhận định: "Tổ chức bộ máy của Đảng và toàn hệ thống chính trị còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc; chức năng, nhiệm vụ ở một số tổ chức

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.146.

còn chồng chéo; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhiều tổ chức trong hệ thống chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ"[1]. Mô hình tổ chức đảng ở một số lĩnh vực chưa thật hợp lý, nhất là các tập đoàn, tổng công ty.

Vì vậy cần rà soát, sắp xếp, kiện toàn tinh gọn đầu mối bên trong của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị theo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính gắn với việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường phân cấp, phân quyền hợp lý đi đôi với xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực và kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Việc sáp nhập tổ chức không phải chỉ vì giảm đầu mối mà quan trọng hơn là làm sao hoạt động có hiệu lực, hiệu quả cao hơn. Không nên bố trí một công việc do nhiều cơ quan phụ trách làm "cắt khúc" trong quản lý để tránh chồng chéo, hoặc buông lỏng trách nhiệm trong quản lý. Có thể hợp nhất một số đơn vị sự nghiệp công lập; xã hội hóa những lĩnh vực dịch vụ công mà Nhà nước không cần nắm giữ. Cần rà soát, sắp xếp giảm các ban chỉ đạo, ban quản lý dự án và các cơ quan phối hợp liên ngành cho phù hợp. Cần nghiên cứu nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Cần có chỉ đạo thống nhất từ Trung ương xuống cơ sở đối với chủ trương này. Đảng lãnh đạo thông qua đảng viên thì trước hết đảng viên là người đứng đầu tổ chức, là những lãnh đạo chủ chốt. Vì vậy, các cấp ủy đảng cần lựa chọn, bố trí cán bộ có đủ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.193.

phẩm chất, năng lực, uy tín và có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời có cơ chế kiểm tra, giám sát cán bộ, xác định rõ trách nhiệm đồng thời kiên quyết làm rõ và xử lý nghiêm minh đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, kỷ luật Đảng.

Thứ tư, đổi mới, hoàn thiện quy trình công tác cán bộ: Cơ chế phát hiện, thi tuyển, đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, bầu cử, bổ nhiệm, lấy phiếu tín nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Quy trình công tác cán bộ phải bảo đảm chặt chẽ, không tạo kẽ hở để người xấu, không xứng đáng lọt vào giữ những cương vị lãnh đạo trong bộ máy Đảng và Nhà nước. Bảo đảm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

Thứ năm, tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII. Phải kiên quyết đấu tranh, phòng, chống, đẩy lùi, ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đảng viên muốn là người lãnh đạo phải gương mẫu trước quần chúng, có lập trường chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ, không mắc phải chủ nghĩa cá nhân, "lợi ích nhóm"..., không rơi vào suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Muốn vậy các cấp ủy, tổ chức đảng phải tăng cường giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên.

Thứ sáu, đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Đổi mới cách ra nghị quyết theo hướng "thà ít mà tốt", tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện

Nghị quyết, coi trọng công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, giảm bớt nạn giấy tờ, hội họp, thực hiện theo phong cách Hồ Chí Minh là nói ít làm nhiều, nói đi đôi với làm, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, "làm điều lợi cho dân, tránh điều hại tới dân", làm cho dân tin, dân theo.

LÀM GÌ ĐỂ ĐỔI MỚI MẠNH MẼ HƠN NỮA CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG?

HÀ ĐĂNG*

Hơn 30 năm qua, trong công cuộc đổi mới, Đảng ta luôn coi xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trong xây dựng Đảng, Đảng đồng thời coi trọng cả 5 lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, tổ chức - cán bộ, kiểm tra và phương thức lãnh đạo. Gần đây lại nhấn mạnh thêm xây dựng Đảng về đạo đức, lĩnh vực mà trước đây bao hàm trong nội dung xây dựng Đảng về tư tưởng.

Bài viết này xin nêu cái nhìn tổng quát: Về những đổi mới nhận thức, quan điểm của Đảng về công tác tư tưởng, lý luận. Về thực trạng và những vấn đề đặt ra cho việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới.

1. Những đổi mới về nhận thức, quan điểm của Đảng ta đối với công tác tư tưởng, lý luận

Công tác tư tưởng (nay là công tác tuyên giáo), theo cách

---

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

hiểu thông thường, là tuyên truyền, giáo dục, vận động và thuyết phục quần chúng để mọi người tán thành và làm theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Làm công tác tư tưởng là nắm bắt được tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, giải đáp cho được những thắc mắc, giải tỏa những bức xúc làm cho tư tưởng mọi người thông suốt, từ đó hăng hái tham gia những nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra.

Nhận thức như thế không sai, nhưng chưa đủ. Bởi công tác tư tưởng - hay công tác tư tưởng, lý luận, có phạm vi rộng lớn hơn nhiều, nó bao quát toàn bộ đời sống tư tưởng trong Đảng và trong xã hội.

Từ thực tiễn đổi mới, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới (tháng 7-2007) đã khái quát ở tầm nhận thức cao hơn, sâu hơn:

"Công tác tư tưởng, lý luận là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, khẳng định và nêu cao vai trò tiên phong của Đảng về chính trị, lý luận, trí tuệ, văn hóa và đạo đức; thể hiện vai trò đi trước, mở đường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

"Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, của giai cấp công nhân, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, những giá trị tốt đẹp trong truyền

thống văn hóa dân tộc, những tinh hoa văn hóa thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.

Theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X, công tác tư tưởng của Đảng là công tác đối với con người, một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải nắm vững những quy luật riêng của tư tưởng, có thái độ, phương pháp khoa học, kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu định hướng tư tưởng với sự tự nguyện, giữa lý trí và tình cảm, giữa lời nói và việc làm, giữa "xây" và "chống", lấy "xây" làm chính, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, phải gắn bó mật thiết và phục vụ có hiệu quả công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao đời sống và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X đã thực sự tiếp thêm niềm tin và sức mạnh cho toàn Đảng, cho các cấp, các ngành, nhất là cho đội ngũ những người trực tiếp làm công tác tư tưởng, lý luận để hướng tới thể hiện vai trò "đi trước, mở đường" của mình.

2. Những thành tựu đáng ghi nhận của công tác tư tưởng, lý luận:

Nhìn lại 20 năm đổi mới, Đại hội X của Đảng (năm 2006) khẳng định: "*công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử*"[1].

Liên quan đến lĩnh vực tư tưởng, lý luận, Đại hội chỉ rõ: "Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.305.

hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản"[1].

Đến Đại hội XI của Đảng (năm 2011), những nhận thức và hệ thống quan điểm lý luận ấy đã được chính thức hóa trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) với sự trình bày sáng tỏ hơn, linh hoạt hơn so với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991.

Tôi không đi vào nội dung cụ thể. Chỉ xin nêu lên vài ví dụ. Về xác định nền tảng tư tưởng của Đảng và về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng.

Về nền tảng tư tưởng của Đảng

Trong sự nghiệp cách mạng của mình, Đảng ta luôn kiên định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. Điều đó là đúng đắn. Những câu hỏi đặt ra là, trong nền tảng tư tưởng ấy, tư tưởng Hồ Chí Minh có vị trí như thế nào?

Ai cũng biết, Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân tiêu biểu của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng của người hình thành và phát triển xuyên suốt các quá trình cách mạng nước ta, đã được Đảng và Nhà nước ta vận dụng trong thực tiễn lãnh đạo và quản lý. Vì thế, câu hỏi đã nhanh chóng có lời đáp. Lần đầu tiên, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 của Đảng ta chính thức ghi: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.343.

tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"[1].

Tiến lên một bước cao hơn, Đại hội IX của Đảng khái quát thành định nghĩa: "*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại"[2]. Đại hội nêu lên 9 nội dung cơ bản của hệ thống quan điểm ấy và khẳng định: "Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta"[3].

Với định nghĩa như trên, có thể hiểu rằng tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự là một học thuyết cách mạng có tính hệ thống, không phải chỉ là những tư tưởng cách mạng riêng lẻ cộng lại.

Ta cũng hiểu: chủ nghĩa, học thuyết, tư tưởng hay lý luận - những thuật ngữ thường dùng - về mặt hình thức, có sự phân biệt theo những cấp độ khác nhau, nhưng về nội dung không có làn ranh ngăn cách.

Về mô hình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa

Từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thời chiến tranh, đặc biệt là thực tiễn 15 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, trong đó có 5 năm đổi mới, Đại hội VII của Đảng (năm 1991), với Cương lĩnh xây dựng đất nước

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.51, tr.147.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.18.

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã đưa ra quan điểm rất mới mẻ về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Theo đó, xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng có 6 đặc trưng cơ bản. Hai mươi năm sau, với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), có thêm 2 đặc trưng nữa được bổ sung thành 8 đặc trưng.

Sẽ không thừa nếu chúng ta đọc lại toàn văn: "Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới"[1].

Đọc kỹ (cả tám đặc trưng và tám phương hướng cơ bản), ta thấy mô hình xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng chẳng những mang được bản chất của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Mác - Lênin mà còn thể hiện một cách độc đáo đặc điểm và bản sắc Việt Nam. Đó không phải mô hình Xôviết cũ đã sụp đổ, cũng không giống chủ nghĩa xã hội đặc sắc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.25.

Trung Quốc. Mô hình đó rất Việt Nam, thấm đậm tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế tiến lên của thời đại.

3. Những vấn đề đặt ra cho việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng, lý luận thời gian tới

Qua các văn kiện Đại hội Đảng và những nghị quyết chuyên đề của Trung ương các khóa gần đây, có thể thấy Đảng ta, bên cạnh việc khẳng định những thành tựu và tiến bộ đạt được trong công tác tư tưởng, lý luận, cũng đã thẳng thắn chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm. Đại hội XII chỉ rõ: "Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận chưa cao. Chậm khắc phục có hiệu quả những hạn chế của công tác tư tưởng như thiếu sắc bén, thiếu thuyết phục. Đấu tranh chống âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" còn bị động, hiệu quả chưa cao. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới"[1].

Vậy phải làm gì?

Không chỉ tiếp tục đổi mới mà còn phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa. Bốn định hướng lớn được nêu lên là:

Một là, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội...

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.192-193.

Hai là, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"...

Ba là, tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận cho việc hoạch định, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phải đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan nghiên cứu lý luận; đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là những chuyên gia đầu ngành.

Bốn là, đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị, học tập nghị quyết của Đảng. Thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương.

Đại hội cũng nhấn mạnh việc tập trung thực hiện mục tiêu chung: "*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*"[1]. Tiếp tục việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.47.

ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, với những yêu cầu đề ra, càng làm nổi bật hơn nữa vai trò của công tác tư tưởng, lý luận trong cuộc chiến đấu đặc biệt quan trọng này.

Tôi nghĩ từ nay đến cuối nhiệm kỳ Đại hội XII, nhiệm vụ của công tác tư tưởng, lý luận không phải là tìm kiếm cái gì mới hơn mà là tập trung sức thực hiện cho được các định hướng và giải pháp do Đại hội XII và các nghị quyết của Trung ương đề ra. Thực hiện một cách nghiêm túc và sáng tạo. Chỉ có hành động và thông qua thực tiễn mà kiểm nghiệm sự đúng, sai của định hướng, giải pháp, từ đó mới tìm được cái mới một cách chắc chắn.

Dẫu sao, với vai trò "đi trước, mở đường", công tác tư tưởng lý luận không bao giờ được cho phép mình dừng lại.

Liệu trong thời điểm hiện nay, chúng ta đã có thể hình dung được đất nước sẽ phát triển như thế nào sau khi bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, tức là sau năm 2020? Liệu công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng sẽ được tiến hành ra sao để Đảng luôn giữ vững được vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Liệu chúng ta có thể tiến tới một mẫu hình công tác tư tưởng, lý luận vừa truyền thống vừa có tính hiện đại, khi mà hoạt động tư tưởng ngày càng chịu sự tác động mạnh của công nghệ thông tin, kỹ thuật số và trí tuệ thông minh?

Tin rằng, câu trả lời sẽ có được khi Đảng ta tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và chuẩn bị cho Đại hội XIII. Công tác tư tưởng, lý luận có nhiệm vụ đóng góp tích cực vào cuộc tổng kết này.

ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG*

I. TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI

Hơn 30 năm qua, trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, tư tưởng chỉ đạo của Đảng đối với giáo dục và đào tạo luôn được kế thừa, bổ sung và phát triển.

Nhìn lại tư tưởng chỉ đạo của Đảng qua các kỳ đại hội có thể thấy:

1. Giáo dục là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước;

2. Giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân;

3. Mục tiêu của giáo dục là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài;

4. Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học - công nghệ;

5. Đa dạng hóa các loại hình giáo dục; học đi đôi với hành, giáo dục trong nhà trường gắn liền với giáo dục trong gia đình, xã hội;

---

* Vụ trưởng Vụ Giáo dục - Dạy nghề, Ban Tuyên giáo Trung ương.

6. Thực hiện công bằng trong giáo dục; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học;

7. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và các đối tượng diện chính sách...

8. Sắp xếp lại hệ thống giáo dục; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

9. Chú trọng phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

10. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học;

11. Chuyển phát triển giáo dục từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng cả về số lượng, chất lượng và hiệu quả;

12. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục;

13. Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục. Phát triển hài hòa, hỗ trợ giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục;

14. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước;

15. Trong đổi mới giáo dục sẽ không né tránh những vấn đề khó, đồng thời bảo đảm tính khả thi.

II. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hiện nay, có nhiều cách tiếp cận khác nhau khi đánh giá giáo dục, *cách tiếp cận mới* là không chỉ đánh giá thực trạng

bên trong của ngành giáo dục, mà cần đánh giá giáo dục thông qua chất lượng nguồn nhân lực, xem có thỏa mãn yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hay không, đồng thời có sự so sánh với một số nước; xem xét mức độ đóng góp của giáo dục vào sự tăng trưởng của nền kinh tế; vào Chỉ số phát triển con người (HDI). Với cách tiếp cận như trên, có thể khái quát thực trạng giáo dục ở nước ta như sau:

1. Những thành tựu đã đạt được

Trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, nguồn lực còn hạn hẹp, nhưng sự nghiệp giáo dục đã đạt những thành tựu quan trọng. Mạng lưới giáo dục, đào tạo được mở rộng, quy mô và chất lượng từng bước được nâng lên, cơ bản đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo, thi cử và kiểm định chất lượng đang được đổi mới. Cơ sở vật chất được chú trọng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo được đẩy mạnh. Giáo dục, đào tạo vùng khó khăn được chú trọng phát triển. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý có bước phát triển. Xã hội hóa giáo dục, đào tạo được đẩy mạnh. Tỷ lệ nhập học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt mức cao. Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ được thực hiện tốt[1]. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được nâng lên. Dạy nghề cho lao động nông thôn được quan tâm hơn.

2. Những tồn tại, hạn chế

Chất lượng giáo dục vẫn còn thấp, nhất là giáo dục đại

1. Phổ cập giáo dục: mầm non cho trẻ 5 tuổi; tiểu học, trung học cơ sở.

học và giáo dục nghề nghiệp. Cơ cấu nền giáo dục không hợp lý; đầu tư giáo dục không đủ mức, chưa phát huy tốt hiệu quả. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Giáo dục ở nước ta chưa đáp ứng yêu cầu xã hội. Công tác tuyển sinh đang có nhiều bất cập, học sinh giỏi tập trung vào một số trường công an, quân đội và kinh tế, các ngành công nghệ đòi hỏi nhiều nhân lực chất lượng cao lại ít học sinh giỏi theo học. Nền giáo dục vẫn chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa dạy chữ - dạy nghề - dạy người; giữa số lượng và chất lượng. Ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật lao động, kỹ năng mềm và tinh thần hợp tác trong công việc của học sinh, sinh viên Việt Nam còn yếu kém. Công tác phân luồng và hướng nghiệp không đạt yêu cầu.

Chương trình giáo dục nặng nề, lạc hậu, nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, áp lực học tập đối với học sinh quá lớn; giáo dục thể chất chưa góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc của học sinh, sinh viên; năng lực thích nghi với xã hội, năng lực làm việc của học sinh, sinh viên yếu kém; cơ cấu giáo dục không hợp lý giữa các trình độ, lĩnh vực, ngành nghề đào tạo.

Phương pháp giáo dục nặng về truyền đạt, áp đặt; chưa vận dụng được những thiết bị và phương pháp giáo dục hiện đại vào giảng dạy, người học thụ động, thiếu sức sáng tạo; khả năng thực hành yếu kém.

Đáng lo ngại là nhiều học sinh, sinh viên thiếu trung thực, tự giác trong học tập và thi cử; một bộ phận chưa có

hoài bão, phai nhạt lý tưởng; thiếu tinh thần dân tộc, ý thức cộng đồng và tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội; một số vi phạm nội quy, quy chế, có biểu hiện của lối sống hưởng thụ, đua đòi. Tệ nạn xã hội, ma tuý, cờ bạc, mê tín, vi phạm pháp luật trong sinh viên có chiều hướng gia tăng.

Cơ chế, chính sách có mặt chưa phù hợp; xã hội hóa còn chậm và gặp nhiều khó khăn, chưa thu hút được nhiều nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển giáo dục, đào tạo. Cơ sở vật chất vẫn còn thiếu và lạc hậu... Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu[1].

Nếu đánh giá giáo dục thông qua chất lượng nguồn nhân lực thấy rõ hơn chất lượng giáo dục ở nước ta ngày càng yếu kém và tụt hậu so với nhiều nước trong khu vực và thế giới. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam đang rất thiếu chuyên gia cao cấp, lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới về tất cả các phương diện (kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ, thái độ, làm việc nhóm, thể lực...), chỉ đạt 3,79 điểm (trên thang 10 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á tham gia xếp hạng)[2]. Sau 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, vẫn còn khoảng hơn 60% lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với khoảng 81% lao động chưa có bằng chuyên môn, kỹ thuật. Năng suất lao động của lao động Việt Nam thấp hơn

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.248-249.

2. Hàn Quốc là 6,91; Ấn Độ là 5,76; Malaixia là 5,59; Thái Lan là 4,94...

nhiều so với các nước trong khu vực[1]. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam tăng chậm và sự đóng góp của giáo dục vào HDI ngày càng giảm[2]. Năm 2014, chỉ số phát triển con người của Việt Nam, Việt Nam được xếp thứ 116/188 nước; năm 2015, xếp thứ 116/185 nước; tức là ở thứ hạng trên của nhóm các nước có mức phát triển con người trung bình.

Từ sự phân tích trên có thể khẳng định nền giáo dục nước ta đang ở trình độ thấp, có xu hướng tụt lùi so với các nước trong khu vực ngày càng rõ và chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Những yếu kém nêu trên đã tồn tại nhiều năm, nhưng chậm được khắc phục, đến nay có khuyết điểm còn nặng nề hơn. Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4-11-2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, việc đổi mới giáo dục rất lúng túng, có một số việc có biểu hiện chệnh hướng so với tinh thần của Nghị quyết; chưa tạo được sự đồng thuận trong xã hội về các mục tiêu và phương thức đổi mới giáo dục.

III. ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Quan điểm chỉ đạo

Một là, giáo dục là nhiệm vụ chiến lược, là nhân tố quan

---

1. Trung Quốc gấp 2,6 lần Việt Nam, Thái Lan gấp 4,3 lần, Malaixia gấp 5 lần.

2. Năm 1980, HDI của Việt Nam cao hơn mức bình quân của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương và nhóm nước phát triển con người trung bình. Đến năm 1990, HDI của Việt Nam đã tụt lại so với khu vực, thấp hơn đến 8,5%. Khoảng cách được thu hẹp xuống 4,7% vào năm 2008, nhưng đến năm 2014 thì cách biệt trong HDI của Việt Nam với khu vực châu Á và Thái Bình Dương đã tăng trở lại đến 10,2%.

trọng, góp phần chấn hưng đất nước, là nền tảng của sự phát triển xã hội. Quan điểm này thể hiện tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển đất nước nhanh và bền vững trong bối cảnh thế giới diễn biến phức tạp, có nhiều tác động bất lợi đối với nước ta.

Hai là, đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục là một yêu cầu khách quan, bức thiết, trọng tâm là nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Quan điểm này thể hiện tính cấp thiết, mang tính khách quan, cách mạng, khoa học và thực tiễn sâu sắc của "đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục"; xác định rõ mục tiêu đổi mới giáo dục gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy khoa học và công nghệ phát triển, phục vụ đắc lực, hiệu quả cho phát triển của đất nước.

Ba là, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế" trên cơ sở phát huy giá trị và bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhằm phát triển phẩm chất và năng lực người học. Đổi mới hệ thống giáo dục phải gắn liền với đổi mới chương trình và phương thức, phương pháp giáo dục theo định hướng "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế", nhằm tạo ra con người có tư duy sáng tạo, năng động, có đầy đủ phẩm chất, năng lực, trí tuệ, bản lĩnh làm chủ đất nước.

Bốn là, xây dựng và phát triển các mô hình và phương thức giáo dục sáng tạo phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đổi mới nền giáo

dục phải tiếp cận với xu thế phát triển nền giáo dục hiện đại trong thế kỷ XXI, gắn với và đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế, khoa học và nhu cầu học tập của nhân dân, đồng thời từng bước đưa nền giáo dục nước ta ngang tầm với nền giáo dục tiên tiến, hội nhập - hợp tác - cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường giáo dục quốc tế biến động phức tạp.

Năm là, đổi mới nhận thức và hoàn thiện thể chế để phát triển nền giáo dục thích ứng với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khẳng định vai trò chủ đạo của Nhà nước kết hợp với vai trò ngày càng quan trọng của thị trường, của xã hội; sử dụng và phát huy những mặt tích cực, hạn chế các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường để hội nhập quốc tế thành công. Nhà nước cần xây dựng cơ chế phát triển nền giáo dục nói chung và cụ thể hóa cơ chế đó đối với từng bậc học, lĩnh vực giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường, nhưng phải bảo đảm các yếu tố đặc trưng xã hội chủ nghĩa trong các hoạt động giáo dục; thực hiện ngày càng tốt hơn bình đẳng về cơ hội học tập cho toàn dân, các chính sách xã hội trong giáo dục, nhất là đối với những vùng khó khăn, người nghèo, dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách; huy động được các nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, của toàn xã hội cho phát triển giáo dục và thực hiện có hiệu quả hơn các chính sách xã hội trong giáo dục.

2. Định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong thời đại mới

2.1. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phải hướng vào trọng tâm là nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân; xây dựng mô hình con người Việt Nam có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội,

yêu gia đình, có trách nhiệm với bản thân; sống trung thực, nhân văn, có hoài bão, lý tưởng phục vụ Tổ quốc, cộng đồng; tự do sáng tạo, chủ động thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thời đại; có hiểu biết và kỹ năng cơ bản, cần thiết về tự nhiên, xã hội, nghề nghiệp, ngoại ngữ và tin học; có khả năng hợp tác với mọi người để sống và làm việc hiệu quả; phát triển hài hòa con người cá nhân và con người xã hội.

2.2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giải quyết tốt các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc trong lĩnh vực giáo dục. Thực hiện đồng bộ các giải pháp thể hiện rõ giáo dục là quốc sách hàng đầu. Chiến lược phát triển giáo dục phải gắn liền với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Chiến lược phát triển văn hóa; Chiến lược phát triển con người và nguồn nhân lực...

2.3. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phải tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững, hội nhập quốc tế thành công. Tái cơ cấu tổ chức hệ thống giáo dục theo hướng tăng quyền tự chủ, nghĩa vụ giải trình và chịu trách nhiệm xã hội; thực hiện dân chủ và bảo đảm tính liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Phát triển giáo dục tinh hoa trong nền giáo dục đang đại chúng hóa mạnh mẽ, xây dựng đội ngũ nhân tài, phù hợp với cách mạng công nghiệp 4.0.

2.4. Đổi mới tập trung vào những vấn đề lớn, cốt lõi, từ triết lý, quan điểm, mục tiêu, cơ chế, hệ thống, chương trình giáo dục.

Thực hiện nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước phải kế thừa và phát triển những thành tựu mà giáo dục đã đạt được.

3. Nội dung cốt lõi của đổi mới giáo dục

- Chú trọng giáo dục nhân cách, kết hợp giáo dục nhân cách với phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi cá nhân; coi trọng cả kiến thức và năng lực (kiến thức chỉ là yếu tố quan trọng của năng lực).

- Coi trọng tất cả các loại hình giáo dục - xây dựng xã hội học tập, bảo đảm ai cũng có điều kiện học thường xuyên, học suốt đời.

- Coi trọng cả vai trò của Nhà nước và vai trò của cơ chế thị trường trong phát triển giáo dục đào tạo; coi vai trò của giáo dục ngoài công lập, tạo thêm cơ hội học tập cho người dân là giải pháp cơ bản để phát triển giáo dục.

- Cơ chế quản lý chất lượng giáo dục coi trọng cả tự đánh giá, đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình và đánh giá kết quả đầu ra. Chuyển từ trọng tâm quản lý phát triển số lượng sang đồng thời coi trọng cả số lượng và chất lượng giáo dục; Truyền thông không chỉ là giải pháp/hỗ trợ giáo dục mà tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục.

- Đổi mới chương trình đào tạo trong trường sư phạm để hình thành và phát triển năng lực giáo viên đáp ứng chương trình và sách giáo khoa mới. Để giáo dục phát triển phải hết sức chăm lo phát triển các trường sư phạm, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở tất cả các bậc học.

- Nhà giáo không chỉ là người dạy học mà trước hết phải là nhà giáo dục, nhà khoa học, người học tập suốt đời. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với nhà giáo để thu hút những người giỏi vào ngành giáo dục.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ

Để sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục thành công, chúng tôi đưa ra 3 giải pháp đột phá: (1) *Đổi mới tư*

duy; (2) *Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục;* (3) *Đổi mới công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.* Với ba lý do sau:

Thứ nhất, Trung ương khẳng định nguyên nhân đầu tiên dẫn đến các yếu kém trong giáo dục là: *"Tư duy về giáo dục chậm đổi mới"*, không theo kịp sự phát triển của đất nước trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Đảng ta đã chọn: "Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính"[1] là giải pháp đột phá.

Thứ ba, hầu hết các ý kiến của các nhà giáo, nhà khoa học và nhiều ý kiến trong xã hội đều khẳng định vai trò của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là một nhân tố quyết định thành công đối với công cuộc đổi mới giáo dục.

1. Đổi mới tư duy giáo dục

Đảng ta đã khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X: "Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý để tạo được chuyển biến cơ bản và toàn diện nền giáo dục nước nhà"[2]. Đổi mới tư duy được thể hiện:

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.32.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.II, tr.445.

Thứ nhất, thay đổi nhận thức sai lệch về các giá trị đang tồn tại trong xã hội như: tư tưởng quá coi trọng bằng cấp, tâm lý khoa cử, bệnh thành tích, tính háo danh; xem nhẹ giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề, quá coi trọng đại học và sau đại học... Đổi mới quan niệm về thang giá trị và thước đo sự thành đạt của mỗi cá nhân trong xã hội.

Thứ hai, đổi mới nhận thức về mục tiêu giáo dục. Giáo dục không chỉ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, mà giáo dục còn phải đáp ứng sự phát triển đa dạng về nhân cách của mỗi con người. Giáo dục không nên bắt buộc phải theo một khuôn mẫu nhất định, nó sẽ hạn chế sức sáng tạo và tính đa dạng cần thiết của một nền giáo dục trong cơ chế thị trường. Vì thế giáo dục sáng tạo, sự đa dạng trong giáo dục cần được đề cao.

Mục tiêu đào tạo không chỉ là nghề nghiệp, mà còn để nâng cao hiểu biết về thế giới tự nhiên, xã hội, con người và về chính bản thân mình, trang bị đủ kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu xã hội và có năng lực lập nghiệp, phát triển cá nhân để phát triển xã hội.

Thứ ba, bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu phát triển quốc gia - khả năng đầu tư cho giáo dục - năng lực đào tạo của hệ thống - nhu cầu sử dụng sản phẩm giáo dục của xã hội - nhu cầu của người học. Bảo đảm đầu tư cho giáo dục đạt hiệu quả cao nhất. Đánh giá chất lượng giáo dục không chỉ trong nội tại của ngành giáo dục, mà cần phải đánh giá chất lượng nhân lực thông qua các sản phẩm của xã hội và sự tiến bộ và công bằng xã hội.

Thứ tư, đổi mới tư duy hội nhập và học hỏi kinh nghiệm quốc tế, không áp dụng máy móc vào nước ta, mà áp dụng

phải có chọn lọc. Hội nhập giáo dục phải bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc.

Thứ năm, đổi mới tư duy quản lý, đặc biệt về cơ chế quản lý, quản trị ở các cơ sở đào tạo. Tăng quyền tự chủ, đi đôi với trách nhiệm giải trình xã hội của các cơ sở đào tạo. Thí điểm kiểm toán một số trường công lập và công khai báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm, trên cơ sở đó xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật để đào tạo cho một số nghề.

Thứ sáu, không né tránh bàn về thị trường trong giáo dục; không coi giáo dục là hàng hóa; cần phân biệt thị trường trong giáo dục với thương mại hóa giáo dục. Tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở giáo dục, đem đến cơ hội và công bằng hơn trong tiếp cận với giáo dục cho mọi người, hướng tới đạt mục tiêu giáo dục tốt nhất; nhưng không thương mại hóa giáo dục, kinh doanh giáo dục nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.

Hiện nay nền giáo dục nước ta đang vận hành trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước phải bảo đảm sự công bằng cho mọi người về cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách; thực hiện những công việc mà thị trường không đảm nhận, hay không thể đảm nhận. Thúc đẩy xã hội hóa giáo dục, thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở giáo dục. Người học trả học phí, họ có quyền lựa chọn để có một dịch vụ giáo dục tốt hơn. Thị trường làm thay đổi tư duy và đòi hỏi phải thay đổi phương thức quản lý giáo dục.

2. Đổi mới thể chế, cơ chế và phương thức quản lý giáo dục

2.1. Đổi mới thể chế

Giáo dục ở nước ta đang vận hành trong điều kiện kinh tế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì cơ chế thị trường ở những cấp độ khác nhau, trách nhiệm của Nhà nước càng lớn đối với các cấp học càng thấp, giáo dục phổ cập và những ngành nghề nhà nước cần thu hút người học vì quyền lợi quốc gia. Các cấp học càng cao, những ngành nghề có khả năng xã hội hóa cao thì trách nhiệm xã hội và sự đóng góp của người học càng nhiều. Nhà nước điều tiết để bảo đảm sự công bằng về cơ hội giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân theo quy định của pháp luật và tuân thủ các quy định đã cam kết với thế giới. Đổi mới thể chế trong giáo dục được thể hiện như sau:

a) Đối với Nhà nước

Tập trung vào 3 nhiệm vụ chủ yếu là quản lý nhà nước, quyết định hướng phát triển (hoàn chỉnh và xây dựng mới hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về giáo dục); là người cung cấp tài chính lớn nhất, thực hiện cơ chế cùng chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi đối với các chủ thể tham gia vào hoạt động giáo dục; thực hiện những công việc mà thị trường không đảm nhiệm để tạo sự phát triển hài hòa, đúng mục đích. Nhà nước cần thể hiện rõ đổi mới tư duy giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trước hết ở những nội dung sau đây:

Một là, xác định mục tiêu của nền giáo dục và của từng bậc học và trình độ, loại hình đào tạo.

Hai là, thể chế hóa quyền được học tập và học tập suốt đời của nhân dân; bảo đảm tính dân chủ, công bằng, bình đẳng về cơ hội giáo dục cho mọi người; ngăn chặn tính độc quyền, khắc phục tư tưởng bao cấp trong giáo dục.

Ba là, hoàn thiện pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động giáo dục, quy định cụ thể hoạt động của hệ thống cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng và hoàn thiện pháp luật để điều chỉnh các quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với công dân, giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục với các cơ sở giáo dục.

Bốn là, đổi mới cơ chế tài chính trong giáo dục. Chuyển cơ chế cấp phát kinh phí bình quân sang đặt hàng trên cơ sở xác định rõ định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn của từng loại hình dịch vụ giáo dục; bảo đảm suất đầu tư trên mỗi người học đủ mức tương ứng với chất lượng, phù hợp ngành nghề và trình độ đào tạo. Nhà nước hỗ trợ tăng dần và tiến tới bao cấp cho giáo dục mầm non, phổ thông; giáo dục phổ cập; những ngành nghề mà Nhà nước cần thu hút người học; đối tượng chính sách và vùng khó khăn. Ngoài đối tượng và lĩnh vực giáo dục nêu trên, phần còn lại tăng cường thực hiện chia sẻ trách nhiệm với xã hội và cá nhân người học. Muốn vậy, chuyển đầu tư nhà nước qua cơ sở giáo dục sang trực tiếp người được thụ hưởng. Thể chế hóa trách nhiệm của các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia đầu tư cho giáo dục. Tiếp tục hoàn thiện chính sách và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để chi trả cho việc học. Khuyến khích việc hình thành các quỹ học bổng giúp cho học sinh nghèo và học sinh giỏi; có cơ chế hỗ trợ các trường tư, nhất là các trường phi lợi nhuận.

Năm là, thể chế hóa quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trước xã hội của các cơ sở giáo dục công dựa trên phương thức quản trị theo kiểu doanh nghiệp, thực hiện cơ chế bắt buộc công khai, minh bạch và tiến hành kiểm định chất lượng và kiểm toán tại các cơ sở giáo dục công lập.

Sáu là, thể chế hóa trách nhiệm và công khai hóa các hoạt động quản lý giáo dục, tạo sự đồng thuận trong xã hội trước khi triển khai các cơ chế, chính sách mới. Đo lường sự hài lòng của nhân dân đối với hoạt động giáo dục, đi đôi với quy định rõ trách nhiệm đối với giáo dục của cá nhân, gia đình và xã hội.

b) Đối với xã hội

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức xã hội tham gia phát triển giáo dục, đóng góp ý kiến với Nhà nước để hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, kiểm định giáo dục; tham gia chia sẻ "gánh nặng" tài chính với Nhà nước, tham gia quản lý và giám sát các hoạt động giáo dục. Tham gia phát triển, định hướng, điều chỉnh và quy định các mối quan hệ xã hội phù hợp với sự đổi mới về thể chế giáo dục, truyền bá ý thức sống và làm việc theo pháp luật.

c) Đối với người học

Vừa là chủ thể đóng góp và chia sẻ gánh nặng với Nhà nước về tài chính cho giáo dục, vừa là đối tác của giáo dục, có quyền tham gia giám sát hoạt động giáo dục, đòi hỏi sự công bằng trong giáo dục; được quyền lựa chọn, yêu cầu cơ sở giáo dục phải cung ứng dịch vụ tùy thuộc vào mức độ đóng góp. Nhận rõ trách nhiệm càng học lên cao thì học tập và chi phí cho học tập càng tăng lên.

2.2. Đổi mới cơ chế, phương thức quản lý giáo dục

Cơ chế phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường

được đặt trong mối tương tác giữa nhà nước - thị trường - xã hội. Tính chất của giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế có thể hiểu*: Nhà nước đóng vai trò chủ đạo kết hợp với cơ chế thị trường, cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục và sự tham gia của các tổ chức xã hội.*

- Vai trò chủ đạo của Nhà nước thể hiện tập trung quản lý nhà nước, cung cấp nguồn lực và thực hiện các chính sách xã hội để phát triển giáo dục.

- Vai trò quan trọng của cơ chế thị trường thể hiện tập trung huy động các nguồn lực của xã hội; đa dạng hóa các chủ thể tham gia phát triển giáo dục, hình thành thị trường hàng hóa dịch vụ, tạo sự cạnh tranh, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Các cơ sở giáo dục thực hiện cơ chế tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội với những cấp độ khác nhau về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, về tổ chức, biên chế, nhân sự; về cơ chế tài chính; tiếp cận cơ chế thị trường.

- Vai trò của các tổ chức xã hội ngày càng tăng lên thể hiện ở việc đóng góp ý kiến của các tổ chức xã hội nghề nghiệp với Nhà nước về xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển giáo dục; giám sát việc thực hiện trên thực tế; tham gia đánh giá, kiểm định độc lập...

Trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đang phát triển mạnh xu hướng "hợp tác công - tư" trong giáo dục. Xu hướng này dựa trên bản chất giáo dục chứa đựng cả lợi ích công cộng và lợi ích tư; trong hệ thống giáo dục có cơ sở công và cơ sở tư; kết hợp nguồn lực công với nguồn lực tư; kết hợp giữa công và tư trong quản trị cơ sở giáo dục. Hợp tác công - tư trong phát triển giáo dục được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng. Việc hình thành

các hình thức hợp tác công - tư trong giáo dục là một xu hướng mới, nhằm đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Tuy nhiên, cần hết sức cảnh giác với việc lợi dụng chủ trương hợp tác công - tư để trục lợi.

Đổi mới phương thức quản lý giáo dục được thực hiện trên cơ sở đổi mới tư duy quản lý, trong khuôn khổ thể chế giáo dục đã được đổi mới, không đi vào cuộc sống. Một số nội dung đổi mới phương thức quản lý giáo dục gồm:

Thứ nhất, phân biệt rõ quản lý nhà nước với quản trị tại cơ sở giáo dục. Nhà nước chỉ nên tập trung vào 3 nhiệm vụ:

- Xây dựng thể chế;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thể chế; định hướng, hỗ trợ các hoạt động giáo dục; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức xã hội tham gia phát triển giáo dục.

- Tổ chức bộ máy quản lý bao gồm cả việc phân quyền hợp lý, đi đôi với quy định trách nhiệm rõ ràng cho các cấp.

Thứ hai, quy định phạm vi điều chỉnh định chế của Nhà nước. Phát huy đầy đủ quyền tự chủ, sức sáng tạo và năng động của cấp cơ sở. Có thể trao quyền định chế cho các cơ sở giáo dục đại học trong một số nội dung quản lý cụ thể, ví dụ chương trình, giáo trình, kế hoạch học tập, tài chính...

Thứ ba, cụ thể hóa quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trước xã hội của các cơ sở giáo dục theo phương thức quản trị doanh nghiệp để tăng tính năng động và hiệu quả của hệ thống, chống tham nhũng, tiêu cực trong nhà trường.

3. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục

Việt Nam, việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đang đứng trước một số thách thức chủ yếu sau:

(1) Do lương quá thấp chưa bảo đảm cuộc sống và sinh hoạt tối thiểu, nên nhiều nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa toàn tâm chăm lo cho học sinh, sinh viên, cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

(2) Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa có động lực để nâng cao năng lực làm việc; chưa tự nguyện, nhiệt tình tham gia vào công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

(3) Chính sách tuyển dụng, quản lý và sử dụng chưa khuyến khích các giáo viên giỏi ở các trường phổ thông, các cơ sở đào tạo nghề, "giữ chân" các nhà khoa học xuất sắc công tác tại các trường đại học và cao đẳng; khuyến khích nhà giáo giỏi làm cán bộ quản lý giáo dục. Hiện nay, tình trạng giáo viên ra trường bị thất nghiệp nhiều gây thêm tâm lý chán nản của giáo viên và không thu hút được người giỏi vào ngành sư phạm.

(4) Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa đủ khả năng, chưa sẵn sàng và đủ điều kiện đi đầu thực hiện đổi mới giáo dục.

Với các lý do nêu trên rất cần đổi mới tư duy, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để tăng niềm say mê, tâm huyết với nghề nghiệp; trang bị cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không chỉ kiến thức, phương pháp mà cả triết lý giáo dục mới, có lý tưởng, hoài bão và lương tâm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển nền giáo dục nước nhà từ đó sẽ thu hút được những người giỏi vào ngành giáo dục.

VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG CHUNG CỦA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

1. Khái niệm về nhà nước kiến tạo phát triển

Hiện nay, vấn đề xây dựng "Chính phủ kiến tạo phát triển" đã được Thủ tướng Chính phủ nêu lên thành một chủ trương - nhiệm vụ quan trọng. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nêu rõ: "Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nền kinh tế và năng lực kiến tạo sự phát triển của Nhà nước". Như vậy, vấn đề xây dựng "nhà nước kiến tạo phát triển" cần phải được làm rõ cả về cơ sở lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, hiện nay, đang có những nhận thức khác nhau về nhà nước kiến tạo phát triển. Có thể nêu lên khái quát một số ý kiến về nhà nước kiến tạo phát triển như sau:

(1) Ý kiến thứ nhất cho rằng, nhà nước nào cũng có nhiệm vụ "kiến tạo" phát triển, nằm trong chức năng xây dựng của nhà nước, tức là nhà nước nào cũng có nhiệm vụ thúc đẩy phát triển xã hội, chỉ khác nhau về mức độ mà thôi.

Vì vậy, "nhà nước kiến tạo" hay "chính phủ kiến tạo" không phải là khái niệm hay mô hình mới, mà *là một chức năng của nhà nước*. Những nguyên tắc, những dấu hiệu đặc trưng của nhà nước (chính phủ) kiến tạo đã được vận dụng ở nhiều quốc gia trong những điều kiện cụ thể.

(2) Ý kiến thứ hai cho rằng, nhà nước kiến tạo phát triển chính là mô hình nhà nước ở các nước tiên tiến, vì ở các nước đó nhà nước có vai trò quan trọng đã đưa các nước phát triển lên trình độ cao như vậy. Trong khái niệm này, nhà nước kiến tạo phát triển được hình thành gắn liền với quá trình phát triển nền kinh tế thị trường theo con đường "tuần tự" từ thấp lên cao.

(3) Ý kiến thứ ba cho rằng, nhà nước kiến tạo phát triển là nhà nước có vai trò "nằm khoảng giữa" giữa "nhà nước tối thiểu" (trong nền kinh tế thị trường tự do) và "nhà nước tối đa" (trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp như ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây). Trong khái niệm này, nói về sự kết hợp giữa vai trò của nhà nước và vai trò của thị trường trong sự phát triển.

(4) Ý kiến thứ tư cho rằng, nhà nước kiến tạo phát triển là khái niệm nói về tổ chức và hoạt động của nhà nước ở các nước có trình độ phát triển còn tương đối thấp, công nghiệp hóa muộn, nhưng do *xác định đúng chức năng và phát huy vai trò đặc biệt của nhà nước* đã thực hiện quá trình công nghiệp hóa "rút ngắn", đưa đất nước phát triển nhanh (tăng tốc), rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước tiên tiến, thậm chí vượt lên thành những nước phát triển, điển hình như Nhật Bản, các nước NIC, và ngày nay như Trung Quốc. Đây là khái niệm được nhiều ý kiến đồng tình nhất.

Khái niệm "Nhà nước kiến tạo phát triển" được sử dụng trong bài viết này theo ý kiến thứ tư, vì khái niệm đó phản ánh rõ nhất vai trò kiến tạo phát triển của nhà nước ở những nước phát triển theo con đường "rút ngắn" (tăng tốc). Khái niệm đó cũng phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam hiện nay. Đây là khái niệm được đưa ra lần đầu bởi giáo sư người Mỹ Chalmers Ashby Johnson (năm 1982), khi nghiên cứu về mô hình phát triển "thần kỳ" của Nhật Bản. Ông nhận thấy rằng trong sự phát triển "thần kỳ" đó, nhà nước đóng vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là về chiến lược phát triển công nghiệp "rút ngắn"[1]. Hiện có những khái niệm, cách tiếp cận khác nhau, nhưng tựu trung lại có thể hiểu *nhà nước kiến tạo phát triển là nhà nước trong khi thực hiện những chức năng chung của một nhà nước, đã đặt trọng tâm vào định hướng các mục tiêu chiến lược phát triển đúng đắn, xây dựng thể chế thúc đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa theo phương thức "rút ngắn", phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đồng thời, nhà nước bảo đảm cho việc phân phối một cách tương đối công bằng những thành quả của phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng và hiện thực hóa cơ chế để cho người dân có thể giám sát chính quyền thông qua*

1. Theo Chalmers Ashby Johnson, nhà nước kiến tạo phát triển là một mô hình quản lý nhà nước, trong đó nhà nước đề ra các chính sách mang tính định hướng và thúc đẩy sự phát triển với tốc độ cao; tạo môi trường và điều kiện cho các thành phần kinh tế phát huy mọi tiềm năng trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế; tăng cường giám sát để phát hiện các mất cân đối có thể xảy ra, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô... tạo được sự tăng trưởng - phát triển nhanh của đất nước. Khái niệm của Chalmers Ashby Johnson được đánh giá là khái niệm nền tảng về nhà nước kiến tạo phát triển.

việc tăng cường sự công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của nhà nước đối với xã hội.

Thuật ngữ "Nhà nước kiến tạo phát triển" cho thấy đã *đặt nhà nước vào vị trí chủ thể trọng yếu trong việc "kiến tạo" thể chế và môi trường thúc đẩy sự phát triển nhanh của một quốc gia, bao gồm đồng bộ cả lập pháp, hành pháp và tư pháp.* Nhưng trong đó nhấn mạnh *vai trò trung tâm - chủ đạo của chính phủ*, có chức năng xây dựng chiến lược, thể chế, cơ chế, chính sách phát triển và trực tiếp chỉ đạo, tổ chức - quản lý quá trình phát triển nhanh và bền vững; xây dựng quy hoạch phát triển theo một chiến lược công nghiệp hóa được đặc biệt coi trọng; kiến tạo khung pháp lý và môi trường để thúc đẩy phát triển sáng tạo của mọi chủ thể; bảo đảm sự "cân bằng động" giữa sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế và quá trình tự vận động của nền kinh tế theo cơ chế thị trường trong những điều kiện và môi trường cụ thể. Đó là những nhân tố quan trọng để đưa đất nước phát triển với tốc độ cao, theo con đường "rút ngắn".

Việt Nam cũng là một nước tiến hành công nghiệp hóa muộn, việc xây dựng một nhà nước kiến tạo phát triển phù hợp với điều kiện hiện nay sẽ có thể rút ngắn thời gian công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Đặc trưng chung của nhà nước kiến tạo phát triển

Qua nghiên cứu thực tiễn phát triển của các nước đã áp dụng thành công nhà nước kiến tạo phát triển có thể nêu khái quát các đặc trưng chung của nhà nước kiến tạo phát triển như sau:

(1) *Nhà nước mạnh, thể hiện tập trung ở chính phủ mạnh, sáng suốt, quyết đoán, đặt trọng tâm vào việc xây*

dựng và thực hiện các chức năng kiến tạo phát triển, xác định chiến lược và mục tiêu phát triển, tạo lập khuôn khổ thể chế phù hợp và các điều kiện cần thiết để các chủ thể phát huy năng lực đổi mới, sức sáng tạo cho sự phát triển, trọng tâm là phát triển kinh tế. Mục tiêu là thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, nhất là phát triển công nghiệp theo phương thức rút ngắn.

(2) *Xây dựng thể chế đóng vai trò then chốt và là một yếu tố quyết định trong hoạt động của nhà nước kiến tạo phát triển;* thiết lập được một hệ thống các chính sách, công cụ quản lý để huy động, hướng các nguồn lực đầu tư vào những lĩnh vực ưu tiên phát triển theo chiến lược phát triển đúng đắn đã vạch ra trong từng giai đoạn. Xây dựng thể chế phát triển có chất lượng và hiệu quả là một đặc trưng rất quan trọng của nhà nước kiến tạo phát triển.

(3) *Nhà nước kiến tạo phát triển là nhà nước có những nhà lãnh đạo cao cấp, nhất là người đứng đầu, và một đội ngũ hoạch định chiến lược tài giỏi* (thế giới gọi là tầng lớp "tinh hoa"), tận tụy và tâm huyết với sự phát triển của đất nước, luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên hết; có tinh thần yêu nước mãnh liệt, quyết tâm rất cao trong việc chấn hưng và phát triển đất nước, không để đất nước bị tụt hậu.

(4) *Nhà nước kiến tạo phát triển vận hành trên nền tảng pháp luật, trong đó chính phủ với vai trò trung tâm có thẩm quyền và trách nhiệm rất cao trong việc đưa ra các quyết sách phát triển đúng đắn,* vì lợi ích quốc gia, vượt qua được các rào cản và sự tác động của các lợi ích cục bộ, địa phương, "lợi ích nhóm". Nhà nước có khả năng kiểm soát, điều tiết đối với các lợi ích công và lợi ích tư nhân cả từ bên ngoài lẫn bên

trong để không bị ảnh hưởng, làm sai lệch (không bị thao túng) các quyết sách phát triển.

(5) *Có một bộ máy hành chính tinh gọn, năng động, hiệu lực, hiệu quả*, được xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và có tính độc lập cao; một đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, đủ phẩm chất và năng lực được xây dựng dựa trên chế độ tuyển dụng thực tài, chế độ bổ nhiệm và thăng tiến phù hợp. Chế độ trách nhiệm giải trình cao, công khai, minh bạch; kết hợp có hiệu quả giữa trách nhiệm của lãnh đạo, nhất là người đứng đầu, với phát huy dân chủ.

(6) *Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng và thực hiện có hiệu quả cơ chế "tương tác" giữa nhà nước, thị trường và xã hội.* Trong quan hệ với thị trường, nhà nước không đứng ngoài thị trường, nhưng cũng không làm thay thị trường. *Nhà nước kiến tạo phát triển chủ động can thiệp mạnh mẽ vào thị trường* để thúc đẩy phát triển và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển, tạo sự "cân bằng động" hai yếu tố "bàn tay vô hình" của thị trường và "bàn tay hữu hình" của nhà nước, theo nguyên tắc "nhà nước mạnh" và "cơ chế thị trường hiệu quả". Nhà nước đổi mới các chức năng quản lý cơ bản, đồng thời phát triển mạnh chức năng quản trị phát triển, nhất là quản trị phát triển sáng tạo.

Để xây dựng được nhà nước kiến tạo phát triển là một vấn đề không đơn giản, đòi hỏi sự hội tụ của nhiều yếu tố trong hệ thống chính trị, xã hội của một quốc gia, cũng như những tác động khách quan thuận chiều từ bên ngoài. Đó cũng là lý do vì sao rất nhiều nước từ châu Á, châu Âu, châu Mỹ đến châu Phi mong muốn và phấn đấu xây dựng nhà

nước theo hướng kiến tạo phát triển, nhưng số nước thành công không nhiều.

3. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển

Nhờ việc xây dựng và thực hiện nhà nước kiến tạo phát triển hiệu quả, một số quốc gia đã tạo được động lực cho sự phát triển đất nước với tốc độ cao trong thời gian dài hàng chục năm, và ngày nay vẫn đang trên đà phát triển. Bài viết này xem xét kinh nghiệm chung và của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Xingapo, Trung Quốc. Tác giả xin nêu *khái quát kinh nghiệm của các nước áp dụng thành công mô hình nhà nước kiến tạo phát triển như sau:*

(1) *Cần tập trung xây dựng đảng cầm quyền mạnh, lựa chọn được một lãnh tụ sáng suốt, có tư duy đổi mới và bản lĩnh chính trị cao để đứng đầu và xây dựng được một chính phủ mạnh, xây dựng thể chế và đề ra chiến lược và các chính sách phát triển đúng đắn*, nhất là chiến lược phát triển công nghiệp "rút ngắn"; kết hợp và phát huy có hiệu quả các giá trị truyền thống của dân tộc với các giá trị của phương Tây; phát huy cao nhất lòng tự tôn và ý thức tự cường của dân tộc; kết hợp có hiệu quả kỷ luật, kỷ cương với phát huy dân chủ.

(2) *Phải xây dựng được bộ máy nhà nước (chính phủ) tinh gọn, nền hành chính chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả;* trọng dụng đội ngũ trí thức - chuyên gia thực tài, đội ngũ cán bộ công chức trình độ cao, thực sự liêm chính; xây dựng các thiết chế, cơ chế, chính sách đủ mạnh để chống tham nhũng, hối lộ; bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

(3) *Xác định rõ, thực hiện đúng vai trò của nhà nước, thị trường và xã hội (trước hết là hệ thống doanh nghiệp) trong*

từng giai đoạn phát triển. Nhà nước coi trọng vai trò của thị trường, xây dựng thể chế phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tự do kinh doanh và phát triển. Đồng thời, nhà nước chủ động can thiệp vào thị trường để phát huy các mặt tích cực và hạn chế tác động của những yếu tố không hoàn thiện, tiêu cực của thị trường. Chính phủ coi trọng công cụ kế hoạch hóa gián tiếp trong điều tiết, quản lý phát triển nền kinh tế quốc dân và hoạt động của các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.

(4) *Chính phủ ưu tiên đầu tư cho những ngành công nghiệp then chốt, hỗ trợ cho phát triển mạnh các công ty chủ lực, mũi nhọn; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, văn hóa, giáo dục...* Đồng thời phải bảo đảm sự phù hợp giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội nhằm tạo điều kiện và động lực cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

(5) *Coi trọng và thực hiện một cách thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả sự hợp tác giữa chính phủ và tư nhân trong phát triển*. Kết hợp và liên kết có hiệu quả các nguồn vốn, nguồn lực trong nước với thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Mở cửa nền kinh tế, hội nhập quốc tế phải chú ý bảo đảm tính bền vững cho tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

(6) *Chính phủ chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, coi trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao*, nòng cốt là đội ngũ cán bộ, công chức, đội ngũ chuyên gia khoa học - công nghệ, đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ doanh nhân giỏi.

(7) *Nhà nước sẽ giảm sự can thiệp trực tiếp vào phát triển kinh tế, vào thị trường; chuyển đổi mạnh các chức năng sang hướng điều tiết gián tiếp và quản lý phát triển sáng tạo* khi trình độ phát triển của đất nước đã đạt tới mức về cơ bản đã

hoàn thành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế thị trường phát triển ở trình độ cao hơn, trình độ dân chủ xã hội được nâng cao.

4. Xu thế khách quan và những yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển trong giai đoạn hiện nay

Nước phát triển như Nhật Bản, hay các nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới sau này như Hàn Quốc, Xingapo, Malaixia, Đài Loan... đã xây dựng và thực hiện thành công nhà nước kiến tạo phát triển trong những bối cảnh và điều kiện cụ thể của nửa sau thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI. Hiện nay, bối cảnh quốc tế đã có nhiều thay đổi, trình độ phát triển của thế giới về mọi mặt đã cao hơn rất nhiều. Có thể nêu lên các xu hướng chủ yếu trong sự phát triển của thế giới tác động đến việc xây dựng chính phủ kiến tạo phát triển như sau:

Một là, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn, không một quốc gia nào có thể đứng ngoài quá trình khách quan này, đồng thời chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa biệt lập, chủ nghĩa bảo hộ... cũng trỗi dậy ở không ít nước ngăn trở quá trình toàn cầu hóa. Bối cảnh đó mở ra nhiều cơ hội lớn đan xen với những thách thức không hề nhỏ. Trong đó vấn đề hợp tác cùng phát triển luôn song hành với cạnh tranh, đấu tranh vì lợi ích quốc gia - dân tộc. Xu hướng này đặt ra yêu cầu cao về năng lực xây dựng và thực hiện thể chế phát triển và hội nhập của mỗi nhà nước.

Hai là, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tăng tốc sẽ có tác động thay đổi về bản chất sự phát triển của thế giới (cả về cấu trúc

và trình độ của kinh tế thị trường thế giới, cấu trúc và trình độ của lực lượng sản xuất xã hội, thể chế quản lý phát triển, về cấu trúc xã hội, về quan hệ và đời sống xã hội...). Do trình độ phát triển của các nước khác nhau, nên cuộc cách mạng này sẽ tác động và tạo nên động lực phát triển ở mỗi nước khác nhau, có thể tạo nên sự phân tầng sâu hơn về sự phát triển giữa các nước, nhất là đối với những nước kém phát triển. Điều này phụ thuộc rất lớn vào vai trò của nhà nước; đặt ra yêu cầu rất cao về năng lực xây dựng và thực hiện thể chế phát triển sáng tạo của nhà nước.

Ba là, xu thế dân chủ hóa trên thế giới ngày càng được đẩy mạnh, thể hiện trong các định chế quốc tế hiện hành, trong hình thành các tổ chức quốc tế và khu vực mới. Xu thế dân chủ hóa cũng được đẩy mạnh trong hoạt động quản lý - điều hành quốc gia của nhà nước ở các nước; trong vai trò ngày càng tăng lên của xã hội, nhân dân đối với sự phát triển mọi mặt của đất nước, tham gia vào quản lý của nhà nước.

Bốn là, xu thế đổi mới mô hình quản trị quốc gia. Do dân chủ hóa đời sống xã hội được đẩy mạnh, quá trình công khai, minh bạch trong xã hội được đề cao hơn, trình độ của nền kinh tế thị trường được nâng cao, vai trò tự chủ, tự quản của các chủ thể trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội được nâng cao trong thể chế "thượng tôn pháp luật"... làm cho quyền lực quản lý của nhà nước mang tính áp đặt quan liêu đang bị giảm đi. Thay vào đó, vai trò định hướng, điều tiết, điều phối, quản trị phát triển, tạo sự đồng thuận xã hội cao cho sự phát triển bền vững ngày càng tăng lên. Xu hướng này đặt ra yêu cầu đổi mới mô hình quản trị quốc gia với định hướng cơ bản là chuyển từ nhà nước quản lý hành chính áp đặt sang nhà

nước quản trị phát triển, phân định lại cho phù hợp chức năng giữa nhà nước - thị trường - xã hội.

Bối cảnh đó tạo ra những cơ hội lớn cùng những thách thức không hề nhỏ đối với các nước, nhất là đối với các nước còn ở trình độ phát triển trung bình hoặc kém phát triển. Các nước này muốn không bị tụt hậu, muốn phát triển với tốc độ cao để rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến, thì *đòi hỏi phải xây dựng được một nhà nước kiến tạo phát triển thích ứng với những đòi hỏi của giai đoạn mới*, có khả năng chấn hưng và nâng cao được sức mạnh của dân tộc, kết nối được với sức mạnh của thời đại, tận dụng có hiệu quả các cơ hội, vượt qua các thách thức để đưa đất nước phát triển vượt lên.

Thực tiễn phát triển của thế giới và các nghiên cứu quốc tế đã nêu khái quát các nhóm nhân tố tác động và đòi hỏi sự cần thiết xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển như sau:

(1) Sự đòi hỏi phát triển cao hơn, nhanh hơn của đất nước - chính là đòi hỏi của đa số người dân, của cả dân tộc. Đây là tiền đề rất quan trọng về nhận thức và ý chí chấn hưng, phát triển đất nước của dân tộc, của các tầng lớp lãnh đạo và người dân, để nhà nước "gieo mầm" thể chế phát triển sáng tạo vào đó, tạo nên động lực phát triển mạnh mẽ của đất nước.

(2) Đất nước đang ở vào tình thế "bị thách thức nghiêm trọng" về sự phát triển. Nếu không mạnh mẽ vươn lên sẽ bị tụt hậu xa hơn, bị gạt ra "bên lề" của dòng chảy phát triển của thế giới, thậm chí bị lệ thuộc hoặc phải trả giá đắt vì địa vị thấp yếu của mình, rơi vào "bẫy thu nhập trung bình".

(3) Nhận thức rõ con đường phát triển tất yếu của đất nước trong giai đoạn mới là phải chuyển sang phát triển theo

chiều sâu, dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao và khoa học - công nghệ.

(4) Nhà nước nhận thức rõ sự cần thiết chuyển đổi vai trò của mình sang đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng thể chế định hướng và tạo động lực cho đất nước phát triển nhanh và bền vững, thay vì bị sa đà vào việc quản lý hành chính quan liêu "đối phó, khắc phục, sửa sai", chạy theo các xu hướng phát triển, thậm chí còn trở thành "phanh hãm" cản trở sự phát triển.

(5) Nền kinh tế thị trường thế giới phát triển lên trình độ hiện đại hơn, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng hơn... đặt ra những yêu cầu mới, cao hơn về xây dựng năng lực quản lý, quản trị sáng tạo, năng động của nhà nước kiến tạo phát triển.

Những nhân tố trên được "hội tụ" ở những nước khác nhau với những mức độ khác nhau. Đối với Việt Nam, những nhân tố trên đang "hội tụ" trở thành yêu cầu khách quan đối với việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển.

II. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY; YÊU CẦU VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Nhận thức của Đảng và Nhà nước về tính chất kiến tạo phát triển của Nhà nước Việt Nam từ năm 1945 đến nay và vấn đề xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển hiện nay

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) thành công, lập nên chính thể nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Hiến pháp

năm 1946 chế định nhà nước kiểu mới "của dân, do dân, vì dân" đã phản ánh một tư tưởng cốt lõi về chức năng kiến tạo phát triển của Nhà nước. Trong bối cảnh chiến tranh, Đảng và Bác Hồ vẫn đặt cho Chính phủ nhiệm vụ "*vừa kháng chiến, vừa kiến quốc";* xây dựng một Chính phủ liêm chính "*Bao nhiêu lợi ích đều vì dân", "Bao nhiêu quyền hạn đều của dân*", "*Mọi công việc đều vì lợi ích của dân mà làm*", "*Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*". Những tư tưởng và thực tiễn lãnh đạo Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện ý tưởng về chức năng kiến tạo phát triển của Nhà nước dân chủ nhân dân kiểu mới.

Từ đó đến nay, qua các giai đoạn phát triển, Nhà nước Việt Nam ngày càng hoàn thiện hơn các chức năng cơ bản như: chức năng chính trị, chức năng kinh tế, chức năng xã hội, chức năng quốc phòng, an ninh và chức năng đối ngoại. Đã có những bước phát triển về thể chế, cơ chế, chính sách và phương thức quản lý để thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước, đặc biệt trong những năm đổi mới. Khi chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi phải đổi mới vai trò và chức năng của Nhà nước. Bản thân việc Nhà nước đổi mới vai trò và chức năng để thích ứng với đòi hỏi của điều kiện mới, thúc đẩy sự phát triển đã mang những yếu tố của kiến tạo phát triển. Tuy nhiên, Nhà nước vẫn mang tính chất "vượt trội" của một nhà nước "cai trị", "quản lý", "điều hành", cùng với nhiều dấu ấn của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, tệ nhũng nhiễu, tham ô..., đang là một nhân tố kìm hãm sự phát triển. Chính vì vậy, giờ đây, việc đặt vấn đề xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển là sự đáp ứng với đòi hỏi khách quan của giai đoạn mới; là sự kế thừa tư tưởng của

Chủ tịch Hồ Chí Minh về Nhà nước "kiến quốc" của dân, do dân và vì dân, tiếp thu những giá trị phổ biến của các nhà nước hiện đại trên thế giới; cụ thể hóa những nguyên tắc về xây dựng Nhà nước pháp quyền nêu trong Hiến pháp năm 2013, đổi mới vai trò, chức năng của Nhà nước nhằm mục tiêu Nhà nước trở thành không chỉ là người quản lý sáng suốt, mà còn là "bà đỡ", "động lực" thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng không nói trực tiếp về xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, song đã nêu rõ: "Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh"[1]; "Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước. Tập trung tạo dựng thể chế, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện ngày càng minh bạch, an toàn, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tự do sáng tạo, đầu tư, kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường. Phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ của người dân trong hoàn thiện và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, trách nhiệm, lấy phục vụ nhân dân và lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất"[2]. Trong phát biểu kết luận tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ phải: "đổi mới vai trò, chức năng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nền kinh tế và

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.103, 270.

năng lực kiến tạo sự phát triển của Nhà nước". Trong đó, một mặt, "vai trò, chức năng của Nhà nước và thị trường được xác định và thực hiện phù hợp với thông lệ, nguyên tắc, chuẩn mực phổ biến của thế giới đương đại". Về thực chất, tư tưởng trên đã thể hiện những ý tưởng cơ bản về xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam.

Như vậy, xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển sẽ phải bảo đảm sự đồng bộ trong đổi mới cả ba nhánh lập pháp, tư pháp, hành pháp; bảo đảm sự kiểm soát được quyền lực nhà nước, nhất là sự kiểm soát từ phía nhân dân. Đòi hỏi thay đổi tư duy về mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội. Đòi hỏi phải có những đổi mới mang tính cải cách về nội dung vai trò và các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, về đổi mới các thể chế phát triển, cùng với đó là đổi mới về tổ chức, bộ máy, cơ chế vận hành của Nhà nước. Khi Thủ tướng Chính phủ khẳng định chủ trương xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, vì nhân dân là thể hiện quyết tâm cụ thể hóa các tư tưởng của Đảng và các chế định trong Hiến pháp năm 2013 về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, đáp ứng với những đòi hỏi khách quan đối với sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

2. Khái quát về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Nhà nước hiện nay đối chiếu với yêu cầu của Nhà nước kiến tạo phát triển

Về chức năng, nhiệm vụ: Xét theo giác độ "kiến tạo phát triển", thì về vai trò và các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước nói chung và của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp nói riêng được hiến định trong Hiến pháp năm 2013 và

chế định trong các luật liên quan, có thể nêu lên một số nhận xét như sau:

(1) Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước nói chung, và của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp nói riêng đều phản ánh những giá trị, nội dung cơ bản và phổ quát chung của các nhà nước pháp quyền trên thế giới, đồng thời có chứa đựng những nội dung cụ thể mang tính đặc thù của Việt Nam trong cả ba "nhánh quyền lực" lập pháp, hành pháp, và tư pháp.

(2) Trong các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước nói chung, và của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp nói riêng, đều phản ánh tổng hợp chức năng, nhiệm vụ thực thi quyền lực nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của xã hội, *bao hàm cả chức năng quản lý nhà nước và xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển. Có nghĩa là đã chứa đựng những yếu tố của nhà nước kiến tạo phát triển.* Tuy nhiên, các chế định trong Hiến pháp và trong các luật liên quan, *chức năng thực thi quyền lực nhà nước, chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước được đặt ở vị trí nổi trội hơn nhiều so với chức năng "kiến tạo phát triển", các nội dung về vai trò và trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của Nhà nước đối với sự phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong tất cả các lĩnh vực chưa được chế định đậm nét* (trong tất cả các chế định đều chỉ ghi "nhà nước quản lý"). Đây chính là vấn đề cần được đổi mới, cụ thể hóa, bổ sung, làm rõ về chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước kiến tạo phát triển nói chung, của hệ thống lập pháp, hành pháp, tư pháp nói riêng trước yêu cầu phát triển của giai đoạn mới.

(3) Vì đặt nặng chức năng "quản lý nhà nước" từ trên xuống (tức Nhà nước được đặt ở vị thế bên trên đối với các

chủ thể khác trong xã hội) chưa cân đối hài hòa với chức năng "quản trị phát triển", "đối tác phát triển", "kiến tạo phát triển" nên việc xây dựng các thể chế, cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển theo chiều sâu, dựa vào khoa học - công nghệ còn nhiều yếu kém, bất cập (điều này cũng được thể hiện cả ở quy hoạch phát triển, phân bổ và sử dụng nguồn lực quốc gia, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, ở thực trạng nền hành chính quốc gia...).

(4) Các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp đã được chế định có nhiều điểm mới hướng theo xây dựng nhà nước pháp quyền. Tuy nhiên, nhiều chế định vẫn còn mang "dấu ấn" của cơ chế hành chính tập trung quan liêu, bao cấp, đặc quyền - quyền quản lý của Nhà nước rất cao, trong khi đó tổng thể về "quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình" của các cơ quan nhà nước chưa được chế định thật rõ và đồng bộ, mà đây lại là một yêu cầu rất quan trọng đối với Nhà nước kiến tạo phát triển (đối với cả ba nhánh quyền lực) trong giai đoạn phát triển mới.

(5) Điều 33 Hiến pháp năm 2013 đã hiến định một nội dung rất mới và quan trọng là: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm" (thay cho chế định trước đây là người dân chỉ được làm những gì pháp luật cho phép. Điều này đặt ra cách tiếp cận mới trong việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, chức năng quản lý nhà nước: không chỉ coi trọng quản lý nhà nước về mặt hành chính, mặt "chỉ huy", mặt "quản", mà phải đặt trọng tâm vào quản lý phát triển, xây dựng và hoàn thiện chức năng "kiến tạo phát triển", chức năng quản trị phát

triển đồng bộ với đổi mới và tăng cường chức năng quản lý hành chính của Nhà nước, cả trên ba nhánh quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp). Trên thực tế hiện nay có không ít vấn đề lại được "luật hóa", "nghị định hóa", "thông tư hóa", "giấy phép con hóa" theo hướng ngược lại "quản lý được đến đâu cho phát triển tới đó".

Trong hoạt động thực tế của Nhà nước: Có thể thấy rằng việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp đã chứa đựng nhiều yếu tố "kiến tạo phát triển". Chính vì vậy, Nhà nước đã đóng vai trò rất quan trọng tạo động lực phát triển, đưa lại những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới trong hơn 30 năm qua. Tuy nhiên, xét từ giác độ "kiến tạo phát triển", trong hoạt động của Nhà nước còn bộc lộ những yếu kém, bất cập sau:

Một là, việc thiết kế và chế định hệ thống nhà nước theo nguyên tắc "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân", "Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp", kiểm soát quyền lực nhà nước... chưa được chế định đầy đủ và đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước nói chung và của từng nhánh quyền lực nói riêng.

Hai là, chất lượng, tính đồng bộ của hệ thống luật pháp, thể chế, cơ chế, chính sách chưa cao, chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Ba là, việc thực hiện các nhiệm vụ thể hiện chức năng "kiến tạo phát triển" chưa được chú trọng đúng mức, và còn nhiều yếu kém, như: xây dựng chiến lược và quy hoạch

phát triển chưa tuân thủ đầy đủ theo quan điểm thị trường; những yếu kém trong phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển giáo dục - đào tạo, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng các phương thức và mô hình sản xuất kinh doanh tiên tiến, hiện đại. Còn nhiều bất cập trong việc xây dựng các thể chế, cơ chế, chính sách để huy động mạnh mẽ các nguồn lực, các thành phần kinh tế, các chủ thể trong xã hội tham gia vào quản lý và phát triển sáng tạo.

Bốn là, bộ máy nhà nước còn rất cồng kềnh, nhiều tầng nấc, kém hiệu lực, hiệu quả; phân công, phân cấp chưa đủ rõ ràng, rành mạch, phân quyền chưa đủ mạnh dẫn đến tình trạng thẩm quyền vừa bị phân tán, manh mún vừa có sự trùng lặp, chồng chéo. Đồng thời lại thiếu cơ chế kết nối để tạo nên sức mạnh chung. Các hiện tượng "trên bảo dưới không nghe", chính sách bị cản trở, bị bẻ ghi, bị biến dạng, lợi ích cục bộ, "lợi ích nhóm", lợi ích cá nhân đang là một thực tế... làm hạn chế hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước.

Năm là, nền hành chính quốc gia còn mang nhiều yếu tố hành chính quan liêu, bao cấp, tính chuyên nghiệp chưa cao, kỷ cương không nghiêm, tình trạng "nói không đi đôi với làm"; nhiều thủ tục rườm rà, thiếu minh bạch; tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực còn khá phổ biến, gây trở ngại cho các quá trình sản xuất kinh doanh và các hoạt động xã hội phát triển một cách lành mạnh; làm suy giảm lòng tin của nhân dân và doanh nghiệp, gây nhiều bức xúc trong xã hội.

Sáu là, Nhà nước còn làm nhiều việc "thay" thị trường và xã hội, còn trực tiếp tham gia điều hành nhiều vào hoạt động kinh tế (tuy đã giảm nhiều) mà các chuyên gia của

Ngân hàng Thế giới gọi là "Nhà nước bị thương mại hóa" thông qua các doanh nghiệp (nhà nước và tư nhân) có mối quan hệ "thân hữu" với quan chức nhà nước, thông qua việc phân bổ một số nguồn lực, dự án đầu tư quan trọng bằng quyết định hành chính. Trên thực tế, chức năng quản lý nhà nước nhiều khi vẫn chưa được tách biệt rõ ràng với chức năng sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ công; công - tư chưa được phân biệt rõ ràng... tạo dư địa cho tiêu cực, tham nhũng, làm méo mó cơ chế thị trường. Môi trường đầu tư và kinh doanh có chuyển biến nhưng vẫn còn nhiều yếu kém và bất cập.

Bảy là, Nhà nước chưa chú trọng đúng mức đến việc xây dựng và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức dựa trên nguyên tắc chức nghiệp thực tài. *Năng lực, phẩm chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu.* Việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá công chức không ít khi bị chi phối bởi quan hệ thân hữu, dòng tộc, thậm chí quan hệ tư lợi[1].

Tám là, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức trước nhân dân và xã hội còn rất hạn chế, nhiều khi còn hình thức, chưa thực chất, tính minh bạch về trách nhiệm chưa cao. Biểu hiện quan liêu, xa dân, thái độ "vô cảm", "hành dân" vẫn còn rất bức xúc trong xã hội.

---

1. Cuộc điều tra chỉ số quản trị và hành chính công cho thấy hiện tượng phải đưa "lót tay" khi xin việc vào các cơ quan nhà nước tăng lên đáng kể: năm 2016, có đến gần 60% người được hỏi cho biết phải hối lộ thì mới được tuyển vào làm việc trong bộ máy nhà nước, so với 47% năm 2013. Nguồn: Chỉ số hành chính quản trị công 2001-2014.

Vấn đề xây dựng "Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân" được xác định như một nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ trong giai đoạn mới. Những đổi mới bước đầu của Chính phủ trong việc cải thiện và làm lành mạnh hóa môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân làm ăn; đẩy mạnh hơn cải cách thủ tục hành chính, xây dựng bộ máy hành chính trên tinh thần phục vụ nhân dân, đổi mới phương thức hoạt động theo hướng sâu sát thực tiễn hơn... bước đầu tạo ra những nhận thức mới (dù còn nhiều ý kiến khác nhau) về vấn đề xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển; đã tạo được một số chuyển biến tích cực ban đầu, nâng cao hơn niềm tin và sự hưởng ứng trong xã hội và doanh nghiệp. Tuy nhiên, cơ sở lý luận - thực tiễn về xây dựng Nhà nước, Chính phủ kiến tạo phát triển chưa được luận chứng đầy đủ, chưa có đề án và chương trình cụ thể về xây dựng Nhà nước, Chính phủ kiến tạo phát triển, cho nên những chuyển biến nêu trên chưa mang tính hệ thống, chưa căn bản, chưa đồng bộ, mới dừng ở các ý kiến và một số chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, chưa lan tỏa sâu rộng tới các bộ, ngành, địa phương và toàn bộ nền hành chính quốc gia, và do đó hiệu quả chưa cao.

3. Xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam: cơ hội và thách thức

Để hiện thực hóa mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", đòi hỏi Đảng phải lãnh đạo đất

nước vượt qua được những thách thức rất "ngặt nghèo"[1], trong đó có việc xây dựng Nhà nước theo hướng kiến tạo phát triển nắm bắt và tận dụng được các cơ hội, vượt qua được những khó khăn, thách thức, tạo được động lực phát triển mạnh mẽ để nước ta phát triển nhanh, bền vững, từng bước rút ngắn được khoảng cách đối với các nước tiên tiến.

Về những cơ hội, thuận lợi: (1) Tình thế và bối cảnh phát triển đất nước đang "buộc" phải đổi mới tư duy phát triển, đổi mới mô hình và thể chế phát triển, và do đó phải đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đổi mới vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và phương thức, cơ chế hoạt động của Nhà nước. Nếu nhận thức đúng và sâu sắc yêu cầu này sẽ là một động lực đổi mới rất quan

---

1. Đó là nước ta vừa mới ra khỏi nhóm các nước kém phát triển và bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình thấp; tiềm lực mọi mặt còn nhiều hạn chế; thể chế kinh tế thị trường chưa hoàn thiện, mô hình tăng trưởng - phát triển theo chiều rộng về cơ bản đã suy giảm động lực phát triển gần tới giới hạn; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế được xếp hạng thấp trên thế giới và khu vực; đòi hỏi phải chuyển mạnh sang phát triển theo chiều sâu gắn liền với tái cơ cấu nền kinh tế; nhiều vấn đề xã hội trở nên phức tạp, lòng dân còn nhiều bức xúc.

Bối cảnh quốc tế và khu vực đang diễn biến rất phức tạp và khó lường; có thể nói thách thức lớn hơn cơ hội; quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển nhưng đang gặp phải nhiều trở ngại và rào cản; chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa biệt lập, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ dựng lên các rào cản đối với thương mại tự do... Quan hệ quốc tế và khu vực về chính trị, ngoại giao, quân sự đang diễn ra rất phức tạp. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tăng tốc... Tất cả những vấn đề đó đặt ra những thách thức rất lớn đối với các nước có trình độ phát triển còn thấp như Việt Nam.

trọng; (2) Hiến pháp năm 2013 được ban hành với mục tiêu bao trùm là xây dựng Nhà nước pháp quyền, chứa đựng nhiều chế định là khung khổ pháp lý cho xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển; (3) Tinh thần quyết tâm xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển được sự đón nhận và ủng hộ rộng rãi trong các tầng lớp xã hội, có chung mong muốn và khát vọng đất nước phát triển nhanh, bền vững; (4) Những nước đang phát triển đi sau như Việt Nam sẽ học hỏi được nhiều bài học từ kinh nghiệm thành công cũng như thất bại của các nước đi trước trong việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển.

Về những khó khăn, thách thức và trở ngại: (1) Tư duy phát triển sáng tạo trong sự lãnh đạo và quản lý đất nước chưa theo kịp với những yêu cầu phát triển của đất nước và những bước phát triển, thay đổi nhanh và mạnh của thế giới. Chưa có sự chuyển biến mạnh và đồng bộ nhận thức trong cả hệ thống chính trị về xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển. *Tầm nhìn vượt trước được xem là một trong những yếu tố then chốt của Nhà nước kiến tạo phát triển, lại đang còn nhiều bất cập*; (2) "Di sản" nặng nề của mô hình phát triển - tăng trưởng theo chiều rộng, gắn với đó là toàn bộ hệ thống tổ chức bộ máy, luật pháp, thể chế, cơ chế, chính sách, tạo nên sức ỳ không dễ đổi mới; (3) Hệ thống chính trị chậm đổi mới, tổ chức bộ máy cồng kềnh, hiệu lực, hiệu quả kém; "tàn dư" của thể chế, cơ chế hành chính tập trung quan liêu, bao cấp...; (4) Đội ngũ cán bộ công chức thiếu tính chuyên nghiệp, còn nhiều yếu kém, bất cập; tình trạng quan liêu tham nhũng, thiếu tinh thần "công bộc" của dân, dấn thân vì sự nghiệp chấn hưng đất nước; (5) Khó khăn trong việc chế định hợp lý, hiệu quả vai trò và mức độ can thiệp của Nhà nước trong quan hệ với thị trường và xã hội trong những điều kiện

cụ thể của cả nước, trong từng lĩnh vực; khó khăn trong việc xử lý mối quan hệ giữa tăng cường kỷ cương phép nước, thượng tôn pháp luật với phát huy dân chủ trong toàn xã hội, thu hút rộng rãi các lực lượng xã hội vào phát triển và quản lý phát triển.

4. Định hướng xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam trong giai đoạn tới

Yêu cầu chung đối với xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam là phải xây dựng được một nhà nước mạnh (đồng bộ lập pháp, hành pháp, tư pháp, trọng tâm là Chính phủ và chính quyền các cấp), với hệ thống tổ chức, bộ máy tinh gọn, thể chế và cơ chế hoạt động hiệu lực, hiệu quả cao, đội ngũ cán bộ công chức chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và phẩm chất "công bộc" cao, phát huy cao nhất vai trò và sức mạnh của Nhà nước, sử dụng có hiệu quả sức mạnh của kinh tế thị trường, cơ chế thị trường và sức mạnh của toàn xã hội, tạo động lực phát triển đất nước nhanh và bền vững.

4.1. Phương hướng xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam

Bối cảnh xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở nước ta hiện nay đã khác rất nhiều so với bối cảnh xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở một số quốc gia cách đây vài ba thập kỷ. Do vậy cần xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam với tinh thần sáng tạo. Từ những kinh nghiệm quốc tế, từ bối cảnh hiện nay và từ yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới, có thể nêu lên những phương hướng lớn xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam như sau:

(1) Mục tiêu bao trùm của Nhà nước kiến tạo Việt Nam: Đặt mục tiêu phát triển lên hàng đầu, *xây dựng đồng bộ thể chế để tạo động lực cho đất nước phát triển nhanh, bền vững, thoát khỏi "bẫy thu nhập trung bình", rút ngắn được khoảng cách phát triển đối với các nước tiên tiến.*

(2) Xây dựng Nhà nước mạnh với trọng tâm là Chính phủ mạnh, sáng suốt, có quyết tâm chính trị cao, có tầm nhìn vượt trước, chủ động và tích cực đổi mới; định hướng chiến lược phát triển đúng đắn và xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách phát triển, nhất là về công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo phương thức rút ngắn trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang được đẩy mạnh trên thế giới.

(3) Nhà nước vận hành trên nền tảng pháp quyền, kết hợp có hiệu quả tính thượng tôn pháp luật, tuân thủ kỷ cương phép nước với phát huy mạnh mẽ dân chủ. Xây dựng Nhà nước "liêm chính", thực sự là "công bộc" của dân và toàn xã hội, thúc đẩy đổi mới và sự phát triển sáng tạo của mọi chủ thể trong mọi mặt của đời sống xã hội.

(4) Đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế trong định hướng "phát triển bao trùm", bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường, "không để một ai tụt lại phía sau".

(5) Xử lý có hiệu quả mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường và xã hội theo hướng: *Nhà nước mạnh - thị trường hiệu quả - xã hội (người dân và doanh nghiệp) đồng thuận, chủ động, sáng tạo.*

(6) Chuyển từ nhà nước "cai trị", chỉ huy - quản lý hành chính quan liêu, sang nhà nước pháp quyền, đặt trọng tâm vào quản lý phát triển - quản trị phát triển - nhà nước phục vụ. Pháp luật đứng trên tất cả, Nhà nước không đứng trên dân, vừa là người quản lý xã hội, vừa là đối tác phát triển

đồng hành bình đẳng và có trách nhiệm đối với mọi chủ thể trong xã hội; kết hợp có hiệu quả khu vực công và khu vực tư. Nhà nước, đặc biệt là Chính phủ phải hành động quyết liệt trong quản lý, điều hành, "nói đi đôi với làm".

4.2. Nội dung cơ bản xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam

a) Đổi mới vai trò và chức năng của Nhà nước

Nhà nước vừa phải thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ cơ bản của nhà nước nói chung, đồng thời thực hiện tốt các vai trò và chức năng mới, những nội dung mới trong vai trò và chức năng vốn có của nhà nước theo yêu cầu kiến tạo phát triển, do điều kiện khách quan đặt ra, do chính yêu cầu phát triển "rút ngắn", nhất là rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đặt ra đối với nhà nước. Có thể nêu lên những nội dung chủ yếu sau đây:

(1) Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc định hướng, quy hoạch, điều tiết phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường phát triển "rút ngắn".

(2) Nhà nước đổi mới chức năng của mình trong quan hệ với thị trường, từ vị thế quản lý, điều hành trực tiếp các hoạt động kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính, sang vị thế kiến tạo môi trường phù hợp để phát huy cao các tác động tích cực của cơ chế thị trường, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát huy mọi nguồn lực và tiềm năng phát triển trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

(3) Đối với xã hội, Nhà nước chuyển từ nhà nước "cai trị", quản lý quan liêu, đứng trên dân, sang "nhà nước quản lý, quản trị" - đồng hành và phục vụ nhân dân.

(4) Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc thúc đẩy quá trình phát triển dân chủ và dân chủ hóa xã hội trên cơ sở tôn trọng và phát huy quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và các giá trị cơ bản chung - phổ quát của nhân loại.

(5) Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc phát triển khoa học - công nghệ và phát triển nguồn lực con người, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên thế giới.

(6) Nhà nước phải thực hiện đầy đủ các chức năng chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, trong đó chức năng phát triển mạnh kinh tế là trung tâm, nhằm đạt được mục tiêu phát triển "rút ngắn".

b) Những nhiệm vụ cơ bản xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam

Định hướng nội dung xây dựng Nhà nước kiến tạo Việt Nam được đặt trong chỉnh thể xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 và những yêu cầu mới đặt ra đối với Nhà nước trong giai đoạn phát triển "rút ngắn" (tăng tốc) của đất nước. Nghĩa là Nhà nước phải thực hiện tốt chức năng kiến tạo động lực cho đất nước phát triển nhanh và bền vững. Theo tinh thần đó, nội dung xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam cần tập trung vào những nhiệm vụ cơ bản sau:

Thứ nhất, xây dựng thể chế kiến tạo phát triển, thúc đẩy phát triển sáng tạo phải là một nhiệm vụ trọng tâm của Nhà nước. Thể chế đó phải phát huy cao nhất quyền làm chủ của

nhân dân, ý chí, khát vọng, sức sáng tạo, sự đồng thuận của cả dân tộc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Bảo đảm thực thi đầy đủ nguyên tắc pháp quyền, thượng tôn pháp luật, nguyên lý chủ quyền nhân dân trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước phục vụ nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân; thực sự trong sạch, vững mạnh, liêm chính, phòng ngừa và đẩy lùi tình trạng tham nhũng và các biểu hiện tha hóa quyền lực.

Thứ hai, Nhà nước xây dựng hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách có tính công bằng cao, công khai, minh bạch, khả thi, thống nhất, đồng bộ, ổn định và dễ tiếp cận. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách được thiết kế bảo đảm đồng thời hai yêu cầu cơ bản: thể hiện tính thượng tôn pháp luật và "không gian mở" để thúc đẩy đổi mới, phát triển sáng tạo. Pháp luật vừa là công cụ hữu hiệu để Nhà nước quản lý xã hội, đồng thời là công cụ hữu hiệu để nhân dân kiểm soát việc thực thi quyền lực nhà nước.

Thứ ba, Nhà nước thực thi quyền lực trong khuôn khổ của pháp luật, quyền lực nhà nước được giới hạn một cách rõ ràng bằng pháp luật. Mọi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò của Nhà nước, các cơ quan nhà nước đều được Hiến pháp, luật và các văn bản pháp luật khác quy định một cách rõ ràng, bảo đảm các cơ quan nhà nước, quan chức nhà nước không thể tùy tiện thực hiện các hành vi ngoài quy định của pháp luật. Thực hiện nguyên tắc công dân được quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép.

Thứ tư, quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân quyền, phân cấp rõ ràng và có sự kiểm soát quyền lực

lẫn nhau. Phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm cá nhân và tập thể trong tổ chức và hoạt động của từng cơ quan nhà nước, các đơn vị khu vực công. Bảo đảm mọi hoạt động của Nhà nước, của các cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức nhà nước đều có thể chịu sự tài phán của tòa án, không thiên vị, không có vùng cấm trong xử lý các hành vi vi phạm. Độc lập trong hoạt động xét xử (độc lập tư pháp) được bảo đảm một cách đầy đủ và thực chất, tạo lập niềm tin của xã hội, người dân và nhà đầu tư vào hệ thống lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Thứ năm, *Nhà nước thực hiện có hiệu quả mối quan hệ với thị trường và xã hội:* thực hiện tốt các chức năng vốn có trong một nền kinh tế thị trường hiện đại, đồng thời sử dụng và phát huy cao nhất các mặt mạnh và hạn chế các "thất bại" của cơ chế thị trường, huy động và sử dụng có hiệu quả cao mọi nguồn lực của xã hội cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước. Duy trì hệ thống đổi mới, sáng tạo quốc gia có hiệu quả cao. Công dân được bảo đảm sự bình đẳng về cơ hội phát triển; bảo đảm tiếng nói của người dân, của xã hội ngày càng mạnh mẽ và có trọng lượng tham gia công việc của Nhà nước. Nhà nước không làm thay thị trường và xã hội.

Nguyên tắc thượng tôn pháp luật được đảm bảo trong mọi quan hệ của Nhà nước với xã hội và đối với thị trường.

Thứ sáu, *phân định một cách rõ ràng thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền trung ương và chính quyền địa phương bằng luật định; phát huy vai trò sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương*, từng bước thực hiện nguyên tắc tự quản địa phương, nhất là các đơn vị hành chính cấp cơ sở.

Thứ bảy, Nhà nước và cán bộ, công chức thực hiện nghiêm trách nhiệm giải trình trước xã hội và nhân dân. Quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cơ quan công quyền, của cá nhân từng cán bộ, công chức (nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo) được xác định rõ ràng và bảo đảm trên thực tế. Sự kiểm soát quyền lực trong thực thi công vụ phải được bảo đảm công khai, minh bạch, chặt chẽ, hiệu quả.

Thứ tám, Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm việc tham gia hội nhập quốc tế, nhất là tham gia vào các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu ngày càng sâu rộng, hiệu quả hơn; tận dụng tối đa các lợi thế và cơ hội phát triển, hạn chế tối đa các tác động bất lợi; tôn trọng đầy đủ cam kết quốc tế, tham gia tích cực vào các cơ chế quản trị toàn cầu để góp phần vào sự phát triển chung của thế giới và bảo vệ hữu hiệu lợi ích quốc gia trong hội nhập.

c) Định hướng xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước

Cơ chế vận hành của Nhà nước kiến tạo phát triển phải là một bộ phận hợp thành hữu cơ của cơ chế "Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ" nhằm phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống. Cơ chế này mang những đặc trưng kiến tạo phát triển, theo nguyên tắc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "*Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh*"[1]. Trong đó, Đảng thực hiện đúng vai trò lãnh đạo chính trị đối với Nhà nước và xã hội; Nhà nước, mà trọng tâm là Chính phủ, phải chuyển từ nhà nước nặng về trực tiếp quản lý, điều hành (nhất là trong lĩnh vực kinh tế),

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.XXVII.

đứng trên dân, sang nhà nước "quản lý, quản trị phát triển", phục vụ doanh nghiệp và nhân dân, là đối tác phát triển tin cậy của các chủ thể trong xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Cơ chế hoạt động của Nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc thượng tôn pháp luật, đồng thời tạo khung pháp lý khuyến khích phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động của bộ máy nhà nước, nhất là bộ máy hành chính, hành pháp từ Chính phủ xuống đến chính quyền cơ sở, đáp ứng những đòi hỏi của sự phát triển nhanh, phát triển "rút ngắn" và những vấn đề mới... chưa được chế định trong khung khổ pháp lý hiện hành.

Cơ chế hoạt động của Nhà nước kiến tạo phát triển, nhất là Chính phủ, phải có sự đối thoại hai chiều hiệu quả với doanh nghiệp và người dân ở tất cả các cấp; thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ và minh bạch những thông tin cần thiết cho doanh nghiệp và các chủ thể trong xã hội. Xây dựng cơ chế và các quy định để các cơ quan, cán bộ, công chức phải sát dân, tôn trọng dân, lắng nghe dân, quan tâm lợi ích chính đáng của người dân. Phải chế định rõ, công khai chế độ trách nhiệm và cơ chế thực hiện trách nhiệm giải trình của tất cả các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức nhà nước trong quá trình thực thi công vụ.

Phải chế định cơ chế để dân giám sát hoạt động của Nhà nước, nhất là của Chính phủ và chính quyền các cấp. Tiếng nói của các doanh nghiệp và người dân trong việc phản biện, phản ánh, góp ý, phê bình, khiếu nại, tố cáo phải được coi trọng và xử lý kịp thời, đúng đắn. Phải có những chế tài cụ thể để việc giám sát của nhân dân có hiệu lực, nhất là giám

sát việc thực thi quyền lực của các cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Những giải pháp chủ yếu

1.1. Nâng cao nhận thức về xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển

Trước hết, cần có nhận thức và cách tiếp cận đúng về xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển; thấy rõ yêu cầu khách quan, những thuận lợi, cơ hội, thách thức và trở ngại, để từ đó có quyết tâm chính trị cao trong việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển.

Xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển chính là cụ thể hóa đường lối, quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo những yêu cầu kiến tạo phát triển đáp ứng với đòi hỏi phát triển "tăng tốc", "rút ngắn" khoảng cách phát triển của nước ta so với các nước tiên tiến. *Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với điều kiện của Việt Nam và hội nhập quốc tế, theo hướng "Nhà nước mạnh - thị trường hiệu quả - xã hội (doanh nghiệp và người dân) đồng thuận, năng động, sáng tạo".* Nhà nước kiến tạo phát triển phải xây dựng và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước pháp quyền hiện đại, song *tập trung cao cho xây dựng các chức năng và*

thể chế thúc đẩy phát triển sáng tạo, thực thi có hiệu quả thể chế đó trong thực tiễn. Trong đó chú trọng xây dựng thể chế để chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, xây dựng hệ thống đổi mới quốc gia, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng và thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân; huy động mọi nguồn lực cho phát triển đất nước nhanh, bền vững, khắc phục được tình trạng tụt hậu, rút ngắn được khoảng cách phát triển đối với các nước tiên tiến. Xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam cũng chính là "kiến tạo" niềm tin của nhân dân, của doanh nghiệp và toàn xã hội đối với Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị: niềm tin vào đường lối, chủ trương, chính sách phát triển; niềm tin vào Nhà nước "thượng tôn pháp luật", hoạt động hiệu lực, hiệu quả; niềm tin vào đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, chuyên nghiệp, thực sự là "công bộc" của dân.

Xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển đòi hỏi phải *xây dựng đồng bộ cả ba nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp theo những yêu cầu "kiến tạo phát triển". Chính phủ, với tư cách là cơ quan hành pháp - cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, đóng vai trò trung tâm trong việc xây dựng và thực thi có hiệu quả Nhà nước kiến tạo phát triển.* Xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển đòi hỏi phải xây dựng đồng bộ thể chế với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, hệ thống tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và cơ chế vận hành từ Trung ương xuống cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.2. Xây dựng và hoàn thiện thể chế thúc đẩy phát triển sáng tạo, phát triển nhanh, bền vững, để đất nước không bị tụt hậu, rút ngắn khoảng cách phát triển đối với các nước tiên tiến

Việc *đổi mới và hoàn thiện thể chế đáp ứng với đòi hỏi phát triển theo chiều sâu của giai đoạn phát triển mới là một nhiệm vụ trọng tâm của Nhà nước kiến tạo phát triển, đóng vai trò quyết định*. Cần tập trung xây dựng và hoàn thiện đồng bộ các nội dung thể chế chủ yếu sau:

(1) Đổi mới tư duy và nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách: vừa bảo đảm những yêu cầu, nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền, đồng thời thúc đẩy kiến tạo phát triển, hội nhập quốc tế; đặt lợi ích và sự phát triển của đất nước, lợi ích của người dân lên hàng đầu, loại bỏ tác động "lợi ích nhóm", cục bộ trong xây dựng luật pháp, cơ chế, chính sách; kịp thời thay đổi, điều chỉnh luật pháp, cơ chế, chính sách, ban hành những cơ chế, chính sách mới đáp ứng với sự thay đổi và phát triển nhanh của thực tiễn; bảo đảm tính khả thi, hợp lý, hiệu quả của hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách.

(2) Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống luật pháp tạo khuôn khổ thể chế đồng bộ, phù hợp để tạo động lực phát triển nhanh, bền vững, trong đó tập trung xây dựng và hoàn thiện các hệ thống luật pháp, chính sách sau:

- Hệ thống luật pháp đồng bộ về tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các cơ quan nhà nước từ Trung ương xuống cơ sở theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Hệ thống luật pháp, chính sách tạo điều kiện và môi trường kinh doanh thuận lợi để doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, mọi người dân phát huy năng lực và sức sáng tạo; phát huy tốt nhất quyền làm chủ của mình.

- Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách đồng bộ để thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo phương thức rút ngắn, đón nhận có hiệu quả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, thúc đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp sáng tạo và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn.

- Hệ thống luật pháp, thể chế, cơ chế, chính sách đồng bộ về đổi mới và phát triển giáo dục - đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ cao để nâng cao tốc độ, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng.

- Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách tạo cơ sở để huy động cao nhất mọi nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển, nhất là những lĩnh vực chủ chốt, mũi nhọn, lĩnh vực mới. Đồng thời, điều tiết hài hòa thành quả của sự phát triển cho mọi chủ thể, mọi vùng trong đất nước, nhằm thực hiện mục tiêu "phát triển bao trùm".

- Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách để hội nhập quốc tế có hiệu quả cao.

1.3. Đổi mới và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Nhà nước theo yêu cầu kiến tạo phát triển

(1) *Tiếp tục phân định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, chức năng, nhiệm vụ quản lý của*

Nhà nước, để xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước từ Trung ương xuống cơ sở theo hướng Đảng tập trung cho nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, Nhà nước nâng cao năng lực thể chế hóa và chỉ đạo thực hiện các nội dung lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước; "tích hợp" những chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy tương đồng trong hệ thống chính trị; loại bỏ các khâu trung gian không hợp lý, khắc phục tình trạng hệ thống tổ chức, bộ máy của Đảng, của Nhà nước có những đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, trùng lặp chạy dọc từ Trung ương xuống cơ sở.

(2) Tiếp tục xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, tách biệt rõ quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh, với cung cấp dịch vụ công (chuyển sang cơ chế tự chủ và đẩy mạnh xã hội hóa). Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực phù hợp với điều kiện của Việt Nam và yêu cầu xây dựng nhà nước hiện đại. Khắc phục tình trạng còn chia cắt, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, về tổ chức bộ máy giữa các bộ, ngành làm cho bộ máy và biên chế tăng lên...

Nghiên cứu, chế định rõ hơn, hợp lý hơn việc phân công, phân cấp, phân quyền trong hệ thống nhà nước theo hướng xác định rõ các nhiệm vụ phải bảo đảm sự quản lý, chỉ đạo thống nhất của Trung ương, đồng thời tạo cơ chế, quyền hạn, trách nhiệm để nâng cao tinh thần trách nhiệm, sáng tạo, tính tự chủ, tự quản của các cấp dưới.

Nghiên cứu và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, chính quyền khu kinh tế đặc biệt;

xem xét việc sáp nhập các đơn vị hành chính các cấp (trước hết là cấp xã, cấp quận) trước điều kiện và yêu cầu phát triển mới của đất nước.

(3) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy chuẩn hóa, quy chế hóa, tiêu chí hóa, chế độ hóa về tổ chức, bộ máy và biên chế chung của hệ thống chính trị, của hệ thống Đảng, hệ thống Nhà nước, hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở từng cấp, từng lĩnh vực.

(4) Xây dựng đồng bộ cơ chế, các thiết chế giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước trong cả hệ thống chính trị, nhất là trong hệ thống cơ quan nhà nước, giám sát từ phía xã hội, nhân dân và từ hệ thống thông tin, truyền thông; xây dựng cơ chế kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

(5) Đối với Quốc hội:

Quốc hội tập trung nâng cao chất lượng công tác lập pháp theo hướng bảo đảm những yêu cầu và nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền, đồng thời thể hiện những yêu cầu cao về kiến tạo phát triển; lập pháp theo tinh thần các cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép; còn người dân có quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Chế định khung khổ pháp lý để các cơ quan nhà nước phải nâng tầm quản lý, quản trị phát triển lên ngang tầm với đòi hỏi của sự phát triển đất nước. Chế định rõ quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình của tất cả các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước một cách công khai, minh bạch.

Quốc hội nâng cao chất lượng xem xét và quyết định những vấn đề lớn, những định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển lớn, những cân đối lớn, những dự án, công trình

lớn của đất nước theo hướng thúc đẩy kiến tạo phát triển nhanh, bền vững.

Quốc hội đổi mới và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát tối cao đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, hành pháp; giám sát việc phân bổ và sử dụng ngân sách quốc gia. Đặc biệt là giám sát về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp, nhất là đối với việc giải quyết những vấn đề bức xúc mà cử tri và nhân dân đã kiến nghị. Có cơ chế ràng buộc để những kết luận kiểm tra, giám sát được thực thi trong cuộc sống.

(6) Đối với Chính phủ và hệ thống chính quyền các cấp:

Hệ thống hành chính - hành pháp quốc gia, đứng đầu là Chính phủ cho tới hệ thống chính quyền cơ sở, đồng thời với việc thực hiện đầy đủ, đồng bộ các chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo luật định, cần tập trung cao cho việc thực hiện các chức năng thúc đẩy kiến tạo phát triển:

- Ưu tiên hàng đầu là nâng cao năng lực hoạch định chính sách, quản lý vĩ mô, kịp thời phản ứng chính sách của Chính phủ. Các chiến lược và quy hoạch phát triển phải thể hiện sự *kết hợp có hiệu quả vai trò chủ đạo của Nhà nước, vai trò trung tâm điều tiết khách quan của cơ chế thị trường và vai trò động lực phát triển của toàn xã hội, nhất là vai trò của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và người dân.*

- Tập trung xây dựng thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều tiết kinh tế vĩ mô, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, quốc gia khởi nghiệp, phát triển sáng tạo:

+ Tiếp tục cải cách, hoàn thiện đồng bộ các quy định về điều kiện kinh doanh bảo đảm rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện. Kiên quyết đổi mới công tác quản lý theo thông lệ quốc tế. Bãi bỏ các quy định về điều kiện kinh doanh không còn phù hợp, trái quy định của pháp luật. Đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, cắt giảm mạnh chi phí thủ tục hành chính. Nâng cao các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát huy mọi tiềm năng, phát triển lành mạnh, cạnh tranh bình đẳng và hội nhập quốc tế.

+ Tạo lập hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp để khuyến khích sáng tạo phát triển cho doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và có tiềm năng tăng trưởng cao. Nâng cao chỉ số về năng lực cạnh tranh, chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia.

+ Đẩy mạnh tái cơ cấu có hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, xử lý dứt điểm các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ kéo dài, hoàn thiện thể chế quản lý, quản trị doanh nghiệp nhà nước theo hướng hiện đại; đẩy mạnh xử lý nợ xấu, giảm bội chi ngân sách, giảm nợ công; nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư công.

+ Hoàn thiện các chế định bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

+ Lấy doanh nghiệp là đối tượng phục vụ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh và phát triển. Bảo đảm quyền bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế về cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển và đầu tư kinh doanh.

+ Đổi mới và hoàn thiện thể chế cung ứng các dịch vụ công (y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa...) theo hướng vừa bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cơ bản, thiết yếu, vừa tạo động lực cho sự phát triển. Từng bước nâng cao mức độ và chất lượng các dịch vụ công; đẩy mạnh xã hội hóa, thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị cung cấp dịch vụ công; tiếp cận việc cung ứng dịch vụ công theo quyền con người, quyền công dân, nhất là đối với những đối tượng yếu thế.

+ Bảo đảm sự ổn định, nhất quán, dễ dự báo của hệ thống chính sách; xác định rõ trách nhiệm, trách nhiệm giải trình của các tổ chức và cá nhân làm công tác quản lý nhà nước. Hạn chế sử dụng mệnh lệnh hành chính, can thiệp trực tiếp vào các hoạt động kinh tế, xã hội.

+ Đổi mới căn bản cơ chế, chính sách huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc định hướng và điều tiết việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực đầu tư theo những mục tiêu, chiến lược phát triển; xóa bỏ triệt để cơ chế "xin - cho"; sử dụng cơ chế thị trường làm công cụ chủ yếu để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho quá trình phát triển.

+ Đổi mới và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu ngăn chặn, phát hiện và xử lý vi phạm. Đơn giản hóa khâu tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm gắn với quy định cụ thể, công khai, minh bạch về thanh tra, kiểm tra, giám sát. Khắc phục triệt để tình trạng thanh tra, kiểm tra, giám sát chồng chéo, quá nhiều lần trong năm, gây phiền hà, nhũng nhiễu đối với các doanh nghiệp và người dân trong sản xuất kinh doanh.

+ Ban hành các quy định để thúc đẩy các doanh nghiệp nêu cao tinh thần và ý thức dân tộc, tuân thủ pháp luật, thực

hiện liêm chính trong kinh doanh; xây dựng đạo đức doanh nhân và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chống việc hình thành "chủ nghĩa tư bản thân hữu"; thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, chia sẻ và liên kết hợp tác, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Xây dựng mô hình và thể chế quản trị xã hội hiệu quả thông qua hệ thống cơ chế, chính sách, công cụ pháp luật để các tổ chức, cá nhân nâng cao tính tự chủ, tự quản, tham gia tích cực và có trách nhiệm vào các công việc chung, trong xây dựng và phát triển xã hội lành mạnh, bền vững.

(7) Đối với hệ thống tư pháp: Nhà nước cần hoàn thiện và nâng cao vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp theo nguyên tắc pháp quyền, hiện đại, chuyên nghiệp, độc lập; có chức năng kiểm soát quyền lực đối với công tác lập pháp và hành pháp. Hệ thống tư pháp đặt trọng tâm vào việc bảo vệ công lý, bảo vệ giá trị và quyền con người, quyền công dân, bảo vệ và tôn vinh các giá trị xã hội tốt đẹp của đất nước... để tạo lập môi trường xã hội an lành cho sự phát triển. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, thiết lập hệ thống tư pháp có tính độc lập cao, có đủ thẩm quyền và năng lực giải quyết và phân xử các dạng tranh chấp ngày càng đa dạng và phức tạp giữa các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Nền tư pháp phải bảo vệ mọi chủ thể làm ăn chân chính, làm giàu cho mình và cho đất nước; không hình sự hóa quan hệ kinh tế dân sự, đồng thời xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật.

(8) Đổi mới, hoàn thiện phương thức và cơ chế hoạt động của Nhà nước theo yêu cầu kiến tạo phát triển.

- Thực hiện nghiêm, có hiệu quả nguyên tắc "thượng tôn pháp luật", chấn chỉnh kỷ cương phép nước trong hoạt động

của các cơ quan nhà nước, nhất là trong hệ thống hành chính - hành pháp từ Trung ương xuống cơ sở. Khắc phục triệt để tình trạng "trên bảo dưới không nghe", "phép vua thua lệ làng", "trên nóng, dưới lạnh", "trên rải thảm, dưới rải đinh", "dân cần nhưng quan chưa vội", "nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít"...

- Nhà nước, nhất là hệ thống hành chính - hành pháp, cần tập trung cho hoạch định đường lối, chiến lược, quy hoạch phát triển đất nước *theo cách tiếp cận thị trường* (chung của cả nước và từng lĩnh vực, ngành và các vùng), quản lý vĩ mô; bảo đảm tính hiệu quả cao trong sự phát triển giữa các mục tiêu và nhiệm vụ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

- Chuyển mạnh phương thức hoạt động của Nhà nước, nhất là hệ thống hành chính - hành pháp từ quản lý, điều hành trực tiếp theo cơ chế hành chính tập trung quan liêu sang cơ chế quản lý, quản trị, phục vụ phát triển bằng hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả. Phân công và thực thi công vụ theo nguyên tắc "*đúng việc, đúng người, đúng cách, đúng lúc*", Nhà nước không "ôm đồm" làm thay thị trường, thay người dân. Lấy sự phát triển của đất nước, sự hài lòng của doanh nghiệp và người dân là thước đo hiệu quả hoạt động của Chính phủ, chính quyền các cấp. Chuyển mạnh cách tiếp cận xây dựng luật pháp, cơ chế, chính sách theo "quản được đến đâu cho phát triển tới đó" sang "nâng cao năng lực quản lý, quản trị đáp ứng yêu cầu của sự phát triển".

- Chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước theo cách tiếp cận Nhà nước là chủ thể đứng trên xã hội, trên dân, sang phương thức Nhà nước, nhất là hệ thống hành chính -

hành pháp, là đối tác phát triển tin cậy, đồng hành và hỗ trợ xã hội (doanh nghiệp và người dân) phát triển. *Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp phải thực sự là các chủ thể hành động.*

- Nhà nước chế định và thực hiện nghiêm túc cơ chế công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước, quyền tiếp cận thông tin của người dân và mọi chủ thể trong xã hội đối với hoạt động của Nhà nước. Chế định và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả cơ chế đối thoại với người dân và doanh nghiệp.

- Chế định và thực thi có hiệu quả cơ chế thực hiện trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức. Tạo lập niềm tin của xã hội bằng nêu gương và hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ.

- *Đẩy mạnh việc xây dựng Chính phủ điện tử:* Coi đây là hệ thống công cụ - phương tiện quan trọng để đổi mới phương thức hoạt động và chỉ đạo điều hành của Nhà nước, nhất là của Chính phủ; giúp cho các cơ quan nhà nước "đối thoại" trực tiếp với doanh nghiệp và người dân; dân chủ hóa, công khai hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước, góp phần quan trọng loại bỏ các khâu trung gian, bệnh quan liêu, tiêu cực, những nhiễu; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước từ Trung ương xuống cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến.

1.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức đáp ứng yêu cầu của Nhà nước kiến tạo phát triển

Tập trung xây dựng đồng bộ đội ngũ cán bộ, công chức: xây dựng *đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý* các cấp có phẩm

chất và trình độ, có bản lĩnh chính trị và quyết tâm đổi mới, sáng tạo vì sự phát triển của đất nước. Xây dựng *đội ngũ chuyên gia giỏi* cả về lý luận và thực tiễn, có phẩm chất tốt làm công tác tham mưu xây dựng chủ trương, chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách phát triển, nhất là ở cấp chiến lược. Đào tạo *đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, mẫn cán, tận tụy, có tinh thần và trách nhiệm công tác cao.* Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ; xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng theo *tiêu chí thực tài* trong hệ thống chính trị. Mọi quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức phải được thể chế hóa trên tinh thần phục vụ người dân, phục vụ doanh nghiệp.

Tập trung cao thực hiện chiến lược phát triển con người, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng đòi hỏi phát triển nhanh và bền vững đất nước, đòi hỏi của thay đổi nhanh cơ cấu nền sản xuất xã hội và sự ra đời những ngành nghề mới dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

1.5. Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ là một nhiệm vụ then chốt của Nhà nước kiến tạo phát triển

Trong điều kiện hiện nay, với sự phát triển rất nhanh của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tăng tốc (với nội dung quan trọng là phát triển trí tuệ nhân tạo, Internet kết nối vạn vật, công nghệ tự động hóa và robot), để chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, phát triển nhanh và bền vững đất nước,

Nhà nước phải "dựa vào" công cụ then chốt này với hai giác độ: khoa học hóa, hiện đại hóa quản lý, quản trị nhà nước; và ứng dụng khoa học - công nghệ trở thành lực lượng sản xuất hiện đại, hiệu quả. Chính vì vậy, Nhà nước cần hoàn thiện đồng bộ ba thể chế sau: thể chế phát triển kinh tế dựa vào khoa học - công nghệ, thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao; thể chế phát triển khoa học - công nghệ hướng vào nhu cầu phát triển của đất nước; và thể chế kết nối có hiệu quả giữa phát triển khoa học - công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế để thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao là nhiệm vụ then chốt để thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo phương thức rút ngắn.

1.6. Xây dựng mối quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội theo tinh thần kiến tạo phát triển

- Hoàn thiện cơ chế để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và người dân thực hiện có hiệu quả chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với hoạt động của Đảng và Nhà nước; tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, thực hiện, kiểm tra, đánh giá luật pháp, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; làm cầu nối hiệu quả giữa Đảng và Nhà nước với Nhân dân.

- Hoàn thiện cơ chế để các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự quản theo quy định của pháp luật, nâng cao tính năng động, sáng tạo của các tổ chức này. Khắc phục tình trạng nhà nước hóa về tổ chức bộ máy, hành chính hóa về cơ chế hoạt động.

- Nhà nước coi các tổ chức này như đối tác phát triển quan trọng; chế định rõ cơ chế quản lý nhà nước, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với các tổ chức này.

1.7. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng và hoạt động của Nhà nước kiến tạo phát triển

Sự lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng Nhà nước pháp quyền nói chung, và cụ thể là xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, đóng vai trò tiên quyết cho sự thành công. Việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển đòi hỏi:

(1) Đảng phải tiên phong trong đổi mới tư duy về phát triển, về xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển trong lộ trình xây dựng Nhà nước pháp quyền; làm cho hệ thống chính trị và toàn xã hội nhận thức rõ yêu cầu khách quan này. Để lãnh đạo xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển thành công thì Đảng phải là Đảng kiến tạo phát triển, với tầm nhìn vượt trước thể hiện ở việc định ra đường lối, chiến lược, chủ trương, định hướng chính sách phát triển đúng đắn để lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

(2) Xác định rõ và quán triệt sâu sắc quan điểm: Đối với Đảng cầm quyền thì phương thức lãnh đạo quan trọng nhất, chủ yếu nhất là Đảng lãnh đạo xã hội "bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước" để cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối, chủ trương, định hướng chính sách phát triển của Đảng theo con đường pháp quyền. Đảng mạnh là phải xây dựng được Nhà nước, hệ thống chính quyền mạnh, đồng thời Nhà nước, hệ thống chính quyền mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là sự thể hiện trên thực tế sức mạnh của Đảng. Do đó, Đảng cần xác định rõ hơn, phù hợp hơn nội dung, phương thức, cơ chế lãnh đạo và chế độ trách nhiệm lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội, trong đó có nhiệm vụ xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển.

(3) Đảng phải "thực hiện lãnh đạo đúng", bao gồm "quyết định lãnh đạo đúng", "lãnh đạo tổ chức thực hiện đúng", và "tổ chức kiểm tra, giám sát đúng", như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói. Nghĩa là Đảng đề ra được đường lối, chủ trương, chiến lược và các định hướng chính sách phát triển đúng đắn, làm cơ sở cho Nhà nước cụ thể hóa, thể chế hóa thành hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo cơ sở pháp lý cho sự vận động và phát triển của toàn xã hội *đáp ứng với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới*. Đảng chịu trách nhiệm về sự lãnh đạo của mình đối với đất nước và xã hội; các tổ chức đảng và đảng viên phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật như Hiến pháp năm 2013 đã hiến định.

(4) Đảng tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với công tác lập pháp, hành pháp, tư pháp theo nguyên tắc không bao biện làm thay, không "lấn sân" công việc của Nhà nước, đồng thời không buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, tạo không gian và trách nhiệm cao, chủ động, sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan nhà nước theo Hiến pháp và pháp luật, theo tinh thần thượng tôn pháp luật, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân ở mọi cấp độ. Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước, Nhà nước nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý đều nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế.

(5) Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống chính trị tinh gọn, không trùng chéo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

(6) Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ: lãnh đạo xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế,

quy trình công tác cán bộ theo hướng thực tài; dân chủ hóa, công khai hóa công tác cán bộ; đề cao trách nhiệm của cơ quan, cấp ủy, thủ trưởng cơ quan quản lý - sử dụng cán bộ. Xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp thực sự là những "công bộc" của dân, giỏi về chuyên môn, phẩm chất đạo đức trong sáng, hết lòng vì lợi ích của nhân dân và sự phát triển của đất nước. Lãnh đạo thực hiện kiên quyết và có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, quan liêu, tha hóa quyền lực, tha hóa đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị. Đây là một trong những nhân tố quyết định việc xây dựng thành công Nhà nước kiến tạo phát triển.

(7) Thực hiện đồng bộ các giải pháp "kiến tạo niềm tin" của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên phải thực sự gắn bó chặt chẽ với nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân với mục tiêu cao nhất vì lợi ích của quốc gia, của dân tộc, của nhân dân. Xây dựng và phát huy sức mạnh, sự sáng tạo của khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với sức mạnh thời đại, vượt qua mọi thử thách, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

2. Về lộ trình xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển

Đây là vấn đề mới, rất lớn, rất khó, cần được nghiên cứu, chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng để triển khai thực hiện vững chắc. Do tầm quan trọng của việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn phát triển có tính bước ngoặt này, chúng tôi đề xuất:

(1) Đề nghị Trung ương, Bộ Chính trị giao cho một cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Đề án

tổng thể về xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam với đầy đủ cơ sở khoa học - thực tiễn, với những nội dung đồng bộ, toàn diện và kế hoạch - lộ trình triển khai cụ thể.

(2) Đề án được triển khai từ nay đến năm 2030, về cơ bản có hai giai đoạn chính sau:

a) Trước mắt, từ nay đến năm 2020

- Xây dựng, hoàn thiện những tiền đề cơ bản của Nhà nước kiến tạo phát triển, trọng tâm là hoàn thiện cơ bản hệ thống pháp luật gắn với xây dựng và tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội.

- Đổi mới một bước cơ bản hệ thống chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; đặc biệt là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng và hoàn thiện chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 theo tinh thần kiến tạo phát triển, trong đó có chiến lược và quy hoạch phát triển công nghiệp hóa theo phương thức "rút ngắn", chuyển đổi mô hình tăng trưởng - phát triển sang chiều sâu.

b) Giai đoạn 2021-2030

- Từ năm 2021 đến năm 2025 tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước kiến tạo phát triển.

- Từ năm 2026 đến năm 2030 hoàn thiện và vận hành thông suốt đồng bộ Nhà nước kiến tạo phát triển.

- Hoàn thiện nền tảng hoạt động của Nhà nước kiến tạo phát triển, đề cao vai trò của pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; quản trị phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đổi mới và sáng tạo, phát huy tối ưu mọi nguồn lực của đất nước, phấn đấu đạt mục tiêu đưa nước ta sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

NGUYÊN TẮC PHÁP QUYỀN TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DO ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO

TS. UÔNG CHU LƯU*

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC PHÁP QUYỀN

1. Khái quát về Nhà nước pháp quyền

Nhà nước pháp quyền dù được biểu đạt bởi các tên gọi khác nhau trong ngôn ngữ và nhận thức của các quốc gia nhưng đang là một xu thế hiện thực trong thế giới ngày nay. Khái niệm Nhà nước pháp quyền hiện đang có nhiều định nghĩa khác nhau, nhưng dù định nghĩa theo cách nào thì qua nghiên cứu có thể chỉ ra:

- Những đặc điểm cơ bản, phổ biến của Nhà nước pháp quyền sau đây: (1) Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; (2) Thượng tôn pháp luật là tư tưởng xuyên suốt trong tổ chức, hoạt động của nhà nước và toàn xã hội. Trong đó, hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong đời sống của nhà nước và xã hội; không ai (bao gồm cả nhà nước) được đứng trên pháp luật. Nội dung của pháp luật phải mang tính dân chủ và nhân văn sâu sắc, pháp luật vì con người,

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

vì sự tiến bộ của xã hội; (3) Quyền lực nhà nước được hợp thành bởi các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; việc tổ chức bộ máy nhà nước theo nguyên tắc phân công và chế ước lẫn nhau (quyền lực nhà nước phải được kiểm soát), quyền tư pháp độc lập; (4) Quyền con người, quyền công dân được nhà nước thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm; quan hệ giữa nhà nước và cá nhân được xác định theo nguyên tắc: công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép; (5) Nhà nước pháp quyền, thị trường, xã hội gắn bó mật thiết với nhau; (6) Nhà nước tôn trọng và thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà mình là thành viên; (7) Nhà nước pháp quyền luôn có cơ chế bảo vệ hiến pháp phù hợp, bảo đảm địa vị tối cao, bất khả xâm phạm của hiến pháp, loại bỏ mọi hành vi trái với tinh thần và quy định của hiến pháp, không phụ thuộc vào chủ thể của các hành vi này.

- Nhà nước pháp quyền ở các quốc gia khác nhau còn có tính đặc thù. Trên thực tế, mỗi quốc gia, dân tộc có những đặc điểm lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội và trình độ phát triển riêng, nên việc lựa chọn và quyết định theo đuổi việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền cũng mang những nét đặc thù riêng biệt. Các nhà nước tư sản thường đề cao nguyên tắc "tam quyền phân lập" trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, với đặc trưng là do Đảng Cộng sản lãnh đạo nhà nước và xã hội nên quan niệm về Nhà nước pháp quyền cũng có những nét đặc thù riêng biệt. Tính đặc thù của Nhà nước pháp quyền được xác định bởi hàng loạt yếu tố, điều kiện về lịch sử, truyền thống - văn hóa, tâm lý xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa và môi trường địa lý.

Như vậy, *Nhà nước pháp quyền là một phạm trù vừa mang tính phổ biến vừa mang tính đặc thù.* Nhà nước pháp quyền vừa là một giá trị chung của nhân loại, vừa là một giá trị riêng của mỗi quốc gia, dân tộc; không thể có một Nhà nước pháp quyền chung, thống nhất cho mọi quốc gia, dân tộc.

2. Khái quát quá trình phát triển tư tưởng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta

Ở nước ta, ngay từ những năm 20 của thế kỷ trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập vấn đề "phải có thần linh pháp quyền"[1] trong bài *Việt Nam yêu cầu ca.* Từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (năm 1945) đến nay, tư tưởng xây dựng một nhà nước dân chủ, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; có nền dân chủ lập hiến, quản lý đất nước bằng pháp luật là tư tưởng nhất quán, được hình thành và phát triển ngày một hoàn thiện qua các thời kỳ. Tuy nhiên, đến Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng ta, lần đầu tiên thuật ngữ "*Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*"[2] mới chính thức được đưa vào Văn kiện. Từ đó đến nay, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và các văn kiện Đại hội VIII, IX, X, XI và XII, các nghị quyết trung ương của Đảng tiếp tục phát triển và hoàn thiện tư tưởng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.473.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* ph.I, tr.515.

3. Nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

3.1. Khái niệm nguyên tắc pháp quyền

Nguyên tắc pháp quyền là tinh thần thượng tôn pháp luật của Nhà nước, cơ quan nhà nước, các nhân viên nhà nước, của mọi tổ chức, cá nhân và của toàn xã hội; là một trong những tư tưởng chủ đạo trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền, trong quản lý và phát triển xã hội.

Nguyên tắc pháp quyền được thể hiện trên các phương diện sau:

- Trên phương diện pháp luật, nguyên tắc pháp quyền là cơ sở để xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, dân chủ, tiến bộ, trong đó Hiến pháp có vị trí tối thượng trong hệ thống pháp luật;

- Trên phương diện tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, thì nguyên tắc pháp quyền là một trong những nguyên tắc cơ bản, tư tưởng chủ đạo trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền;

- Trong mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân, với mọi tổ chức và cá nhân thì nguyên tắc pháp quyền còn là biểu hiện sự cam kết của Nhà nước với họ trong việc Nhà nước phải làm đúng, làm đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Trong xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay: Thuật ngữ "nguyên tắc pháp quyền" được đề cập khá muộn trong các văn kiện chính thức của Đảng. Thuật ngữ "nguyên tắc pháp quyền" lần đầu được đề cập trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Đến năm 2016, Đại hội XII của Đảng xác định: "Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền"[1]. Trong hệ thống pháp luật nước ta hiện nay, thuật ngữ "nguyên tắc pháp quyền" chưa được ghi nhận chính thức, song tư tưởng và nội dung của nguyên tắc này ít nhiều đã được thể hiện ở các mức độ khác nhau trong các bản Hiến pháp và trong cả hệ thống pháp luật.

3.2. Vai trò của nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước

Thứ nhất, là cơ sở để tổ chức bộ máy nhà nước và bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Thứ hai, là cơ sở để nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước, kiểm soát quyền lực nhà nước.

Thứ ba, là cơ sở để phát triển nguồn nhân lực quốc gia và xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức nói riêng, trong đời sống xã hội nói chung.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.175.

II. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT VIỆC TUÂN THỦ NGUYÊN TẮC PHÁP QUYỀN TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DO ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO TRONG THỜI GIAN QUA

A. KẾT QUẢ VÀ HẠN CHẾ

1. Việc tuân thủ nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thời gian qua

1.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, tinh thần thượng tôn pháp luật đã thể hiện sâu sắc hơn trong nguyên tắc chủ quyền nhân dân, trong vấn đề bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Các bản Hiến pháp trước đây, đặc biệt Hiến pháp năm 2013 và hệ thống pháp luật đã khẳng định, làm sâu sắc hơn và thể hiện nhất quán, xuyên suốt vấn đề chủ quyền nhân dân trong toàn bộ các quy định của Hiến pháp và hệ thống pháp luật: (1) Các bản Hiến pháp nhất quán khẳng định tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước; (2) Hiến pháp đã xác định rõ hơn nhiệm vụ của Nhà nước là phải bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; (3) Hiến pháp xác định rõ hơn việc nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước;

(4) Hiến pháp ghi nhận vai trò của nhân dân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp; trong việc tham gia xây dựng và quyết định Hiến pháp.

Thứ hai, tinh thần thượng tôn pháp luật, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đã được quy định rõ, rành mạch hơn; mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức đều phải tuân thủ triệt để theo các quy định của pháp luật: Theo đó, Hiến pháp năm 2013 đã: (1) Điều chỉnh lại một số nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp từ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, chính quyền địa phương đến các thiết chế Hiến định độc lập; (2) Bổ sung một nội dung quan trọng: *kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp;* (3) Hiến định một số thiết chế độc lập như Hội đồng Bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước nhằm tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực trong bộ máy nhà nước; (4) Nhiều nội dung, giá trị trong nguyên tắc pháp quyền đã tạo nên những thay đổi tích cực trong việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Thứ ba, hệ thống pháp luật thời gian qua đã tương đối đầy đủ, đồng bộ, điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội; tính tối cao của Hiến pháp và vị trí quan trọng của các đạo luật trong quản lý nhà nước và xã hội ngày càng được coi trọng: (1) Theo nguyên tắc pháp quyền, Hiến pháp được xác định giữ vị trí tối thượng trong hệ thống pháp luật; mọi văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp và không được trái với Hiến pháp; (2) Cùng với hoạt động lập hiến, Nhà nước ta đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo khung pháp lý cho sự phát triển nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Tinh thần sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật ngày càng được đề cao trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ tư, trên tinh thần thượng tôn pháp luật, Hiến pháp và hệ thống pháp luật đã có những thay đổi quan trọng, tích cực trong việc thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân: Theo đó, Hiến pháp năm 2013 đã: (1) Thể hiện sự phát triển quan trọng về nhận thức và tư duy trong việc tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân; (2) Thể hiện rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực thi các quy định bảo đảm quyền con người, quyền công dân; (3) Quy định rõ hơn quyền con người và quyền công dân theo kỹ thuật lập hiến hiện đại, phù hợp với cách diễn đạt trong các công ước quốc tế về quyền con người.

1.2. Những hạn chế, bất cập

Thứ nhất, quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế chưa được thực hiện đầy đủ theo tinh thần thượng tôn pháp luật trong nguyên tắc chủ quyền nhân dân: (1) Quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, trên một số lĩnh vực còn bị vi phạm; còn tình trạng "vừa thiếu dân chủ vừa thiếu kỷ cương"; (2) Quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân với tư cách là người chủ của quyền lực nhà nước vẫn chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ, vững chắc; khả năng kiểm soát quyền lực nhà nước từ phía nhân dân vẫn mang tính hình thức; (3) Việc bảo đảm dân chủ trong bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có nơi, có lúc chưa được tổ chức, thực hiện tốt; (4) Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở có mặt còn hình thức, chưa thực sự phát huy được vai trò, trách nhiệm của người dân.

Thứ hai, việc thể chế hóa nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực, trong phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan nhà nước nhiều điểm còn chưa rõ: (1) Việc quán triệt tinh thần thượng tôn pháp luật trong xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong bộ máy nhà nước còn nhiều điểm chưa rõ; (2) Vẫn còn nhận thức chưa thật đầy đủ về nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, về cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước, quan hệ giữa phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước; (3) Sự tuân thủ tính pháp quyền ngay trong tổ chức bộ máy nhà nước còn rất nhiều yếu kém. Tinh thần chung của Hiến pháp và luật là tinh gọn bộ máy, song thực tế tổ chức bộ máy hành chính còn cồng kềnh, chưa tinh gọn, nhiều tầng nấc trung gian, hoạt động thiếu nhịp nhàng, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả còn hạn chế; (4) Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chậm đổi mới; hiệu lực, hiệu quả ở nhiều nơi chưa cao. Trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền chưa được quy định rõ ràng. Chưa rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp chính quyền địa phương, chính quyền đô thị, nông thôn; (5) Ý thức tuân thủ pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn yếu kém, chưa hình thành thói quen làm việc và ứng xử thượng tôn pháp luật trong hoạt động công vụ; tình trạng quan liêu, chuyên quyền, độc đoán, tham nhũng, lãng phí còn phổ biến và nghiêm trọng trong bộ máy nhà nước.

Thứ ba, hệ thống pháp luật vẫn chưa hoàn chỉnh, đồng bộ, thống nhất, còn chồng chéo, mâu thuẫn, tính khả thi thấp. Một số lĩnh vực của hệ thống pháp luật còn thiếu tính ổn định, tính dự báo chưa cao. Mặc dù Hiến pháp năm 2013 giao cho Quốc hội quy định cụ thể về cơ chế bảo vệ Hiến pháp nhưng

đến nay vẫn chưa có một đạo luật về vấn đề này. Tổ chức thực thi pháp luật chưa tốt, tuân thủ pháp chế chưa nghiêm.

Thứ tư, việc ghi nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trên thực tế chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của nguyên tắc pháp quyền: (1) Chưa ban hành được một số luật để bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân được Hiến pháp quy định, như: luật về hội, luật biểu tình, luật về dân chủ ở cơ sở...; (2) Tổ chức thực hiện pháp luật còn yếu, có nơi, có lúc còn chưa xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền con người, quyền công dân.

2. Việc tuân thủ nguyên tắc pháp quyền trong mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội

2.1. Những kết quả đạt được

(1) Từ khi đổi mới đến nay, Đảng ta luôn khẳng định và nhất quán, nền kinh tế thị trường mà chúng ta xây dựng phải có sự quản lý của Nhà nước và bảo đảm nguyên tắc: "Nhà nước quản lý điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường. Tăng cường công tác giám sát, nhất là giám sát thị trường tài chính, chủ động điều tiết, giảm các tác động tiêu cực của thị trường, không phó mặc cho thị trường hoặc can thiệp làm lệch lạc các quan hệ thị trường"[1], "kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách"[2]; (2) Hệ thống

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.142, 80.

pháp luật tạo khung khổ pháp lý cho nền kinh tế thị trường đã được bổ sung, hoàn thiện. Các loại thị trường bước đầu được hình thành đồng bộ, gắn kết ngày càng tốt hơn với thị trường thế giới. Quản lý nhà nước về kinh tế đã chuyển đổi căn bản sang phương thức quản lý chủ yếu bằng pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế; (3) Nền kinh tế hội đủ các điều kiện để nước ta trở thành thành viên thứ 150 của WTO, đã có gần 30 nước công nhận nước ta có nền kinh tế thị trường đầy đủ.

2.2. Những hạn chế, bất cập

(1) Việc phân định vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội còn nhiều điểm chưa rõ. Nhà nước vẫn bao biện nhiều chức năng mà thị trường đảm nhiệm hiệu quả hơn (phân bổ vốn; quản trị doanh nghiệp) trong khi chưa chú ý đúng mức đến những chức năng mà Nhà nước phải hoàn thành (xây dựng và thực thi khung khổ quản lý nhà nước "khung khổ hành chính - pháp lý", cung cấp hàng hóa và dịch vụ công, hỗ trợ phát triển,...); (2) Các hệ thống công cụ quản lý, điều tiết của Nhà nước (nhất là bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch...) đều chưa đáp ứng yêu cầu. Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế còn thấp, thiếu công cụ và cơ chế giám sát, chế tài để bảo đảm các chủ thể tham gia các quan hệ thị trường tuân thủ "luật chơi" đã đề ra; (3) Thực tiễn đầu tư nhà nước cho các lĩnh vực kinh tế và xã hội cho thấy phần lớn vốn đầu tư đã được tập trung cho lĩnh vực kinh tế, trong khi các lĩnh vực xã hội được đầu tư còn thấp. Năng lực phục vụ của các lĩnh vực dịch vụ công thiết yếu (y tế, giáo dục) tăng lên không kịp đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chủ trương "xã hội hóa" thực hiện còn chậm, hiệu quả thấp.

3. Việc tuân thủ nguyên tắc pháp quyền trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ

3.1. Những kết quả đạt được

(1) Vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực tiễn cách mạng Việt Nam là một tất yếu lịch sử khách quan, được khẳng định nhất quán trong các văn kiện Đại hội Đảng, được Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 ghi nhận; (2) Phân định ngày càng rõ hơn chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của cơ quan nhà nước; (3) Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước trong những năm qua đã có những bước tiến nhất định. Các nghị quyết của Đảng đã từng bước làm rõ những phương hướng cơ bản mối quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trên các lĩnh vực; (4) Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ngày càng được nâng cao, nhất là hoạt động giám sát và phản biện xã hội.

3.2. Những bất cập, hạn chế

(1) Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân còn chậm và thiếu đồng bộ; phương thức lãnh đạo "bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước" chưa được nhận thức và thực hiện một cách nhất quán và đầy đủ; (2) Năng lực lãnh đạo của một số cấp uỷ còn thấp, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng,

chính trị, đạo đức, lối sống; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn diễn biến nghiêm trọng ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực của đời sống xã hội; (3) Mặc dù Hiến pháp quy định Đảng phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân nhưng chưa có cơ chế cụ thể để nhân dân kiểm tra, giám sát Đảng.

B. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG BẤT CẬP, HẠN CHẾ

Thứ nhất, việc nghiên cứu, xây dựng mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo là một vấn đề mới về lý luận, chưa có thực tiễn ở nước ta. Nhiều vấn đề lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên tắc pháp quyền, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong điều kiện Đảng lãnh đạo, lý luận về Đảng cầm quyền, về "định hướng xã hội chủ nghĩa"... chưa được nghiên cứu một cách cơ bản và có hệ thống.

Thứ hai, năng lực xây dựng chính sách, thể chế, năng lực dự báo trong hoạt động lập pháp còn nhiều hạn chế. Việc tổ chức thực hiện pháp luật chưa nghiêm, thiếu thống nhất, thiếu kiên quyết...

Thứ ba, việc thực hiện một số chủ trương trong xây dựng Nhà nước pháp quyền còn chậm, chưa được đặt trong tổng thể của việc đổi mới của cả hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Thứ tư, chưa xác định rõ việc giáo dục ý thức, tinh thần thượng tôn pháp luật là một trong những phẩm chất cốt lõi của công dân trong Nhà nước pháp quyền. Điều này dẫn đến chưa hình thành ý thức, thói quen ứng xử thượng tôn pháp luật trong hoạt động công vụ và đời sống xã hội.

III. TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC PHÁP QUYỀN TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DO ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO TRONG THỜI GIAN TỚI

Qua hơn 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng, có ý nghĩa lịch sử. Ngày nay, trong bối cảnh kinh tế - xã hội phát triển ổn định, yêu cầu dân chủ hóa đang diễn ra mạnh mẽ thì việc cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo vẫn còn chậm so với yêu cầu của thực tiễn, làm cản trở sự phát triển của kinh tế - xã hội. Những đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo cũng như nội hàm, giá trị, vai trò của nguyên tắc pháp quyền vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển, làm rõ và thực hiện nghiêm, như: (1) Thượng tôn pháp luật chưa phải khi nào, lúc nào cũng được ghi nhận là nguyên tắc và tư tưởng xuyên suốt trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước và xã hội. Vị trí tối thượng của Hiến pháp và vị trí của các đạo luật trong hệ thống pháp luật, trong điều chỉnh các quan hệ xã hội, trong quản trị, phát triển đất nước chưa thật rõ, quy định của luật còn chung chung, nguyên tắc, hiện tượng "luật khung" còn khá phổ biến. Tổ chức thực hiện pháp luật không nghiêm; văn hóa thượng tôn pháp luật chưa định hình rõ trong đời sống xã hội; (2) Chưa chế định thật rõ, đồng bộ và hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; (3) Chưa thiết lập đầy đủ, nhất quán, minh bạch quan

hệ giữa Nhà nước và cá nhân theo nguyên tắc: công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép; (4) Việc phân định vị trí, vai trò và xác lập rõ mối quan hệ giữa Nhà nước pháp quyền, thị trường, xã hội còn nhiều điểm chưa hợp lý, chưa phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện đại định hướng xã hội chủ nghĩa; (5) Chưa xây dựng được cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền, bảo đảm địa vị tối cao, bất khả xâm phạm của Hiến pháp; (6) Sự phân định giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân còn những nội dung chưa rõ; phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở các cấp còn nhiều điểm chưa được chế định rõ và phù hợp với nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền.

Trên bình diện quốc tế, toàn cầu hóa, cạnh tranh quốc tế ngày càng khốc liệt, cách mạng công nghiệp lần thứ tư (công nghiệp 4.0), sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng... đã và đang tạo ra phương thức và không gian tương tác mới giữa các cơ quan nhà nước với người dân, giữa các thiết chế trong hệ thống chính trị, tạo ra nhiều cơ hội và cả những thách thức đối với hoạt động quản trị quốc gia, xây dựng và tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong việc ghi nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Trước các đòi hỏi nêu trên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã đặt ra yêu cầu *phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.*

1. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện lý luận và hình thành hệ giá trị về nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo

(1) Tiếp tục làm rõ và quán triệt đầy đủ nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước; xác định rõ thượng tôn pháp luật là nguyên tắc Hiến định và là tư tưởng xuyên suốt trong tổ chức, hoạt động của Nhà nước và toàn xã hội.

(2) Tiếp tục nghiên cứu, phân định khoa học, rành mạch và rõ hơn các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhất là những vấn đề còn có khoảng trống hoặc chồng chéo trong thực hiện quyền lực nhà nước (như vị trí của thiết chế Chủ tịch nước, của hệ thống Viện Kiểm sát trong sự phân công giữa quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; mối quan hệ giữa Chính phủ và thiết chế Chủ tịch nước trong thực hiện quyền hành pháp; vấn đề quản trị toà án bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử, cơ chế bảo hiến...).

(3) *Xử lý tốt mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội trên nguyên tắc pháp quyền phù hợp với thông lệ, chuẩn mực phổ biến của thế giới đương đại;* ngăn chặn thị trường ngầm, không để cho cán bộ, công chức, viên chức của Nhà nước tham gia hoạt động trong và cho các "nhóm lợi ích", không để các cơ quan hành chính, cơ quan của Đảng tham gia hoạt động kinh doanh. Nhà nước phải tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng theo cơ chế thị trường; kiểm soát chặt chẽ và xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp cũng như những cơ chế, chính sách dẫn đến bất bình đẳng trong cạnh tranh. Pháp luật và cơ chế, chính sách phải tạo thuận lợi nhất cho

mọi người dân và doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh. Tài nguyên, nguồn lực của quốc gia phải được phân bổ tới những chủ thể có năng lực sử dụng mang lại hiệu quả cao nhất cho đất nước. Với vai trò như vậy thì Nhà nước cần "*phải giảm bớt chức năng trực tiếp kinh doanh, đồng thời phải tăng cường chức năng bảo đảm phúc lợi chung của Nhà nước.* Cần chuyển chi tiêu ngân sách cho mục tiêu phúc lợi xã hội nhiều hơn"[1].

Nhà nước phải làm tốt chức năng kiến tạo phát triển, thực hiện nguyên tắc việc gì thị trường, xã hội làm tốt thì để thị trường, xã hội làm, Nhà nước chỉ trực tiếp làm những việc mà xã hội, thị trường không làm được, làm không hiệu quả.

(4) *Tiếp tục phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy sức sáng tạo, vai trò tích cực của các tổ chức xã hội, các nghiệp đoàn,* đặc biệt trong việc xã hội hóa các dịch vụ công của Nhà nước, bảo đảm phân định rõ việc gì Nhà nước phải làm, việc gì thị trường, tổ chức xã hội đảm đương được thì giao cho tổ chức xã hội; tạo cơ chế để giải phóng các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp khỏi sự phụ thuộc (bảo trợ) của Nhà nước. Khắc phục triệt để tình trạng trùng lặp trong tổ chức và hoạt động giữa hệ thống cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác.

(5) *Xử lý hài hoà, khoa học mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ theo tinh thần thượng tôn pháp luật*

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà

---

1. GS. Nguyễn Quang Thái: *Trăn trở đổi mới (1986-2015),* Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, tr.31.

nước và hệ thống chính trị phù hợp với đặc thù của từng nhóm đối tượng chịu sự lãnh đạo, bảo đảm nguyên tắc kiểm soát quyền lực, nhất là đối với các cơ quan dân cử và cơ quan thực hiện quyền tư pháp; thực hiện nhất quán nguyên tắc mỗi cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị có một tổ chức đảng lãnh đạo trực tiếp, về cơ bản, bí thư cấp ủy đồng thời là người đứng đầu cơ quan, tổ chức tương ứng, khi một trong hai chức danh nêu trên không đáp ứng yêu cầu, tín nhiệm thì phải xem xét, bố trí lại chức danh kia; thực hiện nguyên tắc bí thư cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân tương ứng; giới thiệu đảng viên để nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã gắn với xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực thực sự hiệu quả.

Đổi mới nhận thức và hành động về mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, trong đó phải đặt người dân vào vị trí trung tâm trong mọi hoạt động của bộ máy nhà nước, toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước phải được tổ chức trên nền tảng "phục vụ nhân dân".

Thực hiện nhất quán, đồng bộ tinh thần Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật, quyền con người, quyền công dân được Nhà nước thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm; quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của pháp luật; quan hệ giữa Nhà nước và cá nhân được xác định theo nguyên tắc: công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép; những gì mà xã hội, thị trường làm tốt thì để xã hội, thị trường làm; Nhà nước tạo cơ chế, chính sách,

pháp luật cho thị trường, xã hội phát triển và chỉ trực tiếp làm những việc mà xã hội, thị trường không làm được, làm không hiệu quả.

(6) Sớm xây dựng và vận hành khoa học, hiệu quả cơ chế bảo vệ Hiến pháp, bảo đảm địa vị tối cao, bất khả xâm phạm của Hiến pháp, loại bỏ mọi hành vi trái với tinh thần và quy định của Hiến pháp, không phụ thuộc vào chủ thể của các hành vi này.

2. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm vị trí tối thượng của Hiến pháp và vị trí của các đạo luật trong hệ thống pháp luật

(1) Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật.

(2) Tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng pháp luật theo hướng có bước đột phá về đầu tư cho công tác phân tích, hoạch định chính sách và công tác xây dựng pháp luật. Đơn giản hóa, giảm bớt tầng nấc văn bản trong hệ thống pháp luật, thu gọn đầu mối cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(3) Khẳng định tính tối thượng của Hiến pháp và có cơ chế bảo đảm tính tối thượng của Hiến pháp một cách thực chất; Luật giữ vai trò quan trọng, chủ yếu trong điều chỉnh các quan hệ xã hội; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, quyền và nghĩa vụ của công dân, tổ chức và việc hạn chế quyền con người, quyền công dân phải do Luật quy định.

3. Tiếp tục đổi mới căn bản cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tổ chức thực hiện pháp luật

(1) Chuyển trọng tâm từ ưu tiên xây dựng hệ thống pháp luật sang đẩy mạnh tổ chức thực thi pháp luật. Thực hiện thường xuyên chế độ kiểm tra, thanh tra công vụ, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, có chế độ thưởng, phạt rõ ràng.

(2) Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tập trung xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp luật, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực; chú trọng đến những lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao như quản lý đất đai, khoáng sản, tín dụng ngân hàng, ngân sách nhà nước, đầu tư công, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp, chế độ công chức, công vụ. Nghiên cứu mô hình ủy ban quốc gia phòng, chống tham nhũng độc lập, thực quyền.

(3) Tăng cường, xiết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ, xử lý nghiêm minh, kịp thời những cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là những cá nhân có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước, kể cả người đã về hưu.

(4) Tăng cường quyền tiếp cận công lý và quyền tiếp cận hệ thống pháp luật của người dân. Có cơ chế để người dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin, đề cao trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

4. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, đổi mới hệ thống chính trị theo nguyên tắc pháp quyền

4.1. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong bộ máy nhà nước

(1) Đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội, tăng

cường tranh luận, phản biện, giám sát, đưa ra các quyết định dưới hình thức luật; hoạt động lập pháp của Quốc hội cần chuyển trọng tâm từ quy định quyền của các cơ quan trong bộ máy nhà nước sang xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan này; chuyển từ cơ chế "xin - cho", cấp phép sang ghi nhận, tôn trọng và bảo đảm quyền của tổ chức, cá nhân trong mối quan hệ với Nhà nước. Cải tiến mô hình, cách thức quản lý các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiếp tục làm rõ hơn địa vị pháp lý của đại biểu quốc hội, làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của đại biểu chuyên trách và đại biểu không chuyên trách. Tăng dần số đại biểu quốc hội hoạt động chuyên trách lên một tỷ lệ thích hợp hơn trong Quốc hội; giảm tối đa số đại biểu kiêm nhiệm là người công tác trong các cơ quan hành pháp, tư pháp.

(2) Tiếp tục nghiên cứu làm rõ hơn quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch nước để thực hiện đầy đủ chức năng nguyên thủ quốc gia; chế định rõ cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa Chủ tịch nước với các hệ thống cơ quan khác trong bộ máy nhà nước. Tham khảo, nghiên cứu mô hình thống nhất chức danh Tổng Bí thư và Chủ tịch nước nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trong điều kiện thực tế của nước ta.

(3) Tiếp tục kiện toàn tổ chức chính phủ theo hướng tinh gọn, hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động. Tập trung xây dựng Chính phủ liêm chính, kiến tạo, phát triển, hành động, phục vụ nhân dân. Tiếp tục củng cố, làm rõ và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Tổ chức lại các bộ và cơ cấu bên

trong các bộ. Đẩy mạnh phân cấp; phân định rõ trách nhiệm và mối quan hệ giữa chính quyền trung ương với chính quyền địa phương.

(4) Xác định cơ chế bảo đảm tính độc lập, khách quan trong xét xử của Tòa án. Chỉ duy nhất Tòa án có chức năng xét xử, thực hiện quyền tư pháp; tập trung xây dựng Tòa án nhân dân thực sự là cơ quan bảo vệ công lý. Tổ chức các toà án theo thẩm quyền xét xử không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, nghiên cứu đổi mới cơ chế quản trị toà án theo mô hình hội đồng tư pháp quốc gia theo hướng tách bạch giữa hoạt động tố tụng với các hoạt động quản lý hành chính, biên chế, tổ chức bộ máy, kinh phí và các điều kiện bảo đảm khác; tăng cường sự giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, nhân dân, báo chí đối với hoạt động tư pháp.

Tiếp tục đẩy mạnh Chiến lược cải cách tư pháp; xác định rõ hơn vị trí, chức năng của hệ thống Viện Kiểm sát trong bộ máy nhà nước, trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; nghiên cứu để tổ chức hoạt động kiểm sát, điều tra, thi hành án tương ứng với chức năng, nhiệm vụ, vừa có sự phân công, phối hợp, vừa kiểm soát lẫn nhau.

(5) Tiếp tục nghiên cứu việc sắp xếp, tổ chức các đơn vị hành chính và xây dựng tổ chức bộ máy phù hợp với các đơn vị hành chính đó; thực hiện chủ trương khuyến khích sáp nhập các đơn vị hành chính, bảo đảm cơ bản không tăng số lượng đơn vị hành chính ở địa phương. Nghiên cứu tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo hướng thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, tăng cường quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, không để chồng chéo, trùng lắp, bỏ trống chức năng, nhiệm vụ; không nhất thiết cấp trên có cơ quan nào thì cấp dưới có cơ quan đó và ngược lại. Nghiên cứu nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo

như bí thư kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân; sáp nhập các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân hoặc nhất thể hóa các cơ quan của hệ thống Đảng và chính quyền có nhiệm vụ tương đồng (như: thanh tra - kiểm tra, tổ chức - nội vụ, tinh giản các cơ quan trung gian); tổ chức lại Đảng đoàn và ban cán sự của các cơ quan trung ương và cấp tỉnh theo hướng sáp nhập, hợp nhất bảo đảm nguyên tắc lãnh đạo thông suốt, tinh gọn đầu mối, khắc phục sự chồng chéo trong chức năng, nhiệm vụ... Chú ý phân biệt rõ mô hình chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt.

4.2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước

Thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực thực sự khoa học, hợp lý (cơ chế kiểm soát bên trong của từng nhánh quyền lực và giữa các nhánh quyền lực với nhau; kiểm soát thông qua cơ chế bảo hiến; cơ chế kiểm soát bên ngoài bộ máy nhà nước thông qua mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ, thông qua mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội...). Trong đó, cần đặc biệt quan tâm nghiên cứu, đổi mới cơ chế kiểm tra, giám sát của Đảng đối với hoạt động của bộ máy nhà nước, Đảng "lãnh đạo và cầm quyền thông qua Nhà nước, bằng Nhà nước"[1].

Xây dựng mối quan hệ về sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Đảng đoàn Quốc hội, giữa cấp ủy đảng ở địa phương với Hội đồng nhân dân

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016), Sđd,* tr.181.

các cấp. Những vấn đề quan trọng của đất nước/địa phương trước khi Đảng quyết định chính thức, cần được xem xét, thảo luận kỹ tại Quốc hội/Hội đồng nhân dân. Sau đó Đảng mới quyết định. Đồng thời, Đảng lãnh đạo hành pháp, nhưng phải bảo đảm sự điều hành năng động, tích cực và quản lý khoa học, chặt chẽ của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp. Đảng lãnh đạo hoạt động tư pháp, nhưng phải bảo đảm sự độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án. Các phán quyết của Toà án phải công khai, công minh, công bằng, đúng pháp luật, được dư luận đồng tình.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, của nhân dân: (1) Làm rõ cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã hội và của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước thông qua các cơ sở pháp lý cụ thể; (2) *Nghiên cứu, xây dựng cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện đầy đủ, thực chất quyền giám sát đối với Đảng* như đã được quy định tại khoản 2 Điều 4 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013: "Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình".

4.3. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tăng thêm tính tự chủ, chủ động hơn trong hoạt động; khắc phục tình trạng "nhà nước hóa", "hành chính hóa" để gần dân, sát dân hơn. Tăng cường tương tác giữa các tổ chức chính trị - xã hội, người dân với cơ quan nhà nước. Mở rộng đối thoại với người dân và doanh nghiệp bằng nhiều

hình thức để Nhà nước, cán bộ, công chức gần dân hơn và chủ trương, chính sách, pháp luật sát với thực tiễn hơn.

5. Giáo dục hình thành ý thức, thói quen thượng tôn pháp luật trong hoạt động công vụ và đời sống xã hội

(1) Xây dựng quy chế pháp lý công chức, công vụ đối với những công chức thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; xây dựng quy chế đạo đức công vụ. Đề cao tính trách nhiệm và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức;

(2) Giáo dục *hình thành ý thức, thói quen* thượng tôn pháp luật trong đào tạo, giáo dục, phát triển nguồn nhân lực và trong cộng đồng để nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của người dân, ý thức được về quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình, từ đó tự nguyện chấp hành nghiêm túc pháp luật, hình thành niềm tin pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

KẾT LUẬN

Nguyên tắc pháp quyền là tinh thần thượng tôn pháp luật của Nhà nước, cơ quan nhà nước, các nhân viên nhà nước, của mọi tổ chức, cá nhân và của toàn xã hội; là một trong những tư tưởng chủ đạo trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền, trong quản lý và phát triển xã hội. Ở nước ta, trong tư tưởng Hồ Chí Minh và ngay từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (năm 1945) đến nay, tư tưởng xây dựng một nhà nước dân chủ, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; xây dựng nền dân chủ lập hiến; quản lý đất nước bằng pháp luật là những tư tưởng nhất quán, được hình thành, phát triển, ngày một hoàn thiện qua các thời kỳ khác nhau. Trong thời gian qua, việc thực hiện nguyên tắc pháp

quyền trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã đạt được những kết quả quan trọng, song cũng còn nhiều hạn chế, thách thức. Do vậy, trong thời gian tới, việc tiếp tục hoàn thiện lý luận, tăng cường chỉ đạo và nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn là yêu cầu cấp thiết. Những định hướng, giải pháp nêu trên sẽ góp phần hoàn thiện lý luận và thực hiện tốt nguyên tắc pháp quyền trên thực tiễn. Việc tiếp tục "thực hiện dân chủ, tuân thủ các *nguyên tắc pháp quyền*", như tư tưởng chỉ đạo của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhất định sẽ tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC KHI BÍ THƯ CẤP ỦY ĐỒNG THỜI LÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÙNG CẤP

PGS.TS. NGUYỄN MINH TUẤN*

I. TÍNH TẤT YẾU KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC KHI BÍ THƯ CẤP ỦY ĐỒNG THỜI LÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÙNG CẤP

1. Một số khái niệm

Quyền lực là "Quyền định đoạt mọi công việc quan trọng về mặt chính trị và sức mạnh để bảo đảm việc thực hiện quyền ấy"[1].

Quyền lực của tổ chức hoặc cá nhân được chế định trong luật, điều lệ và được cụ thể hóa trong quy chế làm việc của mỗi tổ chức. Mỗi tổ chức có chức năng, nhiệm vụ khác nhau và mỗi cán bộ có chức vụ khác nhau thì có quyền lực khác nhau và được quy định trong phạm vi quyền lực của mình (thường gọi là *thẩm quyền* hay *quyền hạn*).

---

* Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt phổ thông,* Nxb. Phương Đông, 2009, tr.744.

Cơ chế là: "Cách thức theo đó một quá trình thực hiện"[1] hay là cách thức, sắp xếp tổ chức để làm đường hướng, cơ sở theo đó mà thực hiện.

Kiểm soát là: "Xem xét để phát hiện, ngăn chặn những gì trái với quy định"[2].

Kiểm soát quyền lực là hệ thống những cơ chế, hoạt động xem xét, theo dõi, đánh giá, những biện pháp mà thông qua đó có thể ngăn ngừa, loại bỏ những nguy cơ, những việc làm sai trái của cơ quan, cán bộ, công chức trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực được giao, bảo đảm cho quyền lực được tổ chức và thực hiện đúng quy định.

Cơ chế kiểm soát quyền lực là phương thức, quy trình, quy định và các thiết chế có liên quan đến việc kiểm soát quyền lực, gắn kết chặt chẽ với nhau hợp thành một chỉnh thể, thông qua đó việc kiểm soát quyền lực được thực hiện, nhằm ngăn ngừa, loại bỏ những nguy cơ, những việc làm sai trái trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực, bảo đảm cho quyền lực được tổ chức và thực hiện theo đúng các quy định và có hiệu quả.

Cơ chế kiểm soát quyền lực được hình thành từ các thể chế, các thiết chế liên quan đến việc kiểm soát quyền lực, sự tương tác giữa các yếu tố của cơ chế nhằm đạt được những mục đích của việc kiểm soát. Trong cơ chế kiểm soát quyền lực có thể gồm nhiều tiểu cơ chế kiểm soát đối với từng bộ phận quyền lực.

Cơ chế kiểm soát quyền lực đối với bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp là hệ thống các

---

1, 2. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt phổ thông, Sđd,* tr.194, 465.

quy định, hình thức, phương thức và các thiết chế có liên quan đến việc kiểm soát quyền lực, thông qua đó việc kiểm soát quyền lực của bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp được thực hiện nhằm ngăn ngừa, loại bỏ những nguy cơ, những việc làm sai trái, bảo đảm cho quyền lực được thực hiện theo đúng các quy định và có hiệu quả.

Chủ thể kiểm soát quyền lực đối với bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp là các tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân.

Đối tượng kiểm soát quyền lực là bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Kiểm soát quyền lực - một tất yếu ở tất cả các thể chế chính trị

Ở bất kỳ chế độ chính trị nào, khi đã trao quyền lực thì đều phải có sự kiểm soát quyền lực.

Quyền lực chính trị được trao cho những tổ chức, cá nhân thực hiện, thực chất là sự ủy quyền. Về khách quan, các tổ chức, cá nhân được trao quyền thường rất dễ lộng quyền, lạm quyền, vì quyền lực có thể đem lại cho người được giao những lợi ích ngoài sự cống hiến. Quyền lực càng cao, càng nhiều, thì nguy cơ lộng quyền, lạm quyền càng lớn và tác hại của nó càng lớn. Trong sự lộng quyền, lạm quyền rất dễ hình thành sự câu kết giữa các tổ chức, cá nhân có chung ý đồ, trở thành "nhóm lợi ích". Sự lộng quyền, lạm quyền đến mức nghiêm trọng sẽ trở thành tha hóa quyền lực, tham nhũng, gây nhiễu loạn trật tự, gây trở ngại cho công việc... Vì thế, ở đâu có quyền lực chính trị, ở đó tất yếu, nhất thiết phải có cơ chế kiểm soát quyền lực.

Mục đích của kiểm soát quyền lực là để phòng ngừa, ngăn chặn sự lợi dụng chức vụ, quyền hạn để lộng quyền, lạm quyền; tránh để các tổ chức, cá nhân được trao quyền vi phạm pháp luật. Nói cách khác, kiểm soát quyền lực có tác dụng làm cho mọi tổ chức, cá nhân được trao quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước *không thể, không dám, không muốn* lợi dụng vị trí công tác để lộng quyền, lạm quyền, thu lợi bất chính.

Ở các nước tư bản phát triển, kiểm soát quyền lực thực hiện trong ba mô hình nhà nước xây dựng theo hướng nhà nước pháp quyền, đó là: (1) Nhà nước cộng hòa đại nghị; (2) Nhà nước cộng hoà tổng thống; và (3) Nhà nước quân chủ đại nghị. Ở cả ba mô hình nhà nước này đều xây dựng trên cơ sở thực hiện chế độ đa đảng đối lập, xã hội dân sự, chế độ tư hữu, tự do ngôn luận, tự do lập đảng và lập hội. Quyền lực nhà nước tổ chức theo tam quyền phân lập. Theo đó, *Lập pháp:* biểu hiện ý chí chung của quốc gia, thuộc về toàn thể nhân dân, được trao cho hội nghị đại biểu nhân dân - Quốc hội; *Hành pháp:* là việc thực hiện luật pháp đã được thiết lập - Chính phủ; *Tư pháp:* là để trừng trị tội phạm và giải quyết sự xung đột giữa các tổ chức và cá nhân theo pháp luật - Tòa án.

Đảng cầm quyền là đảng thông qua cơ cấu bầu cử cho các chính đảng hoặc đại diện của các chính đảng (mỗi nước có quy định khác nhau) giành được đủ số phiếu theo quy định của pháp luật có quyền lập chính phủ, nắm lấy cơ quan hành pháp cao nhất của đất nước. Người đứng đầu cơ quan hành pháp có thể là thủ tướng, hoặc tổng thống và hầu hết thủ tướng hoặc tổng thống đó đồng thời là chủ tịch đảng cầm quyền. Ở các địa phương, cấp tỉnh, huyện và tương đương thiết lập hệ thống hành chính, các công chức hành

chính được bổ nhiệm vào các cơ quan hành chính tương ứng theo quy định của pháp luật. Ở các cơ quan hành chính nhà nước nói trên, có nước quy định công chức của hệ thống hành chính không được là đảng viên các chính đảng. Nhưng cũng có nước không cấm công chức hành chính tham gia các chính đảng. Điểm chung là đảng cầm quyền phải là đảng nắm quyền hành pháp của đất nước, thông qua các đại diện của đảng trong chính phủ. Thường thì người đứng đầu chính phủ, được bầu là chủ tịch đảng cầm quyền, bằng cách đó, các chính đảng đã khẳng định mạnh mẽ vị thế của đảng cầm quyền.

Cùng với tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội có sự chi phối ở các mức độ khác nhau đến chính trị, đến nhà nước, nhưng *không "nằm trong" hệ thống chính trị, không hưởng lương và hầu như không có nguồn tài chính hỗ trợ nào từ ngân sách nhà nước* cho hoạt động của họ.

Tuy nhiên trên thực tế, không tồn tại nhà nước hoàn toàn phân lập quyền lực hoặc hoàn toàn không có sự phân lập nào. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có quan hệ chồng chéo, phức tạp và có sự mâu thuẫn, cạnh tranh nhất định, chứ không tách rời nhau. Mức độ và hình thức "phân lập" thể hiện khác nhau giữa các quốc gia. Ví dụ như, ở Hoa Kỳ, Tổng thống nắm giữ quyền hành pháp và độc lập với cơ quan lập pháp là lưỡng viện Quốc hội. Ở nước Đức, Tổng thống là chức vụ mang tính nghi thức, Quốc hội là cơ quan quyền lực tối cao, Chính phủ và Thủ tướng là cơ quan được ủy quyền hành pháp được Quốc hội bầu ra. Ở Pháp, Tổng thống là người nắm nhiều quyền hơn so với Tổng thống của nước Đức, chi phối mạnh mẽ Thủ tướng, Chính phủ và có quyền chọn Thủ tướng, nhưng Quốc hội có quyền bãi miễn Thủ tướng...

Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, quyền lực thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, không thực hiện chế độ tam quyền phân lập mà các cơ quan nhà nước thực hiện ý chí của nhân dân thông qua Hiến pháp, pháp luật - thể chế hóa đường lối của đảng cộng sản.

Ở Trung Quốc, ngoài Đảng Cộng sản có đến 8 đảng phái chính trị khác, nhưng đều ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền với phương châm *"chung sống lâu dài, giám sát lẫn nhau, chân thành với nhau, vinh nhục cùng nhau"*. Đảng Cộng sản cầm quyền, ngoài việc kiểm soát quyền lực qua hệ thống các cơ quan nhà nước, như Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (Nghị viện, Quốc hội), Viện Kiểm sát và Tòa án, Chính phủ, đã tự xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực trong nội bộ. Cơ chế kiểm soát quyền lực đối với tổ chức đảng, cá nhân đảng viên giữ chức vụ trong các cơ quan của hệ thống chính trị được thực hiện qua cơ chế phát huy vai trò của đại biểu đại hội Đảng, phát huy dân chủ trong Đảng; qua cơ chế giám sát quyền lực và nâng cao sức mạnh của Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Đảng do Đại hội bầu ra.

Ở Lào, phương thức Đảng cầm quyền chủ yếu thông qua chính quyền được xác lập qua nhất thể hóa các chức danh chính quyền và chức danh lãnh đạo đảng ở tất cả các cấp, theo đó hợp nhất hai chức danh bí thư cấp ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. Thực tiễn mô hình này đã tránh được những hạn chế song trùng bộ máy, sự chồng chéo trong vận hành. Theo quy định, quyền hạn của bí thư cấp ủy và

của tỉnh trưởng rất lớn[1]. Thực tế, quyền hạn rất lớn của bí thư và tỉnh trưởng được giao cho một người, nên việc kiểm soát quyền lực ở Lào đối với chức danh đó đang là vấn đề nổi lên, gặp nhiều khó khăn trong thực tế hiện nay.

Ở nước ta, thể chế chính trị nhất nguyên, bao gồm các chủ thể: Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, hoạt động từ khi giành được chính quyền, tháng 8-1945. Quyền lực chính trị được thể hiện ở từng chủ thể của hệ thống chính trị nhưng tập trung và chủ yếu nhất là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: "Nhà nước ta là **Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa** của nhân dân,

---

1. Theo Điều lệ của Đảng Nhân dân cách mạng Lào lần thứ X Chương IV Điều 23: "Bí thư và phó bí thư tỉnh ủy là người chỉ đạo và giải quyết công việc hằng ngày của ban thường vụ tỉnh ủy; lãnh đạo, theo dõi thúc đẩy tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, của ban chấp hành đảng ủy và ban thường vụ tỉnh ủy cấp mình; kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới trong tổ chức thực hiện Điều lệ của Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng đã ban hành; chuẩn bị và triệu tập hội nghị thường kỳ và bất thường của ban thường vụ cấp mình"...

Quyền hạn của tỉnh trưởng Lào cũng rất lớn. Pháp luật về Ủy ban nhân dân (bản bổ sung mới) Chương IV Điều 20 quy định: "Quyền và nhiệm vụ của tỉnh trưởng và đô trưởng là "giới thiệu ban thường vụ hội đồng nhân dân tỉnh xem xét chấp nhận sự bổ nhiệm, điều chuyển hoặc cách chức huyện trưởng, cấp trưởng thị xã, đô trưởng; bổ nhiệm, điều chuyển hoặc cách chức huyện trưởng, thị trưởng, đô trưởng sau khi ban thường vụ hội đồng nhân dân tỉnh đã chấp nhận; bổ nhiệm, điều chuyển hoặc cách chức phó huyện trưởng, phó thị trưởng, phó đô trưởng theo sự giới thiệu của huyện trưởng, thị trưởng, đô trưởng".

do nhân dân và vì nhân dân"[1]. Tại khoản 3 Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: "Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp". Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, các cơ quan nhà nước khác do Quốc hội lập ra, phải báo cáo cho Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội.

Trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, quyền lãnh đạo của Đảng được xác định rõ ràng và cụ thể. Đó là quyền trong các quyết sách chính trị, đề ra chủ trương, chính sách mọi mặt về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... mà Nhà nước phải cụ thể hóa thành luật pháp và tổ chức thực thi. Đặc biệt hơn các tổ chức đảng, như: cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn thống nhất nắm quyền lãnh đạo công tác cán bộ không chỉ cho Đảng mà cho cả Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong cả hệ thống chính trị.

Thực tế, trong sự tồn tại của các chế độ xã hội hiện nay, quyền lực và kiểm soát quyền lực luôn luôn là vấn đề trung tâm, bảo đảm sự cầm quyền của một giai cấp, một chính đảng, sự ổn định chính trị - xã hội... Cơ chế kiểm soát quyền lực là tất yếu khách quan đối với bất cứ tổ chức nào và bất cứ chức danh nào trong hệ thống chính trị. Nguyên tắc kiểm soát quyền lực được thực hiện theo hướng: (1) Tổ chức, cá nhân có quyền lực phải được kiểm soát quyền lực; (2) Tăng quyền lực thì trách nhiệm cũng tăng; (3) Lạm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.52.

dụng quyền lực phải bị truy cứu trách nhiệm và bị xử lý; (4) Cơ quan kiểm soát quyền lực phải hoàn thành trọng trách của mình.

3. Vấn đề kiểm soát quyền lực khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp

Từ năm 2002, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn đã đề cập đến "việc bố trí bí thư đảng ủy đồng thời làm chủ tịch hội đồng nhân dân hay chủ tịch ủy ban nhân dân tùy theo tình hình cụ thể ở từng nơi". Hội nghị Trung ương 6 khóa X ban hành Nghị quyết về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở đã đề ra chủ trương: "*từng bước nhất thể hóa chức danh cán bộ; tạo bước chuyển có tính đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở*... Thực hiện thí điểm chủ trương nhất thể hóa hai chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở"[1]. Hội nghị Trung ương 9 khoá X ban hành Kết luận về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020 đề ra nhiệm vụ "... *Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện thí điểm*... Đề án nhất thể hóa một số tổ chức và chức danh lãnh đạo Đảng, chính quyền ở cấp xã, huyện, tỉnh"[2].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.100-103.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.278-279.

Từ tháng 3-2009 ở nước ta đã "thực hiện thí điểm chủ trương mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã và địa phương không tổ chức hội đồng nhân dân". Tính đến tháng 10-2011, cả nước đã thực hiện chủ trương này ở 17 quận, huyện; 638 xã, phường, thị trấn, thuộc 10 tỉnh, thành phố, chiếm 5,7% tổng số xã, phường, thị trấn trong cả nước.

Sau 4 năm thực hiện, Hội nghị Trung ương 7 khóa XI đã có kết luận về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, trong đó có đánh giá kết quả, mặt được và chưa được trong việc bố trí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

II. CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC ĐỐI VỚI BÍ THƯ CẤP ỦY ĐỒNG THỜI LÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÙNG CẤP HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

1. Thực trạng kiểm soát quyền lực khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp

Sau 4 năm thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW ngày 6-3-2009 của Ban Tổ chức Trung ương, trong cả nước đã thí điểm mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở 638 xã, 17 quận, huyện (nơi không tổ chức hội đồng nhân dân). Sau khi tái lập hội đồng nhân dân ở các xã, phường, thị trấn và quận, huyện được thí điểm này, các địa phương đã có quyết định kết thúc thí điểm. Một số nơi còn duy trì cơ chế này, nhưng đã không quan tâm đến tổng kết, rút kinh nghiệm nữa.

Từ năm 2014, được Trung ương cho phép, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành Đề án 25-ĐA/TU về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế, theo đó, đã bố trí ở khoảng một nửa số xã, phường, thị trấn bí thư đảng ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. Có hai huyện đã thí điểm bí thư huyện ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân huyện.

Thực tế thí điểm ở một số địa phương trong thời gian 4 năm (2009-2013) và kinh nghiệm triển khai Đề án 25-ĐA/TU của Quảng Ninh hiện nay cho phép rút ra những đánh giá ban đầu về thực hiện quyền lực và kiểm soát quyền lực khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

1.1. Ưu điểm

Một là, tổ chức đảng nói riêng và hệ thống chính trị nói chung đã thống nhất cao hơn, triển khai kịp thời hơn các nhiệm vụ chính trị, thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lược bỏ được những hoạt động trung gian không cần thiết. Đạt được kết quả này là do bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp, chịu trách nhiệm cả về công tác đảng và quản lý nhà nước, đã ghép nối, thống nhất được một số công việc của tổ chức đảng và nhà nước trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của mình.

Hai là, tăng cường sự thống nhất trong Đảng và trong hệ thống chính trị, giảm bớt được các nguyên nhân dẫn tới mất đoàn kết trong tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở do sự phân định chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của bí thư, chủ tịch chưa thực sự rõ ràng...

Ba là, giảm được một phần tình trạng qua nhiều tầng nấc trong sự lãnh đạo, chỉ đạo. Cùng một đồng chí lãnh đạo, nên sự chỉ đạo trực tiếp và thống nhất hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp dưới thực hiện; giảm bớt hội họp.

Bốn là, giảm được biên chế cán bộ lãnh đạo, theo đó, giảm một số khâu trung gian; tổ chức trung gian, giúp việc tinh gọn, tiết kiệm hơn, đồng thời tạo sự gắn kết hơn giữa các cơ quan tham mưu của Đảng và các cơ quan quản lý của Nhà nước trong tác động đến các đối tượng quản lý cấp dưới.

1.2. Hạn chế

Một là, trong hoạt động thực tiễn, bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp khó phân biệt rõ ràng về trách nhiệm của bí thư và trách nhiệm của chủ tịch ủy ban nhân dân trong giải quyết các công việc cụ thể. Nhiều nơi, công việc quản lý nhà nước (của chủ tịch ủy ban nhân dân) chiếm hầu hết thời gian của bí thư, do vậy, công tác đảng không được quan tâm đúng mức, làm không hết, giao cho đồng chí phó bí thư chuyên trách thực hiện, hiệu lực và kết quả không cao; vô hình trung làm giảm vai trò của tổ chức đảng trong hệ thống chính trị.

Hai là, một số đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp không có nghiệp vụ về quản lý hành chính nhà nước, chưa kinh qua các chức vụ liên quan đến quản lý nhà nước, chưa được bồi dưỡng về các nội dung này..., nên thực sự lúng túng trong xử lý các nhiệm vụ chuyên môn của chủ tịch ủy ban nhân dân. Cá biệt, có đồng chí làm sai các quy định của pháp luật trong quản lý nhà nước.

Ba là, khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp, đồng chí phó bí thư cấp ủy đồng thời là chủ

tịch hội đồng nhân dân cùng cấp, tạo nên những khó khăn nhất định trong quan hệ công tác. Trong Đảng, bí thư có quyền và phân công công việc cho phó bí thư; trong hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân (do bí thư đảm nhiệm) chịu sự giám sát, phải báo cáo với hội đồng. Không giải quyết tốt mối quan hệ này dễ dẫn đến những mâu thuẫn không đáng có, trong thường trực cấp ủy và giữa cấp ủy với hội đồng nhân dân.

Bốn là, bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp có thể dẫn tới độc đoán, chuyên quyền của người lãnh đạo cao nhất ở địa phương. Khi cơ chế giám sát không đủ, không hiệu lực thực sự, sẽ xảy ra các hiện tượng độc đoán, chuyên quyền, nhất là ở cơ sở, gây nên những điểm nóng từ cơ sở.

2. Một số vấn đề đặt ra khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp

- *Đối với toàn Đảng,* một trong những vấn đề quan trọng đó là cơ chế kiểm soát quyền lực và các cơ chế bảo đảm dân chủ thực sự. Phương thức lãnh đạo của Đảng chủ yếu thông qua Nhà nước nên phải kiểm soát quyền lực ngoài các quy định của Đảng. Phải có các quy định bằng pháp luật; bằng cơ chế dân chủ, quyền tham chính của nhân dân; bằng công luận, sự công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình... Phải làm rõ thêm những việc nhân dân ủy quyền cho Nhà nước, những việc phải trưng cầu dân ý; phạm vi cho phép của luật đối với Chính phủ, các cơ quan nhà nước, các cá nhân...; chống lạm quyền bằng cơ chế giám sát, thực thi pháp luật...

- *Đối với trường hợp bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp,* vấn đề lớn nhất đặt ra hiện nay

là *cơ chế* kiểm soát quyền lực và *tính khả thi* của nó. Thực tế, không phải chỉ khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp thì mới tăng cường kiểm soát quyền lực đối với chức danh bí thư cấp ủy. Vấn đề kiểm soát quyền lực cho từng chức danh bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân đều được thực hiện thông qua thể chế chính trị, pháp lý; kiểm soát quyền lực của Đảng bằng các quy định của Đảng (đối với bí thư) và pháp luật của Nhà nước (đối với chủ tịch ủy ban nhân dân). Các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải ngày càng đầy đủ, đồng bộ; thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh vi phạm đối với bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

Từ thực tiễn, trong kiểm soát quyền lực khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp nổi lên các vấn đề sau:

Thứ nhất, bí thư cấp ủy có nhiều *quyền hạn, trách nhiệm* với tư cách là người đứng đầu trong tập thể cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và thường trực cấp ủy. Đảng lãnh đạo toàn diện, nên bí thư cấp ủy có quyền hạn rất lớn. Tuy vậy, quyền hạn của bí thư cấp ủy nhiều khi chưa rõ, chưa cụ thể. Nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nhưng trách nhiệm của tập thể với cá nhân bí thư nhiều khi không tách bạch được. Thực quyền của bí thư cấp ủy là rất lớn, nên trong một số trường hợp, người bí thư khi đã đề xuất thì không ai dám phản biện hay có ý kiến khác vì sợ bị trù úm, do "không ủng hộ" chủ trương của bí thư, thậm chí bị coi là "chống đối" bí thư.

Thứ hai, bí thư cấp ủy cũng bị kiểm soát bởi các *quy định* của Nhà nước. Nhưng thực tế nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật không rõ và *chưa*

có chế tài nào được xác lập khi tổ chức đảng có quyết định sai. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo quy định trách nhiệm của tập thể cấp ủy, nhưng chưa có quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của bí thư. Đây là nguyên nhân sâu xa nhất dễ dẫn đến việc tập thể bị lợi dụng để làm "bình phong" che chắn cho các quyết sách mang dấu ấn cá nhân của người lãnh đạo, "lợi ích nhóm" hay "tư duy nhiệm kỳ" của không ít bí thư cấp ủy hiện nay.

Thứ ba, bí thư cấp ủy chịu sự kiểm soát quyền lực của các *chủ thể* như: ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực, ủy ban kiểm tra cấp ủy cùng cấp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức đảng mình đang sinh hoạt và chi bộ tổ dân phố, khu phố... Mặc dù nhiều chủ thể kiểm tra, giám sát nhằm kiểm soát quyền lực của bí thư cấp ủy nhưng tính khả thi rất hạn chế.

Thứ tư, việc trao quyền thì dễ nhưng việc kiểm soát quyền lực thì rất khó. Quy chế làm việc của cấp ủy còn chung chung, khó xác định trách nhiệm cá nhân từng thành viên trong cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, nên khó kiểm điểm việc thực hiện và hầu hết các quy định đều khó có tính khả thi. Việc kiểm soát quyền lực đối với từng chức danh, trong đó có bí thư cấp ủy kém hiệu lực, hiệu quả. Nguy cơ độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức, đối phó ngày càng cao khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp, khi hai chức danh quan trọng nhất của địa phương được trao cho một người trong thể chế chính trị hiện nay. Vì thế, càng đòi hỏi phải có cơ chế kiểm soát quyền lực cụ thể, chặt chẽ.

Thứ năm, chức danh chủ tịch ủy ban nhân dân có cơ chế kiểm soát quyền lực theo những quy định của Nhà nước

hiện hành (như pháp luật, hội đồng nhân dân cùng cấp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội...). Như vậy, cần ban hành các văn bản pháp luật áp dụng cụ thể cho chủ tịch ủy ban nhân dân khi họ đồng thời là bí thư cấp ủy, đặc biệt là các quy định, chế tài của hội đồng nhân dân cùng cấp với tư cách là cơ quan bầu ra chủ tịch ủy ban nhân dân. Cho đến nay, các quy định, chế tài này vẫn chưa cụ thể và rất mờ nhạt.

III. ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC KHI BÍ THƯ CẤP ỦY ĐỒNG THỜI LÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÙNG CẤP

1. Ban hành đầy đủ, đồng bộ, hệ thống các quy định về trách nhiệm của tổ chức đảng và từng thành viên, của bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp

- Kiểm soát quyền lực bắt đầu từ quy chế, quy định vì quy chế, quy định bắt buộc mọi người phải tuân theo, không được làm khác, làm trái. Ngoài các quy định hiện hành của Đảng, cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, nghiên cứu ban hành cơ chế đặc thù khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. *Đây là giải pháp thiết thực, trực tiếp và trọng yếu nhất* để kiểm soát quyền lực của bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Hiện nay, quy chế làm việc của bí thư cấp ủy được đề cập trong quy chế chung của cấp ủy, ban hành từ đầu nhiệm kỳ. Theo đó, các chủ thể, như ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy và từng chức danh bí thư, phó bí thư,

ủy viên thường vụ đều đã được xác định cụ thể. Tuy nhiên, khi thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp thì mới bổ sung, chỉnh sửa một cách "cơ học" về phân công nhiệm vụ (tức là chuyển nhiệm vụ phó bí thư cấp ủy - chủ tịch ủy ban nhân dân trước đây thành nhiệm vụ của bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp). Những quy định hay yêu cầu về việc thực hiện các quy định đó còn chung chung, khó áp dụng, nên không giúp được nhiều cho tổ chức đảng xiết chặt được kỷ cương, kiểm soát được người có quyền lực nhất - bí thư cấp ủy. Thậm chí, ngay cả khi bàn đến quy chế làm việc, các thành viên còn không dám đề cập đến những vấn đề kiểm soát quyền lực của bí thư cấp ủy vì cả nể, ngại đấu tranh, phê bình. Đặc biệt, các quy định hiện hành cũng không có bất cứ chế tài cụ thể nào để xử lý các chủ thể, đặc biệt là bí thư cấp ủy khi không thực hiện đúng, thậm chí làm trái, làm sai các quy định.

- Khi xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy có tính đặc thù này, phải nêu rõ những việc, nội dung mà bí thư cấp ủy thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bắt buộc phải đưa ra bàn trong tập thể và *quyết định theo đa số;* những việc, nội dung mà chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện theo *chế độ thủ trưởng*, được quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đây là *vấn đề then chốt* vừa để phát huy trách nhiệm của người đứng đầu, vừa để thực hiện cơ chế "nhốt quyền lực trong lồng cơ chế".

Việc sửa đổi, hoàn thiện cơ chế làm việc của cấp ủy phải bảo đảm tính khoa học, sáng tạo, khả thi, nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu, tạo sự thống nhất, đoàn kết cao

trong mọi hoạt động, bảo đảm mọi công việc, thông tin thông suốt, đồng bộ. Quy chế làm việc rõ ràng, minh bạch dễ thực hiện, dễ theo dõi đánh giá, dễ kiểm điểm sẽ khắc phục được tình trạng thiếu thống nhất giữa chủ trương lãnh đạo và tổ chức thực hiện, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đùn đẩy trách nhiệm giữa bí thư cấp ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp trước đây.

Quy chế làm việc của cấp ủy trong trường hợp bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp có những quy định đặc thù nhưng không trái với pháp luật, không trái với các quy định của Đảng. Đó vẫn là quy chế làm việc của cấp ủy nhưng phải đổi mới, hướng vào việc bảo đảm tính khả thi của nhiệm vụ kiểm soát quyền lực của bí thư khi đứng đầu cả hai cơ quan đảng và cơ quan nhà nước ở địa phương.

Quy chế đó vừa phải chuyển giao một số nhiệm vụ, quyền hạn cho đồng chí phó bí thư thường trực cấp ủy và các ủy viên thường vụ cấp ủy để đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp có thời gian tập trung thực hiện tốt hơn những việc lớn, quan trọng của cấp ủy và ủy ban nhân dân.

Quy chế đó cũng phải xác định rõ các chế độ thông tin, báo cáo, giải trình và xử lý trách nhiệm nếu sai phạm đối với tập thể hay cá nhân người thực thi, nhất là bí thư cấp ủy.

2. Phát huy vai trò của tập thể lãnh đạo trong các tổ chức đảng mà bí thư cấp ủy là thành viên

2.1. Đối với cấp ủy

Khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân

cùng cấp, thẩm quyền của người đó quá lớn và quá nhiều. Ngoài phương thức kiểm soát quyền lực như trước, cấp ủy cần chú ý thêm một số vấn đề sau đây:

- Phát huy dân chủ trong cấp ủy, có *quy định bắt buộc về báo cáo, chất vấn, giải trình của bí thư; đánh giá bằng bỏ phiếu tín nhiệm về kết quả thực hiện những quyền hạn, nhiệm vụ được giao của bí thư* (quy định phải rất cụ thể về từng lĩnh vực).

- Thực hiện nghiêm, có hiệu quả Quy chế chất vấn trong Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 158-QĐ/TW ngày 12-5-2008 của Ban Chấp hành Trung ương.

- *Đổi mới hình thức thông qua nghị quyết cấp ủy.* Có quy định cụ thể những việc *phải bỏ phiếu kín,* kể cả chủ trương trên từng lĩnh vực, tránh tình trạng hiện nay, bỏ phiếu thông qua quá nhiều vấn đề, trong đó cả những vấn đề mà bản thân người bỏ phiếu không đồng ý nhưng không dám có ý kiến bảo lưu.

- Thực hiện lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm với chức danh bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp (mỗi năm một lần và khi cần thiết, nếu có trên 50% cấp ủy viên yêu cầu qua phiếu trưng cầu ý kiến).

2.2. Đối với ban thường vụ cấp ủy

- Thực sự phát huy trí tuệ của tập thể ban thường vụ cấp ủy trên cơ sở thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt ban thường vụ cấp ủy. Thể chế hóa, cụ thể hóa nguyên tắc này trong sinh hoạt ban thường vụ cấp ủy. *Cần có quy định cụ thể những việc phải bỏ phiếu kín,* kể cả chủ trương trên từng lĩnh vực đề cập trong nghị quyết.

Chú trọng *ý kiến bảo lưu* trong tất cả các quyết định của ban thường vụ cấp ủy, coi đó là chuyện bình thường trong Đảng. Đây là căn cứ để đánh giá, nhận xét từng thành viên trong ban thường vụ cấp ủy khi có sai phạm trong quyết định tập thể cả trước mắt và lâu dài.

- Phát huy dân chủ trong các quyết định của ban thường vụ cấp ủy. Ý kiến thuộc về thiểu số được bảo lưu thì phải báo cáo lên cấp trên giải quyết. *Khi quyết định của tập thể sai lầm thì các ủy viên thường vụ cấp ủy có ý kiến bảo lưu đúng không những không bị kỷ luật mà cần được tôn vinh.*

- *Phân công phó bí thư và các ủy viên thường vụ cấp ủy đảm nhiệm một số công việc mà lâu nay là của bí thư cấp ủy.* Điều này vừa giảm áp lực công việc đối với bí thư cấp ủy, vừa phát huy sức mạnh của tập thể ban thường vụ cấp ủy và cá nhân từng ủy viên ban thường vụ cấp ủy, nhất là phó bí thư thường trực. Cụ thể hóa nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; phương châm mỗi việc chỉ có một người chịu trách nhiệm chính, mỗi công đoạn của công việc cũng có một người chịu trách nhiệm chính.

2.3. Đối với thường trực cấp ủy

- Xem xét lại cơ chế ủy quyền của ban thường vụ cấp ủy cho thường trực cấp ủy trong trường hợp bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp theo hướng cụ thể, rõ việc. Tăng thẩm quyền cho phó bí thư thường trực cấp ủy và ủy viên ban thường vụ cấp ủy là các trưởng ban đảng trong công tác xây dựng Đảng.

- Khẳng định rõ ràng bằng văn bản tạo sự thống nhất trong toàn Đảng về "*thường trực cấp ủy không phải là cấp*

lãnh đạo; mà chỉ là tổ chức được ủy quyền thực thi nhiệm vụ do ban thường vụ cấp ủy hay cấp ủy giao".

Đối với những công việc được ủy quyền, nếu có vấn đề phức tạp hoặc khi xét thấy cần thiết thì thường trực cấp ủy xin ý kiến ban thường vụ cấp ủy trước khi quyết định. Tất nhiên trong phạm vi được ủy quyền, các ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ cấp ủy và các công việc được ban thường vụ cấp ủy ủy quyền, thường trực phải báo cáo ban thường vụ cấp ủy trong phiên họp gần nhất[1].

- Trong trường hợp bàn bạc, trao đổi thống nhất trong thường trực về vấn đề mà bí thư cấp ủy quyết định khác, thậm chí trái với quy định hiện hành, nhưng trong tình trạng khẩn cấp phải xử lý tức thời để bảo đảm giải quyết công việc thì việc trao đổi, thống nhất đó cũng *chỉ là tham khảo* để bí thư cấp ủy có thêm sự bàn bạc thấu đáo, rồi tự quyết định và chịu trách nhiệm. Việc báo cáo giải trình của thường trực cấp ủy sau đó với ban thường vụ cấp ủy sẽ làm rõ thêm việc xử lý tình huống bất thường rồi rút kinh nghiệm chung.

- Chế độ thông tin trong thường trực cấp ủy phải thực sự được coi trọng. Sự bàn bạc, góp ý của thành viên khác trong thường trực cấp ủy có ý nghĩa cực kỳ quan trọng cho bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. Chế độ thông tin cụ thể, rõ ràng, cập nhật cũng là để kiểm soát quyền lực lẫn nhau tốt nhất. Đây cũng là căn cứ để kiểm điểm, phê bình, chất vấn các thành viên trong thường trực cấp ủy khi có sai sót xảy ra.

---

1. Xem Quy định số 42-QĐ/TW ngày 03-10-2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy.

3. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên có thẩm quyền quản lý chức danh bí thư cấp ủy

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã yêu cầu: "Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi quyền lực của người có chức, có quyền, theo hướng quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó; phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm tập thể, cá nhân trong từng công đoạn giải quyết công việc và có chế tài xử lý nghiêm những hành vi vi phạm"[1].

Đảng lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ của cả hệ thống chính trị. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên trước hết bằng việc ban hành các cơ chế, chính sách và kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách. Những quyết định của cấp trên liên quan đến cơ chế kiểm soát quyền lực của bí thư cấp ủy liên quan đến việc sắp xếp tổ chức, kiện toàn bộ máy để thực hiện chức năng kiểm tra việc thực thi quyền lực và giám sát quyền lực.

Căn cứ Quy định số 42-QĐ/TW ngày 03-10-2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy, Ban Tổ chức Trung ương cần hướng dẫn thực hiện cho từng loại hình bố trí nhất thể hóa các chức danh khác nhau, trong đó có bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

Cấp trên quyết định về việc bố trí cán bộ có phẩm chất, năng lực, bản lĩnh làm bí thư cấp ủy, đồng thời là chủ tịch

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.40-41.

ủy ban nhân dân cùng cấp. Hằng năm, cấp trên đánh giá hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, công khai sự đánh giá cho cán bộ, đảng viên, nhân dân biết; đồng thời lấy chỉ số hài lòng của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong cơ quan, địa phương với bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

Cấp ủy phải tăng cường lãnh đạo hội đồng nhân dân kiểm tra, giám sát ủy ban nhân dân cùng cấp. Trước hết phải hoàn chỉnh luật, xác định rõ, cụ thể hơn quyền giám sát, bãi nhiệm của hội đồng nhân dân đối với chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. Chủ động khắc phục tình trạng độc đoán, chuyên quyền của người đứng đầu và hạn chế những tiêu cực có thể xảy ra.

Để bảo vệ những người dám bày tỏ chính kiến, tôn trọng các ý kiến bảo lưu có ý nghĩa thiết thực, cấp ủy tổ chức nghiên cứu *"các ý kiến thiểu số bảo lưu".* Giao ban tuyên giáo các cấp giúp cấp ủy nghiên cứu "*các ý kiến thiểu số bảo lưu",* gửi kiến nghị đến tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét. Làm tốt công việc này để tìm những nhân tố hợp lý, những gợi ý trong *"các ý kiến thiểu số bảo lưu";* bảo vệ những người trung thực, có ý kiến khác; góp phần ngăn chặn "lợi ích nhóm", "tư duy nhiệm kỳ" và tình trạng mất dân chủ ở không ít tổ chức đảng hiện nay.

4. Tăng thẩm quyền và hiệu lực của ủy ban kiểm tra cấp ủy cùng cấp

Cơ chế kiểm soát quyền lực và chế độ kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực thi quyền lực của người đứng đầu cấp ủy rất cần thiết để chủ động phòng ngừa các sai phạm có thể xảy ra và xử lý kỷ luật thích đáng đối với những trường hợp lạm dụng quyền lực, độc đoán, gia trưởng, tham nhũng.

Để phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra cùng cấp, nhất thiết phải đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của ủy ban kiểm tra. Nếu chỉ "tăng thẩm quyền cho ủy ban kiểm tra" (như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đề cập) mà không bảo đảm tính độc lập của ủy ban kiểm tra thì cũng không có nhiều ý nghĩa vì vấn đề mấu chốt là tính khả thi của việc thực thi thẩm quyền đó.

Để tăng tính độc lập và thẩm quyền cho ủy ban kiểm tra cần thiết đổi mới quy trình, cách thức bầu cử ủy ban kiểm tra và đổi mới căn bản cơ chế hoạt động để nâng cao vị thế của ủy ban kiểm tra. Thành phần ủy ban kiểm tra được mở rộng, trong đó hầu hết các thành viên không là cấp ủy viên cùng cấp. Nếu đại hội trực tiếp bầu ủy ban kiểm tra thì số lượng bầu phải nhiều hơn để dự phòng (các ủy viên dự khuyết) đủ để thay thế giữa 2 kỳ đại hội nếu cần thiết. Khi đó, ủy ban kiểm tra trở thành tổ chức độc lập, chỉ tuân theo Điều lệ Đảng và các thẩm quyền, trách nhiệm được đại hội quy định; không phụ thuộc vào cấp ủy và do đó, bí thư cấp ủy không chi phối được hoạt động của ủy ban kiểm tra và ủy ban kiểm tra sẽ giám sát quyền lực của bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp một cách trung thực, khách quan. Tất nhiên sẽ phải có cơ chế kiểm soát trở lại với ủy ban kiểm tra, xác lập vai trò của cấp ủy, bí thư cấp ủy trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, phục vụ cho công tác xây dựng Đảng của đảng bộ và trong trường hợp ủy ban kiểm tra không thực hiện đúng Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng.

Tăng trách nhiệm, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra các cấp trong hoạt động phòng, chống tham nhũng, nhất là trong

việc độc lập, chủ động kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đoàn thể các cấp và cán bộ diện cấp ủy cấp mình quản lý. Thu hẹp đối tượng phải kê khai tài sản và mở rộng phạm vi công khai tài sản, có thể thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đảng, nhà nước có thẩm quyền về tài sản của một số cán bộ do bầu cử (kể cả trước, trong và sau khi giữ vị trí lãnh đạo) đối với một số chức vụ quan trọng, cần thiết, theo luật định. Có cơ chế lấy thông tin rộng rãi từ nhân dân về tình trạng thiếu trung thực trong kê khai tài sản của cán bộ để kiểm tra, xác minh, xử lý.

Ban hành các quy định, quy chế nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc kiểm soát quyền lực, trước hết là *quy định về những điều bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp được làm và không được làm* (ngoài quy định chung về những điều đảng viên không được làm). Đó là các quy định về phong cách làm việc, đi công tác, dự hội nghị, khánh thành, khai trương, phát biểu, viết bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, phòng ngừa tham nhũng, vụ lợi, phô trương, hình thức... Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện các quy chế phối hợp giữa các tổ chức và cơ quan có liên quan, nhất là thanh tra nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, chú trọng đến đối tượng kiểm tra, giám sát là bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

Khi các vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của ủy ban kiểm tra thì phải báo cáo đồng thời cấp ủy cùng cấp và ủy ban kiểm tra cấp trên để xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

Nghiên cứu cơ cấu tổ chức để *cơ quan thanh tra nhà nước ở Trung ương hoạt động độc lập tương đối với Chính phủ.* Nên chuyển cơ quan này về trực thuộc Quốc hội, không trực thuộc Chính phủ như hiện nay và bố trí Phó Chủ tịch Quốc hội làm Chánh Thanh tra nhà nước. Ở các địa phương *hợp nhất thanh tra nhà nước với ủy ban kiểm tra cấp ủy cùng cấp* với hình thức *"một nhà, hai cửa".* Cấp ủy ban hành các quy chế hoạt động, quy định rõ quyền chỉ đạo của thường vụ cấp ủy và vai trò của hội đồng nhân dân cùng cấp trong hoạt động thanh tra.

5. Tăng cường vai trò cơ quan quyền lực nhà nước (hội đồng nhân dân); vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ chế, chế tài của hội đồng nhân dân, nhất là cơ chế giám sát và cơ chế *bỏ phiếu tín nhiệm* đã kịp thời xử lý, thay thế vị trí chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp một khi *không thực hiện* đúng chức năng, nhiệm vụ và các nghị quyết, kết luận của hội đồng nhân dân cùng cấp.

Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, không có các đảng phái đối lập phản biện chính sách, rất cần đến ý kiến phản biện thực sự của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đây cũng là một kênh quan trọng để kiểm soát quyền lực của bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. Cần sớm hoàn thiện các quy chế, quy định pháp lý bảo đảm cho việc thực hiện giám sát và phản biện xã hội

của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

Để giám sát hoạt động của bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp đạt kết quả, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân phải khẳng định được vị thế là một chủ thể giám sát độc lập. Do đó, Đảng và Nhà nước cần có chính sách, pháp luật tạo cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực sự có được vị trí độc lập trong thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện. Có thể đổi mới cơ chế bầu cử, có tranh cử vị trí chủ tịch Mặt trận Tổ quốc trực tiếp tại Hội nghị hiệp thương để chọn được thủ lĩnh có uy tín, có đủ bản lĩnh chủ trì phản biện có hiệu lực, hiệu quả chính sách (rất quan trọng trong điều kiện chỉ có một đảng duy nhất cầm quyền). Nghiên cứu để thực hiện một cách phổ biến trưởng ban dân vận cấp ủy đồng thời là chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, sáp nhập các cơ quan đó với nhau, theo hình thức "một nhà, hai cửa".

Hằng năm, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cần chủ động lựa chọn những nội dung, vấn đề bức xúc liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên và nhân dân để xây dựng kế hoạch triển khai công tác giám sát và phản biện xã hội, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc kiểm soát quyền lực của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền thông qua việc lựa chọn phương pháp giám sát, phản biện phù hợp. Phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân với cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, bảo đảm để thực hiện tốt chức năng giám sát

và phản biện xã hội, đặc biệt là giám sát, *đánh giá* người đứng đầu cấp ủy đồng thời đứng đầu ủy ban nhân dân cùng cấp theo đúng các quy định, hướng dẫn đạt chất lượng, hiệu quả hơn.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Sớm triển khai mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp nhất là bí thư cấp ủy đã từng là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. Triển khai *phổ biến* mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp *đồng thời với việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực* theo những kiến nghị về giải pháp nêu trên.

Xây dựng và ban hành quy định đánh giá của cấp ủy cấp trên quản lý cán bộ, chủ yếu về đánh giá kết quả, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị hằng năm, từng nhiệm kỳ gắn với trách nhiệm của bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp. Chú trọng lấy ý kiến cán bộ, đảng viên, nhân dân dưới các hình thức phù hợp về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo của bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Xây dựng và ban hành hướng dẫn xây dựng *Quy chế hoạt động* của các cấp ủy đảng đối với mô hình bí thư cấp ủy các cấp đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp để các cấp ủy vận dụng.

3. *Triển khai đồng bộ kiểm soát quyền lực* bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp từ nhiều chủ thể và bằng nhiều cách, trước hết là các cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ kiểm soát quyền lực của bí thư

cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp là: cấp ủy cấp trên; ủy ban kiểm tra cấp trên; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra cùng cấp; hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, thanh tra cùng cấp; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp.

4. Thực hiện đại hội đảng bộ *bầu trực tiếp ủy ban kiểm tra* cùng cấp. Ủy ban kiểm tra cấp trên chuẩn bị, đề xuất *giới thiệu nhân sự chủ nhiệm* ủy ban kiểm tra cấp dưới. Ủy ban kiểm tra *độc lập xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch* kiểm tra. Đây là *giải pháp hữu hiệu nhất* để ngăn chặn, xử lý bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp sai phạm.

5. Thí điểm *bầu cử có tranh cử vị trí chủ tịch Mặt trận Tổ quốc trực tiếp*. Đây là điều kiện khách quan để chủ tịch Mặt trận Tổ quốc đủ trí tuệ và bản lĩnh chủ trì phản biện xã hội trong điều kiện chỉ có một đảng duy nhất cầm quyền.

6. Quy định *Thanh tra nhà nước ở Trung ương trực thuộc Quốc hội; nhất thể hóa cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy và thanh tra nhà nước ở địa phương theo mô hình "một nhà, hai cửa"*; ban hành các quy định về việc sử dụng kết quả chung để phục vụ tốt hơn cho công tác kiểm tra đảng và thanh tra nhà nước.

7. *Ban hành quy định "Đảng chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình"*. Theo đó, các hoạt động của cấp ủy và bí thư cấp ủy được kiểm soát bằng pháp luật.

8. Giao ban tuyên giáo các cấp giúp cấp ủy nghiên cứu "*các ý kiến thiểu số bảo lưu*", đề xuất tiếp thu các nội dung

hợp lý, phê phán các nội dung bảo thủ, sai trái một cách cố ý... để trả lời cho người có ý kiến bảo lưu.

9. Ban hành *Quy định về cải tiến phong cách làm việc* của các tổ chức đảng (Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ, thường trực cấp ủy các cấp; coi đây là hành động thực chất trong việc làm gương, nêu gương của cán bộ lãnh đạo các cấp hiện nay.

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 5

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC 9

- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết liên quan trực tiếp đến đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước hiện nay 11

  PGS.TS. Nguyễn Văn Thạo

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước 25

  GS.TS. Dương Xuân Ngọc

- Nhận thức, quan điểm về phương thức lãnh đạo của Đảng và kết quả thực hiện qua hơn 30 năm đổi mới 60

  PGS.TS. Nguyễn Viết Thông

- Nhận thức, quan điểm về phương thức quản lý của Nhà nước và kết quả thực hiện qua hơn 30 năm đổi mới 70

  PGS.TS. Nguyễn Viết Thông

- Về phương thức cầm quyền của Đảng 83

  GS.TS. Vũ Văn Hiền

- Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng 90

  TS. Vũ Ngọc Hoàng

- Một số vấn đề cơ bản về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước 99

PGS.TS. Nguyễn Văn Vĩnh

- Một số vấn đề về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị 127

PGS.TS. Trần Quốc Toản

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo về kinh tế của Đảng 154

TS. Lê Minh Nghĩa

- Mấy suy nghĩ về thay đổi tư duy - Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý 177

GS.TS. Lưu Văn Sùng

Phần thứ hai

KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC 183

- Cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, những gợi mở với Việt Nam 185

GS.TS. Đỗ Tiến Sâm

ThS. Trần Thị Ánh Tuyết

- Thực tiễn đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong bối cảnh mới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam 208

TS. Nguyễn Mạnh Hùng

- Về phương thức lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và một số gợi mở đối với Việt Nam 230

TS. Nguyễn Mạnh Hùng

- Đảng Nhân dân Hành động cầm quyền và quản lý nhà nước ở Xingapo từ năm 1965 đến nay - Bài học tham khảo đối với Việt Nam 245

PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Nhàn

- Kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng cầm quyền, quản lý của Nhà nước ở Hàn Quốc từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX đến nay 273

Nguyễn Thị Thắm

Phần thứ ba

THỰC TIỄN ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM 287

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị qua hơn 30 năm đổi mới 289

PGS.TS. Đinh Xuân Thảo

- Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay 307

PGS.TS. Phạm Minh Tuấn

- Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng qua hơn 30 năm đổi mới và những vấn đề đặt ra 336

Cao Văn Thống

- Phát triển nhận thức lý luận kinh tế của Đảng trong hơn 30 năm đổi mới và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu hiện nay 364

PGS.TS. Nguyễn Văn Thạo

- Nhận thức, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn qua hơn 30 năm đổi mới 387

Nguyễn Văn Tiến

- Đổi mới nhận thức, quan điểm của Đảng đối với hội nhập kinh tế quốc tế sau hơn 30 năm đổi mới 409

PGS.TSKH. Trần Nguyễn Tuyên

- Đổi mới nhận thức, quan điểm của Đảng đối với phát triển khoa học và công nghệ qua hơn 30 năm đổi mới, đề xuất những quan điểm, định hướng và giải pháp mới đến năm 2020 và cho giai đoạn 2021-2030 433

TS. Phan Tùng Mậu

- Quốc gia khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp 444
Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương
- Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 467
Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương
- Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân 489
Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương
- Tích tụ, tập trung ruộng đất phục vụ phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao 510
Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương
- Đổi mới nhận thức, quan điểm của Đảng về lĩnh vực đối ngoại qua hơn 30 năm đổi mới 529
TS. Nguyễn Tuấn Phong
- Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả 548
Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương
- Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp của Đảng 568
ThS. Lê Đức Thắng
- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước qua thực tiễn hơn 30 năm đổi mới của Đảng bộ, chính quyền thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh 582
Thân Thị Thư
- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước qua thực tiễn hơn 30 năm đổi mới của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Ninh 600
Đỗ Thị Hoàng

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước qua thực tiễn hơn 30 năm đổi mới của Đảng bộ, chính quyền thành phố Cần Thơ 633

Thành ủy Cần Thơ

Phần thứ tư

ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC 645

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo Nghị quyết Đại hội XII Đảng Cộng sản Việt Nam 647

GS.TS. Lê Hữu Nghĩa

- Làm gì để đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác tư tưởng, lý luận của Đảng? 658

Hà Đăng

- Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với giáo dục và đào tạo 667

TS. Nguyễn Đắc Hưng

- Vấn đề xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam 686

Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương

- Nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo 735

TS. Uông Chu Lưu

- Cơ chế kiểm soát quyền lực khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp 761

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

- **VỮNG TIN VÀO SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, KHÓ KHĂN NÀO CŨNG VƯỢT QUA**

LÊ HỒNG ANH

- **NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG, PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (Gồm 2 tập)**

GS.TS. NGND. LÊ HỮU NGHĨA

- **CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA VIỆT NAM**

ISBN 978-604-57-4077-4
9 786045 740774
8935279105939

SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG